

THÁNH ĐIỂN PĀLI
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Dịch giả
Trưởng Lão Thiền Sư PHÁP MINH

Chú giải

*Kinh
Pháp
Cú*

Quyển 4

DHAMMAPĀDATTHAKATHĀ

LỜI PHI LỘ

*Pháp hành tuy ít mà hay
Ví như nắm lá trong tay Phật Đà!
Pháp học như lá rừng già,
Tuy cần, nhưng chỉ để mà thuyết suông!*

Hành giả phải có kinh nghiệm, tin chắc nơi Chánh Pháp mà mình đã chọn, không còn tìm cầu kiến thức gì nữa cả, từ bên ngoài. Bực sơ cơ nên noi gương các bậc tiên tiến, làm đủ các phận sự phải làm, và giữ tâm bình thản như đứa bé thơ. Dò theo dấu chân Phật, nhất định sẽ gặp Phật, ở Niết Bàn nội tâm của chính mình.

Cốc Bình Thủy 03/11/ Đinh Mão

(21.01.1988)

Trưởng Lão Thiền Sư Pháp Minh



MỤC LỤC

XX. PHẨM CHÁNH ĐẠO.....	1
(MAGGA VAGGA).....	1
XX.1- NĂM TRĂM TỶ KHUÛU LUẬN ĐẠO	1
XX.2- NĂM TRĂM TỶ KHUÛU QUÁN VÔ THƯỜNG	9
XX.3- QUÁN KHỔ NÃO.....	12
XX.4- QUÁN PHI NGÃ.....	14
XX.5- ĐẠI ĐỨC TISSA NÔN TU.....	16
XX.6- NGẠ QUỶ HEO	20
XX.7- ĐẠI ĐỨC POTHILA	26
XX.8- CÁC ĐẠI ĐỨC GIÀ.....	30
XX.9- ĐỆ TỬ ĐẠI ĐỨC SĀRIPUTTA	35
XX.10- ĐẠI PHÚ THƯƠNG.....	40
XX.11- NÀNG KISĀ GOTAMĪ.....	44
XX.12- NÀNG PATĀCĀRĀ.....	47
XXI. PHẨM TẬP LỤC.....	51
(PAKINĀKA VAGGA).....	51
XXI.1- HẠNH NGHIỆP CỦA ĐỨC PHẬT.....	51
XXI.2- THIẾU NỮ ĂN TRỨNG GÀ.....	58
XXI.3- CHUYỆN TỶ KHUÛU XỨ BHADDIYA	61
XXI.4- TRƯỞNG LÃO LAKUṆṬAKA BHADDIYA.....	65
XXI.5- CON TRAI ÔNG DĀRUSĀKATĪKA	70
XXI.6- TỶ KHUÛU VAJĪPUTTA.....	80
XXI.7- TRƯỞNG GIẢ CITTA.....	84
XXI.8- NÀNG CŪLASUBHADDĀ.....	87
XXI.9- TRƯỞNG LÃO EKAVIHĀRĪ	92
XXII. PHẨM KHỔ CẢNH.....	95
(NIRAYA VAGGA)	95
XXII.1- NỮ NGOẠI GIÁO SUNDARĪ	95
XXII.2- CHUYỆN KHỔ NHÂN	99
XXII.3- Tích CHƯ TỶ KHUÛU TRÚ GÀN SÔNG VAGGUMUDĀ.....	102
XXII.4- THANH NIÊN KHEMAKA	105
XXII.5- TỶ KHUÛU ĐA NGÔN.....	109
XXII.6- CHUYỆN NỮ NHÂN HỒN GHEN	114
XXII.7- CHUYỆN TẶNG KHÁCH	117
XXII.8- CHUYỆN NIGANTHA	120

XXII.9- MÔN ĐỒ NGOẠI GIÁO	124
XXIII. PHẨM VOI	128
(NĀGA VAGGA)	128
XXIII.1- CHUYỆN BẬC ĐẠO SƯ	128
XXIII.2- CHUYỆN MỘT TĂNG SĨ	134
XXIII.3- BÀ LA MÔN LÃO NIÊN	137
XXIII.4- QUỐC VƯƠNG PASENADIKOSALA	143
XXIII.5- SA DI SĀNU	146
XXIII.6- THỐT TƯỢNG PĀVERAKA	152
XXIII.7- CHUYỆN CHƯ TỶ KHUÙ	155
XXIII.8- CHUYỆN MA VƯƠNG	162
XXIV. PHẨM ÁI DỤC	168
(TANHĀ VAGGA)	168
XXIV.1- TÍCH CON CÁ KAPILA	168
XXIV.2- CHUYỆN CON HEO NÁI	179
XXIV.3- CHUYỆN VỊ TỶ KHUÙ HOÀN TỤC	190
XXIV.4- CHUYỆN KHÁM ĐƯỜNG	194
XXIV.5- HOÀNG HẬU KHEMĀ	199
XXIV.6- CÔNG TỬ UGGASENA	203
XXIV.7- HIỀN TRÍ CŪḶADHANUGGAHA	210
XXIV.8- CHUYỆN MA VƯƠNG	215
XXIV.9- DU SĨ UPAKA	220
XXIV.10- ĐỨC THIÊN VƯƠNG ĐẾ THÍCH	223
XXIV.11- VỊ TRƯỞNG GIẢ KHÔNG CON	227
XXIV.12- THIÊN TỬ AÑKURA	231
XXV. PHẨM TỶ KHUÙ	237
(BHIKKHU VAGGA)	237
XXV.1- NĂM VỊ TỶ KHUÙ	237
XXV.2- VỊ TỶ KHUÙ GIẾT HẠC	243
XXV.3- TỶ KHUÙ KOKĀLIKA	248
XXV.4- TRƯỞNG LÃO DHAMMĀRĀMA	252
XXV.5- HAI VỊ TỶ KHUÙ NGHỊCH GẶP NHAU	256
XXV.6- BÀ LA MÔN PAÑCAGGADĀYAKA	261
XXV.7- NHIỀU VỊ TỶ KHUÙ	265
XXV.8- CHUYỆN 500 VỊ TỶ KHUÙ	282
XXV.9- TRƯỞNG LÃO SANTAKĀYA	285
XXV.10- TRƯỞNG LÃO NAṄGALAKŪṬA	288
XXV.11- TRƯỞNG LÃO VAKKALI	293

XXV.12- SADI SUMANA	297
XXVI. PHẬM BÀ LA MÔN	310
(BRĀHMAᅇA VAGGA)	310
XXVI.1- VỊ BÀ LA MÔN NHIỀU ĐỨC TIN	310
XXVI.2- NHIỀU VỊ TỶ KHUƯ	313
XXVI.3- CHUYỆN MA VƯỜNG	316
XXVI.4- MỘT VỊ BÀ LA MÔN	319
XXVI.5- TRƯỜNG LĂO ĀNANDA	322
XXVI.6- CHUYỆN MỘT NGƯỜI XUẤT GIA	325
XXVI.7- TRƯỜNG LĂO SĀRIPUTTA	328
XXVI.8- TRƯỜNG LĂO NI MAHĀ PAJĀPATIGOTAMĪ	333
XXVI.9- CHUYỆN TRƯỜNG LĂO SĀRIPUTTA	336
XXVI.10- CHUYỆN BÀ LA MÔN JĀᅇLA	339
XXVI.11- BÀ LA MÔN KUHAKA	342
XXVI.12- NÀNG KISĀGOTAMĪ	346
XXVI.13- CHUYỆN VỊ BÀ LA MÔN	349
XXVI.14- NGÀI UGGASENA	352
XXVI.15- CHUYỆN HAI VỊ BÀ LA MÔN	355
XXVI.16- BÀ LA MÔN AKKOSAKA BHĀRADVĀJA	358
XXVI.17- TRƯỜNG LĂO SĀRIPUTTA	361
XXVI.18- TRƯỜNG LĂO NI UPPALAVANĀ	364
XXVI.19- CHUYỆN MỘT VỊ BÀ LA MÔN	367
XXVI.20- TRƯỜNG LĂO NI KHEMĀ	370
XXVI.21- TRƯỜNG LĂO TISSA NGƯ TRONG NÚI	373
XXVI.22- CHUYỆN NHIỀU VỊ TỶ KHUƯ	378
XXVI.23- CÁC SADI	381
XXVI.24- TRƯỜNG LĂO MAHĀPAᅇTHAKA	386
XXVI.25- TRƯỜNG LĂO PILIᅇAVACCHA	389
XXVI.26- CHUYỆN MỘT VỊ TỶ KHUƯ	392
XXVI.27- TRƯỜNG LĂO SĀRIPUTTA	395
XXVI.28- TRƯỜNG LĂO MOGGALLĀNA	398
XXVI.29- TRƯỜNG LĂO REVATA	400
XXVI.30- TRƯỜNG LĂO CANDĀBHA	403
XXVI.31. TRƯỜNG LĂO SĪVALI	409
XXVI.32- TRƯỜNG LĂO SUDARASAMUDDA	412
XXVI.33- TRƯỜNG LĂO JOTIKA	418
XXVI.34- CHUYỆN TRƯỜNG LĂO JĀᅇILA	431
XXVI.35- CHUYỆN VỊ TỶ KHUƯ KHIÊU VŨ (THỨ NHẤT)	439

XXVI.36- CHUYỆN VỊ TỶ KHUÛ KHIÊU VŨ (THỨ HAI)	442
XXVI.37- TRƯỞNG LÃO VAṄĠSA	444
XXVI.38- TRƯỞNG LÃO NI DHAMMADINNĀ.....	449
XXVI.39- TRƯỞNG LÃO ANGULIMĀLA	453
XXVI.40- BÀ LA MÔN DEVAHITA.....	456

XX. PHÂM CHÁNH ĐẠO

(MAGGA VAGGA)

- 15 bài kệ: Pháp cú 273-288

- 12 tích truyện



XX.1- NĂM TRĂM TỶ KHUÛ LUẬN ĐẠO

(Pañcatabhikkhu)



KÊ NGÔN: (Pháp Cú câu 273-276)

273. “Maggān’etthaṅgiko seṭṭho
Saccānaṃ caturō padā
Virāgo seṭṭho dhammānaṃ
Dipadānañ ca cakkhumā”.

“Bát chánh đường thù thắng
Bốn đế lý thù thắng
Ly dục pháp thù thắng
Giác nhân người thù thắng”.

274. “Eso’va maggo natthañño
Dassanassa visuddhiyā,
Etamhi tumhe paṭipajjatha
Mārass’etaṃ pamohanaṃ”.

“Chỉ đường này độc nhất
Khiến tri kiến thanh tịnh
Nếu người theo đường này
Ma quân sẽ mê loạn”.

275. “Etaṃ hi tumhe paṭipannā
Dukkhasantaṃ karissatha,
Akkhāto ve mayā maggo
Aññāya sallasanthaṃ”.

“Nếu người theo đường này
Đau khổ được diệt trừ
Hiểu được diệt gai chướng
Ta dạy người con đường”.

276. “Tumhehi kiccaṃ ātappaṃ
Akkhātāro tathāgatā,
Paṭipannā pamokkhanti
Jhāyino māra bandhanā”.

“Người hãy tự nỗ lực
Như Lai chỉ thuyết dạy
Người thiền định tu đạo
Thoát khỏi lưới ma quân”.

Pháp cú này Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến năm trăm vị Tỷ khưu.

Tương truyền rằng: Sau khi Đức Bốn Sư đi vân du khắp xứ rồi trở về thành Sāvattihī, chư Tỷ khưu ngồi trong Hội trường đàm luận về đường xá, nói rằng: “Con đường từ làng nọ sang làng kia bằng phẳng, con đường qua làng khác thì không bằng phẳng, con đường này có sạn sỏi, con đường kia không sạn sỏi...”. Bằng cách ấy, chư Tăng nhắc lại lộ trình mình đã trải qua. Đức Thế Tôn quán thấy duyên lành A La Hán của chư Tỷ khưu, bèn ngự đến giảng đường, ngồi lên chỗ ngồi đã soạn sẵn và hỏi:

- Nay các Tỷ khưu! Hôm nay các thầy nhóm họp thảo luận về chuyện gì đây?

- Bạch Ngài! Chuyện như thế, như thế...

Nghe vậy, Đức Bốn Sư phán dạy rằng:

- Nay các Tỳ khuru, đó là con đường bên ngoài (ngoại đạo), một Tỳ khuru chính danh cần phải công tác trên con đường Thánh. Có làm như thế, thầy mới được giải thoát mọi đau khổ.

Nói rồi, Ngài thuyết lên các kệ ngôn rằng:

273. “Maggān’ eṭṭhaṅgiko seṭṭho
Saccānaṃ caturo padā
Virāgo seṭṭho dhammānaṃ
Dipadānañ ca cakkhumā”.

“Bát chánh đường thù thắng
Bốn đế lý thù thắng
Ly dục pháp thù thắng
Giác nhân người thù thắng”.

274. “Eso’ va maggo natthañño
Dassanassa visuddhiyā,
Etaṃhi tumhe paṭipajjatha
Mārass’ etaṃ pamohanaṃ”.

“Chỉ đường này độc nhất
Khiến tri kiến thanh tịnh
Nếu người theo đường này
Ma quân sẽ mê loạn”.

275. “Etaṃ hi tumhe paṭipannā
Dukkhasantaṃ karissatha,
Akkhāto ve mayā maggo
Aññāya sallasanthaṃ”.

“Nếu người theo đường này
Đau khổ được diệt trừ
Hiểu được diệt gai chướng
Ta dạy người con đường”.

276. “Tumhehi kiccaṃ ātappam
Akkhātāro tathāgatā,
Paṭipannā pamokkhanti
Jhāyino māra bandhanā”.

“Người hãy tự nỗ lực
Như Lai chỉ thuyết dạy
Người thiền định tu đạo
Thoát khỏi lưới ma quân”.

CHÚ GIẢI:

Maggānatthaṅgiko: Dâu kẻ tất cả những con đường, nhất là con đường của sáu mươi hai chủ thuyết tà kiến, khi đem ra so sánh bằng tám chi đạo. Tuân tự lấy chánh kiến dẹp bỏ tà kiến... tám lần như thế cho đến chỗ diệt tuyệt các đối tượng để giác ngộ Khổ Đế trong Tứ Đế, thì thấy rằng Bát Chánh Đạo là con đường tối thượng thù thắng nhất.

Saccānaṃ caturo padā: Không nên nóng giận với lời chân thật. Xin cho có sự chân thật trong lời nói ngày vị lai. Người Bà La Môn thật, người Sát Đê Ly thật theo sự phân chia giai cấp ở Ấn Độ, tất cả sự thật (sacca) này chỉ là giải định, thuộc về Tục Đê sự thật (Sammutisacca) hay chỉ là chân lý của thế gian, chỉ là không tưởng (Moghaṃ aññaṃ) là chân lý tà kiến hoặc là Tứ Đế nhất là Khổ Đế. Còn đối với bậc Thánh thì sự thật ở đây chính là sự thật cùng tột hay Thánh Đế, hay Đệ nhất nghĩa đế (Paramatthasaccaṃ).

Nói cách khác, trong hai thứ chân lý: Tục Đê và Chân Đê thì Chân Đê là điều cần phải thực thi như: Khổ Đế cần phải thắng tri, Tập Đê cần phải đoạn trừ, Diệt Đê cần phải tác chứng và Đạo Đê cần phải tu tiến. Chân lý hay Tứ Đế ấy là tối thượng.

Virāgo saṭṭho dhammānaṃ: Có Phật ngôn rằng: Nay các Tỳ khuru, khi so sánh với các hữu vi hoặc vô vi thì sự ly dục là cao siêu hơn cả các pháp ấy. Do đó, ly dục gọi là Níp bàn thù thắng.

Dipadānañ ca cakkhumā: Trong tất cả các chúng sanh nhất là về phía Chư Thiên và nhân loại là giống lưỡng túc (hai chân), chỉ có Đức Như Lai là thù thắng trong thân sắc, ngay cả trong vô sắc pháp hay danh pháp thì Đức Như Lai cũng thù thắng tối thượng (hơn cả Phạm Thiên Vô Sắc).

Dassanassa visudhiyā: Con đường nào khiến ta hưởng được lợi ích của đạo quả tri kiến tịnh, đó chính là con đường độc nhất vô nhị.

Etamhi: Bởi thế, các thầy hãy hành trì theo như vậy.

Mārassetaṃ pamohanaṃ: Ma vương sẽ mê loạn, sẽ bị phỉnh lừa, sẽ ngỡ ngác.

Dukkassantaṃ: Hãy đoạn tuyệt toàn thể cái vòng luân hồi khổ.

Sallasanthaṃ: Các mũi nhọn, nhất là mũi nhọn của tình ái, các dao bén, các sự đè ép, trói buộc. Con đường đó không có ai chỉ dạy ta cả, chỉ tự Ta giác ngộ lấy một mình, nay Ta chỉ dạy cho các thầy. Bây giờ, con đường đó đã được chỉ dạy, các thầy đang bị phiền não thiêu đốt. Muốn mau giác ngộ con đường đó, các thầy phải nỗ lực, chuyên cần làm các phận sự cần thiết mà Như Lai đã chỉ dạy toàn bộ rồi. Bởi vậy, những hành giả nào nương theo những điều chỉ dạy, hành thiền Chỉ quán, những hành giả ấy sẽ thoát khỏi những trói buộc của Ma vương, có tên là cái vòng luân hồi trong Tam giới.

Cuối thời pháp, năm trăm Tỳ khuru đều đắc quả A La Hán. Kỳ dư thánh chúng cũng được hưởng sự lợi ích của thời Pháp.

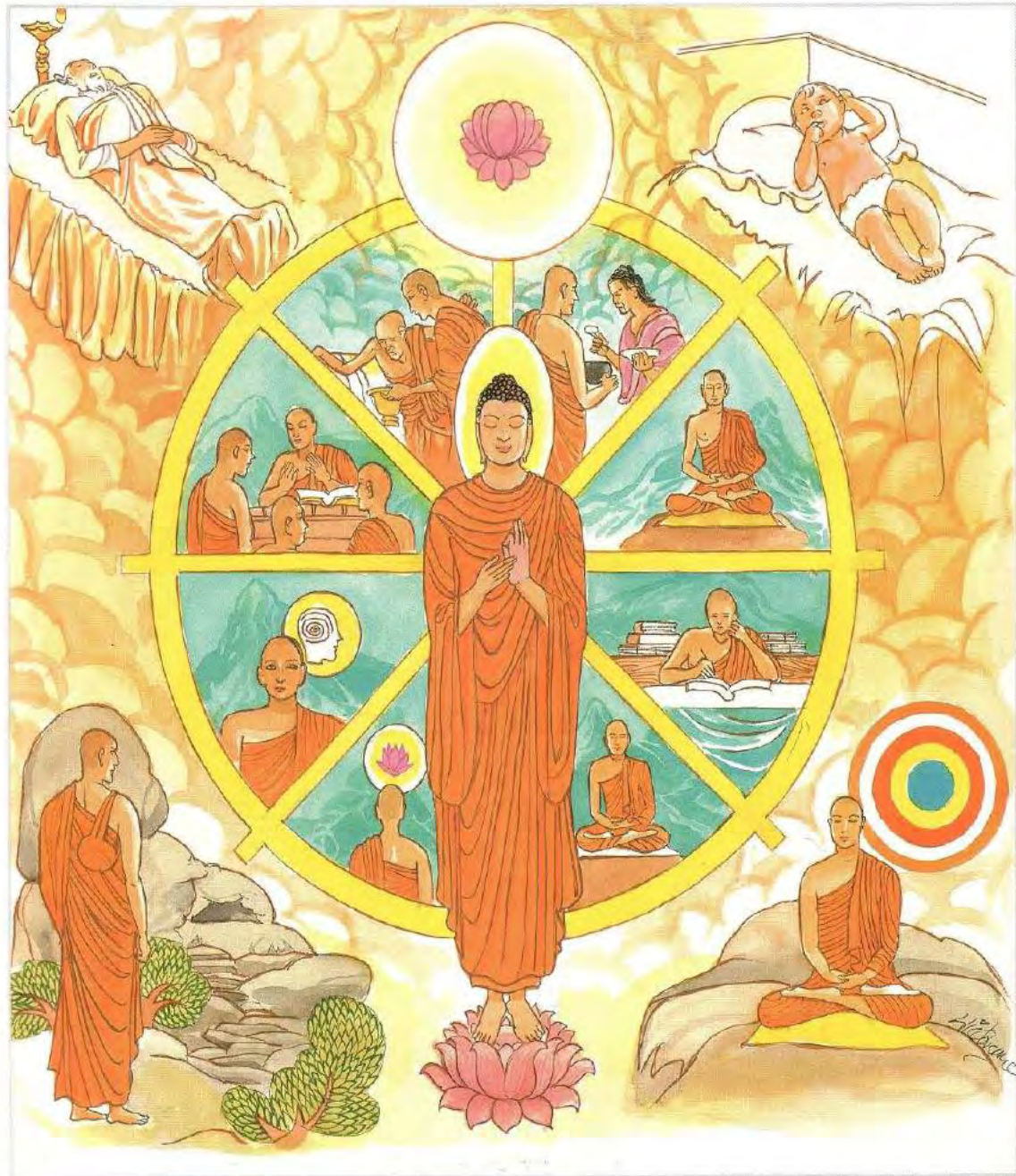


Dịch Giả Cẩn Đề

*Con đường Bát Chánh Phật tìm ra,
Dẫn chúng sanh lên khỏi ái hà,
Lấy Khổ làm đầu trong Tứ Đế,
Vô vi khắc phục chúng quần ma,
Là đường độc nhất cả xưa nay,
Có sẵn nhưng không được hiển bày,
Phật tự giác rồi đem giáo hóa,
Chư Tăng hưởng ứng bước theo ngay,
Chẳng phải đường đi của thế nhân,
Ngựa xe rộn rịp khách quen chân,
Hoặc đường đạo khác theo tà kiến,
Đường Níp Bàn xa hấn bụi trần...*

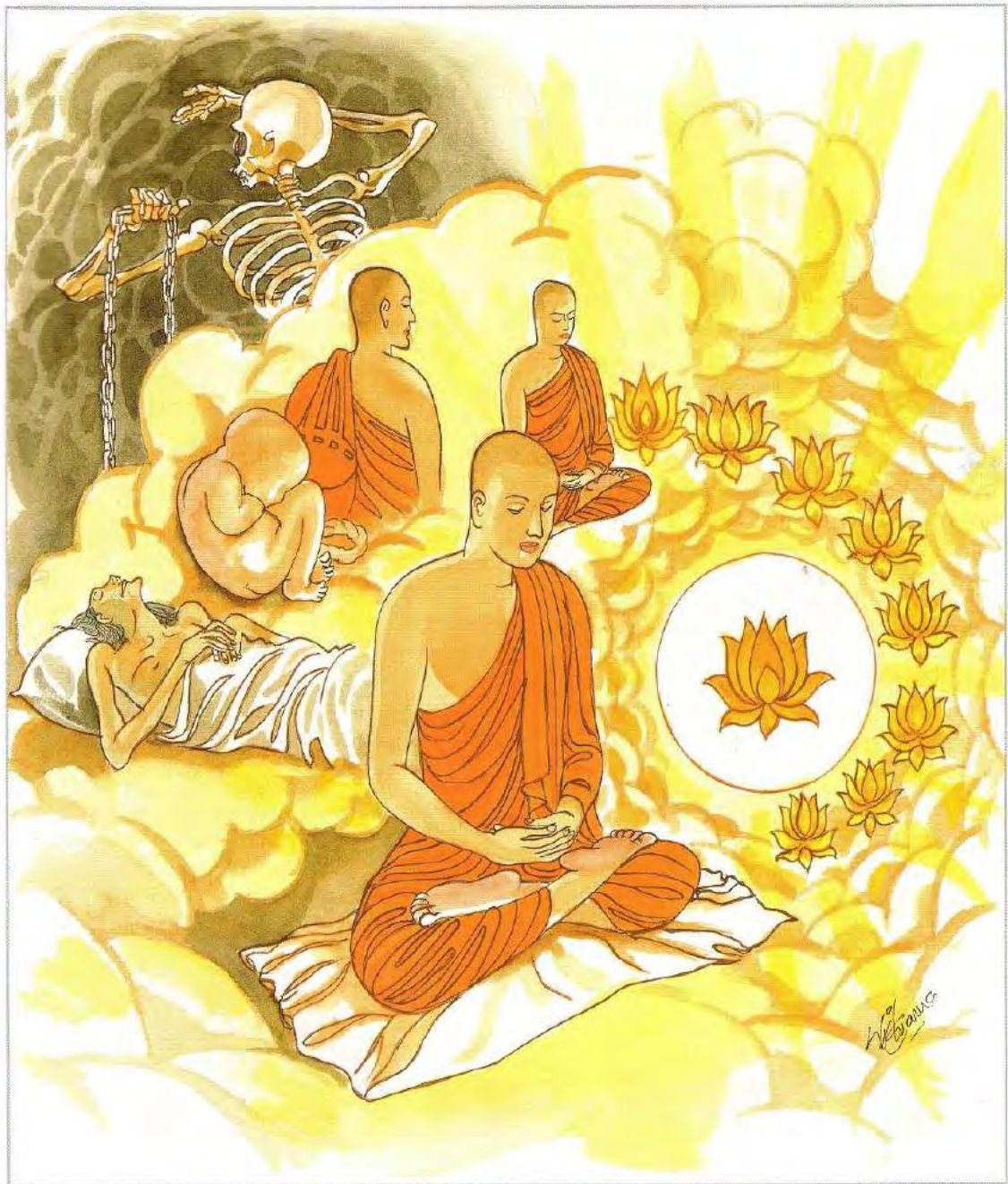
DỨT TÍCH NĂM TRĂM TỶ KHUÛU LUẬN ĐẠO





Best among ways the Noble Path, Ariyan Truths among truths. The Seer among beings.

**273. Tám chánh, đường thù thắng. Bốn câu, lý tuyệt luân.
Ly tham, pháp tối thượng. Pháp nhân, đấng siêu quần.**



This way and none other for purified vision. Enter thereupon and defy all evil.

**274. Hương tri kiến thanh tịnh, duy chỉ có đường này.
Nếu người theo đường này. Ma vương ắt rối loạn.**



Treading this path you shall terminate all suffering. Realising the way, I've made it known.

**275. Đi trên đường Tám Chánh, là tránh mọi đau thương.
Ta dạy người con đường, nhổ sạch mọi gai góc.**



Do ye strive yourselves. Buddhas only teach the way. Tread the path and be ye released.

**276. Hãy nỗ lực tinh tấn, Như Lai bậc dẫn đường.
Ai tu tập thiền định, ắt thoát vòng Ma vương.**

XX.2- NĂM TRĂM TỶ KHU'U QUÁN VÔ THƯỜNG (*Aparaṃpañcasatabhikkhu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 277)

“Sabbe saṅkhārā aniccāti
Yadā paññāya passati
Atha nibbindati dukkhe
Esa maggo visuddhiyā”.

“Các hành là vô thường
Nhờ trí quán xét vậy
Sẽ nhàm chán thống khổ
Chính là đạo thanh tịnh”.

Kệ Pháp cú này Đức Bôn Sur thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến 500 vị Tỷ khuru.

Tương truyền rằng: Sau khi thụ huấn đề mục thiền (Chỉ - Quán) nơi Đức Thế Tôn, nhóm Tỷ khuru này đã vào rừng hành đạo, nhưng đầu tinh tấn cách nào cũng không đắc quả A La Hán, nên tự nghĩ rằng:

- Chúng ta nên trở về học đề mục khác thích hợp hơn.

Rồi chư Tăng lên đường trở về bái yết Đức Thế Tôn, Ngài quán xét rằng: “*Ta nên chọn đề mục nào thích hợp với duyên lành của chư Tỷ khuru này?*”. Ngài thấy rằng: Trong thời Đức Phật Kassapa chư Tỷ khuru này đã từng chú niệm án xú Vô thường tướng suốt hai mươi ngàn năm. Bởi vậy, ta nên thuyết về Pháp môn Vô thường tướng là thích hợp.

Suy xét xong, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỷ khuru! Trong các cảnh giới, nhất là Dục giới, tất cả các pháp hữu vi là không có thật, là không vững bền, là vô thường.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Sabbe saṅkhārā aniccāti,
Yadāpaññāya passati;
Atha nibbindati dukkhe,
Esa maggo visuddhiyā”.

“Các hành là vô thường,
Nhờ trí quán xét vậy,
Sẽ nhàm chán thống khổ,
Chính là đạo thanh tịnh”.



CHÚ GIẢI:

Sabbe saṅkhārā: Trong các cõi nhất là cõi Dục, các uẩn sanh lên tại đâu thì diệt tại nơi đó, nên nói: “*Các hành là vô thường*”. Nhờ Minh sát tuệ (Vipassanāñāṇa) thấy được như vậy, mới sanh tâm nhàm chán trong khổ vì bảo dưỡng thân ngũ uẩn này. Người đang nhàm chán do sự từng trải kinh nghiệm cái khổ mà thấu triệt các lẽ thật (của Thánh nhân).

Esa maggo visuddhiyā: Chính đó là con đường để Thánh hóa, làm cho trở nên trong sạch thanh tịnh vậy.

Cuối thời Pháp, cả nhóm Tỳ khưu ấy đều đắc quả A La Hán. Tứ chúng hiện diện cũng hưởng được lợi ích của thời pháp

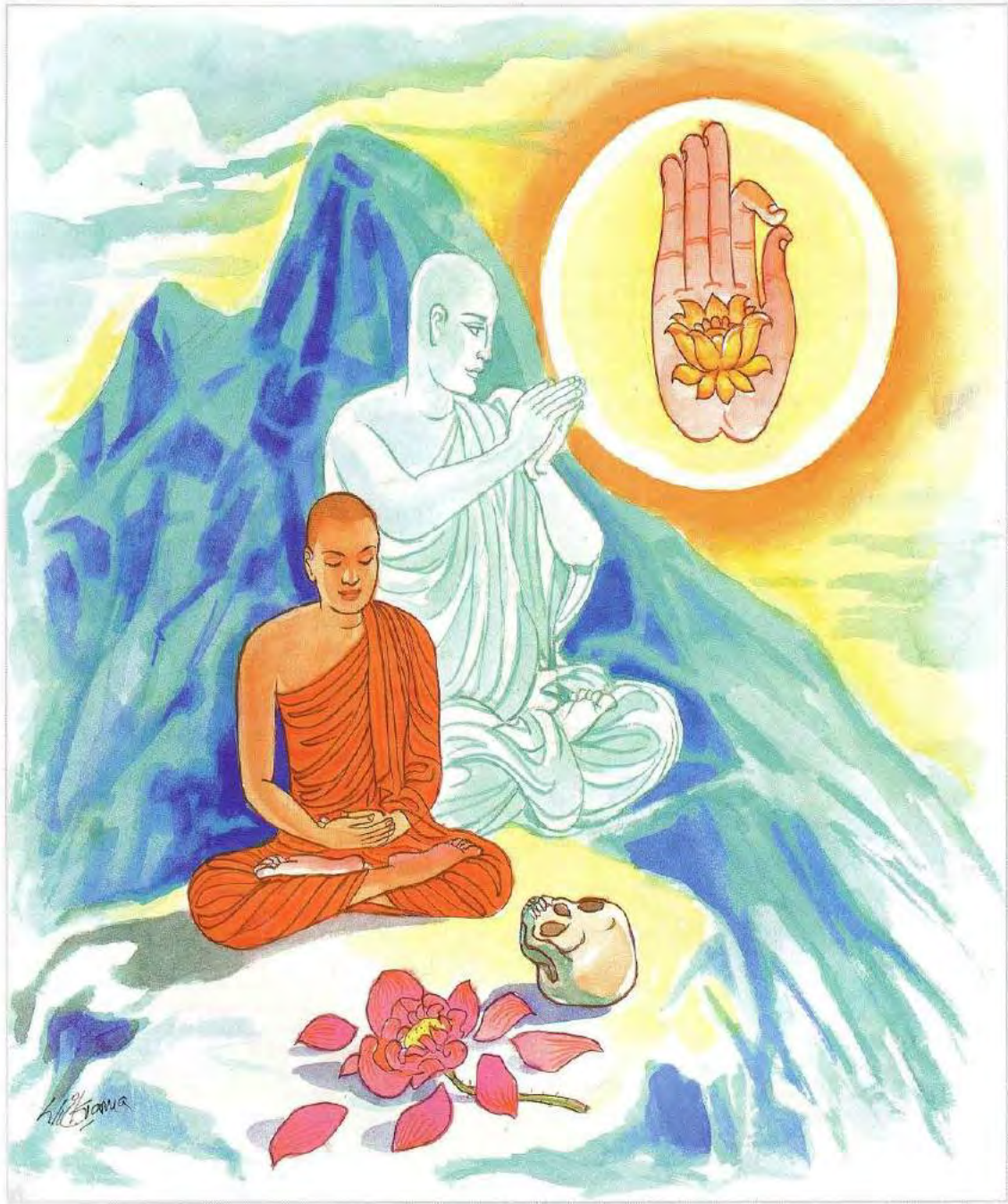


Dịch Giả Cẩn Đề

*Năm trăm Tăng lữ quán vô thường,
Thấy rõ thân sanh đáng chán chường,
Giác ngộ đầu tiên chân lý khổ,
Xả ly ngã chấp, khỏi sầu thương.*

DỨT TÍCH NĂM TRĂM TỖ KHƯU QUÁN VÔ THƯỜNG





277. Nhờ trí tuệ quán chiếu. Thấy các hành vô thường; Thế là chán đau thương. Đây chính đường thanh tịnh

XX.3- QUÁN KHỔ NÃO



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 278)

“Sabbe saṅkhārā dukkhāti
Yadā paññāya passati
Atha nibbindati dukkhe
Esa maggo visuddhiyā”.

“Chư hành là khổ não
Nhờ trí quán xét vậy
Sẽ nhàm chán thống khổ
Chính là đạo thanh tịnh”.

Kệ Pháp cú này Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana.

Cũng như ý nghĩa trong kệ ngôn trước, Đức Thế Tôn thấy duyên lành đạo quả của 500 vị Tỳ khuru, do quán xét Khổ não tướng, nên Ngài phán dạy rằng:

“Sabbe saṅkhārā dukkhāti
Yadā paññāya passati
Atha nibbindati dukkhe
Esa maggo visuddhiyā”.

“Chư hành là khổ não
Nhờ trí quán xét vậy
Sẽ nhàm chán thống khổ
Chính là đạo thanh tịnh”.



CHÚ GIẢI:

Dukkhā: nghĩa là khổ não, hằng bị áp bức.

Những câu sau có ý nghĩa như đã giải ở kệ ngôn trên.





**278. Nhờ trí tuệ quán chiếu. Thấy các hành khổ đau;
Thế là chán khổ đau. Đây chính đường thanh tịnh.**

XX.4- QUÁN PHI NGÃ



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 279)

“Sabbe saṅkhārā anattāti
Yadā paññāya passati
Atha nibbindati dukkhe
Esa maggo visuddhiyā”.

“*Các Pháp là vô ngã
Nhờ trí quán xét vậy
Sẽ nhàm chán thống khổ
Chính là đạo thanh tịnh*”.

Bài kệ thứ ba này cũng đồng một sự tích và cùng ý nghĩa, chỉ khác chút ít là Ở đây Đức Thế Tôn biết chư Tăng đã từng quen niệm đề mục Phi ngã tướng, nên dạy rằng:

- Nay các Tỳ khưu, tất cả ngũ uẩn đều là Phi ngã, do ý nghĩa ta không thể điều hành gì được nơi chúng cả.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Sabbe saṅkhārā anattāti
Yadā paññāya passati
Atha nibbindati dukkhe
Esa maggo visuddhiyā”.

“*Các Pháp là vô ngã
Nhờ trí quán xét vậy
Sẽ nhàm chán thống khổ
Chính là đạo thanh tịnh*”.



CHÚ GIẢI:

Sabbe dhammā: Đây là ngũ uẩn mà giải rộng như vậy.

Anattā: Phi ngã, không phải là ta, không phải của ta. Do cái lý ra lệnh, bảo nó: Đừng sống nữa, đừng sống nữa. Mà bắt nó phải làm theo ý ta, không ai có thể làm chủ, sai khiến được nó cả.

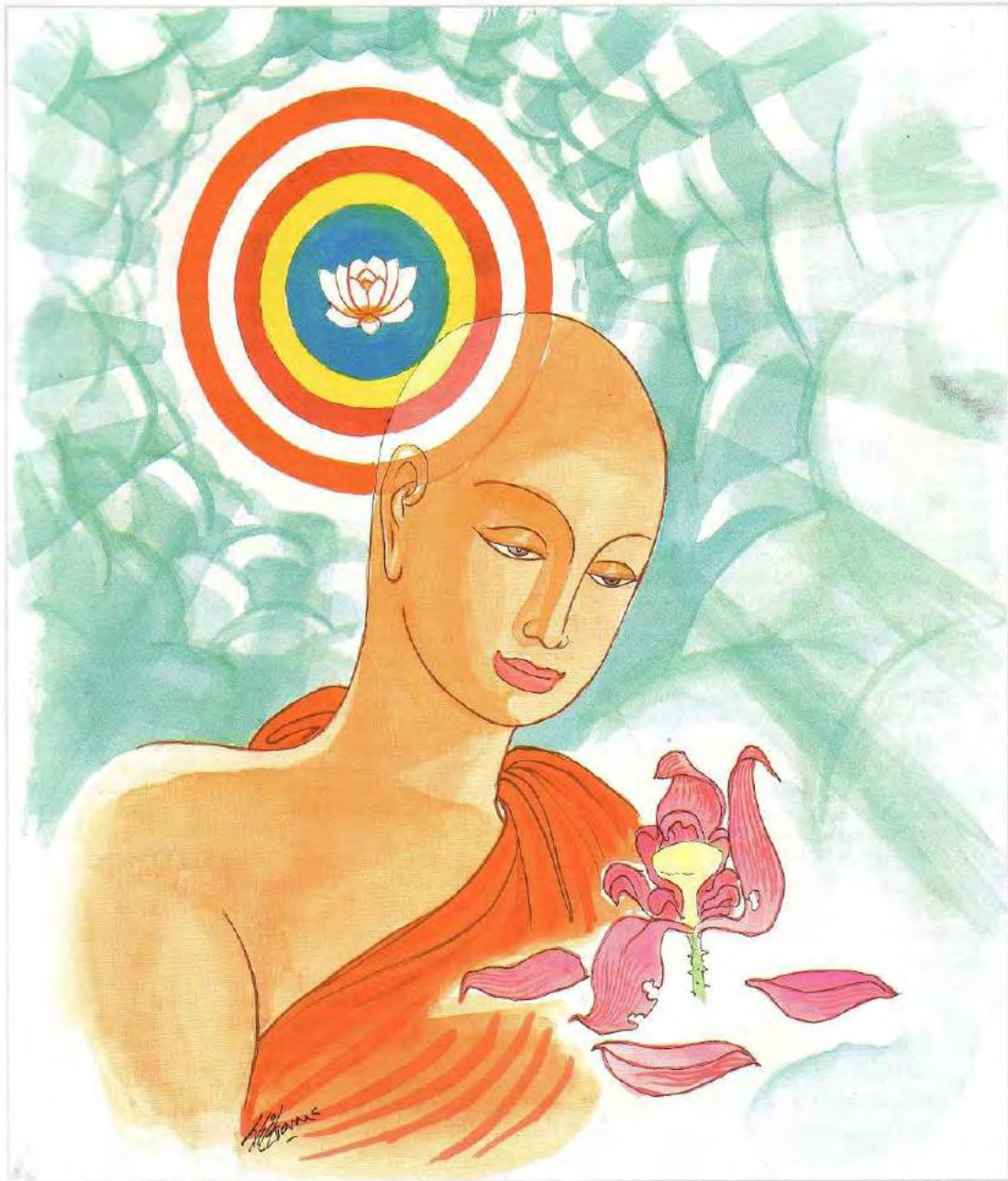
Mấy câu kia cũng giống như trước.



Dịch Giả Cảnh Đề

*Phi ngã là không phải của mình,
Không quyền bảo nó: Hãy đừng sinh,
Thân ta chớ tưởng là ta nhé,
Chính “NGÃ” là “không”, chẳng tướng hình,
Đừng nghĩ không, là không có chi,
“Không” là đẹp trống nợ, dâm, si,
Không còn ngã chấp hay duy kỷ,
Giới, định kiện toàn, tuệ đủ y.*





**279. Nhờ trí tuệ quán chiếu. Thấy pháp vô ngã rồi;
Thế là chán khô thôi. Đây chính đường thanh tịnh.**

XX.5- ĐẠI ĐỨC TISSA NÔN TU

(*Padhānakammikatisatthera*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 280)

“Uṭṭhānakālamhi anutthāno
Yuvā balī ālasiyaṃ upeto,
Saṃsannasaṅkappamaṇo kusīto
Paññāya maggaṃ alaso na vindati”.

“*Khi cần không nỗ lực
Tuy trẻ mạnh, nhưng lười
Chỉ tiêu trầm nhu nhược
Sao có trí ngộ đạo*”.

Kệ Pháp cú này, Đức Bôn Su đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại Đức Tissa Padhāna kammika (Tinh Cần khổ hạnh).

Tương truyền rằng: Có năm trăm công tử con nhà gia thế, cư ngụ trong thành Sāvattthī, sau khi xuất gia với Đức Bôn Su, đã thụ huấn đề mục Chỉ quán và đi vào rừng hành đạo. Trong số đó có một số rút lại phía sau, kỳ dư đều hành Sa môn pháp trong rừng và chúng đắc A La Hán Quả. Các Ngài trở về thành Sāvattthī với ý nghĩ:

- Chúng ta sẽ báo tin mừng đắc quả cho Đức Bôn Su hay.

Khi về còn cách Sāvattthī độ một do tuần, các Ngài đi tri bình ở một thôn trang, một cận sự nam trong thấy quý Ngài, đã hộ độ cơm, cháo, bánh trái... Sau khi nghe kinh phúc chúc, lại thỉnh chư Tỳ khuru nhận vật thực vào ngày mai.

Trong ngày ấy chư Tỳ khuru về đến thành Sāvattthī, sau khi cất dẹp y bát, vào xế chiều đến yết kiến Đức Thế Tôn, đánh lễ rồi ngồi xuống một bên. Đức Bôn Su rất hoan hỷ đối với đoàn khách Tăng, niềm nở tiếp đãi, chuyện trò thân mật với chư Tăng. Khi ấy có vị Tỳ khuru là bạn cũ của chư Tăng này, nhưng vì giải đãi mà rút lại phía sau, tự nghĩ rằng:

- Đức Bôn Su không đủ lời lẽ để tiếp đãi, chuyện trò thân mật với các vị này. Còn đối với ta, có lẽ vì ta chưa đắc Đạo quả nên Ngài không nói lời nào cả. Nội ngày mai ta sẽ hành cho đắc quả A La Hán để được Ngài nói chuyện với ta.

Đoàn Tăng khách sau cuộc hàn huyên, cáo từ Đức Thế Tôn lui ra, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Trên đường về chùa, chúng con được một thiện nam cung thỉnh nhận vật thực vào ngày mai. Vạy sáng sớm mai, chúng con sẽ đi đến đó.

Khi ấy, một vị Tỳ khuru của chư Tăng vì thức đi kinh hành suốt đêm, đến khuya mòn mỏi, phát sanh hôn trầm, té xuống một tảng đá bằng phẳng ở đầu đường kinh hành và bị gãy xương bấp vể. Vị ấy kêu thét lên một tiếng lớn. Các Tỳ khuru khách nhận ra tiếng kêu của Đại Đức Tissa, nên đốt đèn lên, tìm thuốc, săn sóc, băng bó vết thương cho Đại Đức Tissa. Khi công việc đã xong thì mặt trời đã lên cao, chư Tăng không còn đủ thời giờ đi đến làng ấy khát thực nữa.

Đức Bôn Su thấy vậy, hỏi chư Tăng rằng:

- Này các Tỳ khuru! Các thầy không đi đến làng nhận vật thực ư?

- Bạch Ngài, không ạ. – Chư tăng thuật chuyện đến Đức Thế Tôn.

- Này các Tỳ khưu! Không phải đây chỉ là lần đầu mà vị ấy làm trở ngại việc nhận thực thí của chư Tăng. Mà xưa kia thầy ấy cũng đã từng thế rồi.

Theo lời thỉnh cầu của chư Tăng, Ngài thuyết lên tiền tích rằng:

“Yo pubbe karanīyāni
Paccha so kātumicchāti
Varanakattham bhañjova
Sa pacchā anutappatī”.

“Ai việc phải làm trước
Về sau mới muốn làm
Như bẻ củi Varana
Nó về sau bị khổ”.

Rồi Ngài giảng rộng Bốn sanh rằng: Theo truyền thuyết: Thuở xưa, chư Tăng này cũng là năm trăm thanh niên, chàng trai lười biếng nay là Tỳ khưu Tissa, Giáo Sư năm xưa nay là Đấng Như Lai vậy.

Để kết thúc câu chuyện, Đức Bốn Sư dạy rằng:

- Này chư Tỳ khưu! Kẻ không thức dậy khi đến thời cần thức dậy, kẻ lười biếng, ý chí nhu nhược, kẻ ấy không bao giờ phát triển được Thiên Định hay giác ngộ Đạo quả Níp Bàn cùng các pháp Thượng nhân khác.

Rồi Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

“Uṭṭhānakālamhi anutthāno
Yuvā balī ālasiyaṃ upeto,
Saṃsannasaṅkappamano kusīto
Paññāya maggaṃ alaso na vindati”.

“Khi cần không nỗ lực
Tuy trẻ mạnh, nhưng lười
Chỉ tiêu trầm nhu nhược
Sao có trí ngộ đạo”.



CHÚ GIẢI:

Anutthāno: Anutthahanto: là không tinh tấn.

Yuvā balī: Trong thời trai tráng có đầy đủ sức mạnh.

Ālasiyaṃ upeto: Sanh tật lười biếng, ăn no lại nằm.

Saṃsannasaṅkappamano: Cái tâm tốt đẹp trở thành nhu nhược vì ba thứ tư tưởng tà kiến (Tīhimicchāvitakkehi). (Câu này theo bản dịch của ông Phạm Kim Khánh dịch từ Ngài Nārada là: Tinh thần suy nhược, trong ấy các tâm chân chính bị suy đồi).

Kusīto: Không tinh tấn.

Alaso: Uể oải, lười biếng, kẻ đại lãn (māhā-also) ấy không giác ngộ, không đắc vì không thấy Thánh Đạo cần phải thấy bằng trí tuệ.

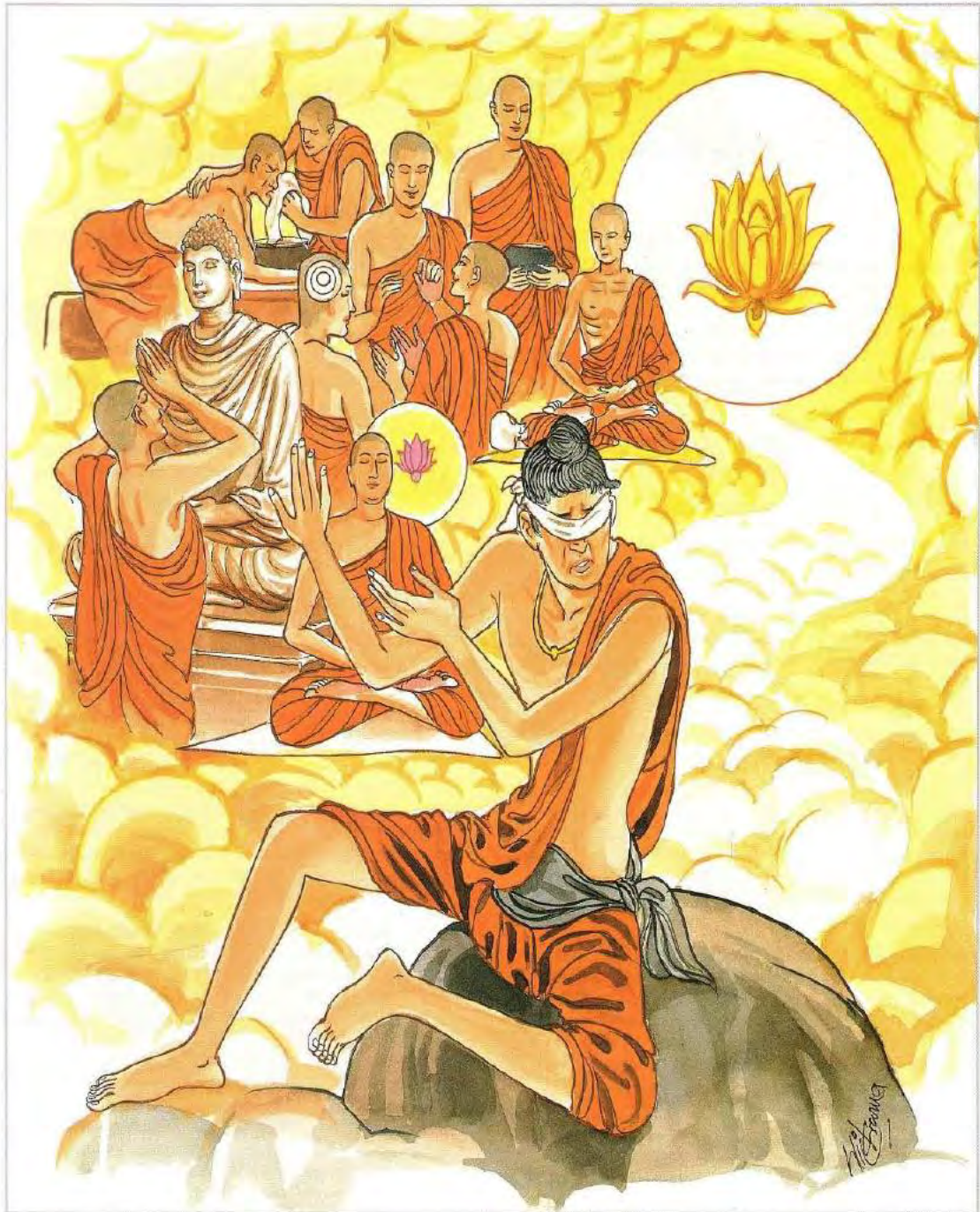
Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả như Tu Đà Hườn.

Dịch Giả Cẩn Đề

*Xưa đã từng quen nét biếng lười
Nay tu chẳng tiến kịp theo người
Nôn nao muốn gấp hầu bên Phật
Hăng hái hành khuya, sợ sáng trời
Mệt mỏi thành ra tâm ý muội
Hôn trầm mới để xác thân rơi
Xương đùi sư gãy, làm Tăng đỏi
Một phút vô minh, tật suốt đời.*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC TISSA NÔN TU





280. Khi cần không nỗ lực. Tuy trẻ khỏe nhưng lười, chí cùn, trí thụ động. Ngộ đạo sao được người!

XX.6- NGẠ QUỶ HEO

(*SūRarapeta*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 281)

“Vācānurakkhī manasā susaṃvuto Kāyena ca akusalamaṇakayirā Ete tayo kammaṃpathe visodhaye Ārādhaya maggaṃ isippaveditaṃ”.	“Ý điều lời thận trọng Thân không làm điều ác Ba nghiệp này thanh tịnh Chúng đạo Thánh nhân dạy”.
--	--

Một ngày nọ, lúc đang đi xuống núi Gijjhakūṭa (Kỳ Xà Quật) với Đại Đức Lakkhaṇa, đến một nơi Đại Đức Moggallāna bỗng mỉm cười. Thấy vậy, Đại Đức Lakkhaṇa bèn hỏi:

- Này Đạo hữu, do nhân gì mà hiền giả lại mỉm cười?

- Này hiền giả! Không phải thời để trả lời câu hỏi này. Khi về trước Đức Thế Tôn hiền giả hãy hỏi tôi việc ấy.

Nói rồi hai vị Đại Đức cùng vào thành Sāvattihī khát thực. Vào xế chiều hai vị đến Veluvana đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi ngồi xuống một bên, khi ấy Đại Đức Lakkhaṇa hỏi về sự mỉm cười của Đại Đức Moggallāna vào ban sáng rằng:

- Này hiền giả Moggallāna! Do nhân gì duyên gì vào ban sáng hôm nay hiền giả lại mỉm cười?

- Này hiền giả Lakkhaṇa! Tôi đã thấy con ngựa quý heo, mình dài ba dặm (tigāvuta), mình như người nhưng đầu lại là heo, trong miệng nó mọc ra cái đuôi, từ đó dò ra lúc nhúc, tôi nghĩ thầm rằng: “Từ trước đến nay ta chưa từng thấy một chúng sanh có hình tướng như thế”, nên tôi mỉm cười.

Đức Thế Tôn xác nhận rằng:

- Thật vậy, này chư Tỳ khuru! Các Thánh Văn của Ta hằng là bậc có chánh kiến (tức Thiên nhân: Cakkhubhuta)! Chính Như Lai đã từng thấy loại chúng sanh như thế khi Như Lai đắc quả Vô Thượng Chánh Giác dưới cội Bồ Đề, nhưng không tuyên thuyết vì chưa có ai trông thấy, Như Lai suy nghĩ: “*Những ai không tin lời Như Lai sẽ có nhiều bất lợi cho họ*”. Nay có được Moggallāna làm chứng, nên ta xác nhận như thế: Này các Tỳ khuru! Moggallāna đã nói đúng sự thật.

- Bạch Thế Tôn! Chẳng hay trong tiền kiếp chúng sanh ấy đã tại ác nghiệp gì?

- Này các Tỳ khuru! Các thầy hãy lắng nghe.

Rồi Ngài thuật lại tiền kiếp của con ngựa quý heo như sau:

Tương truyền rằng: Trong thời Đức Phật Kassapa, trong một thôn nọ có hai vị Đại Đức sống hòa hợp cùng nhau. Vị lớn được 60 tuổi, vị nhỏ thì 59 tuổi. Mỗi khi hai vị đi đâu, vị nhỏ cũng mang y bát theo hầu vị lớn, làm tất cả mọi công việc phục dịch y như vị Sa di theo hầu thầy. Giống như hai anh em cùng cha mẹ sinh ra. Hai vị Đại Đức hòa thuận êm ấm, cho đến một hôm có một vị khách Tăng Pháp Sư ghé vào chùa

của hai Đại Đức. Hôm ấy là ngày Pháp lễ. Hai vị Đại Đức hoan hỷ cho vị khách Tăng trú ngụ trong chùa, nói rằng:

- Thưa bậc Thiện trí thức! Xin hãy thuyết pháp cho chúng tôi nghe đi.

Vị Pháp Sư thuyết pháp, hai vị Đại Đức hoan hỷ với ý nghĩ rằng: “Chúng ta thỉnh được vị Pháp Sư rồi”.

Qua hôm sau, hai vị Đại Đức dẫn vị khách Tăng đi khất thực trong làng. Sau khi thọ thực nơi ấy, hai Ngài bảo vị Pháp Sư rằng:

- Thưa hiền giả! Hãy thuyết Pháp đến tín gia đi.

Hai vị Đại Đức thỉnh cầu vị Pháp Sư thuyết Pháp cho dân chúng nghe như thế. Sau khi nghe Pháp, mọi người cung thỉnh ba vị Đại Đức sáng mai đến thọ thực tại nơi ấy. Cứ đều đều như thế, hai vị Đại Đức cùng vị Pháp Sư đi khất thực khắp các làng quanh chùa, thọ bát hai ngày liền ở một nơi nhà thí chủ.

Vị Pháp Sư suy nghĩ: “Hai ông này nhu nhược quá. Ta phải làm sao cho họ bỏ trú xứ này đi, ta sẽ chiếm ở luôn trong chùa này mới được”.

Buổi chiều, vị Sư khách đến phục dịch hai vị Đại Đức, khi hai vị trở về phòng riêng thì vị ấy quay lại nơi ngụ của vị Đại Đức lớn và thưa rằng:

- Bạch Ngài, con có chút chuyện cần phải bạch với Ngài.

- Hiền giả cứ nói.

Vị Pháp Sư suy nghĩ đôi chút, rồi nói rằng:

- Bạch Ngài, chuyện này nếu con nói ra e phạm lỗi nặng lắm.

Rồi vị ấy từ giã ra đi, đến phòng vị Đại Đức nhỏ, ông cũng làm y như thế. Ngày hôm sau, vị Pháp Sư cũng làm y như cũ. Qua ngày hôm sau, sự tò mò của hai vị Đại Đức lên cực độ, khi vị Pháp Sư đến gặp riêng vị Đại Đức lớn rằng:

- Bạch Ngài, con có chút chuyện cần phải bạch, nhưng trước mặt Ngài con không dám nói ra.

- Không sao đâu, Hiền hữu cứ nói ra đi.

Sau cùng, làm như bị này ép quá, vị Pháp Sư hỏi rằng:

- Bạch Ngài, vị Đại Đức nhỏ có điều chi xích mích với Ngài chẳng?

- Này bậc Thiện trí thức! Vì sao hỏi vậy? Chúng tôi chẳng khác nào như anh em ruột từ một cha mẹ sanh ra, hễ người này được lợi lộc thì người kia cũng được lợi lộc. Từ trước đến nay tôi chưa hề thấy Sư đệ tôi làm lỗi gì cả.

- Thật thế ư? Bạch Ngài.

- Này Hiền hữu! Thật như vậy.

- Bạch Ngài! Vị Sư đệ của Ngài nói với con rằng: “Này bậc Thiện trí thức, người là con nhà gia thế, còn vị Đại Đức lớn kia, nếu người ngộ là thanh tịnh, có tâm có quý thì làm đầy, khi tiếp xúc với vị ấy, người nên cẩn thận thân và khẩu đi”. Vị Sư đệ của Ngài nói với con như thế, từ khi con vừa đến nơi này.

Nghe vậy, vị Đại Đức lớn phát sanh sân hận, tâm thần bấn loạn như cái bát sành bị gậy đập nát vậy. Rồi vị Pháp Sư đi ngay đến vị Đại Đức nhỏ và cũng nói y như trước. Vị sau cũng phát sanh sân hận, tâm thần bấn loạn như vị kia.

Suốt thời gian chung sống trước đây, không bao giờ hai vị vào làng riêng nhau, nhưng qua việc này, ngày hôm sau vị Đại Đức nhỏ vào làng khát thực, rồi trở về trước đứng ở nơi Giảng đường, vị Đại Đức lớn khát thực về sau, đi đến Giảng đường. Vị nhỏ suy nghĩ: *“Ta có nên rước bát Ngài hay không?”*. Mặc dầu có ý nghĩ: *“Sẽ không rước bát”*, nhưng vị Đại Đức nhỏ suy nghĩ: *“Từ trước giờ ta chưa từng làm như thế, thôi ta không nên bỏ qua phận sự của mình”*.

Khi tự làm tâm dục xuống, vị Đại Đức nhỏ đến gần vị lớn nói:

- Bạch Ngài! Cho con thỉnh y bát.

- Hãy đi đi! Ngươi không xứng đáng thỉnh y bát của ta.

Vừa nói, vị ấy khoát tay xua đuổi, tỏ vẻ bất cần.

- Dạ phải rồi! Thưa Ngài, con cũng có ý nghĩ là không rước y bát của Ngài nữa đâu.

- Này Hiền giả! Có lẽ ngươi nghĩ rằng ta quyền luyện ngôi chùa này lắm phải chăng?

- Bạch Ngài! Xin Ngài cũng đừng làm tưởng rằng con quyền luyện ngôi chùa này. Đây là ngôi chùa của Ngài mà.

Nói rồi, vị Đại Đức nhỏ mang lấy y bát ra đi. Vị Đại Đức lớn cũng bỏ chùa đi luôn. Hai vị không cùng đi một đường, vị đi cửa sau, vị đi cửa trước. Vị Pháp Sư giả vờ rằng:

- Bạch hai Ngài! Các Ngài chớ nên làm như thế.

Hai vị Đại Đức bảo rằng:

- Thôi hiền giả hãy ở lại đi.

Qua ngày sau, vị Pháp Sư đi vào làng kế cận. Các thiện tín hỏi:

- Bạch Ngài! Còn hai vị Đại Đức nữa đâu?

- Thôi các tín gia đừng hỏi nữa. Hôm qua hai vị Đại Đức của quý vị tranh chấp lẫn nhau, rồi bỏ đi cả rồi. Ta đã hết lời yêu cầu các Ngài ở lại mà không được.

Trong số ấy, những người thiếu trí thì làm thỉnh, trái lại các bậc có trí suy nghĩ rằng: *“Hai Đại Đức ấy, từ bấy lâu nay chẳng hề phạm lỗi lầm chi gọi là nhỏ nhặt. Nếu có điều kinh sợ, tai hại phát sanh đến hai Ngài, chắc hẳn là do nơi vị Sư mới này vậy”*.

Còn hai vị Đại Đức, dầu đi đến nơi nào tâm trí cũng không hề an vui. Đại Đức lớn suy nghĩ: *“Than ôi! Nặng thay là việc hành quấy của vị mới tu kia, vừa mới gặp khách Tăng trong giây phút đã nói: “Đừng tiếp xúc thân thiện với Đại Đức lớn”*.

Còn vị Đại Đức nhỏ cũng nghĩ rằng: *“Ôi! Nặng thay là việc làm sai quấy của vị Đại Đức lớn. Vừa gặp khách Tăng trong giây lát mà đã dặn đừng nên tiếp xúc thân thiện với ông Sư này”*.

Cả hai đều không còn tâm trí để ôn tập kinh điển hay thiền định chi cả. Một năm trôi qua. Một hôm, cả hai vị cùng đến một ngôi chùa ở phía Tây và cùng vào một Đạo trường. Vừa nhìn thấy vị Đại Đức nhỏ, vị lớn không cầm được lòng, nước mắt tuôn trào. Vị Đại Đức nhỏ cũng nhận thấy vị lớn, hai mắt đầy lệ nhỏ, tự nghĩ rằng: “*Ta nên nói trước hay là không?*”. Rồi nghĩ rằng: “*Điều này cũng chẳng có chi là hệ trọng*”. Nên đành lễ vị lớn, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Từ trước đến lúc chia tay, con hằng rước y bát của Ngài, đi chung với Ngài. Ngài có thấy con làm điều chi lầm lỗi với Ngài chăng?

- Ta chưa hề trông thấy, này Hiền giả.

- Thế sao Ngài lại bảo với vị Pháp Sư rằng: “*Đừng nên tiếp xúc thân thiện với con*”.

- Này Hiền giả! Ta không hề nói như thế đâu. Nhưng ta được nghe rằng Hiền giả cũng nói với vị Pháp Sư về ta như thế đó.

- Bạch Ngài, con không bao giờ nói như thế.

Khi ấy, hai vị mới vỡ lẽ ra, biết rằng: “*Chắc vị Pháp Sư có ý muốn ly gián chúng ta, nên nói như thế?*”. Rồi hai vị xin sám hối với nhau về chuyện đã hiểu lầm nhau.

Suốt một năm không thể làm cho tâm được an vui, ngày hôm ấy hai vị hòa hợp cùng nhau, và quyết định: “*Chúng ta sẽ tống cổ vị Pháp Sư ra khỏi chùa*”. Thế rồi, hai vị Đại Đức khởi hành lần hồi về ngôi chùa cũ. Vị Pháp Sư trông thấy hai vị Đại Đức trở về, bèn rước y bát. Hai vị Đại Đức khoát tay rằng:

- Thầy là người không xứng đáng ở trong ngôi chùa này nữa.

Không thể nán lại, vị Pháp Sư liền ra khỏi chùa ngay và đi nơi khác. Mặc dầu đã hành Sa môn Pháp hết hai muôn năm, nhưng vị ấy không thể chịu đựng sự trách mắng. Đến lúc chết phải xa xuống A Tỳ địa ngục, bị thiêu đốt suốt cả thời gian một vị Phật. Bây giờ, quả còn dư sót, vị ấy còn thọ khổ với thân hình ngựa quỳ heo trên núi Gijjhakūṭa như đã nói ở phía trước.

Sau khi thuật lại tiền nghiệp của ngựa quỳ heo, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này các Tỳ khuru! Vị Tỳ khuru chánh danh cần phải có thân, khẩu, ý thanh tịnh.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

“*Vācānurakkhī manasā susamvuto
Kāyena ca akusalamnakayirā
Ete tayo kammapathe visodhaye
Ārādhaya maggaṃ isippaveditaṃ*”.

“*Ý điều lời thận trọng
Thân không làm điều ác
Ba nghiệp này thanh tịnh
Chứng đạo Thánh nhân dạy*”.



CHÚ GIẢI:

Vācānurakkhī: Giữ gìn lời nói, đừng để phạm giới vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác ngữ, ý ngữ.

Manasā: Thu thúc đừng cho tham, sân, tà kiến.

Kāyena: Giữ thân đừng làm ba hạnh bất thiện là sát sanh, trộm cắp, tà hạnh.

Hãy làm thanh tịnh thân, khẩu như vậy. Người làm thanh tịnh thân, khẩu như thế sẽ thành tựu được Bát Chánh Đạo mà chư Phật và các Đạo sĩ hằng chỉ dạy.

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khuru chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Hai sư hòa hợp sống chung vui,
Tin khách đường xa, thọc mũi dùi,
Một sớm rời nhau tâm đã khổ,
Trăm năm gặp lại, lệ còn rơi,
Đoạt chùa, trách kẻ lòng danh đá,
Nghĩ bạn, thương ai dạ ngậm ngùi...
Núi trọc chưa mờ gương Nga quý,
Thân người, đầu lợn, miệng lòi đuôi,
Thân tịnh, miệng đầu chẳng tịnh theo,
Làm con Nga quý mọc đầu heo,
Lưỡi trong, thêm lưỡi ngoài: đuôi thú,
Ăn nói làm sao? Rõ ngặt nghèo.*

DÚT TÍCH NGẠ QUÝ HEO





**281. Thân không được làm ác. Khéo giữ ý giữ lời.
Thường thanh tịnh ba nghiệp. Đạt đạo thánh nhân thôi.**

XX.7- ĐẠI ĐỨC POTHILA

(*Pothilatthera*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 282)

**“Yogā ve jāyati bhūri
Ayogā bhūrisaṅkhayo
Etaṃ dvedhā pathaṃ ñatvā
Bhavāya vibhavāya ca
Tath’attānaṃ niveseyya
Yathā bhūri pavaḍḍhati”.**

**“Tu thiền trí tuệ sanh
Bỏ thiền trí tuệ diệt
Biết con đường hai ngã
Hướng đến lợi và hại
Hãy tự mình nỗ lực
Khiến trí tuệ tăng trưởng”.**

Pháp Cú này được Đức Bôn Su thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại Đức Pothila.

Tương truyền rằng: Vị Đại Đức này đã từng là Tam Tạng Pháp Sư suốt cả 7 đời vị Phật Tổ và hằng thuyết giảng kinh điển cho một nhóm 500 Tỷ khuru nghe.

Một hôm, Đức Bôn Su tự nghĩ: “*Tỳ khuru này không có tâm nghĩ đến sự giải thoát khỏi khổ. Ta sẽ làm cho y kinh cảm mới được*”. Từ ấy về sau, mỗi khi Đại Đức ấy đến hầu Đức Bôn Su, Ngài gọi: “*Hãy đến, này Pothila rỗng không! Hãy ngồi xuống, này Pothila rỗng không!*”. Đại Đức làm chi cũng dùng danh từ “Pothila rỗng không” mà gọi Đại Đức cả. Đại Đức suy nghĩ: “*Ta thông suốt Tam Tạng luôn cả Sớ giải. Hơn thế nữa, ta là giảng sư dạy Pháp cho 500 Tỷ khuru và đứng đầu 18 đoàn Tăng lữ. Thế mà Đức Bôn Su cứ gọi ta là Pothila rỗng không mãi. Chắc tại ta không xúc tiến Pháp hành, tham thiền nhập định, cho nên Ngài mới gọi ta như thế*”. Sanh tâm kinh cảm, Đại Đức quyết định: “*Ta sẽ vào rừng hành Sa Môn Pháp ngay bây giờ*”. Sau khi đã tự mình sắp đặt sẵn y bát, lúc rạng đông, Đại Đức ra đi chung với Tỷ khuru sau cùng, là vị Pháp Sư dở nhất. Các Tỷ khuru trong lớp ấy đang đọc dượt Kinh tụng, không lưu ý đó là thầy “A Xà Lê” của mình.

Sau khi vượt qua một trăm hai mươi do tuần (Visamyojanasatam) Đại Đức đến một thiên thất trong rừng, có ba mươi vị Tỷ khuru trú nơi ấy. Vào gần chừ Tăng, Đại Đức đánh lễ vị Tăng trưởng nhóm và bạch rằng:

- Bạch Ngài, xin Ngài từ bi tế độ cho con.
- Này Đạo hữu, Hiền giả là một Pháp Sư danh tiếng, chính tôi còn có điều cần học nơi Hiền giả, sai Hiền giả lại nói như thế?
- Bạch Ngài! Xin Ngài đừng nói thế, xin Ngài từ bi tế độ cho con.

Thật sự thì, chừ Tăng thiên Sư nơi ấy đều là bậc Lậu Tận. Vị Đại Đức Tăng trưởng nghĩ rằng: “*Vị này ý vào Pháp học của mình, còn có tâm ngã mạn cống cao*”. Nên Ngài bảo Pothila đến bạch với vị Phó Tăng trưởng và cũng được giới thiệu tiếp đến vị kế. Cứ như thế, Pothila được giới thiệu đến vị trẻ nhất là Sa di bảy tuổi, Ngài đang ngồi vá y nơi chỗ tham thiền ban ngày. Thế là Thiên Sư triệt hạ tánh ngã mạn

của Pothila. Áp chế được tâm ngã mạn, Pothila đến gần vị Thánh Sa di, chấp tay kính cẩn:

- Xin Bậc Thiện trí thức từ bi tế độ cho tôi.

- Thầy A Xà Lê ơi! Sao thầy lại nói như thế, thầy niên cao kỹ trường, quảng kiến đa văn. Chính tôi phải tìm thầy mà học hỏi điều gì cần nên hiểu biết chứ.

- Bậc Trí thức ơi! Ngài đừng làm như thế. Xin hãy là thầy tế độ của tôi đi.

- Bạch Ngài, nếu Ngài nhẫn nại làm theo lời huấn từ, thì tôi sẽ tế độ Ngài.

- Bậc Thiện trí thức ơi! Tôi xin vâng lệnh Ngài. Nếu Ngài khiến tôi nhảy vào lửa đỏ, tôi cũng sẽ nhảy vào lập tức.

Khi ấy, ông Sa di chỉ một ao nước ở gần đó và nói với Pothila rằng:

- Bạch Ngài, xin Ngài để nguyên bộ y đang mặc mà lội xuống ao này đi.

Mặc dầu, Sa di vẫn biết Pothila đang mặc thượng y, y nội và y hai lớp loại đắt giá, nhưng Ngài vẫn bảo như thế để xem tâm của Pothila có nhẫn nại theo huấn từ hay không. Ngài Sa di vừa dứt lời thì Pothila đã đi xuống ao ngay. Khi các đường viền y của Đại Đức bị thấm ướt, vị Sa di gọi:

- Bạch Ngài, hãy đến đây.

Vị Sa di vừa dứt lời, Đại Đức đã đến trước mặt ông Sa di. Vị Sa di lại nói:

- Bạch Ngài! Ví như trong một gò mồi có sáu lỗ ngách và một con kỳ đà theo một lỗ ngách nào đó mà chui vào trong gò mồi. Người ta muốn bắt được con kỳ đà đó, phải bít cả năm cửa ngách, chừa lại chỉ có một cửa mà thôi, và bắt con kỳ đà tại cái lỗ ngách mà nó đã chui qua. Đối với lục căn môn, Ngài cũng phải làm như thế, hãy đóng chặt hết năm căn môn và định tâm vào ý căn môn.

Mấy lời của Sa di vừa dứt, khiến tâm tư Pothila đa văn vụt bật sáng như đèn cầy vừa được thắp lên. Pothila nói:

- Bậc Trí giả ơi! Bây nhiêu đây cũng đủ rồi.

Hạ thấp sự hiểu biết trong thân bất tịnh này xuống, vị Tỳ khưu đa văn hướng tâm đến Sa Môn Pháp.

Đức Bôn Su đang ngồi cách xa 120 do tuần, nhìn theo dõi vị Tỳ khưu ấy và tự nghĩ rằng: “*Tỳ khưu này phải tự mình hành đạo như thế để trở nên Bậc Trí tuệ quảng bác*”. Nghĩ rồi, Đức Bôn Su phóng hào quang, thị hiện như đang nói chuyện với Pothila và nói lên kệ ngôn rằng:

“Yogā ve jāyati bhūri
Ayogā bhūrisaṅkhayo
Etaṃ dvedhā pathaṃ ñātvā
Bhavāya vibhavāya ca
Tath’attānaṃ niveseyya
Yathā bhūri pavaḍḍhati”.

“*Tu thiên trí tuệ sanh
Bỏ thiên trí tuệ diệt
Biết con đường hai ngã
Hướng đến lợi và hại
Hãy tự mình nỗ lực
Khiến trí tuệ tăng trưởng*”.



CHÚ GIẢI:

Yogā: Chú tâm trên ba mươi tám đối tượng.

Bhūri: Có trí tuệ rộng lớn như địa đại.

Savi khayō: Tiêu diệt.

Etam dvedhā patham: Con đường hai ngã là có tu thiền.

Bhavāya vibhāvāya ca: Có lợi và bất lợi.

Tath'attānam niveseyya: Tự mình hãy nỗ lực thế nào để trí tuệ phát triển đến mức gọi là trí quảng bác như mặt đất.

Cuối thời kệ, Đại Đức Pothila đắc quả A La Hán.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Pháp thuyết học rồi thật lắm công,
Mà sao Phật cứ gọi “Đâu không”?
Bực mình Đại Đức Pô Thí Lá,
Lặn lội vô rừng kiếm “NỘI TÔNG”,
Ngã mạn vì: Ta cũng bậc cao,
Gặp thiền sư trưởng mới xin vào,
Các Ngài Đại Đức không ai nhận,
Phải lại Sa di, hết tự hào,
Ngờ đâu bảy tuổi đã vô sanh,
Dạy Pháp Sa Môn gắng thực hành,
Phật ở xa đường nhưng cũng độ,
ĐẦU KHÔNG, đạo quả kịp viên thành.*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC POTHILA RỘNG KHÔNG





**282. Thu thiên trí tuệ sanh. Bỏ thiên trí tuệ diệt.
Được mắt khéo phân biệt. Biết rõ đường chánh tà.
Tự nỗ lực theo đà. Trí tuệ dần tăng trưởng.**

XX.8- CÁC ĐẠI ĐỨC GIÀ

(Mahallakatthera)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 283-284)

“Vanam chindatha mā rukkham
Vanato jāyati bhayam
Chetvā vanañ ca vanathañ ca
Nibbanā hotha bhikkhavo”.

“Đốn rừng không đốn cây (dục vọng)
Từ rừng sinh sợ hãi
Đốn rừng và củi gỗ (dục)
Tỳ kheo hãy thoát ly”.

“Yāvam hi vanatho na chijjati
Aṇumatto’pi narassa nārisū,
Paṭibaddhamano va tāva so
Vaccho khīrapako’va mātari”.

“Khi nào chưa dứt sạch
Dây tình giữa trai gái
Tâm ý vẫn buộc ràng
Như bò con vú mẹ”.

Pháp Cú này Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nhiều vị Tỳ khuru già.

Tương truyền rằng: Trong thời gian còn là cư sĩ, các vị ấy là những Trưởng giả trong thành Sāvattthī thuộc hạng cự phú. Là những bạn thân, họ thường rủ nhau đi làm phước và nghe Đức Bốn Sư thuyết pháp. Rồi họ tự hỏi lẫn nhau rằng: “Chúng ta đã già rồi. Chúng ta còn nán lại nơi nhà làm gì nữa?”.

Sau khi xuất gia với Đức Bốn Sư, vì tuổi già nên họ không thể học thuộc lòng Pháp thuyết. Do đó họ cho cất một thảo am, ở sát ranh chùa rồi sống chung ở đó. Khi đi trì bình xong, họ ghé qua nhà để vợ con họ thêm vật thực mà độ.

Trong nhóm các vị Sư ấy, có một bà vợ cũ của một vị, có tên là Madhurapanikā (Mādhurapacikā) (Bàn tay thiện xảo), là người hộ độ cho tất cả nhóm. Cho nên các vị ấy thường mang vật thực khát thực được đến nhà bà mà ngồi độ, và bà tùy tiện nấu nướng thêm canh với thức ăn vào vật thực các vị ấy.

Ít lâu sau, bà lâm trọng bệnh và mệnh chung. Khi ấy các vị Sư già ấy ngồi tụ hội lại cùng nhau tại thảo am, ôm cổ nhau mà khóc than, kể lể rằng:

- Bà tín nữ có tay thiện xảo nay mất rồi.

Chư Tỳ khuru khắp nơi đi đến hỏi thăm rằng:

- Có việc chi thế, nầy các hiền giả?

- Bạch các Ngài! Bà vợ cũ của bạn chúng tôi đã mất rồi. Một tay bà đã hộ độ chúng tôi thật nhiều. Nay bà mất đi, chúng tôi tìm đâu ra được một bà hộ tăng như thế đó nữa. Do đó, chúng tôi khóc.

Chư Tỳ khuru đem việc nầy ra thảo luận tại Giảng đường. Đức Thế Tôn ngự đến phán hỏi rằng:

- Nầy các Tỳ khuru! Hôm nay các thầy tụ hội thảo luận việc chi vậy?

- Bạch Ngài, việc như thế... như thế...

- Nay các Tỳ khuru! Không phải bây giờ, mà trước kia bà ấy là một con quạ mái. Một hôm đi kiếm ăn dọc bờ biển, bị một lượn sóng kéo lôi xuống biển mà chết. Các vị Tỳ khuru này khi ấy là những con quạ trống, chúng cũng đã từng khóc than trước cái chết của con quạ mái, thở than cùng nhau rằng: “*Chúng ta sẽ vớt nàng lên*”. Rồi chúng dùng mỏ định rút hết nước biển lớn, nhưng chỉ nhọc công vô ích.

Nói rồi, Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

“*Api na bahukā santā
Mukhañca Parisassati
Cramāna na pārema
Pūrateva mahodathati*”.

“*Quai hàm ta đã mới
Miệng mồm ta đã khô
Ta không tát voi nước
Biển lớn lại đầy tràn*”.

Sau khi thuật xong Bốn sanh con quạ, Đức Thế Tôn gọi chư Tỳ khuru già đến bảo rằng:

- Nay các Tỳ khuru! Sờ dĩ các thầy gặp phải khổ này là tại vì khu rừng tham, sân, si. Phải đốn tuyệt khu rừng ấy đi thì các thầy sẽ giải thoát khổ.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

283. “*Vanam chindatha mā rukkham
Vanato jāyati bhayaṃ
Chetvā vanañ ca vanathañ ca
Nibbanā hotha bhikkhavo*”.

“*Đốn rừng không đốn cây (dục vọng)
Từ rừng sinh sợ hãi
Đốn rừng và củi gỗ (dục)
Tỳ kheo hãy thoát ly*”.

284. “*Yāvaṃ hi vanatho na chijjati
Aṇumatto’pi narassa nārisū,
Paṭibaddhamano va tāva so
Vaccho khīrapako’va mātari*”.

“*Khi nào chưa đốn sạch
Dây tình giữa trai gái
Tâm ý vẫn buộc ràng
Như bò con vú mẹ*”.



CHÚ GIẢI:

Nā rukkham: Nghe Đức Bốn Sư bảo: Hãy đốn rừng. Những vị mới tu ngỡ rằng: Đức Bốn Sư ta hãy dùng búa, lấy rìu đi đốn rừng, rồi khởi lên ý đốn cây.

Thật ra, Đức Bốn Sư ngụ ý nói đến khu rừng phiền não nhất là tình ái, chứ không ám chỉ các cây, nên nói rằng: “Đùng đốn cây”.

Vanato: Ví như từ khu rừng thông thường hằng có sự sợ hãi do thú dữ trú ẩn như sư tử... Cũng vậy, những sự sợ hãi khởi lên từ khu rừng dục vọng phiền não, phát sanh bốn sự sợ nhất là sự sợ sanh.

Vanam hi vanatthañ ca: Ở đây, những cây to gọi là rừng (vana), những cây mọc sau gọi là củi gỗ. Cũng vậy, những đại phiền não dẫn đi thọ sanh các cảnh giới gọi là

rừng, còn các phiên nã cho quả dị thực, gọi là củi gỗ. Cả hai thứ này cần nên chặt đứt bằng Bốn Đạo, nên mới có câu: “Đốn rừng và củi gỗ”.

Nibbānā hoṭha: Hãy dập tắt phiên nã.

Kāvaṃ hi vanatho: Dầu nhỏ như hạt bụi của các củi gỗ ấy, là dây luyến ái giữa nam và nữ chưa cắt đứt đến chừng nào tâm còn bị dính mắt buộc ràng, như bò con chưa rời vú mẹ.

Cuối thời Pháp, các vị Tỳ khuru già đác quả Tu Đà Hườn. Thính chúng cũng được hưởng nhiều lợi ích.



Dịch Giả Cẩn Đề

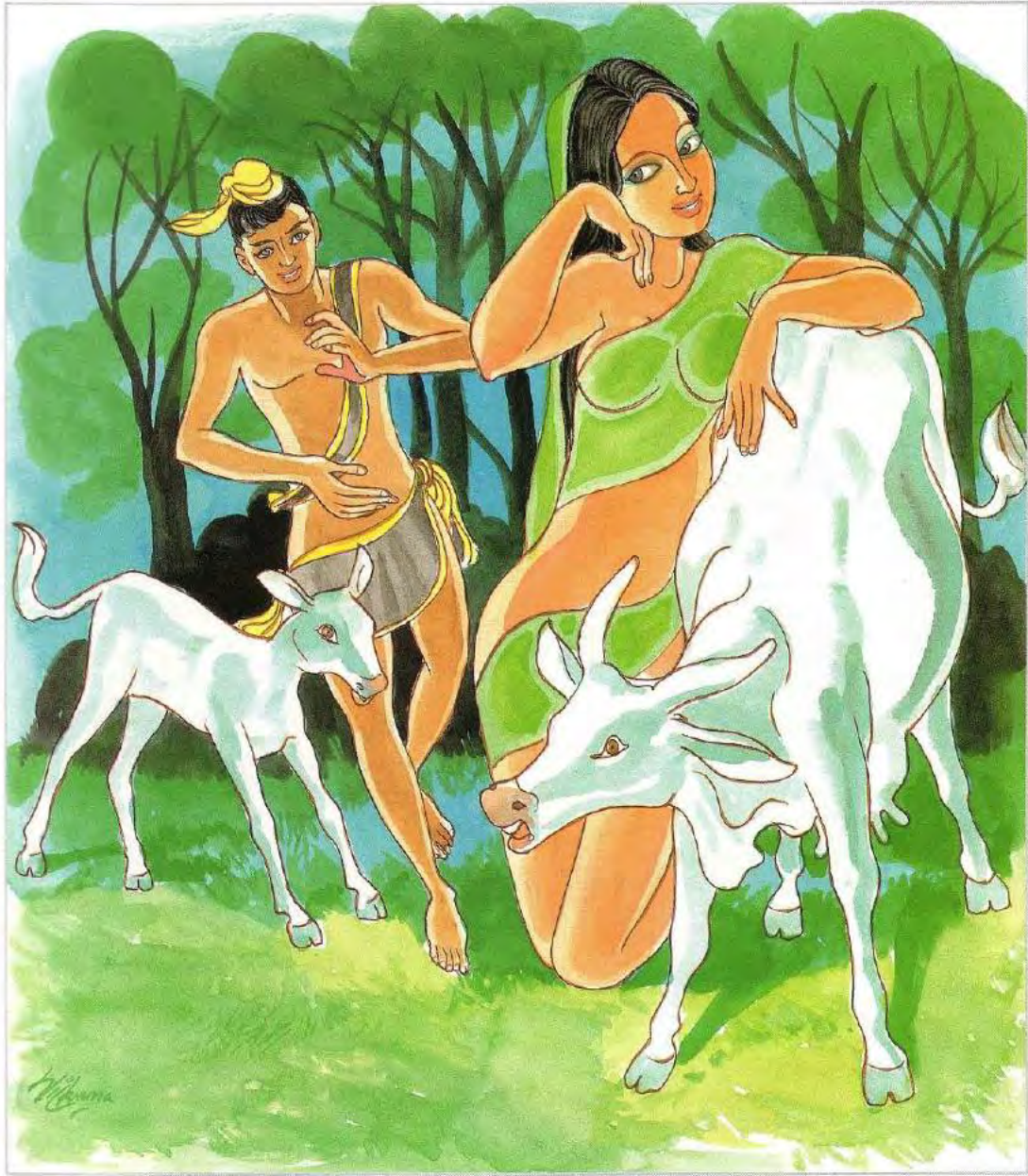
*Bà hộ Tăng nay đã mất rồi,
Sư già khóc tợ trẻ mồ côi,
Vắng người dâng phụng đồ ăn uống,
Thiếu kẻ lau qua chỗ đứng ngồi,
Khát sữa bò con mơ tưởng vú,
Thèm cơm quạ trống ước ao môi,
Dây tình trai gái còn miên viễn,
Biển khổ trầm luân mãi mãi trôi.*

DỨT TÍCH CÁC ĐẠI ĐỨC GIÀ





**283. Đốn rừng chớ đốn cây. Vì rừng gây sợ hãi.
Nên đốn rừng tham ái. Tỳ kheo, hãy ly tham.**



**284. Bao lâu chưa đoạn tuyệt. Ái dục giữa gái trai.
Tâm tư đeo đuổi hoài. Như bê con theo mẹ.**

XX.9- ĐỆ TỬ ĐẠI ĐỨC SĀRIPUTTA
(Sāriputtattherassasaddhivihāri)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 285)

**“Ucchinda sineham attano
Kumudaṃ sārādikaṃ’va pāṇinā,
Santimaggam eva brūhaya
Nibbānaṃ sugatena desitaṃ”.**

***“Tự cắt dây tình ái
Như tay bẻ sen thu
Hãy tu đạo tịch tịnh
Níp Bàn, Thiện Thệ dạy”.***

Pháp cú này được Đức Thế Tôn thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến đệ tử Ngài Sāriputta.

Tương truyền rằng: Một thanh niên con nhà làm nghề thợ bạc, đẹp trai đã xin xuất gia với Đại Đức Sāriputta. Đại Đức nghĩ: “*Các thanh niên thì tình ái rất mạnh*”. Thế rồi, Đại Đức cho đệ tử mình đề mục niệm tử thi (bất tịnh), ngõ hầu chống lại tình xuân. Đề mục này không thích hợp với vị đệ tử. Bởi vậy, khi vào rừng hành thiền suốt cả ba tháng, vị này chẳng đạt đến trạng thái định tâm (citta ekaggatā), bèn trở về bạch với Đại Đức. Đại Đức hỏi:

- Này Hiền giả! Hiền giả đã đạt được đề mục chưa?

Vị trò liền đem chuyện mình bạch lại với thầy. Khi ấy, Đại Đức nói với đệ tử rằng:

- Hành giả không nên bỏ cuộc, nói rằng: “*Đề mục thiền của ta không thành tựu*”.

Rồi Đại Đức giảng giải thật kỹ về đề mục Bất tịnh này cho đệ tử. Nhưng lần thứ hai, vị đệ tử cũng không đạt được pháp Thượng nhân nào cả, nên lại trở về bạch với thầy. Lần này Đại Đức Sāriputta cũng vẫn dạy đề mục cũ, dùng nhiều ví dụ để vạch rõ những lý do then chốt. Rốt cuộc lại cũng chẳng có kết quả chi.

Đại Đức nghĩ thầm: “*Vị Tỳ khuru đang hành đạo, nếu trong tâm có nhiều phiền não dục vọng thì biết rằng có, không có thì biết rằng không có. Tỳ khuru này hành đạo tinh tấn, không phải là không tinh tấn. Đi trên chánh lộ chứ không phải tà lộ, trích ngoài tà lộ. Chắc có lẽ người này có duyên được Đức Thế Tôn chuyển hóa*”. Vào xế chiều, Đại Đức dắt vị đệ tử đến yết kiến Đức Bổn Sư và tường trình hết mọi việc, nói rằng:

- Bạch Ngài! Đây là vị Tỳ khuru đệ tử của con. Do đó con đã truyền dạy vị ấy đề mục quán bất tịnh.

- Này Sāriputta! Tuệ hiểu biết rõ những khuynh hướng và tùy miên phiền não của chúng sanh chỉ có nơi Đấng Chánh Đẳng Giác, là bậc đã viên mãn Pháp Độ, chứng đắc Toàn Giác quả khiến cho mười ngàn thế giới hoan hô vang dội.

Đức Thế Tôn quán xét nội tâm của vị Tỳ khuru trẻ rằng: “*Tỳ khuru này từ gia tộc nào xuất gia*”. Khi biết vị này từ gia đình thợ bạc đi xuất gia, Đức Thế Tôn tiếp tục

quán tiền kiếp của vị ấy, thấy được rằng: “*Vị này đã tái sanh trong gia đình thợ bạc 500 kiếp liên tục rồi*”.

Đức Bôn Su suy nghĩ rằng: “*Tỳ khuru này đã từng sống trong gia đình thợ bạc 500 kiếp, đã nhiều lần nói: Ta sẽ làm ra những cánh hoa Kannikā (bông đeo tai), những đóa hoa sen...*” và quanh quẩn chỉ tiếp xúc với chất vàng ròng mà thôi. Những đề mục bất mỹ, như thể trước không thích hợp với Tỳ khuru này. Nên cho Tỳ khuru ấy niệm những đề mục khả ái hơn. Đức Bôn Su bảo rằng:

- Này Sāriputta! Đề mục của người khiến Tỳ khuru này mệt mỏi, dụng công trong bốn tháng mà chẳng có kết quả chi. Hôm nay, sau bữa thọ trai ngày mai đệ tử thầy sẽ chúng A La Hán. Thôi thầy hãy về đi.

Đại Đức Sāriputta ra về. Vào sáng hôm sau, Đức Thế Tôn dùng thần thông tạo ra một đóa hoa sen vàng lớn như bánh xe bò, khiến cho những cánh hoa và cuống sen có vẻ như có nước nhều ra từng giọt và dẫn người đệ tử ấy ra bờ hồ, trao đóa sen ấy cho thầy, bảo rằng:

- Này Tỳ khuru! Hãy cầm lấy đóa sen này đi đến tận ranh chùa và đặt nó lên một đồng cát. Ngồi kiết già, lưng thẳng trước cánh hoa sen, khởi niệm đề mục “*Lohitakam! Lohitakam*” (Đỏ! Đỏ!).

Cầm lấy cánh hoa sen từ tay Đức Phật trao cho, thầy Tỳ khuru trẻ bỗng phát sanh tâm tịnh tín. Thầy ra tận ranh chùa, vun cát thành đồng rồi cắm cuống sen lên đó, ngồi kiết già đối diện với cánh hoa sen, niệm đề mục “*Lohitakam! Lohitakam!*”.

Ngay khi đó, năm pháp cái (Nīvarana) đều bị vệt ra và Cận định (upacāra-jhāna) sanh lên. Không gián đoạn, vị Tỳ khuru liền nhập Sơ Định, xuất sơ thiền, đi kinh hành cho đến khi thuần thục năm pháp Vasī, rồi lại ngồi hành đạo chứng đắc Nhị Thiền, rồi Tam Thiền. Sau khi thuần thục trong Tứ Thiền, vị ấy tâm thỏa thích với thú vui Thiền định (jhānakitamkilanto nisīdi).

Đức Bôn Su biết vị Tỳ khuru trẻ đắc các tầng thiền rồi, nhưng Ngài quán xét thêm rằng: “*Tỳ khuru trẻ này có thể tự lực phát triển Quán minh để chứng đạt đạo quả cao siêu chăng?*”. Khi Ngài thấy rằng: “*Không thể được*”. Ngài liền khiến cho cánh hoa sen từ từ héo úa, trở thành đen giống như bị vò nát trong hai bàn tay vậy.

Vị Tỳ khuru trẻ xuất thiền, nhìn thấy đóa hoa sen hiện rõ tướng vô thường như vậy, tự nghĩ rằng: “*Đóa sen này sao lại lộ vẻ như là bị già nua đánh đập vậy? Rất đổi những vật không có sự bám víu vào thế gian (anupādinna) mà còn phải già nua như vậy huống chi những chúng sanh có sự bám víu vào thế gian sẽ bị già nua thắng phục*”. Đồng thời với sự thấy rõ Vô thường tướng (Aniccālakkaṇa), hành giả cũng thấy Khổ não tướng (Dukkhālakkaṇa) và Phi ngã tướng (Anattālakkaṇa). Bấy giờ ba tướng hiện lên giống như đang thiêu đốt cả Tam giới và ghê tởm như xác chết buộc vào cổ vậy.

Ngay lúc ấy, cách vị Tỳ khuru trẻ không xa, một đứa con trai lội xuống ao, hái những cánh hoa sen trắng chất đồng trên bờ. Vị Tỳ khuru ngắm những đóa Bạch liên dưới nước và trên bờ, thì thấy những cánh dưới nước có vẻ tuyệt đẹp giống như chúng đang vươn lên đầm nước mát, còn những cánh sen nằm trên bờ thì dần héo tàn.

Vị ấy tự nghĩ: “Với những vật không có thủ hữu mà sự già nua còn đánh đập như thế, huống hồ gì những vật có thủ hữu nó lại không buông tha (không đánh những chúng sanh bám víu vào thế gian) hay sao?”

Càng suy xét, vị ấy càng thấy rõ bản chất tướng vô thường, khổ não và phi ngã hơn bao giờ hết. Đức Bôn Su biết rõ rằng: “Bây giờ, những đề mục của Tỳ khuru này được thấu triệt đến nguồn cội”. Ngồi trong hương thất, Ngài phóng hào quang đến ngay trước mặt vị Tỳ khuru trẻ. Vị ấy suy nghĩ: “Cái chi thế?”. Ngược mắt nhìn lên thấy hình ảnh Đức Thế Tôn, vị ấy đứng dậy đảnh lễ Ngài. Khi ấy, Đức Thế Tôn suy xét đến pháp tánh thích hợp cho vị ấy rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Ucchinda sineham attano
Kumudaṃ sārādikaṃ’va pāṇinā,
Santimaggaṃ eva brūhaya
Nibbānaṃ sugatena desitaṃ”.

“Tự cắt dây tình ái
Như tay bẻ sen thu
Hãy tu đạo tịch tịnh
Níp Bàn, Thiện Thệ dạy”.



CHÚ GIẢI:

Ucchinda: Cắt đứt bằng A La Hán đạo.

Sārādikaṃ: Mọc trong mùa thu.

Santimaggaṃ: Bát Chánh Đạo, đường đến Níp Bàn.

Brūhaya: Phát triển gia tăng.

Nibbānaṃ: Níp Bàn, Đức Thiện Thệ đã thuyết giảng rồi, bởi vậy hãy tu theo Đạo của Ngài.

Cuối thời Pháp, vị Tỳ khuru chứng đắc A La Hán Quả.

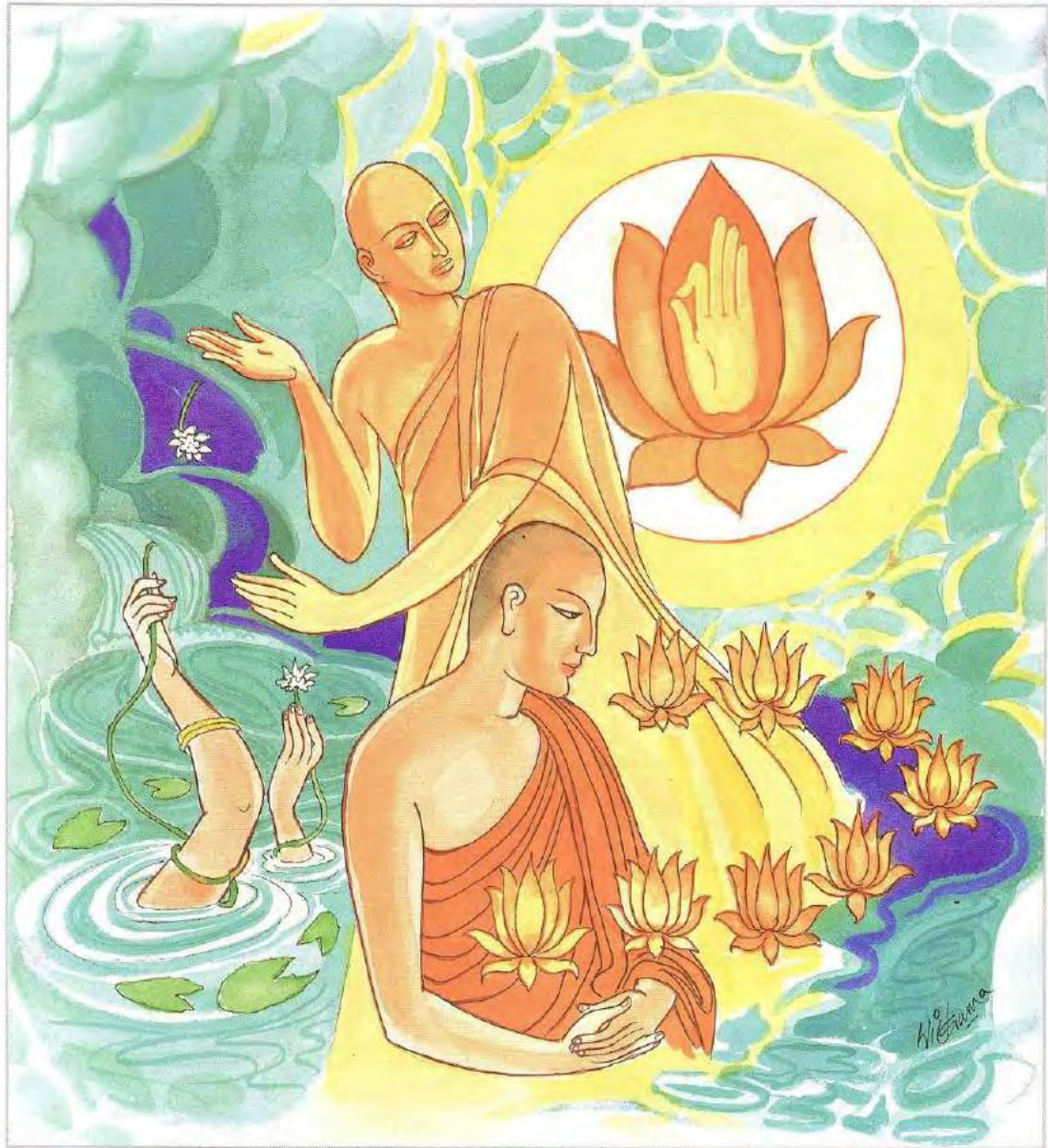


Dịch Giả Cẩn Đề

*Bốn tháng nguyên đề niệm chẳng thông,
Đổi đề, một ngộ đã nên công,
Truy ra chỉ tại năm trăm kiếp,
Thợ bạc ưa vàng, thích chạm bông,
Tuy nhiên vạn vật thấy vô thường,
Sắc đẹp khi già hết chỗ nương,
Tình ái như sen thu sắp úa,
Đoạn tình, mới dứt được sầu vương.*

DỨT TÍCH ĐỆ TỬ ĐẠI ĐỨC SĀRIPUTTA





**285. Hãy cắt tiết ái dục. Như tay ngắt sen thu.
Đạo tịch tịnh gắng tu. Bạc Thiện Thệ dạy vậy.**

XX.10- ĐẠI PHÚ THƯƠNG (Mahādhana vāṇja)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 286)

“*Idha vassaṃ vasissāmi
Idha hemantagimhisu
Iti bālo visinteti
Antarāyaṃ na bujjhati*”.

“*Mùa mưa ta ở đây
Đông, Hạ cũng ở đây
Người ngu tâm tưởng vậy
Không tự giác hiểm nguy*”.

Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết tại Jetavana, đề cập đến ông phú thương Mahādhana.

Tương truyền rằng: Đại phú thương này cho chất đầy 500 cỗ xe bò vật dụng như vải nhuộm vàng, đồ... từ thành Bārāṇasī đi buôn bán. Trên đường trở về thành Sāvattihī, khi đi đến bờ sông, ông nghĩ thầm: “*Ngày mai ta sẽ sang sông*”. Ông cho mở bò, dừng xe tại nơi ấy. Ban đêm trời bỗng nổi giông to bão lớn suốt cả bảy ngày, nước sông dâng cao. Dân chúng trong thành mở lễ hội vui chơi, thế là số vải đỏ, vàng không có dịp bày ra bán. Ông lái buôn thầm nghĩ: “*Ta từ phương xa đến đây, nếu trở về thì phí mất nhiều ngày. Chi bằng ta hãy lưu lại nơi này cả mùa mưa, mùa lạnh và mùa nóng. Vừa làm công việc của ta, vừa bán các hàng vải này*”.

Đức Bổn Sư đang đi khát thực trong thành Sāvattihī, biết được tâm của người thương buôn nên Ngài mỉm cười. Đại Đức Ānanda thấy lạ liền bạch hỏi Ngài về lí do sự mỉm cười. Ngài hỏi rằng:

- Này Ānanda! Thầy có thấy người thương buôn này chẳng?
- Bạch Ngài! Có.
- Vì không biết có sự tai hại đến sinh mạng của mình, nên ông ta quyết định ở lại nơi này trọn năm để bán hàng hóa.
- Bạch Ngài! Ông ta gặp tai nạn gì?
- Phải! Này Ānanda! Ông ta chỉ còn sống được bảy ngày nữa thôi, rồi ông ta sẽ rơi vào bụng cá.

Tiếp theo, Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn rằng:

“*Ajjeva kiccaṃ ātappaṃ
Kojaññā maraṇaṃ suve
Nahino savigarantena
Mahāsenena maccunā
Taṃ ve bhaddekarattoti
Santo ācikkhate munīti*”.

(*Hãy gấp rút làm việc phải làm trong ngày hôm nay. Ai đâu biết ngày mai tử thân có thể đến. Vì chúng ta chưa chiến đấu với Tử thân và đội hùng binh của nó?*)

(*Hạnh phúc thay! Người hằng tinh cần ngày đêm như vậy không biết mệt mỏi. Dầu người chỉ sống một đêm thôi. Bậc Tịnh giả đã tuyên bố như thế.*)

- Bạch Ngài! Xin Ngài cho phép con báo cho ông ta biết.

- Lành thay! Này Ānanda! Thầy cứ đi tự do.

Đại Đức đi đến vòng rào xe bò và trì bình nơi ấy, người lái buôn cúng dường vật thực đến Đại Đức. Đại Đức hỏi ông ta rằng:

- Ông còn định ở đây bao lâu nữa?

- Bạch Ngài! Con từ phương xa đến, nếu con quay về thì phí thời giờ, bất tiện lắm. Con sẽ lưu lại đây trọn năm nay và chừng nào con bán hết hàng hóa rồi con mới ra đi.

- Này thiện nam, cho dầu là phút lâm chung cũng khó biết được. Ông nên tinh cần mới được.

- Bạch Ngài! Chắc có tai nạn gì cho con chăng?

- Phải, này thiện nam, ông chỉ còn sống thêm bảy ngày nữa mà thôi.

Sanh tâm kinh cảm, ông lái buôn cung thỉnh Tỳ khưu có Đức Phật là vị Thượng Thủ đến thọ trai thực suốt cả bảy ngày liền, rồi rước bát Đức Thế Tôn, thỉnh cầu Ngài ban phúc. Ngài tùy hỷ bằng những lời rằng:

Này cận sự nam! Bậc hiền trí không bao giờ nghĩ rằng: Ta sẽ ở đây trọn cả mùa mưa, mùa lạnh và mùa nóng. Ta sẽ làm công việc này, công việc kia. Trái lại, vị ấy hằng quán tưởng rằng: “Phút lâm chung của mình”. Rồi Đức Thế Tôn ngâm kệ ngôn rằng:

“Idha vassaṃ vasissāmi
Idha hemantagimhisu
Iti bālo visinteti
Antarāyaṃ na bujjhati”.

“Mùa mưa ta ở đây
Đông, Hạ cũng ở đây
Người ngu tâm tưởng vậy
Không tự giác hiểm nguy”.



CHÚ GIẢI:

Idha vassaṃ: Trong chỗ này ta sẽ kiết hạ an cư trong bốn tháng, vừa làm việc này, vừa làm việc nọ.

Hemantagimhisu: Trong bốn tháng lạnh và bốn tháng nóng, ta sẽ ở đây làm việc này, việc nọ. Kẻ ngu cứ nghĩ như vậy, chớ không hiểu biết sự lợi ích hiện tại và vị lai.

Antarāya: Không biết trước giờ lâm chung của mình. Như ta sẽ chết tại một địa điểm nào, vào thời nào, ở xứ nào, chừng tuổi nào...

Cuối thời Pháp, lái buôn chứng đắc quả Tu Đà Hườn. Thính chúng câu hội hưởng được sự lợi ích của thời Pháp.

Thương nhân theo tiền chân Đức Phật, khi quay trở lại, ông kêu:

- Tôi nhưc đầu quá. Rồi ông lên giường nằm và mệnh chung, tái sanh về cõi Tusitā.

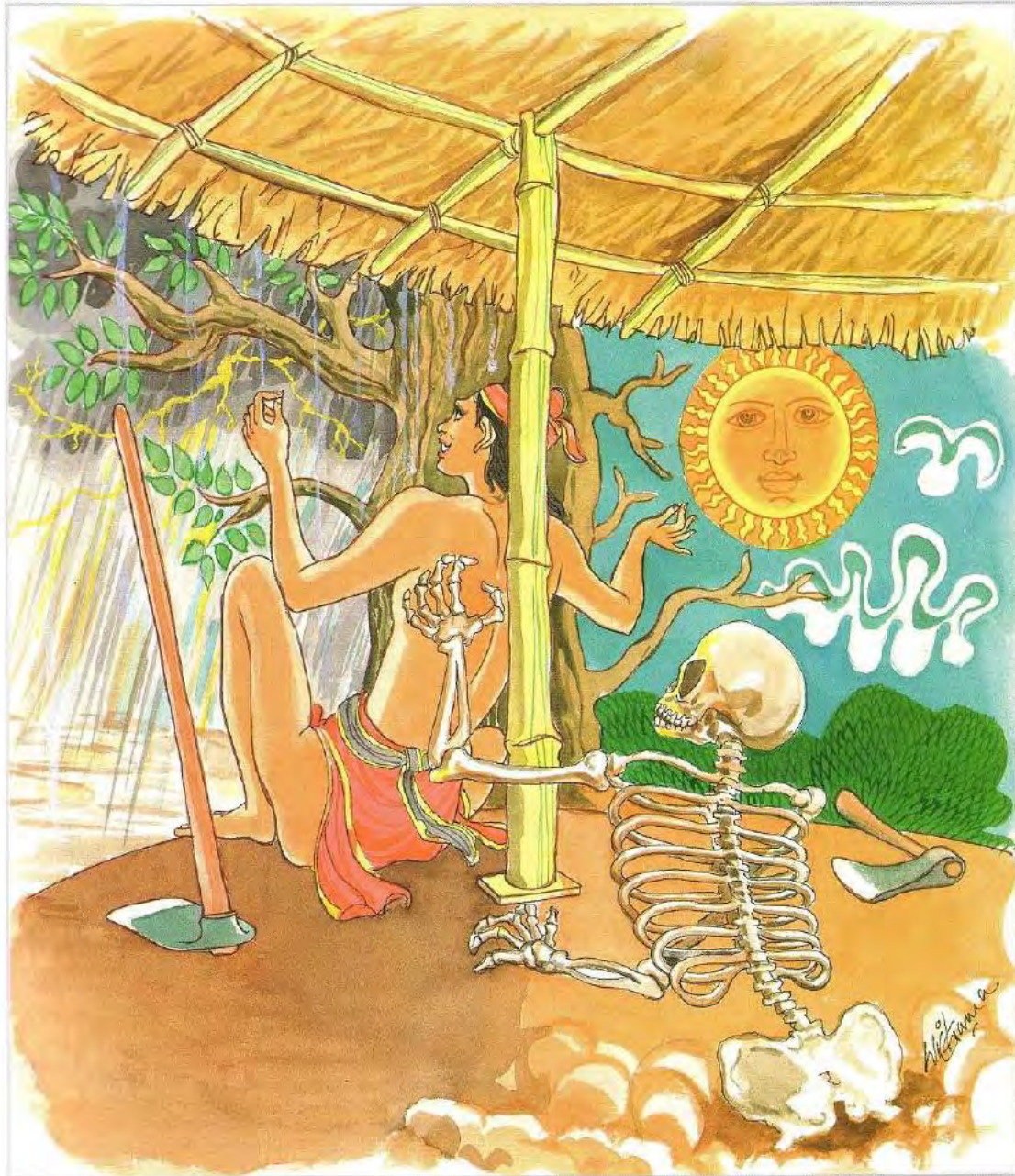


Dịch Giả Cẩn Đề

*Điều cần hãy gấp rút làm đi,
Chớ để dây dưa trễ hạn kỳ,
Ai chắc ngày mai ta vẫn sống,
Hay là chết đọa xuống A Tỳ,
Phú thương định ở trọn năm nay,
Khi biết mình còn sống bảy ngày,
Lật đật cúng dường luôn một thất,
Vãng sanh Đâu Suất cũng là may.*

DÚT TÍCH ĐẠI PHÚ THƯƠNG





**286. Mùa mưa ta ở đây. Hè thu ta ở đây. Kẻ ngu si nghĩ vậy.
Nào đâu thấy hiểm nguy.**

XX.11- NÀNG KISĀ GOTAMĪ

(*Kisāgotamī*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 287)

**“Tạṃ puttapasusammattaṃ
Byāsattamanasaṃ naraṃ
Suttaṃ gāmaṃ mahogho’va
Maccu ācāya gacchati”.**

***“Tâm này bị đắm say
Con cái và súc vật
Bị tử thần bắt đi
Như nước trôi làng ngủ”.***

Pháp Cú này, Đức Bôn Sư đã thuyết khi ngự tại Jetavana, đề cập đến nàng Kisā Gotamī.

Sự tích nàng Kisā Gotami nằm trong phẩm NGÀN và được nói rõ trong kệ ngôn 114.

Lúc bấy giờ Đức Bôn Sư hỏi:

- Này Kisā Gotamī! Con đã kiếm được một nhúm hạt cải chưa?

- Bạch Ngài! Con kiếm không được. Khắp cả làng số người chết nhiều hơn cả số người sống.

Nhân đó, Đức Bôn Sư dạy rằng:

- Con trai ta đã chết. Thật uổng công vô ích. Đó là định luật tự nhiên đối với tất cả chúng sanh. Tử thần như luồng nước lũ cuốn tất cả chúng sanh chìm đắm xuống biển khổ.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

**“Tạṃ puttapasusammattaṃ
Byāsattamanasaṃ naraṃ
Suttaṃ gāmaṃ mahogho’va
Maccu ācāya gacchati”.**

***“Tâm này bị đắm say
Con cái và súc vật
Bị tử thần bắt đi
Như nước trôi làng ngủ”.***



CHÚ GIẢI:

Tạṃ puttapasusammattaṃ: Người nào có con cái và súc vật, đầy đủ các hạnh phúc như sức khỏe, sống lâu... hằng tự hào rằng: Những con trai ta tuần tú khôi ngô, đầy đủ sức mạnh, là bậc hiền trí có khả năng làm đủ mọi công việc. Bò đực của ta hình dáng xinh đẹp, vô bệnh, có sức khỏe kéo xe nặng, bò cái của ta có nhiều sữa... Người đó là người còn say đắm con cái và súc vật vậy.

Byāsattamanasaṃ: Trong những tài vật như là bạc, vàng hoặc là bất y chẳng hạn. Nếu được chút ít chi, từ đó người ta lại mong ước và tâm bị dính mắc vào sự cao xa hơn nữa. Trong những đối tượng có thể nhận thức bằng nhãn quan... đã kể trên hoặc những nhu cầu phụ thuộc kiếm được món nào rồi là tâm bị dính mắc vào món đồ đó ngay, nên nói là tâm còn bị đắm say.

Suttaṃ gāmaṃ: Làng ngủ. Đây là chỉ những chúng sanh còn đang ngủ trong làng đó.

Mahoghova: Ví như nguyên cả làng như vậy, mà dòng nước lũ sâu rộng mênh mông cũng lôi đi tất cả, dầu một con chó cũng không sót lại. Như thế nào, thì Tử thần cũng lôi cuốn con người ra đi như thế ấy.

Cuối thời Pháp, nàng Kisā Gotamā đăc quả Tu Đà Hườn. Kỳ dư thính chúng đều hưởng lợi ích.



Dịch Giả Căn Đề

*Chết đăra con so, dạ mẹ sầu,
Tưởng rằng: trẻ chết chẳng bao lâu,
Bàn tay cứu tử còn mong ước,
Hột cải hoàn sinh hết vọng cầu...
Thấy lẽ vô thường mau tỉnh giác,
Gặp đường diệt khổ nhẹ lo âu.
Hữu duyên Phật độ Kiều Đàm óm,
Nghe pháp vừa xong đăc quả đầu.*

DỨT TÍCH NÀNG KISĀ GOTAMĪ





287. Say đắm bám lấy con cái tài sản, người mà như vậy cái chết bám lấy, túm lấy lôi đi như là bão lũ cuốn trôi cả vùng đang còn say ngủ.

XX.12- NÀNG PATĀCĀRĀ

(*Patācārā*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 288-289)

288. “Na santi puttā tāṇāya
Na pitā na’pi bandhavā
Antakenādhīpannessa
Natthi ñāṭisu tāṇatā”.

“Một khi tử thân đến
Không có con che chở
Không cha không bà con
Không thân thích che chở”.

289. “Etaṃ atthavasam ñatvā
Paṇḍito sīlasamvuto
Nibbānagamaṇaṃ maggaṃ
Khīppaṃ’eva visodhaya”.

“Biết rõ lí lẽ trên
Kẻ trí siêng trì giới
Thấu triệt đường Níp Bàn
Sớm chứng thanh tịnh đạo”.

Pháp Cú này, Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nàng Patācārā.

Sự tích nàng Patācārā cũng nằm trong phẩm NGÀN, được thuyết giảng đầy đủ ở kệ ngôn 113.

Lúc bấy giờ, Đức Bổn Sư biết rằng nàng Patācārā đã voi bót sấu khổ, nên dạy nàng rằng:

- Này Patācārā! Khi con người sang thế giới khác, thì vợ chồng, con cái, cha mẹ, anh em chi cũng không thể làm chỗ nương nhờ, chỗ trú ẩn, chỗ an toàn cho mình được cả. Bởi vậy, dầu cho có họ cũng như không mà thôi. Ai là bậc hiền trí thì phải lo giữ giới cho trong sạch và phải quét sạch con đường đi đến Níp Bàn.

Nói rồi, Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

288. “Na santi puttā tāṇāya
Na pitā na’pi bandhavā
Antakenādhīpannessa
Natthi ñāṭisu tāṇatā”.

“Một khi tử thân đến
Không có con che chở
Không cha không bà con
Không thân thích che chở”.

289. “Etaṃ atthavasam ñatvā
Paṇḍito sīlasamvuto
Nibbānagamaṇaṃ maggaṃ
Khīppaṃ’eva visodhaya”.

“Biết rõ lí lẽ trên
Kẻ trí siêng trì giới
Thấu triệt đường Níp Bàn
Sớm chứng thanh tịnh đạo”.



CHÚ GIẢI:

Pāṇāya: Để che chở giúp đỡ cho mình.

Bandhavā: Ngoài con cái và cha mẹ ra, còn những thân bằng quyến thuộc.

Antakenā’dhīpannessa: Bị tử thân thắng phục. Quả nhiên, dầu cho tất cả thân nhân, nhất là con cái bao vây, chăm lo cúng dường cơm nước, thuốc men... và làm hết

mọi công việc để giúp đỡ, che chở, nhưng tới giờ phút lâm chung thì phương tiện nào cũng không thể dùng để tránh cái chết được cả. Do nơi không có sự giúp đỡ, chở che lên nhau vì đó là việc vô ích. Bạc hiền trí ráng lo thu thúc thọ trì, gìn giữ Tứ thanh tịnh Giới và tiếp theo đó cấp tốc quét sạch phiền não theo đường Bát Chánh Đạo, là con đường đi đến Níp Bàn.

Cuối thời Pháp, nàng Patācārā đặc quả Tu Đà Hườn. Ngoài ra còn nhiều người khác cũng đặc quả Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Chồng con, em út, mẹ cùng cha,
Một lúc trùng tang hết cả nhà,
Mệnh bạc, nóng lòng như lửa đốt,
Má hồng, đổ lệ tợ mưa nhòn,
Thất tình, tuột áo, quên mình khóc,
Loạn trí, đi đường, chọc chúng la...
Tỉnh ngộ liền đặc Sơ Thánh Quả,
Nơi gương Từ Phụ đắp cà sa...*

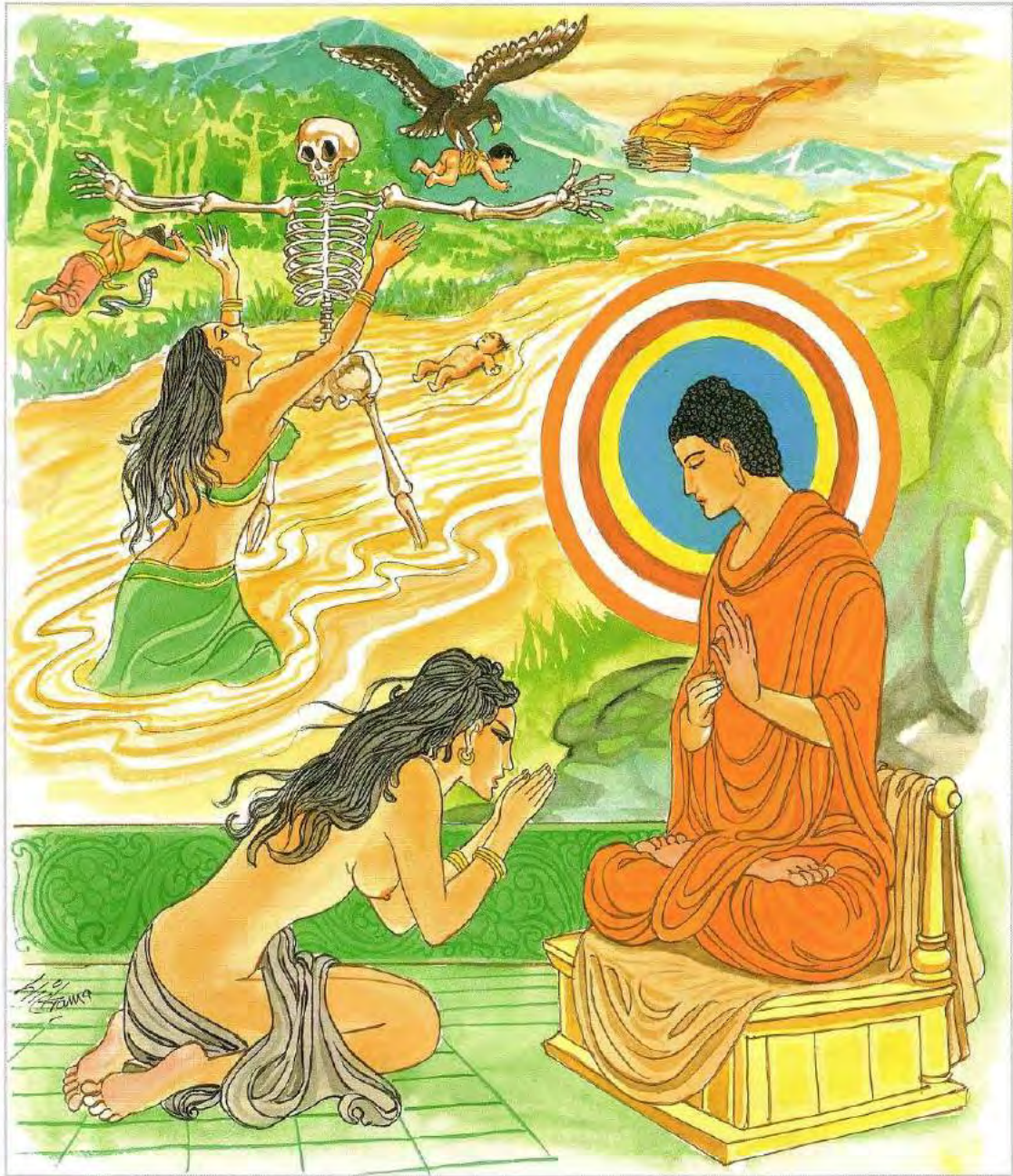
DỨT TÍCH NÀNG PATĀCĀRĀ



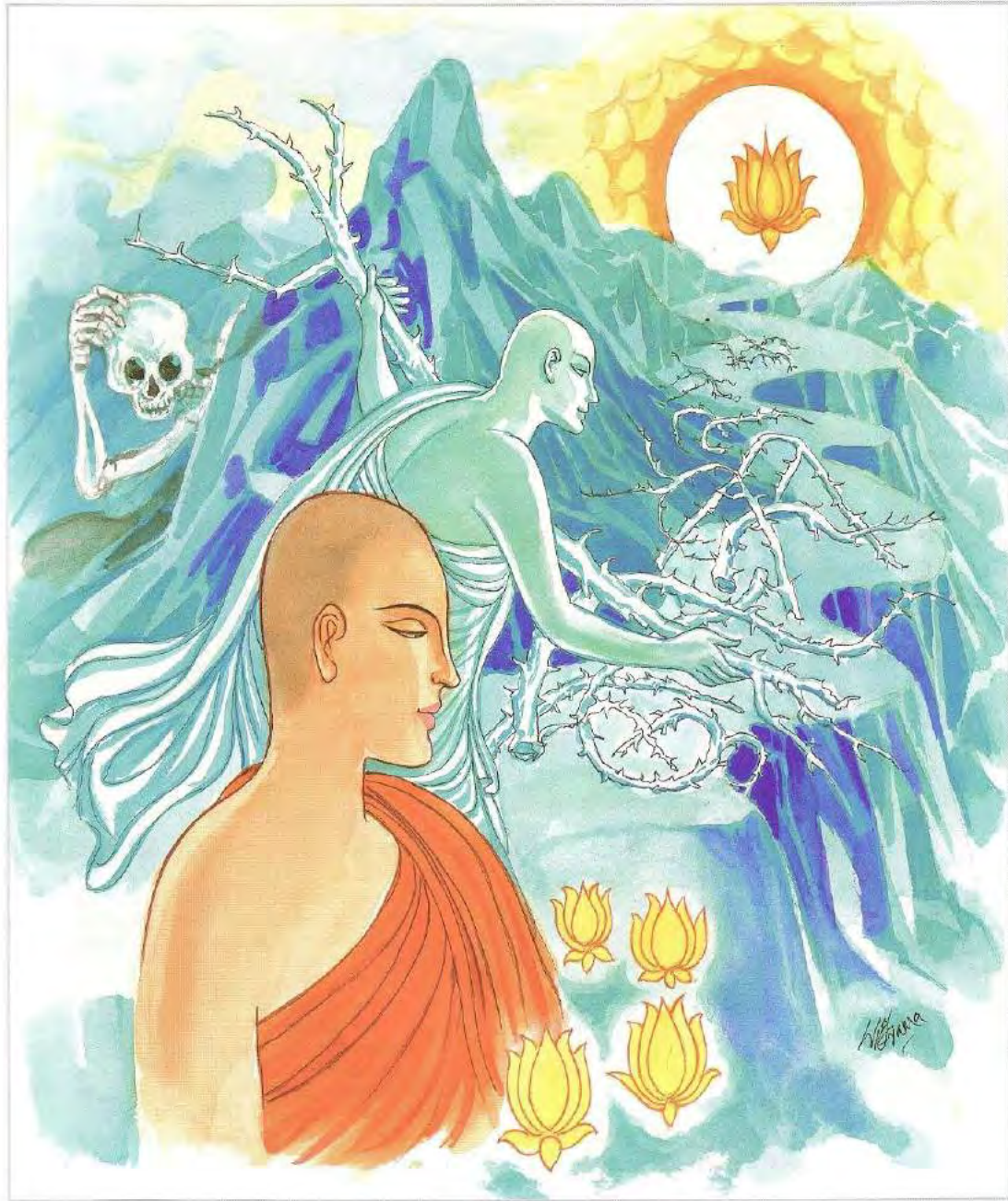
DỨT PHẪM ĐẠO – MAGGA VAGGA

DỨT PHẪM 20





**288. Con cái nào chở che. Mẹ cha nào o bế.
Thân thích nào bảo vệ. Khi bị thân chết lòi.**



**289. Hiểu rõ sự lý trên. Bậc trí nên trì giới.
Khai sáng đường đi tới. Trục chỉ đến Niết bàn.**

XXI. PHÂM TẠP LỤC (PAKINĀKA VAGGA)



- 15 Bài kệ: Pháp Cú 290-305

- 9 tích truyện

XXI.1- HẠNH NGHIỆP CỦA ĐỨC PHẬT (Attanopubbakammavatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 290)

**“Mattāsukhapariccāgā
Passe ce vipulaṃ sukhaṃ
Caje mattā sukhaṃ dhīro
Sampassaṃ vipulaṃ sukhaṃ”.**

***“Nhờ từ bỏ lạc nhỏ,
Thấy được lạc lớn hơn,
Bậc trí bỏ lạc nhỏ,
Thấy được lạc lớn hơn”.***

Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết lên khi Ngài ngự tại Veluvana, đề cập đến hạnh nghiệp của Ngài.

Tương truyền rằng: Một thời, kinh thành Vesālī là một vương quốc giàu có, đất đai trù phú, dân cư đông đúc. Vương quốc này có 7700 vị vua kế vị theo tuần tự. Nói về sự kiến tạo hoàng cung, châu viên, vườn Thượng Uyển, hồ sen thì đều như nhau cả.

Lần nọ, thành Vesālī phát sanh nạn đói kém, thất mùa, dân cư chết quá nhiều, phi nhơn khuấy phá, bệnh dịch lan khắp. Dân chúng tâu trình với Đức vua:

- Trong thành phát sanh ba điều kinh hoàng, đã bảy đời vua rồi chưa bao giờ có điều nguy hại như vậy. Vì những đời vua trước đã thực hành Thập Pháp Vương nên không có nguy hại.

Đức vua liền xuất của kho bố thí cho toàn dân và Ngài phán:

- Nếu Trẫm không hành đúng pháp Minh Quân thì thần dân hãy xem xét việc gì đã xảy ra.

Dân chúng thấy nhà vua rất quang minh chính đại, không có sai phạm điều gì. Nhưng tại sao chúng ta phải khổ sở, không an lạc?

Có người bảo rằng: “*Phải cúng tế, cầu an mới thoát khỏi*”. Nhưng không thể được. Có người lại cho rằng: “*Ở đây, có sáu vị Giáo Chủ có đại thần lực, chúng ta nên nhờ quý Ngài giúp mới được an lành*”. Và có người ý kiến rằng: “*Đức Thế Tôn đã xuất hiện trên thế gian, Ngài có đại thần lực, Pháp Âm của Ngài đưa chúng sanh giác ngộ. Nếu Ngài ngự đến đây, mọi điều rủi ro tai hại sẽ tan biến*”. Họ đồng tán thán ý kiến ấy. Và không biết bây giờ Bậc Đạo Sư ngự tại nơi nào?

Lúc bấy giờ là thời điểm nhập hạ, vì lời hứa đối với vua Bimbisāra nên Ngài phải ngự về Veluvana. Thời đó, Đức vua Bimbisāra chứng Quả Dự Lưu và Đức vua

Licchavīmahāli cũng chứng quả Dự Lưu và cũng là chư hầu của Đức vua Bimbisāra. Đức vua Vesālī cùng với các vương tôn, công tử Licchavī và thần dân xứ Vesālī sắm lễ vật đến hiến dâng cho Đức vua Bimbisāra và trình bày sự việc đó, nhờ Ngài thỉnh cầu Bạc Đạo Sư ngự về kinh đô. Dù thần dân có “*van xin khẩn cầu*” nhưng Đức vua vẫn một mực từ chối. Cuối cùng, dân chúng đi đến yết kiến Đức Thế Tôn và bạch thỉnh:

- Bạch hóa Thế Tôn! Trong thành Vesālī phát sanh ba điều kinh sợ, nếu Ngài ngự đến thì quốc thái dân an, chúng con xin thỉnh cầu Ngài từ bi quang lâm.

Bạc Đạo Sư quán xét thấy duyên lành của Kinh đô Vesālī, dứt thời Kinh năng lực sẽ thấu đến 100.000 Koti thế giới, có 84.000 chúng sanh chứng ngộ Pháp và dân an lạc thái hòa nên Ngài đã nhận lời thỉnh cầu.

Đức vua hay tin: “*Bạc Đạo Sư quang lâm về thành Vesālī*” và truyền tin cho tất cả thần dân đến yết kiến Đức Phật và bạch hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Ngài nhận lời về thành Vesālī hay sao?

- Đúng vậy, này Đại vương.

- Bạch Thế Tôn! Nếu vậy xin Ngài tạm ngự nơi đây, con cho dọn đường trước.

Rồi truyền lệnh cho thu dọn con đường dài năm do tuần giữa kinh đô Rājagaha và sông Hằng, thu dọn Tịnh xá rồi mới thỉnh Đức Đạo Sư.

Đức Thế Tôn cùng ngự đến với 500 vị Tỳ khưu. Đức vua cho rải hoa ngũ sắc cao ngang gối, treo cờ xí khắp nơi, che lọng hai tầng cho Đức Phật và lọng một tầng cho chư Tỳ khưu, cúng dường hoa, hương liệu... thỉnh Ngài an ngự trong tịnh xá, cúng dường trọng thể. Ngài an ngự dưới thuyền năm ngày, truyền cho thần dân xứ Vesālī hãy cung nghinh Bạc Đạo Sư long trọng.

Phần dân xứ Vesālī nghinh tiếp Đức Thế Tôn từ sông Hằng đến kinh đô, xa khoảng ba do tuần. Che lọng bốn tầng cho Đức Phật, lọng hai tầng cho chư Tăng, cung nghinh long trọng như vậy.

Dưới hai chiếc thuyền trang hoàng hoa màu rực rỡ, trái bảo tọa lộng lẫy thỉnh Ngài an ngự và Tăng chúng ngồi vây quanh. Đức vua lội xuống nước tới cổ và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Bao giờ Ngài ngự về, con sẽ ở đây chờ Ngài đến chừng đó.

Rồi Đức vua tiễn biệt Ngài ra đi, Đức Phật ngự trên thuyền khoảng 1 do tuần mới đến lãnh thổ xứ Vesālī. Các vương tôn Licchavī xuống nước kéo thuyền vào, lúc Bạc Đạo Sư vừa đặt chân lên bờ, cơn mưa bắt đầu đổ xuống, làm trôi đi các tử thi ra sông Hằng, không còn ô uế nữa. Các vương tôn Licchavī thỉnh Đức Thế Tôn an ngự một nơi, cúng dường trọng thể suốt ba ngày, mới thỉnh Ngài về kinh thành Vesālī. Đức Thiên Vương Đế Thích cùng hội chúng chư thiên đến đó thì các phi nhơn đều biến mất.

Nắng vừa tắt, Bạc Đạo Sư ngự đến cổng thành và phán gọi Đại Đức Ānanda:

- Này Ānanda! Ngươi hãy tụng kinh Paritta khắp ba vòng thành Vesālī này.

Đại Đức lấy bát đá của Ngài múc nước, suy niệm về các công đức của Phật là 10 pháp Pāramī, 10 pháp Upapāramī, 10 pháp Paramatthapāramī, 5 pháp Đại thí, 3 pháp hành: Lokatthacariyā, Nātatthacariyā và Buddhatthacariyā. Tư cách giáng sanh vào lòng mẹ trong kiếp chót, tư cách ra đời, tư cách xuất gia, tư cách tu khổ hạnh, tư cách cảm thắng Ma Vương, tư cách chứng quả Chánh Biến Tri trên Bồ Đoàn, 9 Pháp Thánh.

Đại Đức Ānanda tụng kinh Paritta cả đêm, trọn đủ ba canh tại trong ba vòng thành Vesālī, tụng: “*Tamkiñci...*” rải nước bên trên và khắp nơi.

Từ bài kệ “*Yānīdha bhūtāni...*” rải bên trên, bên dưới, tất cả tật bệnh của nhân loại đều tiêu diệt. Đại Đức vừa tụng bài kinh “*Yamkiñci...*” những giọt nước vừa chạm phải chúng phi nhon không nơi nương trú đều biến mất. Dân chúng trang trí bảo tọa để Ngài an ngự.

Bậc Đạo Sư an ngự trên bảo tọa, chư Tỳ khưu Tăng cùng các vương tôn Licchavī ngồi vây quanh nơi ấy. Cả Đức Đế Thích và hội chúng chư thiên cũng đến đó. Sau khi tụng kinh Paritta xong, Đại Đức Ānanda cùng dân chúng đến đánh lễ Ngài, Đức Thế Tôn quán xét thấy duyên lành của hội chúng, Ngài đã thuyết bài Kinh trên. Dứt thời Pháp, 84.000 chúng sanh giác ngộ.

Đức Thế Tôn tụng kinh Paritta trọn bảy ngày, do oai lực Phật, các thần dân an lạc thái hòa. Sau khi giáo giới các vương tôn Licchavī, Ngài rời thành Vesālī. Các vương tôn cúng dường Đức Phật trọn ba ngày tại bờ sông Hằng.

Các Long vương thấy nhân loại cúng dường Đức Như Lai long trọng, chúng hóa ra thuyền vàng, bạc, ngọc. Trong thuyền đầy đủ tiện nghi và ngôi Bảo tọa bằng ngọc, rải hoa sen ngũ sắc rồi đến bạch thỉnh:

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài từ bi tế độ cho chúng con.

Nhân loại và Long vương cúng dường long trọng đến Ngài như vậy.

Tất cả chư thiên và phạm thiên khắp nơi bên trên đều hân hoan cúng dường. Lòng của nhân loại và Long vương che khắp một do tuần. Long vương bên dưới, loài người trên đất, chư thiên cội cây, bông cây, hang núi... che giữa hư không, tàn lọng từ Long vương thâu đến phạm thiên che khắp thế giới như vậy. Cờ xí, tràng hoa, hương liệu treo rải khắp nơi. Các thiên tử trang sức lọng lẩy thông báo khắp hư không. Được nghe rằng: Có ba Đại hội chư thiên lớn:

1- Lúc Ngài thể hiện Song Thông Lục.

2- Lúc Ngài từ thiên giới ngự về.

3- Lúc Ngài ngự đến sông Hằng.

Đức vua Bimbisāra đứng bên bờ này, thấy các vương tôn Licchavī cúng dường long trọng khi Đức Phật ngự về, Ngài cũng cúng dường gấp đôi sự cúng dường ấy.

Bậc Đạo Sư thấy đại thí của hai vị vua ở hai bên bờ sông Hằng, Ngài thấy rõ duyên lành của Long vương... nên hóa ra một vị Phật có 500 vị Tỳ khưu ngồi trong con thuyền dưới tàn lọng Như Ý với tràng hoa màu sắc rực rỡ. Tất cả chư thiên trong khắp vũ trụ đã vui mừng ca hát. Bậc Đạo Sư ban huấn từ cho Long vương.

Chúng Long vương thỉnh Đức Phật và Tăng chúng ngự về Long cung thuyết Pháp suốt đêm, rạng ngày thứ hai đã cúng dường thực phẩm thượng vị đến Đức Phật và Chư Tỳ khuru Tăng. Sau khi phúc chúc, Ngài rời khỏi Long cung, 500 con thuyền của chư thiên trong vũ trụ cũng đến sông Hằng để cúng dường trọng thể đến Ngài.

Khin Ngài ngự về, Đức vua thỉnh Ngài cúng dường, rồi thỉnh Ngài đến thành Rājagaha cúng dường liên tiếp năm ngày như đã nói ở trên. Ngày hôm sau, chư Tỳ khuru ngồi tựa giảng đường bàn luận:

- Thật đáng tán dương oai đức của chư Phật. Thật hy hữu thay! Chư thiên và loài người đều tịnh tín Ngài. Các vị vua cho dọn con đường dài 8 do tuần, cả bên bờ này bên bờ kia sông Hằng, rải hoa đủ loại tới gối cúng dường Ngài, do oai lực Long vương sông Hằng đầy hoa ngũ sắc. Tất cả chư thiên che lọng cao đến cõi Sắc Cứu Cánh, toàn cõi Diêm Phù đều hân hoan tịnh tín.

Bậc Đạo Sư ngự đến phán hỏi rằng:

- Này chư Tỳ khuru! Bây giờ các người ngồi hội nhau bàn luận về câu chuyện gì?

Chư Tỳ khuru bạch lại sự kiện đó, Ngài bèn phán rằng:

- Này các Tỳ khuru! Chẳng phải sự cúng dường đến Như Lai do Phật lực hay do oai lực chư thiên, phạm thiên. Mà sự cúng dường do phước báu của Như Lai trong quá khứ.

Chư Tỳ khuru thỉnh cầu Đức Thế Tôn thuyết giảng Bốn sanh, Ngài giảng tiền tích quá khứ như sau:

Trong thời quá khứ, tại thành Takkasilā có vị Bà la môn Saṅkha, ông có người con trai là Susima vừa tròn 16 tuổi. Một hôm thanh niên Susima xin phép cha:

- Cho con đến thành Bārāṇasī để học chú thuật.

- Này con! Nếu vậy, có vị Bà la môn ấy là bạn cũ của cha, con hãy đến đó mà thụ giáo.

Chàng vâng lời, đi đến thành Bārāṇasī, tìm đến Bà la môn ấy và thưa lại sự gởi gắm của cha. Bà la môn suy nghĩ: “Không biết thanh niên này có cố gắng học và có ưu tư về lứa tuổi dậy thì?”

Thanh niên Susima học nhiều, mau thuộc, khó quên, không bao lâu chàng đã thọ giáo tất cả học vấn của vị thầy truyền dạy, chàng thấy Kinh điển của thầy chỉ có bấy nhiêu, chưa tìm ra được cứu cánh, chàng hỏi thầy rằng:

- Thưa thầy! Chẳng lẽ Kinh điển của thầy chỉ có bấy nhiêu? Không còn gì nữa sao?

- Thật vậy, thầy cũng chỉ thấy có bấy nhiêu.

- Thưa thầy, nếu vậy có vị nào hiểu được chỗ cứu cánh chăng?

- Này thanh niên! Ở trong rừng Īsipatana, có các vị Đạo sĩ đã hiểu. Vậy con hãy đi đến bạch hỏi đi.

Chàng tìm đến chư Phật Độc Giác, bạch hỏi:

- Thưa các Ngài! Được nghe rằng các Ngài biết được chỗ cứu cánh phải chăng?

- Này thanh niên đúng vậy.

- Nếu vậy xin các Ngài chỉ giáo cho con.

- Chúng tôi không thể chỉ giáo cho người cư sĩ. Nếu chàng muốn biết tận tường thì hãy xuất gia đi.

Chàng Susima thuận ý xuất gia với các Ngài. Chư Phật Độc Giác đã dạy y thọ trì những học giới: “*Nên mặc như vậy, nên đắp như vậy...*” do nghiêm trì trong sạch và có duyên lành, không bao lâu, chúng quả Phật Độc Giác, danh thơm tỏa rạng khắp kinh thành Bārāṇasī như vàng nhật nguyệt và các vì sao sáng cả bầu trời, đạt được lợi lộc và địa vị tối thượng. Không bao lâu, Ngài Níp Bàn Vô Dư vì tuổi thọ quá ít. Chư Phật Độc Giác Phật cùng thị dân an táng thi thể Ngài và xây tháp tôn thờ.

Phản Bà la môn Saṅgha suy nghĩ: “*Con ta đi lâu quá sao chưa về, không biết hiện giờ ra sao?*”. Rồi ông đến thành Bārāṇasī tìm con, thấy dân chúng tụ hội đông đảo mới hỏi rằng:

- Chàng Susima có đến kinh thành này chăng? Các người có biết chàng chăng?

- Này Bà la môn! Chúng tôi biết, thanh niên Susima thông suốt Tam Phệ Đà đã học với vị Bà la môn đó, rồi xuất gia chúng quả vị Độc Giác, đã viên tịch Níp Bàn rồi. Đây là tháp của Ngài mà chúng tôi kiến tạo thờ.

Bà la môn vừa nghe đến đó, than khóc, bi ai, rồi đi đến tháp nhỏ cỏ, hót cát, rải sỏi chung quanh tháp, tưới nước cho sạch, treo cờ, lọng trên tháp, cúng dường hoa rừng.

Sau khi thuyết giảng tiền tích quá khứ, Bậc Đạo Sư phán:

- Này các Tỳ khuru! Bà la môn Saṅgha trong lúc đó, chính là Như Lai hiện tại, ta đã nhổ sạch cỏ ở chân tháp của Đức Phật Susima, do quả phước ấy nên hiện tại dân chúng dọn sạch con đường dài tám do tuần cho Như Lai ngự qua, do cúng dường hoa rừng ở tháp nên chúng dân rải đủ các loại hoa suốt đường dài 8 do tuần để cúng dường. Do rải nước cúng dường sân tháp, nên một do tuần sông Hằng đầy hoa sen ngũ sắc. Do treo cờ, lọng trên bảo tháp nên khắp cả vũ trụ treo cờ lọng thâu đến trời Sắc Cứu Cánh. Hân hoan vui mừng, nên do quả phước này mưa đổ xuống thành Vesālī. Này các Tỳ khuru! Sự cúng dường phát sanh cho Như Lai không phải do nhờ Phật Lực hay oai lực của chư thiên, phạm thiên, mà phát sanh do phước báu Như Lai đã tạo trong quá khứ.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Mattāsukhapariccāgā
Passe ce vipulaṃ sukhaṃ
Caje mattā sukhaṃ dhīro
Sampassaṃ vipulaṃ sukhaṃ”.

“*Nhờ từ bỏ lạc nhỏ,
Thấy được lạc lớn hơn,
Bậc trí bỏ lạc nhỏ,
Thấy được lạc lớn hơn*”.

290. *Nếu từ bỏ lạc nhỏ mà có thể thành đạt hạnh phúc lớn, người thiện trí hãy từ bỏ hạnh phúc nhỏ để mưu cầu hạnh phúc lớn.*



CHÚ GIẢI:

Mattāsukhapariccāgā: Là từ bỏ hạnh phúc nhỏ mà Đức Thế Tôn gọi là Mattāsukham, thành đạt hạnh phúc lớn là Níp Bàn, Ngài gọi là hạnh phúc tuyệt đối.

Ngài giảng giải: Hạnh phúc nhỏ như người được một mâm vật thực rồi tiêu mất, còn Níp Bàn hiện hữu với người từ bỏ hạnh phúc nhỏ, như hành Uposatha, bố thí... Vì vậy, người thành đạt hạnh phúc lớn do từ bỏ hạnh phúc nhỏ. Nếu thế, người thiện trí hãy từ bỏ hạnh phúc nhỏ để thành đạt hạnh phúc chân chánh.

Dứt thời Pháp, rất nhiều người chứng đạt Quả Dự Lưu.

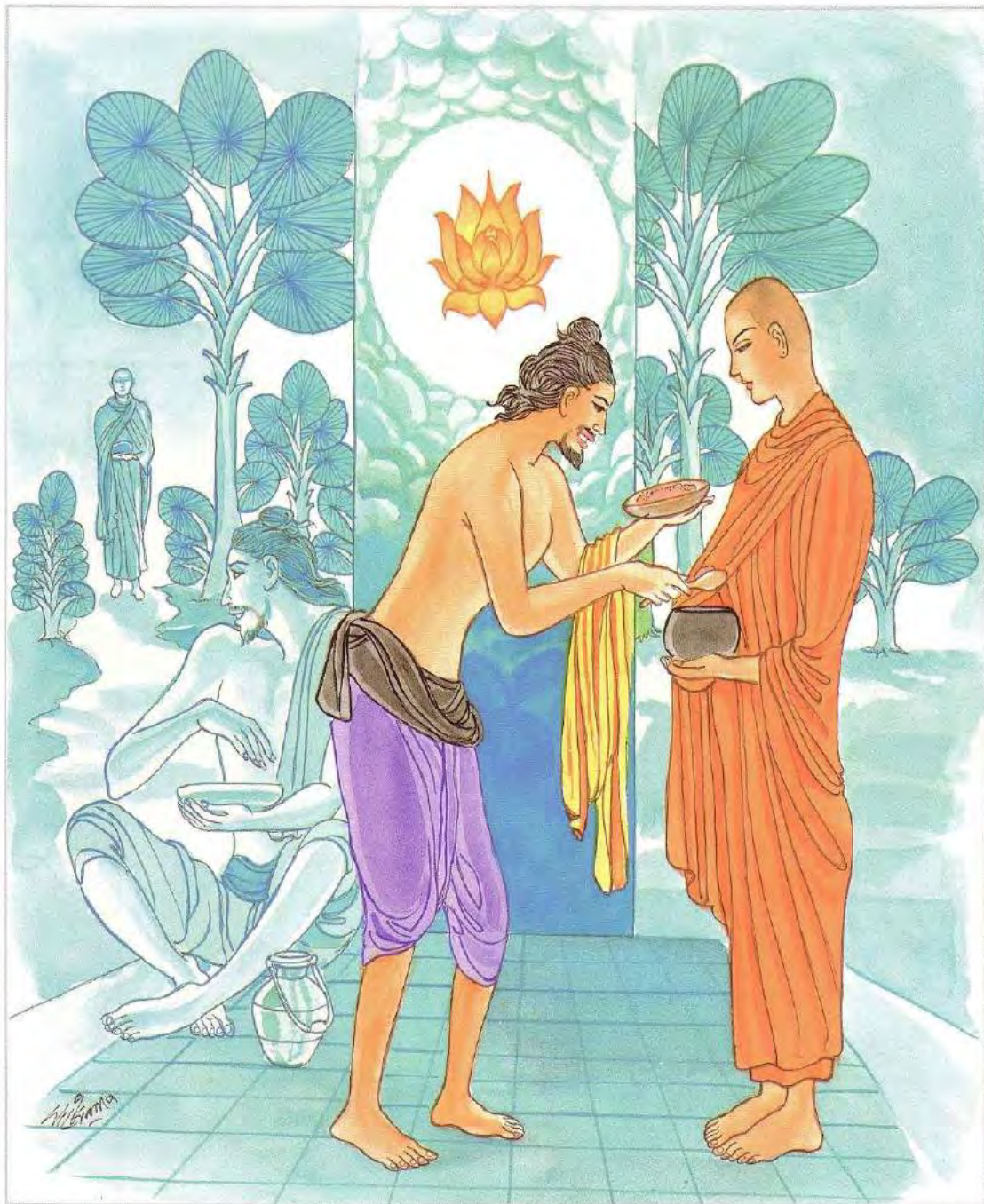


Dịch Giả Cần Đề

*Nhờ kinh Tam bảo tụng ba canh,
Cứu được nhân dân cả một thành.
Bật tật, phi nhân và đói kém,
Từ đây khỏi sợ chúng hoành hành.
Giọt nước cam lồ đuổi được ma,
Chính từ bát Phật rải tung ra,
Bệnh nhân nhờ đó liền nghe khỏe,
Kẻ đói thành no, hết xót xa...
Các vua đưa rước đức Như Lai
Lẽ lộc tung bừa ấy, bởi ai?
Phật bảo không vì nhân hiện tại,
Không do Phật lực với thần oai.
Ma do công đức kiếp ban sơ,
Nhỏ cỏ, dâm hoa, dựng lọng cờ,
Trải cát trong vòng sân thánh tháp,
Quả to, nhân nhỏ, thật không ngờ!!!*

DỨT TÍCH HẠNH NGHIỆP ĐỨC PHẬT





**290. Nếu bỏ hạnh phúc nhỏ. Để được hạnh phúc lớn.
Bậc trí chẳng đắn đo. Bỏ ngay hạnh phúc nhỏ.**

XXI.2- THIẾU NỮ ĂN TRỨNG GÀ

(*Kukkuṭa-aṇḍakhādikāvattu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 291)

“Paradukkhūpadānena
Attano sukhaṃ icchati
Verasamsaggasamsetṭho
Verā so na parimuccati”.

“Gieo khổ đau cho người,
Mong cầu lạc cho mình,
Bị hận thù buộc ràng
Không sao thoát hận thù”.

Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Tịnh xá Jetavana, đề cập đến thiếu nữ ăn trứng gà.

Tương truyền rằng: Ở làng Paṇḍura gần thành Sāvattḥī có một ngư dân. Trên đường đến thành Sāvattḥī, ông nhặt được trứng rùa ở gần bờ sông Aciravatī, ông cho con gái một trứng ăn, còn mình ăn một trứng. Từ đó nàng con gái ấy chỉ thích ăn trứng rùa..

Một hôm mẹ nàng nhặt được trứng gà, cho nàng. Bấy giờ nàng chỉ thích ăn trứng gà do hợp với khẩu dục của mình. Cứ mỗi lần gà đẻ là nàng đến lấy trứng, gà mẹ bị nàng bức hiếp lấy trứng nên cật oan trái: “Nếu sau khi chết ta sanh làm Dạ xoa thì ta sẽ ăn thịt con nó”.

Gà mẹ chết đi sanh làm con mèo ở trong nhà ấy. Cả thiếu nữ cũng mệnh chung và sanh làm con gà mái trong nhà đó. Gà mái đẻ ba lần đều bị mèo cái ăn hết. Gà mái nguyện: “Nó ăn trứng của ta ba lần, lần này định ăn luôn ta, ta chết đi sẽ ăn thịt con nó”.

Gà mái chết sanh làm con cọp cái. Mèo chết sanh làm nai cái, khi nai đẻ con ra bao nhiêu đều bị cọp ăn hết. Hai con thú này oan trái lẫn nhau, sanh khổ suốt 500 kiếp. Cuối cùng một người sinh làm nữ dạ xoa, người kia sanh làm con gái Trưởng giả trong thành Sāvattḥī. Phần này đã có ghi trong bài kệ: “*Na hi verena verāni - Hận thù được chấm dứt nhờ không hận thù*”.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn:

“Paradukkhūpadānena
Attano sukhaṃ icchati
Verasamsaggasamsetṭho
Verā so na parimuccati”.

“Gieo khổ đau cho người,
Mong cầu lạc cho mình,
Bị hận thù buộc ràng
Không sao thoát hận thù”.

291. Người gây đau thương cho kẻ khác để mưu cầu hạnh phúc cho mình không thoát khỏi hận thù. Vì sẽ vướng vào guồng máy phức tạp của các hận thù.



CHÚ GIẢI:

Paradukkhūpadhānena: Gây đau khổ cho kẻ khác.

Varasamsaggasamsattho: Là người ấy uất ức, oan trái làm hại lẫn nhau như lãng mạ, đánh đập...

Vera so na parimuccati: Là đưa đến đau khổ triền miên vì sự hận thù.

Dứt thời Pháp, nữ Dạ xoa quy y Tam Bảo, thọ trì ngũ giới, tâm an lạc. Còn thiếu nữ cũng chứng Quả Dự Lưu. Pháp thoại mang lại lợi ích cho hội chúng.



Dịch Giả Cần Đề

*Ăn lãm trứng gà lại làm gà,
Nhân nào quả nấy chẳng sai ngoa,
Giết sau, giết trước năm trăm kiếp,
Thù mới, thù xưa, một cửa nhà!
Tội khổ bắt đầu từ khẩu vị,
Trái oan kết cuộc đến Dạ xoa...
Phi nhân có giới cùng cô thánh,
Sơ quả, nay chung sống hiệp hòa.*

DỨT TÍCH THIẾU NỮ ĂN TRỨNG GÀ





**291. Mình mưu cầu hạnh phúc, lại gây khổ cho người.
Thế là chuốc hận thù, không sao trừ hết hận.**

XXI.3- CHUYỆN TỖ KHUÙ XỨ BHADDIYA

(*Bhaddiyabhikkhuvatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 292-293)

292. “*Yaṃ hi kiccaṃ tadapaviddhaṃ* “*Việc đáng làm, không làm,*
Akiccaṃ pana kayirati *Không đáng làm lại làm,*
Unnaḷānaṃ pamattānaṃ *Người ngạo mạn phóng dật*
Tesaṃ vadḍhanti āsavā”.” *Lậu hoặc ắt tăng trưởng*”.

293. “*Yesaṅ ca susamāradhā* “*Người siêng năng cần mẫn,*
Niccaṃ kāyagatā sati *Thường thường quán thân niệm,*
Akiccaṃ te na sevanti *Không làm việc không đáng,*
Kicca sātaccakāriṇo *Gắng làm việc đáng làm,*
Satānaṃ sampajānānaṃ *Người tư niệm giác tỉnh,*
Atthaṃ gacchanti āsavā”.” *Lậu hoặc được tiêu trừ*”.



Pháp Cú này được Đức Đạo Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jātiyavana trong thành Bhaddiya, đề cập đến vị Tỳ khuru xứ Bhaddiya.

Nghe rằng: Nhóm Tỳ khuru xứ Bhaddiya chỉ lo trang trí đôi dép. Đúng thật như lời Trưởng Lão Upāli nói:

- Cũng chính thời đó nhóm Tỳ khuru Bhaddiya chỉ lo làm các loại dép bằng cỏ ống, bằng lông thỏ, bằng cây, bằng vải Kambala, tự làm hoặc bảo người khác làm, lãng quên bốn phận (thọ trì Pháp Luật), sự vấn hỏi, Tăng thượng Giới (Adhisīla), Tăng thượng Tâm (Adhicitta), Tăng thượng Tuệ (Adipañña), tu tập chỉ quán. Chư Tỳ khuru thấy sự kiện đó mới bạch với Bậc Đạo Sư.

Bậc Đạo Sư khiển trách nhóm Tỳ khuru ấy:

- Này các Tỳ khuru! Các người xuất gia với bốn phận nào, mà làm những việc không nên lại làm.

Rồi Ngài thuyết kệ ngôn:

292. Không làm những gì phải làm. Những gì không nên làm lại làm. Các lậu hoặc của người ngạo mạn và không có tâm niệm ấy sẽ tăng trưởng.

293. Những ai hằng chuyên cần thực hành pháp NIỆM THÂN, không theo những gì không nên làm và chuyên cần làm những việc phải làm. Lậu hoặc của người suy tư và có tâm niệm ấy sẽ chấm dứt.

CHÚ GIẢI:

Yaṃ hi kiccaṃ: Là phận sự... thu thúc giới luật, trú nơi thanh vắng (rừng), hành đầu đà, hoan hỷ trong thiền định, đó là phận sự nên làm của Tỳ khuru từ khi xuất gia. Nhưng nhóm Tỳ khuru này bỏ quên bốn phận của mình.

Akiccaṃ...: Làm dù, dép, đũa bát, vải lọc nước, dây lưng, hồng sắc. Đó là việc không nên làm của vị Tỳ khuru. Nghĩa là vị Tỳ khuru nào làm những việc đó, cả bốn lậu hoặc tăng trưởng cho vị Tỳ khuru ấy, ngã mạn ngày càng nhiều như cây sậy dựng đứng, đó gọi là bất khinh xuất, thất niệm.

Susamāradhā: Là khéo phòng hộ.

Kāyagatāsati: Là pháp Niệm Thân.

Akiccaṃ: Là nhóm Tỳ khuru đó không dính mắc những gì không nên làm như dù...

Kicce: Là nên nhiệt tâm với những phận sự là nghiêm trì Giới Luật... từ khi xuất gia.

Sātaccakāriṇo: Hằng tinh tấn thực hành liên tiếp, luôn có Tứ tinh giác.

1- Satthakasampajañña: Lợi lương tri.

2- Sappāyasampajañña: Thuận lương tri.

3- Gocarasampajañña: Hành xử lương tri.

4- Asammohasampajañña: Vô hôn lương tri.

Thì Tứ Lậu của vị Tỳ khuru này sẽ được chấm dứt.

Dứt thời Pháp thoại, nhóm Tỳ khuru đó chứng quả A La Hán. Pháp thoại mang lại kết quả lợi ích cho hội chúng vậy.



Dịch Giả Cẩn Đề

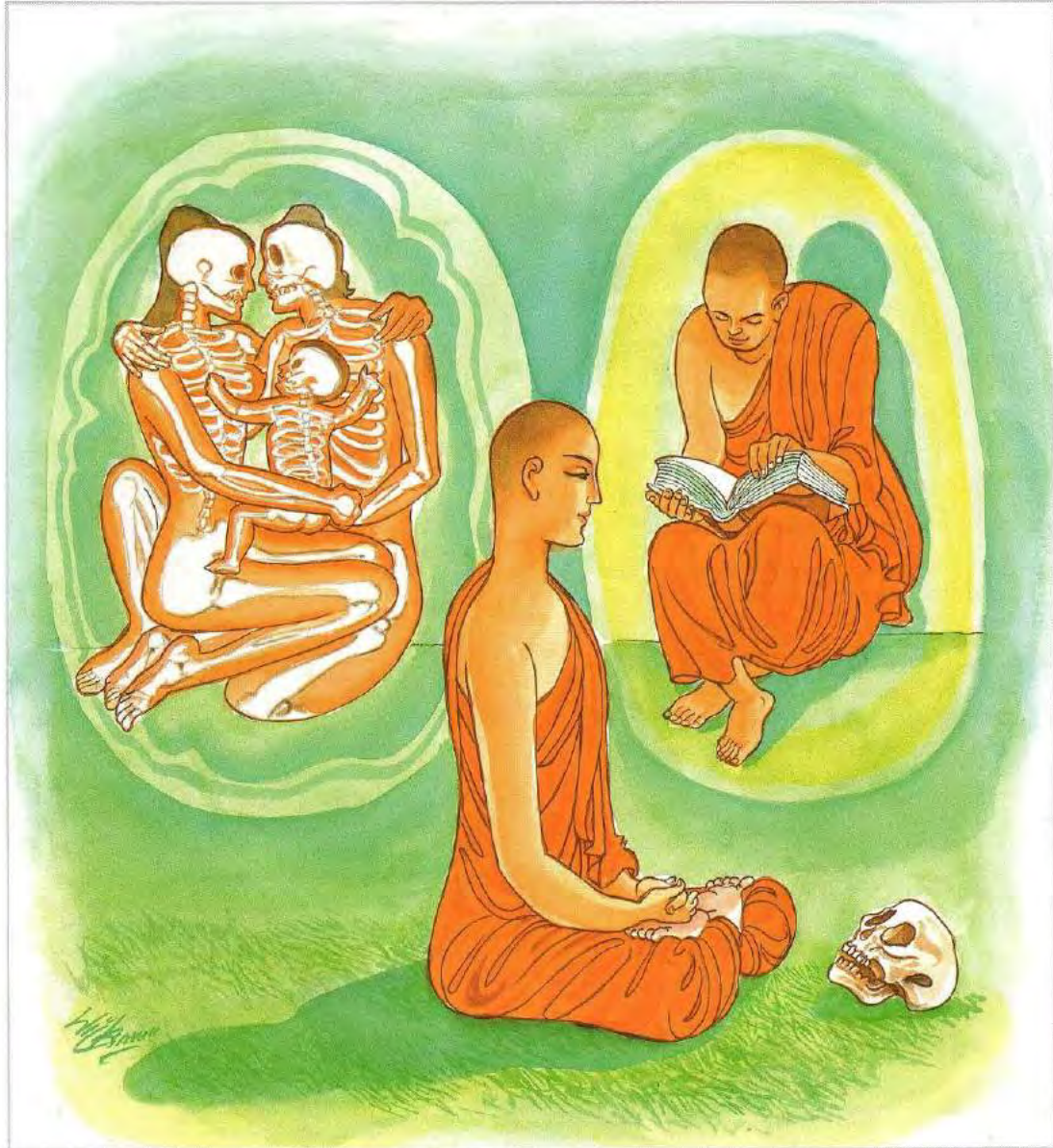
*Tỳ khuru quý tộc thích làm sang,
Ngày tối chăm lo việc điểm trang,
Dép tốt, dèm thêu, y bát đẹp,
Tay chân óng chuốt tợ ông hoàng!
Chư Tăng tri túc thấy than phiền,
Phật quả: Thầy tu thiếu giới thiền,
Giải thoát không lo, lo trói buộc,
Quên mình quên mục đích đầu tiên.*

DỨT TÍCH: NHÓM TỖ KHUU XỨ BHADDIYA





**292. Việc đáng làm không làm. Việc không đáng lại làm.
Kẻ phóng dật ngạo mạn. Lậu hoặc dần dần lan.**



**293. Người tinh chuyên cần mẫn. Tu tập pháp niệm thân.
Không làm việc không đáng. Thực hành pháp chánh cần.
Tâm thường niệm tỉnh giác. Lậu hoặc tiêu tan dần.**

XXI.4- TRƯỞNG LÃO LAKUṆṬAKA BHADDIYA

(*Lakuṇṭakabhaḍḍiyattheravatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 294-295)

294. “Mātaraṃ pitaraṃ hantvā
Rājāno dve ca khattiye
Ratthaṃ sānucaraṃ hantvā
Anīgho yāti brahmaṇo”.

“Sau khi giết mẹ cha
Giết hai vua Sát ly
Giết vương quốc, quần thần
Vô ưu, Phạm chí sống”.

295. “Mātaraṃ pitaraṃ hantvā
Rājāno dve ca sotthiye
Veyyagghapañcamāṃ hantvā
Anīgho yati brāhmaṇo”.

“Sau khi giết mẹ cha
Hai vua Bà la môn
Giết hổ tướng thứ năm
Vô ưu, Phạm chí sống”.

Bậc Đạo Sư trú tại Jetavana, đề cập đến Trưởng Lão Lakuṇṭaka, thuyết Pháp thoại này.

Tương truyền rằng: Một hôm có các vị Tăng khách từ phương xa về yết kiến Đức Thế Tôn, đánh lễ rồi ngồi xuống một nơi phải lẽ. Khi ấy Đại đức Lakuṇṭaka đi gần đó.

Bậc đạo Sư hiểu ý nghĩ của nhóm Tỳ khuru ấy, Ngài bèn phán rằng:

- Này chư Tỳ khuru! Các người thấy chăng? Vị Tỳ khuru này giết cha, giết mẹ ra đi không sầu muộn.

Chư Tỳ khuru nhìn nhau nghi vấn: “Do nhân gì mà Bậc Đạo Sư phán như vậy?”.

- Bạch Thế Tôn! Do nhân gì mà Đức Thế Tôn phán như thế?

Đức Thế Tôn liền thuyết lên kệ ngôn rằng:

294. Đã giết mẹ (ái dục), cha (ngã mạn) và hai vua hiếu chiến (thường kiến và đoạn kiến) và đã tiêu diệt một quốc gia (lục căn và lục trần) cùng với vị đại thần phụ trách quốc khố (ái luyến). Vị A La Hán ra đi không sầu muộn.

295. Đã giết mẹ, cha và hai ông vua của giai cấp Bà la môn và tiêu diệt con đường nguy hiểm (chướng ngại), vị A La Hán ra đi không sầu muộn.



CHÚ GIẢI:

Sānucaraṃ: Là cùng với vị quan đại thần phụ trách quốc khố, người thu thuế.

Bài kệ này bậc trí nên hiểu rằng: Mẹ tiêu biểu tâm ái dục, đưa tái tạo trong ba cõi. Pāli gọi là “Ái dục là nhân sanh tái dục”.

Assamimāna: (Tự ngã – là của ta): Cha tiêu biểu tánh ngã mạn, chấp cái ta như: “Ta là con của vị vua đó, con của vị đại thần kia và của vị vua nợ”.

Diṭṭhi: Cả hai đoạn kiến và thường kiến, như quyền lực của vị vua. Vì vậy, ở đây hai vị vua tiêu biểu: Thường kiến – Sassatadiṭṭhi và Đoạn kiến – Ucchedadiṭṭhi.

12 xứ Kāyatana: 6 nội xứ như mắt..., 6 ngoại xứ như sắc... gọi là vương quốc, là luyện ái bám níu vào đời sống như vị đại thần phụ trách quốc khố trông nom kho tàng quốc gia.

Anīgho: Là không sâu muộn.

Brāhmaṇo: Là đã chấm dứt mọi lậu hoặc như ái dục... tự mình cầm gươm chặt đứt, tức A La Hán mới ra đi không sâu muộn.

Đứt Pháp thoại, nhóm Tỳ khưu ấy chứng quả A La Hán.

Dve ca sotthiye: Là cả hai ông vua.

Bài kệ thứ hai Đức Phật thuyết về cả hai vị vua giai cấp và Bà la môn tiêu biểu cho thường kiến và đoạn kiến, vì Ngài là Bậc tối thượng Pháp Vương, nên Ngài có thiện xảo trí thuyết.

Bậc trí nên hiểu câu Veyyagghapaṇcamam: Con đường nguy hiểm là chỗ có nhiều cọp thường lui tới, sự đi lại rất khó khăn, pháp triền cái chỉ về con đường nguy hiểm, trong ấy hoài nghi hay tâm bất quyết là chướng ngại thứ năm trong năm chướng ngại, hoài nghi là một chướng ngại được ví như con đường thế ấy.

Bài kệ thứ hai giải: “*Những người tiêu diệt 5 chướng ngại bằng gươm A La Hán, do đó ra đi không sâu muộn*”.

Những câu sau như trên.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Đại đức Bé Hiền giết mẹ cha,
Chém luôn hai chúa, chẳng dung tha,
Quần thân vương quốc đều tru diệt,
Rồi sống ung dung cạnh Phật đà,
Tặng khách ngại ngừng nghĩ chẳng ra,
Ái tham là mẹ, mạn là cha,
Hai vua: đoạn kiến hay thường kiến,
Lục tặc: Tội loạn, chớ khá tha!
Guom bán vung lên, ánh sáng lòà,
Vô sanh đạo tuệ sát quần ma,
Chém tên hổ tướng hoài nghi trước,
Bát chánh thông thường, bé lại qua...*

DÚT TÍCH TRƯỞNG LÃO LAKUṆṬAKABHADDIYA





**294. Giết cả mẹ lẫn cha⁽¹⁾. Hạ hai vua Đê lý⁽²⁾.
Diệt quê hương quốc sĩ⁽³⁾. Phạm thiên⁽⁴⁾ đạt vô ưu.**

-
- (1) Ái dục và kiêu mạn. (2) Thường kiến và đoạn kiến.
(3) Lục căn và lục trần. (4) A la hán.*



**295. Giết cả mẹ lẫn cha. Hạ hai vua Phạm chí. Diệt luân
tướng tài trí⁽¹⁾. Phạm thiên đạt vô ưu.**

(1) Nghi.

XXI.5- CON TRAI ÔNG DĀRUSĀKAṬIKA

(*Dārusākaṭikaputtavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 296-297-298-299-300-301)

296. “Suppabuddham pabujjhanti Sadā Gotamasāvaka Yesam divā ca ratto ca Niccamaṃ budhagatāsati”.	“Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác Vô luận ngày hay đêm, Thường tưởng niệm Phật Đà”.
297. “Suppabuddham pabujjhanti Sadā Gotamasāvaka Yesam divā ca ratto ca Niccamaṃ dhammagatāsati”.	“Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác Vô luận ngày hay đêm, Thường tưởng niệm Chánh Pháp”.
298. “Suppabuddham pabujjhanti Sadā Gotamasāvaka Yesam divā ca ratto ca Niccamaṃ saṅhagatāsati”.	“Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác Vô luận ngày hay đêm, Thường tưởng niệm Tăng Già”.
299. “Suppabuddham pabujjhanti Sadā Gotamasāvaka Yesam divā ca ratto ca Niccamaṃ kāyagatāsati”.	“Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, Thường tưởng niệm sắc thân”.
300. “Suppabuddham pabujjhanti Sadā Gotamasāvaka Yesam divā ca ratto ca Ahiṃsāya rato mano”.	“Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác Vô luận ngày hay đêm, Ý vui niềm bất hại”.
301. “Suppabuddham pabujjhanti Sadā Gotamasāvaka Yesam divā ca ratto ca Bhāvanāya rato mano”.	“Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác Vô luận ngày hay đêm, Ý vui tu thiền quán”.

Khi Bạc Đạo Sư trú tại Veḷuvana, Ngài đề cập đến con trai ông Dārusākaṭike, thuyết lên kệ ngôn này.

Tương truyền rằng: Có hai đứa trẻ cùng nhau trú ngụ chung một kinh thành, một đứa là con nhà chánh kiến, đứa kia thì con nhà tà kiến. Đứa có chánh kiến trước khi chơi môn nào, thường tưởng niệm ân đức Phật: “*Namo buddhassa*”. Còn đứa kia niệm tưởng tà giáo: “*Namo arahantānaṃ*”. Và trẻ chánh kiến thường thắng bạn trong những môn chơi. Trẻ tà kiến thấy bạn mình hằng niệm như thế mà thắng nó, nên nó cũng lần lần niệm tưởng theo cách của bạn mình.

Một hôm, hai cha con vào rừng kiếm củi, trên đường trở về kinh thành, dừng chân tạm nghỉ gần mộ địa để ăn tối, và cho bò nghỉ ngơi uống nước. Chẳng may bò của ông lại nhập đàn với bầy bò khác, đi vào thành. Ông rượt theo bắt được nhưng khi

ấy đã xế chiều, cửa thành đã đóng không về được. Khi ấy chỉ còn có con trai ông đang ngủ dưới xe.

Thành Rājagaha rất nhiều phi nơn. Hai phi nơn thấy đứa bé đang ngủ gần đó, một phi nơn tà kiến đối nghịch với Đức Phật, còn phi nơn kia là hạng chánh kiến luôn có lòng tin Tam Bảo.

Phi nơn tà kiến bảo bạn rằng:

- Ta sẽ ăn thịt đứa bé.

Nhưng phi nơn chánh kiến cản lại, không đồng ý với sát niệm ấy. Dù bị ngăn cản, nhưng phi nơn này vẫn hành động, lôi chân đứa bé.

Lúc đó, đứa bé giật mình niệm: “*Namo budhassa*” vì trong đời sống bình nhật quen niệm rồi, phi nơn ấy khiếp sợ biến mất.

Khi phi nơn chánh kiến nói với phi nơn tà kiến:

- Chúng ta không nên hành động như vậy. Vậy hãy vào thành vua, đem vật thực về cho đứa bé này mong chuộc lỗi.

Hai phi nơn như cha mẹ đứa bé, lúc thức dậy đứa bé thấy thực phẩm đầy mâm mà phi nơn mang về. Rồi với nguyện lực của mình, hai phi nơn nguyện rằng: “*Chỉ có Đức vua mới nhìn thấy chúng ta thôi*”. Sáng hôm sau, quân lính báo động: “*Bọn cướp đã vào hoàng cung đánh cắp mâm vàng*”. Các cổng thành đóng kín, chúng lung sục khắp nơi, thấy mâm vàng ở trong xe củi, chúng cho rằng: “*Đứa bé này đánh cắp mâm vàng*”. Nên bắt đem về trình với Đức vua. Đức vua nhìn thấy phán hỏi rằng:

- Này em bé, chuyện này là thế nào?

- Tâu Hoàng thượng! Con không rõ, cha mẹ của con đem cho con hồi hôm và bảo vệ cho con, cho nên yên tâm ngủ, con chỉ biết có bấy nhiêu.

Khi cho đòi cha mẹ của đứa bé đến, rồi thì hai phi nơn hiện rõ cho Đức vua biết sự kiện này. Cả ba người là cha mẹ đứa bé cùng đến Tịnh xá yết kiến Đức Bổn Sư, bạch trình tự sự và hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chỉ có niệm tưởng ân Đức Phật, ân Đức Pháp, ân Đức Tăng... mà được bảo vệ sao?

- Này Đại vương! Chẳng phải chỉ có niệm Phật, người nào tâm khéo tu tập sáu đặc điểm, người ấy không bị bùa chú hay tật bệnh.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn:

296. Chư đệ tử của Đấng Cồ Đàm, ngày đêm luôn giác tỉnh, hằng suy niệm về Phật.

297. Chư đệ tử của Đấng Cồ Đàm, ngày đêm luôn giác tỉnh, hằng suy niệm về Giáo Pháp.

298. Chư đệ tử của Đấng Cồ Đàm, ngày đêm luôn giác tỉnh, hằng suy niệm về Tăng già.

299. Chư đệ tử của Đấng Cồ Đàm, ngày đêm luôn giác tỉnh, hằng suy niệm về Thân.

300. Chư đệ tử của Đấng Cồ Đàm, ngày đêm luôn giác tỉnh, hằng suy niệm về đức Vô hại.

301. Chư đệ tử của Đấng Cồ Đàm, ngày đêm luôn giác tỉnh, hằng suy niệm, thỏa thích trong Thiền định.



CHÚ GIẢI:

Câu: “*Suppabuddham pabujjhanti*”: là ngày đêm giác tỉnh, hằng suy niệm về Phật, lúc ngủ hay lúc thức cũng vậy .

Câu: “*Sāda Gotamasāvaka*”: là đệ tử của Đấng Cồ Đàm là người tín thọ lời dạy của Đức Thế Tôn.

Hai câu: “*Buddhagatāsati*”: là tâm luôn luôn niệm các Hồng Ân của Đức Phật như: “*Itipi so Bhagavā...*” ngày đêm không xao lãng. Một ngày người ấy không niệm đủ cả ba lần, hay hai lần, dù chỉ niệm một lần cũng gọi là thức tỉnh.

Hai câu: “*Dhammāgatāsati*”: là tâm luôn luôn niệm ân đức Pháp như: “*Svākhāto bhagavatā dhammo...*”

Hai câu: “*Saṅhagatāsati*”: là tâm luôn niệm tướng ân đức Tăng như “*Suppati panno bhagavato sāvakaṅgho...*”

Hai câu: “*Kāyagatāsati*”: là luôn niệm thân, suy niệm 32 thể trực, tử thi, tứ đại, thể xác như màu xanh...

Hai câu: “*Ahimsāya rato*”: là thỏa thích trong Thiền định và Đức Thế Tôn đã truyền dạy: “*Vị Tỳ khuru an trú từ tâm rải nhất hướng*”.

Hai câu: “*Bhāvanāya*”: an trú tâm từ. Lời của Đức Thế Tôn chỉ về Bhāvanāya trong phần đầu. Nhưng ở đây Ngài ám chỉ tu tập tâm từ. Những câu sau như trên.

Dứt thời Pháp thoại ấy, đưa bé cùng cha mẹ chứng Quả Dự Lưu. Sau đó đều xuất gia chứng quả A La Hán, Pháp thoại kết quả lợi ích cho hội chúng.

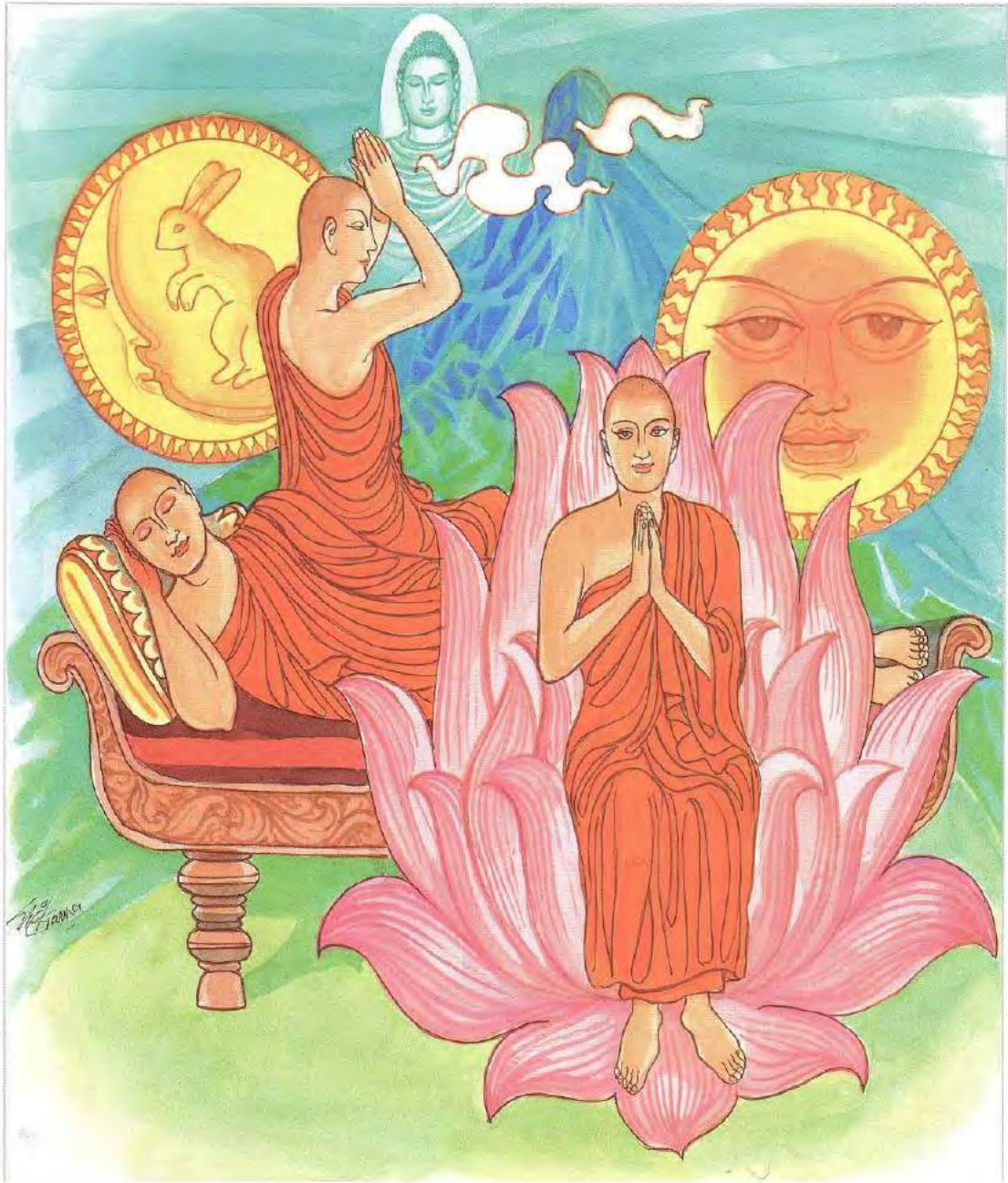


Dịch Giả Cẩn Đề

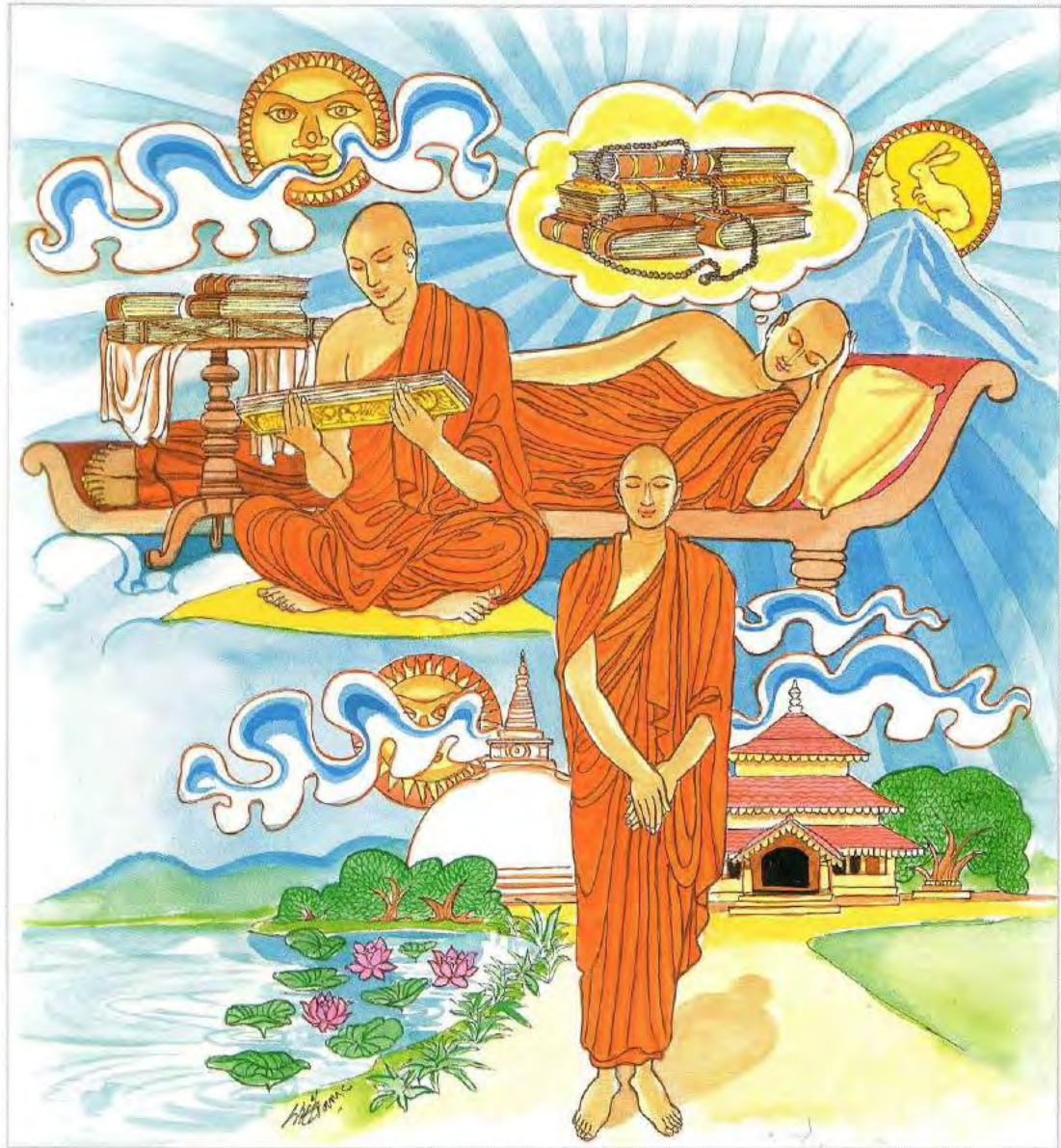
*Sáu đề niệm thắng bùa linh,
Tinh tấn hành thâm bảo hộ mình,
Mộ địa rừng đêm, con trẻ sợ,
Âm vang hiệu Phật, Dạ xoa kinh,
Đức vua mắt đũa, truy ra lý,
Cha mẹ tìm con, thấu rõ tình,
Sum họp một nhà, nghe chánh pháp,
Xuất gia hạnh đất quả vô sinh.*

DỨT TÍCH CON TRAI ÔNG DĀRUSĀKAṬIKA

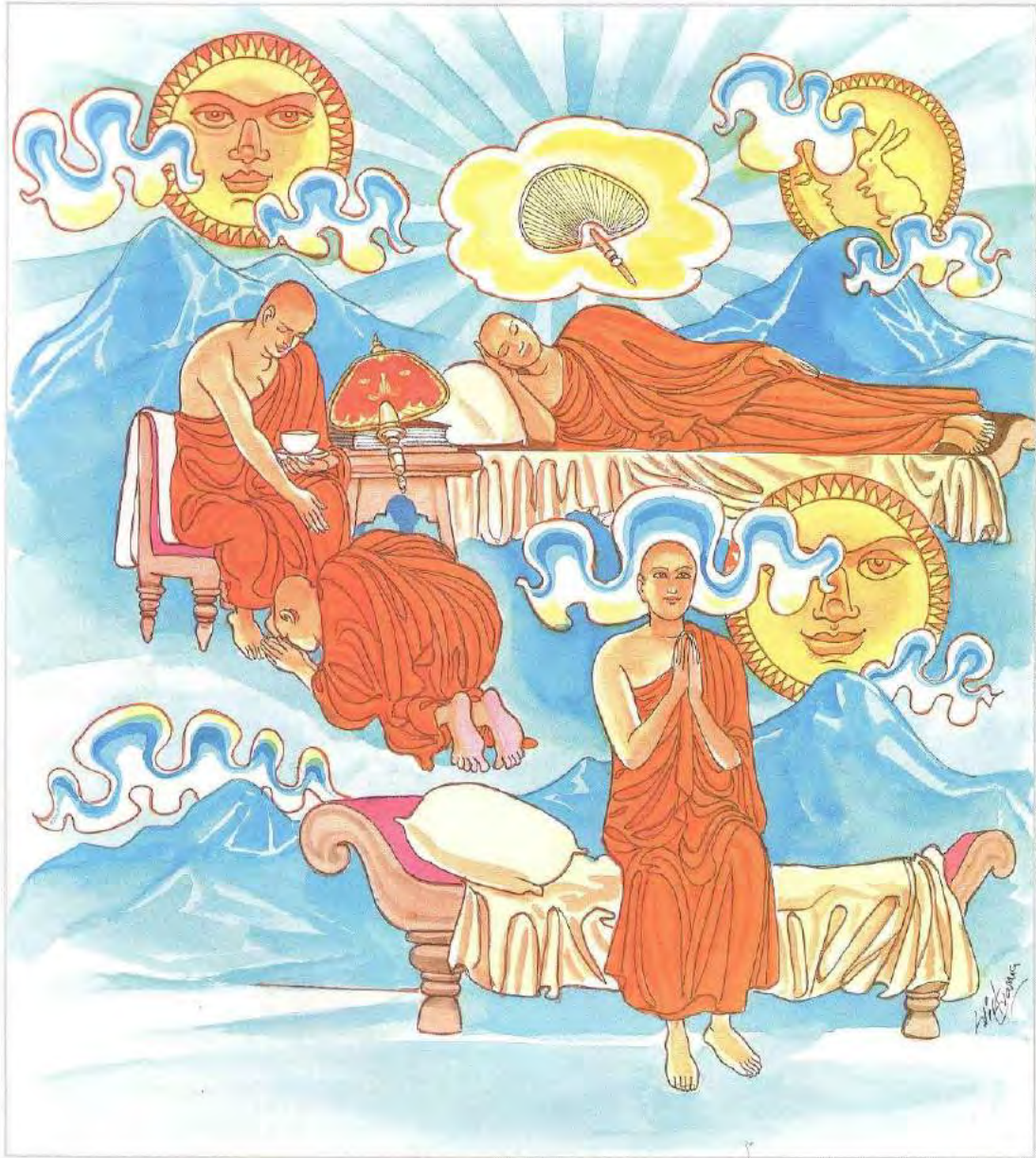




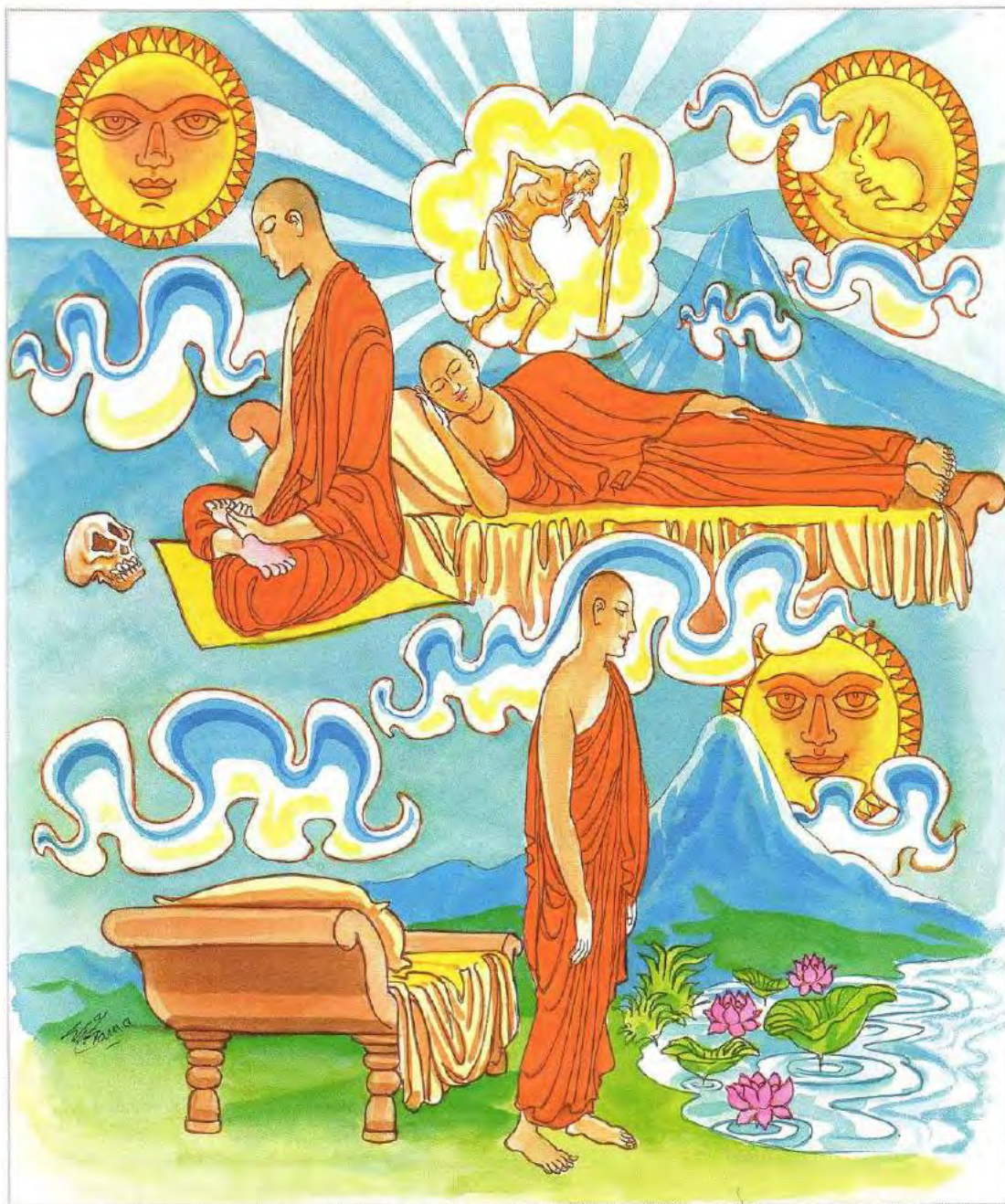
296. Tự thân luôn tỉnh giác. Đệ tử Go-ta-ma, Bất luận ngày hay đêm. Chuyên tâm niệm Phật-đà.



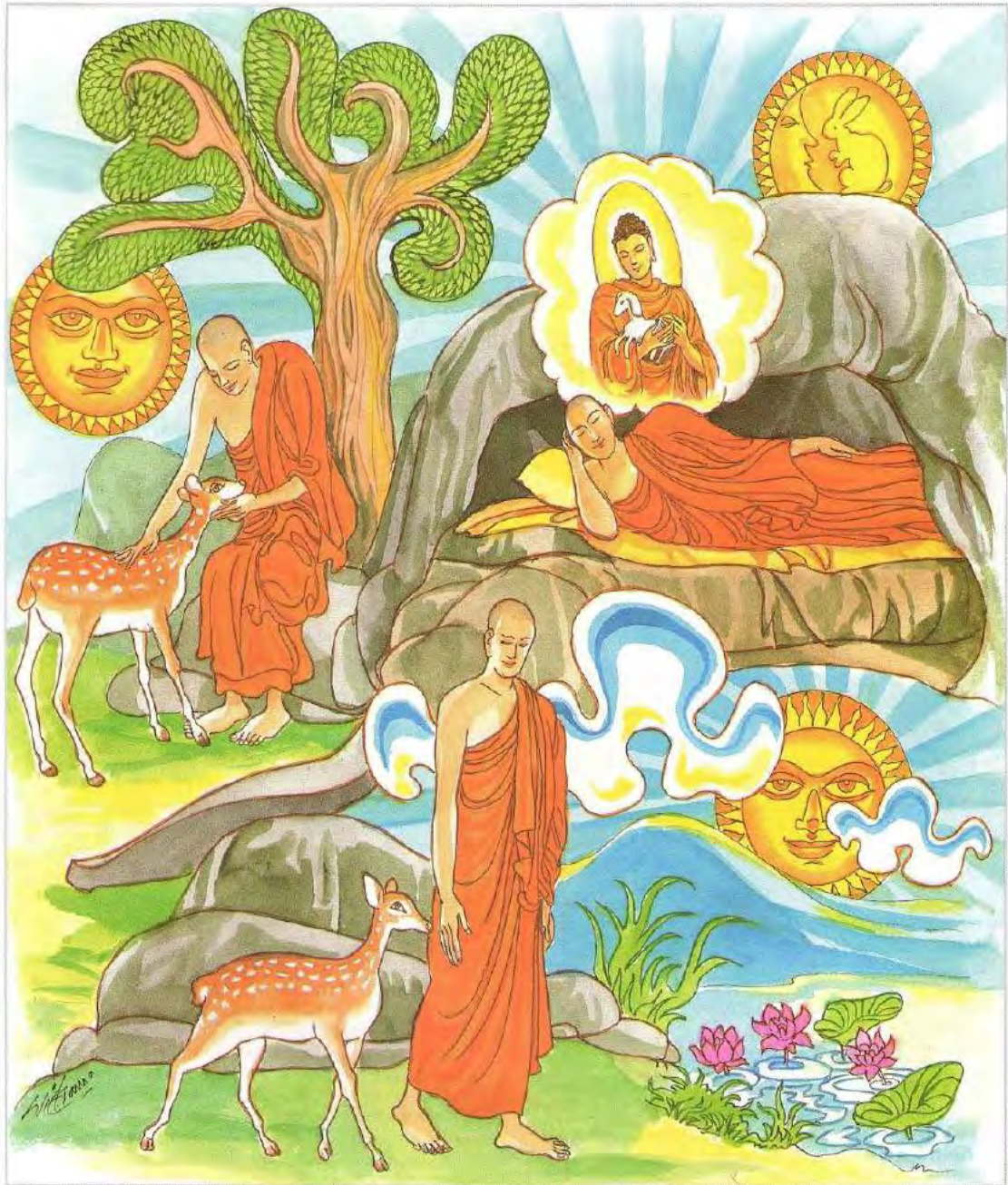
297. Tự thân luôn tỉnh giác. Đệ tử Go-ta-ma. Bất luận ngày hay đêm. Chuyên tâm niệm Dhamma: Pháp.



298. Tự thân luôn tỉnh giác. Đệ tử Go-ta-ma. Bất luận ngày hay đêm. Chuyên tâm niệm Tăng-già.



299. Tự thân luôn tỉnh giác. Đệ tử Go-ta-ma. Bất luận ngày hay đêm. Chuyên niệm thân xác ta.



300. Tự thân luôn tỉnh giác. Đệ tử Gô-ta-ma. Bất luận ngày hay đêm. Tâm vô hại hiền hòa.



301. Tự thân luôn tỉnh giác. Đệ tử Gô-ta-ma. Bất luận ngày hay đêm. Vui trong cảnh thiên-na.

XXI.6- TỖ KHUÙ VAJĪPUTTA

(*Vajjiputtakabhikkhuvatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 302)

“*Dubbajjaṃ durabhiramaṃ
Durāvāsā gharā dukhā
Dukkho samānaṃvaso
Dukkhaṇupatitaddagū
Tasmā na c’addhagū siyā
Na ca dukkhānupatito siyā*”.

“*Vui hạnh xuất gia khó,
Tại gia sinh hoạt khó,
Sống bạn không đồng, khổ.
Vậy chớ sống luân hồi,
Chớ chạy theo đau khổ*”.

Khi bậc Đạo Sư ngự tại Vesālī trong Đại Lâm, đề cập đến vị Tỳ khuru là con vua Vajjī, thuyết lên kệ ngôn này.

Các vị Luận Giải Sư giảng ý nghĩa: Vị Tỳ khuru con vua Vajjī này sống một mình độc cư trong rừng, gần thành Vesālī. Vị ấy nghe văng vẳng tiếng đàn hát từ thành vọng đến, lấy làm bất mãn mới thốt lên bài kệ:

“*Ta sống độc cư trong rừng sâu
Như khúc gỗ người vát hó sâu
Đêm về tiếng hát vọng từ đâu?
Có ai sánh cùng ta đâu*”.

Được nghe rằng: Vị Tỳ khuru ấy là Hoàng tử xứ Vajjī, đã từ bỏ lầu son, điện ngọc đi xuất gia. Một hôm khắp kinh thành Vesālī treo cờ xí trang trí kinh đô rực rỡ, mừng đại hội. Có 7707 vị vua cùng triều thần các xứ và cả Tứ Đại Thiên Vương đến dự, cuộc lễ diễn ra suốt đêm ngày. Hôm ấy là đêm rằm, nhằm lúc sen nở, bầu trời đầy trăng sao, vị này đi kinh hành liên tiếp, bỗng nghe khúc khái ca từ xa vọng đến, chạnh lòng Tăng sĩ, nên đã nói lên như vậy.

Chư thiên ngự tại đó nói lên bài kệ như sau:

“*Người sống độc cư trong rừng
Như khúc gỗ bị người vát bỏ
Thích thú khoái lạc đưa địa ngục
Thích thú hành thiện đến cõi trời*”.

Vị ấy nghe bài kệ này động tâm, sáng ngày vào yết kiến Bậc Đạo Sư. Đức Thế Tôn hiểu rõ sự kiện này, Ngài biết rõ rằng đời sống tại gia là đau khổ, nên sách tấn vị ấy bằng kệ ngôn rằng:

302. Xuất gia là khó, thỏa thích trong sự xuất gia là khó. Đời sống tại gia là khó và đau khổ. Liên kết với người không tương hợp là đau khổ. Đau khổ đến với khách lữ hành (trong vòng luân hồi). Vậy chớ nên làm khách lữ hành, chớ nên làm người chạy theo đau khổ”.

CHÚ GIẢI:

Dubbajjam: là sự từ bỏ tài sản ít hay nhiều, hoặc là thân quyền để xuất gia (hiến dâng) cho Đạo Pháp là khó làm.

Durabhiramaṃ: là người nam tử đi xuất gia, đi khát thực thích thú trong giới hạnh, dù chưa thực hành pháp trọn vẹn, là đã khó rồi.

Durāvāsa: là phận sự của vị vua cai trị Minh Chánh, Bạc Sa môn, Bà la môn hành đúng pháp mới tế độ. Dù vậy đời sống tại gia là khó, giống như cái nồi ở biển sâu. Vì vậy trong gia đình nếu không khéo lãnh đạo sẽ sanh khổ.

Dukkho samānasaṃvāso: dù người cư sĩ giai cấp, gia đình, tài sản đồng nhau và khi xuất gia là đồng giới hạnh, đa văn đều tương xứng. Nhưng chỉ hỏi rằng: Ông ấy là ai? Tôi là ai? Cốt ý tìm hiểu như vậy, sự sống chung không tương xứng là đau khổ.

Dukkhānupatitaddhagū: là đau khổ đến với khách lữ hành đi đường xa, là luân hồi. Vậy khách lữ hành chớ nên chạy theo đau khổ như đã giải trên.

Sau khi Đức Thế Tôn thuyết về năm sự khổ, vị Tỳ khuru ấy chấm dứt thập phần kiết sử, chứng quả A La Hán.

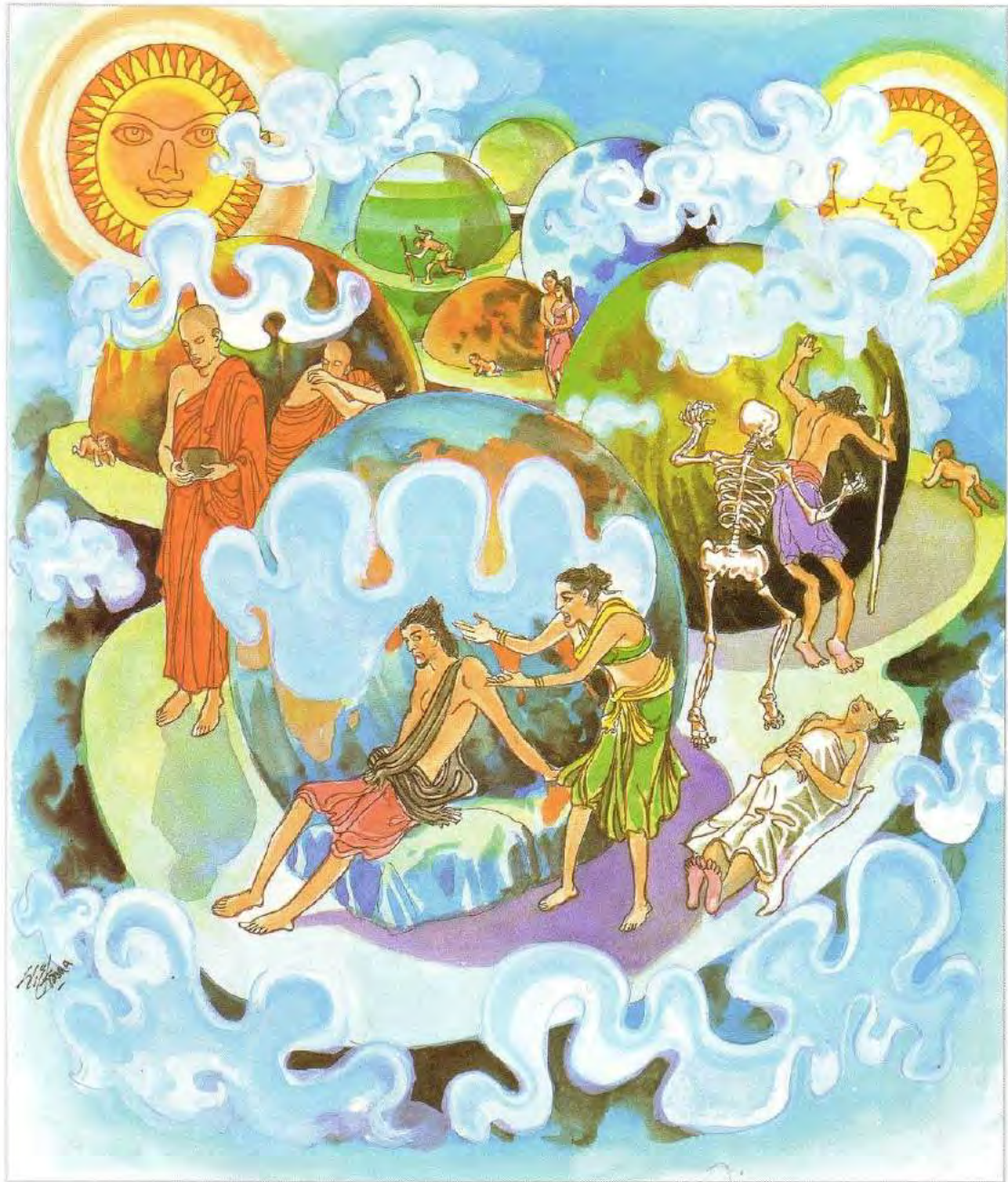


Dịch Giả Cẩn Đề

*Chán cảnh vương hầu quyết xuất gia,
Vào rừng xa lánh bụi phồn hoa,
Trăng tròn, trống phách vàng lòng lộng,
Giục khách thiền lâm chạnh nỗi nhà...
Xuất gia là việc khó đầu tiên,
Tuy vượt qua rồi, khó được yên,
Đường đạo còn bao nhiêu phận sự,
Làm xong mới giữ sạch ưu phiền,
Nếu muốn vắt ra chẳng dễ gì,
Đây là sản nghiệp, nợ thế nhi!
Làm vua, làm tớ đều lo lắng,
Thế lộ thăng trầm, lắm kẻ đi...
Hành giả chuyên tu hạnh đầu đà,
Vì người đồng đẳng kiếm không ra,
Sống không đồng đẳng ngày thêm khổ,
Kẻ thấp, người cao, khó cộng hòa,
Có khổ nào hơn khổ luân hồi?
Sáu đường, ba cõi mãi lăn trôi,
Tam tai, bát nạn đều quen mặt,
Cho đến bao giờ hết chấp “tôi”.
Cái khổ là chân lý thánh nhân,
Người minh sát khổ thoát mê tân,
Nghe lời Phật dạy rành năm khổ,
Vương tử Tỳ khưu tỉnh mộng trần.*

DỨT TÍCH TỶ KHUÛ VĀJJĪPUTTA





302. Khó thay vui xuất gia. Khổ thay sống tại gia. Khổ thay bạn không hợp. Khổ thay khách ta bà, Thế nên đừng phiêu bạt. Đừng đeo đuổi khổ đau.

XXI.7- TRƯỞNG GIẢ CITTA

(*Cittagahapativatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 303)

“Saddho sīlena sampanno
Yasobhogasamappito
Yaṃ yaṃ padesaṃ bhajati
Tattha yaṃ tatth’eva pūjito”.

“Tín tâm, sống giới hạnh
Đủ danh xưng tài sản,
Chỗ nào người ấy đến,
Chỗ ấy được cung kính”.

Kệ ngôn này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi ngự tại Tịnh xá Jetavana, đề cập đến Trưởng giả Citta.

Chuyện này đã có trong Phẩm CUÔNG ĐẠI: “*Asantaṃ bhāvamiccheyya...*”. Thật vậy, Đại Đức Ānanda bạch hỏi Bậc Đạo Sư rằng:

- Bạch Thế Tôn! Gia chủ này chỉ đến viếng Ngài mà được kính trọng. Vậy đến nơi khác có được như vậy không?

- Này Ānanda! Gia chủ Citta này đến với Như Lai hay đến nơi khác cũng đều được trọng đãi như vậy. Vì do nhờ lòng tịnh tín, giới hạnh trang nghiêm, nên đến bất cứ nơi nào cũng đều được kính mộ.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn:

303. Người có niềm tin và giới hạnh, có thiên tài thành đạt địa vị và tài sản (của bậc Thánh Giả) người ấy ở đâu cũng được quý trọng bất cứ trên lãnh thổ nào.



CHÚ GIẢI:

Saddho: là người có niềm tin, thế gian và siêu thế.

Sīlena: có hai loại giới, tại gia giới và xuất gia giới. Nhưng ở đây, Đức Thế Tôn ám chỉ về giới tại gia cư sĩ.

Yasobhogasamappito: người có địa vị như Trưởng giả Anāthapiṇḍika có 500 tùy tùng... có hai loại gia sản là: Tài sản phàm nhân và Thất Thánh Sản.

Yaṃ yaṃ....: là nam tử ấy đi bất cứ nơi nào cũng được ái mộ, trọng đãi như vậy.

Dứt Pháp thoại, nhiều người chứng đạt Thánh Quả Dự Lưu.

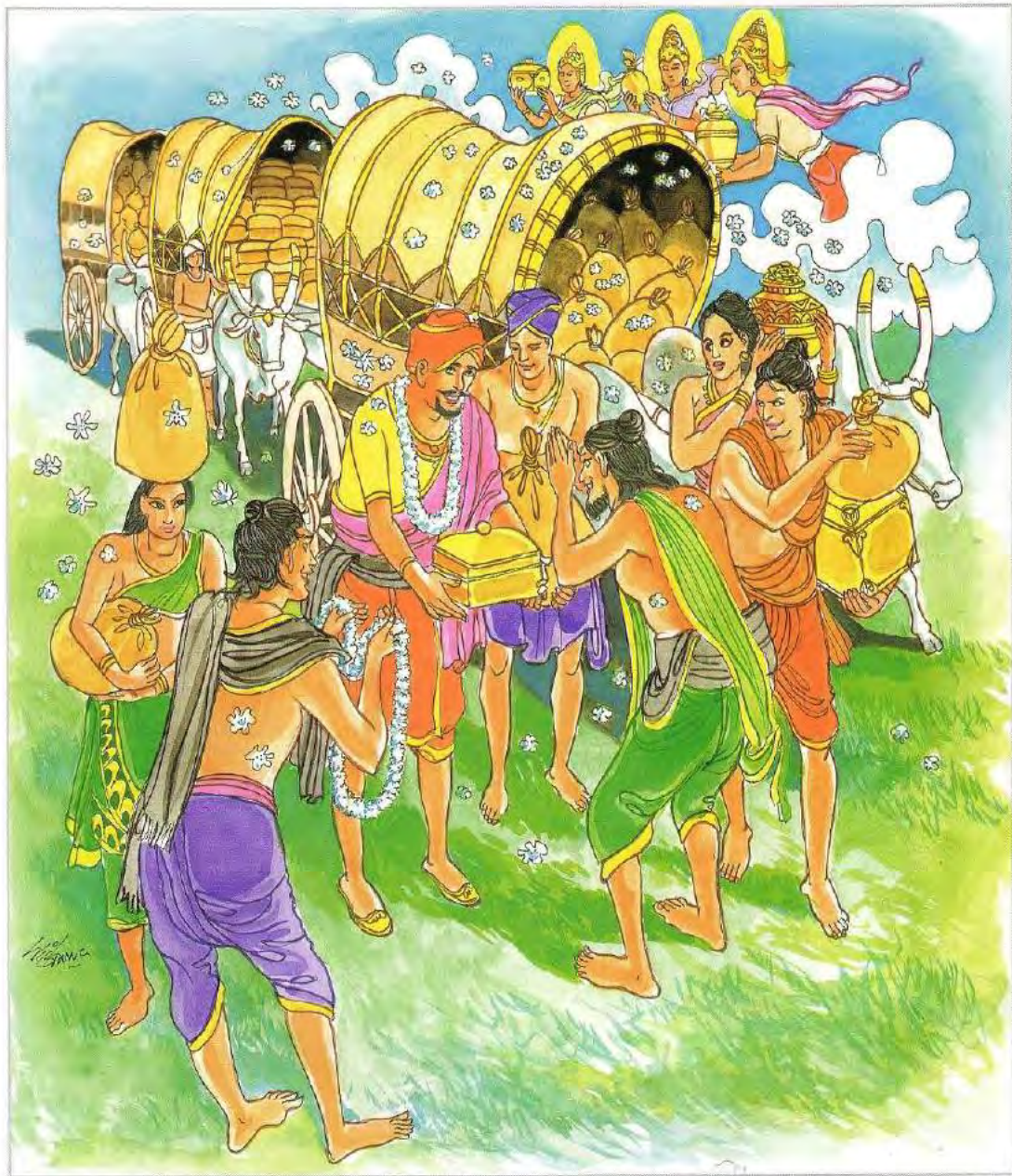


Dịch Giả Cẩn Đề

*Gia trưởng Tâm là bậc Bất Lai,
Một mình đầy đủ thánh, phàm tài,
Danh tiếng vang lừng, chẳng kém ai!
Phước báu do nơi thiện nghiệp mình,
Không nhờ tha lực để nương sinh,
Dẫu thời có Phật hay không Phật,
Cũng có người tu đắc quả linh.*

DÚT TÍCH TRƯỞNG GIẢ CITTA





303. Đủ giới hạnh chánh tín. Nhiều tài sản, danh cao. Dù đi đến nơi nào. Cũng được người cung kính.

XXI.8- NÀNG CŪLASUBHADDĀ (Cūlasubhaddāvatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 304)

**“Dūre santo pakāsentī.
Himavanto va pabbato;
Asantettha na dissanti,
Rattim khittā yathā sarā”.**

**“Người lành đầu ở xa
Sáng tỏ như núi tuyết,
Người ác đầu ở gần
Như tên bắn đêm đen”.**

Pháp Cú này được Đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, thuyết ra nhân đề cập đến ái nữ của Anāthapiṇḍika là Cūlasubhaddā.

Tương truyền rằng: Triệu phú Ugga thành Ugga là bạn của Trưởng giả Anāthapiṇḍika. Lúc thiếu thời, đôi bạn chân tình cùng học chung thầy, đã ước hẹn cùng nhau rằng: “*Khi hai ta thành gia thất, sẽ kết làm thông gia với nhau*”. Thời gian thấm thoát thoi đưa, hai người nay trở thành Trưởng giả.

Một hôm, Trưởng giả Ugga chở 500 cỗ xe hàng đến thành Sāvattthī bán. Trưởng giả Anāthapiṇḍika gọi con gái mình là Cūlasubhaddā đến bảo rằng:

- Này con, đây là triệu phú Ugga, sẽ là thân phụ của con. Vậy con phải hết lòng kính cẩn.

Nàng vâng lời cha, tự thân nấu những thực phẩm hợp vị. Từ ngày triệu phú Ugga đến đây, nàng luôn phục vụ chu đáo, làm triệu phú rất hài lòng.

Triệu phú Ugga thấy nàng Cūlasubhaddā công dung ngôn hạnh và có tâm tịnh tín, nhân một ngày đẹp trời, đang ngồi trò chuyện vui vẻ với Trưởng giả Anāthapiṇḍika, chợt ông nhớ lại lời hẹn ước lúc thiếu thời mới tỏ lời tác hợp lương duyên cho nàng Cūlasubhaddā với con trai mình. Nhưng vì ông là người tà kiến, theo ngoại đạo nên Trưởng giả Anāthapiṇḍika trình bạch việc này đến Đức Thế Tôn. Bạc Đạo Sư nhận thấy duyên lành của Ugga nên Ngài thuận ý. Anāthapiṇḍika hợp ý kiến của vợ rồi nhận lời cầu hôn của gia chủ Ugga định ngày hôn lễ. Cuộc lễ diễn ra rất long trọng như Trưởng giả Dhanañjaya gả nàng Visākhā. Trưởng giả Anāthapiṇḍika cũng giáo giới con mình bằng 10 lời dạy như Trưởng giả Dhanañjaya dạy bà Visākhā. Ông cho mời tám vị Bô lão của gia tộc đến gợi gắm rằng: “Nếu con gái tôi có điều chi sơ sót, xin quý vị niệm tình chỉ bảo”. Ngày lễ thành hôn cho con gái, Trưởng giả cung thỉnh Đức Thế Tôn cùng chư Tăng đến cúng dường trọng thể. Lễ vu quy của nàng Cūlasubhaddā được linh đình rục rịch là do phước nghiệp quá khứ của nàng. Khi xe hoa về đến kinh thành Ugga, được bên nhà trai tiếp đón nồng hậu.

Còn nàng Cūlasubhaddā cũng vinh hạnh, hãnh diện với mọi người như nàng Visākhā, nàng chứng tỏ mình là một Tiểu thư trâm anh thế phiệt, khiến mọi người trong thành vui mừng sự vinh hạnh của nàng.

Hôm ấy, gia đình bên chồng cũng tổ chức lễ an lành. Nhạc phụ nàng bảo nàng ra đánh lễ nhóm lửa thể ngoại đạo, nàng hồ thẹn khi thấy ngoại đạo trần trụi, không vâng

lời ra đánh lễ chúng. Dù nhạc phụ nàng có nhắc mãi, nàng vẫn một mực khước từ, ông nói giận:

- Hãy đuổi nó đi đi!

Nàng thấy mình chẳng có lỗi làm chi, chỉ vì lí do đó thôi, bèn cho mời tám vị Bồ lão đến, tỏ bày mọi sự. Các vị Bồ lão minh giải nàng vô tội, cuối cùng Uggā đành thuận ý. Ông bà Triệu phú nói chuyện với nhau rằng: *Nàng dâu chúng ta không đánh lễ các Sa môn của chúng ta vì nghĩ rằng: “Những người này không ngại ngục”. Bà Triệu phú thắc mắc rằng: “Chẳng hay các vị Sa môn của con gái ta như thế nào? Mà sao nó tán dương nhiều vậy?”*.

Bà hỏi con dâu rằng:

*“Các vị Sa môn của con ra sao?
Phẩm hạnh trang nghiêm như thế nào!
Nghe con thường tán dương đạo mạo.
Khiến lòng mẹ nôn nao
Con hãy thuật lại mau”*.

Muôn mẹ chồng phát tâm tín ngưỡng, nàng tán thán công hạnh của Đức Phật và chư Thánh Thích Văn như sau:

*“Bậc thanh tịnh vắng lặng
Oai nghi và tề chỉnh
Nhãn căn phòng hộ, nói hợp thời.
Bậc Sa môn của con như vậy.
Thân khẩu ý thanh tịnh
Bậc Sa môn của con như vậy.
Tinh khiết như ngọc trai
Bên trong và bên ngoài
Tinh thông các Giáo điển
Bậc Sa môn của con như vậy.
Thế gia vui lợi, danh thịnh
Buồn khổ lợi, danh suy
Không vui lợi, danh thịnh
Không buồn lợi, danh suy
Bậc Sa môn của con như vậy.
Thế gian vui được khen
Buồn phiền bị chỉ trích
Các Ngài tâm bình thản
Không ưu buồn, khen chê
Thế gian thích thú trong an lạc
Buồn phiền khi khổ đau
Các Ngài không vui buồn lạc khổ
Không rung động rung chuyển
Bậc Sa môn của con như vậy”*.

Nghe vậy, mẹ chồng nàng muốn được diện kiến chư Tăng, nên bảo nàng tìm cách đặng gặp, nàng chuẩn bị sẵn vật thực dâng cúng, đứng tại biệt thự hướng về Tịnh xá Jetavana, đánh lễ Đức Thế Tôn, gửi luồng tư tưởng thỉnh cầu Đức Phật và Tăng chúng sáng mai thọ thực tại nhà nàng, do năng lực này xin Bạc Đạo Sư hiểu được tâm tôi. Rồi nàng liệng tám cánh hoa lài lên không trung.

Các hoa ấy liền rơi xuống trước mặt Bạc Đạo Sư trong khi Ngài đang thuyết pháp cho Tứ chúng.

Lúc ấy Trưởng giả Anāthapiṇḍika vừa nghe Pháp xong, cung thỉnh Đức Thế Tôn đến nhà ngày mai để ông cúng dường. Bạc Đạo Sư trả lời rằng:

- Này gia chủ! Sáng mai Như Lai đã nhận lời thỉnh cầu của con gái ông trước rồi.

Ông ngạc nhiên vì ông đã gả con gái đi xa cách đây 120 do tuần rồi kia mà. Khi ông bạch hỏi, Đức Phật dạy rằng:

- Này gia chủ! Người tốt được nhận thấy từ xa.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn:

304. Người thiện nổi bật từ đàng xa tựa như là Hi Mã Lạp Sơn, lộ rõ trước mọi người. Người hạ liệt tội lỗi, dù ở kề cận cũng không ai trông thấy tựa như mũi tên bay trong đêm tối.

CHÚ GIẢI:

Santo...: Bạc Chân Nhân như Đức Phật... vì các Ngài đã tận diệt gốc rễ của ái dục... nhưng ở đây Đức Thế Tôn chỉ về người đã tạo phước trong quá khứ, nên Ngài dạy về phương pháp tu tập của bậc Chân Nhân.

Pakāsenti: Dù ở đàng xa, tác ý đến chư Phật đó được gọi là nhận thấy.

Câu **Himavantena:** Như núi Hi Mã Lạp Sơn lớn 3000 do tuần, cao 500 do tuần, ngọn cao 84000 do tuần hiện rõ trước mặt dân chúng từ xa như thế nào, người thiện cũng lộ lộ như vậy.

Asantettha: Người cuồng dại tri kiến sai lệch, nghiêng về lợi lộc, xuất gia mục đích nuôi mạng, đó gọi là phi chân nhân. Người ấy dù kề cận bên Đức Phật cũng không trông thấy.

Rattim khittā: Như mũi tên bay trong đêm tối.

Kẻ phi chân nhân không trông thấy, do không có duyên lành.

Dứt thời Pháp, nhiều người chứng quả Dự Lưu.

Đức Thiên Vương Đế Thích biết: “*Bạc Đạo Sư nhận lời thỉnh cầu của nàng Cūlasubbhaddā*”. Mới truyền lệnh cho Thiên Tử Kiến Trúc tạo ra 500 ngôi biệt thất đặng ngày mai Đức Phật và Tăng chúng đến thành Ugga an ngự.

Sau khi Thiên tử xong phận sự, đến trước Tịnh xá Jetavana. Đức Thế Tôn cùng với 500 vị Thánh Tăng Vô Lậu ngự đến thành Ugga.

Triệu phú Ugga thấy Đức Phật từ xa ngự đến, với tướng hảo quang minh, ông khởi tâm kính mộ cúng dường tràng hoa... đánh lễ và bạch thỉnh cúng dường trọn bảy ngày.

Đức Phật thuyết pháp hợp theo cơ tánh của triệu phú. Dứt thời Pháp, Trưởng giả Ugga cùng với 84000 chúng sanh chứng ngộ Pháp.

Đề tế độ nàng Subhaddā, Ngài phán bảo Đại Đức Anurudha:

- Ngươi hãy trú tại đây.

Và Ngài ngự về kinh thành Sāvattthī. Kể từ đó kinh thành ấy tín thành Giáo Pháp.

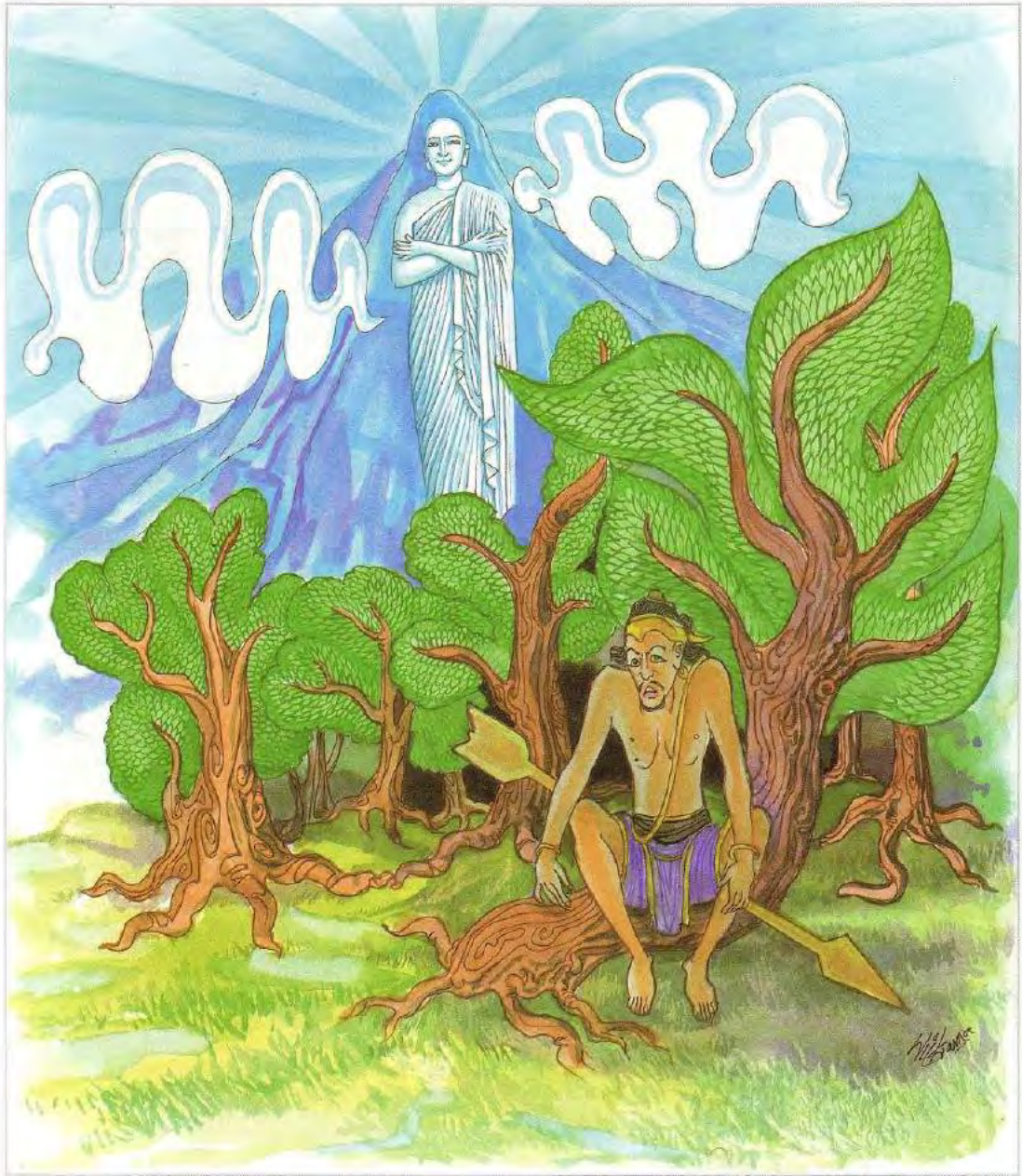


Dịch Giả Căn Đê

*Nực cười lỏa thể cũng sa môn!
Hổ mặt, dầu Hiền chẳng kính tôn...
Đầu tộc vui lòng lo biện lý,
Nhạc gia đẹp dạ hết hồi hôn,
Lầu cao thỉnh Phật, xin cầu viện,
Dịp tối nghe kinh, chịu nhập môn,
Tám vạn bốn ngàn cùng bá hộ,
Có duyên ngộ pháp, khỏi bôn chôn...*

DỨT TÍCH NÀNG CŪLASUBHADDĀ





304. Người hiền dù ở xa. Hiện ra như núi tuyết. Kẻ ác dù đứng gần. Như tên bắn trong đêm.

XXI.9- TRƯỞNG LÃO EKAVIHĀRĪ

(*Ekavihārittheravatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 305)

“*Ekāsaṇaṃ ekaseyyaṃ
Eko casaṃ atandito
Eko damayaṃ attānaṃ
Vanante ramito siyā*”.

“*Ai ngồi nằm một mình,
Độc hành không buồn chán,
Tự điều phục một mình
Sống thoải mái rìng sâu*”.

Bậc Đạo Sư khi ngự tại Jetavana thuyết lên kệ ngôn này khi đề cập đến Đại Đức Ekavihārī.

Được nghe rằng: Vị Đại Đức ấy dù ở giữa Tứ chúng nhưng vẫn ngồi một mình, đi một mình, đứng một mình. Chư Tỳ khuru đã bạch lại sự kiện này với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ khuru đó có cử chỉ như thế ấy.

- Lành thay! Lành thay! Này các Tỳ khuru, vị Tỳ khuru hãy sống độc cư tịch mịch.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

305. Vị Tỳ khuru ngồi một mình, nghỉ một mình, đi một mình, sống độc cư, không biếng nhác, tự kiểm soát tâm trong cảnh cô đơn, thỏa thích ở trong rừng.



CHÚ GIẢI:

Trong những câu văn ấy, hai câu: *Ekāsaṇaṃ ekaseyyaṃ*: là dù giữa cả ngàn vị Tỳ khuru, vị ấy vẫn chánh niệm tỉnh giác, đó là ngồi một mình. Dù chung trong biệt thự cả ngàn vị Tỳ khuru nghỉ, vị ấy vẫn tìm chỗ trải thích hợp, tác ý hành đạo. Đó gọi là nghỉ một mình. Vị Tỳ khuru ngồi một mình và nghỉ một mình như vậy.

Câu: *Atandito*: là vị Tỳ Khuru không biếng nhác, dù thân bệnh hoạn, vị ấy vẫn đi một mình.

Câu: *Eko damayamattānaṃ*: vị ấy kiểm soát tâm trong cảnh tịch tịnh, thành đạt đạo quả.

Câu: *Vanante ramito siyā*: là vị ấy kiểm soát tâm như vậy, thỏa thích sống trong rừng không có tiếng nói nam nữ... Nếu vị ấy sống ồn ào, không thể nhiếp tâm được.

Dứt thời Pháp thoại, rất nhiều vị Tỳ khuru chứng Quả Dự Lưu. Từ đó, mọi người chỉ thích sống độc cư.



Dịch Giả cần Đề

*Tỳ Khuru gấp đến cỡi vô sanh,
Tinh tấn ngày đêm cũ độc hành,
Đi đứng nằm ngồi, đến tự chế,
Giữa chùa như ở giữa rừng xanh,
Đại Đức bày gương lắm kẻ theo,
Nhưng còn mấy cụ vẫn mè nheo:
“Tu gì ngành chúng làm cao vậy?”
Đường dốc siêu phàm, mãi vắng teo!...*

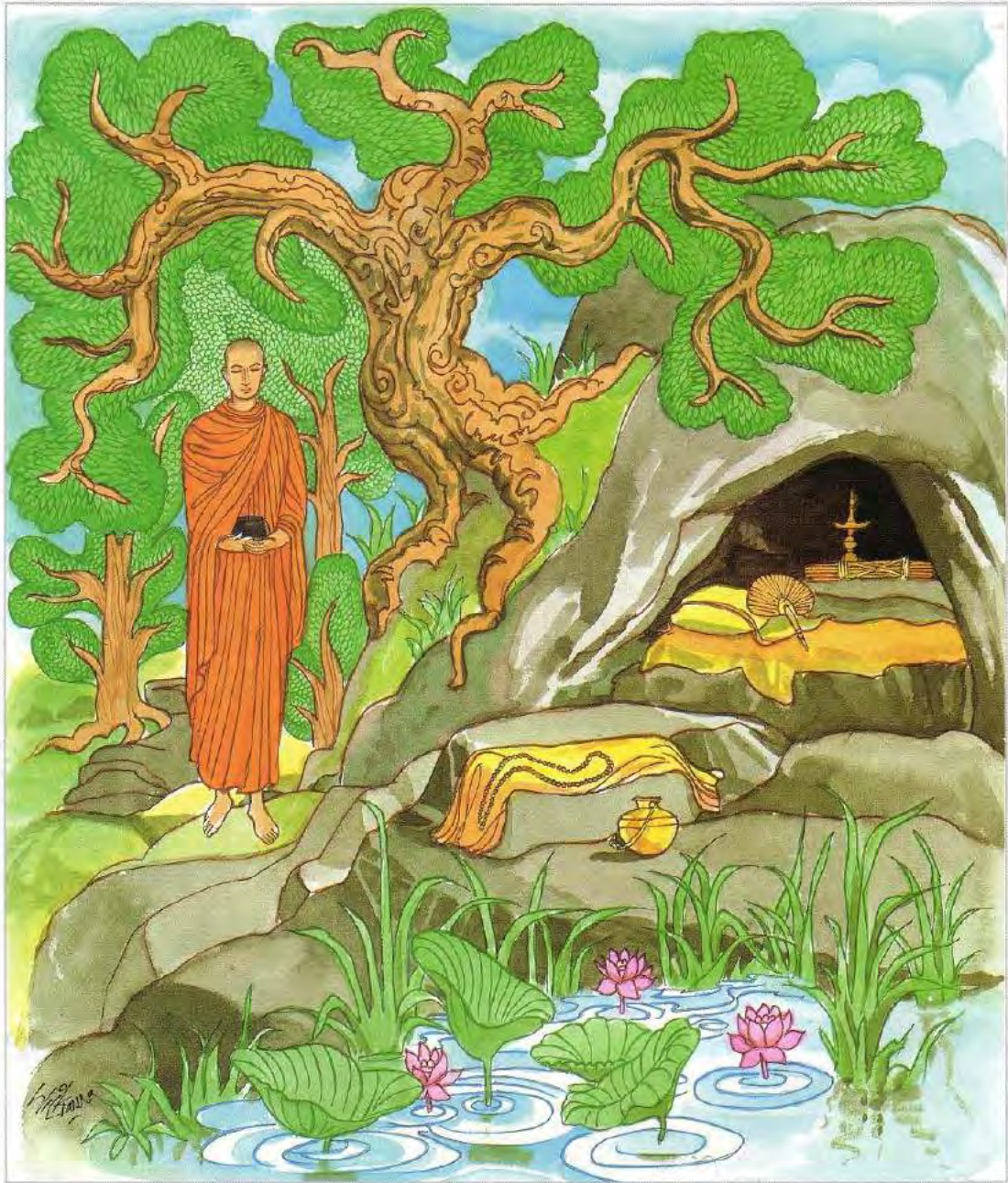
DÚT TÍCH TRƯỞNG LÃO EKAVIHĀRĪ



DÚT PHẨM TẠP LỤC – PAKIṆṆAKA VAGGA

DÚT PHẨM 21





305. Ai ngồi nằm đơn độc. Tinh tấn đi một mình. Điều phục được chính mình. Sẽ vui nơi rừng thẳm.

XXII. PHẬM KHỔ CẢNH (NIRAYA VAGGA)



- 12 bài kệ: Pháp cú 306-318

- 9 tích truyện

XXII.1- NỮ NGOẠI GIÁO SUNDARĪ (Sundarīparibbājikāvattu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 306)

“Abhūtavādī nirayaṃ upeti
Yo c’āpi katvā na karomīti c’āha
Ubho pi te pecca samā bhavanti
Nīhīnakammā manujā parattha”.

“Nói láo đọa địa ngục
Có làm nói không làm,
Cả hai chết đồng đẳng,
Làm người, nghiệp hạ liệt”.

Khi Bạc Đạo Sư lưu trú tại Jetavana, Ngài đề cập đến nữ ngoại giáo Sundarī, thuyết lên kệ ngôn này.

Tương truyền rằng: Khi tất cả mọi người tập trung vật chất cúng dường Đức Thế Tôn. Vì Ngài và Tăng chúng được mọi người dâng cúng dồi dào, ngược lại nhóm ngoại giáo bị suy giảm. Khi vàng hồng ló dạng, chúng xầm xì bàn tán: “*Từ ngày Sa môn Gotama xuất hiện, lợi lộc của chúng ta bị suy giảm, không ai hiểu và chia sẻ cùng chúng ta. Lỗi làm này do Sa môn Gotama gây ra*”.

Chúng bàn tính: “*Chỉ có nàng Sundarī hi sinh cho chúng ta*”. Nhân một ngày nọ, nàng đến tu viện chào hỏi mà bọn ngoại giáo vẫn không trả lời, vì thắc mắc nàng mới hỏi rằng:

- Chẳng hay các Ngài có điều chi buồn phiền?
- Cô không thấy Sa môn Gotama làm chúng tôi suy giảm lợi lộc hay sao?
- Nếu vậy, tôi có giúp được việc gì?

Cô thật là một mỹ nhân sắc nước hương trời, phải làm thế nào cho Sa môn Gotama mất uy tín.

Nàng Sundarī nhận lời, chấp hành phương kế. Hàng ngày nàng đem tràng hoa vật thơm đi đến Jetavana, đợi lúc mọi người nghe Pháp xong ra về thì nàng vào, nếu ai có hỏi “*Đi đâu?*” thì trả lời: “*Đi đến trú xứ Sa môn Gotama, vì tôi ở chung Hương thất với Ngài*”. Nàng đi đến trú tại một tu viện gần đó rồi từ mờ sáng nàng từ Jetavana đi về thành, nếu có người gặp hỏi “*Đi đâu vậy Sundarī?*” thì trả lời: “*Sa môn Gotama vừa ân ái với tôi nên tôi mới ra về*”.

Hai ba ngày sau, chúng thuê người giết Sundarī, chôn vùi dưới đồng rác gần hương thất của Bạc Đạo Sư. Rồi phao tin nàng mất tích, sự kiện này chúng tâu trình

với Đức vua, cho phép vào Jetavana để tìm nàng Sundarī, vì suốt ngày nàng chỉ ở nơi đó. Chúng đến đồng rác bươi xác lên, loan tin khắp nơi: “Đệ tử Gotama giết nàng Sundarī chôn dưới đồng rác, xin quý vị hãy nhìn xem những hành động của Sa môn Thích Tử” nhằm triệt hạ uy tín Bạc Đạo Sư. Đức vua truyền lệnh đem xác Sundarī liệng vào rừng, khiến cho mọi người nghi vấn, chỉ trừ những bậc Thánh nhân lòng tin bất động nơi Tam Bảo.

Chư Tỳ Khưu đem câu chuyện này bạch với Đức Thiện Thệ. Đức Thế Tôn phán dạy kệ ngôn rằng:

306. Người nói điều không thật vào khổ cảnh, người đã làm rồi nói “tôi không có làm” cũng vậy. Sau khi chết cả hai đều bằng nhau, người có hành động ti tiện trong thế giới khác.



CHÚ GIẢI:

Trong những câu văn ấy, câu Abhūtavādī: Không thấy lỗi người khác nhưng nói thấy (nói dối).

Câu: **Katvā**: Người có hành động ti tiện nói “tôi không có làm”.

Câu: **Pecca samā bhavanti**: Cả hai người đều bằng nhau, sau khi chết sanh vào khổ cảnh, sanh thú của họ Ngài đã xác định rõ ràng mà tuổi thọ thì Ngài không xác định. Nếu người hạnh động bất thiện hằng bị thiêu đốt trong địa ngục lâu dài, dù chỉ là điều ác nhỏ cũng bị thiêu đốt theo mức của việc làm. Cả hai trường hợp đều là hành vi hạ liệt mà Đức Thế Tôn gọi là “*nihīnakammā manujā parattha*”.

Câu: **Parattha** chung với câu **Pecca** trên. Người hành vi hạ liệt sau khi chết đi vào khổ cảnh.

Đức vua truyền lệnh cho quan quân “đi tìm hiểu cái chết của nàng Sundarī”. Lúc đó bọn côn đồ giết nàng Sundarī đang uống rượu cùng nhau, chúng say sưa, ẩu đả nhau, chúng chửi nhau: “Chính mày đã giết nàng Sundarī chôn dưới đồng rác”, “Thôi chuyện ấy bỏ qua đi”. Quân lính liền bắt chúng tra gạn, trình lên Đức vua:

- Có phải các ngươi giết nàng Sundarī không?

- Thừa vâng, tâu Hoàng thượng.

- Ai bảo các ngươi giết?

- Thừa các tu sĩ ngoại giáo.

Đức vua truyền lệnh cho các tu sĩ ngoại giáo đi vào kinh thành thông báo:

- Chúng tôi phao vu Sa môn Gotama giết nàng Sundarī, nhằm triệt hạ uy tín. Chuyện này đệ tử Sa môn Gotama vô tội, chính chúng tôi có tội.

Do tội sát nhân nên bọn ngoại giáo và bọn côn đồ bị hành hình. Từ đó Đức Phật và chư Thánh Văn được dân chúng sùng bái cúng dường rất nhiều.

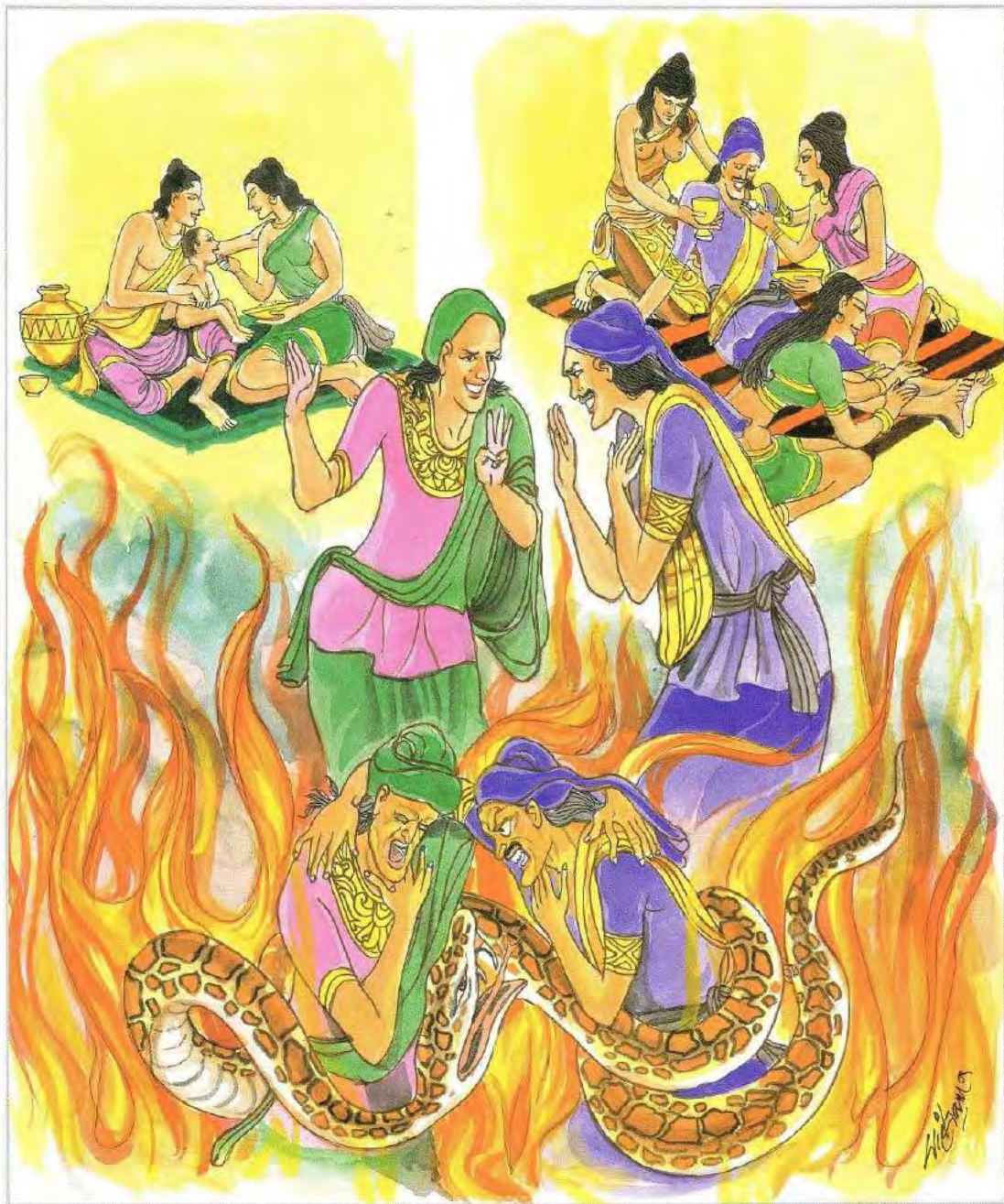


Dịch Giả Cẩn Đề

*Ni đẹp vì ham bã lợi danh,
Vu oan Đức Phật tội giao tình,
Hại chúng chưa xong, đã hại mình!
Ngoại đạo mưu đồ việc bắt lương,
Rốt cùng phải chịu cảnh tai ương,
Lưu manh thích rượu, ham tiền bạc,
Cùng xích tay nhau đến pháp trường,
Những ai có tội chối rằng không,
Vớ kẻ vu oan tội cũng đồng,
Chỉ một đường chung đi địa ngục,
Bạn ơi, thiện nghiệp ráng gieo trồng.*

DÚT TÍCH NGOẠI GIÁO SUNDARĪ





**306. Người mồm miệng lão khoét. Kẻ làm rồi nói không.
Cả hai chết tương đồng. Đê tiện, dọa dũa ngục.**

XXII.2- CHUYỆN KHỔ NHÂN

(*Duccaritaphalapīlitavattu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 307)

“*Kāsāvakaṇṭhā bahavo
Pāpadhammā asaṅṅatā
Pāpā papehi kammehi
Nirayaṃ te upapajjare*”.

“*Nhiều người khoác cà sa,
Ác hạnh không nhiếp nhục.
Người ác, do ác hạnh,
Phải sanh cõi Địa ngục*”.

Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến những khổ nhân tạo ác nghiệp.

Đại Đức Moggallāna cùng với Đại Đức Lakkhaṇa từ trên núi Gijjhakūṭa đi xuống, thấy con ngựa quý hình dáng bộ xương... Đại Đức mỉm cười, thấy vậy Đại Đức Lakkhaṇa vẫn hỏi:

- Thưa Tôn giả! Lý do gì mà Ngài mỉm cười?

- Này Hiền giả! Lúc này chẳng phải thời, Hiền giả nên hỏi tôi khi nào có Đức Thiện Thế.

Sau khi về đến Jetavana, Đại Đức Lakkhaṇa vẫn hỏi, Đại Đức Moggallāna trả lời:

- Này Hiền giả! Tôi từ núi Gijjhakūṭa đi xuống, đã thấy ngựa quý đấp y vàng hình dáng bộ xương đang phùng phùng cháy trên hư không.

Bậc Đạo Sư giải thích rằng đó là hậu quả của một kiếp sống làm tăng sĩ ô nhiễm trong thời Giáo Pháp của đấng Thập Lực Kassapa.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn sau:

307. Nhiều người đấp y vàng, không điều phục pháp bất thiện. Chính hành vi hạ liệt của mình sẽ tái sanh vào đọa xứ.

CHÚ GIẢI:

Trong những câu văn ấy, câu: *Kāsāvakaṇṭhā*: người đấp y casa. Câu Pāpadhamma là pháp bất thiện.

Câu: *Asaṅṅatā*: thúc liễm thân nghiệp... Người đã tạo điều bất thiện đưa đến khổ cảnh, hết nghiệp ở địa ngục sanh làm ngựa quý bị thiêu đốt do quả dư sót.

Dứt thời Pháp thoại rất nhiều người chứng Quả Dự Lưu...

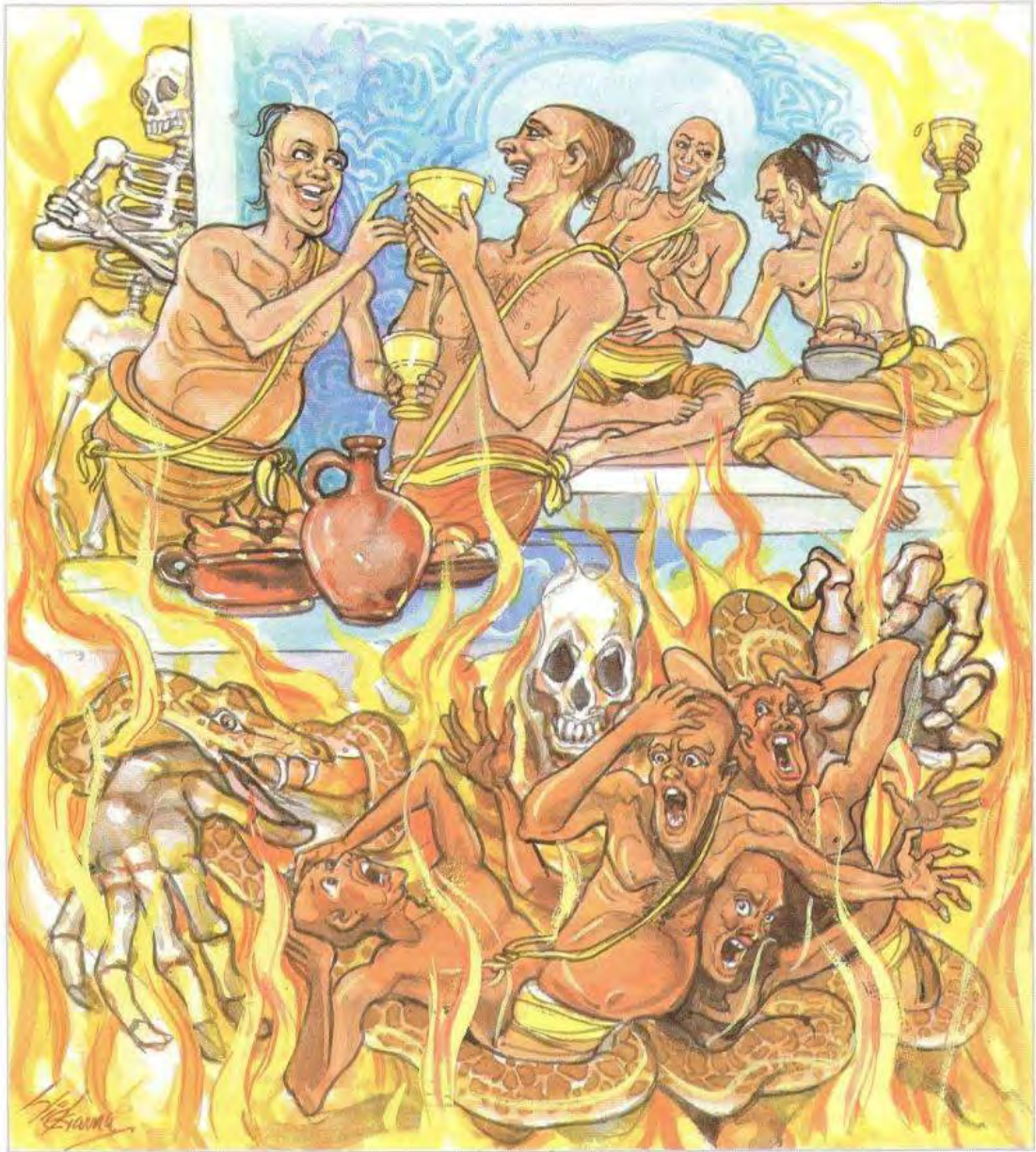


Dịch Giả Cẩn Đề

*Ngạ quỷ bộ xương bởi nghiệp chi?
Lửa hồng theo đốt bát, thiêu y?
Vào thời Phật tổ, tên Ca Diếp,
Có những Tỳ khuru dứt giới quy...
Đến nay, trên đỉnh núi Linh San,
Chưa vắng hình ma khoác áo vàng,
Lúc sống làm sư chuyên dối thế.*

DÚT TÍCH CHUYỆN KHỔ NHÂN





**307. Nhiều người khoác cà sa. Ác hạnh, không điều phục.
Kẻ ác, do nghiệp thúc. Phải đọa địa ngục thôi.**

XXII.3- Tích CHƯ TỖ KHƯU TRÚ GẦN SÔNG VAGGUMUDĀ
(*Vaggumudāṭṭriyabhikkhuvatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 308)

**“Seyyo ayogulo bhutto
Tatthi aggisikhūpamo
Yañ ce bhuñjeyya dussīlo
Raṭṭhapaṇḍaṃ asaṅṅato”.**

**“Tốt hơn nuốt hòn sắt
Cháy đỏ như than hồng,
Hơn ác giới buông lung
Ăn đồ ăn quốc độ”.**

Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại thành Vesālī, đề cập đến chư Tỳ khuru trú gần sông Vaggumudā.

Chuyện này thuộc về điều học Pārājika về khoe pháp Thượng nhân:

- Này các Tỳ khuru! Có phải các người khoe pháp Thượng nhân, tôn xưng lẫn nhau đặng đàn việc dâng cúng phải chăng?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Nhân đó, Đức Thế Tôn giảng Pháp và Ngài thuyết lên kệ ngôn:

308. Thà nuốt một hòn sắt cháy đỏ (có khả năng thiêu đốt) như một ngọn lửa, còn hơn làm vị Tỳ khuru sống nhờ vật thực của dân chúng mà có hành động bất thiện và không thu thúc thân tâm.



CHÚ GIẢI:

Trong những câu văn ấy, hai câu: *Yañca bhuñjeyya*: Vị Tỳ khuru ác giới không thúc liễm thân nghiệp... tuyên bố mình “là vị Sa môn” thọ lãnh vật thực của người cúng dường với lòng tin như thế nào, thà nuốt hòn sắt cháy đỏ còn hơn. Do duyên gì?

Vì hòn sắt cháy đỏ chỉ thiêu chết có một kiếp, còn hơn người ác giới thọ lãnh của tín thí dâng cúng với lòng tin, bị thiêu đốt trong địa ngục cả nhiều trăm kiếp.

Dứt thời Pháp rất nhiều người chứng Quả Dự Lưu...

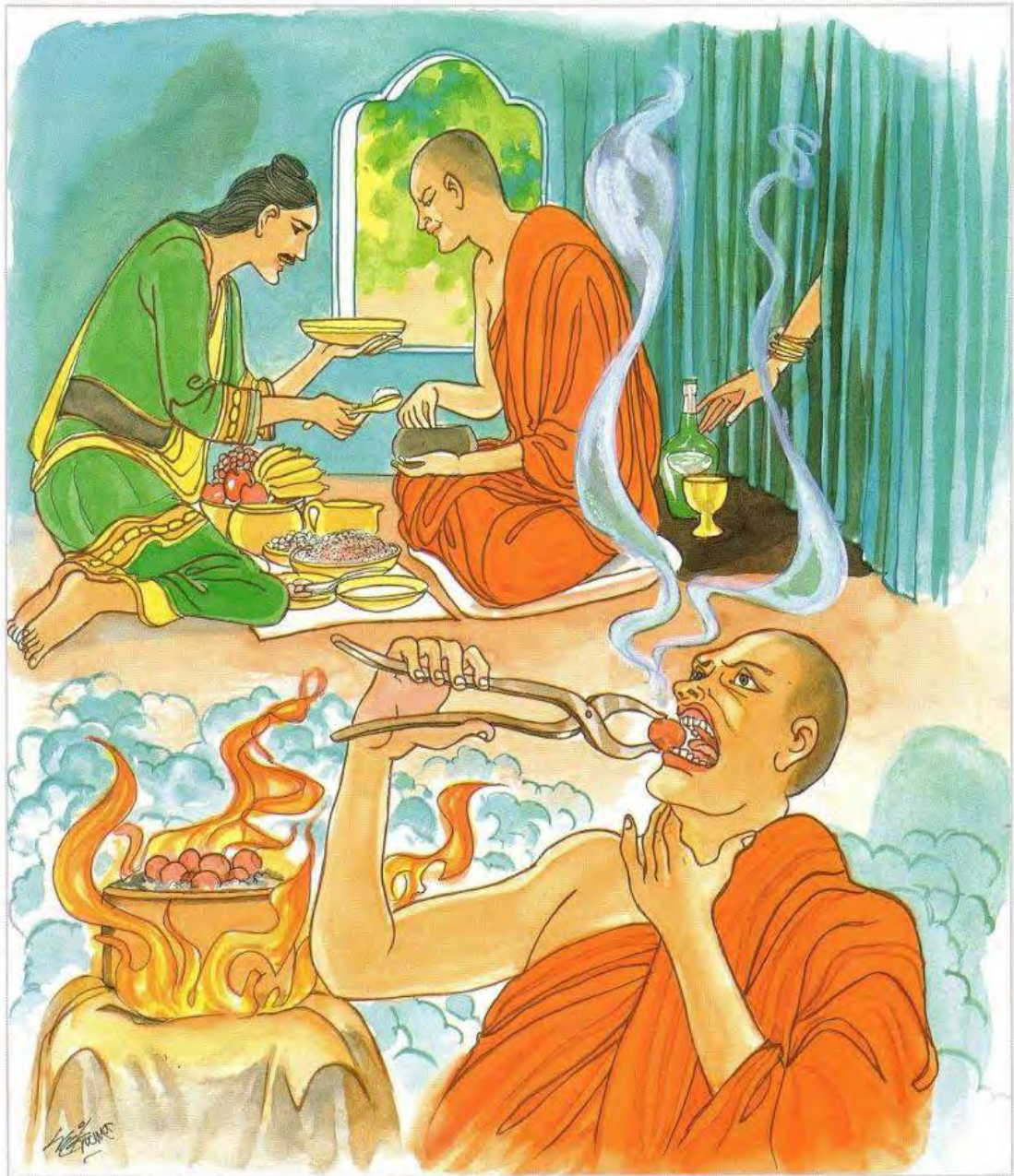


Dịch Giả Cẩn Đề

*Tự mình giới hạnh một đường,
Nói ra một ngã, gạt lờng kiếm ăn,
Như người săn giống phi cầm,
Núp trong bụi rậm lập tâm khác nào,
Y vàng quán cổ không sao,
Đây che ác pháp ngăn rào phóng tâm,
Do nơi tội ác mình làm,
Mà sau kẻ ác bị giam A- Tỳ...*

DỨT TÍCH CHỮ TỖ KHUÛ TRÚ GẦN SÔNG VAGGUMUDĀ





**308. Thà nuốt hòn sắt nóng. Như ngọn lửa hùng hùng.
Hơn phá giới buông lung. Sống nhờ cơm tín thí.**

XXII.4- THANH NIÊN KHEMAKA

(*Khemakaseṭṭhiputtavattu*)



KÊ NGÔN: (Pháp Cú câu 309-310)

309. “Cattāri ṭhānāni naro pamatto
Āpajjati paradārūpasevī
Apuññalābham na nikāmaseyyam
Nindaṃ tatiyaṃ nirayaṃ catuthaṃ”.

“Bốn nạn chờ đợi người,
Phóng dật theo vợ người;
Mắc ho, ngủ không yên,
Bị chê là thứ ba,
Đọa địa ngục thứ bốn”.

310. “Apuññalābho ca gati na pāpikā
Bhītaṃ bhītāya ratī ca thoki lā
Rājā ca dandaṃ garukaṃ paṇeti
Tasmā naro paradāraṃ na seve”.

“Mắc họa, đọa ác thú,
Bị hoảng sợ, ít vui.
Quốc vương phạt trọng hình.
Vây chó theo vợ người”.

Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến chàng thanh niên Khemaka.

Được nghe rằng: Thanh niên Khemaka đẹp trai, khiến nhiều nữ nhân mê mẩn, rơi vào tay chàng. Một đêm nọ, quân lính bắt dẫn đến nhà vua. Đức vua không giam giữ, thả về vì nể tình ông Đại triệu phú là cha chàng. Như vậy mà Khemaka cũng chưa từ bỏ hành động tà quấy của mình. Chàng bị bắt cả ba lần và đều được thả về như thế. Cuối cùng cha chàng phải dẫn chàng đến Bậc Đạo Sư, thỉnh cầu Ngài khuyên dạy.

Sau khi giảng giải về hậu quả của sự tà hạnh vợ người, Ngài thuyết giảng kệ ngôn rằng:

309. Bốn điều bất hạnh đến với người bất cẩn, có hành động tà dâm: Gặt hái tội khổ, ngủ không yên giấc, ba là bị khiển trách và bốn là ở khổ cảnh.

310. Sự gặt hái tội khổ cũng như số phận bất hạnh. Mỹ lạc của nam nhân và nữ nhân đang run sợ quả thật ngăn ngủi. Vua lại ban hành hình phạt nặng nề. Vì vậy không nên lân la với vợ người.



CHÚ GIẢI:

Trong những câu văn ấy, câu:

Ṭhānāni: là nhân sanh khổ.

Pamatto: là thất niệm.

Āpajjati: là đi đến.

Paradārūpasevī: lân la với vợ người.

Apuññalābham: là bất thiện.

Na nikāmaṣeyyaṃ: là người ấy không được ngủ yên theo ý, thường thức giấc.

Apaññalābho ca: là gặt hái quả khổ, sanh thú hạ liệt, do nhân đó họ phải lãnh nhận hậu quả tai hại.

Ratī ca thotikā: khoái lạc của nam nhân và nữ nhân đang run sợ thật ngán ngùi.

Garukaṃ: Đức vua ban sắc lệnh hình phạt như chặt tay...

Tasmā...: lân la vợ người, hành động bất chánh... Do đó không nên vi phạm điều ấy.

Dứt thời Pháp, thanh niên Khemaka chứng quả Tu Đà Hườn và từ đó gia đình mọi người được hạnh phúc.

Hạnh nghiệp của Khemaka như thế nào mà chàng có duyên chứng đắc đạo quả? Lại như thế nào mà chàng mang nghiệp tà hạnh như thế.

Được nghe lại rằng: Trong thời Giáo Pháp của Đức Phật Kassapa, y là võ sĩ vô địch, đã treo hai lá cờ màu vàng trên ngôi Bảo Tháp của Đấng Thập Lực, phát nguyện rằng: “*Trừ ra những nữ nhân thân quyến, bất cứ những nữ nhân nào nhìn thấy ta đều khởi sanh dục tình*”.

Đây là tiền nghiệp của y. Vì vậy các nữ nhân vừa thấy y đã sanh khởi và trao thân cho y.

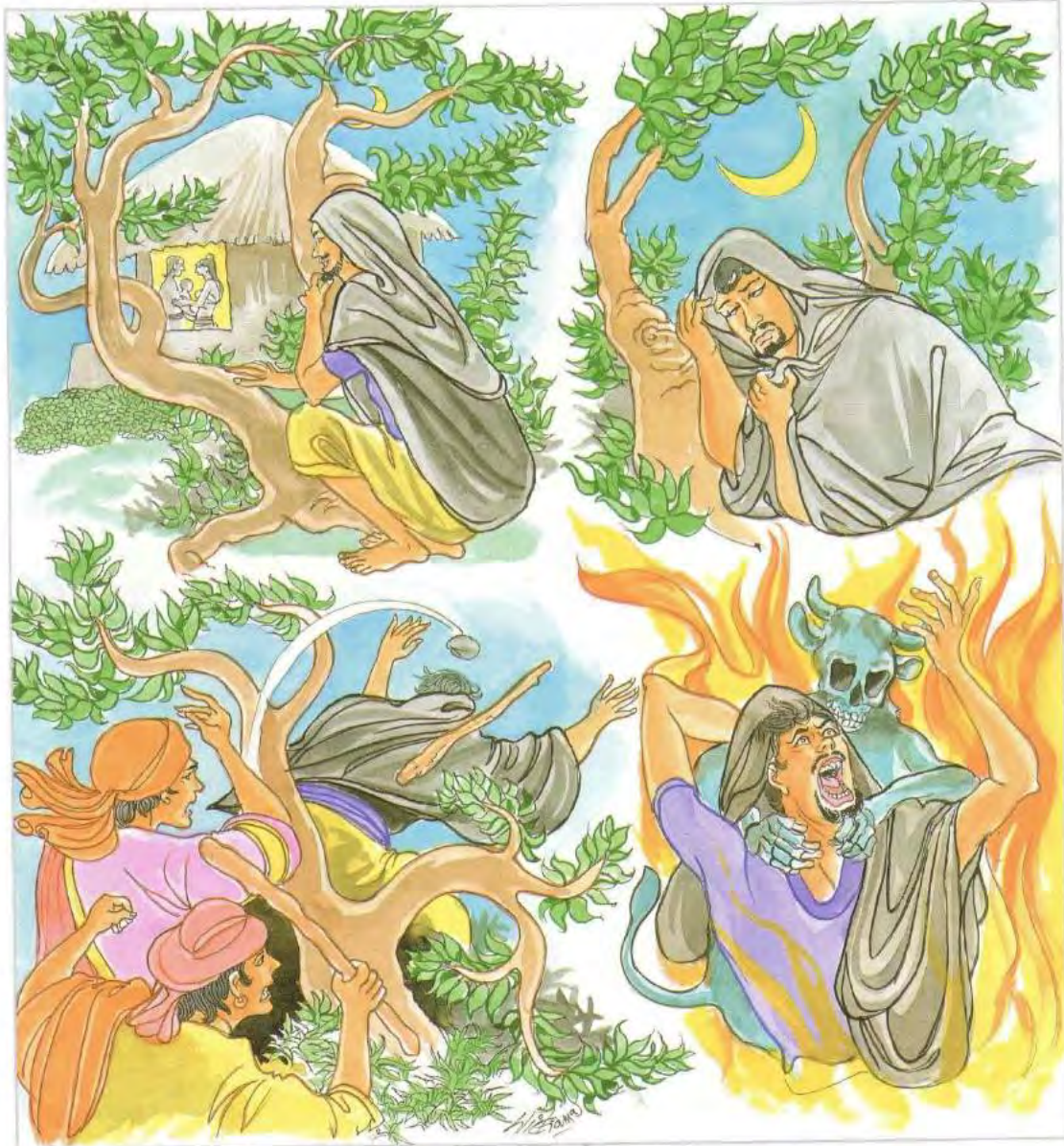


Dịch Giả Cẩn Đề

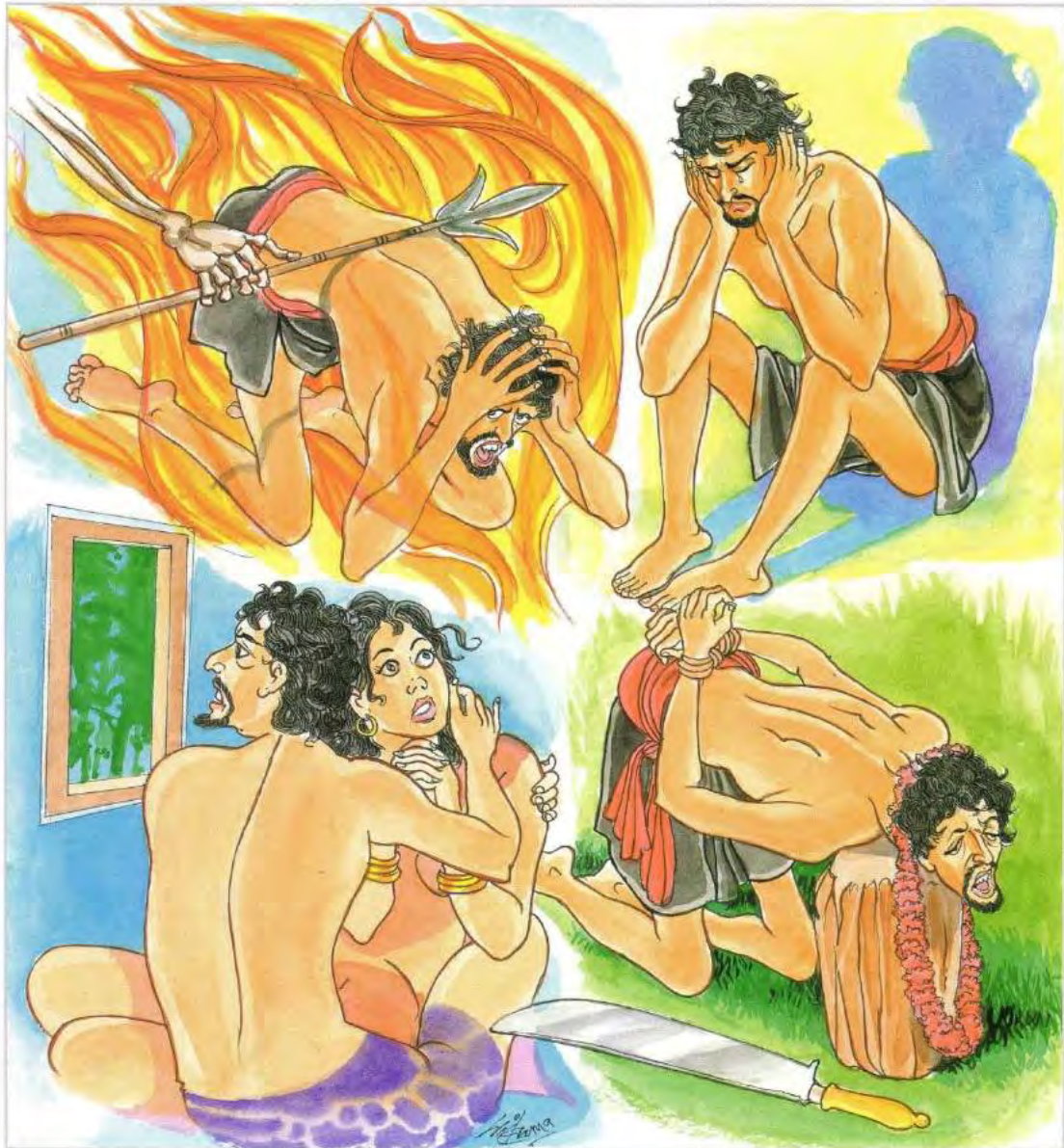
*Công tử Đào Hoa đẹp tuyệt vời,
Làm bao phụ nữ phải mê toi,
Ông kia kiếm nhụy còn bay bướm,
Hoa nọ chào xuân cứ lả lơi,
Vua mãi vì tình không hỏi tội,
Câu chưa bỏ nghĩa, có xin lời...
Nhờ nghe Pháp Phật sanh kinh cảm,
Đắc quả đầu ngay, hết thích chơi.*

DỨT TÍCH THANH NIÊN KHEMAKA





**309. Bốn tai họa ập đến, hành hạ kẻ ngoại tình:
Mang tiếng, ngủ không an, bị chê, dọa địa ngục.**



310. Mang tiếng, dọa ác thú. Lo sợ, tâm ít vui. Quốc vương phạt trọng tội. Kẻ gian dúi vợ người.

XXII.5- TỖ KHUỒ ĐA NGỒN

(*Dubbacabhikkhu*)



KÊ NGỒN: (Pháp Cú câu 311-312-313)

311. “Kuso yathā duggahito Hattham evānukantati Sāmaññaṃ dupparāmaṭṭham Nirayāyūpakaḍḍhati”.	“Như cỏ sa vụng nắm, Tất bị họa đứt tay. Hạnh sa môn tà vạy, Tất bị đọa địa ngục”.
312. “Yaṃ kiñci sithilaṃ kammaṃ Saṅkiliṭṭhañ ca yaṃ vataṃ Saṅkassaraṃ brahmacariyam. Na taṃ hoti mahapphalaṃ”.	“Sống phóng đoãng buông lung, Theo giới cấm ô nhiễm, Sống phạm hạnh đáng nghi Sao chứng được quả lớn”.
313. “Kayirā ce kayirāthenaṃ Dalhaṃ enaṃ parakkame Sithilo hi paribbājo Bhiyyo ākirate rajaṃ”.	“Cần phải làm, nên làm Làm cùng tận khả năng Xuất gia sống phóng đãng, Chỉ tăng loạn bụi đời”.

Khi Bậc Đạo Sư lưu trú tại Jetavana, Ngài đã đề cập đến vị Tỳ khuru đa ngôn, thuyết lên pháp thoại này.

Tương truyền rằng: Vị Tỳ khuru ấy vô tình kéo những ngọn cỏ đứt, khởi lên hoài nghi mới đến một vị Tỳ khuru hỏi rằng:

- Này hiền giả! Nếu có vị Tỳ khuru nào kéo đứt những ngọn cỏ. Vậy vị ấy có phạm tội chăng?

- Này hiền giả! Vị ấy vô tội do vô ý, nhưng phạm tội do cố ý và sám hối thì hết tội.

Tưởng chừng là như thế, vị ấy vẫn tiếp tục làm như thế. Chư Tỳ khuru bạch chuyện này đến Đức Thế Tôn, Ngài khiển trách bằng kệ ngôn rằng:

311. “Kuso yathā duggahito Hattham evānukantati Sāmaññaṃ dupparāmaṭṭham Nirayāyūpakaḍḍhati”.	“Như cỏ sa vụng nắm, Tất bị họa đứt tay. Hạnh sa môn tà vạy, Tất bị đọa địa ngục”.
312. “Yaṃ kiñci sithilaṃ kammaṃ Saṅkiliṭṭhañ ca yaṃ vataṃ Saṅkassaraṃ brahmacariyam. Na taṃ hoti mahapphalaṃ”.	“Sống phóng đoãng buông lung, Theo giới cấm ô nhiễm, Sống phạm hạnh đáng nghi Sao chứng được quả lớn”.
313. “Kayirā ce kayirāthenaṃ Dalhaṃ enaṃ parakkame Sithilo hi paribbājo Bhiyyo ākirate rajaṃ”.	“Cần phải làm, nên làm Làm cùng tận khả năng Xuất gia sống phóng đãng, Chỉ tăng loạn bụi đời”.



CHÚ GIẢI:

Nirayāyūpakadḍhati: là đưa đến khổ cảnh.

Câu *Sithilaṃ:* hành động buông lung cầu thả.

Câu *Saṅkiliṭṭhaṃ:* một pháp hành ô nhiễm như là kỹ nữ.

Câu *saṅkassaraṃ:* nghi ngờ khi thấy Tăng hội nhau hành Uposatha: “*Chư Tỷ Khuru biết chuyện làm của ta nên hội nhau – tuyên bố phạt ta*”.

Na taṃ hoti: là đời sống đạo hạnh không vững chắc, vì không được người dưng cúng vật thực.

Kayirā ce: vì vậy nếu có điều nào phải làm điều ấy.

Daḷhamenaṃ parakkame: là hãy tiến hành vững chắc, là phải làm cho chắc chắn.



Dịch Giả Cẩn Đề

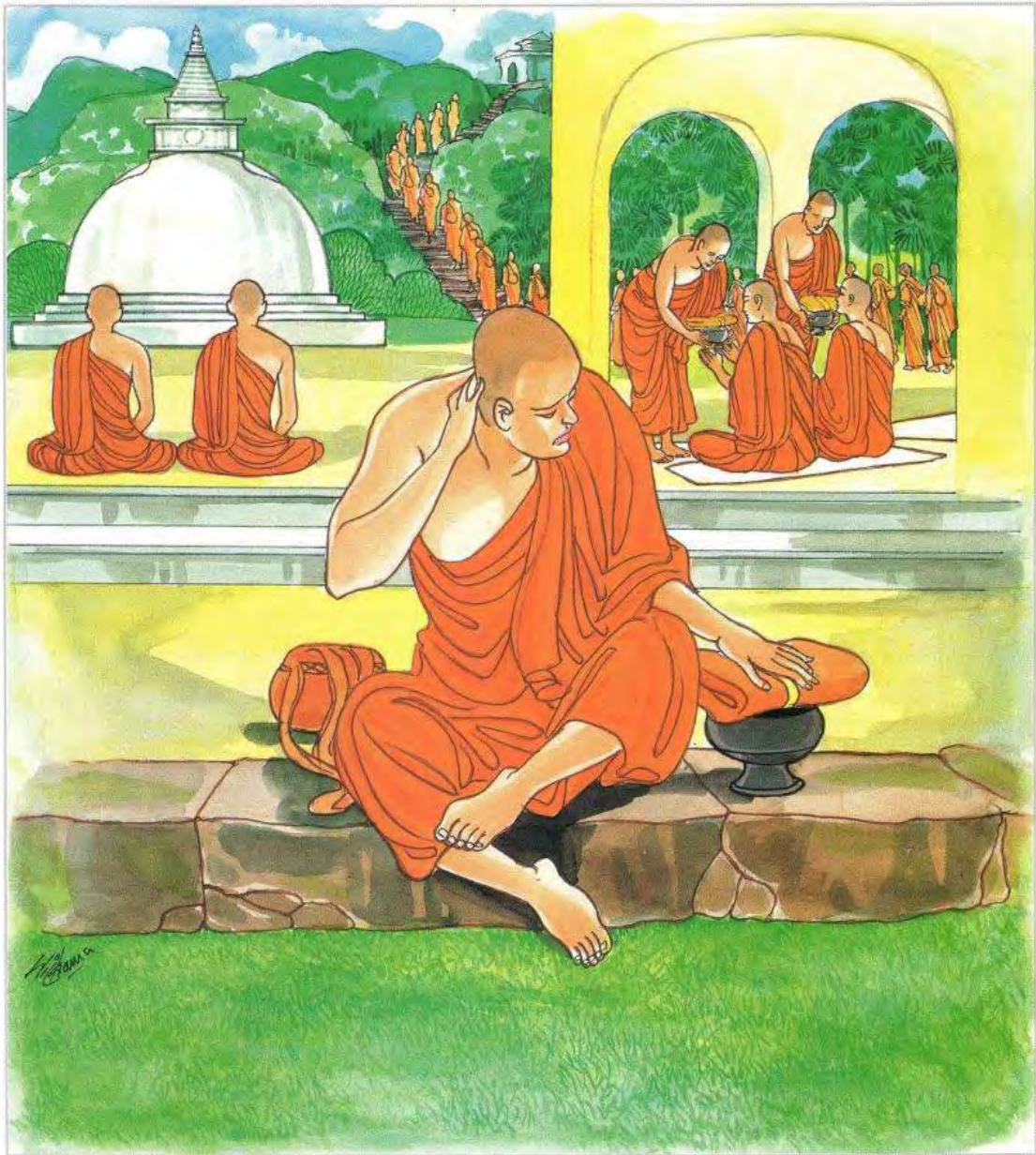
*Định nhỏ khỏi cây, dẫu vẫn còn,
Phải đâu sám hối, tội tiêu mòn?
Dễ duôi chông chát nhiều sơ suất,
Hành pháp Sa môn khó đủ tròn!
Lỗi nhỏ phạm rồi, cải hối ngay,
Nguyện chữa, chớ tái phạm liền tay,
Bụi đời tham ái, không gieo rắc,
Phút chốc Vô sanh quá hiểm bày.*

DỨT TÍCH TỶ KHUÛU ĐA NGÔN

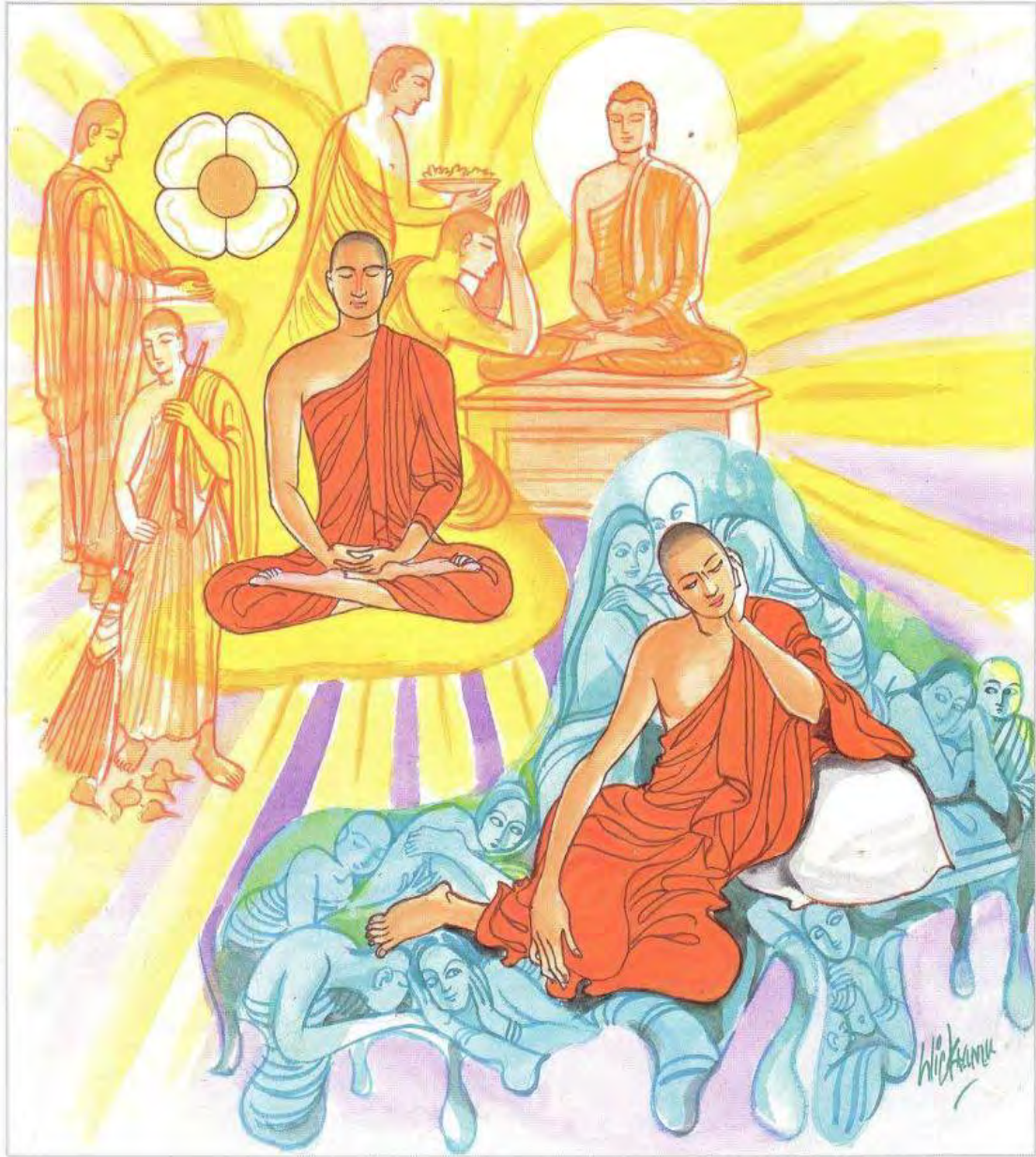




311. Vụng nắm cỏ cu-xa. Là tay ta bị cắt. Hạnh sa môn, tà hoặc. Tất đoạ địa ngục thôi.



**312. sống buông lung phóng dật. Chạy theo thói nhiễm ô.
Hoài nghi đời phạm hạnh. Thành quả đạt chi mô.**



**313. Nếu việc cần phải làm. Hãy quyết làm hết sức.
Thiếu công phu, nghị lực. Chỉ tung cát bụi mù!**

XXII.6- CHUYỆN NỮ NHÂN HÒN GHEN

(*Issāpakatathī*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 314)

“Akataṃ dukkaṃ seyyo
Pacchā tapati dukkaṃ
Katañ ca sukataṃ seyyo
Yaṃ katvā nānutappati”.

“Ác hạnh không nên làm,
Làm xong chịu khổ lụy,
Thiện hạnh, ắt nên làm,
Làm xong, không ăn năn”.

Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến nữ nhân hòn ghen.

Một nữ nhân hòn ghen, bà đã hành phạt tàn nhẫn đối với một nữ tỳ đã gian díu với chồng bà. Bà bắt trói giam vào nhà, rồi hai vợ chồng đi đến Tịnh xá nghe Pháp. Thân tộc thấy tội nàng nữ tỳ, nên thả nàng ấy ra. Người tớ gái liền đi đến Tịnh xá, bạch sự kiện này đến Đức Thập Lực. Đức đạo Sư phán dạy rằng:

- Dù chỉ một việc ác nhỏ cũng không nên phạm. Dù chính hành động không ai biết cũng không nên thể hiện. Vì hành vi bất thiện sẽ kết quả khổ ở tương lai, hành vi thiện sẽ được sự an lạc.

Rồi Ngài thuyết kệ ngôn:

314. Tốt hơn không nên có hành vi sai lầm, nếu hành ác sẽ làm khổ ta về sau. Nên có hành động tốt, sau khi làm không sàu muộn.



CHÚ GIẢI:

Trong những ý nghĩa các câu văn ấy, câu: Dukkaṃ: Hành ác dẫn đến khổ cảnh, tốt hơn nên hành thiện, hướng thượng.

Pacchā tappati: chính hành động ấy khiến chúng sanh mòn mỏi sàu muộn mỗi khi nhớ đến.

Sukataṃ: hành thiện sẽ đưa chúng sanh đến nhàn cảnh.

Yaṃ katvā: người có hành động tốt về sau không sàu muộn, là hoan hỷ với việc thiện mình đã làm.

Dứt thời Pháp cả hai vợ chồng chứng Quả Dự Lưu... Tất cả gia nhân cùng gia chủ đều hướng về Chánh Pháp.

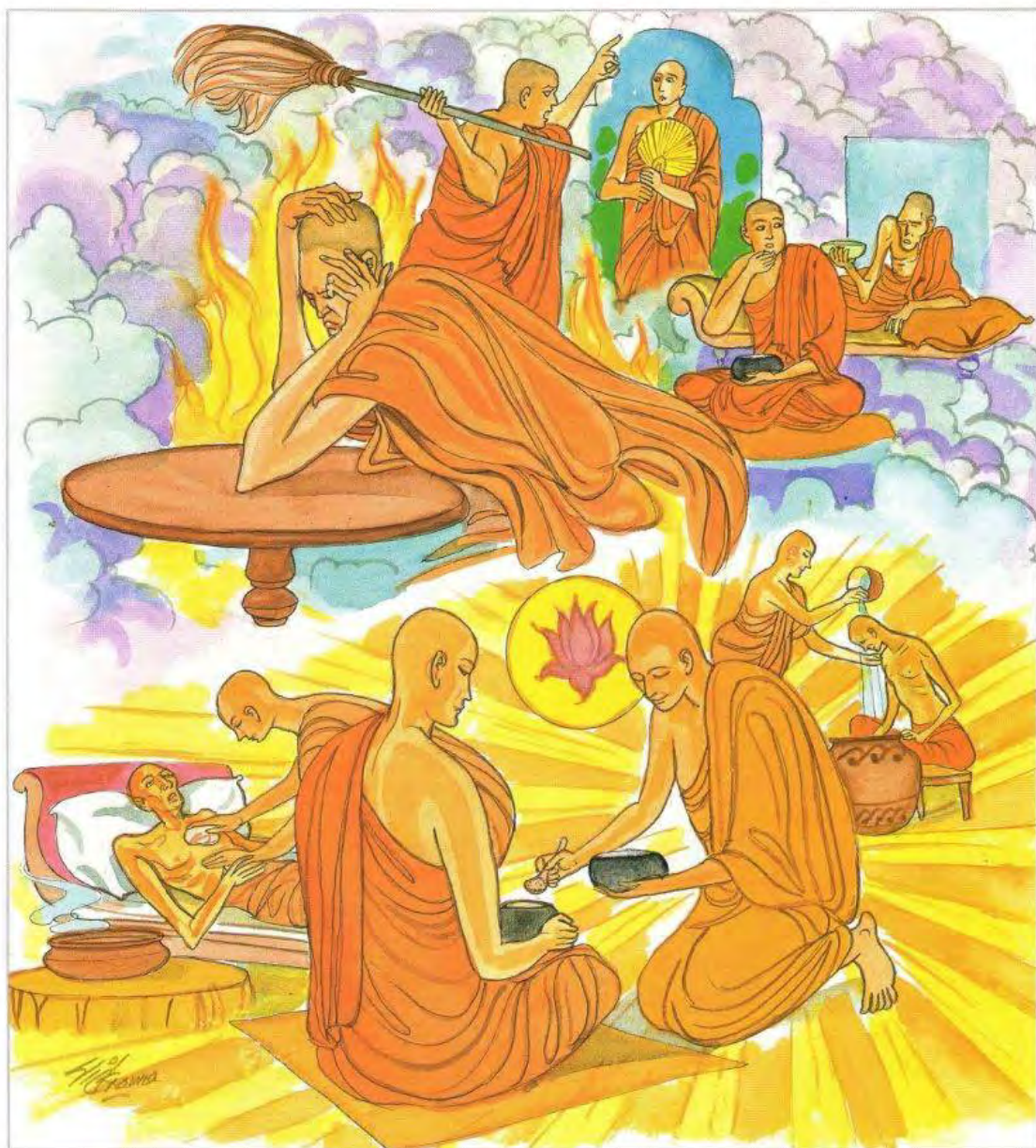


Dịch Giả Cẩn Đề

*Máu ghen thông bệnh của đàn bà!
Tờ gái sao gan lấy chủ nhà,
Lẽo mũi, lắc tay cho xấu mặt,
Từ nay phải bỏ thói điêu ngoa,
Chồng ngốc tưởng đâu vợ cũng hiền,
Theo đi nghe pháp ở Kỳ Viên,
Bất ngờ nô tỳ ra đầu cáo,
Gương bể không lành, thật đảo điên,
Đời nay bác sĩ giỏi nhiều khoa,
Ghép mũi, khâu tai, trẻ đẹp ra,
Tóc giả trùm đầu, xinh quá mộng,
Còn ai hờn mát tuổi xuân già?...*

DỨT TÍCH NỮ NHÂN HÒN GHEN





**314. Chớ phạm phải điều ác. Làm ác khổ vô vàn.
Việc thiện nên chu toàn. Làm xong khỏi ân hận.**

XXII.7- CHUYỆN TẶNG KHÁCH

(*Āgantu Rabbikkhu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 315)

“Nagaram yathā paccantam
Guttam santarabāhiram
Evam gopetha attānam
Khaṇo vo mā upaccagā
Khaṇāttā hi socanti
Nirayamhi samappitā”.

“Nhu thành ở biên thù,
Trong ngoài đều phòng hộ
Cũng vậy, phòng hộ mình,
Sát na chó buông lung.
Giây phút qua, sầu muộn.
Khi rơi vào địa ngục”.

Pháp Cú này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến chư khách Tăng.

Được nghe rằng: Nhóm Tỳ khuru đó nhập hạ ở thành Paccanta, tháng đầu được an vui. Bỗng đầu vào tháng giữa bọn cướp tấn công thành, dân chúng bị trấn lột, từ đó thị dân luôn canh phòng bọn cướp cẩn mật, nên không có cơ hội hộ độ chư Tăng thường xuyên. Suốt thời gian an cư còn lại, các vị không được an vui vì gặp nhiều trở ngại. Sau khi mãn mùa an cư, các vị về yết kiến Bạc Đạo Sư, đánh lễ rồi ngồi xuống một bên cho phải lễ. Đức Thế Tôn phán:

- Này chư Tỳ khuru! Suốt ba tháng hạ, các người có được an vui chăng?

- Bạch Thế Tôn, chúng con chỉ được an ổn trong tháng đầu, tháng giữa bị cướp bóc, dân cư phải lo rộn rịp canh phòng, không thường xuyên ủng hộ nên chúng con rất vất vả.

- Này các Tỳ khuru! Các người đừng nghĩ khó tìm được cuộc sống an vui bền lâu. Tỳ khuru hãy canh chừng thân tâm như canh phòng thành trì vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn sau:

315. Các người hãy cẩn mật giữ mình như người canh ải trấn biên thù, thận trọng bên trong và ngoài không nên bỏ qua cơ hội, vì người bỏ lỡ cơ hội sẽ sầu muộn khi sanh vào đọa xứ.

CHÚ GIẢI:

Câu *Santarabāhiram...*: như người đóng bít các cửa ải trong và ngoài, canh giữ nghiêm ngặt như thế nào. Cũng vậy, chư Tỳ khuru hãy an trú niệm, thúc liễm lục căn, cẩn mật 6 nội xứ, dứt bỏ 6 ngoại xứ, đó là cẩn mật giữ mình.

Khaṇo vo mā upaccagā: là canh phòng thân tâm, những cơ hội như khi có Đức Phật giáng sanh tại Trung Ấn Độ, có thân hình khỏe mạnh, có chánh kiến chó bỏ lỡ cơ hội, sẽ sầu muộn về sau.

Khaṇāttā...: người bỏ lỡ cơ hội sẽ sầu muộn khi sanh vào khổ cảnh.

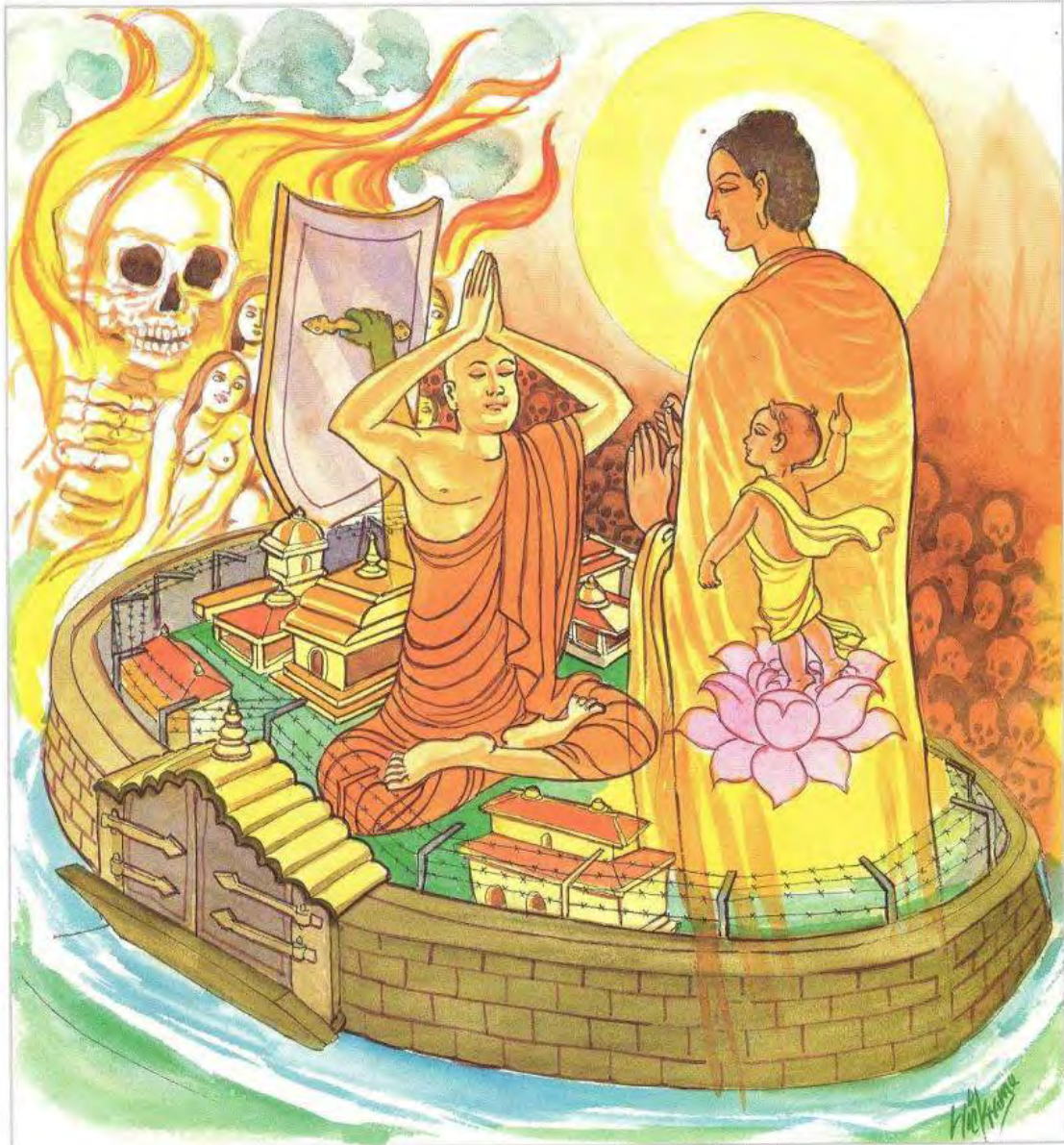
Dứt thời Pháp, chư Tỳ khuru ấy chứng quả A La Hán.

Dịch Giả Cẩn Đề

*Kiệt hạ an cư tận ngoại biên,
Khách Tăng vì giấc chớ không yên,
Nhân dân mãi bận xây thành lũy,
Thiện tín quên lo hưởng phước điền,
Ghi nhớ trong ngoài, phòng lục tặc,
Biết mình sau trước, dẹp chư duyên,
Tỳ Khru cũng phải xây thành trí,
Mỗi sát na tâm chớ hận phiền.*

DỨT TÍCH CHUYỆN TẶNG KHÁCH





**315. Như thành sắt biên thù. Trong ngoài canh nghiêm mật.
Hãy phòng hộ chính mình. Đừng để cơ hội mất. Ai để cơ hội
mất. Đọa địa ngục khổ đau.**

XXII.8- CHUYỆN NIGANTHA

(*Nigaṇḍha*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 316-317)

316. “Alajjitāye lajjanti
Lajjitāye na lajcare
Micchādiṭṭhisamādānā
Sattā gacchanti duggatiṃ”.

“*Không đáng hổ, lại hổ
Việc đáng hổ, lại không.
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú*”.

317. “Abhaya ca bhayadassino
Bhaye cābhayadassino
Micchādiṭṭhisamādānā
Sattā gacchanti duggatiṃ”.

“*Không đáng sợ, lại sợ
Đáng sợ, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến.
Chúng sanh đi ác thú*”.

Pháp Cú này được Đức Đạo Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến phái Nigantha.

Câu chuyện chi tiết rằng: Ngày kia, chư Tỳ khuru gặp phái Nigantha, rồi về luận bàn cùng nhau rằng: “Phái Nigantha tốt hơn phái lõa thể, vì họ che thân kín đáo và có sự hổ thẹn”.

Phái Nigantha nghe được chuyện luận bàn này, họ giải thích: *Sở dĩ chúng tôi che kín thân thể, cát bụi dờng rớt vào thức ăn*”.

Họ tranh luận sôi nổi với chư Tỳ khuru. Nhân cơ hội này, chư Tỳ khuru về yết kiến Bạc Đạo Sư, bạch rõ câu chuyện ấy.

Đức Thế Tôn phán rằng:

- Này Chư Tỳ khuru! Chúng sanh hổ thẹn ở chỗ không nên hổ thẹn và không hổ thẹn chỗ đáng hổ thẹn. Ôm ấp sai lầm ấy dẫn đến khổ cảnh.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn sau:

316. Chúng sanh hổ thẹn ở chỗ không đáng hổ thẹn, không hổ thẹn ở chỗ đáng hổ thẹn, ôm ấp tà kiến sẽ rơi vào khổ cảnh.

317. Chúng sanh thấy run sợ ở chỗ khôn nên run sợ, không sợ ở chỗ đáng sợ, ôm ấp tà kiến sẽ rơi vào khổ cảnh.



CHÚ GIẢI:

Alajjitāye: không đáng hổ thẹn nơi chỗ đi khát thực. Thật vậy, sự hành khát thực không nên hổ thẹn, mà chúng cho là đáng hổ thẹn, đó gọi là hổ thẹn nơi không đáng hổ thẹn.

Lajjitāye: thân thể lõa lồ không kín đáo. Thật vậy, đó là chỗ đáng hổ thẹn mà chúng không hổ thẹn, lang thang đó đây. Vì vậy, chúng hổ thẹn ở chỗ không đáng hổ thẹn, không hổ thẹn ở chỗ đáng hổ thẹn.

Ôm ấp tà kiến, chấp thủ tự ngã, chúng cố chấp bám chấp như vậy, sau khi chết phải thọ sanh khổ cảnh - địa ngục...

Abhaye... là đi hành khất không đáng sợ, vì những phiền não như ái dục, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự nguy hại không sanh khởi do nhờ hạnh trì bình. Mà chúng không hành vì sợ sệt, đó là thấy chỗ không nên sợ lại sợ. Chỗ đáng sợ là lửa thể không kín đáo, khiến cho ái dục... phát sanh, đó là thấy chỗ đáng sợ lại không sợ. Chúng sanh ôm ấp tà kiến vì chấp thủ kiến sai lầm ấy, sau khi mệnh chung sanh vào khổ cảnh.

Dứt thời Pháp, phái Nigantha xuất gia theo chánh pháp. Pháp thoại có lợi ích cho hội chúng.



Dịch Giả Cẩn Đề

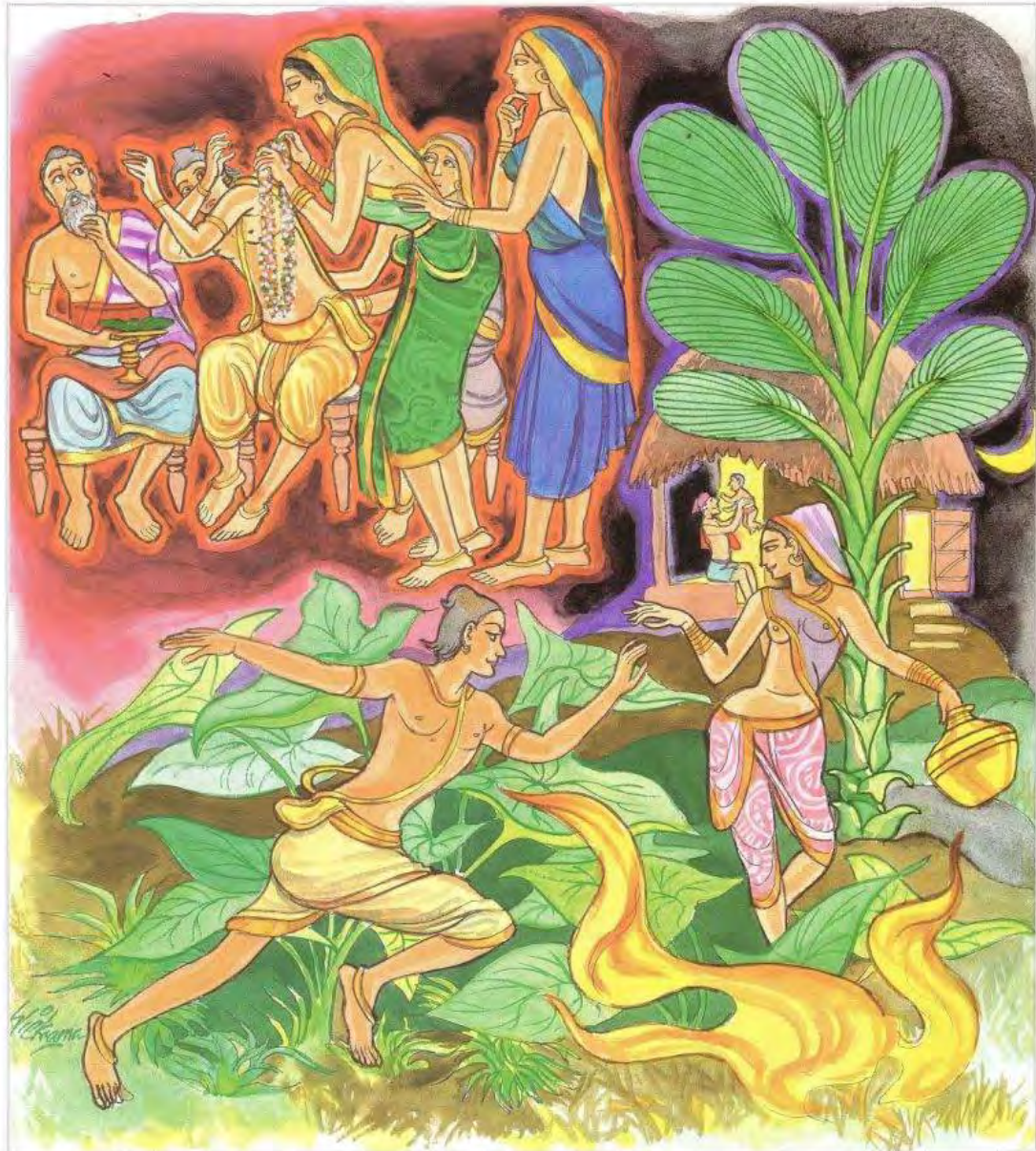
*Nhóm Tỳ Kiêu tử rọng tâm bi
Thương xót muôn loài bé tí ti,
Che miệng, mũi ngăn ngừa bụi bặm,
Xét ra tội chẳng nặng nề chi,
Tuy nhiên họ lại thích chơi kỳ,
Ôm bát ra đường, khởi đắp y,
Tiết kiệm vải sô theo lối ấy,
Trăm người khen tặng, vạn người khi.*

DỨT TÍCH NIGANTHA





**316. Việc đáng hổ không hổ. Việc không đáng lại hổ. Do ôm
áp tà kiến. Chúng sanh bị khốn khổ.**



**317. Việc đáng kinh không kinh. Việc không đáng lại kinh.
Do ôm ấp tà kiến. Chúng sanh bị ngục hình.**

XXII.9- MÔN ĐỒ NGOẠI GIÁO

(*Titthiyasāvaka*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 318-319)

318. “Avajje vajjadassino
Vajje cāvajjadassino
Micchādiṭṭhisamādānā
Sattā gacchanti duggatiṃ”.

“*Không lỗi, lại thấy lỗi,
Có lỗi, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú*”.

319. “Vajjañ ca vajjato ñatvā
Avajjañ ca avajjato
Sammādiṭṭhisamādānā
Satta gacchanti sugatiṃ”.

“*Có lỗi, biết có lỗi,
Không lỗi, biết là không,
Do chấp nhận chánh kiến,
Chúng sanh đi cõi lành*”.

Pháp Cú này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi ngự tại Jetavana, đề cập đến môn đồ ngoại giáo.

Tương truyền rằng: Một ngày kia vài người ngoại đạo thấy con mình chơi đùa chung với những đứa bé con nhà chánh kiến, mãn cuộc chơi chúng về nhà, bị cha mẹ chúng ngăn cấm rằng: “*Không được đánh lễ các Sa môn Thích Tử và không được đến chùa của các Sa môn*”.

Một hôm, chúng đang chơi gần cổng chùa Jetavana, chúng khát nước nên bảo những đứa kia vào chùa xin nước uống. Lúc vào chùa mấy đứa kia đánh lễ Bậc Đạo Sư và thuật lại chuyện ấy.

Đức Phật bảo chúng kêu đám trẻ nọ vào chùa uống nước. Sau khi chúng uống xong, Ngài giảng giải giáo pháp cho nghe, chúng phát tâm tín thành quy y. Chúng trở về thuật lại cho cha mẹ nghe, cha mẹ không hài lòng rằng:

- Các con đã sai lầm rồi.

Lúc bấy giờ, đứa trẻ thông minh nhất, đã truyền lại bài Pháp mà chúng vừa được nghe cho họ bớt phần nộ.

Cha mẹ chúng nghe xong vô cùng hoan hỷ: *Chúng ta sẽ giao những đứa bé này cho Sa môn Gotama*”.

Rồi họ đi đến Tịnh xá yết kiến Đức Phật. Đức Phật quán xét thấy được Túc duyên của họ, Ngài thuyết lên kệ ngôn:

318. Chúng sanh nghĩ lỗi lầm ở chỗ không có lỗi, không thấy sai ở chỗ sai. Ôm áp tà kiến sẽ rơi vào khổ cảnh.

319. Chúng sanh hiểu sai, biết sai, thấy đúng, biết đúng, là có chánh kiến sẽ vào nhàn cảnh.



CHÚ GIẢI:

Trong những câu văn ấy, câu: *Avajja*: trong Chánh kiến có 10, nhờ pháp trợ duyên cho tri kiến chân chánh.

Vajjamatino: tưởng rằng: “*Có lỗi*”. Những chúng sanh không thấy sai ở chỗ sai, tà kiến có 10, những sai lầm trợ duyên cho tà kiến, chúng sanh ôm ấp tà kiến, cho mình đúng, nhận thức chánh cho là tà, tà cho là chánh. Do đó cứ khăng khăng cố chấp, sau khi chết sanh vào khổ cảnh.

Bài kệ thứ hai, Bậc Trí hãy hiểu nghịch lý như đã nói trên.

Dứt thời Pháp, cả những người ấy đều quy y Tam Bảo và chứng Quả Dự Lưu.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Cha theo ngoại đạo, cảm con nhà,
Chẳng được vào chùa lễ Phật Đà
Lũ trẻ mê chơi, chùng khát nước,
Vào chùa gặp Phật, vội quên cha,
Đã thế mà còn thọ giới quy,
Làm cha mẹ chúng quá sâu bi,
May nhờ khách đến khuyên theo chánh,
Phật độ toàn gia hết sở nghi.*

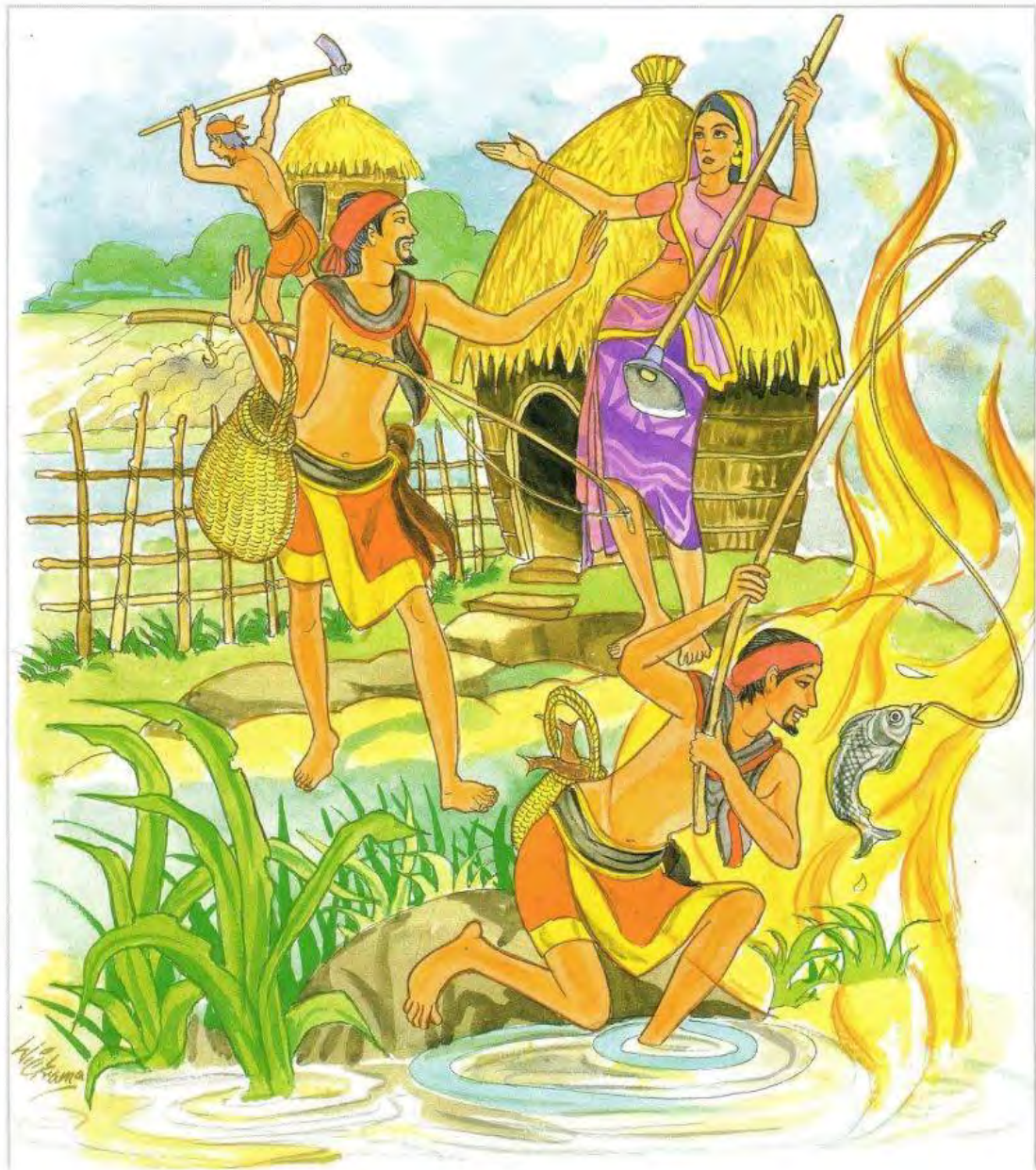
DỨT TÍCH MÔN ĐỒ NGOẠI GIÁO



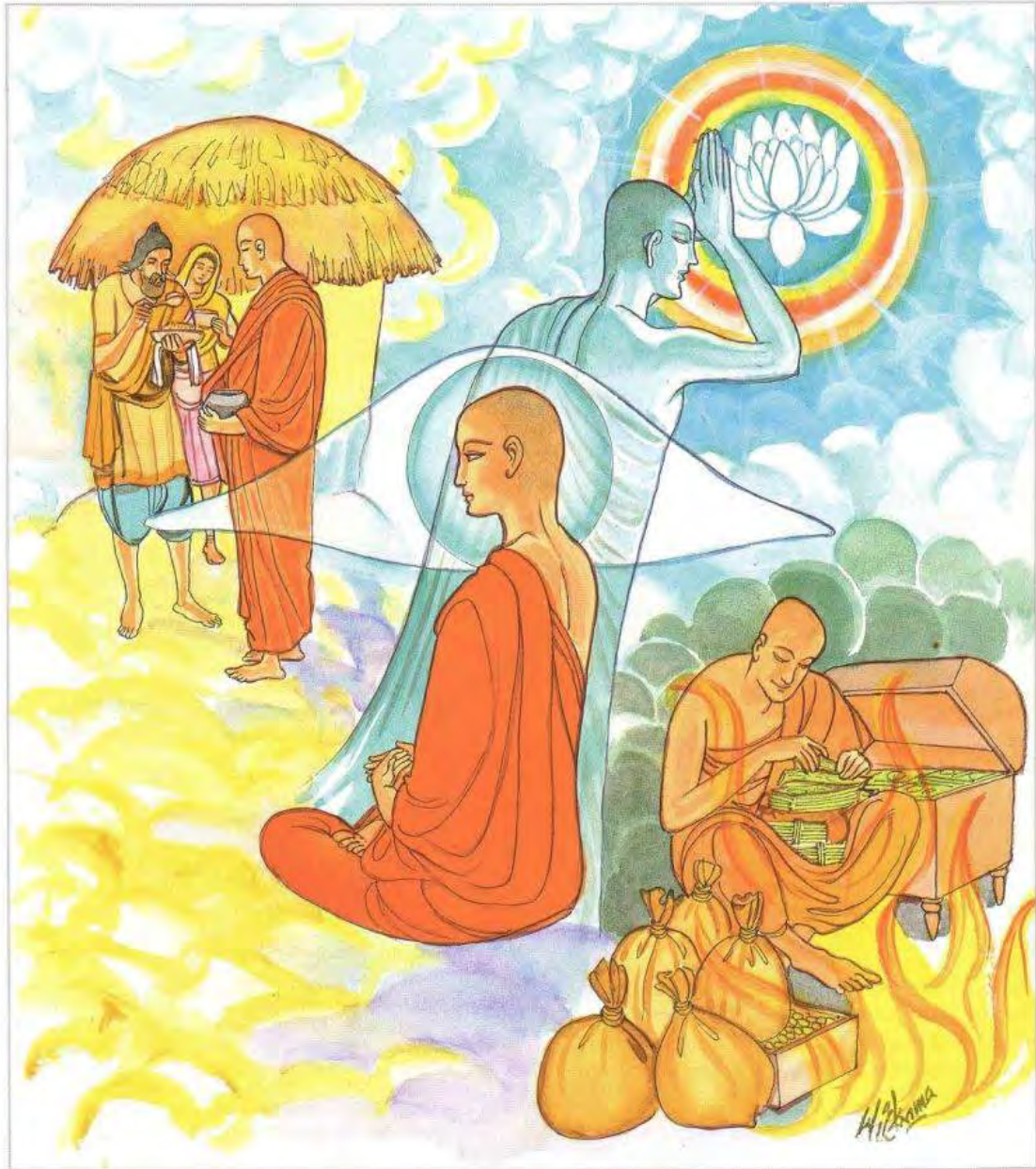
DỨT PHẨM KHỔ CẢNH – NIRAYA VAGGA

DỨT PHẨM 22





318. Không lỗi lại tướng có. Có lỗi lại thấy không. Do ôm áp tà kiến. Chúng sanh khổ vô ngần.



**319. Có lỗi biết rằng có. Không lỗi biết rằng không. Nhờ
hàm dưỡng chánh kiến. Chúng sanh sướng vô ngần.**

XXIII. PHẨM VOI (NĀGA VAGGA)



- 13 bài kệ: Pháp Cú 320-333

- 8 tích truyện

XXIII.1- CHUYỆN BẠC ĐẠO SƯ

(Attano)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 320-321)

320. “Ahaṃ nāgo’va saṅgāme
Cāpāto patitaṃ saraṃ
Ativākyam titikkhissam.
Dussīlo hi bahujjano”.

“Ta như voi giữa trận
Hứng chịu cung tên rơi,
Chịu đựng mọi phỉ báng.
Ác giới rất nhiều người”.

321. “Dantaṃ nayanti samitiṃ
Dantaṃ rājābhirūhati
Danto seṭṭho manussesu
Yo tivākyam ti tikkhati”.

“Voi luyện, đưa dự hội,
Ngựa luyện, được Vua cưới,
Người luyện, bậc tối thượng
Chịu đựng mọi phỉ báng”.

322. “Varam assatarā dantā
Ājānīyā ca sindhavā
Kuñjarā ca mahānāgā
Attadanto tato varam”.

“Tốt thay, con la thuần,
Thuần chủng, loài ngựa xinh,
Đại tượng, voi có ngà.
Tự điều mới tối thượng”.

Pháp Cú này được Đức Bôn Su thuyết ra khi Ngài ngự tại kinh thành Kosambi.

Chuyện này được nói rõ trong phẩm BÁT KHINH SUẤT. Tuy nhiên ở đây chỉ trích lược: Khi Thứ phi Māgandiyā không làm được gì Hoàng hậu Sāmavatī và 500 cung nữ, nên tìm cách ám hại Đức Phật.

Nàng thuê người cả những côn đồ, nô lệ hay bất cứ ai, khi thấy Đức Thế Tôn đi vào thành phố là lảng mạ Ngài thậm tệ. Những kẻ sai lầm, không tin nơi Tam Bảo cứ đi theo sau Đức Phật mà mắng nhiếc Ngài với 10 thô tục ngữ như: Người là đồ cướp, đồ ngu, đồ điên, đồ lừa, đồ bò, đồ lạc đà, đồ súc sanh, địa ngục, người không thể sanh về nhà cảnh, người chỉ có khổ cảnh mà thôi.

Không chịu nổi, Đại Đức Ānanda bạch thỉnh Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Dân cư ở đây lảng mạ chúng ta, vậy xin Ngài hãy đi nơi khác vậy.

- Đi đâu đây hỡi Ānanda!

- Bạch Thế Tôn, đến nơi nào cũng được, miễn là rời khỏi đây.

- Nếu người xứ đó lại mắng chửi nữa thì phải làm sao?
- Bạch Ngài! Chúng ta sẽ đi xứ khác nữa.
- Nếu nơi mới lại lăng mạ chúng ta nữa thì sao?
- Bạch Thế Tôn! Ta lại tiếp tục đến xứ khác nữa.
- Này Ānanda! Không nên như thế, sự kiện nào khởi sanh nơi đâu thì phải dàn xếp chính tại nơi ấy, rồi mới ra đi. Này Ānanda! Ai là người lăng mạ chúng ta?
- Bạch Thế Tôn! Tất cả mọi người ngay cả những nô lệ.
- Này Ānanda! Ta ví như voi chiến lâm trận, bình thản vững tiến trước làn tên mũi đạn tứ phía bắn vào. Cũng vậy, hãy thản nhiên hứng chịu những lời nguyền rủa ấy đi.

Rồi Ngài thuyết lên bài kệ như sau:

320. Như Lai sẽ chịu đựng những lời nguyền rủa, giống như voi chiến ở trận mạc, hứng lãnh những làn tên mũi đạn. Thật vậy, phần nhiều là những người sống phi pháp.

321. Người ta dẫn những con ngựa đã khéo điều luyện đến nơi (vua quan) hội họp. Nhà vua chọn con nào thiện xảo nhất để cưỡi. Cũng vậy, giữa những người, tối thượng nhất là người thiện xảo chịu đựng những lời nhục mạ.

322. Cao quý thay những con lừa thuần thực, những con ngựa thuần chủng của xứ Sindha và những thớt tượng sang trọng có ngà, hơn những loài thú khác. Nhưng con người thuần thực (tự chế) là hơn tất cả.



CHÚ GIẢI:

Nāgo'va: Giống như thớt tượng. Hai câu: **Cāpāto patitaṃ:** rút khỏi cung. Câu: **Ativākyam:** là vọng ngôn, có tám điều:

- 1- Adiṭṭhe diṭṭhavāditā: không thấy nói thấy.
- 2- Assute sutavāditā: không nghe nói nghe.
- 3- Amute mutavāditā: không hiểu nói hiểu.
- 4- Aviññāte viññātavāditā: không biết nói biết.
- 5- Diṭṭhe adiṭṭhāvāditā: thấy nói không thấy
- 6- Sute asutavāditā: nghe nói không nghe.
- 7- Mute amutavāditā: hiểu nói không hiểu.
- 8- Viññāte aviññātavāditā: biết nói không biết.

Titikkhissam: Như voi thuần thực lâm trận, phải hứng lãnh những mũi tên bắn vào người như thế nào, Như Lai đã kham nhẫn đối với những lời lăng mạ như vậy.

Dussīlo hi: thế gian rất nhiều người phi pháp, nói những lời thô bỉ cho vừa ý mình. Sự kham nhẫn là trách nhiệm của Như Lai.

Samitiṃ: là giữa hội chúng như nơi vườn Thượng Uyển – hội trường... bò hay ngựa kéo xe rất điều luyện.

Rājā: Đức vua rất hài lòng khi cỡi những con vật khéo thuần thực.

Câu **Manussesu:** những người thiện xảo chấm dứt mọi phiền não bằng Tứ Thánh Đạo, là nơi tối thượng nhất.

Yotivākyam: người kham nhẫn là người không trả lời, không rung động trước những lời lẽ thô bỉ, vì đã khéo huấn luyện, đó là người tối thượng nhất.

Mẹ ngựa – cha lừa sẽ sanh ra con La thuần thực, gọi là Assatara.

Ājānīyā: nhảy bén trong lúc người xà ích luyện tập.

Ngựa sinh ra ở xứ Sindha gọi là ngựa Sindha, thốt tượng gọi là voi chiến.

Attadanto...: lừa thuần thực hay ngựa thuần chủng hoặc voi chiến đã khéo huấn luyện là thứ quý nhất. Người tự điều phục mình, chấm dứt mọi trói buộc bằng Tứ Thánh Đạo, người này còn cao quý hơn tất cả những loài thuần chủng ấy.

Dứt thời Pháp, những người đứng lảng mạn Ngài ở ngã ba đường chúng Quả Dự Lưu.

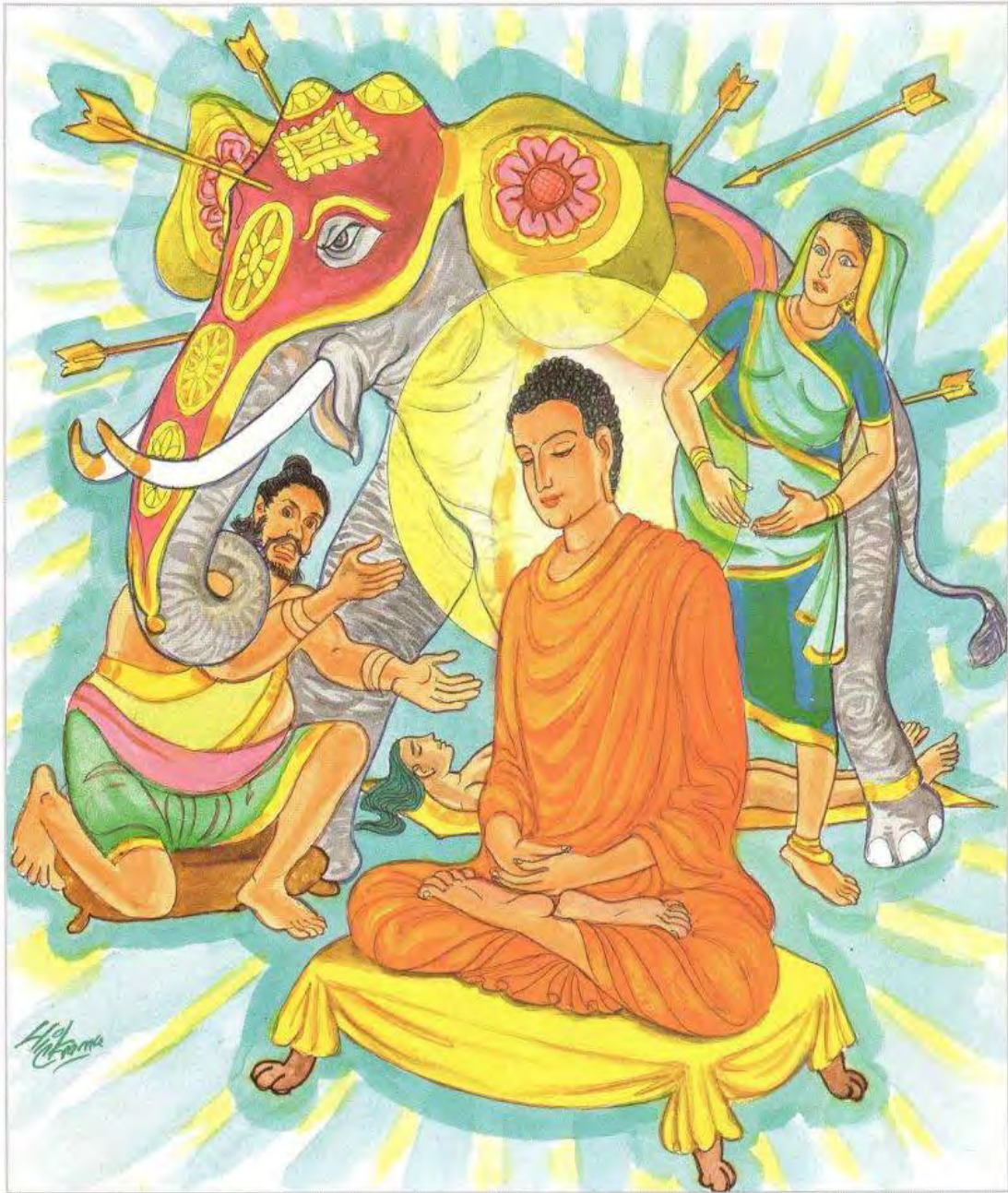


Dịch Giả Cẩn Đề

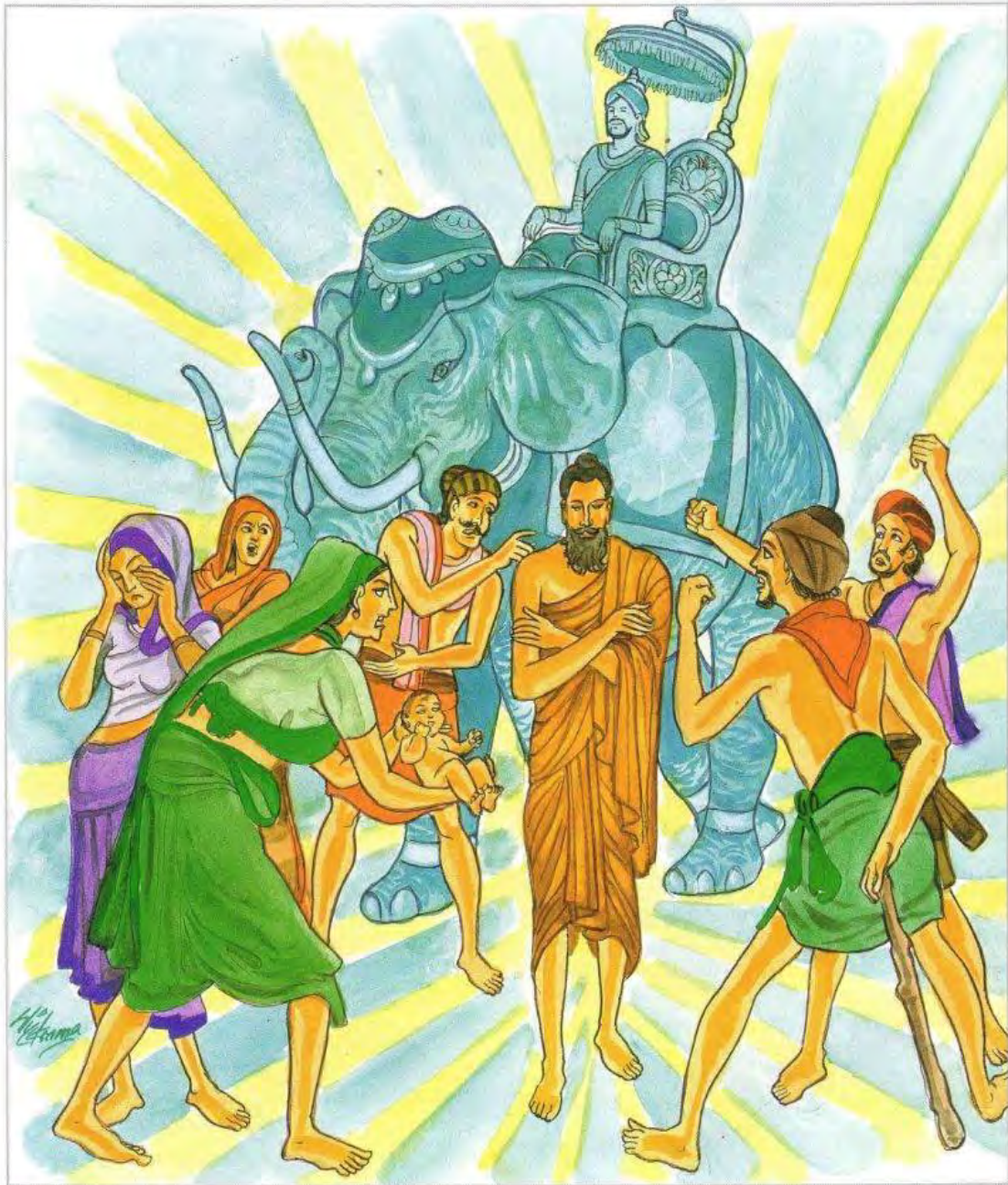
*Đức Phật người đời cũng chẳng tha,
Chửi luôn bảy bữa, thử chơi mà!
Như voi chiến chịu nhiều tên bắn,
Ngài vẫn điềm nhiên, giữ dịu hòa,
Tâm chẳng thù vơ, chỉ xót thương,
Chúng sanh đa số hạng tầm thường,
Ví như con trẻ ham đường kẹo,
Bị xúi làm nhặng cũng tán dương,
Bỗng nhiên thấy pháp vội quay đầu,
Quần chúng từ đây mến đạo mau,
Chửi Phật để rồi thành Phật tử,
Độ người, người độ, chẳng lâu đâu.*

DỨT TÍCH CHUYỆN BẠC ĐẠO SƯ

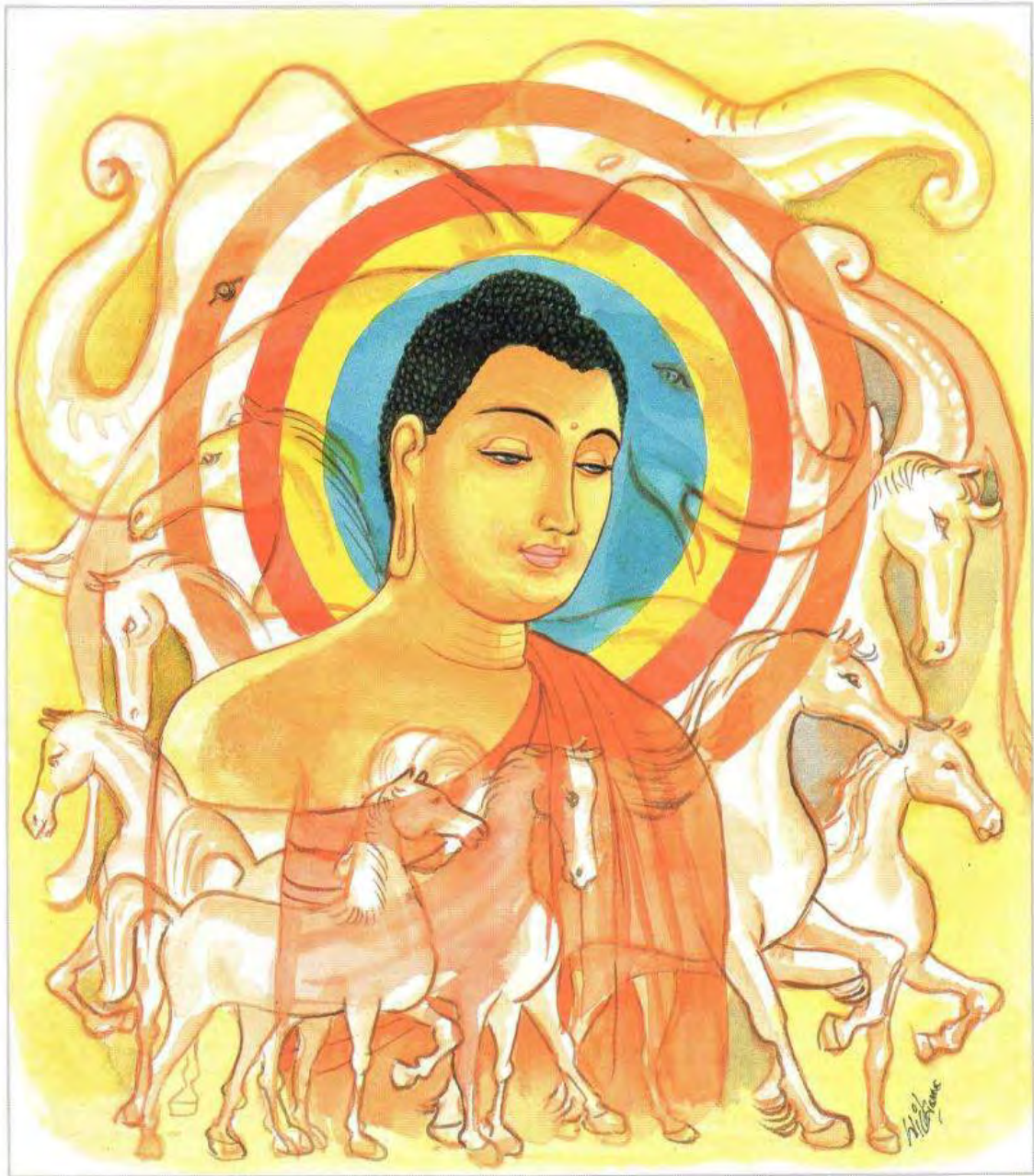




**320. Như voi giữa chiến địa. Kháng cự mọi cung tên.
Ta chịu đựng hủy báng. Phá giới biết bao người.**



**321. Kẻ luyện voi dự hội. Người luyện ngựa dâng vua.
Bạc tôi luyện thượng thừa. Chịu đựng mọi phi báng.**



**322. Quý thay lừa thuần thực. Quý thay giống ngựa Sindha.
Quý thay voi ngà báu. Tuyệt thay bạc luyện mình.**

XXIII.2- CHUYỆN MỘT TĂNG SĨ

(*Hatthācariyapubbaka*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 323)

“Na hi etehi yānehi
Gaccheyya agataṃ disaṃ
Yathā’attanā sudantena
Danto dantena gacchati.

“*Chẳng phải loài cưỡi ấy,
Đưa người đến Níp Bàn,
Chỉ có người tự điều,
Đến đích nhờ điều phục*”.

Pháp Cú này Bậc Đạo Sư thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến vị Tỳ khuru trước kia huấn luyện voi.

Được nghe rằng: Một ngày kia, vị ấy thấy người nài đang huấn luyện con voi ở bờ sông Aciravatī, nhưng không điều khiển được nó, thấy vậy vị ấy chỉ cách điều voi cho người nài voi:

- Anh hãy thọt đót vào chỗ đó, chỗ đó, thì nó sẽ vâng lời anh ngay.

Theo lời chỉ dẫn của vị ấy, người nài voi đã thành công. Chư Tỳ khuru bạch chuyện này lên Đức Thế Tôn. Ngài cho đòi vị ấy đến phán hỏi rằng:

- Này Tỳ khuru! Sự thật ra sao vậy?

Khi vị ấy xác nhận là đúng theo sự thật như thế. Ngài khiển trách:

- Hỡi kẻ cuồng si, vì sao ngươi lại làm như vậy. Vì rằng chẳng có cỗ xe nào đưa mình đến cứu cánh cả, chỉ có tự khắc phục lấy mình mới đi đến đó được. Do đó, hãy tự đào luyện mình, cần gì với những phương tiện đó chứ.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn như sau:

323. Chắc chắn không bao giờ có những phương tiện đưa đến cứu cánh, giống như người khéo điều luyện khắc phục tự ngã chân chánh.



CHÚ GIẢI:

Bài kệ này có ý nghĩa rằng: Đến mục đích là Níp Bàn, thì dù cho có mơ ước đi bằng phương tiện nào cũng chẳng được. Chỉ trừ ra tự đào luyện trí tuệ để đưa đến Níp Bàn là chỗ chưa từng đến, phải thu thúc các căn ở giai đoạn đầu, tu tiến Thánh Đạo ở giai đoạn cuối như vậy. Vì vậy phải chuyên cần khắc phục tự ngã tối thượng.

Dứt thời Pháp, nhiều người chứng Quả Dự Lưu.

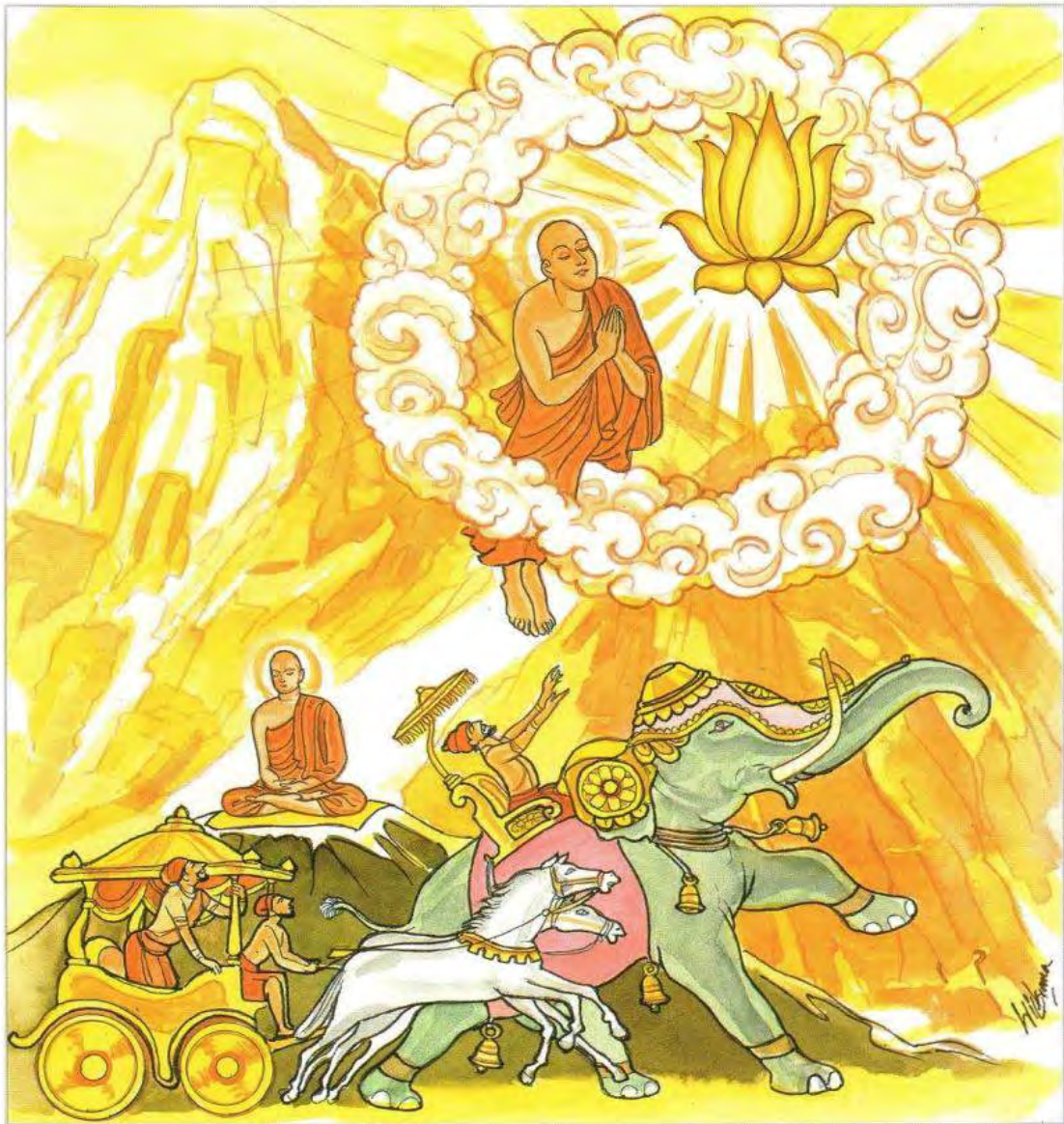


Dịch Giả Cẩn Đề

*Thấy anh quân tượng chẳng rành nghề,
Sư cũng thầy lay nói nọ kia,
Dạy chúng làm nên, thầy lại quở,
“Đường tu không thiết ngựa, voi, xe!”,
Niết Bàn là cảnh giới cao siêu,
Phải đến bằng danh sắc tự điều,
Thu thúc lục căn, noi Thánh Đạo,
Đạt thành sơ quả quý hơn nhiều.*

DỨT TÍCH MỘT TẶNG SĨ





**323. Chẳng phải nhờ voi ngựa. Đưa ta đến Niết bàn.
Chính bậc tự điều phục. Đạt đến bờ thênh thang.**

XXIII.3- BÀ LA MÔN LÃO NIÊN

(*Parijñbrāhmaṇaputtā*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 324)

“Dhanapālako nāma kuñjaro
Kaṭukappabhedano dunivārayo
Baddho kabalaṃ na bhuñjati
Sumarati nāgavanassa kuñjaro”.

“Con voi tên Tài Hộ,
Phát dục, khó điều phục,
Trói buộc, không ăn uống.
Voi nhớ đến rừng voi”.

Khi Bạc Đạo Sư lưu trú ở Jetavana, Ngài đề cập đến con trai vị Bà la môn già.

Được nghe rằng: Tại thành Sāvattthī có một ông Bà la môn có gia sản trị giá 80 Koṭi, ông có bốn người con. Khi chúng trưởng thành, ông phân chia cho chúng nửa gia sản. Rồi thì theo định luật vô thường, nó như bóng câu qua cửa sổ, vợ ông mệnh chung. Bấy giờ các con ông bàn tính rằng: “Nếu ông ta bước thêm bước nữa thì e rằng gia đình suy sụp, vì phải chia tài sản cho em cùng cha khác mẹ”. Nhắt trí cùng nhau, họ an ủi và phụng dưỡng cho ông. Hằng ngày chúng sẵn sóc cho ông từ miếng ăn thức uống, cho đến việc tắm rửa cho ông rất chu đáo. Ngày kia, sau khi ông thức dậy, chúng vừa vệ sinh cho ông vừa nói về kiếp sống thế tục đau thương, rồi khấn khoản.

- Cha hãy an lòng, chúng con sẽ nuôi dưỡng cha suốt đời. Vậy cha hãy giao hết gia sản cho chúng con đi.

Và ông cho thêm mỗi người là 10 Koṭi tiền vàng, chỉ chừa lại những bộ xiêm y. Người con trưởng nuôi ông được vài ba ngày, rồi khi ông vừa đi tắm trở về, nàng dâu hỏi ông rằng:

- Cha có cho anh hai hơn những người kia số tiền là 100 hay 1000 đồng vàng đâu? Sao cha ở lại nơi này lâu như thế, mà không ở nhà những người kia.

Ông tức giận nạt rằng:

- Thôi ngươi hãy im đi.

Ông bỏ đi đến nhà người con trai thứ hai, vài ngày sau ông cũng bị nàng dâu thứ hai hỏi như thế. Ông lại lần lượt đến hai nhà của hai người con kia, cũng bị như thế nữa. Sự đau buồn càng lúc càng dồn dập trong tâm ông, ông quyết định xuất gia làm Đạo sĩ. Đi hành khất từ tháng này sang năm nọ nên thân thể hao mòn, sức lực ngày càng mòn mỏi vì thiếu chất bổ dưỡng. Ông cảm thấy mình cô đơn hiu quạnh, khi tuổi đã xế chiều mà không có người con nào nuôi dưỡng cả. Càng nghĩ ông càng buồn tủi, chợt ông nhớ đến Đức Phật “Sa môn Gotama vẻ mặt thanh nhã vui tươi, lời nói thanh tao nhã nhặn”. Rồi ông mang hành trang đi đến trú xứ của Đức Thế Tôn, để tìm người an ủi tinh thần.

Thật vậy, ngay cả những vị A Xà Lê đã ghi lại: Lúc đó, Bà la môn ấy thiếu não, xiêm y tả tơi, đi đến yết kiến Đức Phật. Bạc Đạo Sư thấu rõ nỗi khổ tâm của ông, Ngài bèn phán hỏi:

- Này Bà la môn vì sao ngươi u buồn, y áo rách đến như vậy?

Ông nói với những nỗi ghen ngào:

- Thưa Sa môn Gotama! Tôi có bốn người con. Chúng nghe lời vợ sàm tấu nên đuổi tôi đi.

- Này Bà la môn! Nếu vậy ông hãy học lấy bài kệ này đi, đi đến chỗ đông người, chờ có con ông ông hãy đọc lên: “Tôi có bốn người con, tôi thương chúng vô hạn, mong muốn chúng trưởng thành hạnh phúc, nhưng ngờ đâu chúng hắt hủi tôi như con chó uy hiếp con lợn. Chúng là kẻ phi nghĩa, hạ liệt, tuy hình thức là con tôi nhưng thực chất là loài phi nơn dã thú, chúng bỏ tôi lang thang buồn khổ khi tuổi xế chiều, nên bây giờ phải đi hành khất từng nhà, giống như ngựa già không còn sức kéo xe, nên bị họ mổ thịt vậy. Tôi còn có cây gậy quý báu, những người còn hồ nghi: Cây gậy đồng nghĩa với con bò dữ hoặc con chó, tuy nhiên nó có hại đối với người không khéo dùng. Khi đi ban đêm bị ngã nó chống đỡ tôi dậy, nó trở thành hữu dụng đúng cách”.

Sau khi thọ trì bài kệ nơi Đức Thế Tôn, nhân ngày hội có đủ mặt mọi người, có cả những nghịch tử của ông, đứng giữa hội chúng, ông kiến nghị:

- Tôi muốn nói với quý vị bài kệ này, chẳng hay quý vị có lắng nghe hay chẳng?

Mọi người nôn nóng muốn nghe, ông liền nói bài kệ ấy, lúc ấy, những vị có quan chức đã đề nghị:

- Người con nào đã thừa hưởng phụ âm (mà) không phụng dưỡng cha mẹ. Người con ấy phải xử tử.

Lúc bấy giờ, các con ông quỳ xuống khẩn cầu:

- Cha ơi! Xin cha thương xót tha chết cho chúng con.

Ông xúc động tình phụ tử nên cũng xin cho con rằng:

- Xin quý vị hãy ân xá cho chúng, chúng sẽ nuôi dưỡng tôi.

Khi mọi người quyết định: “*Kể từ nay trở đi, các người phải hết lòng phụng dưỡng ông, nếu còn tái phạm chúng tôi sẽ trừng trị đúng cách*”. Các con thất kinh, rước ông về tắm rửa sạch sẽ thoa xức hương liệu... Các nữ Bà la môn cũng đến răn dạy: “*Từ nay trở đi các người hãy cố tâm chăm sóc cho ông, nếu còn tái phạm sẽ bị trừng trị đích đáng đó*”.

Nhờ vật thực bổ dưỡng nên thân thể ông hồng hào mập tròn, hai ba ngày sau thân thể ông khỏe mạnh. Ông lại nhớ đến Đức Phật nên mới được như vậy. Ông mang một cặp vải đến dâng Ngài, đánh lễ Ngài rồi bạch rằng:

- Thưa Sa môn Gotama, con là Bà la môn được tài sản nhờ Ngài, xin Ngài vui lòng nhận chút quà nhỏ bé này, gọi là tấm lòng thành của con, (kể từ nay) con xin làm đệ tử Ngài.

Đức Thế Tôn nhận lãnh cặp vải rồi, Ngài giảng pháp tế độ cho ông. Dứt thời Pháp, ông Bà la môn quy y Tam Bảo, rồi bạch rằng:

- Thưa Sa môn Gotama! Con được bốn bát cơm của con cho con, con xin dâng Ngài hai bát.

- Lành thay! Này Bà la môn Ta sẽ đến đó theo ý ông. Ông về nhà bảo các con:

- Các con ơi! Sa môn Gotama là bạn của cha. Ngày mai Ngài đến đây, các con nhớ dâng hai bát cơm này cho Ngài.

Sáng ngày Đức Phật ngự đến nhà người con Trưởng nam của ông. Vừa thấy Ngài, y rước bát thỉnh vào nhà an ngự chỗ thích hợp và đã dâng cúng thực phẩm thượng vị. Tuần tự mỗi ngày, Ngài tiếp tục ngự đến nhà những người con kia. Và những người ấy đã dâng cúng Ngài rất kính trọng.

Ngày hôm sau, người Trưởng nam tổ chức lễ cầu an mới thưa với ông Bà la môn:

- Thưa thân phụ! Chúng con sẽ thỉnh vị nào tụng kinh an lành?

- Cha chỉ biết Sa môn Gotama, bạn của cha thôi.

- Nếu vậy, cha hãy thỉnh Ngài và 500 vị Tỳ khưu sáng mai đến đây thọ thực.

Ông đã đến thỉnh Ngài. Sáng ngày Bạc Đạo Sư cùng Tăng chúng an vị nơi sang trọng và thích hợp, cúng dường cơm đê hồ cùng vật thực thượng vị. Bốn người con của ông bạch rằng:

- Thưa Sa môn Gotama! Chúng con đã phụng dưỡng thân phụ của chúng con chu đáo, xin Ngài từ bi tế độ cho ông.

- Các người đã hành thiện sự, sự nuôi dưỡng cha mẹ, các bậc trí tuệ ngày xưa cũng đã từng làm rồi.

Và Ngài thuyết giảng Bốn Sanh chi tiết rằng: “Con tượng ấy bỏ đi vì những cây non đâm chồi sung mãn...”. Rồi Ngài thuyết bài kệ như sau:

324. Tượng Dhanapālako bất trị, bị giam cầm bỏ ăn, nhịn đói. Tượng (luôn) nhớ tưởng về rừng nhà.



CHÚ GIẢI:

Câu: ***Dhanapālako nāma:*** Đó là tên con voi của Đức vua Kāsikarāja, do người nài voi bắt ở rừng Nāga (Mù U) đem về.

Kaṭukappabhedano: Hung tợn. Thật vậy, trong lúc nó thịnh nộ, hai tai nó vểnh lên, ngay cả lúc bình thường nó cũng không sợ vũ khí, nhưng con tượng Dhanapālako rất dung dữ, vì thế Đức Thế Tôn gọi là Kaṭukappabhedano dunnivārayo.

Câu: ***Baddho kabalaṃ nabhuñjati:*** Voi Dhanapālako bị giam cầm dù nhà vua ra lệnh cho họ trải lót thảm nhung và cho ăn những thức ăn ngon, nó chẳng màng đến, cho nên câu: Baddho kabalaṃ nabhuñjati (này) Đức Thế Tôn chỉ về trạng thái của con tượng bị giam cầm.

Sumarati nāgavanassa: Chẳng phải con voi Dhanapālako chỉ nhớ về khu rừng, trú xứ an lành, mà nó nhớ tưởng mẹ phải xa lìa con, con voi ấy luôn có pháp phụng dưỡng cha mẹ và dẫn đo suy nghĩ: “*Vật thực này đối với ta có ích gì?*”. Mà chỉ luôn

nghĩ về cha mẹ. Chính con voi ấy có những pháp đó cho nên Đức Phật gọi là “*Sumarati nāgavansasa kuñjaro*”.

Sau khi Ngài thuyết dẫn Bốn Sanh của con tượng ấy, các con của Bà la môn già động tâm, thân tình phụ tử nổi lên dào dạt và thâm nhập lạc pháp, rồi Ngài thuyết lên Tứ Thánh Đế.

Dứt thời Pháp, Bà la môn cùng các con chứng Quả Dự Lưu.



Dịch Giả Căn Đề

*Bốn con nghe vợ đuổi cha già,
Ông cụ buồn hiu phải xuất gia,
Sống nép thanh bần đời Khất sĩ,
Người ông tiêu tụy khác xưa xa,
Nghe đồn Đức Phật Đại từ bi,
Tìm đến mong Ngài dạy pháp chi,
Thoát khỏi đường tu đầy khổ hạnh,
Phật cho ông học một bài thi,
Giữa nơi tứ chúng hội đông vầy,
Ông nói: “Cho tôi đọc kệ này”
Kệ dứt, con ông xin sám hối,
Nguyện xin chuộc tội, kể từ đây.
Cây gậy nào hơn bốn đứa con trai,
Chẳng qua mượn có nhắc chùng ai,
Quạt nồng ấp lạnh, gương con hiếu,
Kim Cổ Đông Tây tán tụng hoài.*



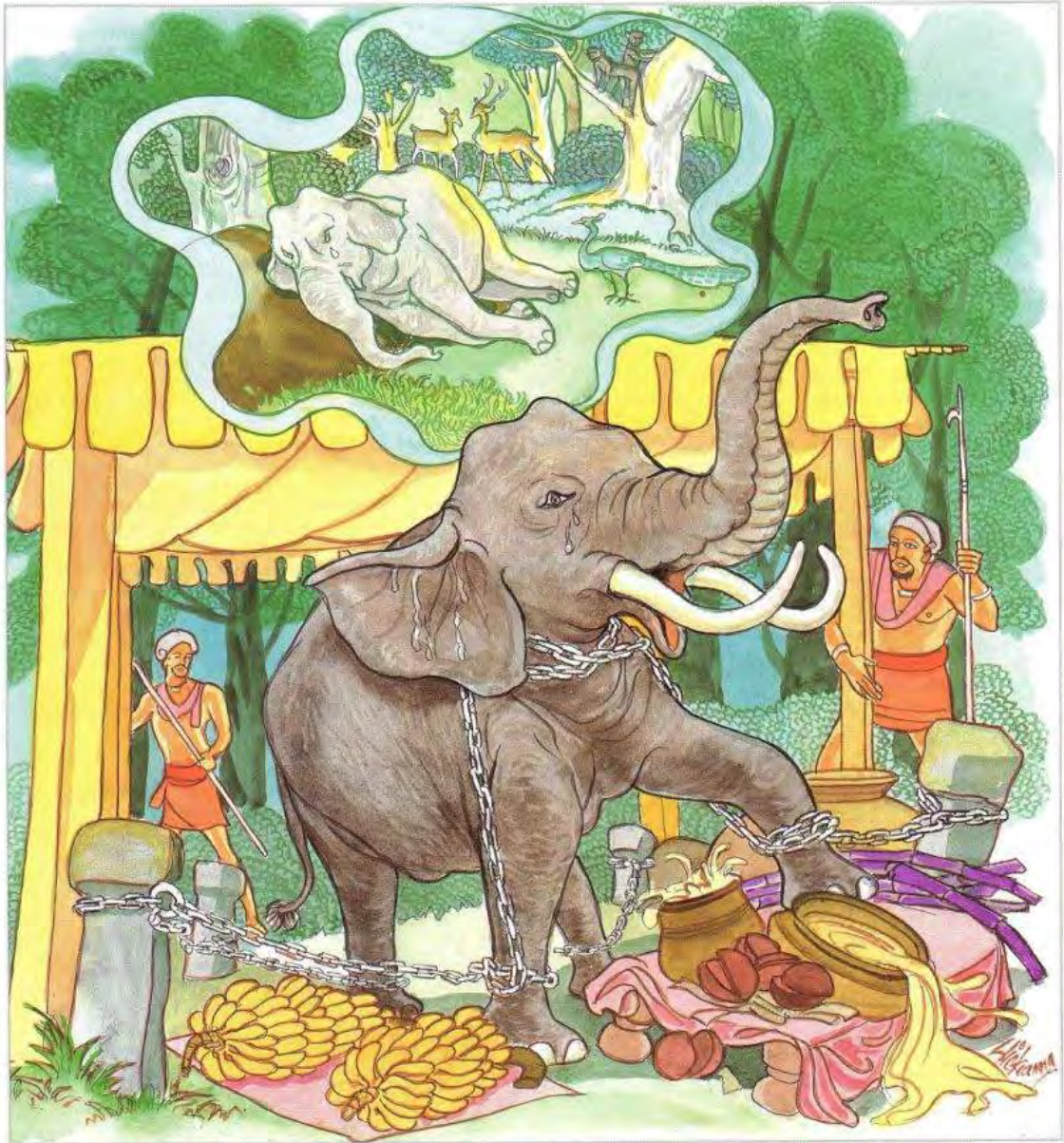
Kệ rằng:

*Những con ta đã cầu mong,
Lúc sanh, ta đã thỏa lòng ước ao,
Nghe lời vợ chúng xúi vào,
Ngăn ta như thế chó nhào cắn heo,
Kính ta là kẻ đói nghèo,
Ngoài môi vẫn gọi “Cha yêu” ngọt ngào,*

*Con ta la sát khác nào,
Bỏ ta lúc tuổi tác cao, yếu già,
Ngựa già vô dụng thả ra,
Cỏ tươi, cháo cám đâu mà thí cho,
Làm cha những đứa ngu khờ,
Nhà người dưng phải ăn nhờ bát com,
Gậy ta có lẽ quý hơn,
Đám con bất hiếu không còn biết cha,
Gậy xưa bỏ dũ tránh xa,
Ngăn con chó dũ không ai lại gần,
Ban đêm có gậy mò lân,
Chỗ sâu, chỗ cạn, khỏi cần sợ lo,
Nhờ cây gậy chống đỡ giò,
Sẩy chân đừng dậy, tự do một mình.*

DỨT TÍCH BÀ LA MÔN LÃO NIÊN





**324. Voi kia tên Tài hộ. Phát dục tiết mùi hăng.
Bất trị bị giam giữ. Bỏ ăn, nhớ rừng xanh.**

XXIII.4- QUỐC VƯƠNG PASENADIKOSALA

(*Pasenodikosalarāja*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 325)

“Middhī yadā hoti mahagghaso ca
Niddāyitā samparivattasāyī
Mahāvarāho va nivāpapuṭṭho
Punappunaṃ gabbham upeti mando”.

“Người ưa ngủ, ăn nhiều
Năm lần lóc qua lại,
Chẳng khác heo no bụng,
Kể ngu nhập thai mãi”.

Pháp Cú này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến vua Pasenadikosala.

Tương truyền rằng: Ngày kia Đức vua ăn uống quá độ, không tiết chế vật thực, rồi đi đến yết kiến Đức Phật, thân hình mệt mỏi khó chịu, ráng kham nhẫn hôn mê, mãi lo nhìn quanh quẩn. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn phán hỏi rằng:

- Này Đại vương! Đại vương chưa được nghỉ ngơi sao lại đến đây?

- Bạch Thế Tôn! Vì con ăn quá độ nên thấy khó chịu.

Đức Thế Tôn phán rằng:

- Này Đại vương! Người ăn uống thiếu tiết độ thường cảm nhận là khổ.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

325. “Người thiếu trí ăn quá độ, khi hôn mê thích ngủ, ngã lăn nằm dài như con heo to mà họ nuôi bằng thức ăn thừa vậy. Người ấy sanh tử trở đi trở lại triền miên.



CHÚ GIẢI:

Trong những câu văn ấy, câu: *Middhī*: Người uể oải hôn mê.

Mahagghaso: Người ăn quá độ giống như
āharahatthakabrāhmaṇa alaṅsātakabrahmaṇa,
tattavaṭṭakabrāhmaṇa, kākamāsakabrāhmaṇa và
bhuttavannikabrahmaṇa: Một người nào.

Nivāpapuṭṭho nghĩa là: Được nuôi bằng cám... Thật vậy, con heo được họ nuôi từ nhỏ, thân hình béo mập, cứ quanh quẩn trong chuồng rồi ngủ mê man. Cũng vậy, Ngài giảng giải: “Như người hôn mê ăn nhiều, không thể luyện tập thân thể khỏe mạnh, thường ngủ mãi như con heo to được nuôi bằng thức ăn thừa thế nào. Khi người không thể suy niệm về Tam tướng “*Aniccaṃ, dukkhaṃ, anattā*” được, vì trí tuệ lu mờ, nặng bụng, khó chịu.

Dứt thời Pháp, Ngài liền thuyết tiếp bài kệ:

“Người chánh niệm luôn khi, ẩm thực tiết độ, thiếu bệnh và trường thọ”. Ngài đã dạy thanh niên Uttara bài kệ này: “Khi nào Đức vua dùng, người hãy nói lên để Đức

vua tiết chế lại”. Y theo lời dạy của Ngài, Uttara nói lên kệ ngôn ấy khi Đức vua đang dùng vật thực.

Nhờ sự khuyên dạy của Đức Phật, nhà vua ăn uống tiết độ, thân thể khỏe mạnh, càng tăng thêm niềm kính mến Ngài, rồi Đức vua cúng dường trọng thể trọn 7 ngày. Sau khi Ngài phúc chúc, hội chúng tại nơi ấy chứng quả Thánh Nhân.

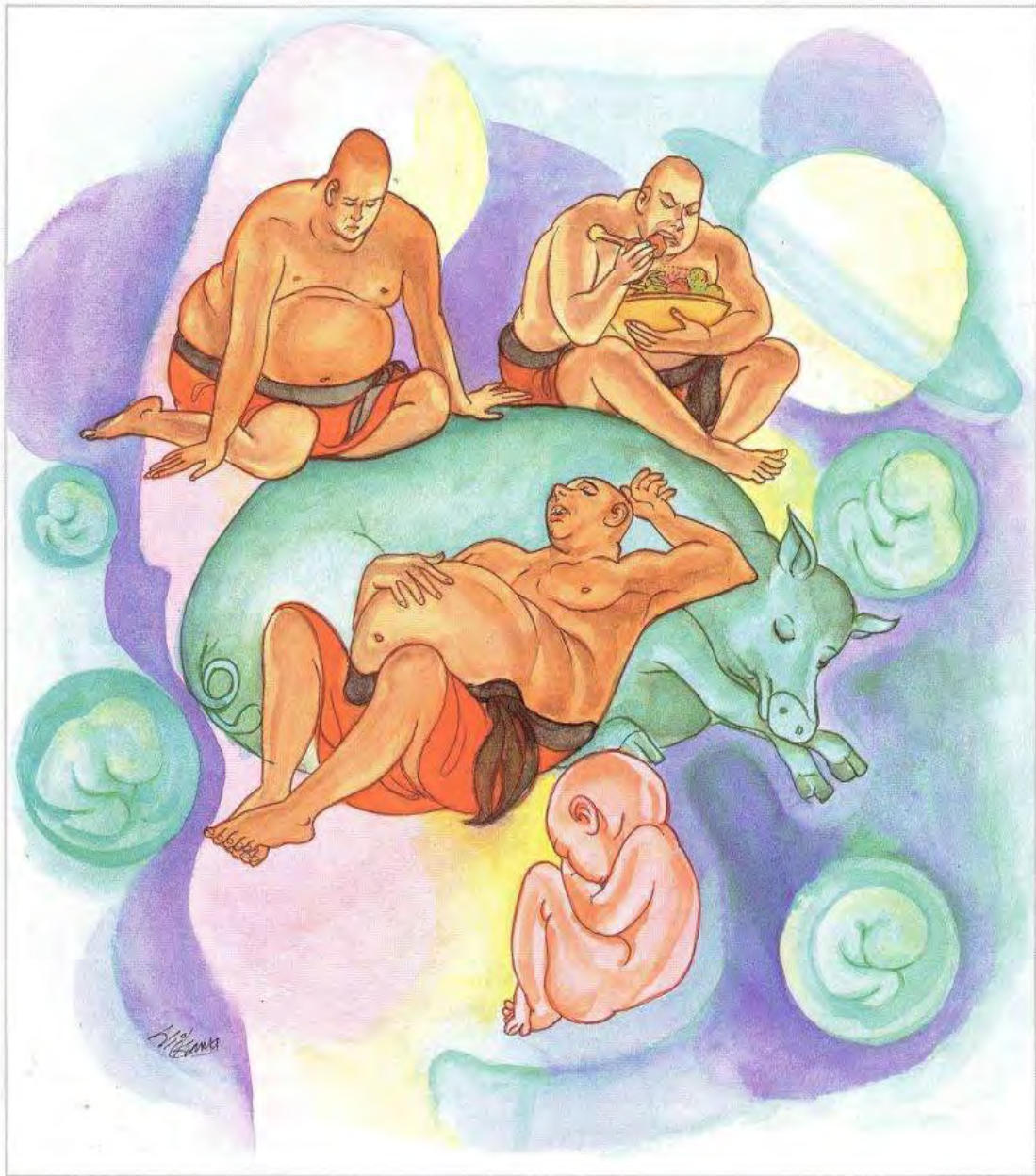


Dịch Giả Cẩn Đề

*Nhiều cám thì heo mặc sức ăn,
Ăn no, mặc sức cứ nằm lăn,
Người khôn chẳng giống như heo ú,
Tiết độ nơi mình, tự giới răn,
Nhà vua lúc trước mập nặng nề,
Vì lẽ ăn uống quá phủ phê,
Sau khỏe nhờ ra công giảm thực,
Đồng thời cũng giảm được si mê.*

DỨT TÍCH QUỐC VƯƠNG PASENADIKOSALA





**325. Kẻ ngu si ám độn. Ham ăn ngủ như heo.
Bạ đầu nằm lãn đó. Luân hồi mãi cuốn theo.**

XXIII.5- SA DI SĀNU

(*Sānusāmaṇera*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 326)

**“Idham pure cittaṃ acāri cārikam
Yena icchakam yatthakāmaṃ yatthāsukham
Tadajj’aham niggahessāmi yoniso
Hatthipabhinnaṃ viya añkusaggaho”.**

*“Trước tâm này buông lung
Chạy theo ái, dục, lạc.
Nay Ta chánh chế ngự,
Như cầm móc điều voi”.*

Kệ ngôn này được Đức đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Sa di Sānu.

Tương truyền rằng: Sa di tuổi trẻ ấy là con của một cận sự nữ, được mẹ cho xuất gia từ nhỏ. Sau khi xuất gia, vị ấy giữ giới hạnh rất trang nghiêm, luôn làm tròn phận sự với bậc Trưởng thượng như thầy hòa thượng, thầy Giáo thọ và những vị Khách Tăng.

Một tháng tám ngày (bát quan) vị ấy thức dậy sớm, múc nước nhà tắm, quét dọn giảng đường, thắp hương dâng, vị ấy thuyết pháp rất thanh tao, lời nói ngọt ngào tuyệt diệu. Chư Tỷ khưu thường biết Sānu là người có nhiều kiến thức nên thường mời Sa di giảng pháp. Vị ấy không bao giờ viện lẽ mệt mỏi hay bệnh hoạn, luôn sẵn lòng giảng giải, lời nói rất trôi chảy như nước từ hư không đổ xuống, luôn hồi hướng công đức Pháp thí đến cha mẹ. Mọi người đều biết sau thời giảng vị ấy luôn tâm nguyện như vậy.

Một nữ dā xoa là mẹ kiếp trước của Sa di Sānu, bà cùng chư thiên được Sa di hồi hướng Pháp Thí. Chư thiên giới đức trang nghiêm hằng được chư thiên và nhân loại mến mộ. Do đó, chư thiên rất kính trọng và nể sợ Sa di như vị Đại Phạm Thiên. Cả nữ dā xoa là mẹ của Sānu cũng kính trọng Sa di, những lúc thỉnh pháp hay hội họp nơi đâu, nữ dā xoa nhờ năng lực hồi hướng pháp thí của Sānu mà được chư thiên kính trọng. Các nữ dā xoa khác rất ưu trọng nữ dā xoa về cung cách như nhường chỗ sang trọng, đãi những loại nước thơm ngon tinh khiết, hoặc những vật thực thượng vị, vì luôn tâm niệm: “Dā xoa nữ này là mẹ của Sa di Sānu”.

Dù cho nữ dā xoa đại uy lực khi thấy nữ dā xoa này cũng kiêng nể mà mở đường nhường chỗ.

Khi đến tuổi trưởng thành, thân hình tráng kiện, bị mùi tục lụy cảm dỗ. Sa di chán nản với đời sống đạo hạnh, để tóc và móng tay dài, y bát như nhớp, thui thui một mình trở về nhà mà chẳng tỏ bày cho ai biết cả, mẹ ông thấy về nhà mới hỏi rằng:

- Khi trước Sư về nhà với chư Tăng hay thầy Hòa Thượng hoặc Giáo thọ sư hoặc bạn đồng phạm hạnh, mà sao hôm nay Sư lại về một mình.

Sa di trình bày sự việc ấy cho mẹ biết. Bà mẹ là tín nữ thuần thành, bà có giải thích về sự khổ của thế tục bằng cách nào đi nữa, Sa di cũng không nghe, vẫn khẳng khái quyết định theo ý mình. Bà mẹ nói:

- Thôi, nếu Sư đã quyết định thì hãy chờ tôi nấu cơm ăn xong rồi, sẽ lựa những loại hàng quý để may đồ theo ý thích của Sư.

Rồi trải chỗ ngồi cho Sa di gần chỗ bà nấu cơm. Trong lúc đó, nữ đệ xoa suy nghĩ: “Sa di đi đâu? Có được vật thực hay chưa?”. Bà thấy được ông đang ở nhà và có ý niệm hoàn tục, nghĩ rằng: “*Ông này sẽ làm cho ta thẹn với chư thiên, ta phải đến khuyên ngăn chuyện hoàn tục của ông*”. Rồi nhập vào Sa di, bẻ cổ mắt trợn ngược, sôi bọt miếng, té sấp dưới đất. Bà mẹ thấy thế hốt hoảng la to rằng: “*Ôi này Sa di*”, rồi ôm con vào lòng. Tất cả mọi người chung quanh tụ lại cúng vái khẩn cầu. Bà tín nữ than khóc bằng kệ ngôn rằng:

*“Người thọ trì bát quan
Trong một tháng tám ngày
14,15 và mùng tám
Giữ tròn ngày đưa rước
Thực hành phạm hạnh ấy
Đạ xoa không uy hiếp
Tôi tín thọ lời này
Từ những bậc La Hán
Tại sao ngày hôm nay
Tôi thấy các đạ xoa
Bắt Sa di Sānu”.*

Nữ đệ xoa nghe bà nói kệ như thế, liền đáp rằng:

*“Đạ xoa không uy hiếp
Những người thọ Bát quan
Trong một tháng tám ngày
14,15 và mùng tám
Giữ tròn ngày nguyện xả
Thực hành phạm hạnh ấy
Đó là lời giảng dạy
Của các bậc La Hán
Chân chánh và thuần mỹ”.*

Rồi bà nói tiếp rằng:

*“Xin bà hãy thuật lại
Những lời của đạ xoa
Cho Sa di Sānu
Tỉnh ngộ và chánh niệm
Ông không nên tạo ác nghiệp
Chỗ thanh vắng hay kín đáo
Một khi ông sắp làm
Hay đang làm một tội nào*

*Dù ông bay trốn đâu
Cũng không thoát khỏi khổ đau”.*

Nữ Dạ xoa nói:

- Một khi đã tạo ác nghiệp, dù có cánh bay như các loài chim cũng không tránh khỏi.

Rồi bà xuất ra.

Sa di tỉnh lại, thấy mẹ xả tóc khóc than và có rất nhiều người lảng giềng vây quanh, không biết mình đã bị phi nhơn nhập vào, ông ngạc nhiên hỏi mẹ rằng:

- Khi nãy con ngồi trên ghế, mẹ ngồi nấu cơm gần đây, sao giờ con lại nằm dưới đất. Ông lại hỏi mẹ bằng kệ ngôn rằng:

*“Mẹ ơi người ta khóc
Những người chết hay sống?
Ở đây không thấy nói
Mẹ ơi! Mẹ có thấy
Con vẫn còn sống mà
Mà sao lại khóc than
Tại sao vậy hở mẹ”.*

Bà liền nói về tai hại của đời sống thế tục, cùng ác quả của người đã từng xuất gia, từ bỏ lạc thú ở đời và bây giờ định hoàn tục. Bà đáp rằng:

*“Thật đúng vậy con ạ
Người ta khóc kể người
Quá cố hay sinh tồn
Ở đây không đề cập
Mà ở đây chỉ nói
Người ta than khóc cho
Người đã bỏ trần tục
Bây giờ lại trở về
Thọ hưởng trần dục lạc
Dù người ấy còn sống
Cũng xem như đã chết”.*

Sự nguy hại của thế tục, đời sống xuất gia là tốt đẹp, đời sống gia đình tựa như lò lửa than hay như vực thẳm đang trói buộc chúng ta.

*“Con ơi! Con thoát khỏi
Vòng trói buộc vực thẳm
Mà bây giờ lại rớt
Vào trói buộc vực thẳm”.*

- Con ơi! Con hãy chuyên cần tinh tấn và bây giờ tôi nhờ ai giải quyết được việc này. Con yêu quý của tôi, xuất gia trong Đạo Pháp ví như người đem vật quý trong nhà đang cháy ra ngoài, mà hôm nay lại trở vào căn nhà cháy. Xin quý vị giúp tôi khuyên ngăn Sa di Sānu việc này.

Rồi bà nói lên kệ ngôn rằng:

*“Xin quý vị giúp tôi
Sách tấn cho Sa di
Tôi nhờ ai giải quyết
Nỗi khổ tâm khó xử
Sa di như vật báu
Được đem từ nhà cháy
Bây giờ trở lại vào
Căn nhà đang bị cháy”.*

Sa di Sānu nghe vậy chán nản không hoàn tục nữa. Và khi đúng tuổi thọ Tỳ khuru. Mẹ ông rất hoan hỷ lo lễ cho ông xuất gia Tỳ khuru.

Sự kiện này thấu đến Bạc Đạo Sư, Ngài khuyên dạy rằng:

- Dĩ nhiên, tâm thường bám vào trần cảnh, tức nhiên tâm người ấy không được an vui. Vì vậy, người hãy cố gắng khắc phục tâm cũng như quân tượng cố gắng điều phục con tượng vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

326. Trước kia tâm này buông lung phóng dật, theo trần cảnh tùy thích, theo ý muốn. Ngày nay ta nắm vững và điều phục nó với chánh niệm, như người quân tượng trị thốt tượng.



CHÚ GIẢI:

Ý nghĩa của bài kệ này là: Trước kia tâm này buông lung, phóng dật tùy thích theo các cảnh như cảnh sắc... làm theo ước vọng của nó như ái dục... đó là (đi theo) cảnh trần tùy sở thích của tâm. Khi nào nó chạy theo khi ấy lạc thú cũng bám dính, nhưng hôm nay ta sẽ chế ngự nó, an trú chánh niệm, trói cột nó như người quân tượng nắm vững và điều phục con tượng vậy.

Dứt thời Pháp vô số chư thiên và Sānu thành đạt Thánh nhân. Từ đó, Tỳ khuru Sānu học giỏi thông suốt Tam Tạng trở thành vị Pháp Sư lỗi lạc và sống đến 120 tuổi mới Níp Bàn.

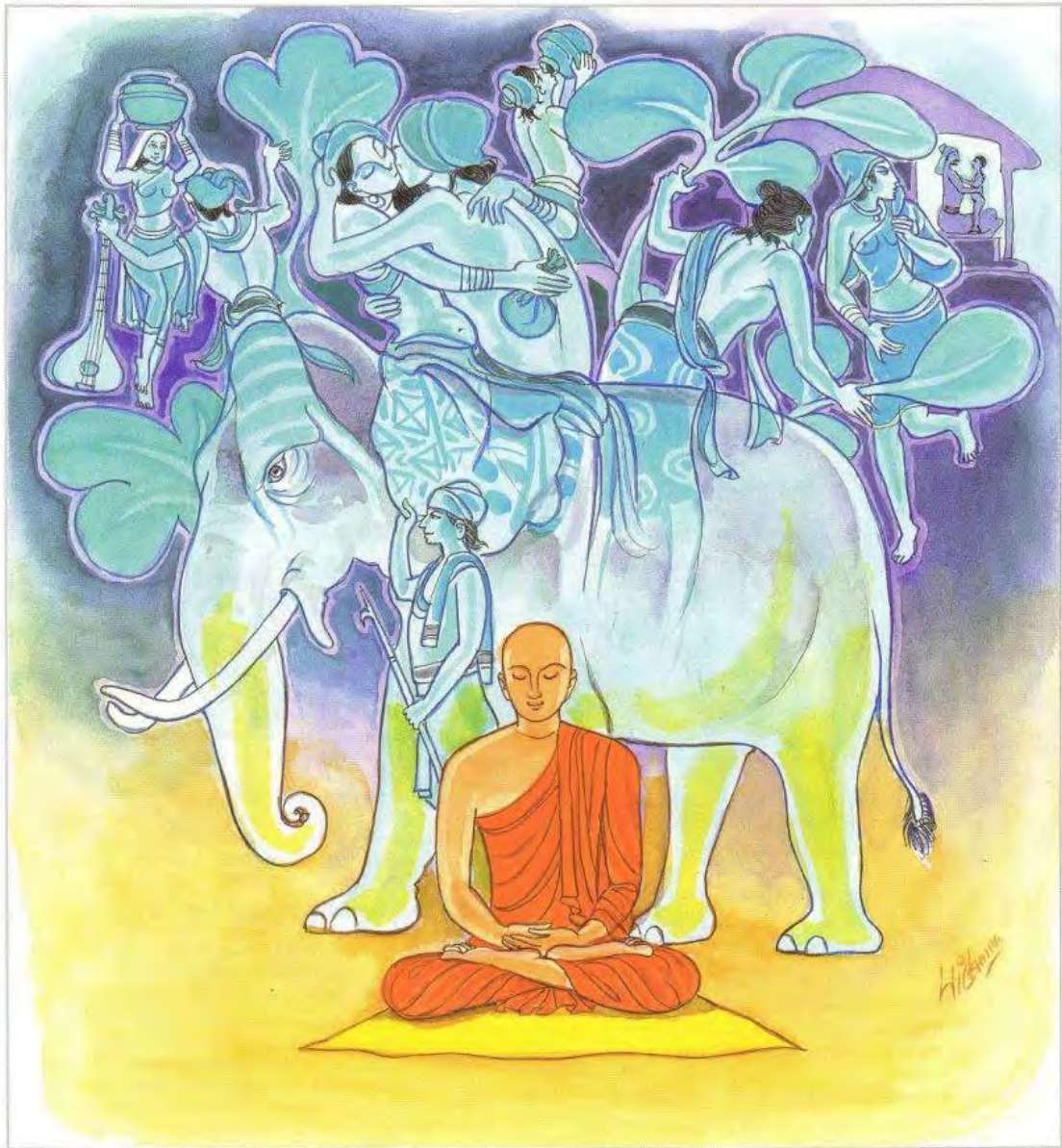


Dịch Giả Cẩn Đề

*Sa Nù xuất gia lúc bé thơ,
Chăm lo phận sự, chẳng bơ thờ,
Hay hồi hướng phước cho Cha Mẹ,
Đến tuổi hai mươi muốn trở cờ,
Mẹ đâu muốn trẻ sát về nhà,
Khi sắp vô giòng Phật Thích Ca,
Chẳng phải riêng mình bà thí chủ,
Thương con, còn có nữ Dạ xoa,
Hai mẹ giúp thầy vượt khỏi rùng,
Từ đây bước tiến nguyện không ngừng,
Phật càng đốc thúc thầy tinh tấn,
Chế ngự tâm phàm, chớ dửng dưng,
Như anh quân tượng, khéo điều voi,
Sa Nù điều tâm thật hỷ hoi,
Tam Tạng thuộc lâu, thành lậu tận,
Trăm hai tuổi thọ, đáng con nòi.*

DỨT TÍCH SADI SĀNU





**326. Xưa tâm này phóng dăng. Theo dục lạc đua đòi. Nay
chuyên tâm nhiếp phục. Như quản trượng điều voi.**

XXIII.6- THỐT TƯỢNG PĀVERAKA

(Pāverakahatthi)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 327)

“Appamādaratā hotha
Sa cittaṃ anurakkhattha
Dugga uddharathattānaṃ
Paṃke sanno va kuñjaro”.

“*Hãy vui không phóng dật,
Khéo phòng hộ tâm ý.
Kéo mình khỏi ác đạo,
Như voi bị sa lầy*”.

Bậc Đạo Sư khi trú tại Jetavana, đề cập đến tượng Pāveraka của Quốc Vương Pasenadi, thuyết lên kệ ngôn này.

Được nghe rằng: Tượng ấy đã hết sức mạnh vì đã già nua, một hôm đi xuống hồ tắm bị mắc lầy không còn đủ sức để vươn lên khỏi bùn lầy. Mọi người thấy vậy bàn tán xôn xao: “*Tượng này chưa kiệt sức*”. Sự kiện này thấu đến tai Đức vua, Ngài truyền lệnh cho người quản tượng “*đi cứu tượng khỏi đầm lầy*”. Ông cho đánh chiêng trống lên như đang sẵn sàng lâm trận. Tượng nổi hăng rút chân ra khỏi đầm lầy. Chư Tỳ khuru thấy sự việc này về bạch trình với Bậc Đạo Sư. Ngài phán rằng:

- Này chư Tỳ khuru! Tượng ấy cố gắng rút mình ra khỏi đầm lầy. Cũng vậy, các người hãy tinh cần rút ra khỏi đầm lầy phiền não, cho nên các người hãy nỗ lực như con tượng ấy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

327. Các người hãy thỏa thích trong chánh niệm, hãy tinh cần canh phòng tâm, hãy rút mình ra khỏi đầm lầy như vậy.



CHÚ GIẢI:

Câu: *Appamādaratā*: là các người hãy thỏa thích trong sự bất khinh suất.

Sa cittaṃ: nghĩa là hãy canh phòng tâm trong các cảnh trần như sắc trần... đừng để nó chạy ra theo.

Sanno: nghĩa là con tượng cố gắng rút chân ra khỏi đầm lầy, lên bờ được như thế nào, cả các người cũng hãy nhiệt tâm nỗ lực rút khỏi đầm lầy phiền não, thành đạt Níp Bàn như vậy.

Dứt thời Pháp, chư Tỳ khuru ấy chứng quả A La Hán.

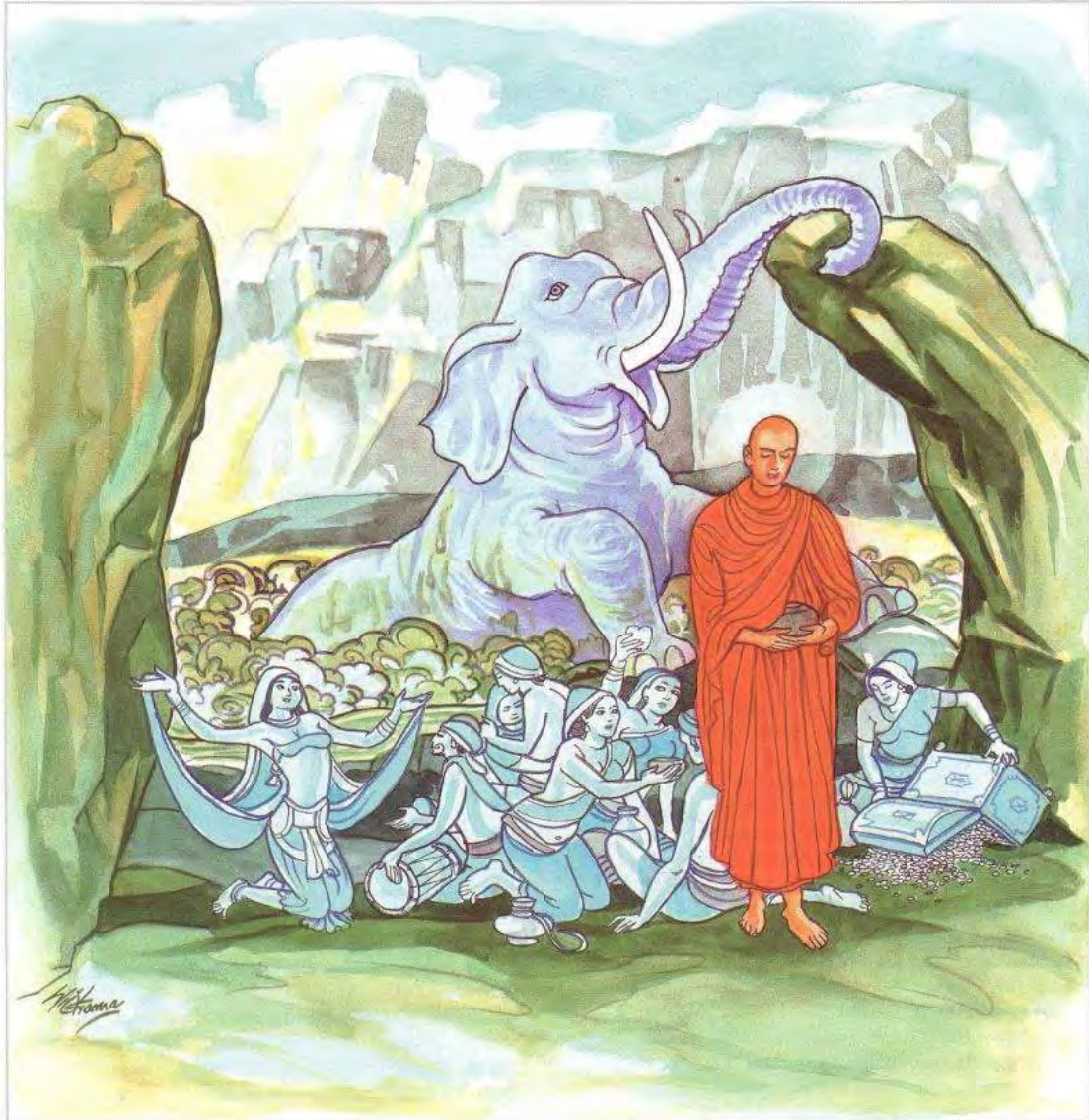


Dịch Giả Cần Đề

*Pa Vê Rá Ká bị sa lầy,
Già yếu không mong thoát khỏi đây,
Quản tượng phát cờ rung trống trận,
Làm voi phấn khởi vượt lên ngay,
Tỳ khuru lợi dưỡng cũng sa lầy,
Chẳng thể tự mình thoát khỏi đây,
Đức Phật đóng vai người quản tượng*

DÚT TÍCH TƯỢNG PĀVERAKA





**327. Hãy tinh cần, vui vẻ. Khéo giữ tâm ý thầy.
Tự thoát khỏi ác đạo. Như voi vượt sinh lầy.**

XXIII.7- CHUYỆN CHƯ TỖ KHUỒ

(*Sanbahulabhikkhu*)



KÊ NGÔN: (Pháp Cú câu 328-329-330)

328. “Sace labhetha nipakaṃ saḥāyaṃ
Saddhiṃ caraṃ sādhuviḥāridhīraṃ
Abhibhuyya sabbāni parissayāni
Careyya ten’attamano satīmā”.

“Nếu được bạn hiền trí
Đáng sống chung, hạnh lành,
Nhiếp nhục mọi hiểm nguy
Hoan hỷ sống chánh niệm”.

329. “No ce labhetha nipakaṃ saḥāyaṃ
Saddhiṃ caraṃ sādhuviḥāridhīraṃ
Rājā va raṭṭhaṃ vijitaṃ pahāya
Eko care mātaṅgaraññ’eva nāgo”.

“Không gặp bạn hiền trí
Đáng sống chung, hạnh lành,
Như Vua bỏ nước bại,
Hãy sống riêng cô độc,
Như voi sống rừng voi”.

330. “Ekassa caritaṃ seyyo
Natthi bāle saḥāyatā
Eko care na ca pāpāni kayirā
Appossukko mataṅgaraññ’eva nāgo”.

“Tốt hơn sống một mình,
Không người ngu kết bạn.
Độc thân không ác hạnh
Sống vô tư vô lự
Như voi sống rừng voi”.

Khi Bạc Đạo Sư lưu trú tại khu Lâm Vụ Pālileyaka thuộc Đại Lâm Rakkhita, Ngài đề cập đến số đông Tỳ Khưu, thuyết pháp thoại này.

(Tương truyền rằng): Câu chuyện này đã có trong kệ ngôn “*Pare ca ne vijānanti*”, thuộc Phẩm Song yếu.

Thật vậy, câu chuyện Đức Thế Tôn trú ngụ tại rừng Rakkhita, Ngài được Tượng chúa phục dịch chu đáo, mọi người đều hiểu rõ. Những gia đình đại cự phú tộc như Trưởng giả Anāthapiṇḍika, bà Visākhā đã khẩn cầu Đại Đức Ānanda rằng:

- Bạch Ngài, Ngài hãy nói rõ cho chúng tôi biết hiện Đức Đạo Sư ngụ tại nơi nào?

Cả 500 vị Tỳ khưu khác cũng đến nơi, yêu cầu Đại Đức Ānanda thỉnh Đức Thế Tôn trở về, muốn diện kiến và nghe Pháp của Đức Thế Tôn, vì đã lâu rồi không được nghe.

Đại Đức cùng chư Tăng đến rừng Rakkhita, Đại Đức suy nghĩ: “*Suốt ba tháng an cư kiết hạ, Ngài sống độc cư một mình, không có bóng dáng Tỳ khưu nào đến trú xứ của Ngài, mà bây giờ vào đông đảo như thế này thì không thích hợp*”.

Một mình Đại Đức đi vào yết kiến Đức Thế Tôn. Tượng chúa Pālileyaka vừa thấy Đại Đức đến vội ngăn cản, nó ngậm khúc cây chạy đến. Liên khi đó Đức Thế Tôn phán bảo rằng:

- Này Pālileyaka! Hãy tránh ra, đó là đệ tử của Đức Như Lai.

Nghe lời Ngài dạy, nó liền buồn cây xuống, tỏ ý thăm hỏi bằng cách nhận y bát. Đại Đức Ānanda không trao. Tượng chúa suy nghĩ: “*Nếu vị Tỳ khuru này đa văn, kiến thức thâm sâu thì không bao giờ đặt trên tảng đá, chỗ ngự của Đức Phật*”. Đại Đức đặt y bát xuống đất, tất nhiên nếu vị Tỳ khuru thông suốt và hành động đúng Luật thì không bao giờ để những vật dụng trên chỗ ngồi hay nằm của vị Thầy. Đại Đức đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống nơi phải lẽ. Ngài phán hỏi rằng:

- Này Ānanda! Ngươi đến một mình hay sao?

- Bạch Thế Tôn! Con đến với 500 vị Tỳ khuru.

- Này Ānanda! Nếu vậy chư Tỳ khuru ấy hiện giờ ở đâu?

- Bạch Thế Tôn! Con không biết Ngài như thế nào, nên để các vị nghỉ bên ngoài rồi con vào đây một mình.

- Này Ānanda! Hãy gọi các Tỳ khuru ấy vào đi.

Đại Đức Ānanda tín thọ lời dạy Đức Thế Tôn xong rồi, các Tỳ khuru ấy hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Ngài là bậc Tối Thượng Giác, là Pháp Vương cao thượng, suốt ba tháng Ngài sống đơn độc, chắc gặp nhiều vất vả, có lẽ không ai phục dịch Ngài như dâng nước súc miệng...

- Này các Tỳ khuru! Đã có Tượng chúa Pālīyeyaka phục dịch Như Lai. Thật vậy, nếu không gặp được bạn đồng hành cùng chung lý tưởng, thì tốt hơn nên đơn độc một mình.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn như vậy.

328. Nếu trên đường đời con gặp được bạn đồng hành thận trọng, (thích hợp) để sống với nhau, người có phong cách và trí tuệ, hãy kết hợp với người ấy một cách hoan hỷ và giác tỉnh, sẽ vượt khỏi mọi hiểm nguy.

329. Nếu không gặp được bạn đồng hành thận trọng, (thích hợp) để sống chung, người đó không có phong cách chân chánh và trí tuệ thì con nên đơn độc một mình như vị vua đã rời bỏ một Vương quốc đã chinh phục, hãy sống một mình như voi sống giữa rừng sâu vậy.

330. Tốt hơn đơn độc một mình, không kết hợp với kẻ cuồng dại, hãy sống cô độc, không hành mọi điều ác, khỏi lo âu như voi Mātanga sống giữa rừng sâu vậy.



CHÚ GIẢI:

Nipakaṃ: là người có trí tuệ sáng suốt thận trọng.

Sādhuvihāridhīraṃ: phong cách chân chánh và trí tuệ.

Parissayāni...: Nếu gặp được bạn lành an vui, trú tâm từ sẽ vượt khỏi mọi hiểm nguy như: Sư tử, cọp... và vắng lặng ái dục, sân hận. Tất cả hãy kết hợp với người ấy một cách hoan hỷ và giác tỉnh một cách vững chắc.

Rājāva ratṭhaṃ: là như vị vua từ bỏ ngai vàng, vương quốc, xuất gia làm đạo sĩ vậy. Ngài giảng giải Đức vua đã từ bỏ lãnh thổ mà ngự trí với ý niệm: “*Đời sống*

vuơng giả là sự khinh suất trọng đại, có ích gì cho ta sống trong nhung lụa cao sang”. Rồi bỏ vào rừng sâu xuất gia làm đạo sĩ, chỉ một mình đơn độc trong tứ oai nghi thế nào, người hãy sống đơn độc, độc cư một mình như vậy.

Mātaṅga saññeva nāgo: nghĩa là như Tượng chúa “Mātaṅga” suy nghĩ: “Ta thường bị đàn quấy rầy, như voi già, voi trẻ, voi cái, voi con, lúc ta ăn thì chúng kéo ngọn xuống ăn, khi ta với nhánh cây thì chúng ghì xuống, lúc ta uống nước chúng xuống quây cho đục nước, bây giờ ta chỉ ra đi đơn độc một mình vào rừng sâu, sống an lạc trong mọi oai nghi thế nào, người hãy sống đơn độc như vậy.

Câu: ***Ekassa***: nghĩa là ra đi xuất gia, hoan hỷ sống đơn độc, tốt hơn là nếp sống cô đơn.

Natthi bālo saḥāyatū: nghĩa là Pháp Thượng Nhân là: Tiểu Giới (Cūḷasīla), Trung Giới (Majjhimasīla), Đại Giới (Mahāsīla). Mười Kathāvatthu, 13 pháp Đầu Đà (dhutaṅgagūṇa), Minh sát tuệ (Vipassanāñāṇa), bốn Đạo, bốn Quả, Tam minh, Lục thông, và Bát Tử Đại Níp Bàn. Đó là Pháp Thượng Nhân của thiện hữu, những người không thành đạt những ân đức này là kẻ cuồng dại, vì vậy người thiện hữu không kết hợp với kẻ cuồng si.

Câu: ***Eko care...***: là do đó, người chỉ sống đơn độc một mình trong mọi oai nghi, dù điều ác nhỏ cũng không tác hành. Người ấy chỉ sống đơn độc như voi Mātaṅga, khỏi lo âu, đi tự tại giữa khu rừng sâu, nơi nào mình thích như vậy, dù việc ác nhỏ cũng không làm.

Vì thế, Bạc Đạo Sư giảng giảng:

- Nếu các người không gặp được thiện hữu, chỉ nên sống một mình.

Dứt thời Pháp, cả 500 vị Tỳ khưu ấy chứng đạt quả A La Hán.

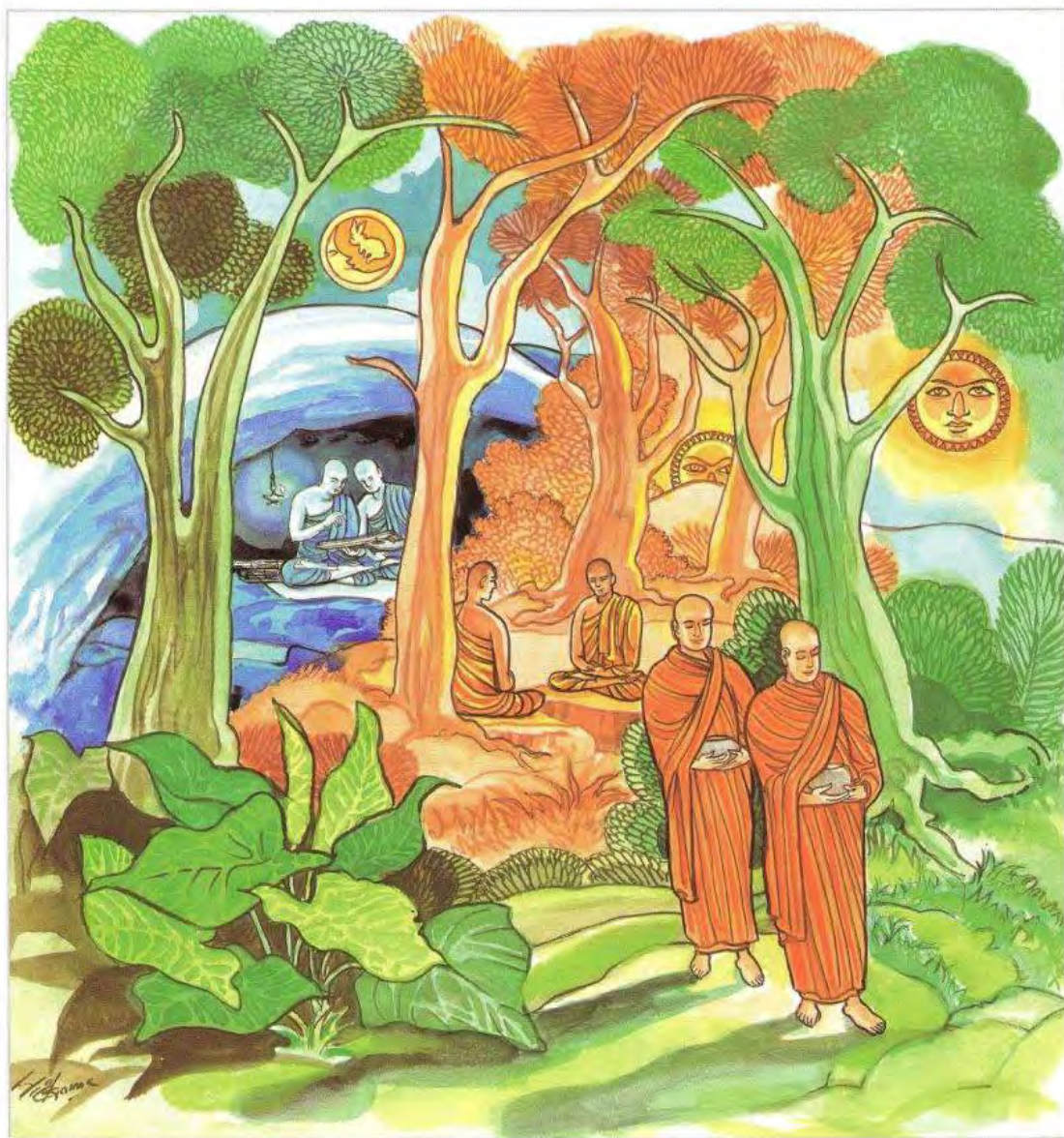


Dịch Giả Cẩn Đề

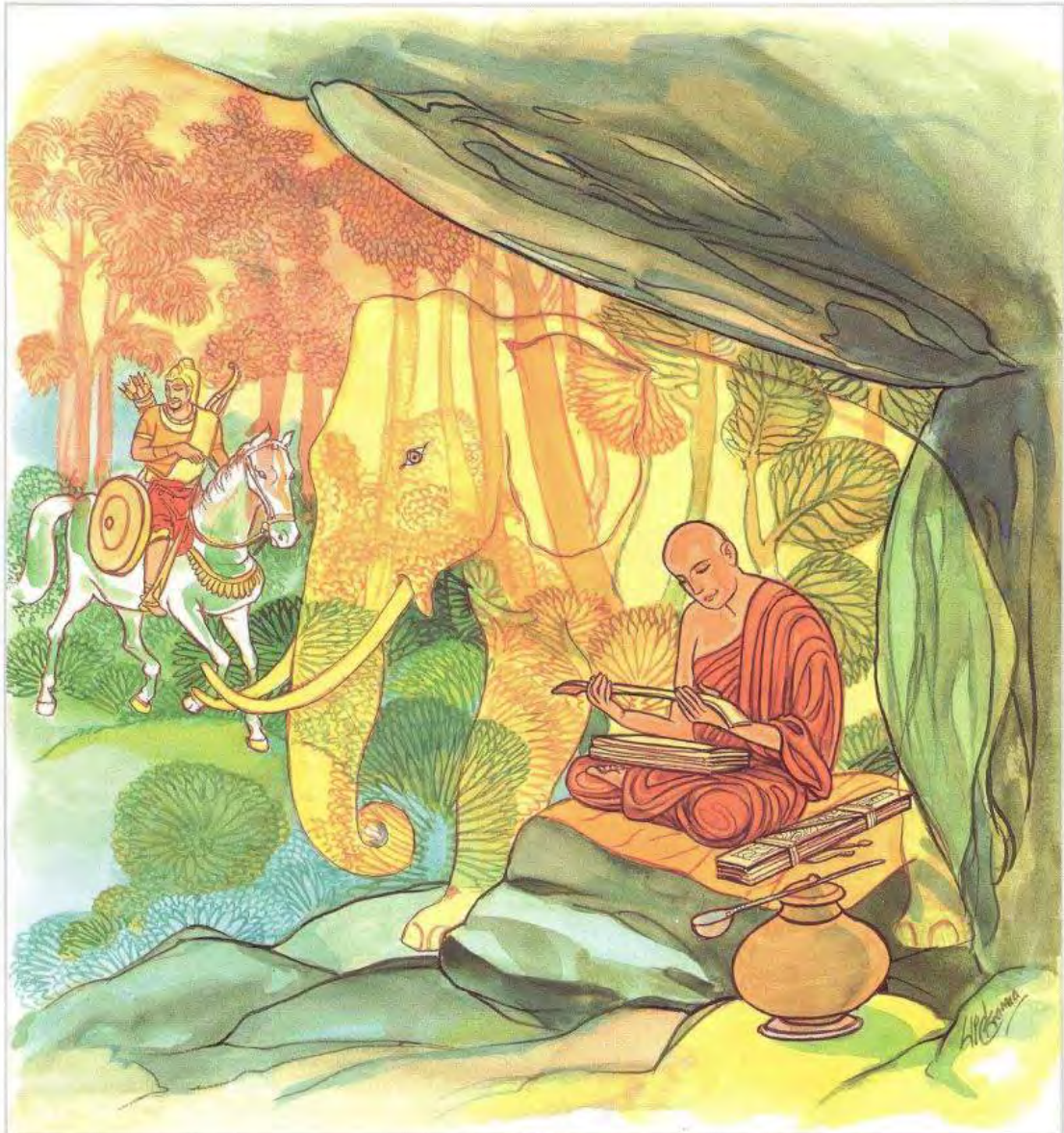
*Vì không hòa giải được chư Sư,
Phật lẫn vô rùng, giữ độc cư,
Voi chúa một mình, lo phục dịch,
Thú, người, kết bạn sống trầm tư,
Tăng, Phật khổ bởi xa đoàn,
Mãn hạ cùng nhau đến vấn an,
Phật lấy gương voi răn dạy chúng,
Đến thành vô học chẳng nghi nan,
Khi nào Tăng chúng tự phân ly,
Dân già không còn trọng Bát Y,
Thì hạnh độc cư càng cấp thiết,
Pháp minh sát khổ phải kiên trì*

DÚT TÍCH CHƯ TỶ KHUÛ

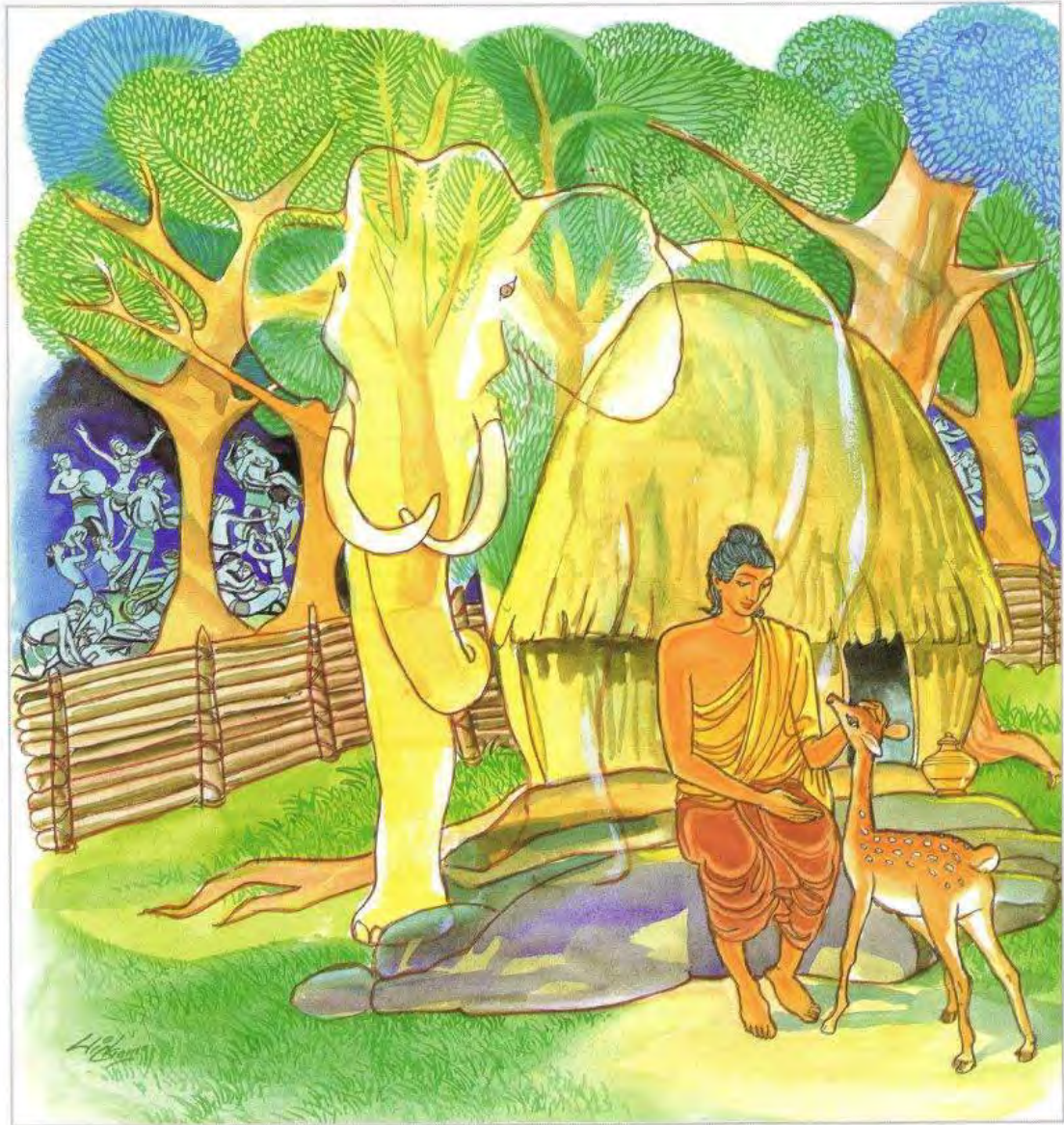




**328. Nếu gặp bạn sáng suốt. Cần trọng sống hiền lương.
Hàng phục mọi nguy biến. Hoan hỷ kết bạn đường.**



329. Nếu không gặp bạn trí. Cần trọng, sống hiền lành. Nên như vua từ bỏ. Vương quốc bị xâm lăng. Hãy sống đời đơn độc. Như voi giữa rừng xanh.



330. Thà sống cảnh cô đơn. Hơn bạn bè kẻ ngốc. Sống lẻ loi đơn độc. Không gây nghiệp ác hành. Như voi giữa rừng xanh. Thênh thang vô tư lự.

XXIII.8- CHUYỆN MA VƯƠNG

(Māra)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 331-332-333)

331. “Atthamhi jātamhi sukhā sahāyā
Tuṭṭhī sukhā yā itarītarena
Puññaṃ sukhaṃ jīvitasāṅkhayamhi
Sabbassa dukkhassa sukhaṃ pahāṇaṃ”.

“Vui thay, bạn lúc cần!
Vui thay, sống biết đủ,
Vui thay, chết có đức!
Vui thay, mọi khổ đoạn”.

332. “Sukhā matteyyatā loke
Atho petteyyatā sukhā
Sukhā samaññata loke
Atho brahmaññata sukhā”.

“Vui thay, hiểu kính mẹ,
Vui thay, hiểu kính cha,
Vui thay, kính Sa môn,
Vui thay, kính Hiền Thánh”.

333. “Sukhaṃ yāva jarā sīlaṃ
Sukhā saddhā patitṭhitā
Sukho paññāya paṭilābho
Pāpānaṃ akaraṇaṃ sukhaṃ”.

Vui thay, già có giới!
Vui thay, tín an trú!
Vui thay, được trí tuệ,
Vui thay, ác không làm”.

Kệ ngôn này được Đức Thế Tôn ngự tại một thẳm am trong rừng Himalava, đề cập đế Ma Vương.

Tương truyền rằng: Thời đó các vị vua cai trị thần dân rất khắc nghiệt. Khi ấy Đức Thế Tôn quán thấy thần dân bị hình phạt nặng nề của những vị vua bất minh. Ngài an trú Bi quán: “*Ta là một minh quân, không uy hiếp hay áp chế kẻ khác, không tranh thắng bại, vô ưu, luôn đem lại hạnh phúc cho mọi người*”.

Ma Vương hiểu được ý nghĩ của Đức Phật “*Sa môn Gotama tư niệm – Ta là vị minh quân – hay sao? Hiện giờ Sa môn Gotama muốn làm Quốc vương, nếu hoài vọng như vậy, ta sẽ có cơ hội trêu giận Ngài*”. Rồi đến yết kiến Đức Phật và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy trị vì Vương quốc, trở thành vị minh quân, là không uy hiếp hay áp chế kẻ khác, không tranh thắng bại vô ưu và đem lại an lạc cho mọi người.

Lúc đó Ngài phán hỏi Ma Vương:

- Này ác ma! Ngươi thấy thế nào về Như Lai mà nói bất nhã như vậy?

- Bạch Ngài! Nếu Ngài đã khéo tu tập Tứ Như Ý Túc, thì Ngài hãy hóa núi Hy Mã Lạp Sơn này trở thành vàng, khi ấy cả tôi sẽ phục vụ cho Ngài. Nhờ đó Ngài thành kẻ minh quân.

Rồi Ma Vương nói lên bài kệ rằng:

“Núi hãy trở thành vàng
Dù tăng gấp hai lần
Cũng chưa thỏa mãn người

*Ai hiểu được như vậy
Hãy thực hành chân chánh
Người đã sinh tồn ra
Thấy khổ đau của Dục
Tại sao người ấy lại
Chìm đắm trong Dục lạc
Ai hiểu rõ sinh tồn
Là trói buộc thế gian
Sao không chịu thực hành
Để thoát khỏi sinh tồn”.*

Đức Thế Tôn phán rằng:

- Này Ác Ma, Như Lai không có gì giống người vì Như Lai hằng dạy như vậy, người không thể Luận Pháp cùng ta.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn:

331. Vui thay gặp bạn lúc cần. Lành thay tri túc các vật dụng, đã tạo thiện lúc đời sống chấm dứt. Chấm dứt khổ đau là hạnh phúc.

332. Trên thế gian này sự phụng dưỡng phụ mẫu là an lạc, phụng dưỡng Sa môn là an lạc và phụng dưỡng Thánh nhân là an lạc trên thế gian.

333. Vui thay có giới hạnh từ lúc trẻ chí đến tuổi già. Lành thay có niềm tin vững chắc và thành đạt trí tuệ, lành thay không hành ác.



CHÚ GIẢI:

Câu: *Atthamhi:* nghĩa là nên làm những việc như may y hay giảng hòa những sự kiện xảy ra trong Tăng chúng, hoặc giải quyết đất đai giữa những người thế tục, người bạn nào có khả năng làm những việc ấy thành tựu hoặc giảng hòa được, đó là thiện hữu đem lại sự an lạc.

Tuṭṭhī sukhā: nghĩa là cả những hàng cư sĩ không tri túc mới sanh những bất thiện... còn bậc xuất gia không tri túc trong vật dụng thường sanh những pháp tà mạng, cho nên cả tại gia và xuất gia mới không an lạc. Vì thế, sự tri túc vật này vật nọ, tự biết là đủ tức là đem lại an lạc.

Puññaṃ: nghĩa là tạo phước theo ý muốn, sẽ an lạc trong lúc lâm chung.

Câu: *Sabbassa:* nghĩa là bậc A La Hán đã chấm dứt mọi khổ đau trong luân hồi, là an lạc trên thế gian.

Sự phụng dưỡng mẹ gọi là Metteyyatā.

Sự phụng dưỡng cha gọi là Petteyyatā.

Sự phụng dưỡng cha mẹ, Đức Thế Tôn gọi cả hai câu đó vậy. Thật vậy, cha mẹ biết các con không phụng dưỡng, những gia sản chôn giấu ông bà đem ra bố thí cho kẻ khác. Những người con phải bị chỉ trích: “*Con bất hiếu không nuôi cha mẹ*”, sau khi chết chúng lâm vào khổ cảnh, còn người con nào phụng dưỡng cha mẹ một cách

tôn kính, được thừa hưởng của phụ âm và được thế gian khen ngợi. Vì vậy, lúc lâm chung được sanh vào nhàn cảnh. Do đó, cả hai điều này, Đức Phật gọi là an lạc. Sự phụng dưỡng các bậc Sa môn gọi là *Samaññatā*. Sự phụng dưỡng chư Phật Toàn Giác, Phật Độc Giác, Phật Thịnh Văn Giác gọi là *Brāhmaññatā* vì các Ngài đã chấm dứt mọi điều ác, như cúng dường Tứ vật dụng đến chư Phật. Nên Đức Phật gọi cả hai câu này. Điều này Ngài gọi là an lạc trên thế gian này.

Câu: *Sīlam...*: những đồ trang sức như ngọc báu, bông tai... chỉ nổi bật xinh đẹp trong lứa tuổi trẻ, hoặc nêu người già trang sức xinh đẹp như hồi còn trẻ không được, (thế gian) họ sẽ cho là “*người loạn trí*”, còn Giới hạnh như ngũ giới, thập giới... luôn đẹp cho mọi lứa tuổi, chí đến tuổi già, hằng đem lại an lạc và được mọi người khen ngợi “*Thật là một người có giới hạnh*”. Do đó Đức Phật gọi là “*Sukham yāva jarā sīlam*”.

Hai câu: *Saddhā paṭiṭṭhitā*: nghĩa là có cả hai niềm tin: Phạm tính và Thánh tín bất động kiên cố, là đem lại an lạc.

Câu: *Sukho paññā paṭilābho*: nghĩa là thành đạt trí tuệ Hiệp thế và Siêu thế, là an lạc.

Pāpānaṃ akaraṇaṃ: nghĩa là không hành các điều ác, chấm dứt mọi bất thiện bằng Thánh Đạo là an lạc trên thế gian.

Dứt thời Pháp, vô số Chư Thiên chứng quả Thánh nhân.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Ma Vương tưởng Phật muốn làm Vua,
Thấy có dịp may để cợt đùa,
Thỉnh Phật cầm quyền cai trị nước,
Vào vòng danh lợi, tính hơn thua...,
Phật đem lẽ thật dạy Ma Vương,
Chớ nghĩ Niết Bàn giống thiên đường,
Ở chỗ có vui là có khổ,
Ngoài vòng danh lợi, khỏi tá vương!..*

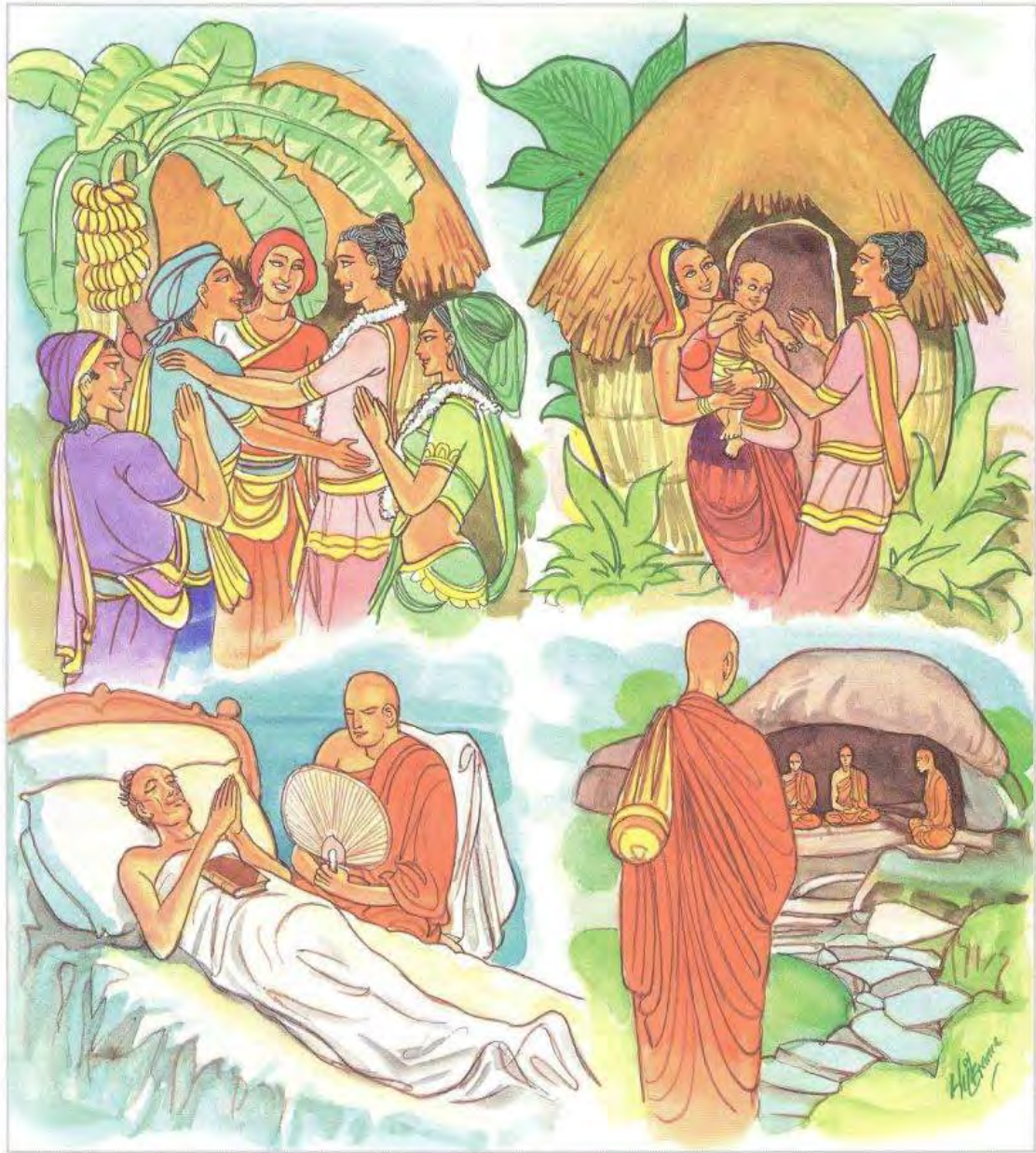
DỨT TÍCH MA VƯƠNG



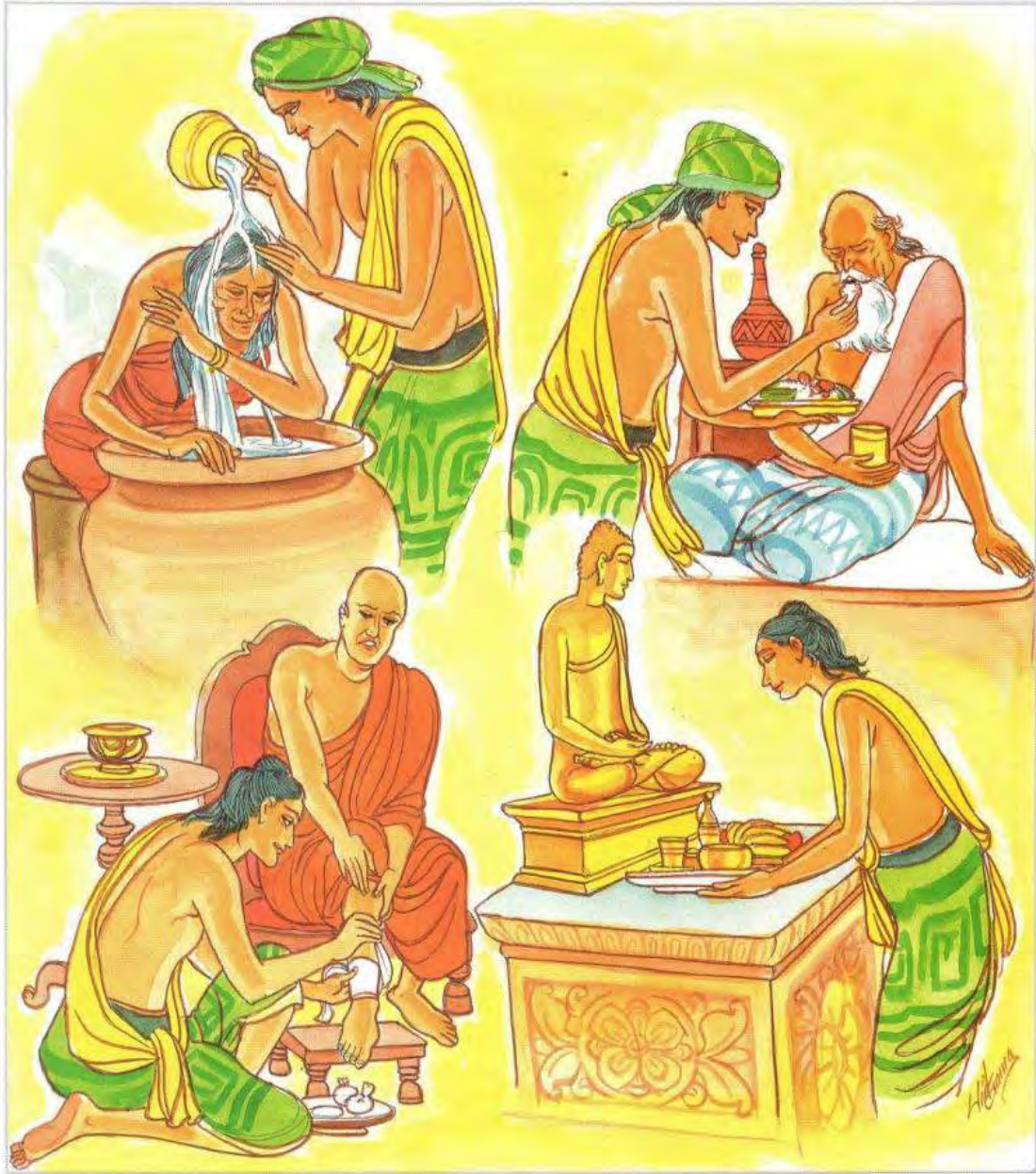
DỨT PHẨM VOI – NĀGA VAGGA

DỨT PHẨM 23





331. Vui thay gặp bạn lúc cần. Lành thay tri túc các vật dụng, đã tạo thiện lúc đời sống chấm dứt. Chấm dứt khổ đau là hạnh phúc.



332. Trên thế gian này sự phụng dưỡng phụ mẫu là an lạc, phụng dưỡng Sa môn là an lạc và phụng dưỡng Thánh nhân là an lạc trên thế gian.



333. Vui thay có giới hạnh từ lúc trẻ chí đến tuổi già. Lành thay có niềm tin vững chắc và thành đạt trí tuệ, lành thay không hành ác.

XXIV. PHÂM ÁI DỤC (TANHĀ VAGGA)



- 23 bài kệ: Pháp Cú 334-357

- 12 tích truyện

XXIV.1- TÍCH CON CÁ KAPILA



KÊ NGÔN: (Pháp Cú câu 334-335-336-337)

334. “Manujassa pamattacārino Tanhā vaḍḍhati māluvā viya So plavati hurāhuram Phalam iccham’va vanasmim vānaro”.	“Người sống đời phóng dật Ái tăng như dây leo Nhảy đời này đời khác Như vợ tham trái rùng”.
335. “Yaṃ esā sahatī jammī Tanhā loke visattikā Sokā tassa pavaḍḍhati Abhivaṭṭham’va bīraṇam”.	“Ai sống trong đời này Bị ái dục ràng buộc Sầu khổ sẽ tăng trưởng Như cỏ Bi gặp mưa”.
336. “Yo c’etaṃ sahatī jammim Tanhā loke duraccayaṃ Sokā tamhā papatanti Udabindu’va pokkharā vo”.	“Ai sống trong đời này Ái dục được hành phục Sầu rời khỏi người ấy Như giọt nước lá sen”.
337. “Taṃ vo vadāmi bhaddaṃ vo Tāvant’ettha samāgatā Tanhāya mūlaṃ khanatha Usīrattho’va bīraṇam Māvo nalaṃ va soto’va Māro bhañji punappunam”.	“Đây điều lành ta dạy Các người tụ họp đây Hãy nhổ tận gốc ái Như nhổ gốc cỏ Bi Chớ để ma phá hoại Như giòng nước cỏ lau”.

Kệ ngôn này Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại thành Sāvattihī, nơi Tịnh xá Jetavana, đề cập đến con cá Kapila.

Tương truyền rằng: Thời quá khứ, khi Giáo Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác có hồng danh là Kassapa đang rực sáng trong thế gian. Khi Ngài Níp Bàn rồi, bấy giờ có hai anh em của một thiện gia tử, xuất gia với chư Tỳ khưu. Người anh có tên là Sodhana, người em tên là Kapila, mẫu thân là Sodhanā cùng với cô em gái tên Tāpanā cũng xuất gia làm Tỳ khưu ni trong Ni chúng.

Sau khi xuất gia, hai thiện gia tử ấy đã hành tròn bốn phận đối với Giáo Thọ Sư cùng với Tể Độ Sư. Một hôm, hai vị bạch hỏi thầy rằng:

- Bạch Ngài! Trong Giáo pháp này có bao nhiêu phận sự phải hành?

- Nay Hiền giả! Có hai phận sự cần phải hành là: Pháp Học và Pháp Hành.

Tỳ khuru Sodhana suy nghĩ: “*Ta sẽ tu tập Pháp hành*”. Sau khi ở với Tể Độ Sư tròn năm hạ, Tỳ khuru Sodhana học đề mục nghiệp xứ cho thông suốt để đắc chứng A La Hán, mới đi vào rừng chuyên cần hành Sa môn Pháp và chứng đắc Vô Lậu Quả.

Riêng Tỳ khuru Kapila suy nghĩ rằng: “*Bây giờ ta còn trẻ, khi đến tuổi già rồi thì sẽ hành pháp Sa môn cũng chưa phải là muộn*”.

Vị ấy bắt đầu học Tam Tạng Pháp Bảo, chẳng bao lâu vị ấy thông Tam Tạng, có nhiều tùy chúng vây quanh và lợi đắc phát sanh đến cho vị ấy. Do nhân lợi đắc dồi dào Tỳ khuru Kapila phát sanh sự ngã mạn, cho rằng: “*Ta là bậc đại trí*”. Y đã dùng biện tài của mình nói lên những điều sai lệch với chân lý khi tranh luận cùng người khác, những điều hợp pháp y cho rằng “*không hợp pháp*”, những điều có tội y cho rằng “*vô tội*”. Trái lại điều vô tội y chỉ rằng có tội, điều không hợp pháp y cho rằng là hợp pháp. Chư Tỳ khuru có Giới hạnh khuyên nhủ y rằng:

- Này Hiền giả Kapila, Hiền giả chớ nên nói thế.

Chư Tỳ khuru giảng giải luật đến y, y phẫn nộ đối với chư Tỳ khuru rằng:

- Các vị mà biết cái gì? Các vị ví như người nắm tay trắng...

Thấy khuyên nhủ Tỳ khuru Kapila không có hiệu quả, chư vị ấy đem sự việc ấy bạch lên Trưởng Lão Sodhana. Trưởng lão khuyên ngăn y rằng:

- Này Hiền giả Kapila! Sự thực hành chân chánh của Chư Tỳ khuru được xem là tuổi thọ của Giáo Pháp, Hiền giả cũng là vị Tỳ khuru, Hiền giả chớ nên bỏ việc thực hành chân chánh Sa môn Pháp.

Rồi Trưởng lão Sodhana đã khuyên giải những điều hợp lý về Pháp, về Luật... Nhưng Tỳ khuru Kapila vẫn đề ngoài tai những lời khuyên nhủ ấy, y không nhận lấy lời khuyên nhủ của anh mình.

Trưởng lão Sodhana đã khuyên giáo Tỳ khuru Kapila đến hai, ba lần mà kết quả chẳng được chi cả, Ngài biết rằng: “Tỳ khuru Kapila là người khó dạy, y đã chẳng vâng lời ta”. Ngài bảo với Tỳ khuru Kapila rằng:

- Này Hiền giả Kapila! Nếu sự việc là như thế, Hiền giả sẽ nhận lãnh quả nghiệp của mình vậy.

Và Trưởng lão bỏ đi. Kể từ đó những vị Tỳ khuru có Giới hạnh thanh tịnh đã lìa xa Tỳ khuru Kapila. Tỳ khuru Kapila có hành vi bất thiện như thế nên thường thân cận với những người bất thiện.

Một hôm, vào ngày Uposatha, Tỳ khuru Kapila đi đến nơi hội họp của chư Tỳ khuru với ý niệm rằng: “*Ta sẽ là người Tụng Giới Bốn*”. Y liền cầm quạt đi đến ngồi trên Pháp tòa trong Giảng Pháp đường, hỏi rằng:

- Này chư Hiền! Chư Tỳ khuru hội họp nơi đây tụng đọc Giới Bốn phải chăng?

Chư Tỳ khuru im lặng, tự ngã của kapila bị xúc phạm, y suy nghĩ: “*Cần gì ta phải vấn đáp với chư Tỳ khuru này nhỉ?*”.

Y bèn nói rằng:

- Này chư Hiền, Pháp chẳng có đâu, Luật cũng chẳng có đâu, lợi ích chi với Giới Bản mà các vị nghe hay không nghe chứ.

Nói rồi, y rời bỏ Pháp tòa đi khỏi Giảng đường. Tỳ khuru Kapila đã làm Giáo Pháp của Đức Thế Tôn Kassapa tồn giảm như thế. Và Trưởng lão Sodhana đã Vô Du Níp Bàn ngay trong ngày ấy.

Khi mãn tuổi thọ, Tỳ khuru Kapila rơi vào A Tỳ địa ngục, mẹ và em gái của y là Sodhanā và Tāpanā thưở sanh tiền đã xu hướng với Tỳ khuru Kapila, đã mắng chửi chư Tỳ khuru nào khuyên giải Kapila. Do đó, cả hai cùng chịu chung số phận như Tỳ khuru Kapila.

Vào thời đó, có 500 thanh niên tụ hội với nhau thành một đảng cướp, bọn cướp đã cướp giết dân chúng, sách nhiễu đến chúng dân. Bọn chúng sanh sống bằng nghề nghiệp phi chân chánh như thế. Một hôm, chúng dân cùng quan binh truy nã bọn chúng, cả 500 tên cướp chạy vào rừng trốn, nhưng quân binh cùng chúng dân theo rượt quá gắt, bọn chúng chẳng có nơi nào ẩn thân được. Trên đường chạy vào rừng trốn, 500 tên cướp trông thấy vị Sa môn sống hạnh ẩn lâm đang ngồi thiền tư. Chúng vui mừng như bắt gặp tài sản quý, cả 500 tên cướp đến đánh lễ vị ẩn lâm Tỳ khuru, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài hãy là nơi nương chờ của chúng con đi.

- Này các người, chẳng có nơi nào nương nhờ an ổn cho bằng Giới. Vậy các người hãy trợ trì giới đi.

- Thưa vâng, Bạch Ngài.

Bọn cướp đã thọ trì ngũ giới, thế rồi vị Tỳ khuru khuyên dạy bọn chúng rằng:

- Bây giờ các người là người có giới rồi, dù có thiệt hại đến mạng sống đi nữa, các người cũng không được lìa bỏ giới hạnh của mình, một ý ác cũng không nên vọng đến.

- Thưa vâng, Bạch Ngài.

Khi ấy, dân chúng cùng quan quân kéo đến bắt được bọn cướp tại nơi ấy, bọn cướp không chống trả lại và bị sát hại hết. Và cả 500 tên cướp thọ sanh vào Thiên giới, tên chúa đảng trở thành vị Thiên tử trưởng của nhóm Thiên tử ấy.

Trải qua tuổi thọ một vị Phật, 500 Thiên tử ấy tái sanh vào nhân giới, vào thai bào của 500 gia tộc chuyên nghề đánh cá ven sông Aciravatī gần kinh thành Sāvattthī. Vị Thiên tử trưởng nhóm này cũng là người cầm đầu 500 thanh niên chài lưới ấy. Cả 500 thanh niên đã hạ sanh cùng một ngày như vậy.

Được biết rằng: Vào ngày hạ sanh đưa bé Trưởng đoàn, gia tộc trưởng của nhóm dân chài cho người đi tìm “*Có đưa bé nào hạ sanh cùng ngày trong làng này chăng?*”. Được biết có được 500 đưa bé trai cùng sanh ra trong ngày, nên gia tộc trưởng nhóm dân chài cho tiền trợ cấp nuôi dưỡng của năm trăm hài nhi ấy, với ý niệm rằng: “*Những hài nhi này sẽ là bạn của con ta*”.

Những hài nhi ấy sinh hoạt chung với nhau từ thưở bé cho đến lớn, và con của người Trưởng tộc dân chài có uy quyền hơn cả.

Tỳ khuru Kapila bị thiêu đốt trong lửa địa ngục A Tỳ hết một đời vị Phật, quả nghiệp còn dư sót, vào thời Đức Phật Gotama y tái sanh làm con cá vàng ở sông Aciravatī, con cá có làn da vàng óng ánh, nhưng khi nó mở miệng ra thì phát sanh mùi hôi thối nồng nặc, đây là kết quả dị thực của lời phi ngữ đã hủy báng Giáo Pháp chư Phật. Một hôm, 500 thanh niên bàn luận cùng nhau rằng:

- Chúng ta ra sông bắt cá đi.

Họ mang lưới đánh cá dọc theo sông Aciravatī. Con cá vàng đã mắc lưới của 500 chàng thanh niên. Khi kéo lưới lên, thấy con cá vàng xinh đẹp óng ánh, 500 thanh niên reo lên rằng:

- Ô! Lần đầu tiên chúng ta bắt được con cá kì lạ như vậy, lần này chúng ta sẽ mang đến dâng Đức vua, chắc chắn Ngài sẽ ban thưởng chúng ta trọng hậu.

Những chàng thanh niên mang con cá lên thuyền, bơi thuyền đến Hoàng cung, dâng lên Đức vua con cá vàng xinh đẹp. Đức vua Pasenadi vị thủ lãnh xứ Kosala phán hỏi rằng:

- Cái chi thế?

- Tâu Bệ hạ! Đây là con cá kỳ lạ mà chúng thần vừa bắt được trên sông Aciravatī.

Trông thấy con cá như thế, Ngài suy nghĩ rằng: *“Việc này ngoài Bạc Đạo Sư ra hẳn không ai hiểu được tiền nghiệp con cá vàng này đâu. Vậy ta hãy mang đến Jetavana bạch hỏi Đức Thế Tôn vấn đề này”*.

Ngài truyền lệnh mang con cá vàng đến Tịnh xá Jetavana, khi con cá mở miệng ra ngáp, một mùi thối nồng nặc bay khắp kinh thành Sāvattthī. Đức vua bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Do nhân chi mà con cá này có màu da vàng óng ánh. Và do nhân chi mà miệng nó thối nồng nặc như thế.

- Này Đại vương! Con cá này chính là vị Tỳ khuru Kapila, y là bậc đa văn, có nhiều tùy tùng trong thời Giáo Pháp của Đức Thế Tôn Kassapa, do bị tham đắm lợi lộc chửi mắng chư Tỳ khuru có giới hạnh, vì những vị này đã khuyên nhủ y. Y lại làm tổn giảm Giáo Pháp của Đấng kassapa. Do nghiệp ác ấy, y phải rơi vào địa ngục A Tỳ trọn cả một đời vị Chánh Đẳng Giác, khi thoát khỏi địa ngục, quả nghiệp còn dư sót, Tỳ khuru Kapila họ sanh làm con cá vàng ở sông Aviravatī. Thử trước do nhờ y thuyết giảng Phật ngôn, tán dương ân đức Phật và thân hạnh của y trong sạch một thời gian, nên có được màu da vàng ròng. Do mắng chửi chư Tỳ khuru và làm tổn giảm Giáo Pháp của Đức Thế Tôn nên miệng có mùi thối. Này Đại Vương, Như Lai sẽ khiến con cá này nói lên sự kiện ấy.

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy làm con cá nói lên đi.

Đức Thế Tôn phán hỏi con cá vàng rằng:

- Này cá Aciravatī! Ngươi thử trước tên là chi?

- Bạch Thế Tôn! Con là Tỳ khuru Kapila.

- Người từ đâu đến?
- Con từ địa ngục A Tỳ thọ sanh lên đây.
- Này Kapila! Anh trai của người đâu rồi?
- Bạch Thế Tôn! Anh con là Trưởng lão Sodhana đã Níp Bàn rồi.
- Còn nàng Sodhanā, mẹ người hiện ở đâu?
- Đã rơi vào địa ngục A Tỳ rồi, bạch thế Tôn.
- Còn nàng Tāpanā, em gái của người thì sao rồi?
- Bạch Thế Tôn, cũng đang rơi vào địa ngục A Tỳ.
- Này Kapila, giờ đây người sẽ phải đi về đâu?
- Bạch Thế Tôn! Con sẽ rơi vào địa ngục lại thôi.

Cá Kapila bị nhiệt não khi nhớ lại nghiệp ác thưở trước, nó đập đầu vào thuyền và mệnh chung, ngay khi ấy nó lại tái sanh vào địa ngục A Tỳ một lần nữa. Đại chúng kinh cảm trước sự việc ấy, lông tóc dựng ngược.

Đức Thế Tôn khi ấy dùng Phật trí quán xét hội chúng, Ngài thuyết lên Pháp thoại thích ứng với căn cơ hội chúng, Ngài thuyết bài kinh Kapila trong Suttanipāta rằng:

- Bậc trí đã nói lên sự thực hành Pháp và sự thực hành Phạm hạnh, đó là: Viên ngọc quý nhất.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

334. “Manujassa pamattacārino
Taṇhā vaḍḍhati māluvā viya
So plavati hurāhuram
Phalam iccham’va vanasmim vānaro”.

“Người sống đời phóng dật
Ái tăng như dây leo
Nhảy đời này đời khác
Như vượn tham trái rừng”.

335. “Yam esā sahatī jammī
Taṇhā loke visattikā
Sokā tassa pavaḍḍhati
Abhivaṭṭham’va bīranam”.

“Ai sống trong đời này
Bị ái dục ràng buộc
Sầu khổ sẽ tăng trưởng
Như cỏ Bi gặp mưa”.

336. “Yo c’etam sahatī jammim
Taṇhā loke duraccayam
Sokā tamhā papatanti
Udabindu’va pokkharā vo”.

“Ai sống trong đời này
Ái dục được hành phục
Sầu rời khỏi người ấy
Như giọt nước lá sen”.

337. “Tam vo vadāmi bhaddam vo
Tāvant’ettha samāgatā
Taṇhāya mūlam khanatha
Usīrattho’va bīraṇam
Māvo nalam va soto’va
Māro bhañji punappunam”.

“Đây điều lành ta dạy
Các người tụ họp đây
Hãy nhổ tận gốc ái
Như nhổ gốc cỏ Bi
Chớ để ma phá hoại
Như giòng nước cỏ lau”.

Chú thích:

Pamattacārino: nghĩa là: Thiên không phát triển Minh sát. Đạo quả cũng không phát triển với người sống dễ dãi như thất niệm.

Có lời giải rằng: Giống như dây leo quấn vào thân cây thường phát triển làm cho thân cây ấy bị tổn hại như thế nào, thì ái dục cũng như thế đó. Gọi là đã phát triển cho người ấy qua sáu căn, luôn luôn sanh khởi.

So pariḷavati hurāhuram: nghĩa là: Người ấy tiến theo đường lối của ái dục, thường lang thang kiếp này sang kiếp khác.

HỎI RẰNG: Họ thường lang thang giống như gì?

ĐÁP RẰNG: Giống như con khỉ mong muốn trái cây rừng, nhảy nhót trên những cành cây.



CHÚ GIẢI:

Khi con khỉ mong muốn trái cây, nó sẽ nhảy nhót trong rừng, nó nắm lấy cành này, buông bỏ cành kia, bắt lấy cành nọ. Nó không phải là loài thú được người ta bảo rằng: “Vì không bắt được cành cây nên nó ngồi yên”, nó cứ lao chao mãi. Cũng vậy, người điễn tiến theo đường lối ái dục, thường lang thang từ kiếp này sang kiếp khác, không thể là người được nói rằng: “Họ không bắt được cành rồi mới ngồi yên, không tầm cầu dục”, Họ luôn đi tìm cảnh khả ái.

Câu: **Yaṃ...**: Nghĩa là ái điễn tiến trong sáu căn môn là hạ liệt, vì đó là điều bất thiện, kể là: Visattikā, vì ái dục phóng đi tức là bắt theo cảnh sắc... giống như vật thực độc, hoa độc, trái độc, vật dụng độc thường xâm nhập người nào, thì các sự sâu muộn như luân hồi làm gốc thường tăng trưởng nhiều trong tâm của người ấy, giống như loại cỏ bén nhọn khi trời mưa xuống thường xanh tươi trong rừng vậy.

Duraccayaṃ...: nghĩa là: Người nào khắc phục được ái dục như đã nói rằng: Khó vượt qua, vì đó là điều khó dứt bỏ được. Thì người ấy làm cho các sâu muộn như luân hồi làm gốc không thể thấm vào người ấy, giống như giọt nước không thể thấm trên lá sen.

Taṃ vo vadāmi: tức là do đó Như Lai mới dạy các người.

Hai câu: **Bhadaṃ vo:** nghĩa là: may mắn cho các người. Có lời giải rằng: Các người chớ làm tổn hại như Tỳ khưu Kapila này.

Mūlaṃ...: nghĩa là: các người hãy đào xới tận gốc rễ ái dục điễn tiến trong sáu căn này bằng trí tương ưng đạo A La Hán.

HỎI: Đào xới tận gốc rễ giống như cái gì?

ĐÁP: Giống như người ta đào lấy rễ của loại cỏ bén nhọn bằng cuốc như thế nào các người hãy đào xới tận gốc rễ ái dục bằng trí tuệ như vậy.

Mā vo nalaṃva sotova māro bhañji punappunam: Nghĩa là: Phiền não ma, Tử thần ma, và Chư Thiên ma chớ để cho nó xâm nhập, chiếm ngự các người mãi mãi như dòng nước chảy mạnh cuốn trôi cả lát mọc ở bờ sông vậy.

Dứt pháp thoại, cả 500 thanh niên làng chài lưới động tâm, muốn dứt khỏi khổ. Cả 500 thanh niên xin xuất gia sống đời Phạm hạnh trong Giáo Pháp của Đức Thế Tôn. Chẳng bao lâu, các vị ấy đã đoạn tận khổ ưu, cùng an trú trong một Pháp là Aneñājavihāradhamma và Samāpattidhamma với Bạc Đạo Sư.

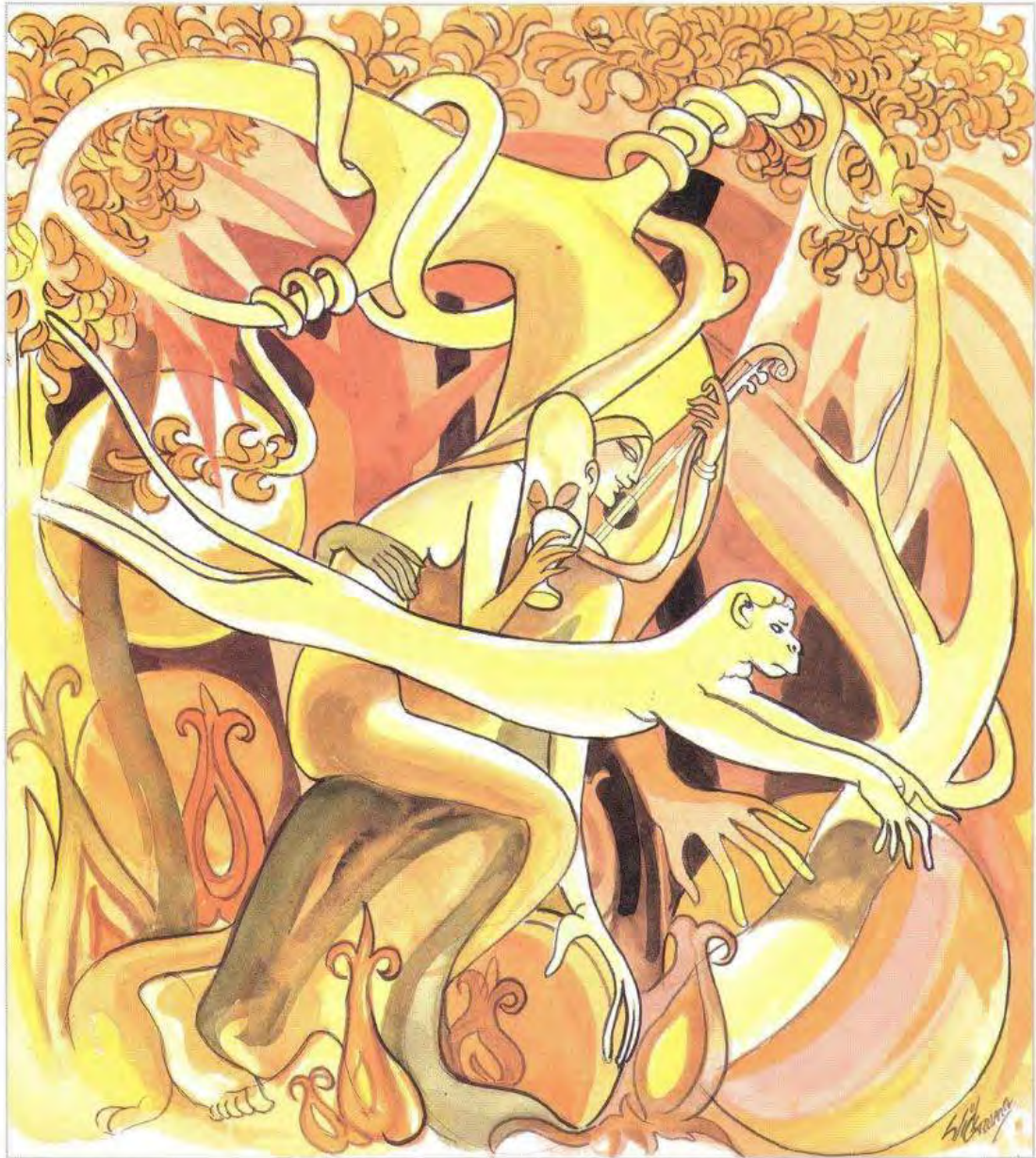


Dịch Giả Cẩn Đề

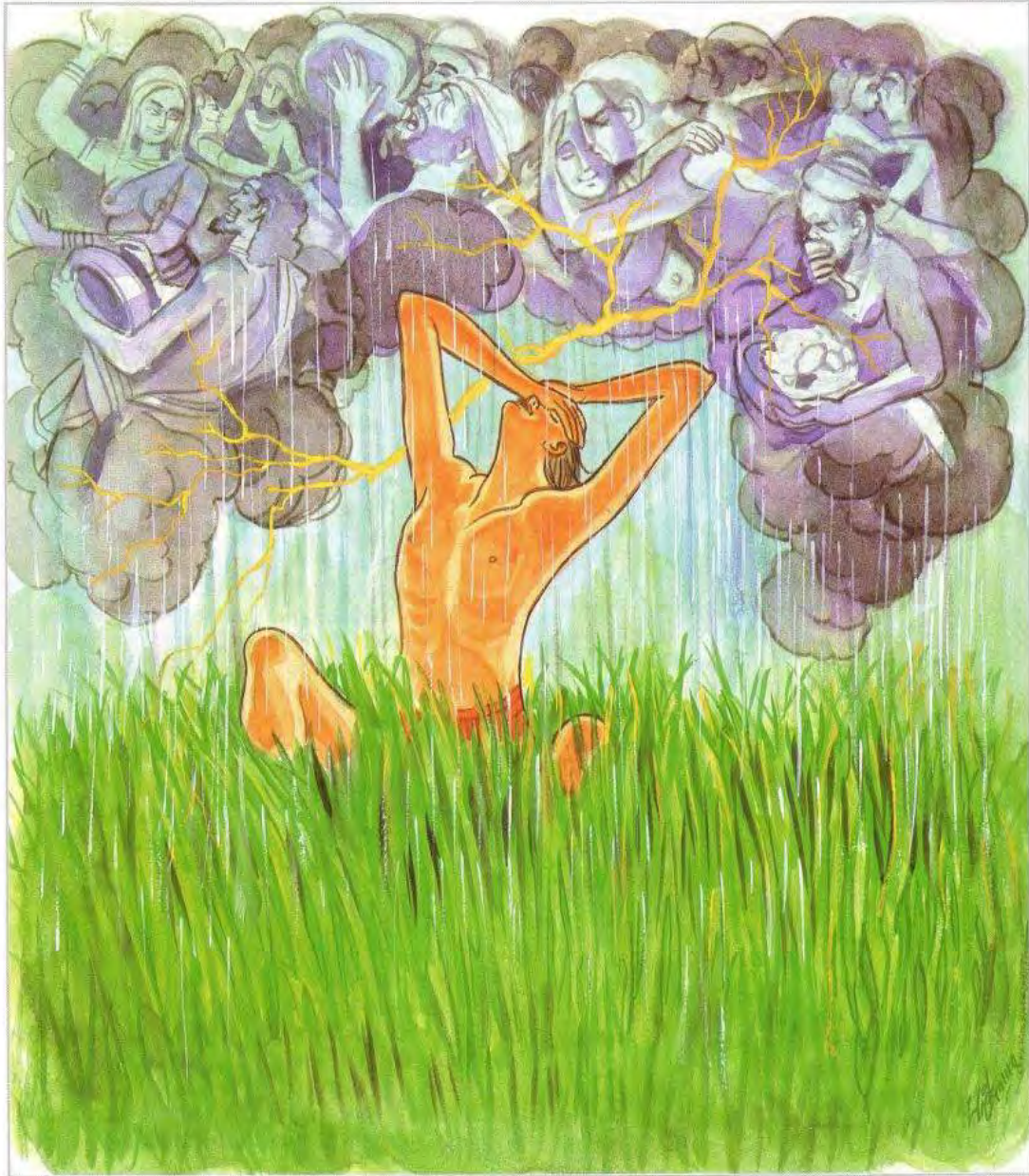
*Con cá vàng kim, miệng thúi tha,
Phật cho nói được tiếng người ta!
Khai rằng: “Tôi đến từ địa ngục,
Tên thật tôi là Kapila”.
Kiếp trước, Cá là một Pháp Sư,
Nói năng hoạt bát giỏi Kinh thư,
Ý tài, thị chúng, khinh thường luật,
Sốt nghiệp A Tỳ, đọa lý ngư,
Phật dạy: Tỳ khuru chớ dễ xuôi,
Theo dòng ái dục thả trôi xuôi,
Ngược dòng tuy khổ, nhưng vô hại,
Giờ phút lâm chung khỏi ngậm ngùi.*

DỨT TÍCH CON CÁ KAPILA

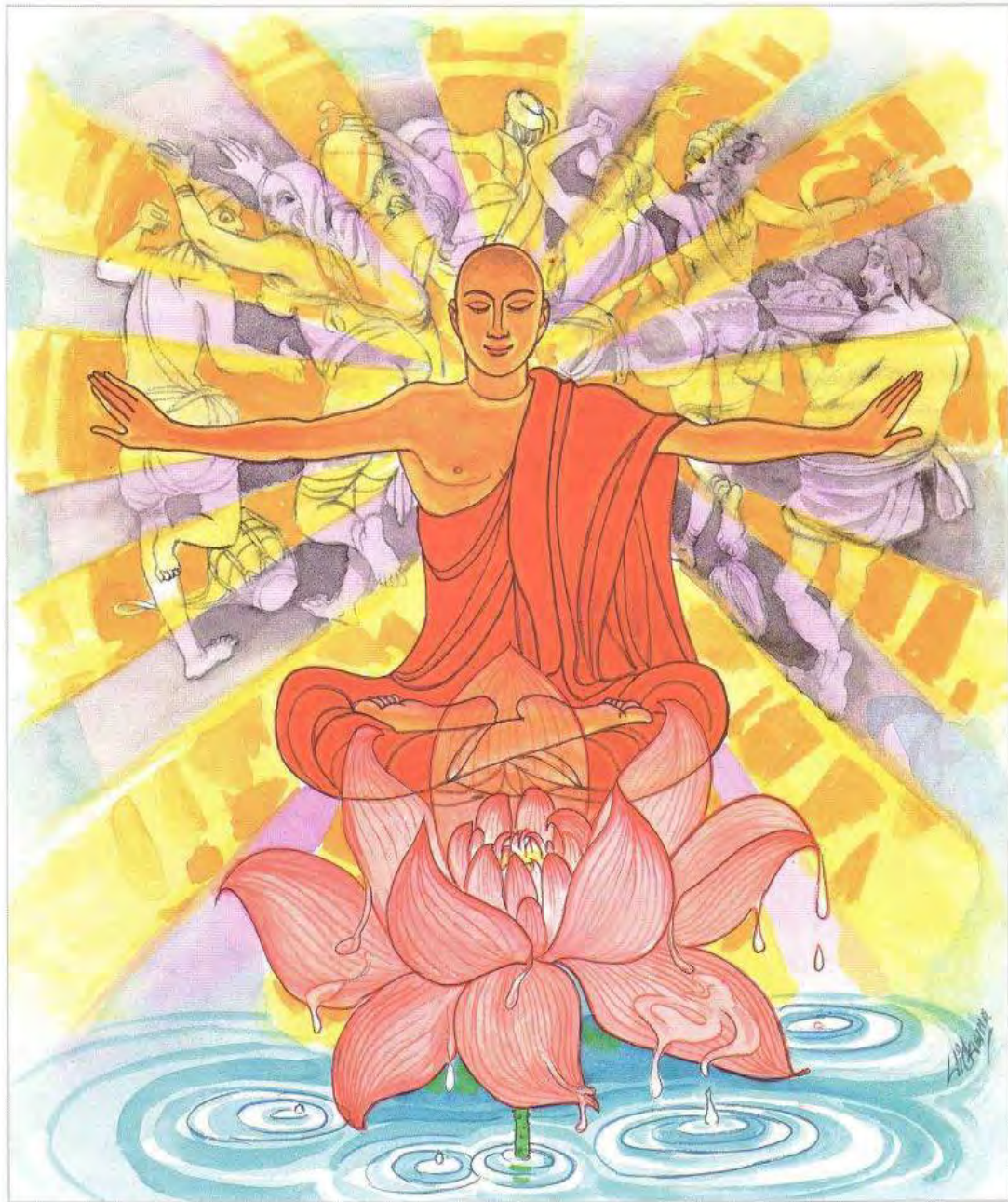




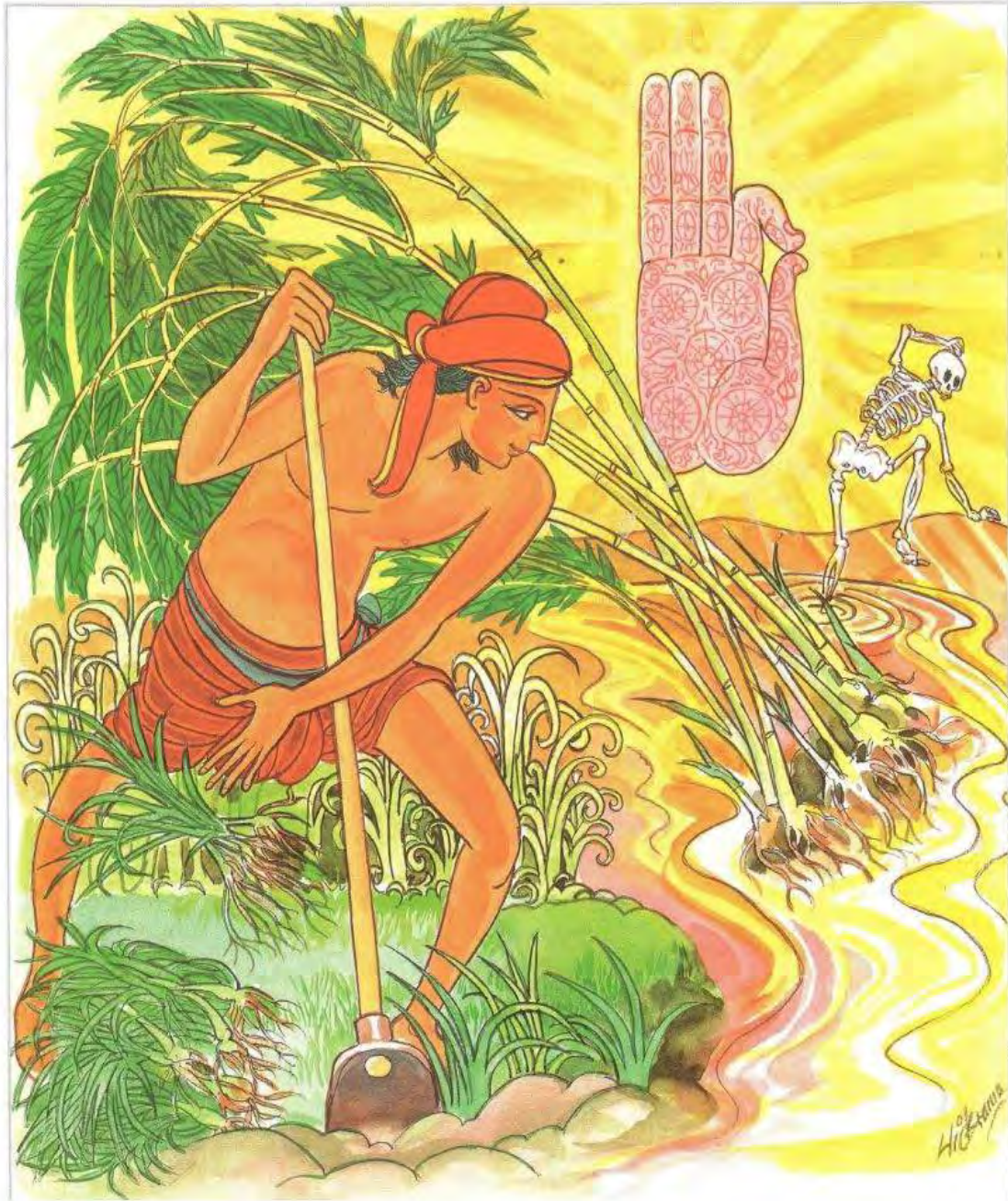
**334. Kẻ buông lung phóng dật. Tham ái tợ dây leo.
Đời đời vọt nhảy theo. Như khỉ chuyên hái trái.**



**335. Ai sinh sống trên đời. Bị ái dục lôi cuốn.
Khổ đau mãi tăng trưởng. Như cỏ Bi gặp mưa.**



**336. Ai sinh sống trên đời. Hàng phục được tham ái.
Khổ đau sẽ vượt khỏi. Như nước trượt lá sen.**



337. Các người hợp nhau đây. Ta có lời dạy này: Hãy bói gốc tham ái, như đào rễ cỏ Bi, đừng để Ma vương hại, như lau bị lụt đây.

XXIV.2- CHUYỆN CON HEO NÁI

(Sūkarapotikā)



KÊ NGÔN: (Pháp Cú câu 338-343)

338. “Yathā’pi mūle anupaddave dalhe
Chinno’pi rukkho punareva rūhati
Evaṃ pi taṇhānusaye anūhate
Nibbattatī dukkhaṃ idaṃ punappunaṃ”.

“Như cây bị chặt đốn
Rễ chưa hại vẫn bền
Sẽ được mọc lên lại
Ái tùy miền chưa khổ
Khổ này vẫn sanh hoài”.

339. “Yassa chattimsati sotā
Manāpassavanā bhusā
Vāhā vahanti duddiṭṭhiṃ
Saṅkappā rāganissitā”.

“Ba mươi sáu dòng ái
Còn đầy mạnh người này
Đến cảnh giới ái lạc
Các tư tưởng ái dục
Như dòng nước cuốn trôi
Người có ác tà kiến”.

340. “Savanti sabbadhī sotā
Latā ubbhijja tiṭṭhati
Taṅ ca disvā lataṃ jātaṃ
Mūlaṃ paññāya chindatha”.

“Dòng ái dục chảy khắp
Như dây leo mọc tràn
Thấy dây leo vừa sanh
Với tuệ hãy đoạn gốc”.

341. “Saritāni sinehitāni ca
Somanassāni bhavanti jantuno
Te sātasiṭā sukhesino
Te ve jātijarūpagā narā”.

“Người đời nhớ ái dục
Ưa thích các hỷ lạc
Tuy mong cầu hạnh phúc
Chúng vẫn phải sanh già”.

342. “Tasiṇāya purakkhatā pajā
Parisappanti saso’va bādhito
Saṅñojanasaṅgasatā
Dukkhaṃ upenti punappunaṃ cirāya”.

“Người bị ái buộc ràng
Vùng vẫy và lẩn lóc
Như thỏ bị sa lưới
Bị kết sử trói buộc
Chúng sanh chịu khổ đau
Tiếp tục và lâu dài”.

343. “Tasiṇāya purakkhatā pajā
Parisappanti saso’va bādhito
Tasmā tasiṇaṃ vinodaye
Bhikkhu ākaṇhī virāgam attano”.

“Người bị ái buộc ràng
Vùng vẫy và lẩn lóc
Như thỏ bị sa lưới
Do vậy, vị Tỳ kheo
Nên nhiếp phục ái dục
Tự ly tham vô cầu”.

Đề cập đến con heo nái tơ.

Tương truyền rằng: Một hôm, Đức Thế Tôn đi vào thành Rājagaha để trị bình, Ngài nhìn thấy con heo nái tơ, Ngài mỉm cười rồi bước sang vệ đường. Trưởng lão Ānanda trông thấy Đức Thế Tôn mỉm cười liền bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Do nhân chi duyên chi Ngài lại mỉm cười?

- Này Ānanda! Người có trông thấy con heo nái tơ ấy chằng?

- Thưa vâng, Bạch Thế Tôn.

- Này Ānanda! Con heo nái tơ ấy thưở quá khứ là con gà mái, ở gần ngôi trai đường, nhằm thời Đức Phật Kakusandha, Giáo Pháp của Ngài hiển chiếu trong thế gian. Con gà mái ấy được nghe vị Tỳ khuru trì tụng về Thiên Quán, nó nghe kinh với ấn tượng đây là Pháp Bảo. Nhờ hạnh nghiệp ấy, sau khi mệnh chung, con gà mái được sanh làm công chúa tên là Ubbārī. Một hôm, nàng công chúa Ubbārī đi vào nhà cầu, nhìn thấy những con dòi trong hầm cầu, nàng quán tưởng về thể trượt, chúng đặc được Sơ thiền. Sau khi hết tuổi thọ, nàng tái sanh về Phạm Thiên Giới, từ Phạm Thiên Giới nàng tái sanh về nhân giới, và do tư vị nên nàng phải sanh làm con heo nái tơ. Do vậy ta mới mỉm cười.

Trưởng lão Ānanda cùng hội chúng Tỳ khuru của Ngài, nghe câu chuyện như thế, tâm kinh cảm vô cùng, chán nản thế gian bản chậy này.

Bậc Đạo Sư khiến chư Tỳ khuru phát sanh sự động tâm rồi, từ nơi vệ đường ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn:

338. “Yathā’pi mūle anupaddave dalhe
Chinno’pi rukkho punareva rūhati
Evam pi taṅhānusaye anūhate
Nibbattatī dukkhaṃ idaṃ punappunam”.

*“Như cây bị chặt đốn
Rễ chưa hại vẫn bền
Sẽ được mọc lên lại
Ái tùy miên chưa nhỏ
Khổ này vẫn sanh hoài”.*

339. “Yassa chattimsati sotā
Manāpassavanā bhusā
Vāhā vahanti duddiṭṭhiṃ
Saṅkappā rāganissitā”.

*“Ba mươi sáu dòng ái
Còn đẩy mạnh người này
Đến cảnh giới ái lạc
Các tư tưởng ái dục
Như dòng nước cuốn trôi
Người có ác tà kiến”.*

340. “Savanti sabbadhī sotā
Latā ubbhijja tiṭṭhati
Taṅ ca disvā latam jātam
Mūlam paññāya chindatha”.

*“Dòng ái dục chảy khắp
Như dây leo mọc tràn
Thấy dây leo vừa sanh
Với tuệ hãy đoạn gốc”.*

341. “Saritāni sinehitāni ca
Somanassāni bhavanti jantuno
Te sātasiṭā sukhesino
Te ve jātijarūpagā narā”.

*“Người đời nhớ ái dục
Ưa thích các hỷ lạc
Tuy mong cầu hạnh phúc
Chúng vẫn phải sanh già”.*

342. “Tasiṅāya purakkhatā pajā
Parisappanti saso’va bādhitō
Saṅñojanasaṅgasatā
Dukkhaṃ upenti punappunam cirāya”.

*“Người bị ái buộc ràng
Vùng vầy và lẩn lóc
Như thỏ bị sa lưới
Bị kiết sử trói buộc
Chúng sanh chịu khổ đau
Tiếp tục và lâu dài”.*

343. “Tasiṅāya purakkhatā pajā
“Người bị ái buộc ràng

Parisappanti saso'va bādhito
Tasmā tasiṇaṃ vinodaye
Bhikkhu ākaṇhī virāgam attano”.

Vùng vẫy và lẩn lóc
Như thỏ bị sa lưới
Do vậy, vị Tỳ kheo
Nên nhiếp phục ái dục
Tự ly tham vô cầu”.



CHÚ GIẢI:

Câu: **Mūle...punappunam**: nghĩa là: Khi cả năm rễ cây, bốn rễ đâm ra bốn hướng, một rễ chính cắm sâu vào đất thì rễ ấy sẽ vững chắc, không có sự nguy hại nào như chặt, đốn... ảnh hưởng được. Và khi đó nó vững chắc như thế, dù người ta có chặt đốn, róc bên trên chẳng nữa, nó vẫn có khả năng tái phát triển lại thành những cành nhỏ, cành lớn. Cũng vậy, khi khổ sanh, khổ già... đang còn tiềm ẩn bên trong, tức là sự ngủ ngầm của ái dục còn đang diễn tiến trong tâm theo sáu căn môn, ái dục ấy chưa bị trí đạo diệt đi, ái ấy vẫn còn tái diễn trở đi trở lại từ kiếp này sang kiếp khác.

Yassa... rāganissitā: nghĩa là: Ái gồm có ba mươi sáu dòng do tính theo đặc tính của nó, tức là y cứ theo 18 nội xứ và 18 ngoại xứ, nó trôi chảy, nghĩa là thường diễn tiến trong các cảnh khả ái như cảnh sắc, cảnh thanh... nó có bản chất rất mạnh, nghĩa là ái có một sức mạnh khi phát sanh lên cho người nào rồi, nó có sự tầm cầu là pháp đại chúng, vì rằng: Nó hằng làm trưởng, luôn luôn phát sanh không cần nương vào thiền định hay thiền quán. Sự tầm cầu ái dục ấy thường lôi cuốn người có ác tà kiến ấy, vì có tri kiến sai lầm.

Savanti sabbadhī sotā: nghĩa là dòng ái dục thường trôi chảy các cảnh như nó trôi chảy theo cảnh sắc phối hợp với nhãn môn... Hoặc do các ái như thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái và pháp ái tuôn chảy khắp các cảnh.

Latā: nghĩa là ái được gọi là latā. Latā theo nghĩa đen là dây leo, ở đây có nghĩa là vật liên kết, hay vật trói buộc.

Hai câu: **Ubbhijja tiṭṭhati**: nghĩa là ái ví như dây leo sanh lên theo sáu căn, thường có mặt trong các cảnh như cảnh sắc...

Tañ ca disvā: nghĩa là Ngài thấy ái như dây leo, do năng lực của nó phát sanh lên, rằng: Ái dục này phát sanh theo Piyarūpa hay theo Sātarūpa.

Paññāya: nghĩa là các người hãy đào tận gốc rễ bằng trí đạo như người chặt dây leo mọc trong rừng bằng dao bén.

Saritāni: nghĩa là phóng đi, tức là lan rộng.

Sinehitāni: nghĩa là dính nhựa ái dục do quyền lực của ái dục như nhựa bám dính trong các vật dụng như y phục... Lời giải rằng: Bị nhựa tức là bị ái dục bao bọc.

Somanassāni: nghĩa là hỷ lạc loại như vậy thường phát sanh cho người sống trong quyền lực của ái dục.

Hai câu: **Tesātasitā**: nghĩa là những người ấy, tức là người sống trong quyền lực của ái dục, là người đang sống với lạc, đang hưởng lạc, đang tầm cầu đến lạc.

Te ve... narā: nghĩa là: Người nào như thế, hằng đi đến sanh, già, bệnh, chết. Do đó, mới gọi là đi đến sanh diệt.

Pajā: nghĩa là chúng sanh bị ái dục quá mạnh.

Tasiṇa: (sự lường cuống) do tạo sự kinh sợ đầy đây, tức là kinh sợ đang bao phủ người ấy.

Bādhito: nghĩa (chúng sanh) thường kinh hoàng, rồi rằm đây sợ hãi như con thỏ bị thợ săn bẫy được bằng lưới giăng trong khu rừng.

Saññojanasaṅgasattā: nghĩa là tất cả chúng sanh thường đi đến sự khổ sanh... triền miên lâu dài.

Tasmā...: do tất cả chúng sanh bị ái dục tạo ra sự kinh sợ và bị ràng buộc như thế. Vì vậy, Vị Tỳ khuru mong cầu Pháp để sát trừ, nghĩa là đạt đến Níp Bàn, đó là Pháp sát tuyệt phiền não như ái... Hãy xa lìa, hãy ném bỏ, hãy liệng quăng ái dục bằng chính A La Hán đạo.

Dứt kệ ngôn, nhiều chúng sanh an trú vào Thánh Quả như Dự Lưu...

Riêng con heo nái tơ ấy, sau khi dứt kiếp sống ấy, thọ sanh vào dòng Hoàng tộc thuộc lãnh thổ Suvanna. Dứt kiếp ấy, thọ sanh vào kinh thành Bārāṇasī, rồi lại lăn trôi vào gia tộc của người buôn ngựa ở bến cảng Suppāraka. Mạng chung kiếp ấy, nàng tái sanh vào gia đình người lái đò ở bến Gāriva, kế đến nàng sanh vào gia tộc Trưởng giả trong thành Anurādhapurā. Mạng chung kiếp ấy lại tái sanh vào gia tộc Trưởng giả Sumana trong làng Bhekkantagāma ở hướng nam Kinh đô Sumana theo tên gọi của Tộc Trưởng.

Khi ấy, dân chúng lìa bỏ xứ ấy ra đi, cha của nàng cũng ra đi đem gia đình đến trú tại xứ Dīghavāpī, sống trong làng Mahāmunīgāma. Thế rồi, vị Đại thần của Đức Vua Duṭṭhagāmaṇī tên là Lakuṇṭaka Atima nhân một vài công vụ đã đi đến làng ấy, quan Đại thần trông thấy nàng Tiểu thư phát sanh lòng ái luyến, xin cưới nàng làm vợ, lễ cưới được diễn ra rất long trọng. Sau lễ thành hôn, quan Đại thần Lakuṇṭaka Atima rước nàng về làng Mahāpuṇṇagāma sinh sống. Bấy giờ, Trưởng lão Mahā Atula cư ngụ tại Tịnh xá Koṭṭipabbata, một hôm Ngài đi vào làng Mahāpuṇṇagāma để trì bình khát thực, đứng tại cổng nhà của nàng ấy, chợt trông thấy nàng, Trưởng lão nói với các Tỳ khuru rằng:

- Này chư Hiền giả! Thật kỳ diệu thay, con heo nái đã sanh lên đây rồi, và đang là phu nhân của Đại thần Lakuṇṭaka.

Nghe nói như vậy, nàng chợt động tâm, cố đưa tâm quán xét và nhớ lại kiếp quá khứ của mình. Tâm nàng kinh đảm, xin chồng cho mình được xuất gia. Đại thần Lakuṇṭaka Atima đồng ý cho nàng xuất gia trong Ni chúng. Sau khi xuất gia, nàng tinh cần hành Pháp, phát triển ngũ quyền lớn mạnh, làm cho ngũ lực được sung mãn. Một hôm, nàng nghe giảng kinh Mahāsatipatṭhāna (Đại Niệm Xứ), nhân đó nàng triển khai tuệ quán, chứng đắc Dự Lưu Quả.

Thời gian sau, khi Đức vua đánh chiếm lại thổ xứ Damila, vị Trưởng lão ni ấy du hành đến làng Bhekkantagāma là trú xứ của cha mẹ nàng. Chính tại nơi này, nàng

được nghe bài kinh Āsīvirūpa trong Tịnh xá Kallaka, vị Trưởng lão ni chứng đạt A La Hán Quả.

Khi nàng Níp Bàn, vào ngày ấy nàng bị Tỳ khuru ni cật vấn. Nàng đã thuật lại tiểu sử với đầy đủ chi tiết về tiền kiếp của nàng, rồi bạch với Trưởng lão Mahātissa đang ngồi giữa Tăng chúng rằng:

- Thưa quá khứ, tôi sanh làm người, sanh làm gà đã bị con điều hâu bắt cắn đứt đầu, rồi tái sanh vào thành Rājagaha xuất gia trong giáo phái ngoại đạo. Lại sanh lên cõi Sơ thiên, tái sanh vào gia tộc Trưởng giả, rồi sanh làm heo nái tợ, từ đó lại lăn trôi các sanh thú như: Làm người trong xứ Suvanna, nơi thành Bārāṇasī, ở bên Suppāraka, ở bên đò Gārika, tái sanh vào thành Anurādhapurā, tái sanh vào làng Bhekkantagāma. Tôi đã trải qua 13 lần sanh thú như thế với xác thân cao thấp... Như vậy, giờ đây tôi có được xác thân cao quý, xin các Ngài đầy đủ thiện pháp, hãy sống với sự không dễ duôi.

Trưởng lão ni sau khi làm đại chúng động tâm kinh cảm rồi bà liền Vô Dư Níp Bàn.

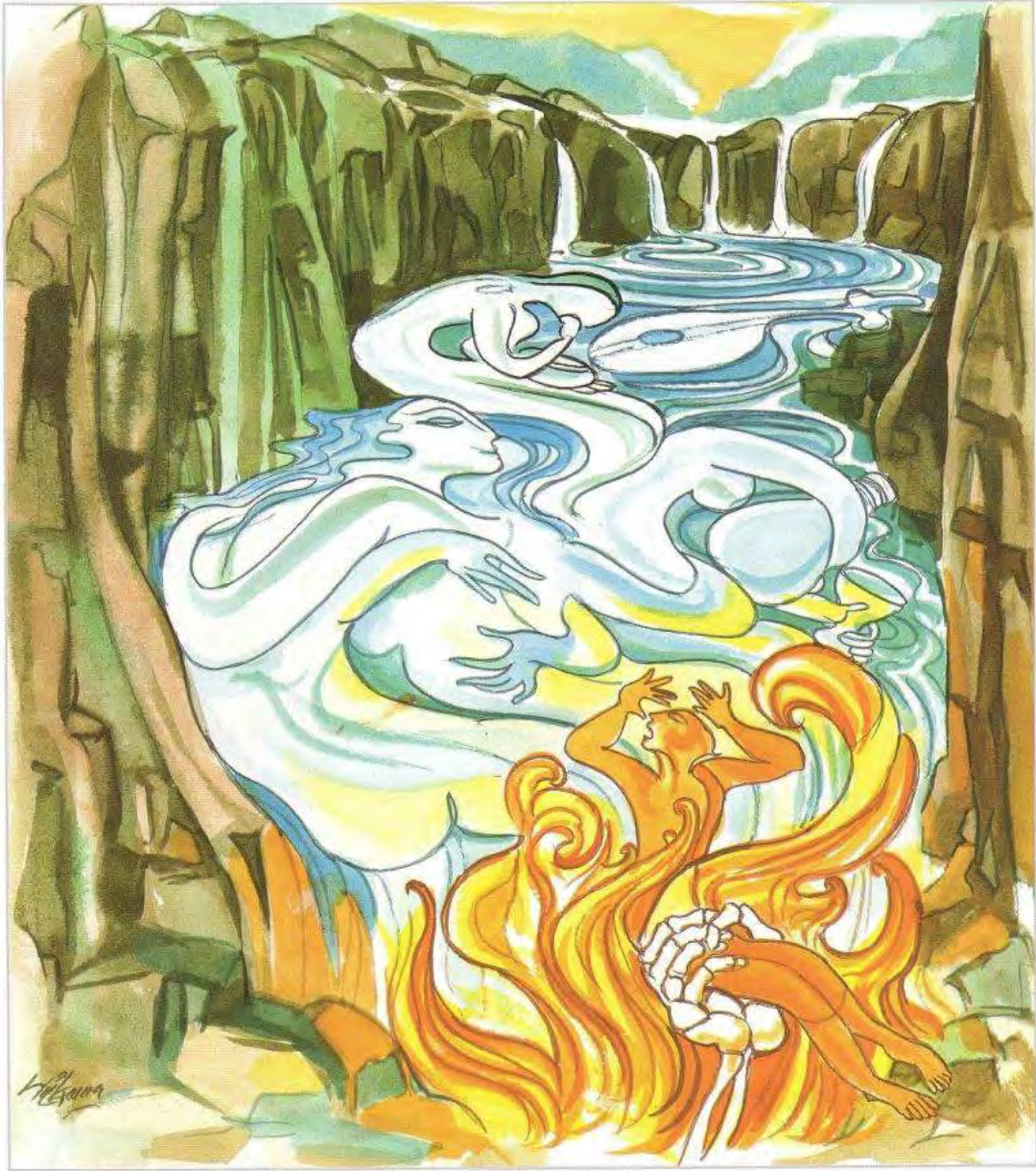


Dịch Giả Cẩn Đề

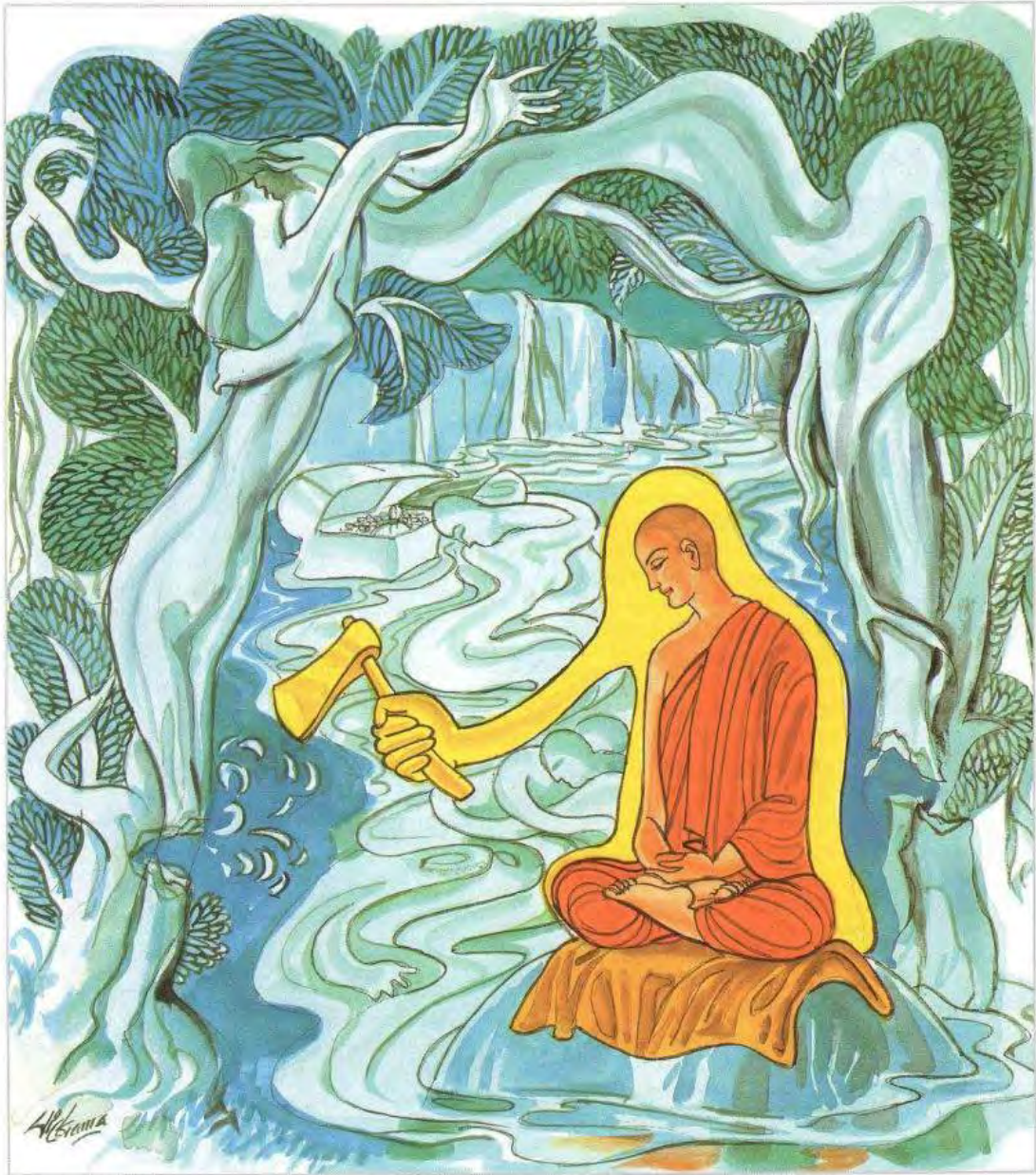
*Chuyện con heo nái thật ly kỳ,
Đáng lấy làm đề mục quán suy,
Người, thú tái sanh vô trật tự,
Do nhân ái dục với mê si,
Kiếp chót sanh làm vợ Đại thần,
Xuất gia, đắc quả, dứt căn trần,
Lâm chung nhắc lại bao tiền kiếp,
Cảnh cáo môn đồ, nhất nữ nhân.*

DỨT TÍCH CON HEO NÁI TỢ





**339. Ba mươi sáu dòng ái. Tuôn chảy theo đục trần.
Ý tham đục cuồn cuộn. Cuốn phăng kẻ mê đần.**



**340. Dòng ái dục chảy khắp. Như giây leo mọc tràn.
Thấy giây leo vừa sanh. Với tuệ, hãy đoạn gốc.**



**341. Kẻ đam mê ái dục. Say đắm theo lục trần.
Tuy mong cầu an lạc. Sinh tử vẫn hoại thân.**



**343. Người bị ái buộc ràng. Như thỏ bị trói ngang.
Tỳ kheo cầu Niết bàn. Phải dứt trừ tham dục.**

XXIV.3- CHUYỆN VỊ TỖ KHUỒ HOÀN TỤC

(*Vibhantaka*)



KÊ NGÔN: (Pháp Cú câu 344)

**“Yonibbanatho vanādhimutto
Vanamutto vanam eva dhāvati
Tama puggalam etha passatha
Mutto bandhanam eva dhāvati”.**

**“Người lìa dục xuất gia
Sống khổ hạnh rừng núi
Thoát rừng chạy theo rừng
Nên xem người như vậy
Được thoát khỏi buộc ràng
Lại chạy theo buộc ràng”.**

Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài an trú tại Jetavana, gần thành Sāvattihī. Đề cập đến vị Tỳ khuru hoàn tục.

Tương truyền rằng: Có vị Tỳ khuru là đệ tử của Ngài Kassapa, vị ấy chứng được ngũ thiền. Một hôm, vị ấy thấy cảnh sắc đối ngại (tức là sắc khả ái) trong nhà của người thợ bạc là chú của mình, y liền thả tâm ái nhiễm trong cảnh sắc ấy, nên hoàn gia trở về đời sống thế tục.

Thời gian sau, do sự lười biếng, thân tộc đã xua đuổi y ra khỏi nhà, không cho y theo nghề thợ bạc nữa. Thế là, y thân cận với những ác nhân, nuôi sống bằng nghề trộm cướp.

Một lần nọ, y bị quan quân bắt được, chúng trói quặt hai tay y ra phía sau, mang đến Pháp trường để chém đầu. Trên đường đi, tải mỗi ngã tư đường, bị quan quân đánh đập bằng roi và bị rao truyền cho mọi người biết y là tên tội phạm.

Y bị trói để giữa Pháp trường để chờ giờ hành quyết, khi ấy Đại đức Kassapa đi vào thành khát thực, đến đây trông thấy tình trạng bi thảm của y như thế, Ngài xin quan canh giữ nói lỏng dây trói cho y được thông thả đôi chút, rồi Ngài dạy rằng:

- Người hãy quán tưởng đến nghiệp xú đã hành trì khi trước đi.

Vâng theo lời dạy của Đại đức, y an trú chánh niệm với án xú đã từng tu tập, chỉ trong giây phút sau y chứng đắc ngũ thiền trở lại. Kế đến đã đến giờ hành quyết, quan quân mang y đến trước cây cọc, đặt đầu y trên thớt với ý niệm là “Sẽ giết chết tên cướp”. Tuy nhiên, y chẳng chút chi sợ sệt hay là có sự hoảng hốt. Tuy mọi người đứng chung quanh y, với vũ khí tuốt ra khỏi vỏ như gươm giáo... Mọi người thấy y vẫn điềm nhiên không đổi sắc, nên kinh ngạc, bàn luận cùng nhau rằng:

- Các bạn hãy nhìn xem, tên này không có chút chi là run sợ trước cái chết đang cề cận với y. Giữa những vũ khí trong tay, y vẫn an nhiên trầm tĩnh. Thật là kỳ diệu thay.

Tiếng thán phục y lan rộng ra, những người hành quyết thấy vậy, tạm đình chỉ án lệnh, trình lên Đức Vua sự kiện hy hữu này. Nghe sự việc lạ lùng, Đức Vua truyền lệnh rằng:

- Các khanh hãy thả tên tù tội ấy ra đi.

Và Đức Vua Bimbisāra đi đến Tịnh xá Veluvana bạch trình lên Đức Thế Tôn sự kiện ấy. Từ nơi Hương thất ở Veluvana, Đức Đạo Sư phóng hào quang đến trước mặt tên tử tội ấy, thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Yonibbanatho vanādhimutto
Vanamutto vanam eva dhāvati
Tam puggalaṃ etha passatha
Mutto bandhanam eva dhāvati”.

*“Người lìa dục xuất gia
Sống khổ hạnh rừng núi
Thoát rừng chạy theo rừng
Nên xem người như vậy
Được thoát khỏi buộc ràng
Lại chạy theo buộc ràng”.*



CHÚ GIẢI:

Ý nghĩa của kệ ngôn này là: Người nào có sự quynh luyện như đám cây trong rừng mà mình đã ra khỏi rồi, vì mình đã từ bỏ đám cây trong rừng tức là sự luyện ái đời sống cư sĩ. Đã xuất ra rồi nhưng chạy trở lại rừng tức là theo lại sự ái luyện, là kẻ trói buộc, là vật trói buộc, quay về đời sống thế gian. Như vậy, ái là đời sống thế gian, là vật ràng buộc, các người hãy nhìn những người ấy như vậy, người đã thoát ly khỏi vật ràng buộc là gia đình rồi, lại còn chạy vào vòng trói buộc là gia đình trở lại nữa.

Trên cọc nhọn, giữa pháp trường chung quanh là quan quân, y liền quán pháp bắt đầu từ sự sanh rồi diệt, sau đó chuyển tâm qua quán Tam Tướng, chứng đắc Đạo Quả Dự Lưu, y thọ hưởng quả vị Giải thoát, một trạng thái phi lạc do định sanh, y bay lên hư không rồi bước xuống đánh lễ Đức Thế Tôn, xin được xuất gia lại. Đức Thế Tôn nhận lời, và sau đó Ngài thuyết lên kinh Pháp tuần tự. Y nghe xong chứng đắc quả A La Hán giữa hội chúng có cả Đức vua nơi ấy.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Tỳ Khưu tu đắc Tứ thiên rồi,
Mê sắc vàng kim bỏ đạo trôi,
Hoàn tục, nhập theo phe trộm cướp,
Sẩy chân, bị bắt, đáng thương ôi!
Pháp trường tướng đã bị đầu rơi,
May gặp thầy xưa nhắc mấy lời,
Định trí niệm ngay đề mục cũ,
Được Vua ân xá dễ như chơi,
Phật dạy: Người lìa dục xuất gia,
Nếu ham sắc cảnh chạy về nhà
Gông cùm đã mở, rồi lại buộc,
Hành giả tu rừng, khá nghỉ xa!
Một lần chết hụt được tồn sinh,
Tâm đã buông rời cảnh sắc thình,
Quán khổ, vô thường, phi ngã tướng,
Đắc ngay La Hán, quả viên minh.*

DỨT TÍCH VỊ TỖ KHUU HOÀN TỤC





344. Cắt ái đi xuất gia. Khổ hạnh trong rừng già. Đã giải thoát dục vọng. Nhưng lại trở về nhà. Kia xem hạng người ấy. Mở rồi buộc lại ta.

XXIV.4- CHUYỆN KHÁM ĐƯỜNG

(*Bandhanāgāra*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 345-346)

345. “Na taṃ daṇṇaṃ bandhanam āhu dhīrā *“Sắt, cây, gai trời buộc*
Yadāyaṣaṃ dārujaṃ babbajañ ca *Người trí xem chưa bền*
Sārattarattā maṇikuṇḍalesu *Tham châu báu trang sức*
Puttesu dāresu ca yā apekkhā”.

346. “Etaṃ daṇṇaṃ bandhanam āhu dhīrā *“Người có trí nói rằng:*
Ohāriṇaṃ sithilaṃ duppamuñcaṃ *Trói buộc này thật bền*
Etaṃ pi chetvāna vajanti dhītā *Trì kéo xuống, lỏng lẻo*
Anappekkhino kāmesukhaṃ pahāya”.

Nhưng thật sự khó thoát
Người trí cắt trừ nó
Bỏ dục lạc, không màng”.

Kệ ngôn này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến khám đường.

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvattihī có một bọn cướp, chúng thường xuyên gây rối loạn trong chúng dân, đã cạy cửa, cướp dọc đường và đã sát hại rất nhiều người.

Một lần nọ, quan quân truy lùng và bắt được bọn chúng, đem trình lên Đức vua Kosala, Đức vua truyền giam chúng vào những gông cùm, trói hay xiềng chúng lại bằng những dây gai cùng xích xiềng vững chắc.

Đúng hôm ấy, có 30 vị Tỳ khưu sau khi đến đánh lễ Đức Thế Tôn rồi, các Ngài đi vào thành khát thực. Các vị ấy đi ngang qua khám đường, trông thấy bọn cướp đang bị gông cùm khổ sở như thế, sau khi khát thực xong, trở về yết kiến Bạc Đạo Sư và bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hôm nay chúng con đi khát thực thấy bọn cướp trong khám đường bị giam cầm bằng gông... thọ khổ vô cùng, chúng không thể bẻ xiềng trốn được. Bạch Thế Tôn có loại gông cùm nào chắc hơn gông xiềng đó không?

- Nay các Tỳ khưu, có loại gông cùm xiềng xích chắc chắn hơn, gông xiềng mà các người thấy đó chẳng đáng gọi là gông xiềng đâu. Gông xiềng phiền não là ái đối với các động sản, bất động sản như tiền bạc, lúa gạo, kho lẫm, vợ con... là gông xiềng chắc hơn cả. Loại gông xiềng này chắc chắn gấp trăm ngàn lần gông xiềng mà các người trông thấy. Nhưng bậc trí thườ quá khứ, dù rằng là loại gông xiềng chắc chắn như vậy vẫn khước từ bỏ đi được, vào Tuyết lãnh Sơn sống đời ân sĩ.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự rằng:

Thườ quá khứ, khi Đức Vua Brahmadata trị vì Kinh đô Bārāṇasā, Bồ Tát hạ sanh vào một gia đình nông phu nghèo khổ, khi Ngài đến tuổi trưởng thành thì thân phụ qua đời. Bồ Tát đi làm công nuôi dưỡng mẫu thân.

Thấy con mình quá cực nhọc vì phải chăm lo bên trong lẫn bên ngoài, mẹ Bồ Tát khuyên Ngài cưới vợ. Tuy không hài lòng lắm, nhưng để cho mẹ vui lòng Bồ Tát đành ưng thuận, mẹ Bồ Tát cưới một nàng thiếu nữ cho Bồ Tát, thời gian sau, mẹ Bồ Tát cũng qua đời, riêng vợ Bồ Tát đang mang thai, Ngài không biết vợ đang mang thai, nên nói rằng:

- Này em thân, em hãy đi làm công để nuôi mạng sống đi, còn anh sẽ xuất gia sống đời ần sĩ vậy.

- Này anh thân yêu, em nay mang thai chẳng phải vậy sao? Vậy anh hãy đợi khi em sanh nở xong, anh hãy xuất gia cũng chẳng muộn.

- Này em, thôi được.

Khi nàng sanh con xong được khỏe mạnh, Bồ Tát nói với vợ rằng:

- Này em, nay em đã sanh nở tốt đẹp rồi. Giờ đây anh sẽ đi xuất gia vậy.

- Này anh thân! Xin anh hãy đợi khi nào con mình dứt sữa mẹ, khi ấy anh hãy đi cũng chẳng muộn gì.

- Thôi được, này em.

Khi con nàng vừa dứt được sữa mẹ thì nàng lại mang thai lần nữa. Bồ Tát suy nghĩ: “*Nếu ta nói lên ý của mình, nàng này sẽ chẳng chấp nhận đâu. Thế thì ta sẽ không nói, ta sẽ trốn đi xuất gia*”. Bồ Tát yên lặng, vào lúc canh khuya vắng người, Ngài lén trốn ra đi. Trên đường đi, Ngài bị người giữ thành bắt lại, Ngài nói rằng:

- Thưa các Ngài! Tôi còn phải nuôi mẹ tôi nữa, xin các Ngài hãy thả tôi ra đi.

Ngài khơi dậy mối từ tâm của những người gác cổng khiến họ thả Ngài ra. Sau khi tìm một nơi nghỉ mệt, Ngài tiếp tục hướng về rừng thiêng Tuyết Lãnh, xuất gia làm ần sĩ. Chẳng bao lâu Ngài chứng đắc được Bát thiên và thần thông lực. Ngài cư ngụ nơi Tuyết Lãnh Sơn, với tâm hân hoan Ngài thốt lên cảm hứng ngữ rằng:

- *Vật trời buộc là vợ con, là phiền não chướng, người đời khó dứt bỏ được. Như vậy ta đã thoát được rồi.*



CHÚ GIẢI:

Câu: *Dhīrā...*: nghĩa là các Bậc trí như Đức Phật... gọi các loại gông xiềng làm bằng sắt, bằng gỗ, bằng gai hay những loại gông xiềng được bện lại từ cỏ lạt, dây đại... những loại này không bền chắc, vì rằng: Người ta có thể phá hủy hay cắt đứt bằng những vũ khí bén như gươm dao... được.

Sārattarattā: nghĩa là người có dục vọng mãnh liệt, tức là dục vọng do ái hướng đạo, do ái sai xử.

Maṇikuṇḍalesu: Ngọc Maṇi và các loại trang sức, hay loại trang sức làm bằng ngọc Maṇi.

Dalham: nghĩa là: Sự dục vọng của người luyện ái mãnh liệt với ngọc Mani và các trang sức ấy, cùng với sự luyện ái vợ con. Các bậc trí gọi là sự dục vọng. Và sự ái luyện ấy là vật trói buộc làm bằng phiền não dục thì bền chắc hơn cả.

Chārinam: Sự trì xuống, kéo xuống, đưa đến nơi thấp, làm cho rơi vào bốn đường ác.

Sithilam: nghĩa là: Dừng vì nó không cứa đứt da thịt, không làm máu tuôn rơi nơi bị trói buộc. Tức là người bị trói buộc không có cảm giác rằng: Mình đang bị trói buộc như thường có, khi đang thực hiện các việc làm như là: Đi trên đường phố, đường thủy...

Duppamuñcam: nghĩa là khó tháo gỡ vì phiền não trói buộc sanh khởi bởi năng lực của lợi lộc dù chỉ một lần, nó là bản chất phiền não khó tháo gỡ, giống như con rùa khó thoát ra khỏi nơi trói buộc vậy.

Etam pi chetvāna: dù nó bền chắc như vậy, nhưng các bậc trí vẫn cắt đứt được nhờ gươm trí tuệ, đã chấm dứt được sự quyến luyện, đã từ bỏ dục lạc hoàn toàn, xa lánh thế gian, tìm đường xuất gia.

Dứt thời Pháp thoại, nhiều người chứng đạt Thánh Quả như Dự Lưu quả.

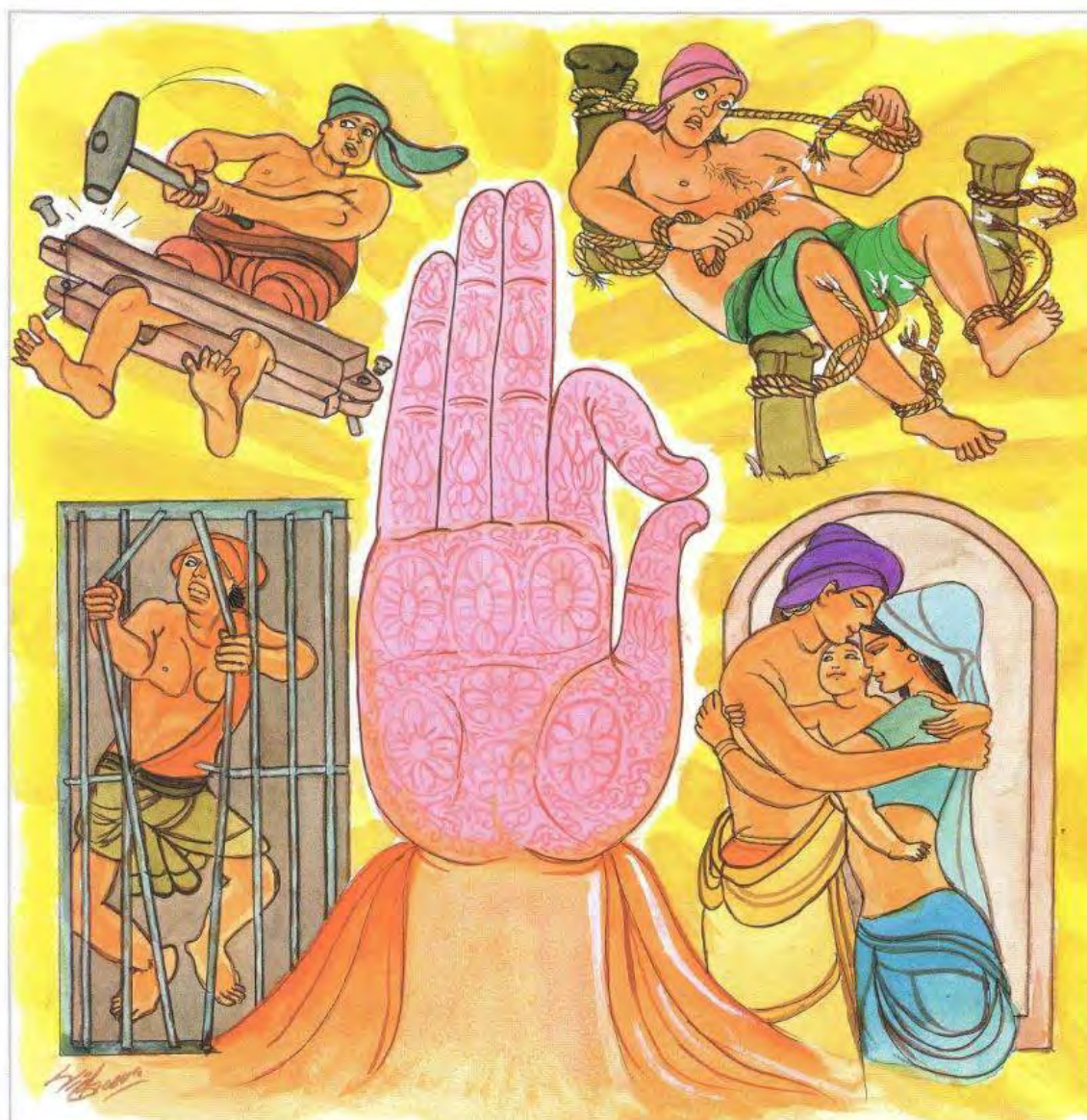


Dịch Giả Căn Đề

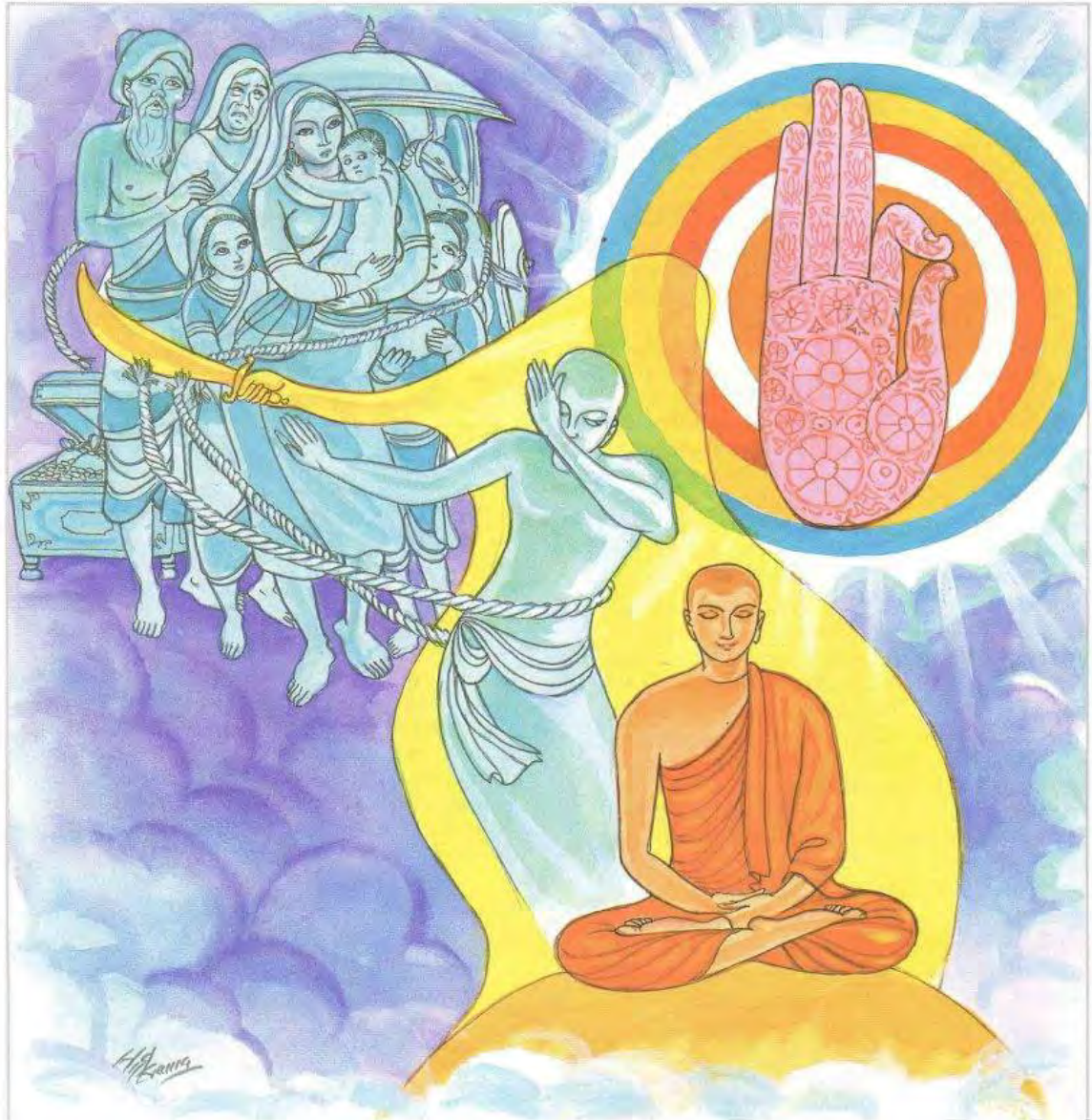
*Gông cùm, xiêng xích của nhà tù,
Nhắc nhở Tỳ Khuru hãy ráng tu,
Đã thoát gia đình, dây nịch ái,
Dừng nên bê trễ việc công phu,
Nửa đêm Bồ Tát trốn nhà đi,
Bởi sự tình yêu mãi kéo trì,
Ly dục tức là ra khỏi ngục,
Tự do rồi mới tập vô vi*

DỨT TÍCH CHUYỆN KHÁM ĐƯỜNG





**345. Bạc trí giảng dạy rằng: Dây đay, gai, gỗ, sắt. Chưa phải
loại buộc chặt. Ham châu báu vợ con. Mê trang sức phấn son.
Thứ đó buộc chắc nhất.**



346. Bạc trí giảng dạy rằng: Trời buộc đó rất chắc. trì kéo xuống thật chặt. khó tháo gỡ vô vàn. Bạc trí nên cắt ngang. Từ khước mọi tham ái.

XXIV.5- HOÀNG HẬU KHEMĀ



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 347)

“Ye rāgarattānupatanti sotam
Sayam katam makkaṭako’va jālam
Etaṃ pi chetvāna vajanti dhīrā
Anapakkhino sabbadukkham pahāya”.

“Người đắm say ái dục
Tự lao mình xuống dòng
Như nhện sa lưới dệt
Người trí cắt đứt nó”.

Pháp Cú này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Tịnh xá Veḷuvana, đề cập đến Hoàng hậu Kheṃā.

Tương truyền rằng: Hoàng hậu Kheṃā đã phát nguyện dưới chân của đức Chánh Đẳng Chánh Giác có Hồng danh là Padumuttara, nàng mong cầu được sắc đẹp vô cùng khả ái cho mình. Đến thời Đức Phật hiện tại, nàng thành tựu sắc đẹp tuyệt mỹ, nàng là Vương hậu của vua Bimbisāra. Khi Bạc Đạo Sư ngự về Vương Xá thành để tế độ quần sanh, tiếng tán thán Ngài lan truyền đến tai Hoàng hậu Kheṃā và nàng cũng được nghe rằng: “*Bạc Đạo Sư thường chỉ trích về thể trước của xác nhân*”. Vì thế, nàng e ngại khi đến đánh lễ Đức Thế Tôn.

Để khuyên dụ nàng Kheṃā, Đức vua Bimbisāra biết nàng rất ưa thích cảnh đẹp khả ái, Ngài liền thuê những thi nhân mặc khách, sáng tác những vần thơ ca ngợi cảnh trí u nhàn thanh nhã của Tịnh xá Trúc Lâm, Ngài giao cho nhạc sĩ những vần thơ tạo thành những khúc ca du dương, rồi những vũ nữ của nàng Kheṃā ngâm vịnh, hoặc hát lên những bài hát tán thán cảnh trí u tịch của Tịnh xá Veḷuvana. Hoàng hậu Kheṃā nghe những đoản thi, những khúc nhạc ấy, có cảm tưởng rằng mình chưa từng được viếng cảnh Trúc Lâm, chưa từng thưởng thức được cảnh đẹp u nhã thanh mặc như vậy. Nàng phán hỏi nữ tỳ rằng:

- Cảnh này ở đâu thế?
- Tàu lịnh Bà! Đây là cảnh thanh nhã của Veḷuvana.

Hoàng hậu Kheṃā khởi lên sự ước muốn đến thăm viếng cảnh đẹp Veḷuvana.

Một hôm, không dẫn được lòng với sự náo nức của tâm, Hoàng hậu Kheṃā lần dò đến Tịnh xá Veḷuvana, Đức Thế Tôn bấy giờ đang thuyết giảng Pháp thoại đến thính chúng, biết được duyên lành của Hoàng hậu Kheṃā đã chín muồi. Ngài liền hóa hiện ra một nữ lang xinh đẹp tuyệt trần, đang cầm quạt hầu Đức Thế Tôn.

Hoàng hậu Kheṃā lần bước đi đến nơi ngự của Đức Đạo Sư, trông thấy mỹ nữ đang cầm quạt hầu Đức Thế Tôn, nàng suy nghĩ: “*Mọi người thường nói: “Bạc Chánh Đẳng hằng chê trách sắc đẹp”, thế nhưng nàng thiếu nữ này đang quạt hầu Ngài đây, nhan sắc của ta so với nàng thật một trời một vực, ta không được một phần xinh đẹp của nàng. Nhan sắc tuyệt mỹ như thiên tiên này, ta chưa từng thấy bao giờ cả. Hẳn mọi người đã vu khống cho Ngài với lời lẽ không thật rồi*”.

Thế là, Hoàng hậu Kheṃā bị nhan sắc thiếu nữ ấy thu nhiếp, nàng không nghe Pháp thoại của Đức Thế Tôn, chỉ chú trọng ngắm nhìn nhan sắc của nàng thiếu nữ.

Đức Thế Tôn biết rằng Hoàng hậu Khemā khởi tâm so sánh về sắc đẹp. Ngài dùng thần thông lực biến chuyển sắc ấy thay đổi theo từng thời: Thiếu niên, trung niên, lão niên, cho đến khi thiếu nữ ấy chết đi, thân thi đã rời, chỉ còn lại một bộ xương (như chuyện nàng Rūpanandā).

Hoàng hậu Khemā theo dõi, thấy được sắc ấy lão邁 rồi đi đến suy vong như thế, suy nghĩ rằng: “*Sắc đẹp tuyệt trần như thế ấy, cũng phải đi đến sự hoại diệt chỉ trong chốc lát như vậy. Thật vậy, thân này quả thật trống không, không có cốt lõi*”.

Bậc Đạo Sư thấu rõ tâm trạng chán nản của Hoàng hậu Khemā, Ngài liền phán dạy rằng:

- Nay Khemā, người đang suy nghĩ: Lỗi có thật trong sắc thân này có chăng? Nay Khemā, người hãy nhận thức rằng: Trong sắc thân này chẳng có cốt lõi đâu, người hãy nhận biết như thế tại nơi này đi.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

- Nay Khemā! Người hãy nhìn xác thân bịnh tật này, đầy đầy chất bất tịnh, sinh thúி chảy ra cả phía trên, phía dưới mà kẻ ngu ham thích (đắm say) vô cùng.

Dứt kệ ngôn Hoàng hậu Khemā an trú vào Dự Lưu Thánh Quả. Kế tiếp, Đức Thế Tôn phán dạy nàng rằng:

- Nay Khemā! Tất cả chúng sanh tràn đầy với mọi ái dục, nóng nảy với sân hận, say cuồng với si mê mới không thể thấy dòng ái dục được, phải bị dính trong dòng ái dục như vậy đó.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Ye rāgarattānupatanti sotam
Sayam katam makkaṭako’va jālam
Etaṃ pi chetvāna vajanti dhīrā
Anapakkhino sabbadukkham pahāya”.

“Người đắm say ái dục
Tự lao mình xuống dòng
Như nhện sa lưới dệt
Người trí cắt đứt nó”.



CHÚ GIẢI:

Makkaṭoko va jātam: nghĩa là: Giống như con nhện làm lưới, tức là nó nằm ngay giữa lưới được chính nó dệt, để bắt giết những con côn trùng nào rơi vào lưới ấy, sau khi ăn xong, nhện lại quay về nằm nơi chỗ cũ. Việc ấy như thế nào, thì tất cả chúng sanh sẽ rơi vào dòng ái dục do chính mình tạo ra, chúng sẽ không thoát ra được dòng ái dục cũng như thế.

Do vậy, dòng ái dục người ta khó thoát được là như vậy.

Etaṃ pichetvāna vajanti dhīrā: nghĩa là các bậc trí đã cắt đứt sự trói buộc ấy, không ái luyến, chấm dứt mọi khổ đau bằng A La Hán đạo và ra đi.

Dứt kệ ngôn, Hoàng hậu Khemā an trú vào Thánh Đạo A La Hán. Đức Thế Tôn phán dạy Đức vua Bimbisāra rằng:

- Nay Đại Vương, nên để Hoàng hậu Khemā xuất gia hay để nàng Vô Dư Níp Bàn?

- Bạch Thế Tôn, xin Ngài hãy cho nàng được xuất gia, chớ nên để người như nàng sớm Níp Bàn.

Thế là Hoàng hậu Khemā được xuất gia trong Ni chúng, nàng trở thành vị Tỷ Khưu Ni tối thắng về hạnh trí tuệ.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Khê Ma Hoàng hậu đẹp tuyệt trần,
Sợ Phật chê mình, chẳng dám gần,
Vua phải cho phường ca hát dạo,
Dụ vào ngư uyển, gặp giai nhân,
Phật cho hậu thấy cảnh vô thường,
Mỹ nữ già nua, giống bộ xương,
Sắc đẹp mau tàn, không thực chất,
Thân người: như xác chết sinh chương!
Khê Ma hết luyến tự thân bà,
Tâm đã băng qua khỏi ái hà...,
La Hán không còn nương thế tục,
Vua đành để Hậu sống ly gia*

DỨT TÍCH HOÀNG HẬU KHEMĀ





**347. Người đắm say ái dục. Là tự lao xuống dòng.
Như nhện sa vào lưới. Do chính nó làm xong.
Bậc trí dứt tham ái. Ất thoát khổ thong dong.**

XXIV.6- CÔNG TỬ UGGASENA

(Uggasenasetthīputta)



KÊ NGÔN: (Pháp Cú câu 348)

Muñca pure muñca pacchato,
Majjhe muñca bhavassa pāragu;
Sabbattha vimuttamānaso.
Na puna jātijaram upehisi”.

“Bỏ quá, hiện, vị lai
Đến bờ kia cuộc đời
Ý giải thoát tất cả
Chớ vương lại sanh già”.

Pháp Cú này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Veluvana, đề cập đến Công tử Uggasena.

Tương truyền rằng: Vào thưở ấy, trong thành Rājagaha cứ khoảng sáu tháng hay là một năm, thì có đoàn hát khoảng 500 người đến kinh thành Rājagaha để trình diễn những tiết mục độc đáo hầu Đức Vua thưởng thức, biểu diễn trong cả 7 ngày đêm, và họ được Đức Vua ban thưởng rất nhiều vàng ngọc. Sự ban thưởng của Đức vua rất dồi dào, khi đại chúng đến xem biểu diễn nghệ thuật ấy cũng ban thưởng và thường đại chúng mang cả giường, ghế dài... đến nơi trình diễn xem và nghỉ tại nơi ấy.

Trong đoàn xiếc ấy có một cô vũ nữ chuyên nghề nhào lộn trên không trung, nàng bắc một tấm ván ngang qua hai thanh tre cao, nàng vừa đi, nhào vừa ca hát trên tấm ván ấy, hay là vũ những vũ khúc điệu luyện trên không qua hai thanh ván ấy.

Trong thành Rājagaha có một công tử tên Uggasena, chàng là con một Đại Trưởng giả trong thành. Khi chàng đi đến vui chơi lễ hội, nhìn thấy nàng vũ nữ biểu diễn nghệ thuật nhào lộn trên không trung, với những độc tác uyển chuyển, mềm mại, nên tâm chàng phát sanh ái luyến. Công tử Uggasena bị ái nhiễm tấn công tâm quá mức, khi trở về nhà chàng suy tưởng đến hình bóng của nàng vũ nữ rằng:

- Nếu ta không được nàng vũ nữ ấy, chắc là ta phải chết thôi.

Chàng sầu não, nằm tuyệt thực với dáng ủ rũ. Song thân chàng gặng hỏi chàng rằng:

- Này con thân! Con đang bị bệnh chi thế?

- Thưa cha mẹ! Nếu con không được nàng vũ nữ đó làm vợ, chắc là con sẽ chết thôi.

- Này con thân! Con chớ nên ao ước như thế, cha mẹ sẽ tìm cho con một cô tiểu thư môn đăng hộ đối với nhà ta.

Bỏ mặc lời khuyên của cha mẹ ngoài tai, chàng Uggasena vẫn im lặng, mơ tưởng đến hình bóng của nàng vũ nữ ấy.

Song thân chàng khuyên giải chàng phiêu phen nhưng không được, không thể làm cho chàng thay đổi ý niệm, nên nhờ những thân hữu của chàng đến khuyên giải chàng. Vẫn vô ích, chàng khăng khăng giữ mãi ý định của mình.

Cuối cùng hai ông bà Trưởng giả đành nhờ người thân đi đến đoàn hát gặp người Trưởng đoàn trao cho ông ta một ngàn đồng vàng, mời ông đến nhà nói rằng:

- Này ông! Ông hãy nhận số tiền này đi, rồi hãy gả con gái ông cho con chúng tôi đi.

- Thưa bà! Cho dù tôi nhận số tiền lớn như vậy, nhưng tôi không thể gả con gái mình cho công tử được. Vì nếu vắng con gái tôi thì đoàn hát sẽ thất thu ngay, nó là cột trụ của đoàn đấy.

- Này ông, chớ nên như vậy, nếu con trai tôi không cưới được con gái ông, nó sẽ chết mất.

- Thưa ông bà, nếu công tử không cưới được con gái tôi thì sẽ chết, thế thì công tử hãy theo đoàn hát của chúng tôi đi. Bây giờ chúng tôi sẽ gả con gái cho cậu ấy.

Song thân chàng báo lại cho chàng biết sự việc ấy. Công tử Uggasena bảo rằng:

- Nếu thế, con sẽ theo đoàn hát ấy.

Và công tử đã đi theo đoàn hát ấy, mặc cho những lời khuyên giải tha thiết của song thân chàng. Người chủ gánh xiếc gả con cho công tử Uggasena như lời hứa. Công tử cùng đoàn hát trôi nổi lang bạc qua các làng mạc, thị trấn, kinh thành để biểu diễn nghệ thuật nhào lộn trên không. Nàng vũ nữ làm vợ công tử chẳng bao lâu thì có mang và hạ sanh một đứa bé trai. Một hôm, nàng cùng với con đùa giỡn, ngoảnh ra thấy công tử đang lấy cỏ cho bò ăn và chất những tặng phẩm lên xe, nàng hát trên cột chông rằng:

- Này con! Con của người giữ xe, con của người chắt hàng, con của người chắt biết làm chi cả.

Nghe câu hát cột đùa ấy, công tử Uggasena hồ thẹn hỏi vợ rằng:

- Có phải nàng hát trên cột ta chẳng?

- Này anh, sự thật là như vậy.

- Nếu là như thế, anh sẽ bỏ ra đi.

- Này anh, sự ra đi hay ở lại của anh có làm thiệt thòi hay lợi ích chi cho đoàn đâu.

Thế rồi, nàng lại tiếp tục nô đùa cùng con với những câu hát trên cột chông như thế. Được biết rằng: Nàng vũ nữ ấy y vào nhan sắc cùng với nghệ thuật nhào xiếc của mình ở trên không trung, nên chẳng nề nang chi chông cả, bất cứ là chuyện gì. Công tử Uggasena suy nghĩ: “*Nàng này kiêu hãnh như thế do dựa vào cái chi nhỉ?*”. Chàng được biết rằng: “*Do nghệ thuật nhào xiếc trên không*”. Chàng suy nghĩ tiếp: “*Thôi được, ta sẽ cố gắng học lấy nghệ thuật này*”.

Chàng đi đến cha vợ học nơi ông ta tài nghệ, sở trường của cha vợ cho đến khi thành thực thông thạo. Và chàng trở thành một nghệ thuật gia nhào xiếc trên hư không xuất sắc. Theo đoàn hát chàng lang bạt khắp nơi, tuần tự trở lại thành Rājagaha. Bây giờ chàng thông báo:

- Kể từ hôm nay trở đi, sau bảy ngày nữa, công tử Uggasena sẽ biểu diễn nghệ thuật trên hư không. Đại chúng hãy đến xem tài nghệ của công tử Uggasena.

Vào ngày thứ bảy, khi đại chúng tụ hội đông đảo nơi biểu diễn, công tử Uggasena đi đi lại lại trên hai tấm ván cao 60 hắc tay (30 mét), và chàng đứng trên tấm ván ấy.

Cũng trong ngày hôm ấy, vào buổi hừng đông, Đức Thế Tôn dùng Phật trí tỏa ra khắp thế gian, tìm người hữu duyên nên tế độ. Ngài thấy Uggasena rong vãng trí của mình, Ngài quán xét rằng: “*Nguyên nhân nào đây?*”, Ngài biết được rằng: “*Hôm nay thanh niên Uggasena đứng trên tấm ván để biểu diễn nghệ thuật nhào lộn, đại chúng hội họp tại nơi ấy để xem y biểu diễn. Như Lai sẽ thuyết lên bốn câu kệ ngôn trong hội chúng ấy, sẽ có 84 ngàn chúng sanh chứng ngộ chánh Pháp, cả thanh niên Uggasena cũng chứng đạt A La Hán Quả*”.

Vào sáng ngày, Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khuru đi vào thành khất thực. Bảy giờ, công tử Uggasena đang ra hiệu cho đại chúng hãy chú ý, chàng sẽ biểu diễn nghệ thuật trên hư không. Chàng nhào lộn trên hư không bảy vòng, rơi xuống tấm ván bắt cao 60 hắc tay. Đại chúng chưa kịp vỗ tay hoan hô tán thán, thì Đức Thế Tôn cùng chư Tăng ngự đến, Ngài dùng thần lực khiến cho đại chúng không màng đến Uggasena nữa, chỉ chú tâm vào đoàn Tăng lữ có Đức Phật đang dẫn đầu. Khi ấy, công tử Uggasena trông thấy cảnh này, tâm tư chàng sầu muộn, vô cùng chán nản nghĩ rằng: “*Đại chúng này chẳng màng gì ta cả, nghệ thuật này ta chỉ biểu diễn tại đây mỗi năm có một lần. Thế nhưng khi bậc Đạo Sư ngự đến thì đại chúng không chú ý gì đến ta, chỉ chú tâm chiêm ngưỡng Ngài và chư Tăng thôi. Sự biểu diễn nghệ thuật này của ta thật vô ích thay*”.

Biết được ý nghĩ của Uggasena, Ngài dạy Trưởng lão Moggallāna:

- Này Moggallāna, hãy nói với Uggasena như thế này: “*Ngươi hãy biểu diễn tài nghệ nhào lộn trên không đi*”.

Trưởng lão Moggallāna vâng lệnh dạy của Đức Thế Tôn, đi đến nói với Uggasena bằng kệ ngôn rằng:

“*Mời Uggasena người nhảy múa, người có nhiều sức mạnh, xin người hãy nhìn đây, xin người hãy làm cho đại chúng vui thích phấn khởi đi*”.

Công tử Uggasena nghe Trưởng lão nói như thế, chàng khởi hoan hỷ tâm rằng: “*Bậc Đạo Sư muốn xem tài nghệ của ta*”. Chàng đứng yên trên tấm ván, nói kệ ngôn rằng:

“*Xin mời Ngài Moggallāna, bậc có nhiều trí tuệ, có nhiều thần thông, xin Ngài hãy nhìn đây, tôi sẽ làm cho hội chúng vui thích và phấn khởi*”.

Liền đó, Bậc Đạo Sư phán dạy y rằng:

- Này Uggasena! Lẽ thường người trí hăng dứt bỏ sự luyện ái đối với các uẩn và ba thời quá khứ, vị lai và hiện tại để thoát khỏi mọi khổ đau sầu muộn như sanh, già...



CHÚ GIẢI:

Muñca pure: nghĩa là hãy dứt bỏ sự ái luyến, sự vui thích, say mê, mong muốn tầm cầu, sự chấp thủ, sự tham dục trong các uẩn thuộc quá khứ.

Pacchato: là hãy dứt bỏ sự luyến ái... trong các uẩn vị lai.

Majjho: nghĩa là hãy dứt bỏ các luyến ái trong các uẩn thuộc về hiện tại.

Bhavassa pāragū: nghĩa là khi đã thực hành như vậy rồi, mới vượt qua cả ba bờ sanh hữu được theo sự hiểu biết, từ bỏ, tu tiến và chứng ngộ bằng trí cao thượng, tâm giải thoát các pháp hành như uẩn, xứ, giới... không còn đi tới sự sanh, già và chết.

Dứt pháp thoại có đến 84 ngàn chúng sanh chứng ngộ Pháp, riêng công tử Uggasena đang đứng yên trên tấm ván, chúng quả A La Hán cùng với tuệ Phân tích, từ trên tấm ván phóng xuống đánh lễ dưới chân Bạc Đạo Sư với tư thế ngũ thể đầu địa, bạch xin xuất gia với Bạc Đạo Sư. Đức Thế Tôn đưa tay phán rằng: “*Ehi bhikkhu*” lập tức râu tóc của công tử Uggasena rụng mất, trên thân xuất hiện tám món vật dụng của bậc xuất gia, tuy mới xuất gia nhưng Trưởng lão Uggasena có tướng tướng như vị Sa môn trăm tuổi hạ. Vào buổi chiều, chư Tăng ngồi lại Thiệ Pháp đường, hỏi Trưởng lão Uggasena rằng:

- Này hiền giả Uggasena, khi hiền giả rời tấm ván phóng từ trên cao xuống đánh lễ Đức Thế Tôn, hiền giả có sợ sệt chi chăng?

- Này chư hiền giả! Tôi không còn sự sợ hãi như thế nữa.

Chư Tỳ khuru cho rằng Trưởng lão Uggasena khoe pháp Thượng nhân, nên đem câu chuyện ấy trình bạch lên Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, hiền giả Uggasena nói rằng: “*Tôi không còn sự sợ hãi như thế nữa*”. Vừa ấy nói không thật, sự thật không được vị ấy nói lên.

- Này các Tỳ khuru! Vị Tỳ khuru nào đã cắt đứt mọi triền phược như Uggasena, con của Như Lai thì không còn phải lo sợ chi cả. Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn trong Phẩm Bà la môn rằng:

“*Đã cắt đứt mọi triền phược, người không còn chao động, không run sợ, ta gọi người đã vượt qua khỏi các triền phược ấy là Bà la môn*”.

Dứt kệ ngôn nhiều người chứng ngộ Pháp.

Sáng hôm sau, chư Tỳ khuru lại cùng nhau bà luận nơi Giảng đường rằng:

- Này chư hiền, do nhờ người con gái vũ nữ mà một người có duyên lành A La Hán phải đắm đuối nàng ta, phải bỏ cả thân tộc ra đi theo nàng, chẳng hay đó là nhân duyên chi nhỉ?

Bạc Đạo Sư ngự đến phán hỏi rằng:

- Này chư Tỳ khuru, các người đang bàn luận về vấn đề chi thế? Vấn đề gì đang bàn luận được bỏ dở?

Chư Tỳ khuru bạch trình lên Đức Thế Tôn câu chuyện như vậy. Ngài phán dạy rằng:

- Này chư Tỳ khuru, đây là hai nhân duyên mà Tỳ khuru Uggasena đã tạo trong quá khứ cùng một lúc.

Theo lời thỉnh cầu của chư Tỳ khuru, Đức Đạo Sư thuật lên Bốn Sanh như vậy:

Thưở quá khứ, khi Đức Chánh Đẳng Giác có Hồng danh Kassapa đã Níp Bàn, ngôi bảo tháp bằng vàng thờ Xá Lợi của Ngài được kiến tạo nơi thành Bārāṇasī. Các Thiện gia tử trong thành Bārāṇasī mang nhiều xe vật thực đi đến Tháp Vàng với ý định:

“Chúng ta sẽ kiến tạo ngôi Bảo Tháp Thờ Xá Lợi của Đấng Chánh Đẳng Giác”.

Bấy giờ, có đôi vợ chồng Thiện gia tử cũng sắm sửa vật thực, trên đường đi đến nơi xây dựng Bảo tháp vàng. Chợt người vợ trông thấy vị Thánh Tăng A La Hán đang trì bình khát thực, nàng nói với chàng rằng:

- Này anh ơi! Ngài của chúng ta đang đi khát thực kìa, trong xe của chúng ta có nhiều vật thực. Vậy anh hãy thỉnh bát Ngài đi, chúng ta sẽ cúng dường vật thực đến Ngài vậy.

- Lành thay, này em thân.

Người chồng thỉnh bát vị Thánh Tăng, cả hai vợ chồng cúng dường vật thực đến Ngài. Người chồng dâng bát đến Trưởng lão, xong rồi cả hai đánh lễ dưới chân vị Thánh Tăng Vô Lậu phát nguyện rằng:

- Bạch Ngài. Xin cho chúng con được chứng ngộ an lạc Pháp mà Ngài đã chứng ngộ được.

Là bậc Thánh Vô Lậu nên Trưởng lão dùng trí quán xét, biết được lời ước nguyện của hai vợ chồng nam tử này sẽ được thành tựu trong vị lai, nên Ngài hoan hỷ mỉm cười. Người vợ trông thấy Ngài mỉm cười như thế, nói với chồng rằng:

- Này anh, Ngài của chúng ta mỉm cười giống như người múa hát cười vậy.

Người chồng chẳng kịp suy nghĩ, nói theo vợ rằng:

- Này em, thật như vậy.

Rồi họ lại tiếp tục lên đường. Đây là tiền nghiệp của họ. Khi vợ chồng thiện gia tử ấy mãn thọ, tái sinh về Đạo Lợi Thiên cung, rồi họ trôi lăn theo dòng luân hồi, người vợ tái sinh lại làm cô con gái người chủ đoàn gánh xiếc. Còn người chồng tái sinh vào gia tộc Trưởng giả có tên là Uggasena.

Thưở trước do đồng ý với vợ, cho nên trpng kiếp này công tử Uggasena mới đắm say nàng vũ nữ như thế. Còn người vợ do quả dị thực nói vị Thánh Tăng như người làm xiếc, nên nàng phải trở thành vũ nữ làm xiếc trên không như thế.

Lại nữa, do phước nguyện đạt thành quả vị Vô Lậu nên Uggasena chứng đạt Bất Tử Pháp như thế.

Nói về nàng vũ nữ, khi thấy chồng mình đã xuất gia sống đời Phạm Hạnh trong Pháp luật của Đức Thế Tôn, nàng suy nghĩ rằng:

“Đường lối nào của chồng ta, đường lối ấy cũng chính là của ta”.

Và nàng cũng xin được xuất gia trong ni chúng. Chẳng bao lâu nàng tinh cần hành Pháp Sa Môn, chứng đắc Vô Lậu Thánh Quả.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Con ông Bá hộ mến cô đào,
Đành bỏ gia phong học lộn nhào!
Kiếp trước, vợ chồng chung để bát,
Vì câu nói quấy, phải gian lao!
Đền xong tội miệng, phước theo liền,
Phật độ hai người đủ thiện duyên,
Ngũ uẩn ba đời không dính mắc,
Đâu còn sanh lão tử liên miên.*

DỨT TÍCH CÔNG TỬ UGGASENA





348. Bỏ quá hiện vị lai. Tâm ý thoát ai hoài. Vượt sang bờ hiện hữu. Dứt sanh lão bi ai!

XXIV.7- HIỀN TRÍ CŪĀDHANUGGAHA

(Paṇḍita)



KÊ NGÔN: (Pháp Cú câu 349-350)

349. “Vitakkapamathitassa jantuno *“Người tà ý nhiếp nhục*
Tibbarāgamsa subhānupassino *Tham sắc bén nhiệt nồng*
Bhiyyo taṇhā pavaddhati *Thường quán nhìn tịnh tướng*
Esa kho daḥmaṃ karoti bandhanaṃ”. *Người ấy ái tăng trưởng”.*

350. “Vitakkūpasame ca yo rato *“An vui an tịnh ý*
Asubhaṃ bhāyayati sadāsato *Quán bất tịnh thường niệm*
Esa kho byantikāhiti *Người ấy sẽ diệt ái*
Eso checchati mārabandhanaṃ”. *Cắt đứt ma trói buộc”.*

Ngài làm sáng tỏ chuyện hiền trí Cūḷadhanuggaha như sau:

Thời quá khứ có vị hiền trí là Cūḷadhanuggaha. Chàng đi đến kinh thành Takkaṣilā học nghệ thuật với danh sư Dīsāpa. Với bản chất thông minh, chẳng bao lâu chàng học xong mọi nghiệp nghệ của thầy. Danh sư Dīsāpa rất thương mến người học trò thông minh như thế, nên ông gả cô con gái cho chàng.

Hiền trí Cūḷadhanuggaha từ tạ thầy trở về quê quán nơi kinh thành Bārāṇasī, mang theo người vợ lên đường. Hai vợ chồng đi đến một khu rừng, khu rừng này có 500 tên cướp trú ẩn, chúng thường xuyên chặn khách xuyên rừng để cướp giạt tài vật. Khi thấy hai vợ chồng hiền trí đi vào rừng, bọn chúng liền xông ra toan cướp giạt tài sản, nhưng với tài nghệ của mình hiền trí Cūḷadhanuggaha đã giết chết những tên cướp, chỉ còn lại tên Chánh đảng, và tên Chánh đảng chống trả với Bồ Tát mãnh liệt, hẳn ta bị Bồ Tát đè xuống trên mặt đất. Bồ Tát bảo vợ rằng:

- Này em, em hãy đưa grom bén cho anh đi.

Người vợ vừa trông thấy tên cướp, tâm nàng chợt khởi lên tâm ái luyến với gã ta, nàng ta lừa kể, trao mũi grom đến cho hiền trí Cūḷadhanuggaha còn chuỗi grom thì quay về phía tên cướp, tên cướp nhân cơ hội rút grom sát hại hiền trí Cūḷadhanuggaha.

Sau khi thoát hiểm, tên cướp mang nàng ta theo, trên đường đi tên cướp chợt suy nghĩ rằng: “Cô này vừa trông thấy ta, đã say mê ngay và tìm cách sát hại chồng mình. Nếu như nàng trông thấy gã đàn ông khác thì nàng cũng say mê rồi sẽ giết ta như sát hại chồng nàng vậy”.

Khi đến bờ sông, y lập kế bảo nàng ta rằng:

- Này em! Anh sẽ mang hành trang qua sông trước, rồi trở lại rước em sau. Vì thuyền này nhỏ bé, không thể chở nặng được. Em hãy chờ đợi anh.

Tên cướp mang những hành trang qua sông rồi y bỏ đi luôn mặc cho nàng ta ở bên sông này. Đến khi biết được mình bị bỏ rơi, nàng ôm mặt khóc. Với Thiên nhãn,

Đức Đế Thích biết rõ câu chuyện. Ngài muốn cảnh tỉnh nàng ta, hóa hiện thành con chó chóc đi đến bên nàng. Câu chuyện này được giảng rộng trong Bốn Sanh Pañcakapipāta chi tiết rằng:

- Này chàng Bà la môn, anh hãy mang hết hành trang qua sông đi, rồi hãy trở lại rước em với.

- Này nàng xinh đẹp ơi, nàng đã chọn tôi không phải là chồng nàng, không phải là người sống chung với nàng, thay vì người chồng đã cùng nàng chung sống từ lâu. Này nàng thiếu nữ xinh đẹp kia, nàng sẽ chọn người đàn ông xinh đẹp khác thay vì tôi. Tôi sẽ xa lánh nàng, sẽ đi khỏi nơi này thật xa.

- Ai đã cười trong bụi cỏ, ở nơi đây chẳng có sự múa hát hay sự hòa tấu nào mà người tạo nên cả. Này nàng xinh đẹp, nàng có mộng tròn đầy, tại sao nàng lại sụt sùi than khóc?

Này chó chóc, là loài Jambuka ngu si thiếu trí, nguoi không có cá (thịt) rồi ủ rữ giống như con thú mò côi.

- Lỗi người thấy thật dễ dàng, còn lỗi mình thì khó thấy, chính nàng vừa bị mất chồng, vừa bị mất tình nhân. Nàng đang ủ rữ còn hơn ta nữa kia.

- Này thú Jambuka! Chuyện ấy đúng như nguoi nói. Ta sẽ ra khỏi nơi này, ta chắc chắn sẽ tìm được chàng.

- Nguoi nào dùng bát đất được thì cũng dùng bát đồng được, người đã làm việc ác thuận thực và sẽ làm ác như thế tiếp tục nữa.

Khi Đức Thế Tôn thuyết giảng xong Bốn Sanh, Ngài phán rằng:

- Trong thời đó, hiền trí Cūladhanuggaha chính là Tỳ khuru trẻ hiện nay, nữ nhân khi ấy nay chính là thiếu nữ trong hiện tại. Còn Thiên Vương Đế Thích chính là Như Lai vậy.

Tiếp theo Ngài giáo giới vị Tỳ Khuru trẻ ấy rằng:

- Này Tỳ Khuru! Người thiếu nữ ấy đã giết chết hiền trí cao quý ấy chỉ vì thương yêu người nam vừa gặp mặt trong giây lát như thế. Này Tỳ khuru, nguoi hãy cắt đứt ái dục của nguoi đi, hãy cắt đứt ái dục với nàng thiếu nữ ấy.



CHÚ GIẢI:

Vitakkapamathitassa: tức là người bị ba loại tầm như dục tầm... chi phối.

Tibharāgassa: tức là người tham ái quá độ.

Subhānupassino: nghĩa là người thấy cảnh rằng: “đẹp” vì tâm đã phóng theo các cảnh ước muốn do sự chấp thủ cảnh khả ái.

Tañhā: nghĩa là: Trong các bậc Thiên như Sơ thiên... Thậm chí một tầng thiên cũng không đắc chứng hay phát triển được với nhiều người tham dục như vậy. Thật sự ái được tăng trưởng qua sáu căn môn.

Esa kho: nghĩa là: Chính người đó làm dây trói buộc tức ái càng bền chắc.

Vikūpasame: nghĩa là: Cả 10 đề mục bất tịnh trong Sơ thiền, tức là Pháp khắc phục các tà tư duy.

Sadāsato: nghĩa là: vị Tỳ khuru nào hoan hỷ trong Sơ thiền... gọi là có niệm, do có niệm vững chắc luôn luôn mới phát triển thiền bất tịnh ấy.

Byantikāhati: nghĩa là: Vị Tỳ khuru ấy đã làm cho ái sanh trong ba cõi được chấm dứt.

Mārabandhanam: nghĩa là: Vị Tỳ khuru ấy đã cắt đứt dây ràng buộc của Ma vương, tức là vòng luân hồi điển tiền trong ba cõi.

Dứt Pháp thoại, vị Tỳ khuru trẻ chúng đạt quả vị Tu Đà Hườn. Pháp thoại mang lại lợi ích cho hội chúng là như thế.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Xin nước, gặp nhà có gái xinh,
Lân la han hỏi, gọi hoa tình,
Tỳ khuru trẻ tuổi mong hoàn tục,
Phật kể thầy nghe tích bốn sinh,
Xưa kia, nàng ấy đã lang tâm,
Cứu cướp, giết chồng đạo nghĩa thâm!
Cướp đoạt của nàng đi một nước,
Bỏ nàng hiu quạnh giữa sơn lâm...
Đến nay, gặp lại chính chồng xưa,
Nàng vẫn mạnh tâm, nét chẳng chừa!
Nghe vậy, Tỳ khuru đang bắt măn,
Nhất tâm, ái dục, nguyện ngăn ngừa.*

DỨT TÍCH HIỀN TRÍ CŪḶADHANUGGAHA





349. Kẻ vọng tâm tà ý. Say đắm theo dục trần. Tham ái càng tăng trưởng. Tự làm dây buộc thân.



350. Người thích trừ tà ý. Quán bất tịnh, niệm thường. Sẽ đoạn diệt tham ái. Cắt đứt vòng Ma vương.

XXIV.8- CHUYỆN MA VƯƠNG



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 351-352)

351. “*Niṭṭhaṅgato asantāsī
Vītataṅho anaṅgaṇo
Acchiddi bhavasallāni
Antimo’yamaṃ samussayo*”.

*“Ai đến đích không sợ
Lìa ái không nhiễm ô
Nhỏ mũi tên sanh tử
Thân này thân cuối cùng”.*

352. “*Vītataṅho anālāno
Niruttipadakovido
Akkharānaṃ sannipātaṃ
Jaññā pubbaparāni ca
Sa ve antimasārīro
Mahāpaññomahāpuriso’ti vuccati*”.

*“Ái lìa không chấp thủ
Cú pháp khéo biện tài
Thấu suốt từ vô ngại
Hiếu thứ lớp trước sau
Thân này thân cuối cùng
Vị như vậy được gọi
Bậc Đại Trí, Đại nhân”.*

Pháp Cú này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Ma Vương.

Tương truyền rằng: Một lần nọ, chư Tăng viễn phương đến yết kiến Đức Thế Tôn nơi Đại Tự Jetavana quá nhiều. Và Ngài Rāhula phải nhường nơi ngụ của mình cho chư Tỳ khưu cao hạ. Khi không còn nơi nào nghỉ được nữa, Trưởng lão Rāhula nằm nghỉ trước cửa Hương thất của Đức Thế Tôn, khi ấy Trưởng lão Rāhula đã chứng đạt Vô Lậu rồi, nhưng Ngài chưa có hạ nào cả.

Bấy giờ, Ma vương Vasavattī nhân cơ hội ấy, thấy Ngài Rāhula nằm trước Hương thất như thế, nghĩ rằng:

“Mầm non của Sa môn Gotama đang nằm phía ngoài, còn Sa môn thì nằm bên trong, nếu ta xúc chạm đến mầm non này, làm cho y hoảng sợ, có nghĩa là ta đã xúc phạm đến Sa môn Gotama và làm cho y kinh hoàng vậy”.

Thế là, Ma Vương hóa thân thành một Tượng Vương to lớn, đầy hung ác đi đến trước Hương thất, dùng vòi quần vào đầu Trưởng lão Rāhula, rống lên những tiếng rống như tiếng kêu vang của loài Hồng Hạc.

Bậc Đạo Sư an trú trong Hương thất, biết rằng Tượng Vương ấy chính là Ma Vương hóa thân, Ngài phán rằng:

- Này Ma Vương! Cho dù cả trăm ngàn người như ngươi cũng không làm cho con Như Lai rung động được. Vì con Như Lai đã cắt lìa ái dục rồi, có nhiệt tâm tinh cần, có nhiều trí tuệ nên không còn run sợ nữa.



CHÚ GIẢI:

Niṭṭham gato: nghĩa là bậc A La Hán, được gọi là vị thành tựu cứu cánh của Bậc xuất gia trong Pháp Luật này, đã đạt đến tận cùng Phạm Hạnh, tức là Đạo quả A La Hán.

Asantāsī: là người không còn sợ hãi, do không còn phiền não ái trong tâm.

Acchiddi bhavasallāni: nghĩa là đã nhổ bỏ mũi tên đi đến sanh hữu.

Samusayo: tức là xác thân này của người ấy là sau cùng.

Anādāno: là người không còn chấp thủ trong các uẩn...

Niruttipadakovidō: nghĩa là người thông suốt cả Tứ Vô Ngại Giải như Từ vô ngại giải, biện vô ngại giải...

Akkharānaṃ sannipātaṃ jañño pubbāparāni ca: nghĩa là biết rõ sự cấu kết của văn tự, biết chữ cuối do chữ đầu và biết chữ đầu do chữ cuối.

Thế nào gọi là biết được chữ cuối do chữ đầu: Nghĩa là khi thấy được chữ đầu, dù chữ giữa và chữ cuối chưa thấy vẫn biết được rằng: “Đây là có chữ giữa và có chữ cuối”.

Thế nào là biết được chữ đầu do chữ cuối: Nghĩa là khi thấy được chữ cuối, dầu rằng chữ đầu và chữ giữa chưa thấy, cũng hiểu biết được rằng: “Đây có chữ đầu, có chữ giữa”.

Khi thấy được chữ giữa, dù chữ đầu và chữ cuối chưa được thấy cũng hiểu biết rằng: “Có chữ đầu và có chữ cuối”.

Mahāpañño: Nghĩa là người có xác thân cuối cùng. Đức Thế Tôn gọi vị ấy là BẬC ĐẠI TRÍ, vì có đầy đủ trí tuệ, thông suốt nghĩa pháp, từ biện, giới, uẩn... và Ngài còn gọi là BẬC ĐẠI NHÂN vì tâm vị ấy đã giải thoát. Theo Pāli rằng: “Này Sāriputta, ta gọi người có tâm giải thoát là BẬC ĐẠI NHÂN”.

Dứt Pháp thoại, nhiều chúng sanh chúng đạt Đạo Quả. Riêng Ma Vương suy nghĩ rằng:

- Sa môn Gotama biết được ta.

Ma vương bèn biến mất tại chỗ.

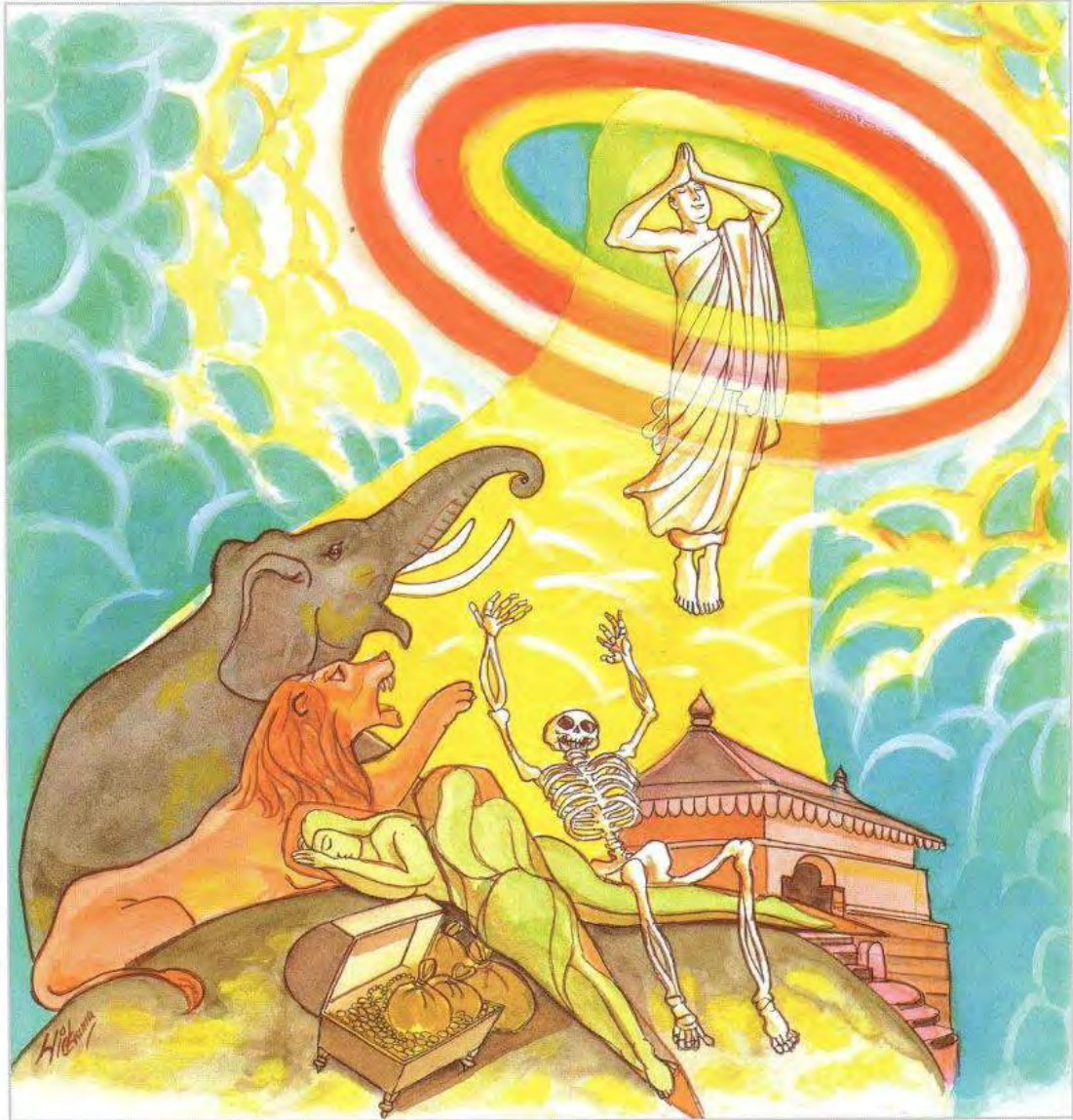


Dịch Giả Cẩn Đề

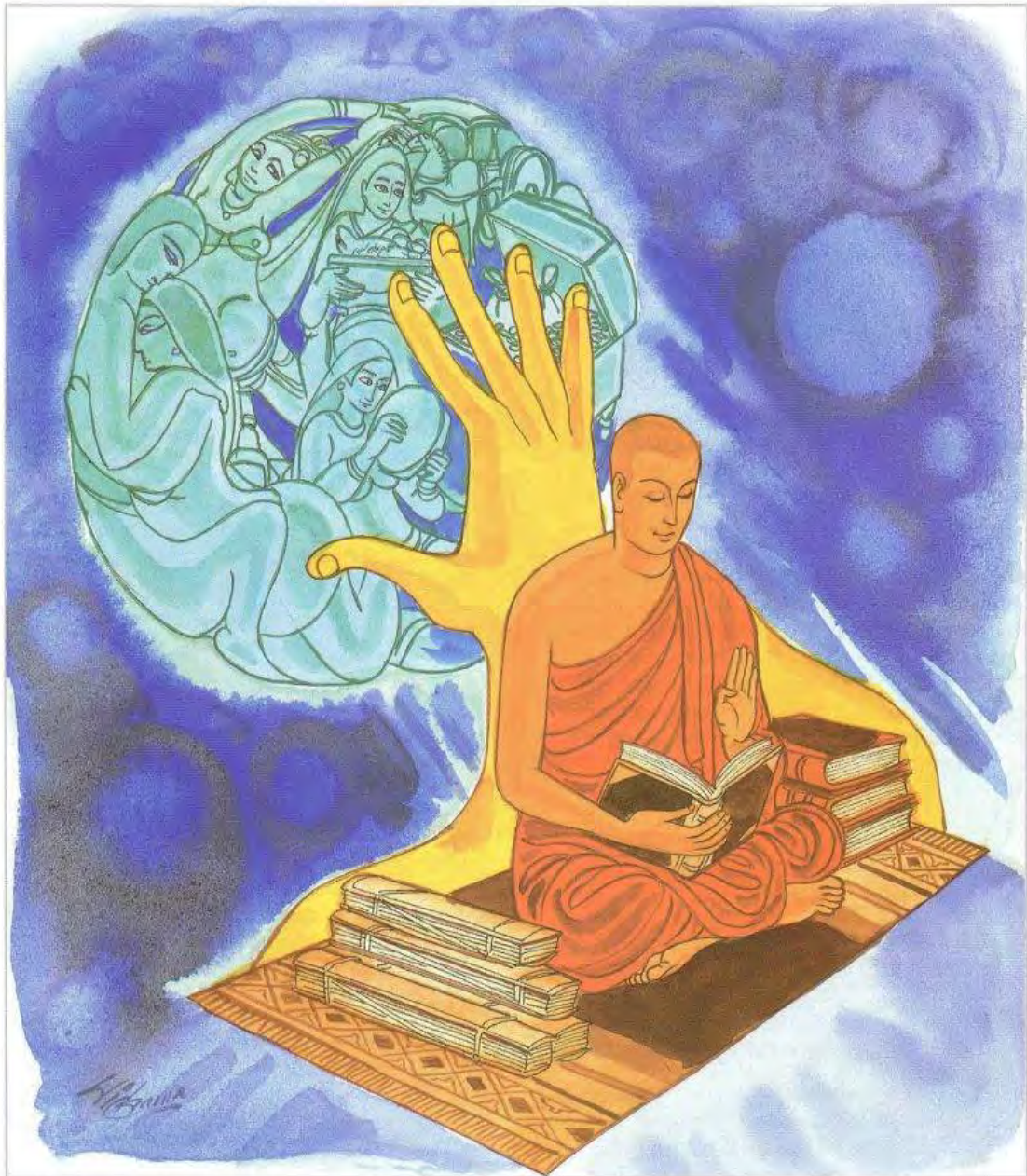
*Đại Đức mời tu Rahula,
Cốc mình đang ở, chúng mời ra,
Nửa đêm đến ngủ bên hương thất,
Vừa đắc vô sanh, kể thấy Ma,
Ma hóa làm Voi quấn trán Ngài,
Rống lên the thé điếc bưng tai,
Phật rằng: Con của ta không sợ,
Dầu cả ngàn Ma đến thị oai,
Phân tích bốn chi đã lậu thông,
Không còn chấp thủ chỉ tâm không,
Đại nhân, đại trí không còn sợ,
Ma nhất làm chi phí uổng công.*

DÚT TÍCH CHUYỆN MA VƯƠNG





**351. Đến đích hết sợ hãi. Ly ái, tham tiêu tùng. Cắt tiết gai
sinh tử. Thân này thân cuối cùng.**



352. Đoạn ái dục, chấp thủ. Khéo giải từ ngữ nguyên. Thấu triệt dạng cú pháp. Phối hợp chúng liền liền. Mang sắc thân lần cuối. Bạc đại nhân, thâm uyên.

XXIV.9- DU SĨ UPAKA

(Upakāṭṭvaka)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 353)

353. “Sabbābhibhū sabbavidū’ham asmi
Sabbesu dhammesu anūpalitto
Sabbañjaho taṇhakkhaya vimutto
Sayam abhiññāya kam uddiseyyam”.

“Ta hàng phục tất cả
Ta biết rõ tất cả
Không uế nhiễm pháp nào
Ta từ bỏ tất cả
Ái diệt tự giải thoát
Đã tự mình thắng trí
Ta cần học việc gì?”.

Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn này khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến du sĩ Upaka.

Tương truyền rằng: Sau khi chiến thắng Ma Vương, Bồ Tát đắc thành quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Giác. Đức Thế Tôn an hưởng vị giải thoát trọn bốn mươi chín ngày dưới cội Đại Giác Cổ Thọ. Bấy giờ, sau 49 ngày Đức Thế Tôn đi đến kinh thành Bārāṇasī để tế độ cho năm thầy Koṇḍañña, tiến về vườn Isipatanamigādaya để chuyển Pháp Luân. Ngài ngự du hành suốt 48 do tuần, vì Ngài thấy được duyên lành của ngoại đạo du sĩ Upaka.

Trên đường du hành, ngoại đạo Upaka trông thấy Đức Thế Tôn, y chiêm ngưỡng Pháp tướng với Lục căn thanh tịnh, màu da trong sáng như vàng ròng tinh anh của Bạc Đạo Sư, y liền bạch hỏi rằng:

- Này Hiền giả, Hiền giả xuất gia với ai? Ai là Bạc Đạo Sư của Hiền giả? Hoặc Hiền giả hoan hỷ với Giáo Pháp của vị nào?

- Này Upaka! Như Lai không có ai là Tế Độ Sư cả, hay là Y Chỉ Sư.



CHÚ GIẢI:

Sabbābhibhū: tức là bậc Toàn thắng tất cả diễn tiến trong ba cõi.

Sabbavidū: tức là thông suốt các pháp diễn tiến trong bốn cõi.

Sabbesu dhammesu: là ái và kiếp diễn tiến trong ba cõi không thể nào xâm chiếm được.

Sabbañjaho: tức là đã từ bỏ các pháp trong ba cõi.

Taṇhakkhaye vimutto: nghĩa là đã giải thoát, tức là A La Hán đạo quả, là pháp chấm dứt ái dục, đã đến tận cùng của sự chứng đạt, chấm dứt trọn vẹn ái dục bằng sự giải thoát của Bạc Vô Học.

Sayam abhiññāya: là tự mình thấu triệt các Pháp...

Kam uddiseyyam: nghĩa là ta cần gì phải y cứ ai là TẾ ĐỘ SƯ hay Y CHỈ SƯ của ta nữa.

Dứt kệ ngôn, du sĩ Upaka không hoan hỷ cũng không phản đối lời dạy của Bạc Đạo Sư. Nhưng y lắc đầu lè lưỡi nói rằng:

- Này Hiền giả! Mong rằng Hiền giả sẽ là như thế.

Rồi y tiếp tục du phương theo con đường của mình, đi đến nhà người thợ săn.

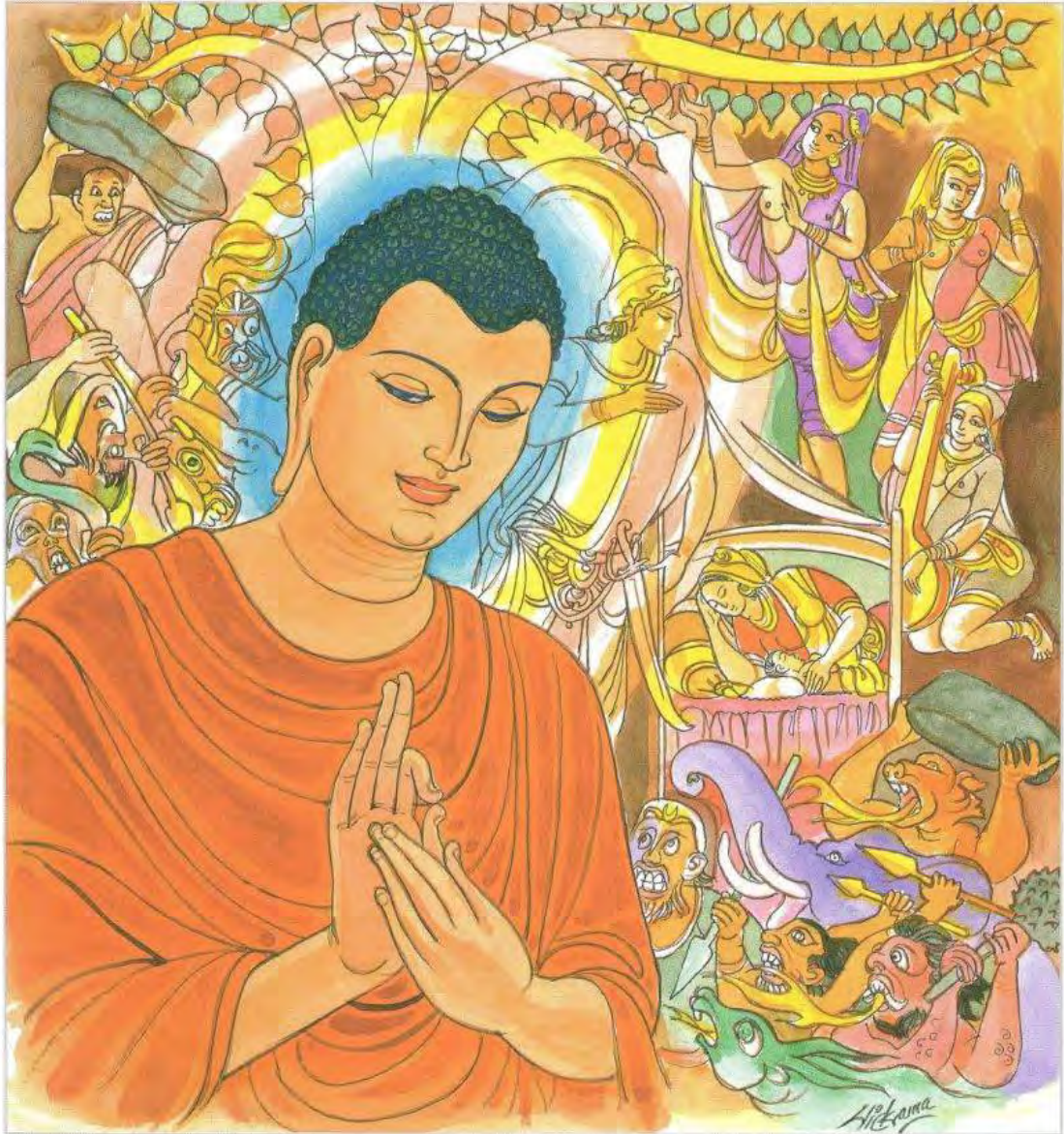


Dịch Giả Cẩn Đề

*Giữa đường gặp Phật hỏi đôi câu,
Nghe đáp làm tỉnh, lúc lắc đầu,
Lè lưỡi, bỏ đi vào lối nhỏ,
Vì chưa thấu đạt lý cao sâu,
Ú Pá Ká này tuy hữu duyên,
Nhưng thời chưa đến phải trì diên,
Về sau mới được theo cùng Phật,
A nhà có phần ngộ trước tiên.*

DỨT TÍCH DU SĨ UPAKA





353. Ta hàng phục tất cả. Ta hiểu rõ ngọn ngành. Ta giữ sạch các pháp. Ta đoạn tuyệt mọi manh. Ta diệt ái giải thoát. Ta liễu ngộ viên thành. Ai là thầy ta nữa.

XXIV.10- ĐỨC THIÊN VƯƠNG ĐẾ THÍCH

(*Sakkadevarāja*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 354)

**“Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti *“Pháp thí thắng mọi thí*
Sabbarasaṃ dhammaraso jināti *Pháp vị thắng mọi vị*
Sabbaratiṃ dhammaratī jināti *Pháp hỷ thắng mọi hỷ*
Taṇhakkayo sabbadukkhaṃ jināti”.** *Ái diệt thắng mọi khổ”.*

Kệ ngôn này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana. Ngài trả lời những câu hỏi của Thiên Vương Đế Thích.

Tương truyền rằng: Một hôm, chư thiên nơi Đạo Lợi Cung cùng nhau ngồi hội họp tại Giảng đường Sudhammā, nêu lên bốn câu hỏi rằng: “*Trong các sự thí, bậc trí gọi sự thí nào là tối thắng? Trong các sự hoan hỷ, bậc trí gọi hỷ nào là tối thắng? Trong các vị, vị nào được bậc trí cho là tối thượng? Vì sao chấm dứt ái dục gọi là cao thượng nhất?*”.

Khi nêu lên bốn nghi vấn này rồi, không có vị Thiên tử nào giải đáp được cả. Chư thiên hỏi lẫn nhau về lời giải đáp bốn vấn đề này, tiếng hỏi nhau lan rộng đi khắp 10 ngàn thế giới và trải qua 12 năm, không vị Thiên nhân nào giải đáp được.

Sở dĩ được lan rộng là vì: Khi chư thiên địa cầu nghe được bốn vấn đề này liền đi đến hỏi Tứ Thiên Vương. Tứ Thiên Vương hỏi chư thiên địa cầu rằng:

- Này các Thiên tử! Việc chi mà các người đến hội họp nơi đây?

- Chúng tôi được bốn nghi vấn như thế này... thế này... Nhưng không ai giải đáp được, do đó mới đến hỏi Ngài đây.

- Này các bạn! Chúng tôi cũng không thể giải đáp được. Chỉ có Thiên Vương Đế Thích có sự hiểu thấu được bốn vấn đề này, vì Ngài có trí hiểu được ý nghĩ của ngàn người có cùng một lúc chỉ trong giây phút. Thiên chủ là bậc thù thắng hơn chúng ta về phước báu và trí tuệ. Vậy chúng ta hãy mang vấn đề này đến hỏi nơi Ngài.

Thế là chư thiên cùng Tứ Thiên Vương đi đến Đạo Lợi hỏi lại bốn vấn đề nơi Thiên Chúa Đế Thích. Đức Thiên Chủ nói rằng:

- Này các khanh, vấn đề này không có một ai có thể thấu triệt, vì đây thuộc về trí tuệ của vị Chánh Đẳng Giác. Này các khanh! Hiện nay Đức Thế Tôn đang ngự nơi nào?

- Thưa Thiên Chủ, Đức Thế Tôn đang trú tại Tịnh xá Jetavana.

- Này các khanh, chúng ta hãy đến yết kiến Đức Thế Tôn, trình lên Ngài vấn đề này.

Và Thiên Vương Đế Thích cùng chư thiên tùy tùng đi đến Jetavana, làm cho trọn cả Tịnh xá rực sáng trong đêm ấy. Vua Trời sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn rồi, đứng vào nơi phải lễ, Đức Thế Tôn phán hỏi rằng:

- Này Đại Vương! Có việc chi mà Ngài cùng chư thiên tùy tùng đi đến đây?

- Bạch Thế Tôn! Tất cả chư thiên nêu lên bốn vấn đề như thế, nhưng không một ai có thể hiểu thấu đáo ý nghĩa bốn vấn đề này. Xin Thế Tôn từ mẫn giảng giải ý nghĩa này cho chúng con đi.

- Này Đại Vương! Được rồi. Như Lai đã hành Pháp Độ đến bờ cao thượng, đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác là để giải trừ hoài nghi cho chúng sanh như Đại Vương đây. Này Đại Vương, Ngài hãy lắng nghe ý nghĩa này đi: Trong tất cả sự thí, Pháp thí là tối thắng, Pháp vị là vị tối thượng trong tất cả các vị, trong các hỷ thì Pháp hỷ là thù diệu nhất. Sự chắm dứt ái dục là tối thắng vì khiến chúng sanh ấy chứng đắc Vô Lậu quả, chắm dứt trọn vẹn khổ uẩn này.

Chú thích:

Sabba dānaṃ...: Nghĩa là người cúng dường như là tam y, vật thực... đến chư Phật Chánh Đẳng Giác, hay chư Phật Độc Giác và bậc Lậu Tận nhiều vô số kể, các bậc ấy ngồi khít khao tràn ngập cả thế giới cho đến cõi Phạm thiên. Sự bố thí ấy chẳng sánh bằng 1/16 của Pháp tùy hỷ mà chư Phật tuyên thuyết, dù chỉ là bốn kệ ngôn. Sự nghe Pháp, sự thí Pháp, thuyết Pháp là cao quý hơn mọi sự thí khác.

Lại nữa, người chú tâm nghe Pháp sẽ tạo được vô lượng công đức, quả lành chắc chắn sẽ phát sanh đến người ấy. Chính sự thí Pháp mà Đức Thế Tôn ban bố bằng tùy hỷ Pháp với 4 kệ ngôn thôi, cũng cao quý hơn sự thí vật thực thượng vị đầy bát đến hội chúng Thánh Tăng nhiều vô số. Hơn cả sự thí được phẩm trị bịnh mà tín thí gia dâng cúng bởi năm loại thuốc đến chư Tăng Tỳ khưu. Hơn cả sự thí trú xứ mà người thí xây dựng cốc liêu... hay lâu đài vĩ đại có giá trị trăm lần, ngàn lần, hơn cả sự thí Tịnh xá Jetavana của Trưởng giả Anāthapiṇḍika... Vì sao vậy? Vì rằng: Những người làm được phước như vậy, do nhờ nghe Pháp mới làm được, nếu không được thính Pháp thì chẳng bao giờ có tâm dũng mãnh để làm việc đại thí ấy, nếu chúng sanh không được thính Pháp thì dù là một muống com cũng không cúng dường. Do vậy thí Pháp là tối thắng hơn mọi sự thí.

Lại nữa, ngoại trừ bậc Chánh Đẳng Giác, Độc Giác Phật, ngay cả vị Thượng Thủ Thinh Văn là Sāriputta chẳng hạn, là người có trí tuệ quảng đại, có thể đếm được những hạt mưa rơi xuống một kiếp trái đất, nhưng cũng không thể tự mình chứng Đạo Quả được theo với căn tánh của mình, Ngài cũng phải nghe Pháp của Trưởng lão Assaji mới chứng Quả Dự Lưu được, và tác chứng Vô Lậu quả từ nơi Pháp bảo của Bậc Đạo Sư. Vì vậy Đức Đạo Sư mới tuyên thuyết rằng: “*Này Đại Vương! Thí Pháp là tối thắng mọi sự thí – Sabbadānaṃ dhammānaṃ jināti*”.

Hương vị mọi loại cây như là gỗ trầm hương, là vị ngon ngọt thù diệu nhất như Thiên vị chẳng hạn, những hương vị ấy vẫn khiến chúng sanh chịu khổ ải trong trầm luân, chịu sanh tử triền miên ngập tràn đau khổ. Còn hương vị của Giáo Pháp tức là 37 nhân trợ Bồ Đề Giác cùng với 9 pháp Siêu Thế, hương vị ấy mới thật cao quý hơn mọi hương vị. Vì thế, Bậc Đạo Sư phán dạy rằng: “*Sabbarasaṃ dhammaraso jināti*”.

Sự hoan hỷ với con trai, con gái, tài sản, nữ nhân tuyệt sắc... sự hoan hỷ ấy chỉ là một phần nhỏ của sự hoan hỷ khi múa hát... Sự hoan hỷ này cũng khiến chúng sanh phải trầm luân khổ ải, chịu đau khổ trong vòng sanh tử. Còn hỷ lạc sanh lên khiến cho

người thính Pháp, thuyết Pháp và dạy Pháp thường mang đến sự an lạc cho tâm làm sung mãn, tràn đầy an lạc nơi tâm. Sự hỷ lạc ấy đưa đến chấm dứt luân hồi được như bậc A La Hán là vị đã đến nơi cuối cùng của thế gian. Chính nhờ hỷ lạc quán Pháp ấy mới là tối thượng, cao quý hơn mọi hỷ lạc khác. Do đó Đức Thế Tôn phán dạy rằng: “*Sabbaratim dhammarati jināti*”.

Sự chấm dứt ái dục ấy đồng nghĩa với bậc A La Hán. Bậc A La Hán là cao quý hơn mọi chúng sanh, vì các Ngài đã nhiếp phục được luân hồi. Do đó, Đức Thế Tôn phán dạy rằng: “*Tanḥakkhayo sabbadukkhā jināti*”.

Đức Thế Tôn giảng giải trọn vẹn ý nghĩa của bốn vấn đề ấy, có đến 84 ngàn chúng sanh chứng đạt Đạo Quả. Ngay cả Thiên Vương Đế Thích khi được nghe Pháp rồi, đánh lễ và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Thật là bất lợi cho chúng con khi Ngài không dạy bảo chia phước thí Pháp cao quý như thế. Kể từ nay trở đi, xin Ngài từ bi phán bảo chư Tỳ khưu chia phước Pháp thí đến chúng con đi. Bạch Thế Tôn.

Nhận lời thỉnh cầu Thiên Vương Đế Thích, Ngài đã phán dạy chư Tỳ khưu rằng:

- Nay chư Tỳ khưu! Kể từ nay trở đi khi các người thuyết pháp hay dạy Pháp, hoặc đàm luận Chánh Pháp, chỉ đến sự tùy hỷ Pháp, các người nên chia phước đến tất cả chúng sanh vậy.



Dịch Giả Căn Đề

Đế Thích cầu xin giải bốn điều,

Thí nào là thí thật cao siêu?

Vị nào, hỷ lạc nào cao nhất?

Ái diệt, vì sao gọi tối siêu?

Phật rằng: Pháp thí, thí cao siêu,

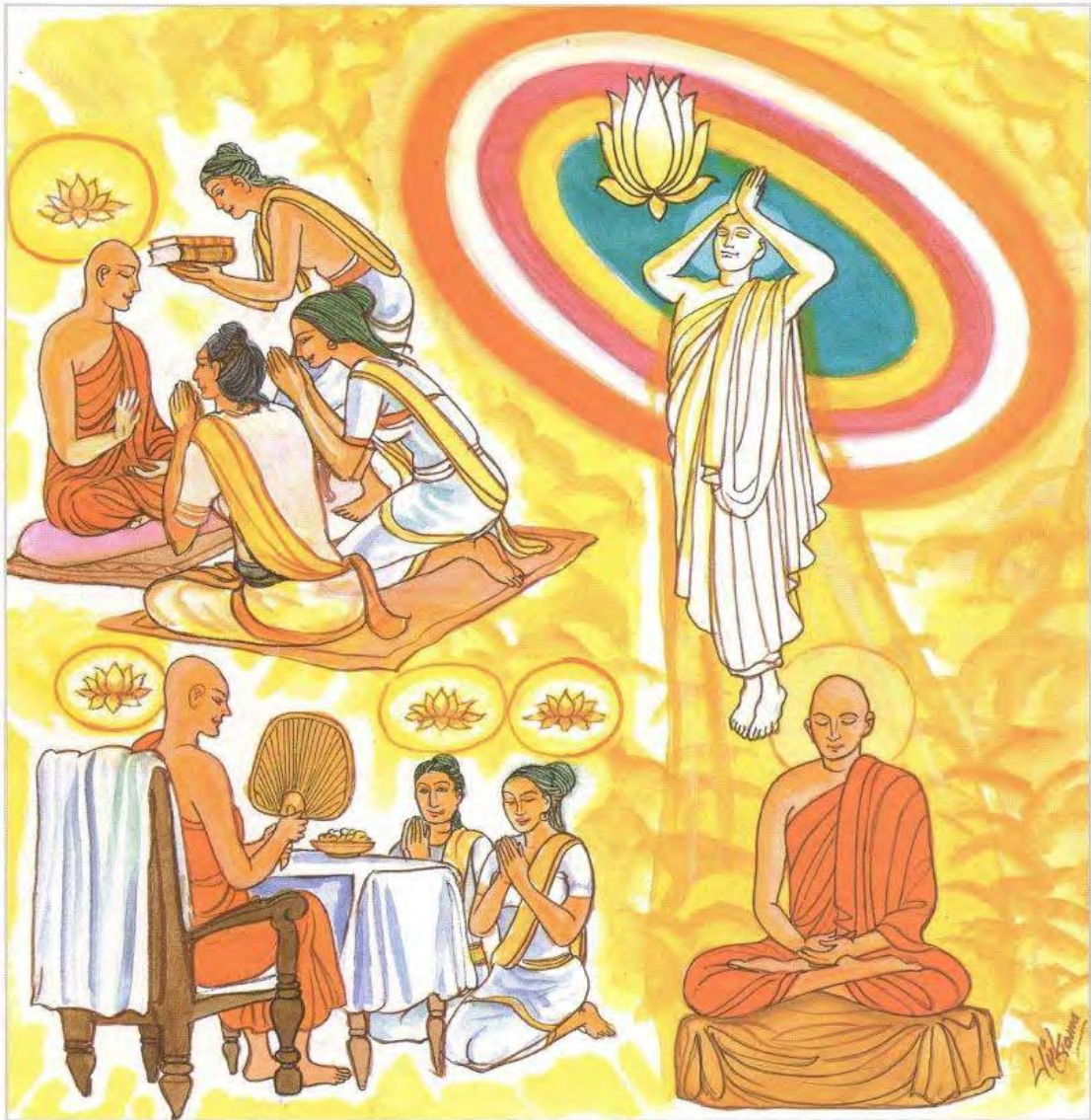
Pháp vị ngon hơn các vị nhiều,

Pháp hỷ đáng kêu vì tối thắng,

Ái diệt, vòng đau khổ dứt tiêu!

DỨT TÍCH ĐỨC THIÊN VƯƠNG ĐẾ THÍCH





354. Thí nào bằng pháp thí! Vị nào bằng pháp vị! Hỷ nào bằng pháp hỷ! Diệt ái hết khổ lụy!

XXIV.11- VỊ TRƯỞNG GIẢ KHÔNG CON

(*Aputtakaseṭṭhī*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 355)

**“Hananti bhogā dumedham
No ve pāragavesino
Bhogataṇhāya dummedho
Hanti añña’va atānaṃ”.**

**“Giàu sang hại người ngu
Không hại người cầu tìm
Đến được bờ bên kia
Kẻ ngu vì ham giàu
Hại mình và hại người”.**

Kệ Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến vị Trưởng giả Aputtaka.

Được nghe rằng: Một hôm, Đức vua Pasenadi vị thủ lãnh xứ Kosala. Đức vua được tin 1 vị Trưởng giả trong thành Sāvattthī vừa mệnh chung, thị dân đến báo cho Ngài rõ tài sản của vị ấy. Đức vua phán hỏi:

- Tài sản ấy sẽ chuyển giao cho ai?
- Tâu Đại Vương, sẽ chuyển giao cho Đại vương sẽ sung vào công khố.

Thế là Đức vua cho chuyển di tài sản ấy vào công khố, trọn cả bảy ngày mới chuyển hết tài sản ấy vào Hoàng cung. Rồi Đức vua Pasenadikosala đi đến Đại Tự Jetavana, yết kiến Đức Thế Tôn, Bậc Đạo Sư phán hỏi rằng:

- Này Đại vương! Có chuyện gì mà Đại vương đến đây vào buổi trưa nắng gắt thế này?

- Bạch Thế Tôn! Có vị Trưởng giả trong thành Sāvattthī vừa mệnh chung, con phải di chuyển tài sản của vị ấy vào công khố, vì vị ấy không có người thừa tự.

Bạch Thế Tôn! Được nghe rằng Trưởng giả ấy rất giàu có, nhưng khi gia nhân mang thực phẩm thượng vị đến cho ông dùng, thực phẩm ấy đựng trong chiếc mâm vàng, thì ông ta nói rằng: “Loài người (mà) được dùng vật thực ngon như vậy ư? Các người đang mĩa mai ta chặc”. Khi gia nhân đặt mâm vật thực xuống thì ông lấy cây, gạch, đá... ném xua đuổi gia nhân đi. Y chỉ dùng gạo nát với nước cải chua và nói rằng: “Đây mới thực sự là vật thực của nhân loại”. Và khi gia nhân mang vải tốt đến cho ông, hay mang chiếc xe đẹp tốt lộng lẫy đến, thì ông mắng nhiếc, dùng gậy gộc, đá gạch để xua đuổi gia nhân. Ông ta chỉ dùng y thô xấu, chỉ đi xe thô xấu mà thôi.

- Này Đại vương! Chuyện này quả có thật như thế. Vì thở quá khứ ông cũng dường đến Đức Phật Độc Giác Tagarasikhī vật thực. Một lần nọ, khi ông đang ngồi trên gác, chợt trông thấy Đức Phật Độc Giác đang trì bình đứng trước cửa nhà. Y bảo với gia nhân rằng: “Hãy cho vị Sa môn ấy bát cơm đi”, rồi ông ta đứng dậy bỏ đi. Được nghe rằng, vị Trưởng giả ấy là người không có đức tin, nên mới nói như thế thôi. Riêng vợ ông là người có đức tin suy nghĩ rằng: “Lâu nay ta mới được nghe

chồng ta nói lên tiếng CHO, sự ước nguyện của ta đã được viên mãn trong ngày hôm nay vậy. Ta hãy cúng dường vật thực hảo hạng đến Ngài”.

Bà liền thỉnh bát và đặt vào bát những món vật thực thượng vị, cúng dường đến Đức Phật Độc Giác. Ngài nhận bát rồi đi ra, ông Trưởng giả đi cửa sau ra gặp Đức Phật Độc Giác đang ôm bình đi ra nên hỏi vị Độc Giác rằng:

- Này ông Sa môn, ông có được chi chăng?

Không đợi Đức Phật Độc Giác trả lời, y mở nắp bát Ngài ra xem, thấy những loại vật thực thượng vị, y bất bình suy nghĩ rằng: *“Vật thực này nên cho nô lệ của ta dùng còn có ích hơn, vì khi họ dùng vật thực này rồi, họ sẽ làm việc cho ta. Còn ông Sa môn này khi ăn rồi sẽ tìm nơi ngủ mà thôi, vật thực của ta sẽ hao phí đi”.*

Lại nữa, này Đại vương, cũng trong kiếp ấy Trưởng giả đã giết chết cháu ruột của mình mà sang đoạt tất cả tài sản.

Được biết rằng, Trưởng giả ấy khi dạo chơi với cháu mình thì đưa cháu nắm lấy tay chú nói rằng:

- Chiếc xe này là của cha con, con bò này cũng của cha con.

Trưởng giả ấy suy nghĩ: *“Hiện giờ nó đã biết nói như thế rồi, khi nó trưởng thành thì ai sẽ là người gìn giữ gia sản này chứ?”.* Ác tâm sanh khởi cho Trưởng giả ấy, y dẫn đưa cháu mình đi dạo chơi trong rừng, dùng lấy hai tay bóp cổ đưa cháu như người ta bóp củ khoai chín, rồi liệng bỏ xác cháu mình vào bụi rậm gần đó.

Này Đại vương! Đây là tiền nghiệp của Trưởng giả ấy.

Đức Thế Tôn phán dạy tiếp rằng:

- Này Đại vương! Do quả Trưởng giả cúng dường vật thực đến Đức Độc Giác Phật Tagarasikhī, nên được thọ sanh làm Chúa Đế Thích 7 lần, quả còn dư sót được làm đệ nhất Trưởng giả có đại tài sản trong thành Savatthī này 7 lần. Do nghiệp quả khởi lên tâm bất bình hối tiếc rằng: *“Nên cho vật thực này đến nô lệ dùng, vì dùng vật thực này sẽ làm việc cho ta có ích lợi hơn”.* Nên tâm của Trưởng giả ấy không chịu dùng vật thực thượng vị, không thích dùng vải quý, hay dùng loại xe đẹp... không chịu dùng hay thọ dụng năm dục trường dưỡng.

Do quả nghiệp sát hại cháu mình để cưỡng đoạt gia tài, nên y bị thiêu đốt trong lửa địa ngục với thời gian dài không sao đếm xiết được, và quả còn dư sót nên y bị tuyệt tự, và đại tài sản ấy thường bị sung vào công khổ quốc độ đã 7 lần rồi.

- Này Đại vương! Lại nữa, phước cũ nay đã hết mà y không có tạo phước thiện mới, vì có tâm bòn xén. Này Đại vương! Chính khi mệnh chung thì y rơi vào địa ngục Mahāroruva, bị thiêu đốt trong lửa địa ngục.

Nghe được tiền nghiệp của Trưởng giả Aputtaka như thế, Đức vua bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu thay, đây là quả nghiệp quá nặng. Khi Trưởng giả ấy có được tài sản như thế mà không tự thọ hưởng. Và khi được Đấng Chánh Đẳng ngự trú nơi đây, ông ấy cũng chẳng tạo được phước thiện gì cả.

- Thật vậy! Này Đại vương, người thiếu trí đã được tài sản thường không tầm cầu Níp Bàn. Lại nữa, ái dục phát sanh do tài sản thường giết người ấy lâu dài.



CHÚ GIẢI:

No ve pāragavesino: là tài sản hằng không hại người tầm cầu bờ thường hằng, tức là Níp Bàn.

Hanti añña'va attanam: nghĩa là người thiếu trí thường tự giết mình như giết người khác, cũng vì tham muốn do tài sản mà phát sanh lên.

Dứt kệ ngôn, nhiều người chứng đạt Thánh Quả như Dự Lưu...



Dịch Giả Cẩn Đề

*Bá Hộ không con để dối lòng,
Chết rồi, di sản bị sung công,
Đức vua muốn biết rành nhân quả,
Cầu Phật từ bi giải lý thông,
Bởi ông Bá hộ kiếp xưa xa,
Bảo vợ dâng cơm đến Phật Đà,
Nhưng lại trở lòng tham hối tiếc,
Nay giàu, chẳng dám hưởng vinh hoa,
Vì giết con anh đoạt sanh tài,
Bấy đời tuyệt tự, chẳng con trai,
Lại không bỏ của ra làm phước,
Hiện ở A – Tỳ chịu khổ sai,
Tài sản chỉ làm hại kẻ ngu,
Bo bo giữ của chẳng lo tu,
Người khôn biết lánh xa tài dục,
Tâm chỉ cầu mong quả đặc thù.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG GIẢ VÔ TỰ





355. Của cải hại kẻ ngu. Không tìm người trí giác. Kẻ ngu ham tiền bạc. Tự hại mình, hại người.

XXIV.12- THIÊN TỬ ANKURA

(Ankuradevaputta)



KÊ NGÔN: (Pháp Cú câu 356-359)

356. “Tiṇadosāni khettāni
Rāgadosā ayam pajā
Tasmā hi vītarāgesu
Dinnaṃ hoti mahapphalaṃ”.

“Cỏ làm hại ruộng vườn
Tham làm hại người đời
Bồ thí người lia tham
Do vậy, được quả lớn”.

357. “Tiṇadosāni khettāni
Dosadosā ayam pajā
Tasmā hi vītadosesu
Dinnaṃ hoti mahapphalaṃ”.

“Cỏ làm hại ruộng vườn
Sân hận hại người đời
Bồ thí người lia sân
Do vậy, được quả lớn”.

358. “Tiṇadosāni khettāni
Mohadosā ayam pajā
Tasmā hi vītamehesu
Dinnaṃ hoti mahapphalaṃ”.

“Cỏ làm hại ruộng vườn
Si làm hại người đời
Bồ thí người lia si
Do vậy, được quả lớn”.

359. “Tiṇadosāni khettāni
Icchādosā ayam pajā
Tasmā hi vigaticchesu
Dinnaṃ hoti mahapphalaṃ”.

“Cỏ làm hại ruộng vườn
Dục làm hại người đời
Bồ thí người lia dục
Do vậy, được quả lớn”.

Tương truyền rằng: Thiên tử Indaka đã cúng dường đến Đại Đức Anurudha một muống com mà người ta đã cho mình khi Trưởng lão đang trì bình khát thực. Quả dị thực của thiện nghiệp ấy, tạo cho Thiên tử Indaka một uy lực to lớn, phước ấy thù thắng hơn sự bồ thí của Thiên tử Anuruka, vị ấy đã xây lò cả 12 do tuần, bồ thí hết mười ngàn năm. Do đó Thiên tử Indaka đã bạch trình với Đức Thế Tôn rằng:

- Ye jhānappasutā dhīrā... (Vì con cúng dường thời có Phật Pháp, đến bậc đáng cúng dường.).

Và Bạc Đạo Sư phán dạy rằng:

- Nay Thiên tử Ankura! Sự tuyền thí là việc tốt. Sự thí (của Indaka) có quả phước dồi dào, giống như gieo hạt giống xuống ruộng tốt. Do người không làm như vậy nên người không có quả báu dồi dào.

Rồi Đức Thế Tôn nói lên ý nghĩa như sau:

“Người nên chọn chỗ bồ thí có quả báu dồi dào. Do sự chọn lựa nên đã được quả báu dồi dào. Đã được Đáng Thiện Thệ tán dương, sự thí đến bậc đáng thọ lãnh ở đời này là có quả báu dồi dào, giống như gieo hạt giống xuống ruộng tốt vậy”.



CHÚ GIẢI:

Tinadosāni: nghĩa là: Sự thật các loại cỏ như cỏ rom... khi sanh trưởng sẽ làm hại ruộng của những loại cây giống đã sanh trước, hay làm hại đến những loại cây giống sẽ sanh lên, và như thế đồng ruộng ấy sẽ không được xanh tươi. Cũng như thế ấy, khi tham ái sanh khởi trong tâm của chúng sanh thường làm hại chúng. Do đó, sự bố thí đến người còn nhiều tham ái, bố thí ấy không có quả lớn, sự bố thí đến bậc Vô Lậu là sự thí có phước báu cao thượng. Vì thế, Bạc Đạo Sư phán dạy rằng: “Ruộng có cỏ là độc hại, chúng sanh có tham ái là độc hại”. Chính vì thế, “Sự thí đến người đã xa lìa tham ái, bố thí ấy mới có quả báu cao thượng”.

Những câu còn lại cũng tương tự như trên.

Dứt Pháp thoại, Thiên tử Aṅkura và Indaka chứng đạt quả vị Dự Lưu.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Thiên tử tuy rằng tạo phước nhiều
Nhưng khi gặt quả chẳng bao nhiêu,
Vì tâm không xả sân, si, dục,
Lại chẳng gặp người thánh đức siêu!
Bố thí để mà diệt tánh tham,
Diệt luôn sân hận với si lầm,
Không mong lợi lạc trong tam giới,
Có thể mới vào đến Phật tâm.*

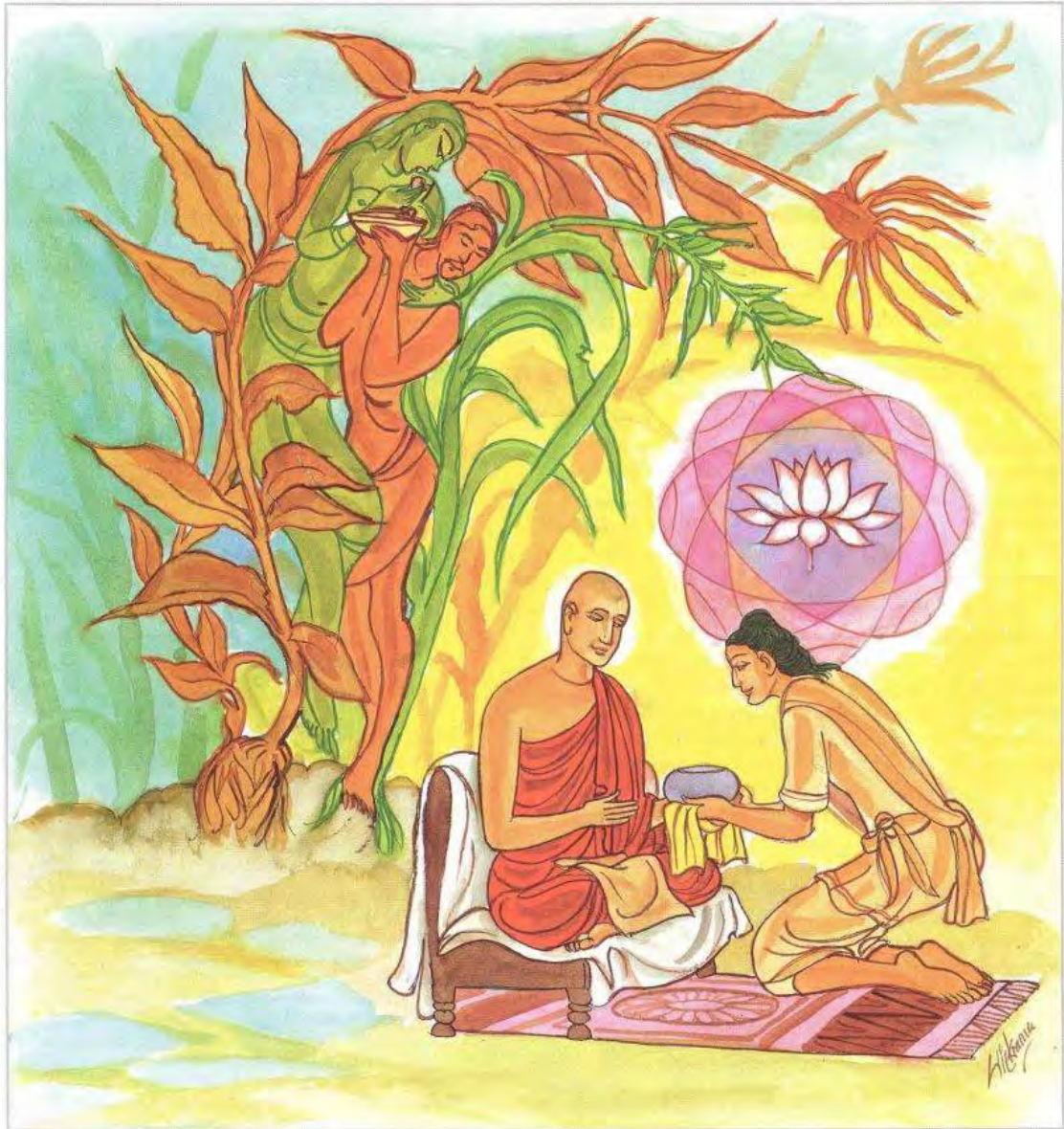
DỨT TÍCH THIÊN TỬ AṅKURA



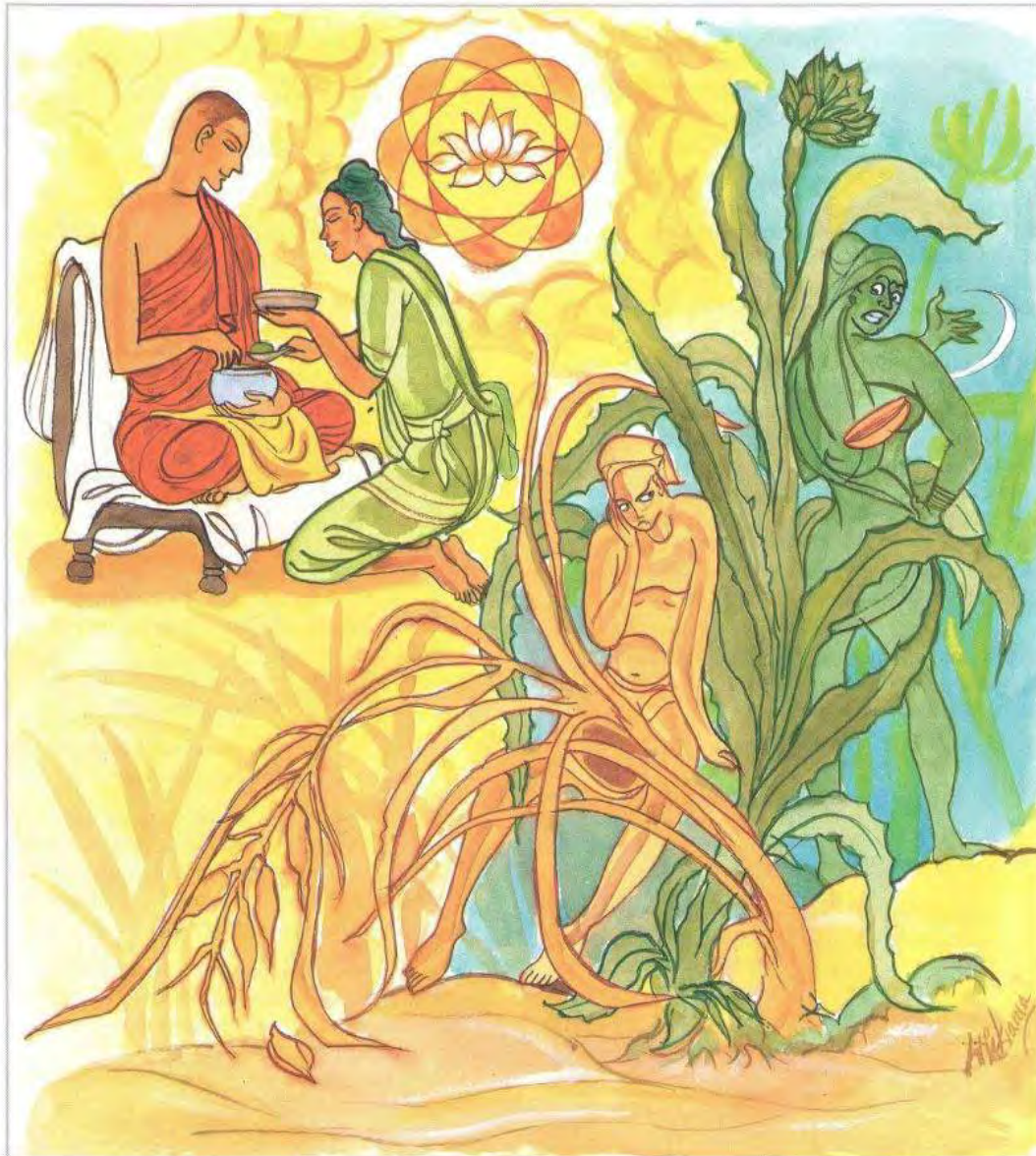
DỨT TÍCH THAM ÁI – TANHĀ VAGGA

DỨT PHẨM 24

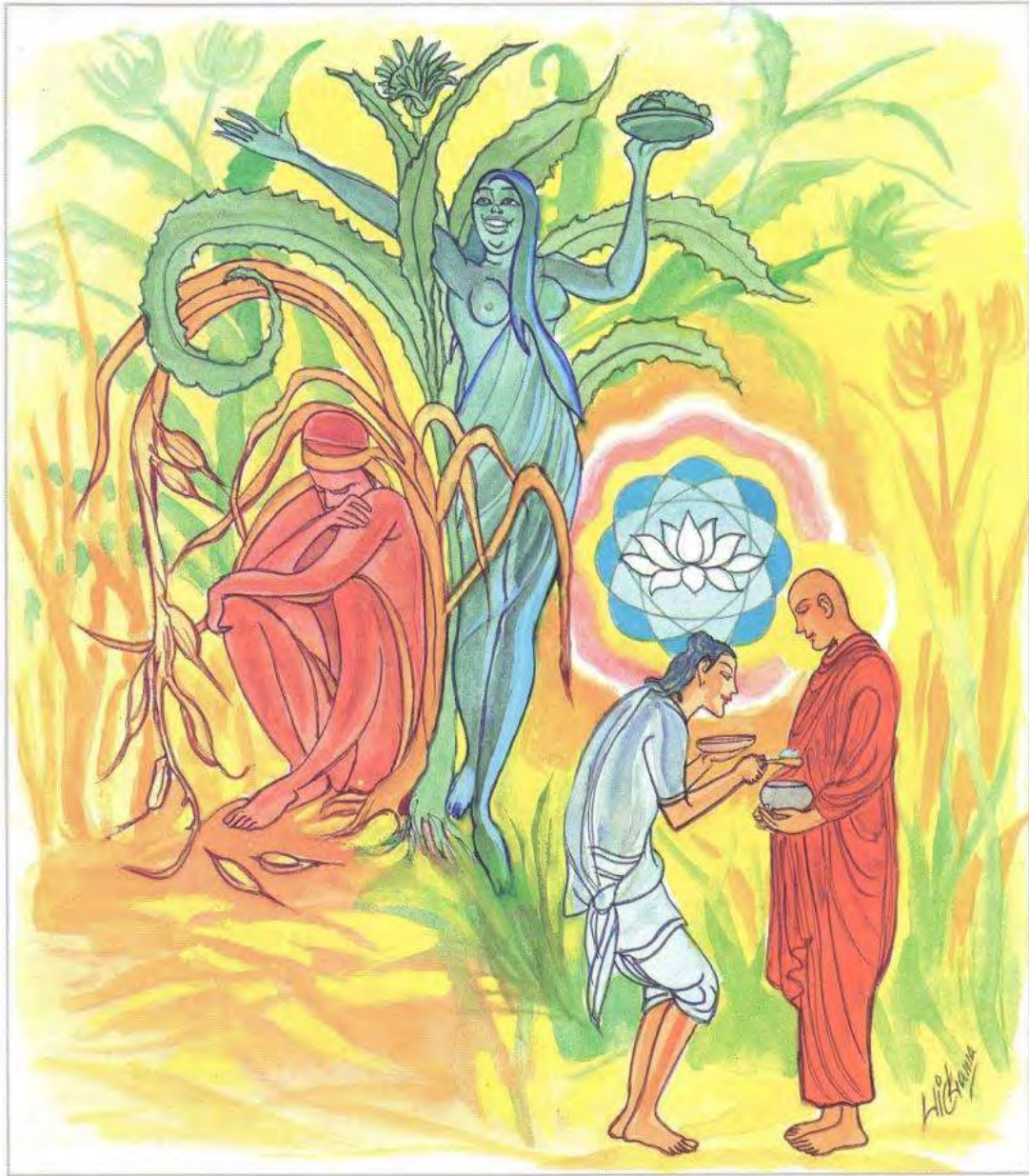




356. Cỏ dại hại ruộng đồng. Tham dục hại thể nhân. Cúng dường bậc lý dục. Quả phúc thật vô ngần.



**357. Cổ đại hại ruộng đồng. Sân hận hại thể nhân. Cúng dường
bạc ly hận. Quả phúc thật vô ngần.**



**358. Cổ đại hại ruộng đồng. Si ám hại thể nhân. Cúng dường
bậc ly ám. Quả phúc thật vô ngần.**



**359. Cỗ đại hại ruộng đồng. Tham ái hại thể nhân. Cúng dường
bậc ly ái. Quả phúc thật vô ngần.**

XXV. PHÂM TỶ KHU'U
(BHIKKHU VAGGA)



- 24 bài kệ: *Pháp cú 358-382*
- 12 tích truyện

XXV.1- NĂM VỊ TỶ KHU'U
(Pañcabhikkhu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 360-361)

**360. “Cakkhunā saṃvaro sādhu,
Sādhu sotena saṃvaro;
Ghānena saṃvaro sādhu
Sādhu jivhāya saṃvaro”.**

*“Lành thay, phòng hộ mắt!
Lành thay, phòng hộ tai!
Lành thay, phòng hộ mũi!
Lành thay, phòng hộ lưỡi!”.*

**361. “Kāyena saṃvaro sādhu,
Sādhu vācāya saṃvaro;
Manasā saṃvaro sādhu,
Sādhu sabbattha saṃvaro;
Sabbattha saṃvuto bhikkhu,
Sabbadukkhā pamuccati”.**

*“Lành thay, phòng hộ thân!
Lành thay, phòng hộ lời,
Lành thay, phòng hộ ý.
Lành thay, phòng tất cả.
Tỳ Kheo phòng tất cả,
Thoát được mọi khổ đau.*

Kệ ngôn này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến năm vị Tỳ khưu.

Như được nghe rằng: Có năm vị Tỳ khưu, mỗi vị phòng hộ chế ngự một căn môn, như là chế ngự mắt, chế ngự tai...

Một hôm, cả năm vị Tỳ khưu ấy cùng ngồi lại với nhau trong Thiện Pháp đường, bàn luận cùng nhau rằng:

- Này chư Hiền! Tôi là người chế ngự căn môn là mắt, vì mắt là căn khó chế ngự hơn cả.

Vị khác lại nói:

- Này chư Hiền! Tai là căn môn khó chế ngự hơn cả, tôi là người phòng hộ nhĩ môn.

Một vị lại bảo rằng:

- Này chư Hiền! Theo tôi mũi là căn môn khó chế ngự hơn cả, tôi là người phòng hộ tỷ môn.

Và vị Tỳ khưu thứ năm lại nói:

- Thừa chur Hiền! Thật ra thân môn mới khó chế ngự hơn cả. Tôi là người chế ngự được thân môn.

Cả năm vị đều cho rằng căn môn mà mình đang chế ngự, phòng hộ là khó chế ngự hơn cả.

Thế rồi, cả năm vị bảo nhau rằng:

- Chúng ta hãy mang vấn đề này bạch hỏi nơi Đức Đạo Sư vậy.

Sau khi đánh lễ Đức Đạo Sư xong rồi, chur Tỳ khuru ấy ngồi vào nơi phải lễ, bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con mỗi người chế ngự một căn môn. Chúng con cho rằng môn quyền mà mình đang chế ngự phòng hộ là khó chế ngự hơn cả. Bạch Thế Tôn, trong chúng con, ai là người chế ngự được môn quyền khó chế ngự nhất.

Đức Đạo Sư không làm cho vị Tỳ khuru nào sanh tâm bất lạc cả, Ngài dạy rằng:

- Này các Tỳ khuru! Tất cả các căn đều khó phòng hộ thật sự. Một lẽ nữa, chẳng phải bây giờ các ngươi mới là người thu thúc căn môn đâu, trong quá khứ các ngươi vì không thu thúc căn môn, không thực hành theo lời Giáo giới của bậc hiền trí, nên đã đi đến sự hoại vong. Chính vì không thu thúc căn môn ấy.

Chur Tỳ khuru thỉnh cầu rằng: “*Bạch Thế Tôn! Khi nào vậy?*”.

Đức Thế Tôn khi ấy thuyết giảng lên Bốn Sanh Takkasilā chi tiết rằng: Ta không bị rơi vào quyền lực của Dạ xoa, là do ta định tĩnh với sự tinh cần vững chắc trên con đường Giáo Giới của bậc trí, và vì không để đuôi trước tai hại, nên ta mới đạt được sự an lành, thoát khỏi đại nạn ấy.

Và Bồ Tát làm lễ tôn vương trước sự suy vong của Hoàng Tộc sanh lên từ Dạ xoa. Ngài ngồi trên Long Ngai dưới cây Lọng trắng chín tầng của Vương triều, nhìn Vương quốc mình, thốt lên rằng:

“*Sự tinh cần là Pháp mà tất cả chúng sanh nên thọ trì*”.

Tiếp theo Ngài nhận diện Bốn Sanh rằng:

- Này các Tỳ khuru! Trong thời ấy, các ngươi cầm lấy vũ khí sắc bén, tháp tùng theo bậc hiền trí đi chiếm lấy Vương Quốc Takkasilā. Trên đường đi do không thu thúc mắt, tai, mũi, lưỡi và thân nên các ngươi lần lượt rơi vào chạm bẫy của Dạ xoa. Các ngươi đã không hành theo lời Giáo huấn của bậc trí trên đường đi, nên đã đi đến sự hoại vong. Riêng bậc trí không màng đến những cảnh ấy, dù cho Dạ xoa có hóa thân thành Thiên nữ theo đuổi phía sau Ngài, Ngài cũng chẳng màng và đi đến thành Takkasilā được bình an vô sự và được làm Vua. Hiền trí ấy chính là Đấng Như Lai hiện tại vậy.

Này các Tỳ khuru! Lẽ thường Tỳ khuru cần phải thu thúc các căn, vì khi vị Tỳ khuru nào thu thúc các căn đó rồi, thì sẽ thoát khỏi mọi khổ đau.



CHÚ GIẢI:

Nên hiểu câu Cakkhunā... trong kệ ngôn này rằng: Khi nào cảnh sắc đi vào lộ nhãn môn của vị Tỳ khuru, khi ấy vị Tỳ khuru không vui thích với sắc ấy, với cảnh khả ái khả lạc, cũng không bất bình với cảnh xấu, bất mỹ, khả ố. Không có sự phóng dật vì tác ý không đều đặn. Thu thúc là sự ngăn trừ, nghĩa là phòng hộ cho hành động mà vị Tỳ khuru thực hiện trong môn quyền ấy. Nhĩ môn, thiết môn, tử môn... cũng đồng ý nghĩa.

Thu thúc hay bất thu thúc không sanh lên trong môn đó, nhưng sẽ sanh tiếp nối theo trong Lộ Động Lực. Thật vậy, sự bất thu thúc sanh lên là do nương vào năm pháp bất thiện là:

- Vô tín, bất kham nhẫn, lười biếng, thất niệm và vô minh. Năm pháp bất thiện này thường hiện khởi trong lộ tâm động lực bất thiện. Còn thu thúc có được là do năm pháp: Đức tin, nhẫn nại, tinh cần, ghi nhớ và trí tuệ hiểu biết, năm pháp này thường hiện khởi trong lộ động lực thiện.

Pasādakāya hay Copanakāya có trong hai câu: “*Kāyena saṃvaro*”. Hai câu Pasādakāya hay Copanakāya đều là thân môn vậy. Trong cả hai môn ấy, Đức Thế Tôn nói về sự thu thúc và bất thu thúc trong Pasādadvāra (thân môn). Nghĩa là Đức Thế Tôn nói về ba thân trực hạnh là sát sanh, trộm cắp, tà hạnh do y cứ vào Pasādadvāra kể cả Copanadvāra. Vị Tỳ khuru không thu thúc thân môn thì ba ác thân hạnh sẽ hiện khởi trong động lực bất thiện qua thân môn. Còn vị Tỳ khuru thu thúc, ba thân thiện hạnh thường hiện khởi trong lộ động lực thiện qua thân môn.

Copanavācā, Ngài nói trong câu: “*Sādhū vācāya*”. Do không thu thúc khẩu môn (copanadvāra) nên bốn khẩu ác hạnh là nói dối, nói ác, nói đâm thọc, nói nhảm nhí sanh lên trong lộ động lực bất thiện. Vị Tỳ khuru thu thúc do có tác ý từ bỏ vọng ngữ, ác ngữ, hại ngữ, hý ngữ và khẩu thiện hạnh sanh lên trong động lực thiện.

Còn ý ác hạnh như tham ác, sân ác, tà kiến ác cùng với các tâm khác từ tâm phóng dật không đề cập đến trong câu Manasā saṃvaro. Ý môn không thu thúc thì lộ động lực bất thiện hiện khởi qua ý môn sẽ có tham, sân, tà kiến... Trái lại ý môn được thu thúc thì lộ ý môn động lực sẽ có vô tham, vô sân và trí tuệ.

Sādhū sabbattha nghĩa là sự thu thúc trong các môn như nhãn... sẽ mang lại sự an lạc. Đức Thế Tôn có thuyết giảng tám điều vị Tỳ khuru nên hành trì và tám điều không nên hành trì với Phật ngôn là như thế. Y cứ vào tám điều nên hành trì chắc chắn sẽ thoát khỏi khổ đau, luân hồi, còn y cứ vào tám điều không nên hành trì chắc chắn sẽ rơi vào khổ cảnh.

Vì thế, Đức Thế Tôn dạy: “*Sabbattha saṃvuto bhikkhu, sabbadukkhā pamuccati*”.

Dứt Pháp thoại cả năm vị Tỳ khuru chứng đạt Quả Dự Lưu...

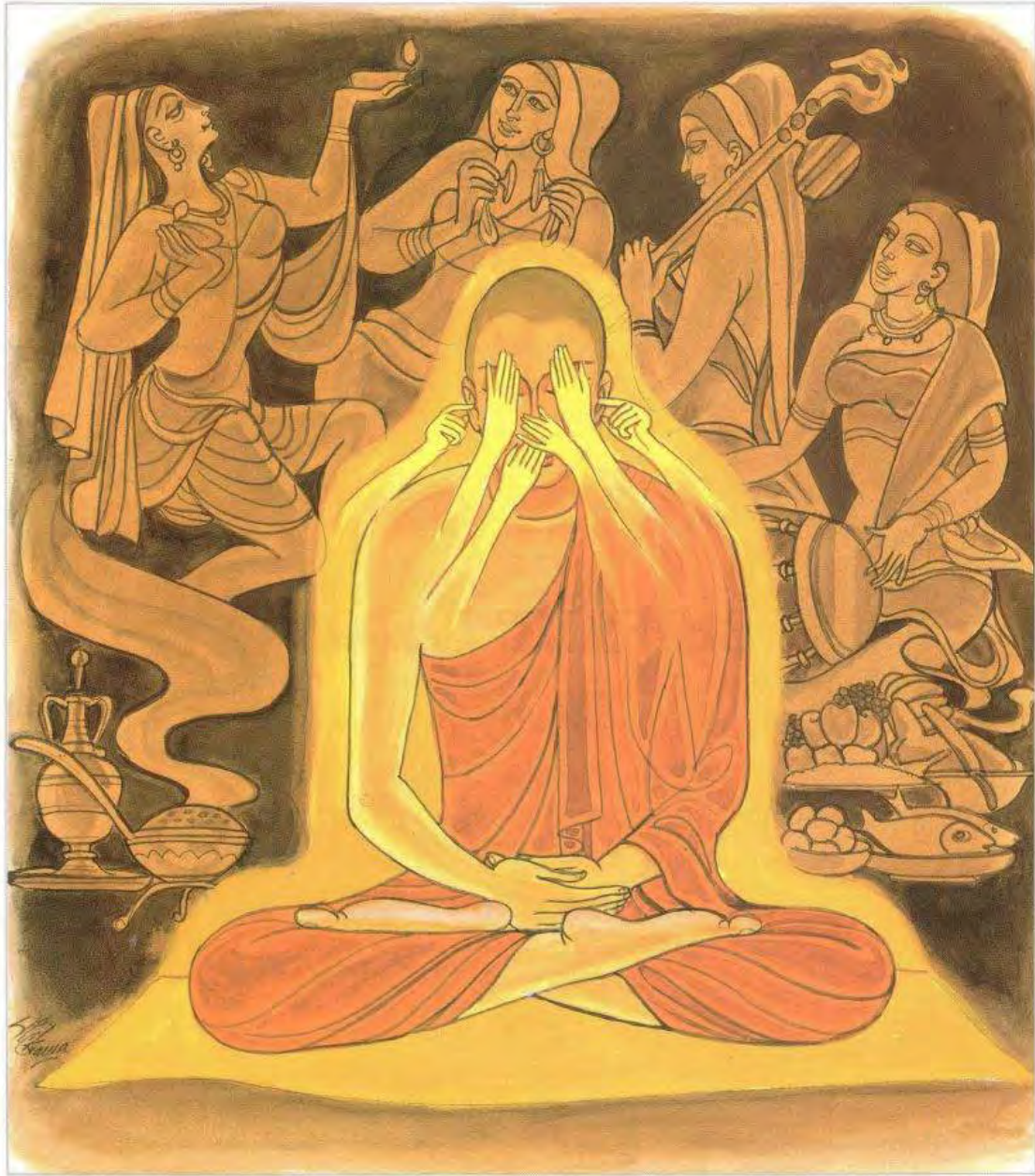


Dịch Giả Cẩn Đề

*Năm căn khó giữ nhất căn nào,
Năm vị Tỳ khưu luận thấp cao,
Ai cũng cho mình là hữu lí,
Cùng vào hỏi Phật định ra sao?
Phật bảo: Vì không giữ giới răn,
Năm thầy đã bị Dạ xoa ăn,
Một mình Bồ Tát là ta sống,
Nhờ ráng kiên trì đủ lực căn,
Kiếp trước năm thầy đã bị thua,
Riêng ta toàn thắng được làm Vua,
Tỳ khưu phải giữ toàn sáu cửa,
Biển khổ chưa qua chớ cợt đùa.*

DÚT TÍCH NĂM VỊ TỖ KHƯU





**360. Lành thay điều phục mắt! Lành thay điều phục tai!
Lành thay điều phục mũi! Lành thay điều phục lưỡi!**



361. Lành thay hàng phục thân! Lành thay hàng phục ý! Lành thay lời chế chỉ! Lành thay phòng mọi điều! Hàng phục được bấy nhiêu. Tỳ Kheo ấy thoát khổ.

XXV.2- VỊ TỖ KHUỒ GIẾT HẠC (*Hamsaghātabhikkhu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 362)

**“Hatthasamyato pādasamyato,
Vācāsamyoato samyoatuttamo;
Ajjhattarato samāhito,
Eko santusito tamāhu bhikkhum”.**

**“Người chế ngự tay chân,
Chế ngự lời và đầu,
Vui thích nội thiền định,
Độc thân, biết vừa đủ,
Thật xứng gọi tỳ kheo”.**

Nhân khi đề cập đến vị Tỳ khưu giết hạc, Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn này, khi Ngài ngự tại Jetavana.

Được nghe như vậy: Trong thành Sāvattihī có hai thiện gia tử nhờ nghe Pháp từ nơi Đức Thế Tôn, hai vị ấy xin xuất gia trong Giáo Pháp của Ngài, hai vị ấy thường đi chung với nhau.

Một hôm, hai vị ấy đi đến bờ sông Aciravatī tắm, khi tắm xong, đang đứng phơi khô thân mình và đàm luận cùng nhau. Khi ấy, trên hư không có hai con hạc hay ngang, một vị Tỳ khưu cầm viên sỏi trong tay nói rằng:

- Này Hiền giả! Nếu muốn tôi có thể búng trúng mắt con hạc.
- Hiền giả không thể nào búng trúng được đâu.
- Chừa con mắt này ra, tôi sẽ búng trúng con mắt kia.
- Dù là mắt nào Hiền giả cũng không búng trúng được.
- Vậy thì, Hiền giả hãy xem đây.

Vị ấy bèn búng viên sỏi lao vút lên không trung về phía đuôi con hạc. Nghe tiếng sỏi rít lên phía sau mình, con hạc quay đầu lại nhìn. Khi ấy, vị Tỳ khưu nhặt lấy viên sỏi khác cầm tay chờ sẵn, và búng ngay vào mắt con hạc, viên sỏi xuyên trúng mắt hạc, hạc kêu thét lên, co quắp người lại và rơi xuống đất.

Chư Tỳ khưu thanh tịnh, thiếu dục trông thấy như thế, liền quở trách vị Tỳ khưu ấy rằng:

- Này Hiền giả! Hiền giả là bậc xuất gia, lại sát sanh như thế thật bất xứng với hành động của mình.

Rồi các vị Tỳ khưu mang vị ấy đến trình bạch sự kiện trên lên Đức Thế Tôn. Bậc Đạo Sư phán hỏi rằng:

- Này Tỳ khưu! Có thật chăng, nghe rằng người đã búng sỏi giết hạc.
- Bạch Thế Tôn! Có thật như thế.

- Này Tỳ khưu! Người đã xuất gia trong Giáo Pháp thanh tịnh của Đấng Như Lai, là con đường đưa chúng sanh thoát khổ. Tại sao, hỡi kẻ rỗng không kia, tại sao người lại làm như thế. Thử quá khứ, khi Đấng Chánh Đẳng Giác chưa hiện khởi trong thế gian, bậc trí tuy sống đời thế tục, vẫn có sự hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi với giới hạnh của mình dù

chỉ là chút ít. Còn người nay đã xuất gia trong Pháp Luật rực sáng như thế, lại chẳng có sự hổ thẹn, ghê sợ với Giới hạnh của mình chi cả.

Theo lời khẩn cầu của chư Tỳ khuru, Đức Thế Tôn thuyết giảng Bốn Sanh như sau:

Trong thời quá khứ, khi Đức vua Dhanañjaya đang trị vì xứ Kuru, trong kinh thành Indapatta. Bồ Tát giáng hạ vào thai bào của Hoàng hậu Dhanañjaya.

Khi Bồ Tát trưởng thành, Ngài tinh thông mọi nghiệp nghệ đương thời, Ngài theo học nghệ thuật với vị Danh sư trong thành Takkasilā. Ngài được vua phong cho Đạo vị Phổ Vương. Thời gian sau, khi thân phụ qua đời, Ngài lên nối Vương vị, Ngài luôn hành trì Thập Pháp Vương, an trú trong Pháp Kuru (5 giới được gọi là Pháp Kuru). Bồ Tát đã thọ trì năm giới thật trong sạch, rồi thì noi gương Ngài mọi người đều thọ trì Giới hạnh, nổi bật nhất là các vị như: Hoàng Thái hậu, Hoàng hậu, Phó vương (em trai Ngài), vị Quân sư, người xa phu, người đạo điền, vị Trưởng giả, người thủ khổ lương thực, người giữ công thành và nàng kỹ nữ.

Cả 11 người đang hành trì Pháp Kuru như thế. Nói về nước lân bang xứ Kuru là xứ Kalinga, bây giờ nơi kinh đô Dantapurī của xứ Kalinga, bây giờ nơi kinh đô Dantapurī của xứ Kalinga đang bị hạn hán, Đức vua cho họp triều thần lại, để tìm cho ra nguyên nhân hạn hán và phương pháp đem lại an lạc cho thần dân trong quốc độ.

Triều thần xứ Kalinga luận bàn rằng: “Được nghe rằng vua xứ Kuru có con tượng Hạnh Phúc tên là *Añjanāsabha* có nhiều phước báu. Chúng ta hãy đến xin tượng ấy”. Và họ đã đến xin tượng báu Maṅgala của Bồ Tát, vì nghĩ rằng: “Khi được tượng này thì xứ Kalinga sẽ mưa thuận gió hòa”.

Đức Vua Kalinga cử các đại thần Bà la môn đến xin voi Hạnh Phúc. Để nói lên sự việc của các vị Bà la môn ấy, Bạc Đạo Sư thuyết giảng Bốn Sanh trong Tkanipāta rằng:

“Kính thưa đáng thống lĩnh của nhân giới, chúng thần đã biết được tin Đức vua cùng với Giới hạnh của Ngài rồi. Xin Ngài hãy đổi vàng với con voi có sắc tươi đẹp như hoa đi, chúng thần sẽ mang voi ấy về xứ Kalinga”.

Nhưng khi Bà la môn mang voi Maṅgala về, xứ Kalinga vẫn hạn hán như cũ. Lại triệu tập các vị đại thần vào triều luận bàn. Và có ý kiến nêu lên rằng:

- Do Đức vua Kuru thọ trì Pháp Kuru, nên vương quốc ấy mưa thuận gió hòa. Chúng ta hãy đến xin thọ trì Pháp Kuru nơi Đức vua Kuru vậy.

Vua xứ Kalinga cho các vị đại thần Bà la môn lên đường đến vương quốc Kuru học Pháp Kuru, Ngài giao cho các vị ấy tấm bảng vàng, dặn rằng:

- Nay chư khanh, hãy ghi chép Pháp Kuru mà Đức vua ấy thọ trì vào tấm bảng bằng vàng này, mang về đây cho Trẫm.

Khi các đại thần Bà la môn ấy bạch xin Pháp Kuru, thì từ Đức vua cho đến nàng kỹ nữ đều có sự áy náy về giới hạnh của mình, và từ chối rằng: “Giới của tôi chưa được trong sạch trọn vẹn”. Mỗi vị đều thuật lại điều e ngại của mình. Đến khi các vị đại thần khẩn thiết rằng: “Sự phá giới chẳng phải do nguyên nhân nhỏ nhặt ấy đâu”. Bây giờ các vị ấy mới truyền thụ Pháp Kuru.

Đức vua Kalinga thọ trì Pháp Kuru do các quan đại thần ghi chép mang về và Ngài truyền cho cả quốc độ Kalinga đồng thọ trì giới hạnh ấy cho thật trong sạch, nạn hạn hán

liền chấm dứt, mưa khởi lên khắp quốc độ ấy, xứ Kalinga trở nên sung mãn có vật thực để dâng.

Bậc Đạo Sư sau khi thuyết giảng Bốn Sanh rồi, Ngài nhận diện bốn sanh rằng: “Kỷ nữ thời ấy nay là Tỳ khuru ni Uppalavaṇṇā, người đạo điền này là Tỳ khuru Kaccāyana, quan giữ kho nay là Tỳ khuru Kolita, Trưởng giả nay là Trưởng lão Sārīputta, người xa phu nay là Anuruddha, vị Giáo sĩ đại thần nay là Trưởng Lão Nandapaṇḍita, Hoàng hậu nay là mẹ Rāhula, Hoàng Thái hậu nay là Hoàng hậu Māyā. Đức Vua xứ Kuru nay chính là Đấng Như Lai vậy”.

- Này chư Tỳ khuru! Bậc Trí trong thời trước, khi có sự khó chịu chút ít khởi lên, đã có sự e ngại về giới hạnh của mình rồi, còn các người xuất gia trong Giáo Pháp của Đức Phật như ta mà còn sát sanh, đã tạo nên nghiệp bất xứng. Lẽ thường vị Tỳ khuru nên tự điều chế tay, chân và lời nói.



CHÚ GIẢI:

Hatthasamyato: Nghĩa là người tự điều chế tay, không có sự múa tay... hoặc đánh đập chúng sanh khác bằng tay.

Gọi là người tự điều chế lời nói, do không nói bốn ác khẩu hạnh như vọng ngữ, ác ngữ, thô ngữ, hý ngữ.

Samyatuttamo: Nghĩa là người tự điều chế thân, là không làm điều lạ như lắc mình, lắc đầu hay nhú mày...

Ajjhattarato: Nghĩa là người thỏa mãn, thỏa thích sự tu tập nghiệp xứ, tức là pháp điển hành bên trong.

Samāhito: Nghĩa là người có tâm vững chắc.

Eko santusito: Là người thường độc cư hoan hỷ với sự hoan hỷ, tức là tâm hoan hỷ với pháp thành của mình kể từ khi tu tập thiền quán.

Thật vậy, tất cả hạng hữu học kể từ phạm thiện thường hoan hỷ với Pháp Thành của mình, vì thế được gọi là bậc Tri túc, riêng bậc A La Hán thì có sự hoan hỷ thuần nhất. Đức Thế Tôn ám chỉ bậc A La Hán, nên Ngài thuyết rằng: Eko santusito.

Dứt pháp thoại nhiều người chứng đắc quả Thánh.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Tỳ khưu ném đá giết thiên nga,
Phật chẳng khen tài lại quở ta,
Kể tích nghìn xưa gìn giữ giới,
Dẫu là tội nhỏ, chẳng sai ngoa,
Thời ấy, Phật là vị Quốc vương,
Quan, con, vợ, mẹ... cả triều đường,
Đều kiên trì giữ câu lâu pháp,
Gió thuận, mưa hòa, bởi giới hương,
Tỳ khưu phải chế ngự đầu, thân,
Phải chế ngự lời với tay chân,
Vui trong thiền định, người tự tại,
Tri túc, cô đơn, hạnh thánh nhân.*

DỨT TÍCH VỊ TỖ KHƯU GIẾT HẠC





362. Điều phục cả chân tay. Điều phục ngay đầu óc. Điều phục lời ngang dọc. Đơn độc vui hành thiền. Tri túc sống an nhiên. Tỳ kheo là vậy đó.

XXV.3- TỖ KHƯU KOKĀLIKA

(*Kokāliko*)



KĒ NGÔN: (Pháp Cú câu 363)

**“Yo mukhasaṃyato bhikkhu,
Mantabhāṇī anuddhato;
Atthaṃ dhammaṅca dīpeti,
Madhuram tassa bhāsitaṃ”.**

***“Tỳ kheo chế ngự miệng,
Vừa lời, không cống cao,
Khi trình bày pháp nghĩa,
Lời lẽ dịu ngọt ngào”.***

Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Tỳ khuru Kokālika.

Câu chuyện này trong Tạng Kinh ghi rằng: “*Lần ấy, Tỳ khuru Kokālika đã đi đến yết kiến Đức Đạo Sư...*”. Câu chuyện này, bậc trí hãy hiểu theo nghĩa thuyết của nhà chú giải.

Khi Tỳ khuru Kokālika tái sanh vào địa ngục, chư Tỳ khuru cùng nhau ngồi hội họp tại Giảng Pháp đường, bàn luận rằng:

- Ô! Tỳ khuru Kokālika đã bị tổn hại, do đã lăng mạ hai vị Thượng Thủ Thịnh Văn là Sāriputta và Moggallāna, nên bị rơi vào địa ngục.

Bậc Đạo Sư đi đến giảng Pháp đường, ngồi vào nơi được soạn sẵn phán hỏi rằng:

- Này các Tỳ khuru! Các người ngồi hội họp cùng nhau bàn luận về vấn đề gì?

Chư Tỳ khuru trình lên Đức Thế Tôn câu chuyện đang bàn luận, Bậc Đạo Sư phán rằng:

- Này các Tỳ khuru, chẳng phải bây giờ Tỳ khuru Kokālika bị tổn hại đâu, trong quá khứ Kokālika cũng bị tổn hại như vậy rồi.

Theo lời thỉnh cầu của chư Tỳ khuru, Đức Thế Tôn thuyết giảng Bốn sanh như vậy:

Vào thời quá khứ có một con rùa sống tại một hồ nước xanh, trong rừng Tuyết Lãnh. Bấy giờ có đôi hạc thường bay đến hồ nước ấy tìm vật thực, đôi hạc kết bạn với con rùa ấy. Một hôm, đôi hạc hỏi con rùa rằng:

- Bạn ơi! Nhà của tôi ở hang núi Gittakūṭa trong rừng Tuyết Lãnh. Bạn có muốn đi với chúng tôi chăng?

- Này bạn! Tôi sẽ đi với phương tiện nào bây giờ.

Chúng tôi sẽ mang bạn đi, nếu bạn giữ được miệng mình.

- Bạn ơi! Tôi sẽ giữ, xin bạn hãy mang tôi đi đi.

- Được thôi! Này bạn.

Rồi đôi hạc cho rùa ngậm giữa khúc cây, còn hai con thì ngậm hai đầu, đồng cất cánh bay lên.

Khi bay ngang qua kinh thành bọn trẻ trông thấy con rùa như vậy, chúng reo lên rằng:

- Hai con hạc đem con rùa đi bằng khúc cây.

Nghe như thế, con rùa muốn thốt lên rằng: “*Bạn ta mang ta đi, ta cần gì chúng bây nói chứ, đồ ngu si*”. Nó liền mở miệng để trả lời, lập tức nó rơi xuống đất. Bấy giờ hai con hạc đang bay ngang Hoàng cung thành Bārāṇasī, con rùa rơi xuống sân châu bể ra làm hai mảnh mà chết.

Đức Thế Tôn thuyết giảng Bốn Sự xong rồi, Ngài liền thuyết giảng tiếp Bốn Sanh Bahubhāṇi trong Dukanipāta với chi tiết rằng: “*Con rùa thốt lên lời nói, tự giết mình đó vậy. Trong khi khúc cây mà mình đang ngậm chắc rồi, đã giết mình chính với lời nói mình. Thừa bậc nhân chủ, người thấy được nhân ấy rồi, hãy nói lên thiện ngôn hợp thời. Ngài đã thấy con rùa thiệt mạng do nói phi thời (chẳng phải vậy sao?)*”.

- Này chư Tỳ khuru, lẽ thường vị Tỳ khuru hãy là người thu thúc khẩu hành thường xuyên, chớ nên phóng dật, cố tâm an tịnh vậy.

CHÚ GIẢI:

Mukhasamyato: Nghĩa là đã thu thúc khẩu, do không nói rằng: Ngươi là dòng hạ tiện, ngươi là kẻ ác giới. Tuy người ấy là nô lệ hay người Chandāla.

Mantabhāṇī: Nghĩa là trí tuệ. Đức Thế Tôn gọi là mantā, Ngài ám chỉ đến trí mà người thường gọi.

Anuddhato: Tức là có tâm an tịnh.

Atthaṃ dhammañca dīpeti: Nghĩa là thường trình bày ý nghĩa Pháp tức là thuyết Pháp.

Madhuram: Nghĩa là văn ngôn của vị Tỳ khuru ấy được gọi là thánh thiện.

Còn vị Tỳ khuru nào thuyết y nghĩa thuần nhất, không có Pāli hay có Pāli thuần nhất mà không có ý nghĩa, hoặc gần không có cả hai. Văn ngôn của vị Tỳ khuru ấy không gọi là thánh thiện.

Dứt pháp thoại nhiều người chứng đắc quả thánh như Quả Dự Lưu...

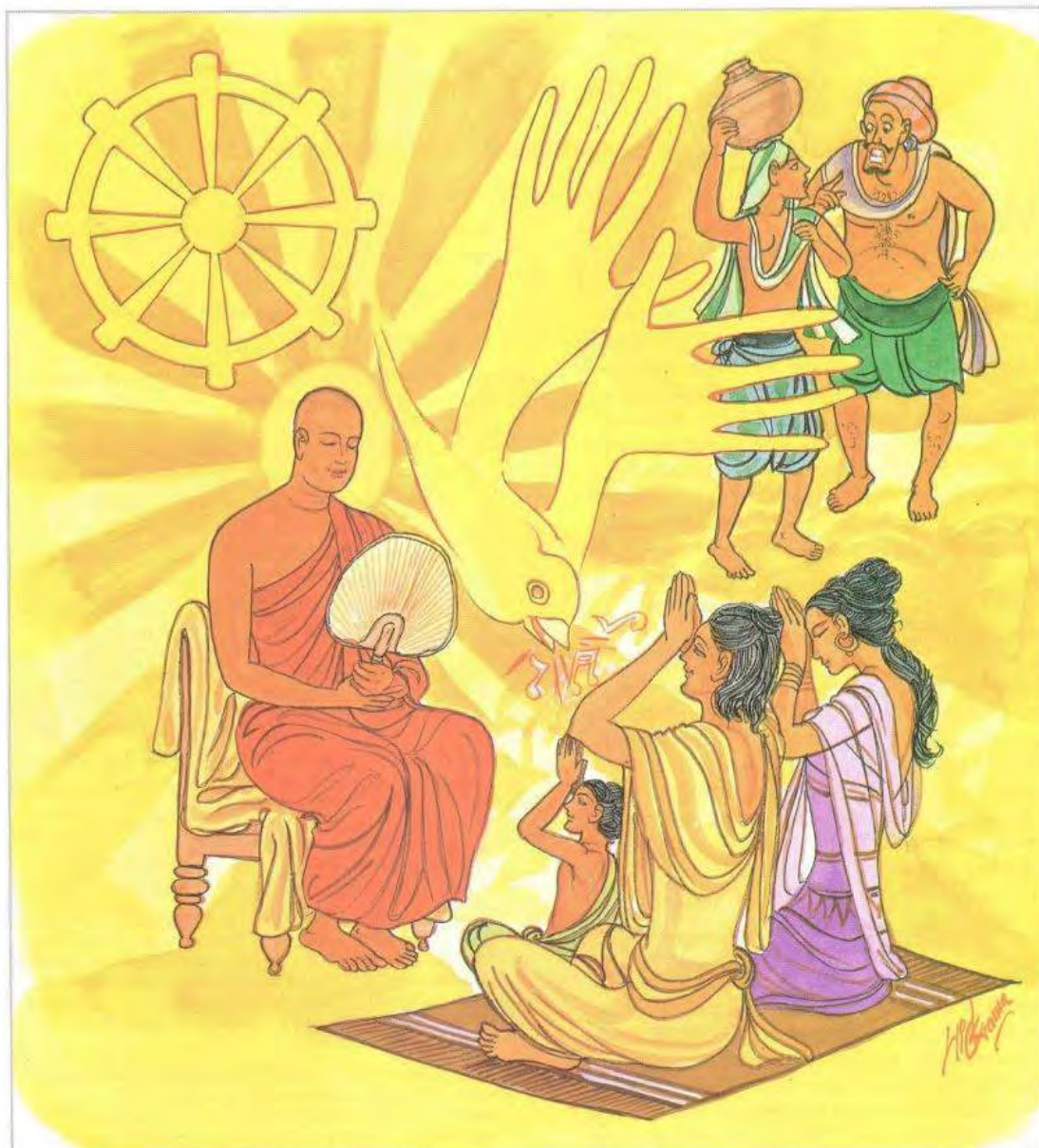


Dịch Giả Cẩn Đề

*Tỳ khuru ác khẩu bị tiêu vong,
Khi mắng hai Ngài Thượng Thủ xong,
Kiếp trước đã từng không giữ miệng,
Nát thân, mất mạng giữa sân rồng,
Hai con hạc bạn rùa đi,
Viếng cảnh tuyết sơn chơi một khi,
Hai hạc hay đầu, rùa chính giữa,
Ngâm cây gậy cứng, vôi cao phi...
Lũ trẻ đang chơi, thấy chú rùa,
Hạc đưa bay đến trước đền Vua,
Đồng thay hô lớn, kêu là lạ,
Rùa hả mỏ ra để phân bua,
Phật dạy: Tỳ khuru chế ngự lời,
Khéo khôn mở miệng hợp theo thời,
Giảng Kinh thích nghĩa, đừng kiêu mạn,
Dịu ngọt, thanh lương, thuyết phục người.*

DỨT TÍCH TỖ KHUU KOKĀLIKA





363. Tỳ Kheo điều phục lười. Khiêm ái không tự cao. Diễn giải nghĩa kinh điển. Lời êm dịu ngọt ngào.

XXV.4- TRƯỞNG LÃO DHAMMĀRĀMA

(*Dhammārāmatthera*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 364)

**“Dhammārāmo dhammarato,
Dhammaṃ anuvicintayaṃ;
Dhammaṃ anussaraṃ bhikkhu,
Saddhammā na parihāyati”.**

***“Vị Tỳ Kheo thính Pháp,
Mến Pháp, suy tư Pháp,
Tâm tư niệm chánh Pháp,
Không rời bỏ chánh Pháp”.***

Kệ ngôn này Bạc Đạo Sư thuyết ra khi Ngài trú tại Tịnh xá Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Dhammārāma.

Tương truyền rằng: Khi Đức Thế Tôn phán dạy rằng:

“Chỉ cần ba tháng nữa Như Lai sẽ viên tịch Níp bàn”.

Bấy giờ, ngàn vị Tỳ khuru vây quanh Ngài, trong số đó có những vị Phàm Tăng, không cầm được giọt lệ thương xót từ phụ. Riêng các vị Thánh Vô Lậu thì phát sanh Pháp động tâm rằng:

“Ôi! Các pháp thật là vô thường thay”.

Toàn thể chư Tăng bàn luận cùng nhau rằng:

- Chúng ta phải làm sao đây?

Các vị thường xuyên bàn luận cùng nhau tại nơi Giảng đường, từng nhóm họp nhau bàn luận mãi vấn đề này. Riêng vị Tỳ khuru Dhammārāma suy nghĩ rằng: *“Thế Tôn sắp diệt độ mà ta thì chưa chứng đạt được Thánh Quả nào cả. Vậy ta hãy cố gắng hành pháp Sa môn để diệt trọn vẹn lậu hoặc trước khi Đức Thế Tôn viên tịch”.*

Tỳ khuru Dhammārāma không đi đến cùng với chư Tỳ khuru nữa, khi chư Tỳ khuru hỏi: *“Này Hiền giả! Hiền giả nghĩ sao?”.*

Vị ấy vẫn im lặng. Và rồi, vị ấy độc cư suy niệm Pháp, được Bạc Đạo Sư hằng thuyết. Chư Tỳ khuru bạch việc này lên Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, Tỳ khuru Dhammārāma không có sự thương mến Đức Thế Tôn, vị ấy không bàn luận với con rằng: *“Được tin Đức Thế Tôn sẽ Níp Bàn sau ba tháng, chúng ta sẽ làm thế nào bây giờ”.*

Đức Thế Tôn cho gọi Tỳ khuru Dhammārāma đến hỏi rằng:

- Được nghe người có hành động như thế, có thật vậy chăng?

- Bạch Thế Tôn! Có thật như vậy.

- Này Tỳ khuru! Do nhân chi người lại hành động như thế?

- Bạch Thế Tôn, con được nghe tin Ngài sẽ Níp Bàn sau ba tháng nữa, nhưng con chưa trừ tuyệt ái dục khi Ngài còn tại tiền, nên con cố gắng thực hành pháp đề

chúng đạt A La Hán trước khi Ngài Níp Bàn. Do vậy con hằng suy niệm Pháp mà Ngài đã thuyết giảng.

- Lành thay! Lành thay! Này chư Tỳ khuru, vị Tỳ khuru nào thương kính Như Lai, hãy thực hành như Tỳ khuru Dhammārāma đó vậy. Thật vậy, này các Tỳ khuru, sự cúng dường tràng hoa hay vật thơm... Không gọi là cúng dường ta, còn người thực hành Pháp chân chánh mới gọi là người cúng dường Như Lai.



CHÚ GIẢI:

Hãy hiểu ý nghĩa những câu này như vậy: “PHÁP” tức là Thiên Chỉ hay Thiên Quán, vị Tỳ khuru trú ẩn nơi ấy. Do ý nghĩa “TRÚ”, nên được gọi là người trú trong Pháp (ẩn nấu trong Pháp), có sự hoan hỷ với Pháp nên gọi là người thỏa thích trong Pháp. Gọi là người suy xét về Pháp do suy xét về Pháp luôn khi, nên gọi là người suy niệm Pháp.

Anussaram: là hằng tưởng nhớ Pháp.

Saddhammā: là vị Tỳ khuru như thế ấy, thường không xa lìa 37 Pháp Bồ Đề và 9 Pháp Siêu thế.

Dứt Pháp thoại, Tỳ khuru Dhammārāma chứng đạt A La Hán Quả.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Pháp lạc viên tâm khó định an,
Không màng lưu luyến việc trần gian,
Hay tin Phật Tổ gần viên tịch,
Đóng cốc, mong tu đạt Niết Bàn,
Chư Tăng mách Phật gọi thầy ra,
Hỏi: Tại nhân nào, chẳng thiết tha?
Nghĩ đến Như Lai mà ngoảnh chúng?
Thầy rằng: “Con muốn đáp ơn cha”,
Cho nên đóng cốc, ráng hành thiền,
Nhất quyết trong khi Phật tại tiền,
Phải đắc vô sanh nhìn thấy Pháp,
Thoát vòng ngũ uẩn khổ triền miên,
Đức Phật khen: Sa thú, lành thay,
Đệ tử thương Ta, niệm pháp hoài,
Trú pháp, tâm hằng vui cảnh pháp,
Cúng dường cao thượng Pháp Như Lai.*

DÚT TÍCH TỶ KHUÛU DHAMMĀRĀMA





**364. Tỳ Kheo trụ chánh pháp. Quý pháp, thường hành thiền.
Niệm pháp, tâm tinh chuyên. Ất không rời Chánh pháp.**

XXV.5- HAI VỊ TỖ KHUU NGHỊCH GẶP NHAU

(*Aññataravipakkhasevakabhikkhu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 365-366)

365. “Salābhaṃ nātimaññeyya,
Nāññesaṃ pihayaṃ care;
Aññesaṃ pihayaṃ bhikkhu,
Samādhim nādhigacchati”.

*“Không khinh điều mình được,
Không ganh người khác được,
Tỷ kheo ganh tỵ người,
Không sao chứng Thiên Định”.*

366. “Applābhopi ce bhikkhu,
Salābhaṃ nātimaññati;
Taṃ ve devā pasamsanti,
Suddhājīviṃ atanditaṃ.

*“Tỷ kheo dẫu được ít,
Không khinh điều mình được,
Sống thanh tịnh không nhác,
Chư thiên khen vị này”.*

Kệ ngôn này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Veluvana, đề cập đến hai vị Tỷ khuru nghịch.

Tương truyền rằng: Có một vị Tỷ khuru trong hội chúng của Devadatta là bạn của một vị Tỷ khuru hội chúng Đức Thế Tôn. Một hôm Tỷ khuru (Devadatta) trông thấy vị kia cùng với chư Tỷ khuru đang trì bình khát thực. Sau khi thọ thực xong, vị Tỷ khuru (Devadatta) đi đến hỏi bạn rằng:

- Này Hiền giả, Hiền giả khát thực ở đâu?
- Tôi đi khát thực ở nơi ấy.
- Hiền giả có được vật thực chi chăng?
- Này Hiền giả, chính nơi đây tôi có nhiều lợi đặc và vật cúng dường.
- Vậy Hiền giả hãy ở đây vài ngày đi.

Thế là, vị Tỷ khuru (Đức Thế Tôn) ở lại nơi đó vài ngày theo lời mời của Tỷ khuru (Devadatta), rồi trở về nơi ngụ của Đức Thế Tôn.

Chư Tỷ khuru biết được câu chuyện liền trình bạch lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn cho gọi vị ấy lên, phán hỏi rằng:

- Này Tỷ khuru! Có thật chăng, được nghe nói rằng ngươi đã hành động như thế?
- Bạch Thế Tôn, có thật như vậy. Con vì nể lời của vị Tỷ khuru bạn nên ở lại vài ngày, chứ con không hoan hỷ hội chúng của Devadatta.
- Này Tỷ khuru! Tuy ngươi không hoan hỷ với hội chúng của Devadatta, nhưng ngươi vẫn ở chung trong hội chúng ấy như là người có sự hoan hỷ trong hội chúng ấy. Này Tỷ khuru, chẳng phải hiện nay ngươi đã hành động như thế, trong quá khứ ngươi cũng đã từng hành động như thế rồi.

Theo lời thỉnh cầu của chư Tỳ khuru, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn Sự rằng (trong Bốn sanh Mahilamukha).

“Con voi Mahilamukha nghe bọn cướp nói rồi, đã quật chết người nài, nhưng khi nghe vị Sa môn nói đã trở nên con voi có đức hạnh cao quý”.

Rồi Ngài phán rằng:

- Này chư Tỳ khuru! Lẽ thường vị Tỳ khuru chỉ nên hoan hỷ với lợi lộc của mình, không mong muốn lợi lộc của người khác, vì trong các loại thiên định, Minh Sát và Đạo Quả tuy chỉ là một pháp, cũng không phát sanh đến người mong mỏi lợi lộc của người khác. Nhưng các đức tánh Thiên Định... chỉ phát sanh đến vị Tỳ khuru hoan hỷ với lợi lộc của chính mình.



CHÚ GIẢI:

Salābham: tức là lợi lộc phát sanh cho mình. Thật vậy, vị Tỳ khuru từ bỏ hạnh đi khát thực từng nhà, nuôi mạng bằng sự tầm cầu bất chánh, gọi là khinh rẻ, tức là khinh thường lợi lộc của mình, vì thế vị Tỳ khuru không nên khinh rẻ lợi lộc của mình, là không nên thực hành pháp như thế.

Nāññesaṃ pihayaṃ: nghĩa là không mong muốn lợi lộc của người khác.

Samādhim nādhigacchati: nghĩa là khi vị Tỳ khuru mong muốn lợi lộc của người khác như sự thèm muốn y phục... đối với hạng người đó thì không thể đắc thiên định hay cận định được.

Salābham nātimaññati: nghĩa là dù chút ít lợi lộc, khi vị Tỳ khuru đi khát thực từng nhà, bất luận giàu hay nghèo như thế, gọi là không khinh rẻ lợi lộc của mình.

Taṃ ve...: nghĩa là tất cả chư thiên thường tán dương vị Tỳ khuru ấy, người như vậy gọi là có chánh mạng trong sạch, là có chánh mạng chân chánh, gọi là người không biếng nhác, là vì không ngần ngại với sự nỗ lực nuôi sống.

Dứt Pháp thoại nhiều chúng sanh chứng đạt đạo quả, như Thánh Quả Dự Lưu...



Dịch Giả Cẩn Đề

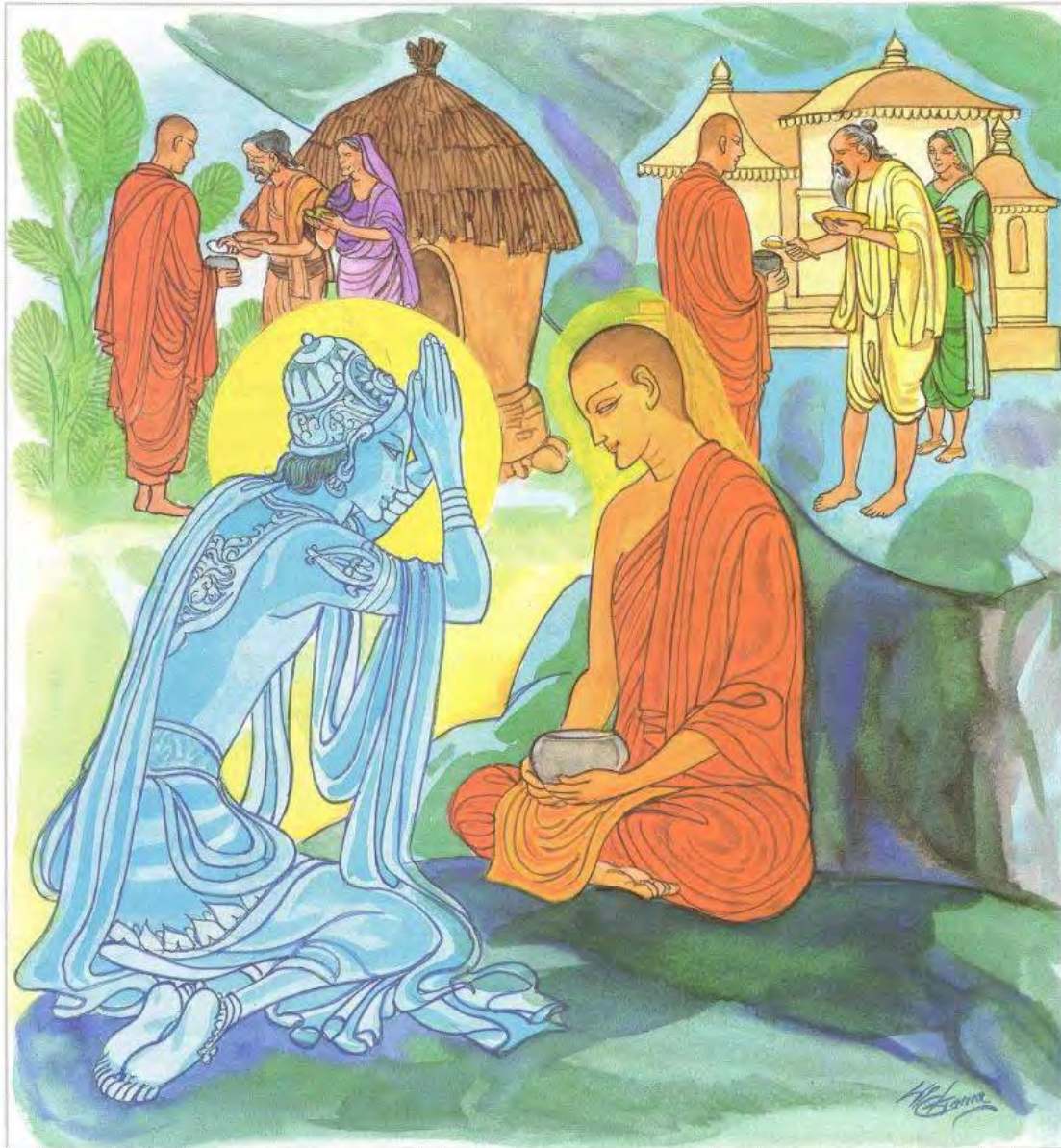
*Theo phe phản phật một đôi ngày,
Dự lễ trai tăng lộc đủ đây,
Sư mới về chùa, Tăng hỏi tội,
Dắt lên để Phật quở Sư ngay,
Đừng khinh lợi nhỏ đến cho ta,
Khao khát tài to của bá gia,
Tâm mãi vọng cầu như kẻ khác,
Tỳ khuru không đắc định cao xa!
Dẫu rằng lãnh ít cũng vui lòng,
Chánh mạng Tỳ khuru sống sạch trong,
Vô nhiễm chư thiên hằng kính mộ,
Định thiên tu tập dễ thành công,
Kiếp trước là voi “mặt nữ nhi”,
Khi hiền, khi dữ, tại ngu si,
Nghe đâu tin đó, sanh tà kiến,
Rồi lại quay về với chánh trí.*

DỨT TÍCH HAI VỊ TỖ KHURU NGHỊCH





**365. Chớ chê điều mình đạt. Chớ ganh ghét của người.
Tỳ kheo vọng tâm tư. Không sao vào chánh định.**



**366. Tỳ kheo dù nhận ít. Nhưng tâm không khinh thường.
Sống thanh tịnh, tinh tấn. Chư thiên cũng tán dương.**

XXV.6- BÀ LA MÔN PAÑCAGGADĀYAKA

(*Pañcaggadāyaka*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 367)

“Sabbaso nāmarūpasmim,
Yassa natthi mamāyitaṃ;
Asatā ca na socati,
Sa ve “bhikkhū”ti vuccati”.

“Hoàn toàn, đổi danh sắc,
Không chấp Ta, của Ta.
Không chấp, không sầu não.
Thật xứng danh Tỷ kheo”.

Đức Thế Tôn trú tại Jetavana, đề cập đến Bà la môn Pañcaggadāyaka, thuyết lên kệ ngôn này.

Tương truyền rằng: Trong thành Rājagaha có vị Bà la môn thường cúng dường Khattagga trong lúc gặt lúa xong, cúng dường Khalagga trong lúc mang về, cúng dường Khalabhanṇagga trong lúc đập lúa, cúng dường Ukkhalikagga trong lúc bỏ vào nồi, cúng dường Pāṭigga trong lúc xới cơm ra bát. Vị Bà la môn ấy thường cúng dường năm vật thí trong thời cao thượng như thế.

Lại nữa, Bà la môn ấy nếu có người đến xin vật thí, nếu chưa cho thì vị ấy chưa ăn. Vì thế ông có tên gọi là Pañcaggadāyaka. Đức Phật thấy duyên lành Bất Lai quả của hai vợ chồng Bà la môn ấy. Ngài đi đến nhà của Bà la môn khát thực vào giờ ăn của vị ấy, Ngài đứng trước cửa tư thất. Bấy giờ, Bà la môn quay lưng ra ngoài, đang ngồi ăn bên cửa sổ, nên y không thấy Bạc Đạo Sư.

Nữ Bà La Môn đang hầu quạt cho chồng, trông thấy Đức Thế Tôn bà ta suy nghĩ: “Vị Bà la môn này thường thí năm vật thí cao thượng rồi mới dùng. Giờ đây Sa Môn Gotama đang đứng trước cửa nhà, nếu Bà la môn này thấy vị ấy, y sẽ mang vật thí ra cúng dường, ta không thể nấu phần khác được”.

Rồi nàng suy nghĩ tiếp: “Ta sẽ làm cho Bà la môn không thể thấy Sa môn Gotama”. Bà xoay lưng cho Bạc Đạo Sư, ví như người dùng tay mà che mặt trăng. Khi che như thế rồi, nữ Bà la môn liếc nhìn xem Bạc Đạo Sư Ngài bỏ đi chưa.

Bạc Đạo Sư vẫn đứng yên, nàng không thể nói lớn rằng: “Bạch Ngài, xin Ngài ngự đi nơi khác” vì e ngại Bà la môn nghe được, nàng lùi về phía sau bạch nhỏ rằng: “Xin thỉnh Ngài hãy tế độ những chúng sanh phía trước”.

Đức Đạo Sư lắc đầu, tỏ ý rằng: “Ta không đi”. Đức Phật là nơi tôn kính của thế gian, Ngài lắc đầu tỏ ý rằng “Ta không đi” như thế, khiến nữ Bà la môn không dẫn được, bật cười lớn lên.

Vừa khi ấy, Đức Thế Tôn liền phóng hào quang ngay vào nhà vị Bà la môn đang dùng vật thực, nghe tiếng cười của nữ Bà la môn và trông thấy ánh sáng rực chiếu của Đức Đạo Sư, ông ngẩng lên trông thấy Đức Phật.

Lẽ thường chư Phật chưa tế độ người có duyên lành thì Ngài chưa rời nơi đó ra đi. Bà La Môn trông thấy Đức Phật, nói rằng:

- Này cô! Sao cô không nói với tôi là: Thái Tử đang đứng trước cửa nhà. Cô đã làm tổn hại đến tôi, cô đã tạo trọng nghiệp lớn.

Rồi Bà la môn liền mang bát vật thực mình đang ăn sót ra phân nửa, đi đến Bạc Đạo Sư bạch rằng:

- Thưa Ngài Sa Môn Gotama! Con cúng dường cả năm vật thí rồi mới dùng, nhưng con chỉ mới dùng có chút ít. Đây là vật thực tinh khiết, xin Ngài hãy từ bi thọ dụng cho con đi.

Bạc Đạo Sư không nói rằng: “*Này Bà la môn, ta không cần vật thực ấy đâu*”. Ngài lại nói rằng:

- Này Bà la môn! Phần thù thắng nhất cũng vậy, vật thực mà người đã dùng rồi cũng vậy, tất cả đều thích hợp với Như Lai, dù chỉ là một vắt cơm thừa. Vì rằng, này Bà la môn, ta sống nhờ vào vật thực của người khác dâng cúng như ngựa quý sống nhờ vào phước của người khác.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

“Vị Tỳ khưu nhờ vật thực người khác nuôi dưỡng. Được vắt cơm thù thắng, hay trung bình hoặc là phần dư thừa cũng vậy. Vị Tỳ khưu ấy không nên chê khen ngon dở, mọi người tán dương vị ấy là bậc ẩn sĩ tịch mặc”.

Nghe dứt kệ ngôn, Bà la môn khởi tâm tịnh tín:

“Ô! Thật kỳ diệu thay, vị Thái Tử rực sáng ấy không nói rằng: Ta không cần vật thực dư thừa của người, mà lại nói như thế”.

Liền đó, y đứng tại cửa nhà, bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Thưa Sa Môn Gotama, Ngài gọi đệ tử mình là Tỳ khưu. Vậy có bao nguyên nhân được gọi là Tỳ khưu?

Đức Đạo Sư quán xét rằng: “Pháp nào thích hợp với Bà la môn này nhỉ?”. Ngài xét thấy “*Cả hai người này trong thời Đức Phật Kassapa, đã nghe chư Tỳ khưu giảng giải về DANH SẮC. Vậy Như Lai sẽ thuyết DANH SẮC đến hai người này*”. Quán xét xong, Đức Thế Tôn phán rằng:

- Này Bà La Môn! Người vô dục vọng, không dính mắc trong danh sắc, được gọi là Tỳ khưu.



CHÚ GIẢI:

Sabbaso: tức là danh sắc diễn tiến theo năng lực của ngũ uẩn, gồm sắc uẩn và tứ danh uẩn như thọ uẩn, tưởng uẩn...

Samāyitam: là sự chấp thủ là ta hay của ta không có với người nào.

Ahatā ca na socati: nghĩa là khi danh sắc bị hoại diệt, người không sầu muộn, không nhiệt não rằng: “*Sắc của ta bị hoại diệt, thọ của ta bị hoại diệt... thức của ta bị hoại diệt*” và thấy như thật rằng: “*Lẽ thường, danh sắc này hằng bị hoại diệt*”.

Sa ve bhikkhūti vuccati: nghĩa là người ấy tức là người dứt bỏ sự chấp thủ trong danh sắc là ta hay của ta, hay không sàu muộn vì danh sắc cũng có, Bạc Đạo Sư gọi người ấy là Tỳ khuru.

Dứt Pháp thoại hai vợ chồng Bà La Môn chứng đắc A Na Hàm quả.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Năm lần sơ quả cúng dường Tăng,
Để bát Phật Đà nửa bữa ăn,
Thầy hỏi: Com chùa dư, lỡ bữa,
Dâng Sư, có phạm tội hay chẳng?
Phật dạy: Tỳ khuru chẳng khác ma,
Ăn nhờ vật thí của người ta,
Chẳng chê, khen, ít nhiều, hay dở,
Mới nấu hay còn dư bỏ ra,
Thầy hỏi: Tỳ khuru có nghĩa gì?
Phật rằng: Danh sắc đã viễn ly,
Không cầu, không chấp nơi mình nữa,
Đó thật là Tỳ khuru Chánh quả.*

DỨT TÍCH ÔNG BÀ LA MÔN PAÑCAGGADĀYAKA





367. Đối với cả thân tâm. Không chấp ta, của ta. Không buồn điều không có. Đó gọi là tỳ kheo.

XXV.7- NHIỀU VỊ TỶ KHU'U



KÊ NGÔN: (Pháp Cú câu 368-376)

368. “Mettāvihārīyo bhikkhu,
Pasanno buddhasāsane;
Adhigacche padaṃ santaṃ,
Saṅkhārūpasamaṃ sukhaṃ”.

“Tỷ kheo trú Từ Bi,
Tín thành giáo Pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh.
Các hạnh an tịnh lạc”.

369. “Siñca bhikkhu imaṃ nāvaṃ,
Sittā te lahumessati;
Chetvā rāgañca dosañca,
Tato nibbānamehisi”.

“Tỷ kheo, tát thuyền này,
Thuyền không, nhẹ đi mau.
Trừ tham, diệt sân hận,
Tất chứng đạt Niết Bàn”.

370. “Pañca chinde pañca jahe,
Pañca cuttari bhāvaye;
Pañca saṅgātigo bhikkhu,
“Oghatiṇṇo”ti vuccati”.

“Đoạn năm, từ bỏ năm,
Tu tập năm tối thượng,
Tỷ kheo cắt năm trôi,
Xứng danh vượt “bộc lưu””.

371. “Jhāya bhikkhu, mā pamādo,
Mā te kāmaguṇe ramessu, cittaṃ.
Mā lohaguḷaṃ gilī pamatto,
Mā kandi “dukkhamidan”ti ḍayhamāno”.

“Tỷ kheo hãy tu thiền,
Chớ buông lung phóng dật,
Tâm chớ đắm say dục,
Phóng dật, nuốt sắt nóng,
Bị đốt, chớ than khổ!”.

372. “Natthi jhānaṃ apaññassa,
Paññā natthi ajhāyato,
Yamhi jhānañca paññā ca,
Sa ve nibbānasantike”.

“Không trí tuệ, không thiền,
Không thiền, không trí tuệ.
Người có thiền có tuệ,
Nhất định gần Niết Bàn”.

373. “Suññāgāraṃ pavitṭhassa,
Santacittassa bhikkhuno;
Amānisī rati hoti,
Sammā dhammaṃ vipassato”.

“Bước vào ngôi nhà trống,
Tỷ kheo tâm an tịnh,
Thọ hưởng vui siêu nhân,
Tịnh quán theo chánh pháp”.

374. “Yato yato sammasati,
Khandhānaṃ udayabbayaṃ;
Labhatī, pītipāmojjaṃ,
Amataṃ taṃ vijānataṃ”.

“Người luôn luôn chánh niệm,
Sự sanh diệt các uẩn,
Được hoan hỷ, hân hoan,
Chỉ bậc bất tử biết”.

375. “Tatrāyamādi bhavati,
Idha paññassa bhikkhuno;
Indriyagutti santuṭṭhi,
Pātimokkhe ca saṃvaro”.

“Đây Tỷ kheo có trí,
Tu tập pháp căn bản,
Hộ căn, biết vừa đủ,
Gìn giữ căn bản giới,
Thường gìn giữ bạn lành,
Sống thanh tịnh tinh cần”.

376. “Mitte bhajassu kalyāṇe,
Suddhājīve atandite;

Giao thiệp khéo thân thiện,
Cử chỉ mực đoan trang.

**Paṭisanthāravutyassa,
Ācārakusalo siyā.
Tato pāmojjabahulo,
Dukkassantaṃ karissati”.**

***Do vậy hưởng vui nhiều,
Sẽ dứt mọi khổ đau.***

Kệ Pháp Cú này Đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, đề cập đến nhiều vị Tỷ khuru, thuyết lên Pháp thoại này.

Tương truyền rằng: Vào thời Đức Phật hiện tại, khi Trưởng lão Mahā Kaccāyana ngự ở trên thôn trang thuộc xứ Avāntī, trong núi Pavatta. Có người cận sự nam tên là Soṇakutikaṇṇa đã tịnh tín nơi Pháp Bảo của Ngài, khởi tâm chán nản muốn được xuất gia nơi Ngài. Trưởng lão giải thích rõ đời sống Phạm Hạnh có nhiều sự khó khăn, hai lần giải thích như vậy:

- Nay Soṇa, đời sống Phạm Hạnh là ngày chỉ dùng có một bữa thôi, ngủ một mình trọn đời, đó là điều mà người khó hành trì.

Nhưng Soṇa có tâm xuất gia mãnh liệt, chàng đã xin được xuất gia đến chùa thứ ba. Và Trưởng lão đã cho xuất gia Sa di. Ba năm sau Soṇa mới được thọ Cụ Túc giới vì trong xứ Avāntī rất ít Tỷ khuru.

Sau khi Thọ Cụ Túc Giới, Soṇa muốn lên đường đến kinh thành Sāvathī để yết kiến Bạc Đạo Sư, Tỷ khuru Soṇa đến xin phép thầy Tế độ, được thầy chấp thuận và Tỷ khuru Soṇa lên đường, mang theo lễ đánh lễ cùng với những điều xin phép Đức Thế Tôn của Bạc Tế Độ Sư của mình.

Tuần tự du hành, Tỷ khuru Soṇa đến kinh thành Sāvathī, Ngài đi vào Tịnh xá Jetavana, yết kiến Đức Thế Tôn, sau khi được Đức Thế Tôn ân cần thăm hỏi, Bạc Đạo Sư cho phép Tỷ khuru Soṇa được phép ngụ chung trong Hương Thất với Ngài. Trong đêm ấy, Tỷ khuru Soṇa phần lớn là ở ngoài trời trọn canh đầu, đến giữa đêm mới vào Hương Thất. Rồi khi rạng đông, Đức Đạo Sư phán bảo Soṇa rằng:

- Nay Soṇa, hãy tụng đọc Pháp đi.

Ngài Soṇa liền tụng thuộc lòng 16 bài Kinh trong phẩm thứ tám. Khi Ngài vừa tụng dứt, Đức Thế Tôn ban lời khen thưởng tùy hỷ rằng: “*Sādhu! Sādhu*”. Nghe Đức Thế Tôn tán dương Tỷ khuru Soṇa, chư thiên địa cầu, Kim Xí Điểu, Long vương cũng đồng thanh tán dương Sādhu, sādhu. Tiếng tán dương vang động đến Trời Phạm thiên rồi có vị Thiên tử ngự trong nhà mẹ Soṇa cũng tán thán Sādhu, nơi ấy cách kinh thành Sāvathī 120 do tuần. Nghe tiếng tán thán của vị Thiên tử ấy, mẹ Ngài Soṇa hỏi rằng:

- Tiếng ai Sādhu thế?

- Nay nàng Đại tín nữ, đó là tiếng của tôi.

- Người là ai?

- Tôi là vị Thiên tử ngụ ở trong nhà này.

- Vì sao từ trước đến giờ, Ngài không tán thán tôi, nay lại tán thán tôi như thế.

- Nay nàng, ta đâu có tán thán nàng.

- Thế thì Ngài tán thán ai?

- Ta tán thán Ngài Soṇakuṭikaṇṇa con của nàng.

- Con của tôi đã làm gì mà Ngài tán thán?

- Hôm nay Ngài Soṇa ngụ chung Hương Thất với Đức Thế Tôn, và đã thuyết pháp cho Đức Thế Tôn nghe. Đức Thế Tôn tán thán Ngài Soṇa bằng tiếng Sādhū. Chư thiên đều hưởng ứng lời này, nên tôi cũng tán thán Ngài Soṇa. Tiếng tán thán đã vang từ địa cầu đến Phạm thiên giới.

- Thừa chư thiên, chẳng hay con tôi thuyết pháp cho Đức Thế Tôn nghe, hay Đức Thế Tôn thuyết pháp cho con tôi nghe?

- Con của bà thuyết pháp cho Đức Thế Tôn nghe.

Nghe Thiên nhân đáp như thế, bà tín nữ phát sanh năm loại phỉ lạc, lan tỏa khắp châu thân. Nàng suy nghĩ rằng: *“Nếu con ta ở chung Hương Thất của Bạc Đạo Sư và thuyết pháp đến Ngài được, thì con ta sẽ thuyết pháp đến ta được. Khi con ta đến, ta sẽ thỉnh cầu thuyết pháp cho ta nghe”*.

Riêng về Trưởng lão Soṇa, sau khi Đức Thế Tôn ban lời khen thưởng rồi, Ngài suy nghĩ rằng:

- Đây là thời hợp lẽ, ta nên trình bày sự việc mà Tế Độ Sư của ta giao phó.

Trưởng lão Soṇa nhân danh Thầy Tế Độ là Trưởng lão Mahā Kaccāyana, bạch xin năm điều nơi Đức Thế Tôn là:

1- Xin được thọ Cụ Túc giới với nhóm Tăng 5 vị.

2- Xin được mang dép nhiều lớp.

3- Xin được tắm thường xuyên.

4- Xin được dùng đồ trải bằng da.

5- Nếu có người dâng y ở ngoài Sīmā, xin được phép thọ lãnh.

Đức Thế Tôn chuẩn y bốn điều đầu tiên được thực thi ở nơi biên địa Trung Ấn. Sau khi trú tại Jetavana được đôi ngày, Trưởng lão Soṇa bạch với Đức Thế Tôn rằng:

“Bạch Thế Tôn! Con sẽ trở về thăm Tế Độ Sư”.

Sau khi đánh lễ Đức Đạo Sư, Tỳ khưu Soṇa từ giã Đức Thế Tôn, tuần tự du hành về đến xứ Avantī thăm viếng Tế Độ Sư.

Sáng hôm sau, Trưởng lão Mahākaccāyana cùng Tỳ khưu Soṇakuṭikaṇṇa đi khát thực nơi gia tộc mình. Mẹ Soṇa thấy con trở về, khởi tâm hoan hỷ cúng dường trọng thể và hỏi rằng:

- Bạch Sư! Được biết rằng Sư ngụ chung hương thất với Đức Đạo Sư, và đã thuyết pháp cho Ngài nghe phải vậy chăng?

- Điều này ai đã thuật lại cho thân mẫu biết vậy?

- Bạch Sư, có vị Thiên nhân ngụ trong nhà này, đã sādhu tán dương Sư. Khi ấy tôi hỏi rằng: *“Ai đó?”*.

- Vị ấy đáp “*Thưa tôi*” và đã thuật lại câu chuyện ấy cho tôi nghe. Tôi thầm nghĩ: “*Nếu con ta thuyết pháp đến Đức Thế Tôn được, thì sẽ thuyết pháp cho ta được. Vậy khi con ta về ta sẽ thỉnh con ta thuyết pháp cho ta nghe*”. Bạch Sư, khi Sư thuyết pháp đến Bạc Đạo Sư nghe được, thì Sư hãy thuyết pháp đến tôi được. Vào ngày đó, tôi sẽ thỉnh trai tăng và nghe Pháp của Sư.

Tỳ khuru Soṇakūṭikaṇṇa nhận lời. Bà tín nữ suy nghĩ:

- Ta sẽ cúng dường đến chư Tỳ khuru, rồi sẽ đi nghe Pháp nơi con ta.

Bà giao phó mọi việc trong nhà cho người nữ tỳ thân tín, bà dẫn đoàn gia nhân đi đến Tịnh xá, và vị Pháp Sư là Tỳ khuru Soṇa đang ngồi giữa Pháp tòa của ngôi nhà nóc nhọc mà bà đã kiến tạo dâng cúng đến chư Tăng.

Vào thời điểm ấy có 900 tên cướp, chúng từ lâu dò xét trang viên của bà tín nữ ấy, chờ dịp bà sơ hở sẽ đánh cướp tài sản của bà. Ngôi nhà của bà tín nữ ấy được canh phòng bởi 7 vòng rào, với 7 cánh cửa ra vào độc nhất. Mỗi cánh cửa được hai con chó hung dữ canh chừng, dưới chân rào bà cho đào những mương hố, đổ chất gang nóng chảy xuống dưới, ban ngày thì gang chảy ra dưới ánh sáng mặt trời. Còn ban đêm thì đông đặc lại, người rớt xuống có thể bị đứt chân. Bà lại cho đặt chông nhọn ở mỗi cửa làm bẫy sập. Chỉ có con đường nhỏ là an toàn thôi. Bọn cướp không thể đột nhập vào ngôi nhà được do sự canh giữ nghiêm phòng như thế.

Hôm ấy, chúng được tin bà tín nữ cùng gia nhân đến Tịnh xá nghe Pháp, lập tức chúng kéo nhau đến cướp tài sản của bà ta, chúng sắp xếp như vậy: “*Nếu bà tín nữ hay tin trở về, tên Chánh đảng sẽ chặn giết chết bà ta ngay tại cửa*”. Tên chánh đảng núp một nơi gần đó.

Bọn cướp thắp sáng cả trang viên, rồi mở kho tiền ra khuân. Người tớ gái thấy thế, vội đến tịnh xá báo tin rằng:

- Thưa bà, bọn cướp đánh chiếm tài sản, chúng đang khuân kho tiền.

- Cứ để bọn cướp khuân vác theo ý chúng thích. Hãy để yên cho ta nghe Pháp của con ta. Người đừng làm hại đến Pháp thoại của ta, hãy trở về đi.

Bọn cướp khuân xong kho tiền, chúng tiếp tục đi đến kho bạc và cùng nhau khuân ra, tiếc của cho chủ, người nữ tỳ lại chạy đến Tịnh xá báo tin rằng:

- Thưa chủ! Bọn cướp đang đánh cướp kho bạc rồi.

- Hãy để yên ta nghe Pháp, bọn chúng cứ lấy gì mà chúng muốn.

Tiếp đến bọn cướp lấy đến kho vàng, người nữ tỳ lại nóng lòng với tài sản của chủ, chạy đến Tịnh xá báo tin rằng:

- Thưa chủ, bọn cướp đã lấy đến kho vàng.

- Ta đã bảo bọn chúng muốn lấy gì thì lấy tùy thích, người cứ quấy rầy sự nghe pháp của ta mãi. Nếu người còn đến quấy rầy ta nữa, ta sẽ trị tội đấy. Hãy trở về đi.

Bấy giờ, người nữ tỳ trở về báo với bọn cướp rằng:

- Chủ ta bảo các người muốn lấy gì thì cứ lấy tùy thích, chủ ta không màng đâu, vì bà còn đang nghe Pháp nơi con mình.

Nghe vậy, tên Chánh đảng có sự suy nghĩ rằng:

- Chúng ta đã tạo nghiệp nặng rồi, chúng ta lấy tài sản của người có đức hạnh như thế, tai hại sẽ giáng xuống đầu chúng ta thôi. Đầu chúng ta sẽ bể thành bảy mảnh chẳng sai.

Nghĩ như thế, tên chánh đảng ra lệnh cho tùy tùng khuân trả lại những tài sản đã đánh chiếm được. Được nghe rằng: “*Pháp hằng hộ trì người hành pháp như thế, đó là lẽ thường*”. Vì thế, Đức Thế Tôn có thuyết giảng rằng: “*Pháp thường hộ trì người hành pháp: người khéo hành trì Pháp sẽ đem lại an lạc, đây là phước báu mà người khéo thực hành Pháp. Người thường hành trì Pháp sẽ không thối đọa*”.

Bọn cướp cùng nhau đi đến Tịnh xá để sám hối với bà Tín nữ. Và bọn chúng đứng lặng yên để nghe Pháp. Ngài Soṇa thuyết pháp cho đến rạng sáng. Ngài rời Pháp tọa, khi ấy 900 tên cướp đồng đi đến trước mặt bà tín nữ, quỳ xuống đánh lễ, bạch rằng:

- Thưa bà! Xin bà hãy tha thứ tội lỗi cho chúng tôi.

- Này các ông, chuyện chi vậy?

- Chúng tôi đã cột oan trái cùng với bà, chúng tôi đã toan cướp tài sản của bà và sát hại cả bà nữa.

- Này các ông, nếu thế tôi sẽ cho các ông sám hối vậy.

Tên chánh đảng nói:

- Thưa bà, nếu bà đã thứ lỗi cho chúng tôi, thì xin bà hãy cho chúng tôi được xuất gia với con bà đi.

Bà tín nữ đánh lễ Tỳ khuru Soṇa, rồi bạch rằng:

- Bạch Sư, bọn cướp này đã tịnh tín do đức hạnh của tôi, và chúng được nghe Pháp của Sư, chúng xin được xuất gia với Sư, vậy Sư hãy từ bi tế độ cho chúng đi.

- Này thân mẫu, được thôi.

- Ngài Soṇa cho sửa chữa lại y phục trở thành những tấm y ca sa, nhuộm y ấy trở thành hoại sắc bởi bùn đen, rồi Ngài cho 900 tên cướp xuất gia, thọ trì Giới luật. Khi bọn chúng thọ cụ túc giới xong, Ngài Soṇa chia mỗi nhóm thành 100 người, tổng cộng là 9 nhóm, dạy đề mục nghiệp xứ cho họ. 900 vị Tỳ khuru ấy học đề mục nghiệp xứ khác nhau, rồi đi tìm đến một ngọn núi, ngồi dưới cội cây mà hành Pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ngồi nơi Tịnh xá Jetavana, cách xa 120 do tuần. Ngài quán thấy duyên lành của 900 vị Tỳ khuru ấy, nhận định pháp duyên của những vị ấy, Ngài phóng hào quang đến trước mặt các vị ấy, lần lượt Ngài nói lên 9 kệ ngôn cho chín nhóm Tỳ khuru.



CHÚ GIẢI:

Cắt đứt năm: nghĩa là cắt đứt năm hạ phần kiết sử là: Thân kiến, hoài nghi, giới cảm thủ, dục ái và sân.

Từ bỏ năm: là năm thượng phần kiết sử: Ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật và vô minh.

Tu tập năm: là tu tập ngũ quyền hay ngũ lực: Tín, tấn, niệm, định và tuệ.

Mettāvihārī: là người tu tập hạnh từ tâm, hoặc khiến cho ba hay bốn bậc Thiên sanh khởi theo năng lực của từ tâm, được gọi là người hằng trú trong từ tâm thật sự.

Pasanno: là vị Tỳ khưu đã tịnh tín, nghĩa là thường vun bồi đức tin trong Phật Giáo vậy.

Padam santam: đó là tên gọi của Níp Bàn. Thật vậy, vị Tỳ khưu như vậy thì chứng đạt, nghĩa là thường thấy được Níp Bàn, là phần an tịnh tuyệt đối. Gọi là đình chỉ các hành vì các hành đã được đình chỉ, tức Níp Bàn, nghĩa là an lạc, vì đó là an lạc tối thượng.

Siñca bhikkhu imaṃ nāvaṃ: nghĩa là này Tỳ khưu, người hãy tát nước thuyền, thuyền tức là xác thân này, nước là tà tư duy.

Sittā te lahumessati: nghĩa là ví như chiếc thuyền đầy nước trong biển mà họ đã tát sạch, khi tát nước sạch rồi thuyền có thể nhẹ nhàng, không bị chìm sẽ đi nhanh đến nơi. Thuyền là xác thân, nước là tà tư duy, người tát sạch nước rồi là người không còn tà tư duy, do nhờ thu thúc các môn như nhãn môn... bằng sự phòng hộ tát sạch tà tư duy, xác thân sẽ nhẹ nhàng không bị chìm trong biển luân hồi và sẽ đến Níp Bàn nhanh chóng.

Chetvā...: nghĩa là người hãy cắt đứt vòng trói buộc là tham và sân, khi đã cắt đứt vòng trói buộc rồi thì sẽ chứng đạt A La Hán, nghĩa là từ đó trở đi sẽ chứng Vô Dư Níp Bàn.

Pañca chinde: tức là hãy cắt đứt năm hạ phần kiết sử bằng Ba Đạo thấp, vì đó là nhân làm chúng sanh rơi vào khổ cảnh, giống như người cắt đứt sợi dây trói chân bằng gươm bén.

Pañca jahe: là hãy từ bỏ, cắt đứt năm thượng phần kiết sử bằng A La Hán đạo, vì đó là nguyên nhân khiến chúng sanh luân hồi trong cõi Thiên giới, ví như người cắt đứt sợi dây trói cổ vậy.

Pañca cuttari bhāvaye: là hãy tu tập 5 quyền như tín quyền... để từ bỏ những kiết sử thượng phần.

Pañca saṅgātigo: nghĩa là nếu như thế, Tỳ khưu sẽ vượt qua được năm loại phiền não là tham, sân, si, mạn và kiến. Bạc Đạo Sư gọi người ấy là: “Người đã vượt qua Tư Bộc thật sự”.

Jhāya bhikkhu: nghĩa là này Tỳ khưu, người hãy tinh cần với hai loại Thiên và chớ nên là người có sự dễ duôi với thân hành, khẩu hành và ý hành.

Dhamassu: là tâm của người dùng xoay vần theo năm dục.

Mā lohagaḷaṃ: nghĩa là người dễ duôi do thất niệm bằng nuốt sắt nóng trong địa ngục, vì thế ta mới nói với người, người chớ nên dễ duôi nuốt hòn sắt nóng, và bị đốt trong lửa địa ngục. Có sự than khóc rằng: “*Đây là khô*”.

Natthi jhānaṃ: nghĩa là thiền định thường không phát sanh với người thiếu trí, vì trí tuệ là nhân tinh tấn khiến thiền định phát sanh.

Natthi paññā: nghĩa là trí tuệ có tướng mà Đức Thế Tôn phán dạy rằng: Vị Tỷ khưu có tâm vững chắc thường biết rõ, thường thấy rõ theo sự thật: “*Hằng không có với người không chuyên cần*”.

Yamhi jhānañca paññā ca: nghĩa là thiền định và trí tuệ, cả hai có với người nào, người ấy gọi là gần với Níp Bàn.

Suññāgāraṃ pavittḥassa: tức là người thường xuyên hành nghiệp xử nơi thanh vắng.

Santacittassa: là người có tâm an tịnh.

Sammā...: nghĩa là sự an lạc không có trong loài người, tức Minh sát hay sự an lạc thiên, tức là Tám Bậc Thiền hằng có, tức là thường phát sanh cho người giác ngộ các pháp nhân quả.

Yato yato sammāsati: nghĩa là hành 38 đề mục bằng cách nào, tức là hành trong các thời như: Trong giờ thọ thực... bằng cách thích hợp với mình, hay với đề mục nghiệp xử thích hợp với mình, gọi là thường quán xét thấy rõ.

Udayabbayaṃ: tức là sự sanh của năm uẩn do 25 tướng, và sự diệt của năm uẩn cũng do 25 tướng.

Pītipāmojjaṃ: là khi đã quán xét sự sanh diệt của năm uẩn như vậy, gọi là thường có sự phi lạc trong Pháp và sự hân hoan trong Pháp.

Amataṃ: nghĩa là khi danh sắc cùng với duyên hiện bày thì phi lạc và hân hoan phát sanh, gọi là người liễu tri bất tử, là bậc trí thật sự. Vì phi lạc và hân hoan là Pháp đưa chúng sanh đến bất Tử Đại Níp Bàn.

Tatrāyamādi bhavati: nghĩa là đây là phần khởi đầu, tức là sự phi lạc và sự hân hoan, là nền tảng khởi đầu cho Bất Tử Pháp.

Idha paññassa: tức là đối với vị Tỷ khưu trí tuệ trong Giáo Pháp này.

Bây giờ, Đức Đạo Sư thuyết về nền tảng khởi đầu rằng: “*Ādi*” đó, Ngài mới nói câu: Indriyagutti: Thật vậy, Tứ Thanh Tịnh Giới đó được gọi là nền tảng khởi đầu.

Sự phòng hộ các căn đó được gọi là Indriyagutti trong bày kệ này. Sự tri túc với Tứ vật dụng được gọi là: Santuṭṭhi. Giới nuôi mạng chân chánh (Ājīvaparissuddhisīla), Giới quán tưởng thanh tịnh trong khi thọ dụng bốn món vật dụng (Paccayasannissitasīla). Bậc Đạo Sư phán với câu Santuṭṭhi đó.

Sự hành toàn vẹn trong giới cao thượng là Giới Bỏ. Bậc Đạo Sư phán với câu Pāṭimokkha.

Mitte bhayassa kālyāṇe: nghĩa là người từ bỏ bạn ác có các hành vi nên từ bỏ, hãy giao du với bạn lành, là người có chánh mạng trong sạch, và gọi người không biếng nhác do nỗ lực nuôi mạng sống.

Paṭisanthāravutyassa: tức là hãy nhiệt tình chào hỏi tiếp đãi, là người tiếp đãi với phần vật chất và Pháp. Đó gọi là người nhiệt tình chào hỏi tiếp đãi.

Ācāsakusalo: nghĩa là Giới cũng được gọi là tế nhị, cho đến phạm sự cũng gọi là tế nhị, hãy là người khôn khéo, nghĩa là có phong cách tế nhị.

Tato pāmojjabahulo: nghĩa là người sẽ được tràn đầy sự hân hoan do phát sanh phỉ lạc của Pháp, do sự chào hỏi tiếp đãi và có phong cách tế nhị đó, mới chấm dứt được mọi khổ luân hồi.

Trong chín kệ ngôn mà Đức Thế Tôn tuyên thuyết, khi dứt một kệ ngôn thì có 100 Tỷ khuru chúng đạt A La Hán Quả cùng với Tuệ Phân Tích. Các vị Thánh Nhân Vô Lậu ấy, ngay nơi mình ngồi bay lên hư không đi đến Tịnh xá Jetavana cách đó 120 do tuần, đánh lễ dưới chân Bạc Đạo Sư.

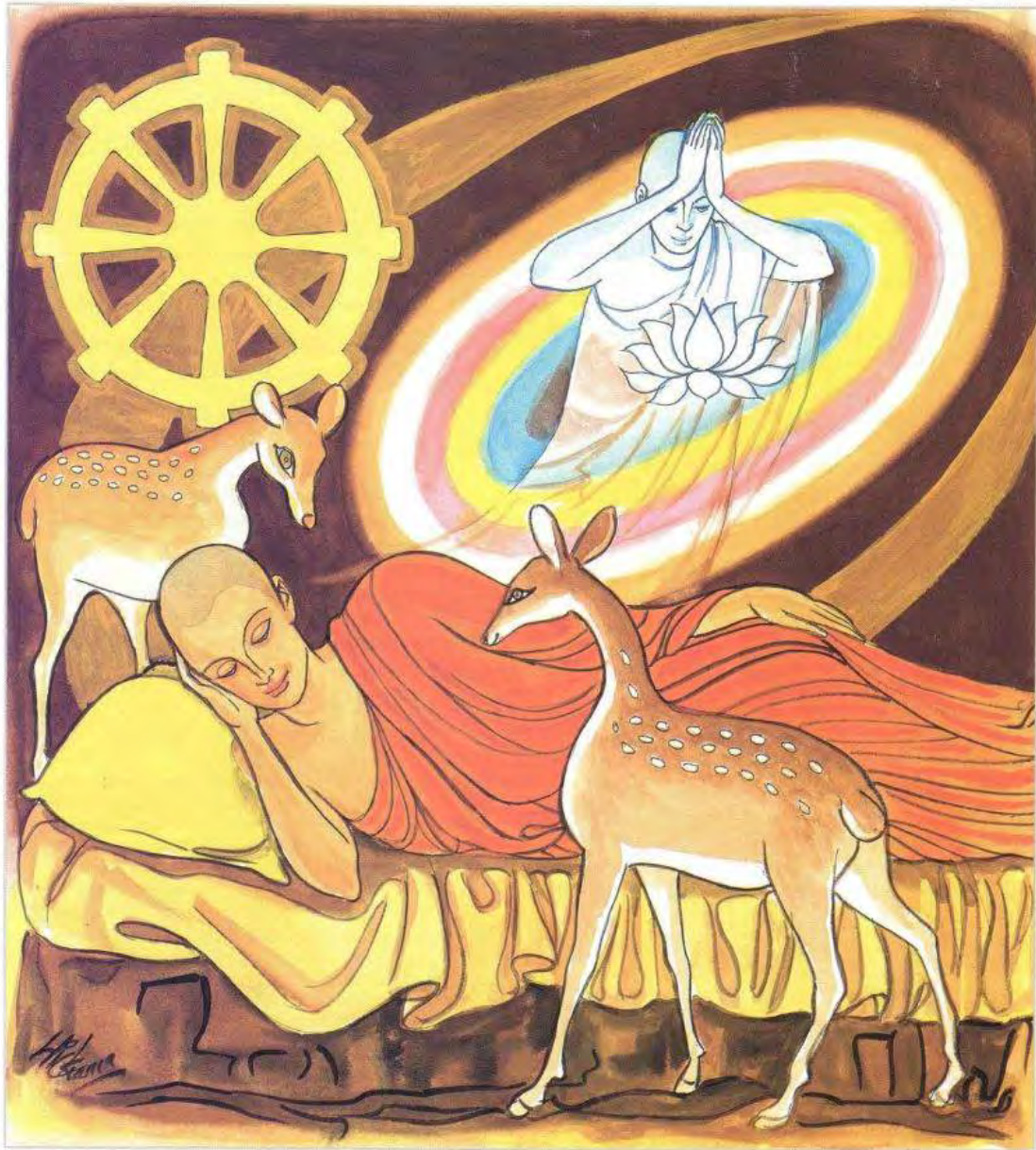


Dịch Giả Cẩn Đề

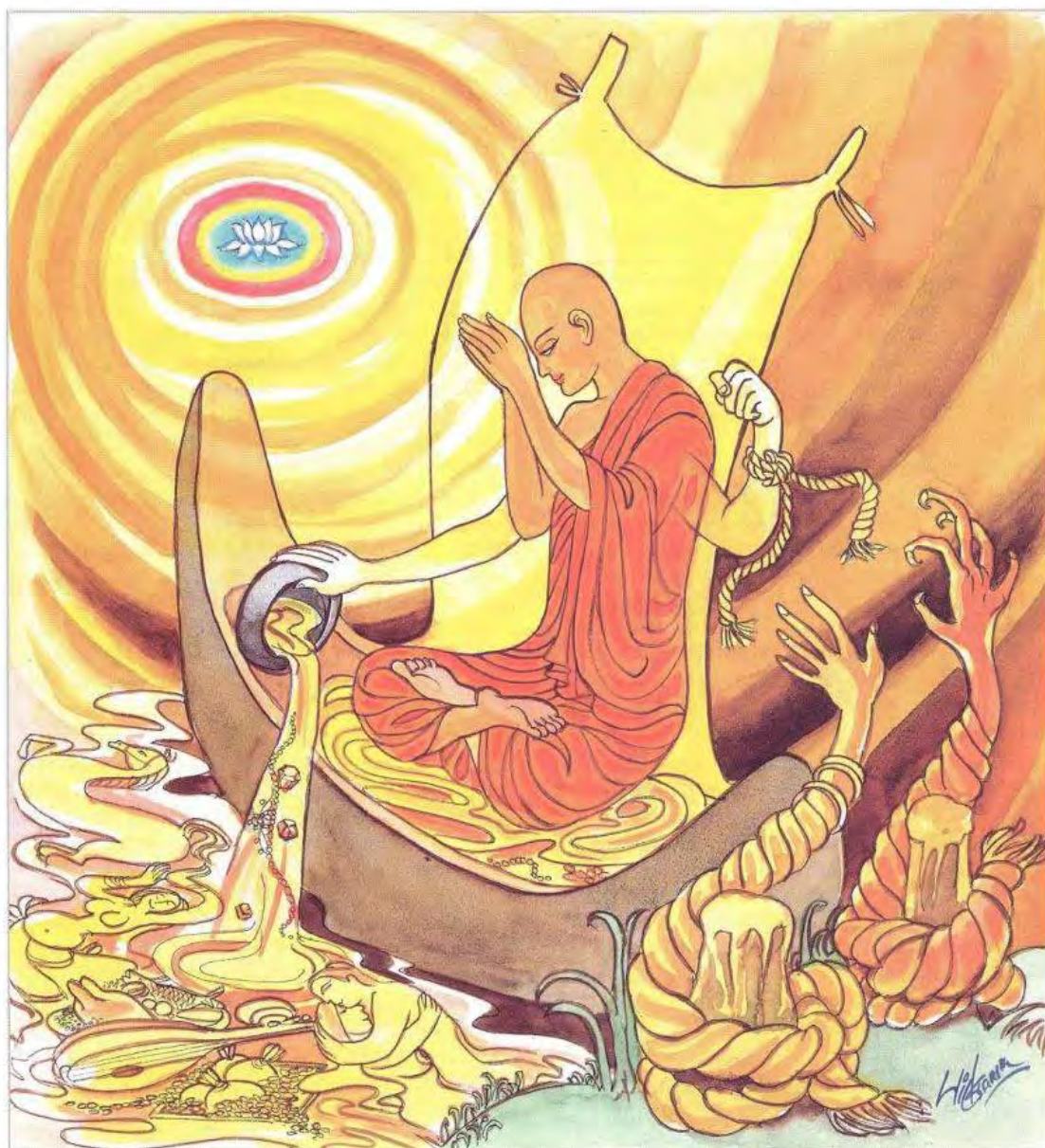
*Chờ đến ba năm mới xuất gia,
Vì miền biên địa thiếu Tăng già,
Tỳ khuru Xô Ná tân hoan hỷ,
Về đến Kỳ Viên lễ Phật Đà,
Thuyết kệ Phật nghe, Phật tán dương,
Tiếng khen vang dội, khắp thiên đường,
Chư thiên ngự tại nhà tín nữ,
Kể lại bà nghe chuyện khác thường!
Mẹ của Tỳ khuru đợi con về,
Thỉnh Thầy thuyết pháp để bà nghe,
Trong giờ thính pháp nghe vui thích,
Thức cả đêm trường chẳng mỏi mê?
Chín trăm tên cướp chiếm nhà bà,
Vơ vét xong rồi lại bỏ ra,
Sám hối, xin tu cùng Đại Đức,
Hành thiện đắc pháp thấy Phật xa,
Phật dạy: Tỳ khuru nhiếp lục căn,
Vẹn gìn giới bổn, bạn hiền năng,
Sống đời phạm hạnh, tâm trong sáng,
Tự tại an nhiên, đạt Niết Bàn.*

DỨT TÍCH NHIỀU VỊ TỖ KHUU





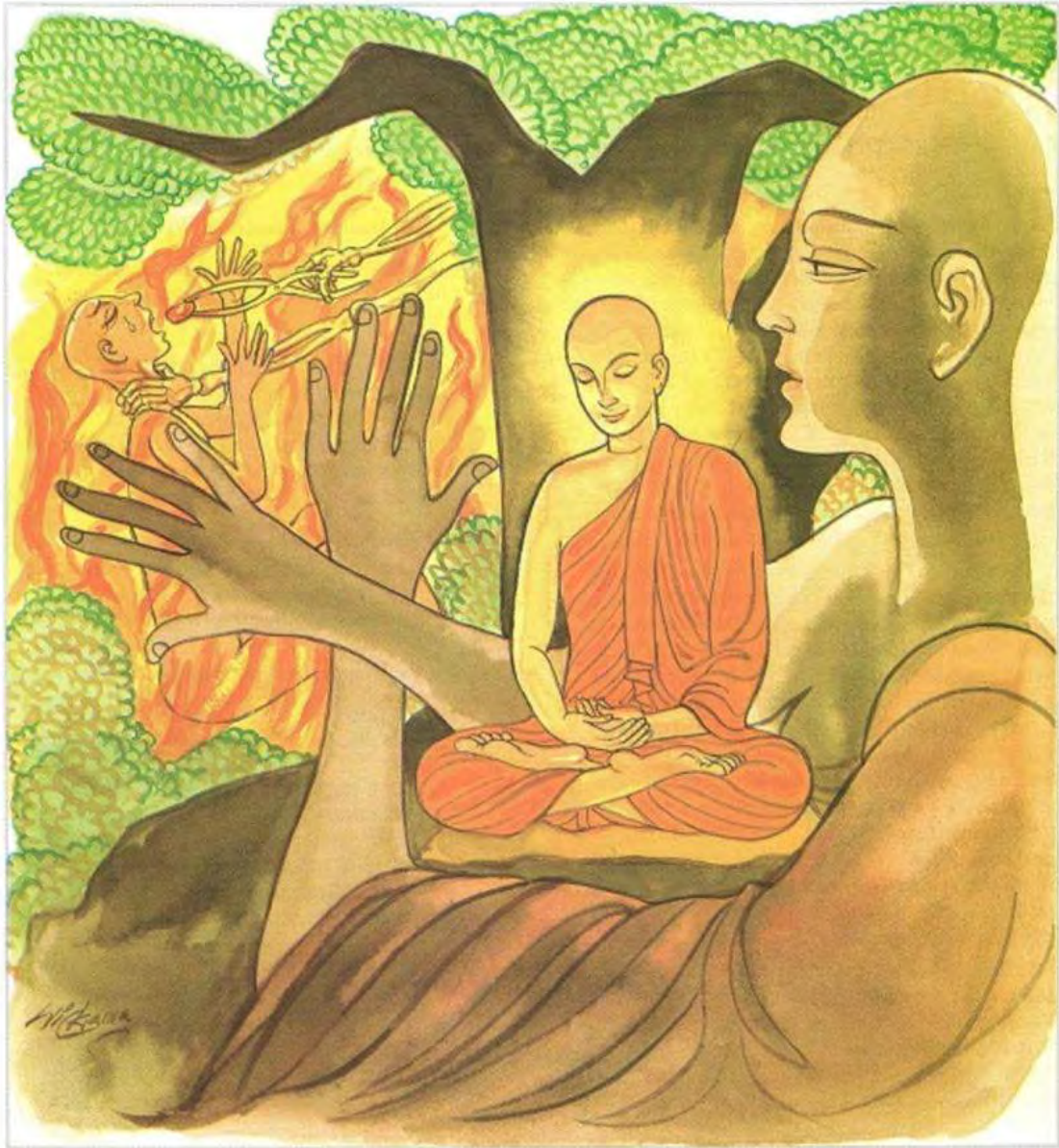
368. Tỳ kheo vui pháp Phật. An trụ tâm từ bi. Chúng đạt cảnh an tịnh. Giải thoát pháp hữu vi.



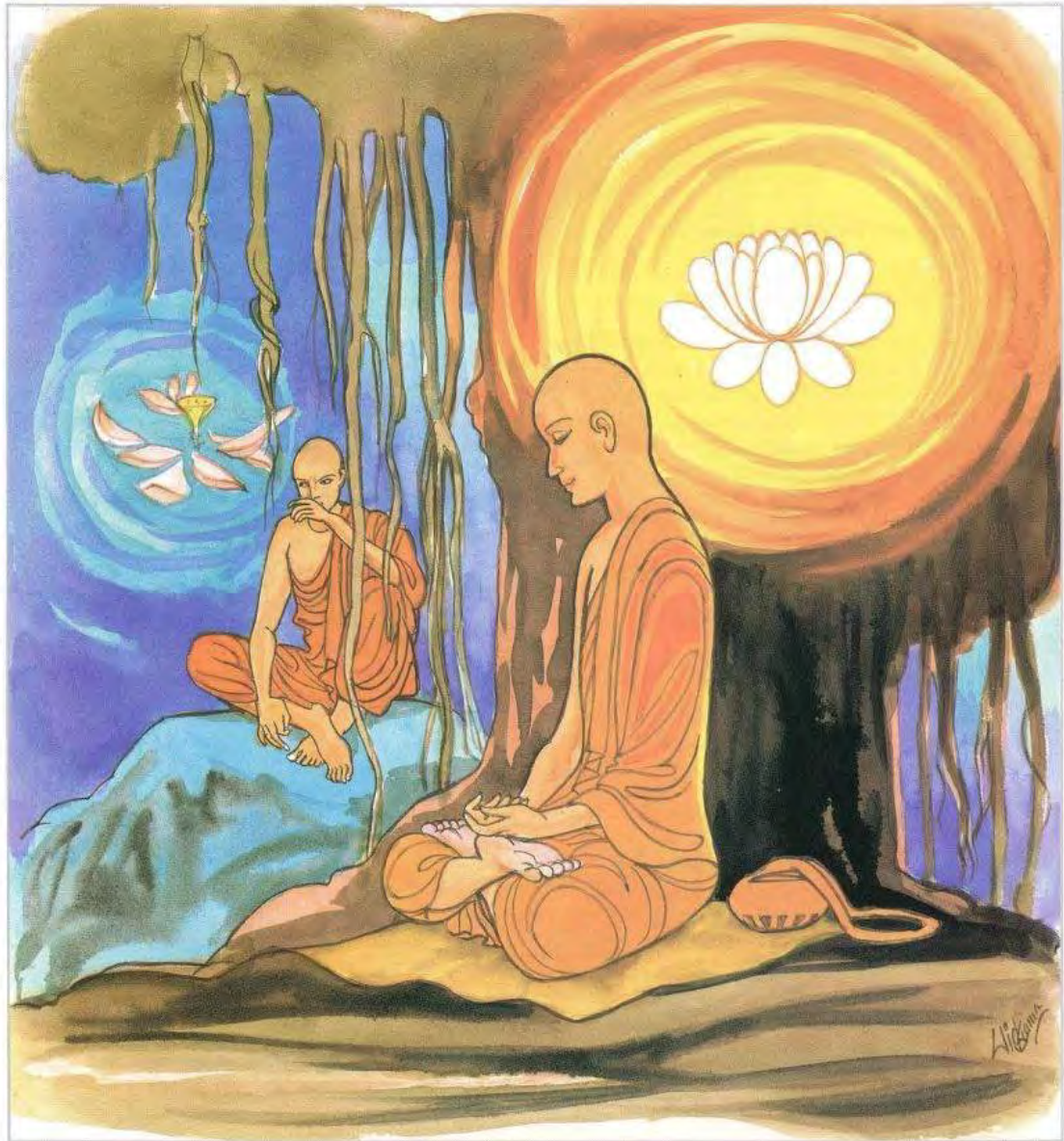
**369. Tỷ kheo, tát thuyền này, Thuyền không, nhẹ đi mau.
Trừ tham, diệt sân hận, Tát chứng đạt Niết Bàn.**



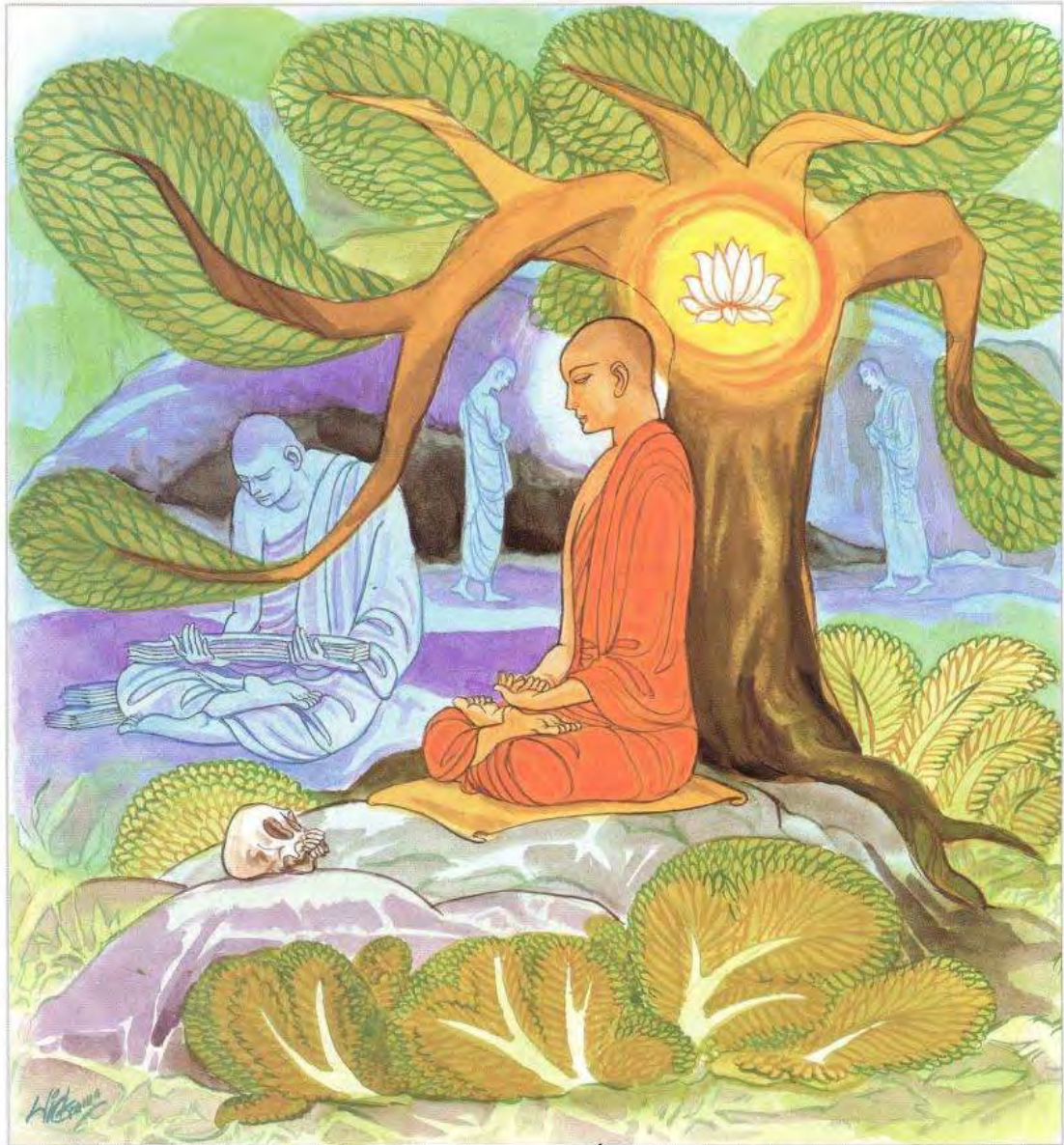
370. Đoạn năm, từ bỏ năm. Tu tập năm tội thượng. Tỷ kheo cắt năm trói. Xưng danh vượt “bộc lưu”.



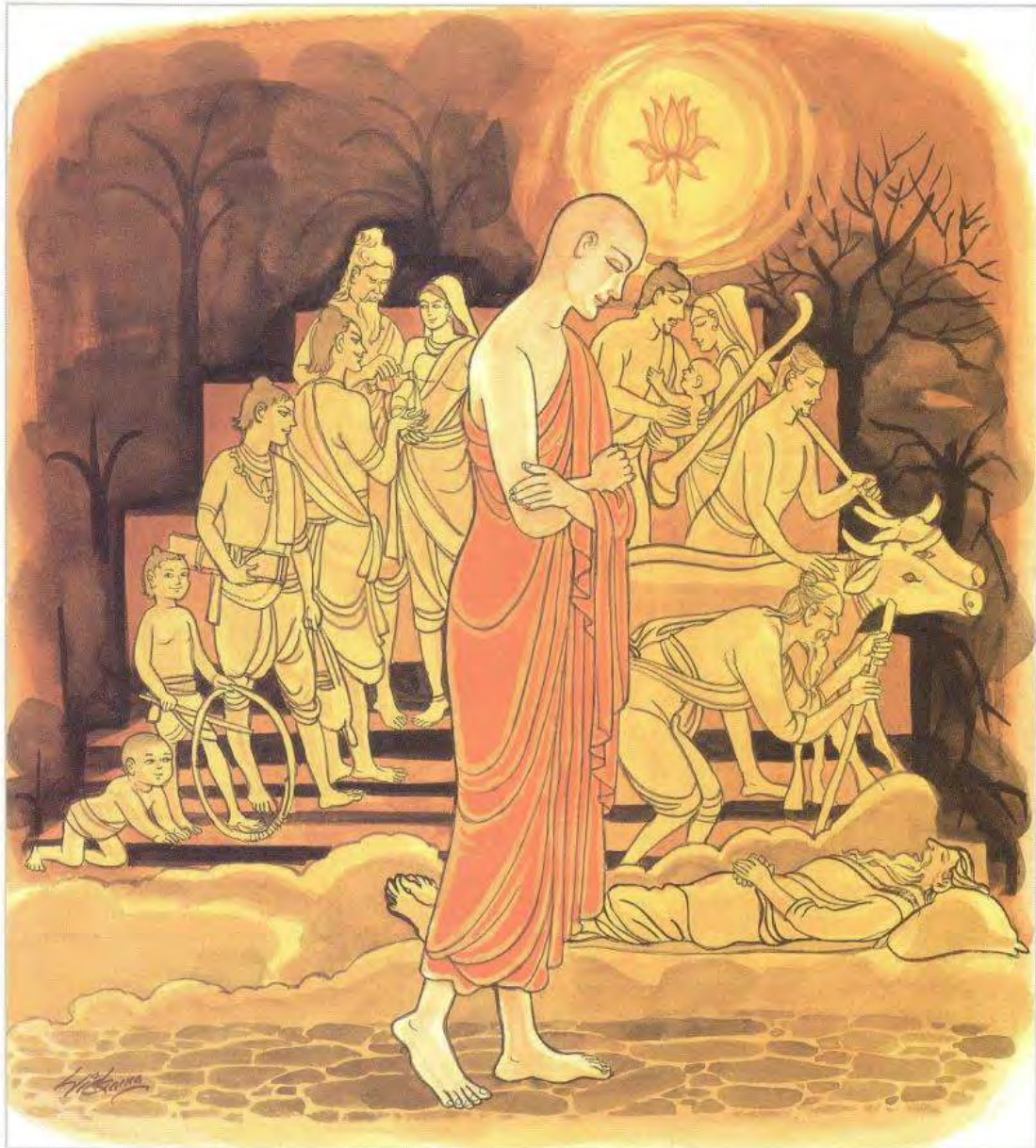
**371. Tỷ kheo hãy tu thiền. Chớ buông lung phóng dật. Tâm chớ
đắm say dục. Phóng dật, nuốt sắt nóng. Bị đốt, chớ than khổ!**



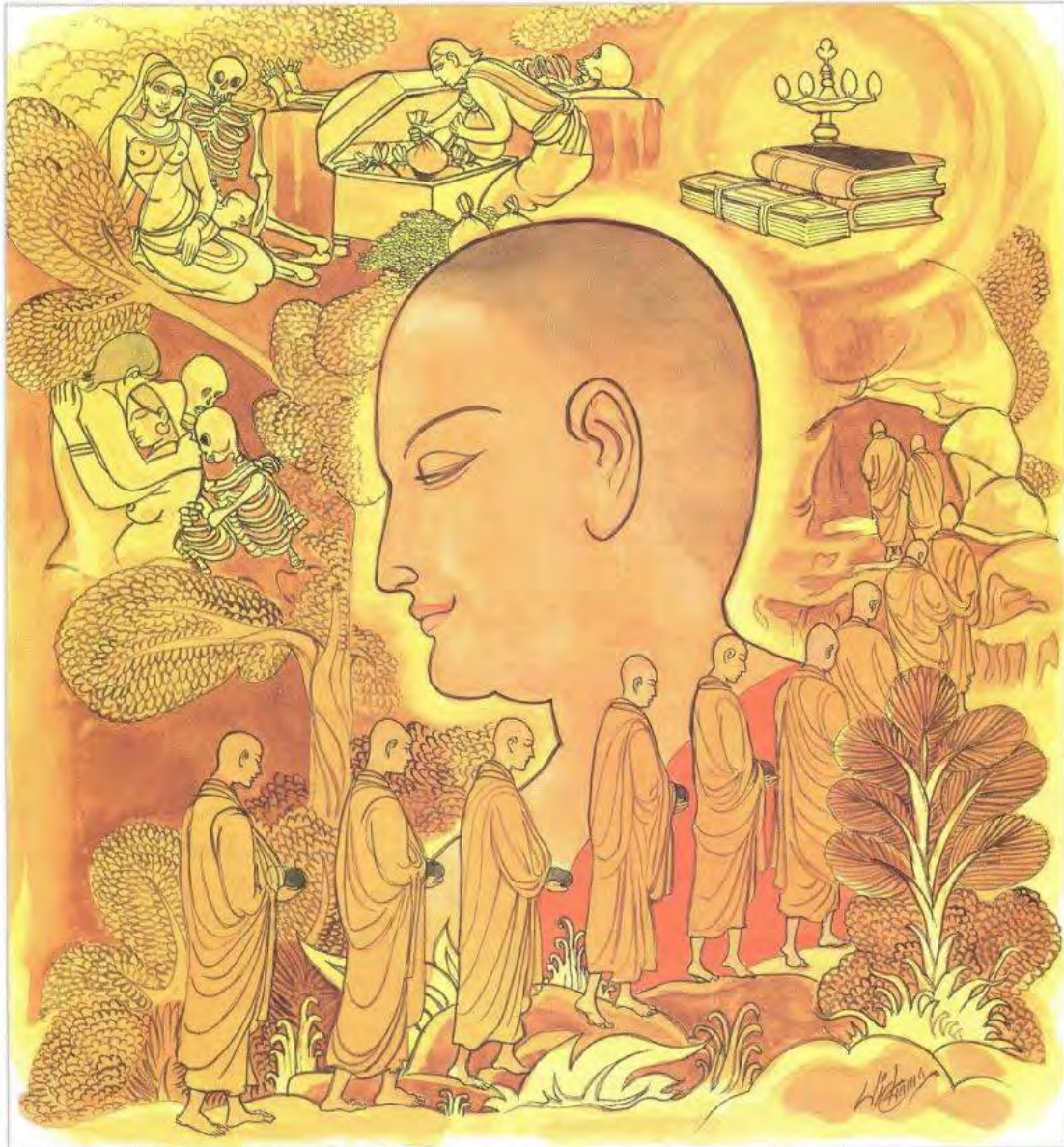
**372. Không trí tuệ, không thiền. Không thiền, không trí tuệ.
Người có thiền có tuệ. Nhất định gần Niết Bàn.**



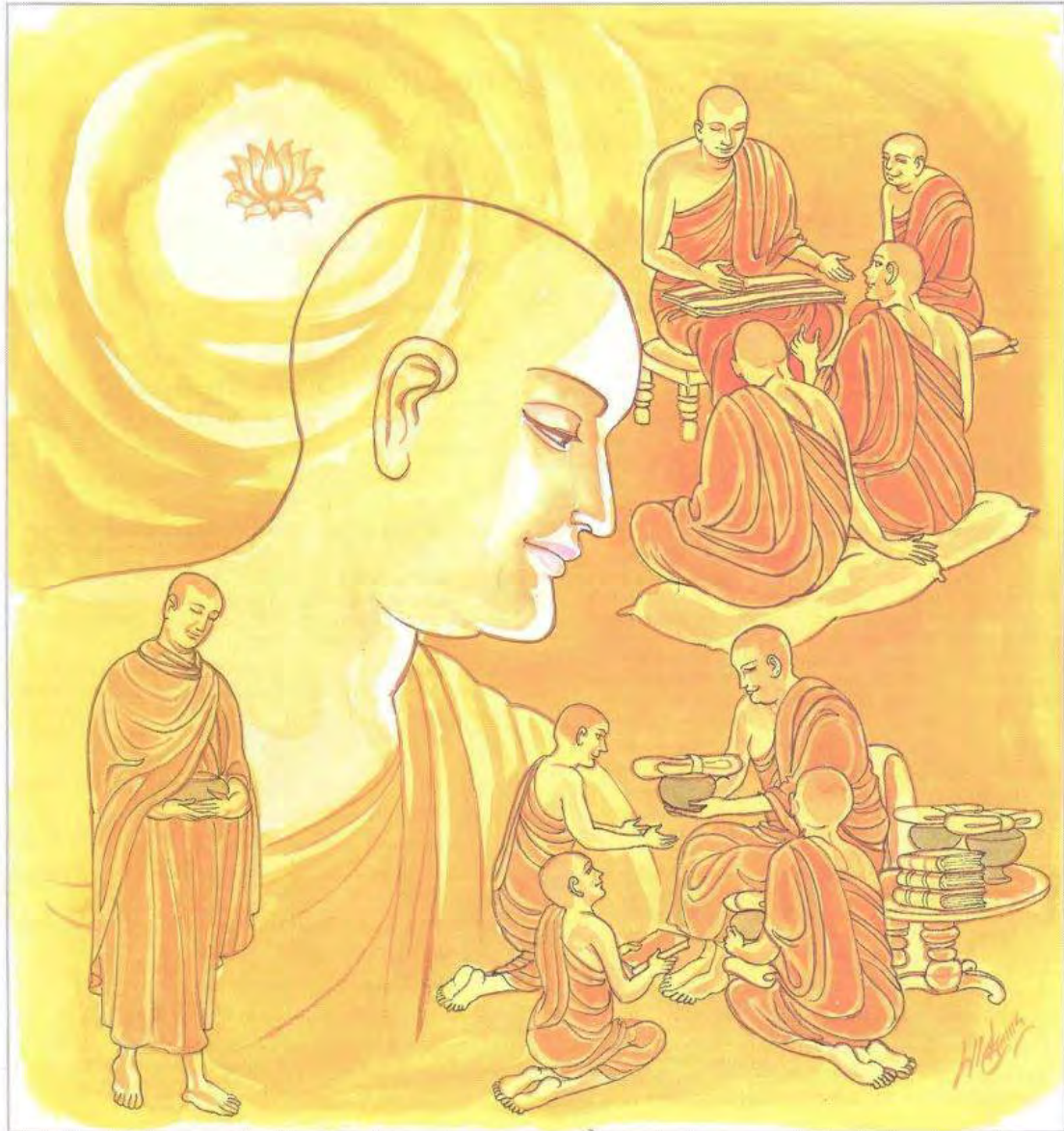
**373. Bước vào ngôi nhà trống. Tỷ kheo tâm an tịnh.
Thọ hưởng vui siêu nhân. Tịnh quán theo chánh pháp.**



**374. Người luôn luôn chánh niệm. Sự sanh diệt các uẩn.
Được hoan hỷ, hân hoan. Chỉ bậc bất tử biết.**



**375. Đây Tỷ kheo có trí. Tu tập pháp căn bản. Hộ căn, biết
vừa đủ. Gìn giữ căn bản giới. Thường gần gũi bạn lành. Sống
thanh tịnh tinh cần.**



**376. Giao thiệp khéo thân thiện. Cử chỉ mực đoan trang.
Do vậy hưởng vui nhiều. Sẽ dứt mọi khổ đau.**

XXV.8- CHUYỆN 500 VỊ TỖ KHƯU (*Pañcasatabhikkhu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 377)

“Vassikā viya pupphāni,
Maddavāni, pamuñcati.
Evaṃ rāgañca dosañca,
Vippamuñcetha bhikkhavo”.

“Nhu hoa Vassika,
Quăng bỏ cánh úa tàn,
Cũng vậy vị Tỳ kheo,
Hãy giải thoát tham sân”.

Kệ ngôn này được Đức Thế Tôn ngự tại Jetavana thuyết ra, khi đề cập đến 500 vị Tỳ khưu.

Tương truyền rằng: Nhóm Tỳ khưu đó học đề mục nghiệp xứ với Bạc Đạo Sư rồi vào rừng hành Sa Môn Pháp, thấy cành hoa lài nở ra từ sáng, đến chiều thì đã tàn rụng khỏi cuống, đồng khởi lên sự suy nghĩ rằng:

“*Chúng ta sẽ tinh cần thoát khỏi phiền não như tham, sân... trước khi hoa lài rụng khỏi cuống*”.

Bạc Đạo Sư thả Phật trí quán xét thế gian, thấy được duyên lành của 500 vị Tỳ Khưu ấy, Ngài hiện đến phán dạy rằng:

- Này chư Tỳ khưu, lẽ thường vị Tỳ khưu nên tinh cần để thoát khỏi khổ luân hồi như cánh hoa rụng khỏi cuống vậy.

Rồi từ Hương Thất, Ngài phóng hào quang đến trước mặt những vị ấy.



CHÚ GIẢI:

Hoa lài gọi là Vassikā trong kệ ngôn này.

Maddavāni: nghĩa là đã tàn (hay là maddavāni)

Ngài thuyết giảng rằng: “*Chùm hoa lài thường buông rơi những cái hoa đã nở hôm qua vào buổi sáng, là hoa úa héo, lìa khỏi cuống như thế nào. Cả các người hãy dứt bỏ các tai hại như tham... như thế ấy*”.

Dứt Pháp thoại, chư Tỳ khưu ấy chứng đạt A La Hán.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Năm trăm lữ quán phong lan,
Sáng nở, chiều rơi, quá lệ làng!
Tự khuyên: Ta mau trừ hận, ái,
Như hoa nọ bỏ cánh điêu tàn!
Phật nhắc: Tỳ khưu ráng sức thiên,
Dứt trừ sanh tử khổ triền miên,
Như Lan bỏ rừng hoa tàn úa,
Tặng đấng Vô sanh đạo quả liền!*

DỨT TÍCH CHUYỆN 500 VỊ TỖ KHƯU





377. Tỳ kheo hã y vát bõ. Mọi ý niệm tham, sân. Như hoa lài tàn úa. Rơi rụng khỏi cành thân.

XXV.9- TRƯỞNG LÃO SANTAKĀYA

(*Santakāyatthera*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 378)

“Santakāyo santavāco,
Santavā susamāhito,
Vantalokāmisobhikkhu,
“upasanto”ti vuccati”.

“*Thân tịnh, lời an tịnh,
An tịnh, khéo thiên tịnh,
Tỳ kheo bỏ thế vật,
Xứng danh bậc tịch tịnh*”.

Pháp Cú này đề cập đến Trưởng lão Santakāya, Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn này, khi Ngài trú tại Jetavana.

Tương truyền rằng: Trưởng lão Santakāya không bao giờ có sự múa máy tay chân hay uốn mình. Trưởng lão là người có được sắc thân tướng an tịnh nhàn nhã.

Được nghe lại rằng: Trưởng lão Santakāya trong thời quá khứ, Ngài là Sư Tử Vương. Theo chủng loại Sư Tử thuần chủng, sau khi no mồi rồi, Sư Tử Vương đi đến hang bạc, hang vàng hay hang ngọc Māni, nằm ngủ trên tảng đá thạch tín đỏ và tảng đá Hồng Hoàng suốt cả bảy ngày, đến ngày thứ bảy thức dậy quan sát nơi nằm, nếu thấy có cát bụi nơi mình nằm đang văng tung tóe do sự ve vẩy tay, hay chân thì giống Sư Tử Vương ấy suy nghĩ: “*Hành vi như vậy thật không xứng đáng với dòng giống Sư Tử Vương*”. Rồi nằm ngủ trở lại, nhịn đói thêm bảy ngày nữa, khi tỉnh thức không thấy cát bụi xung quanh tung tóe, suy nghĩ rằng:

“*Hành vi thế này mới xứng đáng với chủng tộc Sư Tử Vương*”.

Thế rồi, Sư Tử Vương máy động chân, vươn mình đi ra khỏi hang động, quan sát các hướng, rống lên tiếng rống ba lần và đi tìm mồi, vị Trưởng lão đã từng sanh làm Sư Tử Vương như thế ấy.

Chư Tỳ Khuru thấy sắc tướng thân của Trưởng lão thanh nhã mới bạch Bạch Đạo Sư rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vị Trưởng lão như Ngài Santakāya này, chúng con chưa từng trông thấy, ngay cả trong lúc ngồi, vị ấy cũng không hề có sự múa tay.

- Nay chư Tỳ Khuru! Lẽ thường vị Tỳ Khuru nên có các căn an tịnh như thân căn... như Santakāya vậy.

CHÚ GIẢI:

Santakāyo...: Nghĩa là người có thân nhàn tịnh, do không có thân ác hạnh như sát sanh... Gọi là người có khẩu nhàn tịnh do không có khẩu ác hạnh như nói dối, nói ác, nói đâm thọc, hý ngữ. Gọi là người có ý nhàn tịnh vì đã tránh xa ý ác hạnh như tham lam, sân hận, tà kiến... Gọi là người đã an trú vững chắc cả ba căn môn như thế, đã khéo tu tập thuần thực, gọi là không vương bận thế sự, do đã ra khỏi danh lợi thế gian bằng Bốn Đạo. Bạch Đạo Sư phán gọi là “NGƯỜI TỊCH TỊNH”, do các phiền não như tham, san, si... bên trong đã được đoạn diệt.

Dứt Pháp thoại, Trưởng lão Santakāyo chứng đạt A La Hán Quả. Pháp thoại đã có ích cho hội chúng như thế.

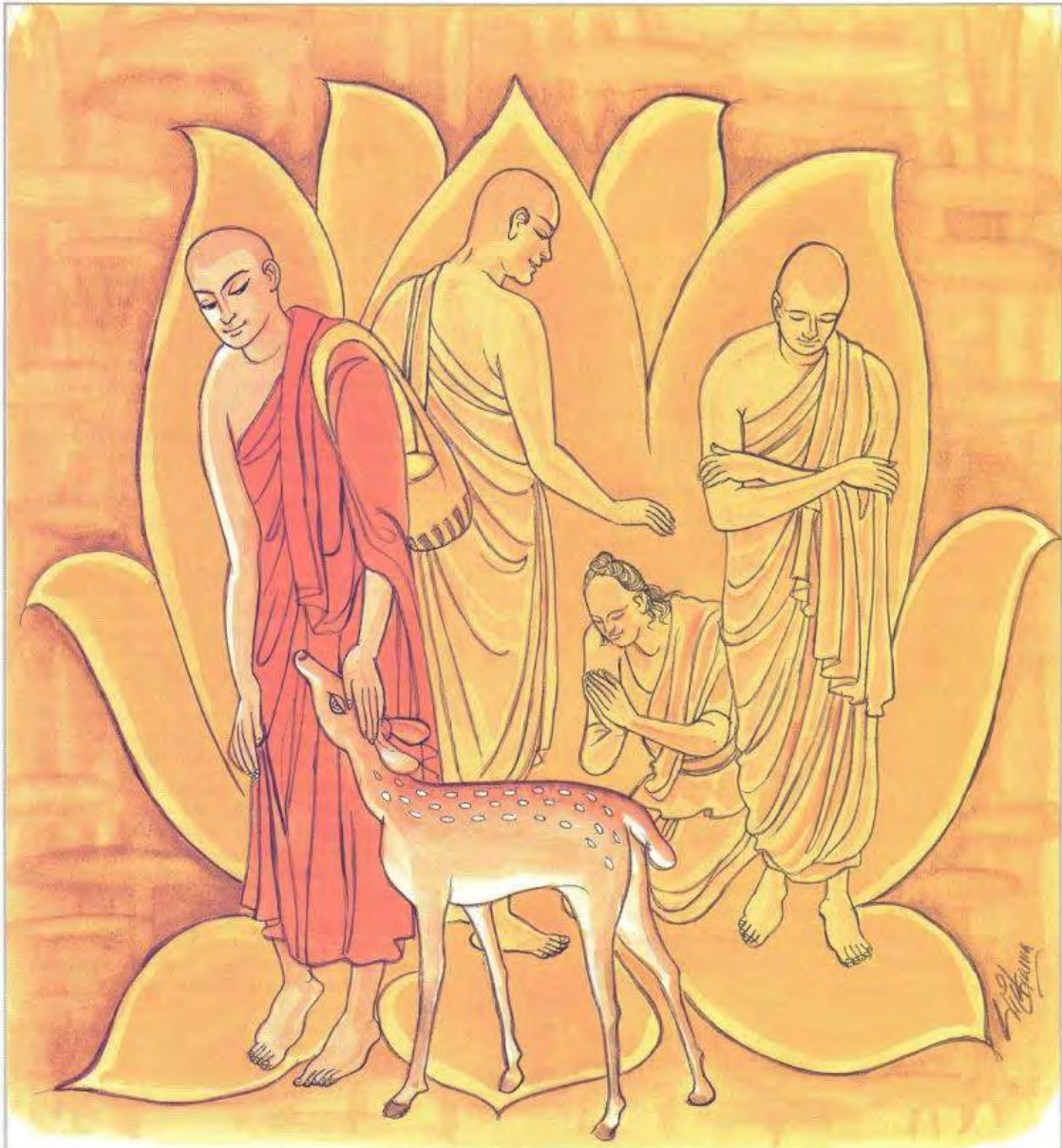


Dịch Giả Cẩn Đề

*Đại Đức tịnh thân thất xứng danh,
Tác phong đạo mạo, bậc đàn anh,
Như sư tử mẹ sanh Ngài vậy,
Tề hạnh, oai nghi, thầy trọn lành,
Tặng chúng khen Ngài, Phật tán dương,
Gọi Tỳ Khưu trẻ rắng noi gương.
Độc cư thanh nhã, như thầy ấy,
Tịch tịnh, lìa xa cõi thế thường.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO SANTAKĀYA





378. Tỳ kheo thường điềm tĩnh. Thân - khẩu - ý tịch tĩnh. Từ bỏ mọi việc đời. Xứng danh bậc an tĩnh.

XXV.10- TRƯỞNG LÃO NAṄGALAKŪṬA

(*Naṅgalakūṭatthera*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 379-380)

379. “Attanā codayattānaṃ,
Paṭimaṃsetha attanā,
So attagutto satimā,
Sukhaṃ bhikkhu vihāhisi”.

*“Tự mình chỉ trích mình,
Tự mình dò xét mình,
Tỷ kheo tự phòng hộ,
Chánh niệm trú an lạc”.*

380. “Attā hi attano nātho,
(ko hi nātho paro siyā),
Attā hi attano gati;
Tasmā saṃyamamattānaṃ,
Assaṃ bhadramva vāṇijo”.

*“Tự mình y chỉ mình,
Tự mình đi đến mình,
Vậy hãy tự điều phục,
Như khách buôn ngựa hiền”.*

Đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Naṅgalakūṭa thuyết lên kệ ngôn này.

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvattihī có một nam tử, y phải làm lụng vất vả tự nuôi sống mình. Một hôm, có vị Tỷ khuru đi đến nơi y làm việc, thấy y vác cày ra ruộng cày, trên người y mặc manh áo cũ kỹ. Động lòng trắc ẩn, vị Tỷ Khuru nói với y rằng:

- Người nên xuất gia đi, đời sống xuất gia không cao thượng hơn đời sống hiện tại của người sao?

- Bạch Ngài! Ai sẽ cho tôi được xuất gia bây giờ?

Nếu người muốn, ta sẽ cho người được xuất gia.

- Lành thay, bạch Ngài. Xin hãy cho tôi được xuất gia đi.

Vị Trưởng lão mang y về Tịnh xá Jetavana, cho y tắm rửa, rồi nghỉ trong Phước xá. Sau đó, y được chư Tỷ khuru cho xuất gia. Ngài Tê Độ Sư bảo y đem chiếc cày cùng bộ quần áo cũ nâng lên nhánh cây gần phước xá. Trong lúc thọ Đại giới, y có tên gọi là Naṅgalakūṭa như vậy.

Tỷ khuru Naṅgalakūṭa sống nương nhờ lộc phát sanh từ ân đức Phật, thời gian sau, vị ấy phát sanh cảm dục, không thể chế ngự nổi, mới quyết định rằng:

- Giờ đây, ta không còn xứng đáng mặc chiếc y vàng mà tín thí dâng cúng cho nữa.

Vị ấy đi đến nhánh cây máng bộ quần áo cũ và chiếc cày, đã tự giáo giới mình rằng:

- Người là kẻ không có tầm quý, người lại muốn mặc y phục này để trở lại đời sống thế gia hay sao?

Khi tự giáo giới mình như thế, vị ấy đã hồi tâm với đời sống phạm hạnh và trở về Tịnh xá.

Hai ba hôm sau, lại bị cảm dục nữa, Tỳ khuru Naṅgakakūṭa lại đi đến nơi treo bộ quần áo cũ và cây cày, rồi tự giáo giới mình cho đến khi không còn cảm dục. Và từ ấy trở đi, mỗi khi tâm khởi lên cảm dục muốn hoàn tục, vị ấy thường đi đến nhánh cây có máng bộ đồ cũ kỹ và cây cày để tự giáo giới mình.

Chư Tỳ khuru thấy Tỳ khuru Naṅgalakūṭa thường xuyên đến cội cây bèn hỏi rằng:

- Này Hiền giả Naṅgalakūṭa! Do nhân chi Hiền giả đến nơi này?

- Thưa chư Hiền! Tôi đi đến trú xứ của Giáo Thọ Sư của tôi.

Trải qua một thời gian, nhờ tinh cần hành pháp vị ấy chứng đạt A La Hán Quả và Trưởng lão Naṅgalakūṭa không còn đi đến cội cây đó nữa. Chư Tỳ khuru liền trêu rằng:

- Này Hiền giả Naṅgalakūṭa, do nhân chi Hiền giả không còn đến nơi Giáo Thọ Sư của mình nữa vậy. Con đường đi của Hiền giả không có dấu vết, hay là Hiền giả không muốn gặp mặt Giáo Thọ Sư của mình.

- Thưa vâng! Thưa chư Hiền, khi tâm tôi còn bị cảm dục, chưa lìa được phiền não dục tôi còn đi đến đấy. Nhưng giờ đây tôi không còn phải đi đến đấy nữa.

Chư Tỳ khuru nghe như thế, nghĩ rằng:

- Vị Tỳ khuru này nói lời không thật, tự cho mình đắc chứng A La Hán Quả rồi.

Các vị trình bạch lên Thế Tôn câu chuyện ấy. Đức Thế Tôn phán dạy rằng:

- Thật vậy, này chư Tỳ khuru, Tỳ khuru Naṅgalakūṭa, con của Như Lai đã kiểm soát được tâm mình, nên đã hoàn toàn thành tựu phận sự của mình trong đời sống phạm hạnh.



CHÚ GIẢI:

Codayattānaṃ: là hãy tự kiểm soát mình. Tức là tự mình biết mình.

Paṭimaṃse: tức là tự quán xét mình.

So attagutto... : nghĩa là này Tỳ khuru, khi người kiểm soát quán xét mình như vậy, gọi là tự canh phòng mình, gọi là có chánh niệm vững chắc trong mỗi oai nghi, sẽ được sự an lạc.

Nātho: là chỗ nương tựa, tức là (không ai là nơi nương nhờ được) vì người nương nhờ vào phước của người khác không thể đến cõi trời hoặc Níp Bàn được. Do đó, gọi là không ai là chỗ nương nhờ được.

Tasmā...: nghĩa là chính mình là nơi nương, nơi bảo hộ, là nơi y chỉ cho chính mình.

Người thương khách bảo vệ ngựa quý để chuyên chở hàng hóa đi đường xa, tránh cho ngựa quý những nơi nguy hiểm, cho ngựa quý dùng những vật thực thích

hợp và no đủ. Gọi là chăm sóc, gìn giữ ngựa quý như thế nào, cũng vậy người chế ngự sự sanh khởi của bất thiện pháp, đoạn trừ bất thiện pháp đã sanh do thất niệm, gọi là sự canh giữ, phòng hộ. Khi người thực hành như thế sẽ chứng được Siêu Thế Pháp và Hiệp Thế thượng nhân Pháp, kể từ Sơ Thiên.

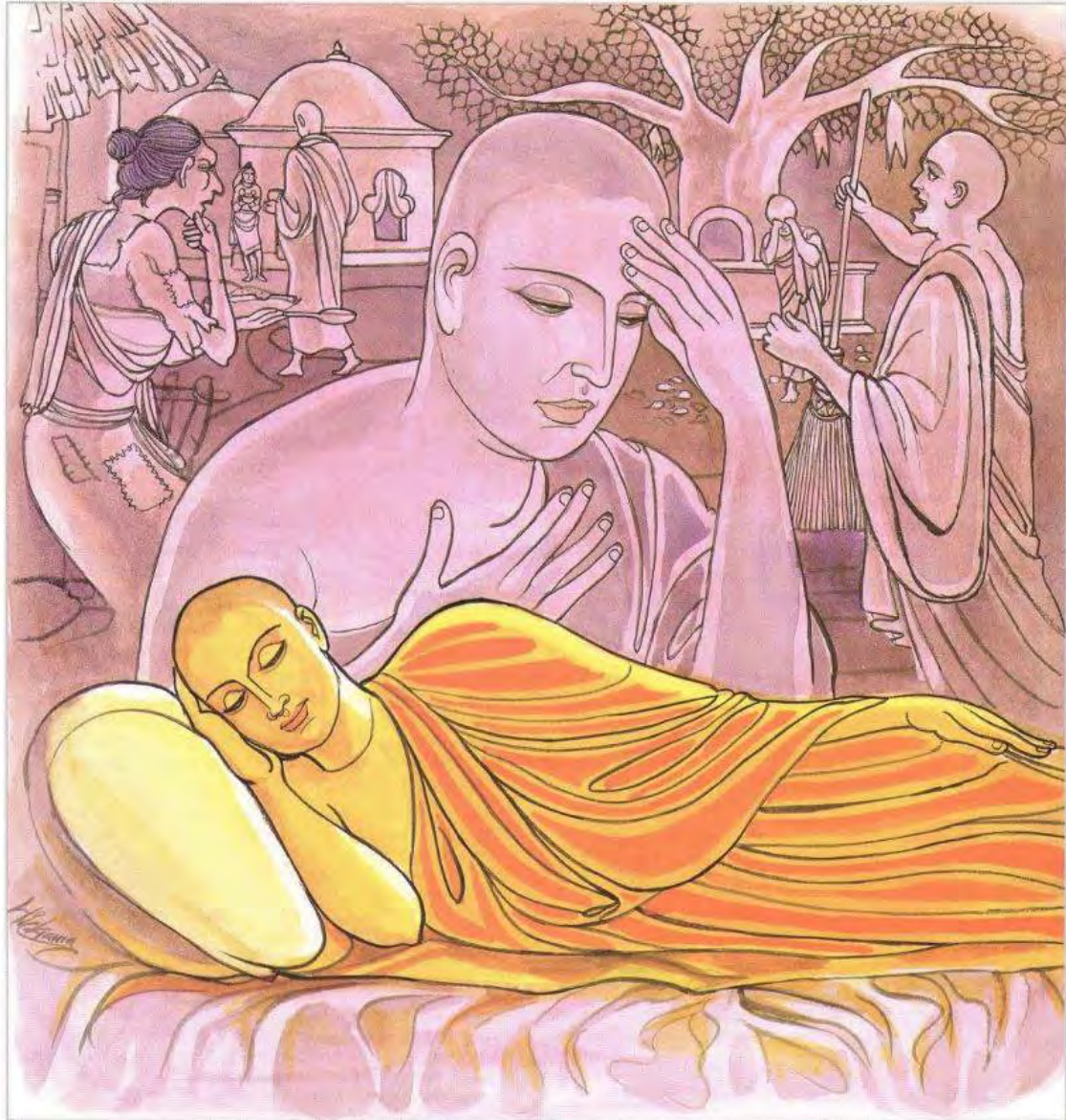


Dịch Giả Cẩn Đề

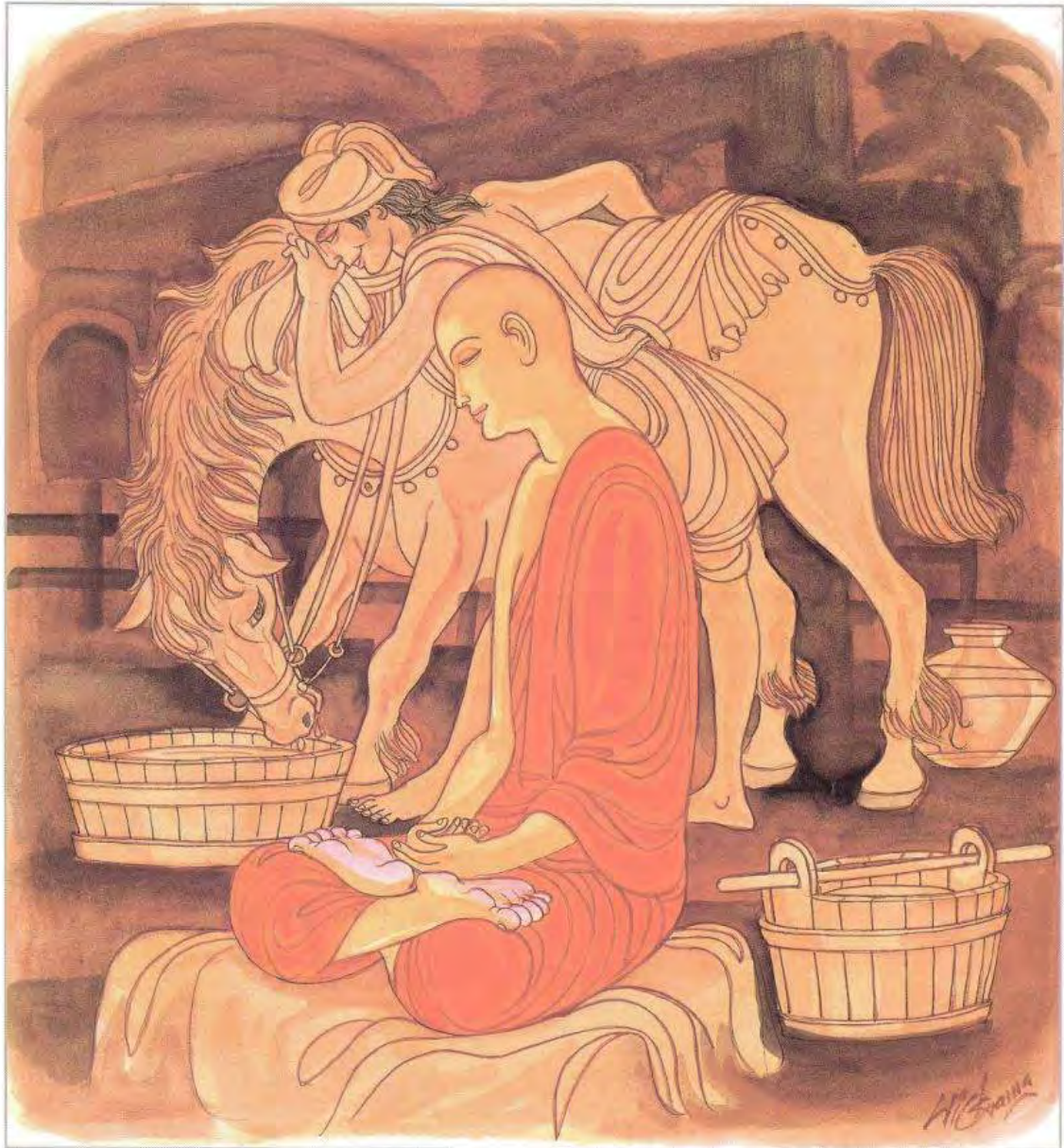
*Khó rách và cày bỏ gốc cây,
Xuất gia tu học với sư thầy,
Mỗi lần bất mãn đòi tăng lữ
Ra gốc cây ngòi quán “khô đây”,
Tự huân cho tâm hết khổ rồi,
Gốc cây “khô quán” chẳng ra ngòi,
Chư Tăng thắc mắc liền kêu hỏi,
Sư đáp: Dục trần kết thủ thôi,
Tăng nghĩ: “Sư này quá tự cao”,
Vào thưa Phật xét xử ra sao?
Phật rằng: Tự chế vừa tự giác,
Thương khách đường xa, giữ ngựa hào!...*

DÚT TÍCH TRƯỞNG LÃO NAṄGALAKŪṬA





**379. Tự mình kiểm điểm mình. Tự mình xem xét mình.
Tự phòng hộ, chánh niệm. Tỳ kheo sống khương ninh.**



380. Chính ta bảo vệ ta. Chính ta nương tựa ta. Chính ta tự điều phục. Như ngựa theo thương gia.

XXV.11- TRƯỞNG LÃO VAKKALI

(*Vakkalittthera*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 381)

**“Pāmojjabahulo bhikkhu,
Pasanno buddhasāsane;
Adhigacche padam santam,
Saṅkhārūpasamam sukham”.**

**“Tỳ kheo nhiều hân hoan,
Tịnh tín giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh,
Các hạnh an tịnh lạc”.**

Kệ Ngôn này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Vakkali.

Tương truyền rằng: Trưởng lão Vakkali sanh vào một gia tộc Trưởng giả danh tiếng trong thành Sāvattthī. Một hôm trông thấy Đức Thế Tôn đi khát thực, với ba mươi hai tướng tốt, với màu da vàng rực sáng như kim tinh anh cao thượng, với lục căn thanh tịnh trang nghiêm. Ngài đã chiêm ngưỡng kim thân Đức Thế Tôn không biết chán, thế là Ngài xin được xuất gia với Bạc Đạo Sư với ý nghĩ: “*Với cách này, ta sẽ được chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn hoài*”.

Từ khi xuất gia, Tỳ khuru Vakkali không có sự tinh cần tu tập Sa môn hạnh, vị ấy mãi đứng vào nơi thuận tiện để chiêm ngưỡng sắc tướng của Bạc Đạo Sư, vị ấy buông lìa mọi phận sự như trì tụng hay tu tập nghiệp xứ.

Đức Thế Tôn không nói chi cả, vì Ngài thấy rằng trí tuệ của vị ấy chưa được chín muồi. Khi Ngài thấy rằng:

- Giờ đây, trí tuệ của Vakkali đã thuần thực, lão luyện rồi. Như Lai sẽ Giáo giới Vakkali vậy.

Rồi Thế Tôn giáo giới Tỳ khuru Vakkali rằng:

- Nay Vakkali, lợi ích chi khi người chiêm ngưỡng xác thân hôi thối này. Nay Vakkali, chính người nào thấy Pháp người ấy (gọi là) thấy Như Lai, người nào thấy Như Lai người ấy (gọi là) thấy Pháp.

- Tuy Bạc Đạo Sư đã khuyến cáo như thế, Tỳ khuru Vakkali vẫn mãi mê say đắm, chiêm ngưỡng kim thân Ngài. Bạc Đạo Sư suy nghĩ:

“Nếu vị Tỳ Khuru này không được khởi động tâm, vị ấy sẽ không chứng đạt Đạo Quả”

Khi đến mùa an cư mùa mưa, Đức Thế Tôn du hành đến thành Rājagaha. Vào ngày an cư mùa mưa, Đức Thế Tôn phán gọi Tỳ khuru Vakkali đến dạy rằng:

- Nay Vakkali! Người hãy đi đi.

- Tỳ khuru Vakkali suy nghĩ: “*Ôi, Đức Thế Tôn đã không hề đoái hoài gì đến ta cả. Nhưng ta sẽ không thể sống được, nếu ta phải xa lìa Ngài trọn cả ba tháng*”.

Rồi vị ấy suy nghĩ rằng:

“Lợi ích chi ta phải sống nữa chứ, ta sẽ leo lên đỉnh núi cao gieo mình xuống tự tử còn có lợi ích hơn”. Thế là, Tỳ khuru Vakkali đến núi Gijjhakūṭa, leo lên đỉnh núi.

- Bạc Đạo Sư biết được sự chán nản trong tâm của Vakkali, Ngài suy nghĩ: *“Nếu Tỳ khuru Vakkali không được sự an ủi của Như Lai, duyên lành của y sẽ bị tổn giảm”*. Đức Thế Tôn phóng hào quang đến trước mặt Tỳ khuru Vakkali vẫy gọi rằng:

- Này Vakkali hãy đến đây!

Tỳ khuru Vakkali nghe Đức Thế Tôn kêu gọi, mọi sầu muộn trong tâm vụt tan biến. Vị ấy nghĩ rằng: *“Bạc Đạo Sư gọi đến ta”*.

Bạc Đạo Sư như hồ nước trong mát đã làm nhiệt não của Vakkali tiêu mất, vị ấy phát sanh phi lạc, nhưng nhìn quanh không thấy đường đi xuống, lập tức Vakkali từ trên cao gieo mình xuống trước mặt Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn tuyên thuyết lên kệ ngôn khi Vakkali con lơ lửng trên hư không.

*“Pāmojjabahulo bhikkhu,
Pasanno buddhasāsane;
Adhigacche padam santam,
Saṅkhārūpasamam sukham”*.

*“Tỳ kheo nhiều hân hoan,
Tịnh tín giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh,
Các hạnh an tịnh lạc”*.

CHÚ GIẢI:

Nên hiểu ý nghĩa của kệ ngôn rằng: Vị Tỳ kheo đầy phi lạc, thường vun bồi niềm tin nơi Giáo Pháp. Vị Tỳ khuru tịnh tín trong Giáo Pháp sẽ chứng đạt Níp Bàn, được gọi là Santapada chấm dứt các hành, an lạc (tối thượng).

Rồi Đức Thế Tôn đưa tay phóng hào quang đỡ lấy Vakkali với bài kệ rằng:

- Hãy đến đây Vakkali! Người đừng sợ, hãy nhìn Như Lai. Như Lai sẽ đưa người lên như người dẫn voi bị sa lầy lên đất liền vậy. Hãy đến đây, Này Vakkali, người đừng sợ hãy nhìn Như Lai, Như Lai sẽ đưa người lên như người giúp mặt trăng thoát khỏi Rāhu vậy.

Vị ấy phát khởi phi lạc mãnh liệt, khi chân vừa rời khỏi núi, rơi vào hư không, suy tưởng được lời dạy của Bạc Đạo Sư, tịnh chỉ niềm phi lạc tại trong hư không đó và chứng đắc A La Hán Quả cùng với tuệ phân tích. Từ trên hư không vị ấy bước xuống đánh lễ dưới chân Bạc Đạo Sư đứng trước mặt Ngài.

Thời gian sau, Đức Thế Tôn ban cho Trưởng lão Vakkali địa vị đệ nhất niềm tin nơi Đức Thế Tôn (saddhādhimutta).

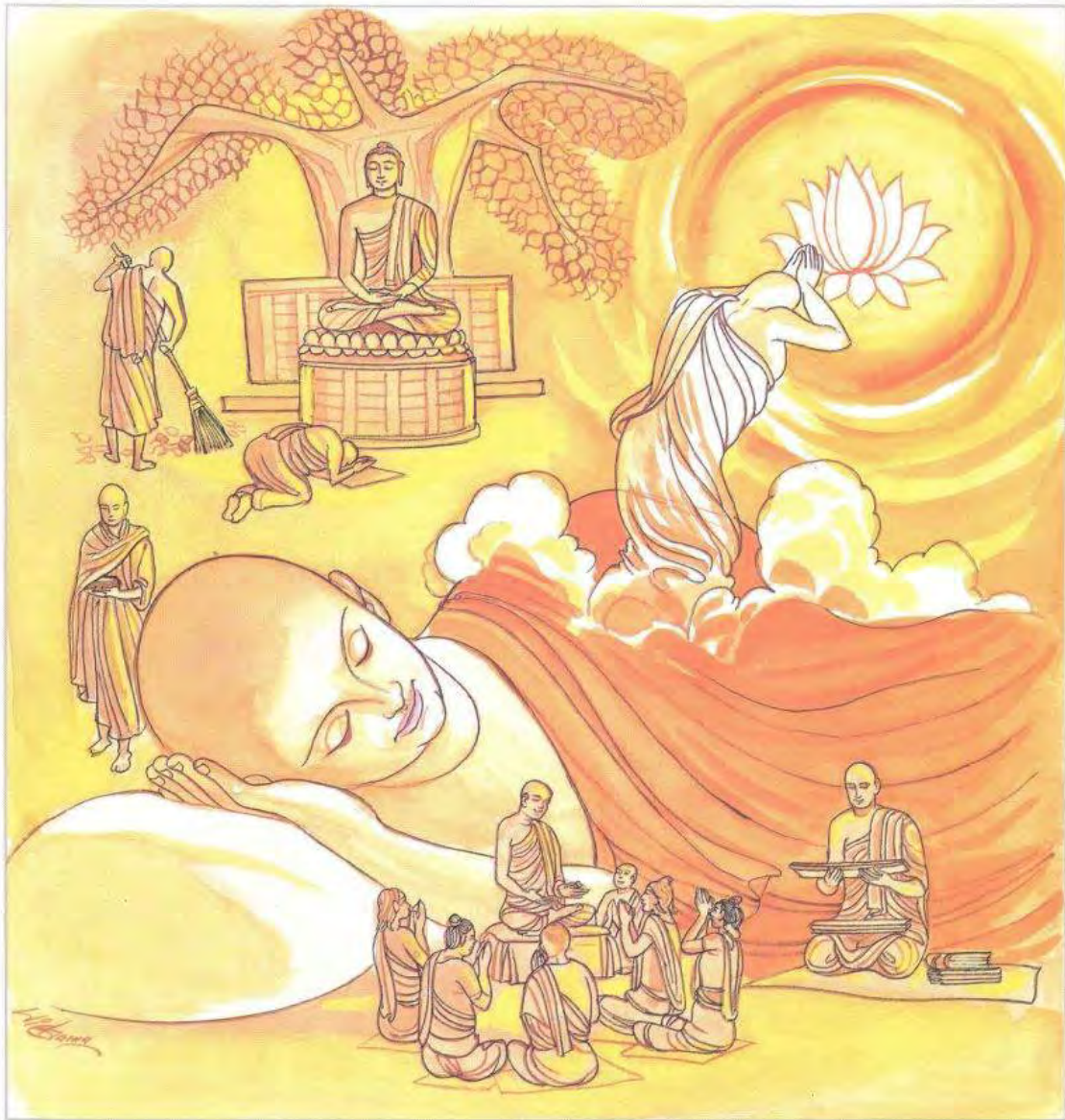


Dịch Giả Cẩn Đề

*Xuất gia để được ngắm Phật Đà,
Đại đức không ngờ bị đuổi ra,
Phật hỏi: “Thầy nhìn chi xác thúii?”
Kẻ nào thương pháp, tức thương ta,
Nói chi, thầy lên đỉnh Linh San,
Quyết lòng tự tỏ giải trình sau,
Thời nay, Phật hiện kêu, thức tỉnh,
Nghe pháp, lòng tràn ngập hỷ hoan,
Trọn tin giáo pháp của cha lành,
Bỏ hỷ, tâm thầy vẫn tịnh thanh,
Tiến đến xả ly thân ngũ uẩn,
Đắc thân thông với quả Vô sanh.*

DƯT TÍCH TRƯỞNG LÃO VAKKALI





381. Tỳ kheo thường hoan hỷ. Thành tín pháp Phật-đà. Chúng đạt cảnh an tịnh. Các hành an lạc ra.

XXV.12- SADI SUMANA

(*Sumanasāmaṇera*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 382)

**“Yo have daharo bhikkhu,
Yuñjati buddhasāsane;
Somam, lokam pabhāseti,
Abbhā muttova candimā”.**

**“Tỳ kheo tuy tuổi nhỏ
Siêng tu giáo pháp Phật,
Soi sáng thế gian này,
Như trăng thoát khỏi mây”.**

Đức Đạo Sư khi ngự tại Pubbārāma, đề cập đến Sadi Sumana, Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn này.

Tương truyền rằng: Trong thời Đức Phật có hồng danh là Padumuttara, một thiện gia nam tử được trông thấy Đức Đạo Sư ban địa vị tối thắng đến một vị Tỳ khưu là đệ nhất về Thiên Nhân. Nam tử ấy muốn đạt được địa vị ấy, đã cung thỉnh Đức Thế Tôn cùng chư Đại chúng Tăng đến tư thất cúng dường trọn 7 ngày. Đến ngày thứ bảy, sau khi Đức Phật cùng chư Tăng thọ thực xong, nam tử cúng dường y phục đến Đức Phật và chư Tỳ khưu, xong rồi phát nguyện rằng:

“Bạch Thế Tôn! Do công hạnh này, con chỉ mong ước được chứng đạt địa vị Tỳ khưu thù thắng nhất về Thiên Nhân trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Thế Tôn”.

Đức Thế Tôn Padumuttara dùng Phật trí quán xét, Ngài thấy rằng: Sau trăm ngàn đại kiếp nữa, lời ước nguyện của thiện gia tử này sẽ được thành tựu, Ngài liền thọ ký rằng:

- Nay Nam tử, kể từ kiếp trái đất này trở đi, sau một trăm ngàn đại kiếp, ước nguyện hôm nay của ngươi sẽ thành tựu, ngươi có tên là Anuruddha trong Giáo Pháp của Đấng Chánh Giác có hồng danh là Gotama.

Được Đức Thế Tôn Padumuttara thọ ký như thế, y tưởng chừng rằng tài sản ấy y sẽ đạt được trong nay mai, nên phát sanh năm loại phỉ lặc sung mãn.

Khi Đức Thế Tôn Padumuttara viên tịch, y hỏi chư Tỳ khưu sự tu tập để đạt được Thiên Nhân. Và y đã tạo ngàn ngọn đuốc xung quanh ngôi Bảo Tháp thờ Xá Lợi Đức Phật cao 7 do tuần.

Sau khi mệnh chung, y thọ sanh về Thiên Giới, từ ấy luân chuyển trong vòng luân hồi với hai sanh thú là chư thiên và người trọn cả 100 ngàn đại kiếp, cho đến hiện kiếp này.

Trong hiện kiếp này, thiện gia tử ấy tái sanh vào một gia tộc nghèo khổ trong thành Bārāṇasī, là người cất cỏ cho Trưởng giả Sumana, y có tên gọi là Annabhāra. Trưởng giả Sumana là người có tâm đại thí, hằng cúng dường đại thí trong thành Bārāṇasī.

Một hôm, có vị Độc Giác Phật Uparitṭha, Ngài xả thiên Diệt dùng Phật trí quán xét rằng:

- “*Hôm nay ta sẽ tế độ cho ai?*”.

Ngài thấy được duyên lành của thanh niên Annabhāra, y đang cắt cỏ ở bìa rừng, rồi y đang trên đường về nhà: “*Khi thanh niên Annabhāra thấy được ta, y sẽ phát sanh tịnh tín cúng dường đến ta vậy*”.

Thế là, từ núi Gandhamādana Đức Phật Độc Giác đắp y mang bát theo đường hư không, xuất hiện trước mặt thanh niên Annabhāra.

Vừa trông thấy Đức Phật Độc Giác, Annabhāra bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài! Ngài được vật thực chi chăng?

- Này người đại phước, ta sẽ được vật thực thôi.

- Bạch Ngài, nếu thế xin Ngài hãy hoan hỷ chờ con một chốc.

Y liệng bỏ bó cỏ trên vai xuống, chạy nhanh về nhà hỏi vợ rằng:

- Em đã có vật thực cho anh chưa?

- Thưa anh có chứ.

Y hoan hỷ chạy nhanh đến nơi Đức Phật Độc Giác với tâm hoan hỷ rằng: “*Khi ta muốn cúng dường đến Ngài thì không gặp Ngài, khi gặp Ngài lại không có vật thí. Hôm nay ta có được hai điều hạnh phúc ấy, là lợi đắc lớn đến với ta vậy*”.

Y đặt đầy bát vật thực, rồi cúng dường đến Đức Phật Độc Giác, xong rồi Annabhāra phát nguyện rằng:

“*Do sự cúng dường này, xin cho con đừng lâm vào cảnh nghèo khổ, đừng nghe biết đến tiếng KHÔNG CÓ trong những kiếp sau*”.

Đức Phật Độc Giác ban lời tùy hỷ rằng:

“*Xin cho phước nguyện của người được mau thành tựu như ý*”.

Rồi Đức Phật Độc Giác từ giả về núi Gandhamādana. Vị Thiên tử ngự trên cây lọng trắng trong nhà Trưởng giả Samana chứng kiến trọn vẹn cảnh ấy, đã tán thán lòng tịnh tín của Annabhāra rằng: “*Thật rất hoan hỷ với vật thực thù thắng mà Annabhāra đã cúng dường đến Đức Phật Độc Giác*”. Rồi vị Thiên tử ấy đã sādhu ba lần. Trưởng giả Sumana nghe tiếng Sādhu, hỏi vị Thiên tử rằng:

- Này Thiên tử, người không thấy ta cúng dường trong bấy lâu nay hay sao? Hôm nay người mới Sādhu như thế.

- Tôi không Sādhu sự cúng dường của ông, tôi Sādhu do sự cúng dường vật thực của Annabhāra đến Đức Phật Độc Giác Upariṭṭha mà thôi.

Trưởng giả Sumana suy nghĩ: “*Thật kỳ diệu thay, ta thường xuyên cúng dường cũng không khiến cho vị Thiên nhân này tán thán. Annabhāra đang sống nương vào ta, y chỉ cúng dường vật thực có một lần, thế mà được Thiên nhân tán thán. Vậy ta sẽ làm thế nào để sự đê bát của y trở thành là của ta*”.

Trưởng giả Sumana cho gọi thanh niên Annabhāra đến hỏi rằng: “*Hôm nay người đã cúng dường vật thực đến ai thế?*”.

- Thưa chủ, hôm nay tôi cúng dường vật thực đến Ngài Upariṭṭha.
- Người hãy nhận lấy số tiền này đi, rồi cho ta phần phước ấy đi.
- Thưa chủ, không được đâu.

Dù cho Trưởng giả Sumana có tặng số tiền lên đến cả ngàn Kahāpana, thanh niên Annabhāra vẫn không màng, không nhường phần phước mà mình đã tạo cho Sumana.

- Thôi được, nếu người không bằng lòng nhường phần phước lại. Người hãy nhận số tiền 1.000 Kahāpana này, rồi chia phước lại cho ta đi.

- Thưa chủ! Việc này để tôi hỏi lại Đức Phật đã.

Y tìm đến hỏi Đức Phật Độc Giác, Ngài nói rằng:

- Này thanh niên! Sự chia phước đến người khác là một điều tốt. Người nên hiểu theo ví dụ này đi. Này thanh niên Annabhāra! Ví như có người thắp sáng lên ngọn đèn rồi cho ngàn gia tộc khác mỗi lửa từ ngọn đèn ấy mang đi. Này thanh niên, vậy ngọn lửa có vì sự mỗi lửa mà hao bớt đi chăng?

- Bạch Đức Độc Giác, không.
- Nhưng bây giờ ánh sáng ở tại nơi đó thì như thế nào?
- Thưa Ngài, nơi ấy ánh sáng càng tỏ rạng hơn.

- Cũng vậy, này thanh niên người trí dù cúng dường chỉ là một muống cháo hay muống vật thực cũng vậy. Khi chia phước cúng dường vật thực của mình đến người khác dù là bao nhiêu người đi nữa, phước ấy càng tăng trưởng. Tuy người chỉ cúng dường một muống vật thực thôi, nhưng khi người chia phước đến Trưởng giả, phần vật thực ấy trở thành hai phần, của người là một và một của Trưởng giả.

- Lành thay, bạch Ngài.

Rồi thanh niên Annabhāra đánh lễ Đức Độc Giác Phật, tâm hân hoan vui vẻ ra về, nói với Trưởng Giả Sumana rằng:

Thưa chủ, tôi chia phước này đến ông với niềm tin.

- Thế thì, người hãy nhận tiền đi.
- Thưa chủ, tôi không bán vật thực. Tôi chỉ chia phước đến Ngài bởi niềm tin mà thôi.

- Này thanh niên, người đã chia phước đến ta bởi đức tin, thế thì ta cũng biểu người công đức bởi đức tin. Lại nữa, kể từ nay trở đi, người không cần phải làm việc bằng tay hay chân nữa, hãy dựng nhà ở cạnh đây và muốn dùng những vật chi hãy đến nơi ta mà lấy.

Vật thực mà người cúng dường đến Bạc xả Thiên Diệt thường phát sanh Quả hiện tại ngay trong ngày là như thế. Vì thế, thậm chí đến Đức vua khi nghe được sự kiện ấy, Ngài cho gọi Annabhāra đến hoàng cung, xin chia phước rồi ban thưởng cho chàng nhiều tài sản và ban cho y địa vị Trưởng giả.

Thanh niên Annabhāra kết bạn với Trưởng giả Sumana cùng nhau đắp xây thiện hạnh suốt đời. Khi mệnh chung thọ sanh về thiên giới. Đến thời Giáo Pháp của Đức Thế Tôn Gotama, từ nơi thiên giới Thiên tử Annabhāra thọ sanh vào chủng tộc Sakya có tên là Amitodana trong thành Kapilavatthu. Thân quyến đặt tên cho hài tử là Anuruddha, vị này là em của Hoàng thân Mahānāma, là em chú bác với Đức Đạo Sư. Ngài là bậc đại phước.

Được biết rằng: Có một hôm, Hoàng thân Anuruddha cùng với sáu vị Hoàng tử khác chơi đánh cầu, dùng bánh đặt cuộc. Hoàng tử Anuruddha thua, nhắn mẹ cho bánh để chung cho 5 vị kia, đến lần thứ tư thì không còn bánh nữa.

Ba lần trước mẹ Ngài dùng mâm vàng đựng bánh mang ra cho Anuruddha. Lần thứ tư bà bảo rằng: Bánh KHÔNG CÓ. Nghe mẹ cho người báo như thế, Ngài Anuruddha ngỡ rằng: Có loại bánh tên là “không có”. Vì từ nhỏ đến lớn, Hoàng tử Anuruddha chưa từng biết đến tiếng KHÔNG CÓ, nên bảo với gia nhân rằng: “*Ngươi hãy mang bánh “không có” đến nơi đây*”.

Mẹ Ngài nghe gia nhân báo lại như thế rằng:

- Tâu lệnh Bà! Hoàng tử bảo mang bánh KHÔNG CÓ đến cho Hoàng tử.

Mẹ Ngài suy nghĩ: “*Con ta chưa từng nghe tiếng KHÔNG CÓ, ta sẽ làm cho nó biết ý nghĩa KHÔNG CÓ bằng cách nào đây nhỉ?*”. Bà lấy mâm vàng trống rỗng úp lên chiếc mâm vàng khác, bảo với tùy tùng rằng: “*Các ngươi hãy mang bánh KHÔNG CÓ đến Hoàng tử*”.

Bấy giờ, vị chư thiên giữ thành Kapilavatthu suy nghĩ rằng:

- Hoàng tử Anuruddha khi còn là nhân loại thuở trước, có tên là Annabhāra, phát nguyện rằng: Xin cho đừng biết tiếng KHÔNG CÓ. Nếu ta biết giai thoại này, mà vẫn yên lặng thì đầu ta sẽ bể thành bảy mảnh.

Chư thiên kinh sợ, vội mang bánh trời đặt vào mâm vàng đầy ắp. Khi vị Hoàng tử trông thấy gia nhân mang bánh ra đặt trước mặt các vị Hoàng tử, chàng liền đỡ nắp ra, một mùi thơm tỏa ngát khắp kinh thành Kapilavatthu. Bánh ấy khi chạm vào lưới, lập tức tan ra lan rộng khắp 700 sợi thần kinh vị.

Hoàng tử Anuruddha suy nghĩ: “*Có lẽ từ trước đến nay mẹ ta chẳng hề thương ta, vì bà không hề làm loại bánh KHÔNG CÓ cho ta dùng*”. Hoàng tử không chơi đùa nữa, lập tức trở về lâu đài, đi đến gặp mẹ hỏi rằng: “*Thưa mẹ, chắc mẹ không thương con phải không?*”.

- Này Anuruddha! Con nói chi lạ vậy. Con là nơi thương yêu của mẹ, ví như người giữ gìn con mắt còn lại hay người gìn giữ trái tim của chính mình.

- Nếu mẹ thương con, tại sao từ trước đến giờ không làm bánh KHÔNG CÓ cho con ăn.

Ngạc nhiên, bà hỏi lại tên gia nhân rằng:

- Ngươi có thấy vật chi trong mâm vàng không?

- Thưa bà! Trong mâm vàng chứa đầy loại bánh có mùi thơm lan khắp cả kinh thành này. Một loại bánh quý mà con chưa từng thấy như thế bao giờ cả.

Bà suy nghĩ rằng: “*Thật vậy, con ta là bậc Đại Phước. Do đó, chư thiên đã mang bánh đặt vào*”.

Rồi Hoàng tử Anuruddha nói với mẹ rằng:

- Thưa mẹ, loại bánh như vậy con chưa từng được dùng, từ nay trở đi mẹ chỉ nên làm loại bánh như thế cho con dùng thôi.

Từ đó, mỗi khi Hoàng tử Anuruddha đòi ăn bánh, Hoàng hậu chỉ sửa soạn mâm vàng, chụp lên mâm khác rồi bảo rằng bánh KHÔNG có. Thế là chư thiên mang bánh trời đặt vào. Với cách ấy, Hoàng tử Anuruddha thọ dụng bánh trời như vậy.

Khi các Hoàng tử trong Hoàng gia Sakya đã lần lượt xuất gia trở thành tùy tùng của Đức Thế Tôn như lời giao ước. Bấy giờ ông Hoàng Mahānāma hỏi em rằng:

- Này em, trong gia tộc ta phải có một người xuất gia, vậy em hay anh sẽ phải xuất gia một người.

- Thưa anh! Em là người hay đau ốm nên không thể xuất gia được.

- Nếu thế, em hãy học nghiệp nghệ của người tại gia đi. Để cai quản gia sản của gia tộc.

- Thưa anh, công việc gì cần phải làm như thế?

Thật ra, nơi phát sanh ra vật thực để dùng, Hoàng tử Anuruddha còn chưa biết, vì thế Ngài mới hỏi anh như thế.

Tương truyền rằng: Một hôm ba vị Hoàng tử là Anuruddha, Baddiya và Kimbila tranh luận cùng nhau rằng: “*Vật thực phát sanh từ nơi nào?*”. Hoàng tử Kimbila bảo rằng: “*Vật thực phát sanh từ trong kho*” vì rằng: Một hôm, Hoàng tử Kimbila trông thấy họ vác lúa từ kho ra để đập, xay sát thành gạo, do đó mới tưởng rằng “*Vật thực phát sanh từ trong kho*”. Hoàng tử Baddiya nói với Kimbila rằng:

- Này anh! Anh không biết đâu, vật thực lẽ thường phát sanh từ trong nôi.

Được biết: Một hôm Ngài Baddiya thấy họ múc vật thực từ trong nôi ra, do đó mới nói như thế.

Hoàng tử Anuruddha nói với hai vị kia rằng: “*Vậy là cả hai anh đều không biết cả. Thật ra vật thực phát sanh từ mâm vàng chén ngọc*”. Được biết rằng: Hoàng tử chưa từng thấy giã lúa hay nấu cơm chi chi cả, chỉ thấy có sẵn trong mâm vàng chén ngọc mà thôi. Do vậy, Hoàng tử ngỡ rằng: *Vật thực có được từ mâm vàng chén ngọc*.

Các thiên gia tử ấy là những bậc đại phước, không biết nơi phát sanh vật thực, cũng không biết việc gì khác cần phải làm.

Thế rồi, Hoàng tử Anuruddha được nghe anh chỉ dẫn các công việc như: Này Anuruddha, hãy đến đây anh sẽ chỉ bảo các công việc cho em: Trước tiên em phải biết cày ruộng...như vậy (các công việc) không đi đến sự kết thúc, cứ thay nhau tiếp diễn. Hoàng tử Anuruddha nghe xong, phát sanh chán nản rằng:

- Ôi! Thật khó nhọc thay đời sống tại gia. Thưa anh, em sẽ xuất gia vậy.

- Thưa mẹ, con không còn ham đời sống tại gia. Con sẽ xuất gia. Xin mẹ hãy cho con được xuất gia.

- Thế rồi, Hoàng Tử Anuruddha cùng với 5 vị Hoàng tử dòng Sakya cùng đi xuất gia, đó là Hoàng đế Bhaddiya, Hoàng thân Kimbila, Bhagu, Ānanda và Devadatta. Cùng đi đến yết kiến Đức Thế Tôn tại Anupiya Ambavana xin được xuất gia. Sau khi xuất gia xong, Tỳ khuru Anuruddha tinh cần hành Sa môn pháp, chẳng bao lâu Ngài thành đạt phạm hạnh cứu cánh, chứng đạt Tam Minh. Với Thiên Nhân Minh đệ nhất trong hàng cao đồ của Đức Thế Tôn, Ngài ngồi giữa hư không, có thể trông thấy cả ngàn thế giới như người nhìn thấy trái me trong lòng bàn tay. Ngài đã thốt lên cảm hứng ngữ rằng:

“Ta đã chứng được Túc Mạng Minh, ta đã đạt được Thiên Nhân Minh, ta đã đạt được Lậu Tận Minh. Tam Minh ta đạt được cùng với thần thông lực. Lời Phật dạy nay ta đã làm xong”.

Sau khi đắc quả, Ngài quán xét rằng: *“Ta đã tạo được thiện nghiệp gì trong thời quá khứ? Mới được tài sản như vậy”.* Biết được rằng: Ta đã phát nguyện dưới chân Đức Phật Padumuttara. Rồi quán xét tiếp rằng: Ta đã luân chuyển trong luân hồi, là thanh niên Annabhāra, làm thuê cho Trưởng giả Sumana để nuôi sống.

Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

“Trong thời trước ta tên là Annabhāra là người nghèo khổ cắt cỏ, ta đã cúng dường vật thực đến Đức Phật Độc Giác Upariṭṭha là bậc cao quý”.

Bấy giờ, Trưởng lão Anuruddha suy nghĩ: *“Trưởng giả Sumana bạn cũ của ta, đã xin phước báu mà ta đã cúng dường đến Đức Phật Độc Giác trong thời đó, nay sanh ở đâu nhỉ?”.* Ngài thấy rằng: Trưởng giả ấy nay sanh vào làng Muṇḍanigāma, tại chân núi gần khu rừng cháy. Trong làng ấy, có người thiện nam tên là Muṇḍa, y có hai người con là Mahāsumana và Cūlasumana. Trưởng giả Sumana chính là Cūlasumana. Sau khi quán thấy như thế rồi, Ngài suy nghĩ: *“Khi ta đến đó, có sự tiếp đãi hay chăng?”.* Ngài quán thấy Cūlasumana sẽ được xuất gia khi tròn 7 tuổi và sẽ chứng đạt A La Hán Quả khi vừa cạo tóc xong.

Quán xét xong rồi, Trưởng lão Anuruddha ngự đến làng Muṇḍanigama vào mùa an cư. Ngài dùng thần thông hiện ra trước cửa nhà. Còn thiện nam Mahāmuṇḍa là người thân quen với Trưởng lão từ trước. Khi vừa thấy Trưởng lão, ông đứng dậy tiếp rước bát, bảo con trai lớn là Mahāsumana rằng:

- Nay con, Trưởng lão Anuruddha đã ngự đến đây, con hãy thỉnh y bát Ngài và cung thỉnh Ngài vào ngự nơi phòng khách đi.

Mahāsumana vâng lời cha, thiện nam ấy cúng dường cung thỉnh Đức Anuruddha an cư mùa mưa tại làng ấy.

Trưởng lão nhận lời. Thiện nam Muṇḍa cúng dường tứ sự đến Trưởng lão trọn ba tháng dễ dàng như chỉ cúng dường có một buổi. Đến ngày lễ Tự Tứ, Muṇḍa cúng

đường Tam y cùng tứ sự đến Trưởng lão, những vật dụng như dầu, sữa, đường... đặt dưới chân Trưởng lão, ông thiện nam bạch rằng:

- Xin Ngài hãy hoan hỷ thọ dụng những vật này đi.
- Thôi được rồi! Này cận sự nam, những vật này ta không nhận, không cần dùng đến.
- Bạch Ngài! Những vật này gọi là Vassāvāsikalābha (lợi lộc phát sanh đến người an cư). Xin Ngài hãy nhận lấy đi.
- Thừa vừa rồi, này cận sự nam.
- Bạch Ngài! Vì sao Ngài không nhận?
- Vì ta không có Sadi để làm thích hợp.
- Bạch Ngài, nếu thế thì Mahānāma sẽ làm Sadi cho Ngài.
- Ta không cần đến Mahānāma.
- Bạch Ngài! Thế thì Cūlasumana có thích hợp chăng?
- Được thôi, này cận sự nam.

Trưởng lão cho Giới tử Sumana xuất gia Sadi. Cūlasumana vừa cạo tóc xong đã quán tưởng theo lời dạy của thầy qua đề mục thể trước, Ngài chứng đắc ngay A La Hán Quả. Trưởng lão cùng Sadi trú tại nơi đó chừng nửa tháng, rồi khởi hành tuần tự về Sāvattī để báỉ kiến Đức Thế Tôn. Khi hai vị đi đến một căn chòi tranh trong rừng, gần Himavanta (Tuyết Sơn).

Trưởng lão Anuruddha là người hăng có sự tinh cần, Ngài đi kinh hành khi trú đêm tại nơi đó vào canh đầu, tiếp theo vào những canh sau thì Ngài phát sanh chứng đau bụng. Sadi Sumana thấy Thầy bệnh khó nhọc như thế, bạch hỏi rằng:

- Bạch thầy, Thầy lâm bệnh chi thế?
- Ta khởi bệnh đau bụng.
- Bạch Thầy, thế thì Thầy có thường bị chứng bệnh này chăng?
- Thường hay bị lắm Sa di à.
- Khi Thầy đau bụng như thế, Thầy dùng vật chi mới hết?
- Ta dùng nước ở hồ Anotatta mới hết bệnh.
- Bạch Thầy, con sẽ đi lấy nước hồ Anotatta về dâng Thầy.
- Này Sadi, con đi lấy được chăng?
- Bạch Thầy được.
- Này Sadi, trong hồ ấy có con Long Vương Pannaka, Long Vương rất hung dữ đấy, con hãy cẩn thận khi lấy nước hồ Anotatta.
- Bạch Thầy vâng.

Sadi Sumana đánh lễ thầy xong, dùng thần lực bay lên hư không đi suốt cả 500 do tuần.

Trong ngày hôm ấy, Long Vương cùng đoàn Long nữ đang vui đùa múa hát. Long Vương trông thấy Sadi bay trên hư không hướng về hồ Anotatta, nên nó phát sanh sân hận rằng:

- Sadi này bay trên hư không, bụi dưới chân y rơi rớt trên đầu ta, Sadi này đi đến hồ Anotatta để lấy nước. Ta sẽ không cho y lấy nước hồ ấy.

Long Vương liền phùng mang che đậy cả ao Anotatta đến 50 do tuần, như người đập nồi com bằng nắp lớn. Thấy Long Vương làm như thế, Sadi Sumana biết rằng: *“Long Vương đang sân hận”*, liền nói rằng: *“Này Long Vương, người là bậc có đại uy lực, có đại sức mạnh. Ngươi hãy lắng tai nghe ta. Hãy cho ta xin bát nước dùng làm thuốc trị bệnh cho Thầy ta”*.

“Sông Gaṅgā ở phía Đông thường chảy vào đại dương, ngươi hãy lấy nước từ con sông Gaṅgā ấy đi”.

Sadi Sumana suy nghĩ rằng:

- Long Vương này không chịu cho nước theo lời xin của ta. Ta sẽ cho nó biết thần lực, ta sẽ uy hiếp nó để nó phục tùng cho ta nước hồ Anotatta.

Sadi Sumana nói với Long Vương rằng:

- Này Đại vương! Thầy Tế Độ của ta bảo, chỉ lấy nước từ hồ Anotatta mà thôi. Do vậy, ta chỉ có thể lấy nước hồ này mang về, ngươi hãy cho nước ấy đến ta đi, đừng nên ngăn cản ta.

Rồi Sadi Sumana nói lên kệ ngôn rằng:

“Ta chỉ lấy nước từ hồ Anotatta này thôi. Ta chỉ cần nước hồ này. Nếu có sức mạnh, hỡi Long Vương ngươi hãy liệu giữ lấy”.

- Này Sadi, nếu ngươi làm như thế, ta gọi ngươi là Bạc Đại Hùng. Ta rất hài lòng về lời nói của ngươi. Ngươi hãy dùng thần lực lấy nước của ta đi.

Sadi Sumana nói với Long Vương rằng: *“Này Đại vương ta sẽ lấy nước cho ngươi xem”*.

- Ngươi có khả năng thì cứ lấy đi.

Sau khi đã xác định rõ ràng ba lần như thế, Sadi Sumana suy nghĩ: *“Giờ đây, ta hiển lộ Phật Pháp lực để lấy nước hồ Anotatta là hợp lẽ vậy”*.

Sadi Sumana đi mời tất cả chư thiên địa cầu, chư thiên trên hư không, các vị ấy đánh lễ và bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài, chuyện chi vậy?

- Này chư thiên, ta sẽ thi đấu với Long Vương tại hồ Anotatta, các ngươi hãy đến xem ai thắng ai bại.

Tuần tự Sadi Sumana đi đến Tứ Đại Thiên Vương, Đức vua Sakka, Đức vua Suyāma, Đức vua Santusita, Đức vua Sunimmita và Đức vua Vasavattī trình bày sự

việc như thế. Rồi Sadi Sumana tuần tự đi đến Phạm Thiên giới, các vị phạm thiên ở cõi đó đến đánh lễ và bạch hỏi:

- Bạch Ngài, có chuyện chi thế?

Sadi Sumana thuật lại câu chuyện. Và vị ấy đi khắp nơi chỉ trừ cõi Vô Tướng và Vô Sắc. Chư thiên và Phạm thiên nhận được lời thỉnh, đã hội họp đông đảo trên hư không, chẳng có một khoảng trống nơi hồ Anotatta, ví như bột bánh mà người ta chắt đầy trong nia đó vậy.

Khi chư thiên, phạm thiên đến đông đủ rồi, Sadi Sumana đứng trên hư không nói với Long Vương rằng:

- Nay hỡi Long Vương, người có nhiều quyền lực, có đại thần lực, người hãy nghe lời ta, hãy cho ta xin bát nước để về làm thuốc cho thầy ta.

- Nay hỡi Sadi, nếu người là bậc anh hùng. Ta rất thích lời nói của người. Vậy người cứ việc lấy nước của ta đi.

Sadi Sumana xác nhận đủ ba rân rồi, đứng trên hư không hóa thân thành vị Đại Phạm Thiên to lớn 12 do tuần, bay xuống đạp lên đầu Long Vương nhận chìm xuống hồ. Bị Sadi Sumana đè đầu nhận xuống đáy hồ, Long Vương lập tức co rút đầu lại cho nhỏ để thoát ra, đầu Long Vương lúc ấy nhỏ như cái muỗng, giống như mảnh da tươi bị người có sức mạnh đạp lên co rút lại. Khi Long Vương co đầu lại thì một luồng nước lớn bằng cây thốt nốt đã phun lên không. Sadi Sumana hứng đầy bát nước ngay trên hư không. Chư thiên tán dương vang dội Sādhu. Sadi Sumana lấy được nước rồi, dùng thần lực bay về nơi trú của thầy. Long Vương hổ thẹn nổi sân hận vội rượt theo Sadi Sumana, hai mắt nó đỏ rực như hoa hồng (japā). Nó suy nghĩ: *“Sa môn trọc đầu ấy đã mời chư thiên đến chứng kiến cuộc tranh hùng này, làm cho ta hổ thẹn. Ta sẽ đuổi theo, bắt được y ta sẽ thọc tay vào ngực moi lấy trái tim y, hay nắm lấy chân y quăng qua bên kia sông Hằng”*.

Long Vương dùng thần lực rượt theo Sadi Sumana, nhưng không thể theo kịp. Sadi về dâng nước lên Tể Độ Sur, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài hãy dùng nước đi.

Long Vương theo sau đi đến nói rằng:

- Bạch Ngài Anuruddha! Vị Sadi ấy lấy nước của tôi, nước ấy chưa cho, xin Ngài dùng dùng.

- Nay Sadi, thế này là như thế nào vậy?

- Bạch Thầy! Xin thầy cứ dùng nước ấy, nước này Long Vương đã cho nên con mới mang về.

Trưởng lão biết rằng: “Bậc Vô Lậu như Sadi chẳng bao giờ nói dối bao giờ”. Và Ngài đã dùng nước ấy trị bệnh cho mình.

Khi bệnh đã thuyên giảm ngay. Long Vương bạch với Trưởng lão rằng: *“Bạch Ngài! Sadi này đã thỉnh chư thiên tụ hội lại nơi hồ Anotatta để tranh tài. Và vị ấy đã*

làm cho tôi hổ thẹn, giờ đây tôi sẽ bóp nát trái tim của ông ấy hay nắm lấy chân mà ném qua bên kia sông Hằng!”.

- Nay Long Vương! Sadi này là bậc có đại uy lực, có đại thần lực, người không thể thắng được đâu. Người nên sám hối vị ấy đi, rồi trở về hồ Anotatta.

Long Vương vẫn biết thần lực của Sadi, nhưng vì lòng tự ái bị tổn thương nên nó làm như thế thôi. Bây giờ nghe lời của Ngài Anuruddha, nó tỉnh ngộ và bình tâm lại. Long Vương liền sám hối Sadi, kết thân với Sadi Sumana rằng:

- Bạch Ngài! Kể từ nay trở đi, khi nào Ngài cần nước hồ Anotatta Ngài khỏi cần nhọc sức đi lấy, Ngài chỉ nhắn tin đến tôi, tôi sẽ mang nước đến cho Ngài.

Khi lành bệnh rồi, Trưởng lão cùng Sadi lại lên đường về thành Sāvattihī. Đức Thế Tôn biết rằng: Trưởng lão Anuruddha sắp về đến, Ngài ngự nơi lầu đài của Migāramāta nhìn ra đường. Chư Tỳ khuru trông thấy Trưởng lão trở về, hoan hỷ ra đánh lễ và chào đón thân tình, tiếp rước y bát.

Bây giờ, có vài vị Tỳ khuru phạm thấy Sadi Sumana còn nhỏ dễ thương, nên nô đùa, vò đầu cũng có, nhéo tai cũng có, kéo tay cũng có, đùa cợt rằng: “*Này Sadi! Ông không có cảm dục sao?*”.

Đức Thế Tôn thấy hành động thô tháo của các vị ấy, suy nghĩ:

- Hành động của các Tỳ khuru này thật là tai hại. Họ nắm lấy cổ, đầu của Sadi Sumana chẳng khác gì đang nắm lấy đầu cổ của con rắn độc mà không biết. Chúng nào thấu đáo được oai lực của Sadi Sumana. Hôm nay Như Lai sẽ làm sáng tỏ thần lực của Sumana vậy.

Trưởng lão Anuruddha đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn ân cần thăm hỏi Trưởng lão Anuruddha, Ngài cho gọi Trưởng lão Ānanda đến dạy rằng:

- Nay Ānanda! Như Lai đang cần nước rửa chân, nước ấy phải được múc từ hồ Anotatta. Người hãy đưa bát cho các vị Sadi, bảo lấy nước đem về cho Như Lai.

Trưởng lão tụ hội 500 vị Sadi lại, phán truyền lệnh ấy. Trong số đó, Sadi Sumana là vị trẻ nhất, Trưởng lão Ānanda phán dạy Sadi rằng:

- Nay Sadi! Bậc Đạo Sư đang cần nước ở hồ Anotatta để rửa chân. Vậy hiền giả hãy đi lấy nước về cho Bậc Đạo Sư đi.

- Bạch Trưởng Lão! Con không đủ khả năng.

Thế là Trưởng lão tuần tự hỏi đến các vị Sadi còn lại. Các vị ấy đều từ chối cả.

Hỏi rằng: Trong số 500 vị Sadi ấy, không có vị nào là bậc Vô Lậu hay sao?

Đáp rằng: Có chứ, nhưng các vị Sadi ấy biết rằng: Vòng hoa này không phải kết cho ta, mà Đức Thế Tôn kết cho Sadi Sumana. Đối với các vị còn phạm thì từ chối, vì thấy rằng mình không có khả năng ấy.

Cuối cùng thì đến Sadi Sumana. Trưởng lão Ānanda nói:

- Này Sadi ơi! Bạc Đạo Sư đang cần nước hồ Anotatta để rửa chân, vậy hiền giả hãy lấy bát đem nước ấy về đi.

- Bạch Ngài! Khi Bạc Đạo Sư cho phép thì con sẽ đi lấy nước đem về.

Rồi Sadi Sumana đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Được nghe rằng: Ngài phán dạy con đi lấy nước hồ Anotatta phải chăng?

- Đúng thế, này Sumana.

Sadi Sumana cầm bát lớn như cái nồi, bát ấy có thể chứa được 6 cái bát thường. Những bát này được dùng trong Tịnh thất do nàng Visākhā cúng dường. Vị ấy xách đi với ý nghĩ: “*Ta không cần phải vác lên vai*”. Và Ngài bay lên hư không nhắm hướng hồ Anotatta mà lướt đến.

Long Vương trông thấy Sadi Sumana từ xa đi đến, tiếp lấy bát để lên vai, nói rằng:

- Bạch Ngài! Khi Ngài có người phục vụ như tôi đây, vì sao Ngài lại đích thân đến lấy nước chứ. Khi Ngài cần nước sao không nhắn cho tôi biết.

Rồi Long Vương múc đầy bát nước, vác lên vai nói rằng:

- Bạch Ngài, xin thỉnh Ngài hãy đi trước, tôi sẽ mang nước theo sau.

- Được rồi, này Long Vương, vì Bạc Đạo Sư bảo ta đi lấy.

Sadi Sumana dạy Long Vương hãy trở về, tự tay nắm lấy bát bay lên hư không.

Trông thấy Sadi Sumana trở về, Bạc Đạo Sư phán dạy chư Tỳ khưu rằng:

- Này chư Tỳ khưu! Các người hãy nhìn con đường bay của Sadi, đẹp như thiên nga trong hư không vậy.

Sadi Sumana đặt bát nước xuống, đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi và đứng sang một bên, Bạc Đạo Sư phán hỏi rằng:

- Này Sadi Sumana, người được bao nhiêu tuổi?

- Bạch Thế Tôn! Con vừa được 7 tuổi.

- Này Sumana, nếu thế từ nay trở đi, người sẽ là vị Tỳ khưu.

Đức Thế Tôn ban Dāyajja upasampada (Cụ túc đặc biệt) đến Sadi Sumana. Được biết rằng: Chỉ có hai vị Sadi là Sumana và Sopāka vừa được 7 tuổi, được Đức Thế Tôn ban cho địa vị Thera. Bây giờ chư Tỳ khưu cùng nhau bàn luận trong Giảng đường về sự kiện hy hữu ấy rằng:

- Này chư Hiền giả, việc làm này thật là kỳ diệu thay, từ trước đến nay chúng ta chưa từng thấy vị Sadi trẻ nào có được thần lực như thế.

Đức Thế Tôn ngự đến phán hỏi rằng:

- Này chư Tỳ khưu! Các người đang ngồi lại bàn luận về vấn đề gì thế?

Chư Tỳ khưu liền bạch lên Thế Tôn về việc ấy, Ngài phán rằng:

- Này Tỳ khuru! Trong Giáo Pháp của Như Lai, dù là người trẻ tuổi nhưng thực hành chân chánh, thường đạt được tài sản như vậy.



CHÚ GIẢI:

Yuñjati: là tinh cần siêng năng.

Pabhāseti: nghĩa là vị Tỳ khuru hằng làm cho thế gian như uẩn, xứ..., chói sáng, tức là làm cho ánh sáng bằng trí Tương ưng với A La Hán Đạo của mình, như mặt trăng ra khỏi vầng mây che.

Dứt Pháp thoại, nhiều người chứng đạt Thánh Quả như Dự Lưu.

Dịch Giả Cận Đề

*Sa di Hảo Ý thật phi thường,
Thị thố thần thông thắng Long Vương,
Lấy nước từ hồ cao Tuyết Lãnh,
Dâng thầy uống hết bệnh can trường,
Chư Tăng không biết tướng Sa di,
Trẻ dại vào tu đã có chi?
Chọc gheo, rờ đầu, cùng bẹo má,
Phật làm Tăng chúng hết khinh khi,
Phật sai, ông lấy nước hồ xa,
Thị hiện thần thông, chúng thấy qua,
Rồi đặt ông lên hàng Đại Đức,
Phàm tăng kinh ngạc, nghĩ không ra
Phật dạy: Tỳ khuru dầu trẻ trung,
Chú tâm học pháp hiểu cho cùng,
Như trăng ra khỏi vầng mây che,
Rọi khắp nhân gian, đuốc Đại Hùng.*

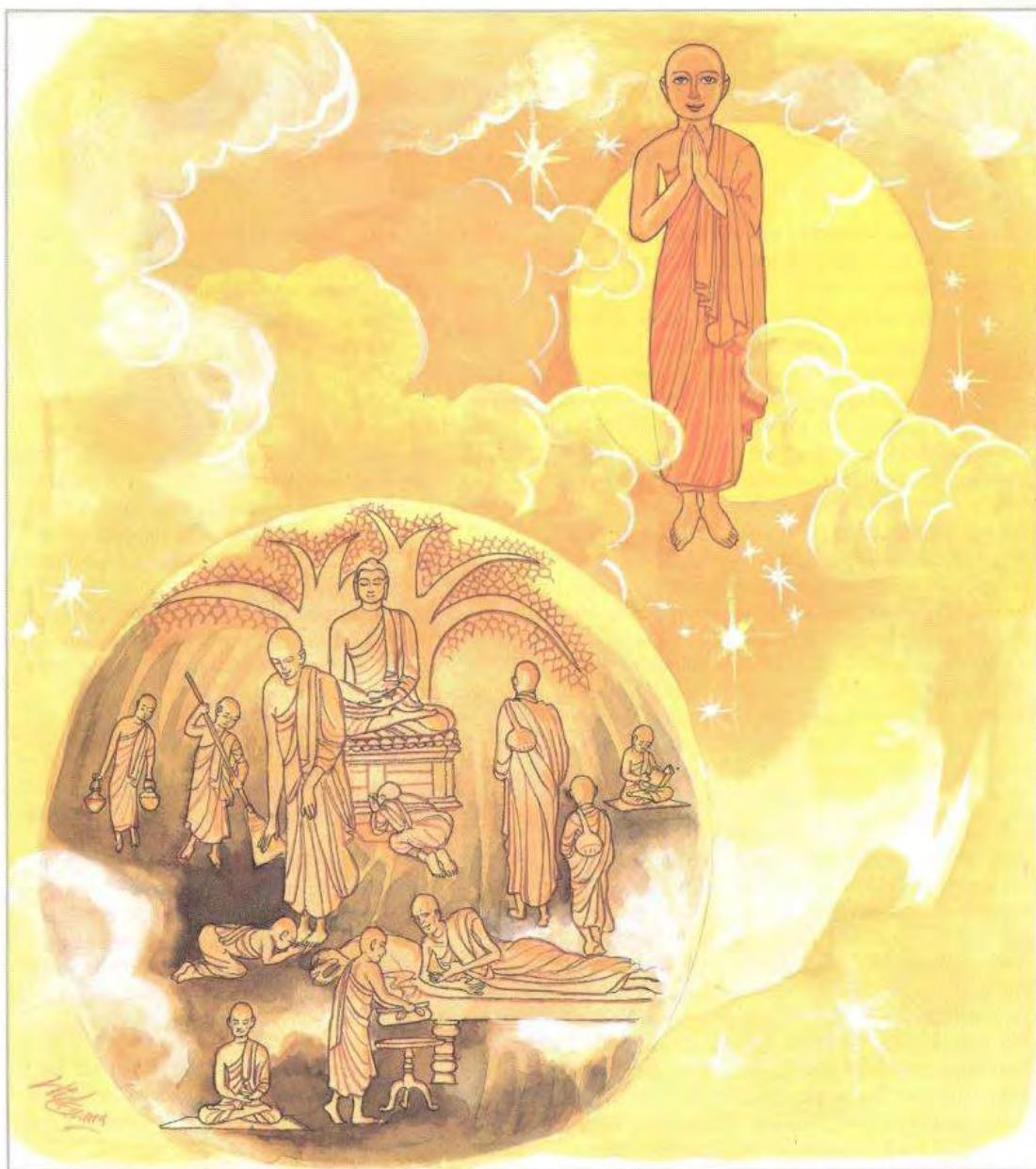
DỨT TÍCH SADI SUMANA



DỨT PHẨM TỖ KHUU – BHIKKHU VAGGA

DỨT PHẨM 25





382. Tỳ kheo tuy trẻ tuổi. Chuyên tu pháp Phật-đà. Như trăng thoát mây chắn. Soi sáng trần gian ta.

**XXVI. PHẨM BÀ LA MÔN
(BRĀHMAṆA VAGGA)**



- 40 bài kệ: *Pháp Cú 383-423*
- 40 tích truyện

**XXVI.1- VỊ BÀ LA MÔN NHIỀU ĐỨC TIN
(Pasādahulabrāhmaṇa)**



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 383)

**“Chinda sotaṃ parakkamma
Kāme panuda brāhmaṇa
Saṅkhārānaṃ khayamaṃ
Ñatvā akataññūsi brāhmaṇa”.**

***“Hỡi này Bà la môn
Hãy tinh tấn đoạn lòng
Từ bỏ các dục lạc
Biết được hành đoạn diệt
Ngươi là bậc vô vi”.***

Đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, Ngài đề cập đến vị Bà la môn có nhiều đức tin, thuyết lên kệ ngôn này.

Tượng truyền rằng: Vị Bà la môn ấy nghe Pháp của Đức Thế Tôn, khởi tâm tịnh tín. Mỗi ngày, vị ấy sắp đặt vật thực cho 16 vị Tỷ khuru tại tư gia của mình. Khi chư Tỷ khuru đến, ông ra rước bát rất cung kính, bạch rằng:

- Xin thỉnh các Ngài A La Hán hãy vào trong. Xin thỉnh các Ngài A La Hán hãy ngồi...

Bất kỳ một câu nào, ông cũng xưng tụng là A La Hán. Chư phàm Tăng suy nghĩ rằng: “*Vị Bà la môn nay ngỡ rằng ta là vị A La Hán*”. Còn những vị Bậc Lưu Tận thì nghĩ: “*Bà la môn này đã biết ta rõ rồi*”. Và thế là chư Tỷ khuru e ngại cách xưng hô ấy, nên không đến tư gia của vị ấy nữa. Ông buồn phiền rằng:

- Tại sao các Ngài lại không đến nhà ta như thế?

Ông đi đến Tịnh xá đánh lễ Đức Thế Tôn, trình bạch lên Ngài sự việc ấy. Bậc Đạo Sư cho gọi chư Tỷ khuru đến phán hỏi rằng:

- Này chư Tỷ khuru! Điều ấy là như thế nào?

Chư Tỷ khuru trình bày lên Đức Thế Tôn sự suy nghĩ của mình như thế. Ngài phán rằng:

- Này chư Tỷ khuru, các ngươi không hài lòng về câu nói A La Hán phải chăng?

- Bạch Thế Tôn! Chúng con không hài lòng về câu nói ấy.

- Này các Tỳ khưu! Đây là câu nói do sự tịnh tín, vô tội với lời nói bằng sự tịnh tín. Lại nữa, đây là sự cảm mến của Bà la môn ấy với các vị Thánh Vô Lậu rất nhiều. Lẽ ra, các người cần phải cắt đứt ái dục để chứng đạt quả A La Hán mới phải.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Hỡi này Bà la môn. Hãy tinh tấn đoạn lòng. Từ bỏ các dục lạc. Biết được hành đoạn diệt. Người là bậc vô vi”.



CHÚ GIẢI:

Parakkamma: nghĩa là dòng ái dục không ai có thể cắt đứt bằng sự tinh cần yếu kém được. Do đó, người hãy tinh cần cắt đứt bằng sự quyết tâm mạnh cùng với trí tuệ. Tức là hãy giảm trừ, nghĩa là hãy dứt bỏ hai loại dục.

Brāhmaṇa: là câu gọi chỉ các Bậc Vô Lậu.

Saṅkhārānaṃ: nghĩa là đã thấu hiểu sự hoại diệt của các uẩn.

Akataññūsi: nghĩa là nếu như vậy người là người vô ơn, vì rằng đã thấu hiểu nghĩa Níp Bàn là gì, đã thấu hiểu các nguyên chất như vàng ròng như thế, (mà tại sao) người lại không thực hành để đến mục đích cứu cánh chứ.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả.

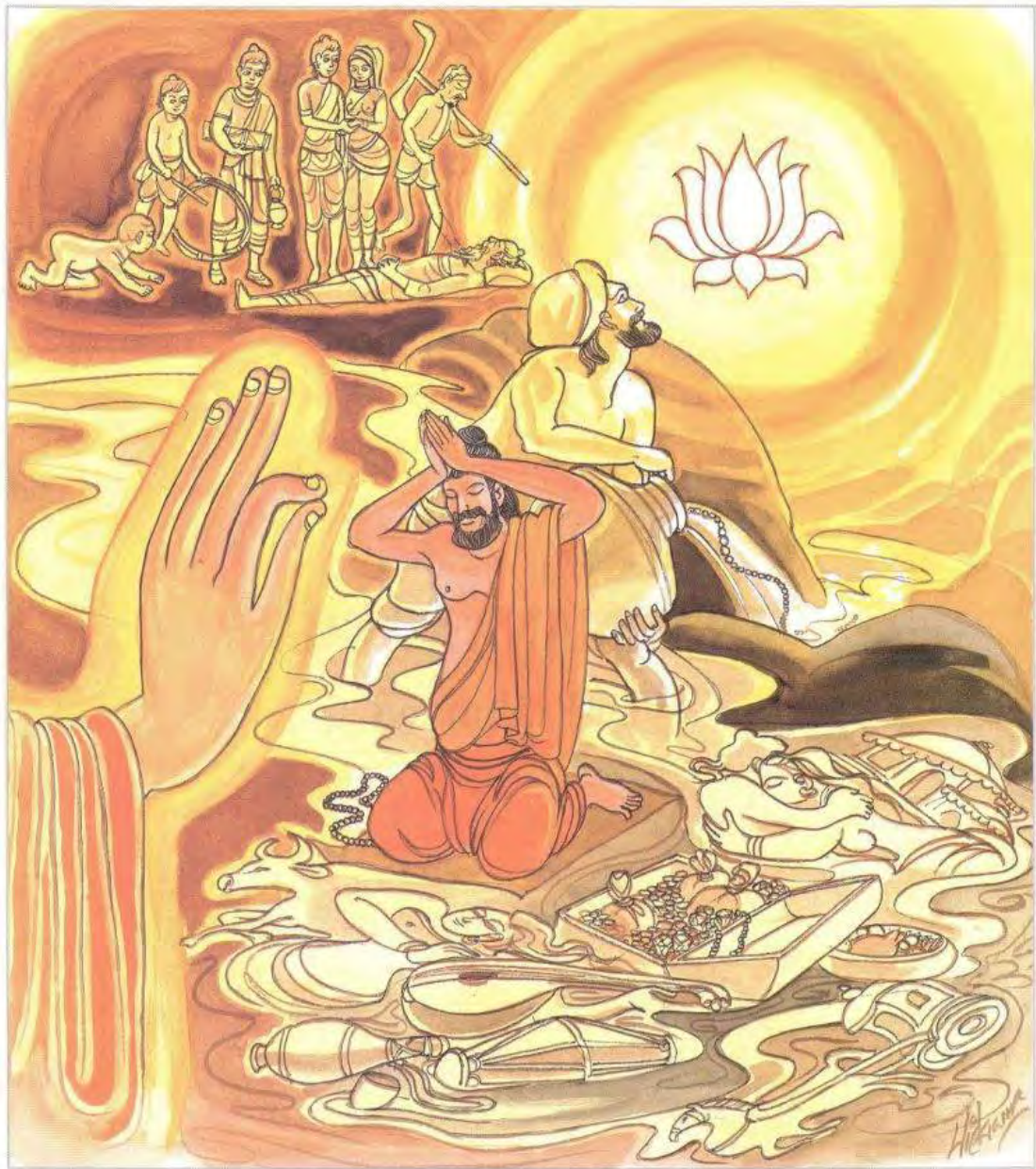


Dịch Giả Cẩn Đề

*Danh từ La Hán chẳng nên ham,
Khi biết tự thân vẫn tục phàm,
Nhưng nếu người đời vì tịnh tín,
Tôn mình La Hán cũng đành cam,
Điều tối yếu là chớ để đuôi,
Ngược dòng ái dục, chẳng trôi xuôi,
Niết Bàn vô tác, cần tu chứng,
Ngũ uẩn xa lìa, chớ trở lui.*

DỨT TÍCH VỊ BÀ LA MÔN NHIỀU ĐỨC TIN





383. Này đây Bà la môn. Hãy đoạn dòng tham ái. Thấu triệt pháp suy hoại. Chúng đạt bậc Vô sanh.

XXVI.2- NHIỀU VỊ TỖ KHUỒ

(*Sambahulabhikkhu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 384)

“*Yadā dvayesu dhammesu
Pāragū hoti brāhmaṇo
Athassa sabbe saṃyogā
Atthaṃ gacchanti janato*”.

“*Nhờ thường trú hai pháp
Đến được bờ bên kia.
Bà-la-môn có trí
Mọi kiết sử dứt sạch*”.

Kệ ngôn này được Đức Đạo Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nhiều vị Tỳ khưu.

Được nghe rằng: Một hôm, có ba mươi vị Tỳ khưu từ phương xa đến Tịnh xá, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn rồi, ngồi vào nơi phải lễ. Bấy giờ Trưởng lão Sāriputta quán xét thấy được duyên lành của chư Tỳ khưu ấy, Ngài đi vào yết kiến Đức Thế Tôn bạch hỏi rằng:

“*Bạch Thế Tôn, có hai pháp mà Ngài hằng dạy, đó là hai Pháp thế nào?*”.

- Nay Sāriputta, đó là CHỈ và QUÁN.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“*Nhờ thường trú hai pháp. Đến được bờ bên kia. Bà-la- môn có trí. Mọi kiết sử dứt sạch*”.

CHÚ GIẢI:

Yadā...: nghĩa là trong thời nào vị Vô Lậu đạt đến bờ bên kia, do nhờ hai pháp là CHỈ và QUÁN được an trú cả đến sự chứng đắc Lục Thông... thì trong thời đó các pháp tạo tác cho sự luân hồi của Bậc Vô Lậu đó, bậc tỉnh giác như vậy không còn tồn tại tức là hoại diệt.

Dứt pháp thoại, ba mươi vị Tỳ khưu ấy chứng đạt A La Hán Quả.

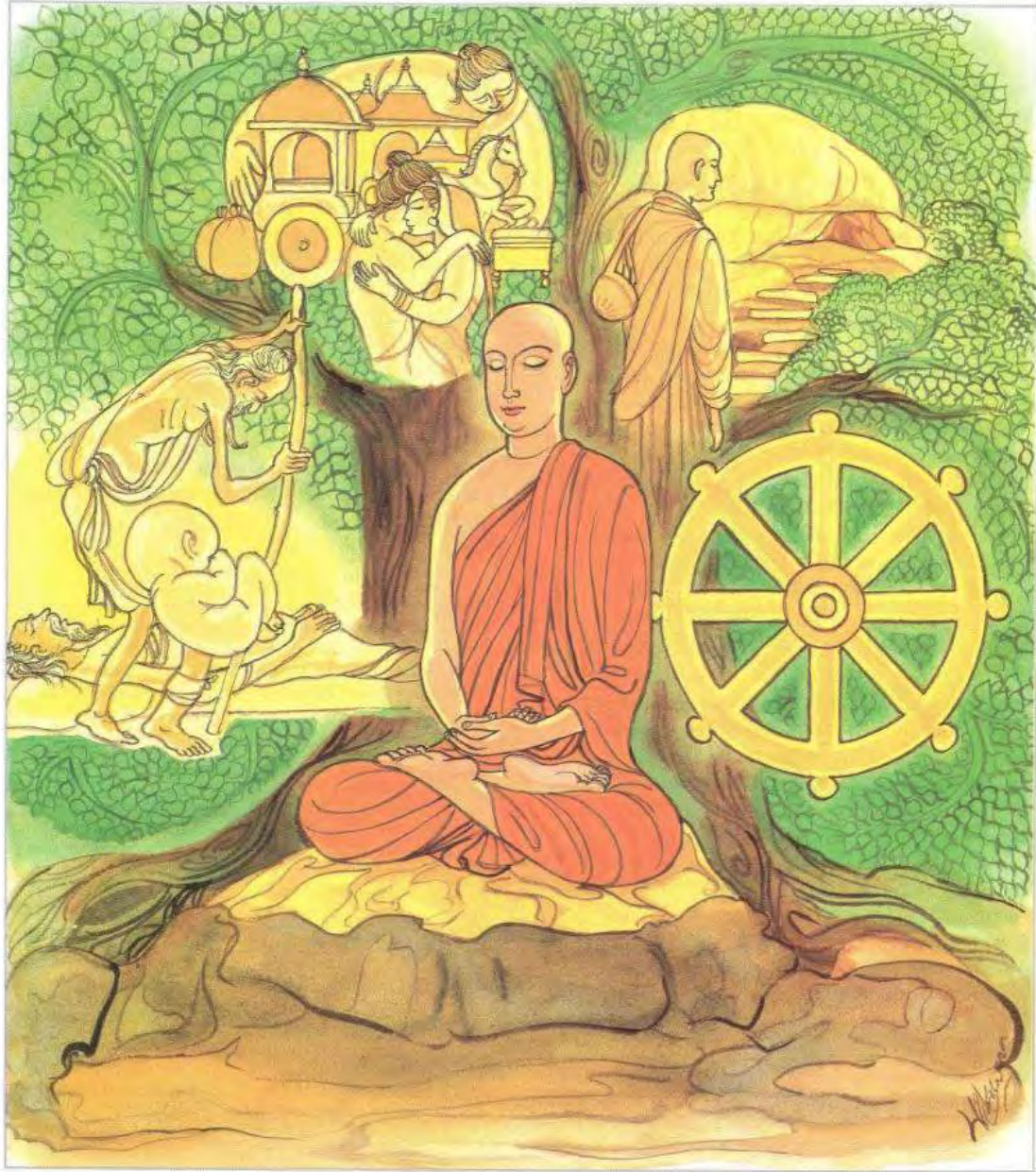


Dịch Giả Cần Đề

*Muốn độ nhóm Tăng đủ nghiệp lành,
Nhờ nghe mà đắc quả Vô danh,
Tùy duyên, Pháp chủ yêu cầu Phật:
“Nhị pháp là chi, xin dạy rành!”.
- Chỉ quán là hai pháp song đôi,
Hoặc kêu “mặt chiếu” cũng y thôi,
Trú tâm vào đó, qua bờ giác,
Biển khổ không còn mãi nổi trôi!*

DỨT TÍCH NHIỀU VỊ TỶ KHƯU





384. Bà la môn trí tuệ. An trụ hai pháp lành(*). Vượt sang bờ bên đó. Dứt phiền não mỗi manh.

(*) *Chỉ và Quán.*

XXVI.3- CHUYỆN MA VƯƠNG

(Māra)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 385)

“Yassa pāraṃ apāraṃ,
Vā pārāpāraṃ na vijjati,
Vītaddaraṃ viṣaṃyuttaṃ,
Tamaḥaṃ brūmi brāhmaṇaṃ”.

“Không bờ nầy bờ kia,
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ không trói buộc,
Ta gọi Bà-la-môn”.

Kệ Ngôn này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Ma Vương.

Một hôm Ma Vương giả dạng người, đi đến yết kiến Đức Thế Tôn bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nơi Ngài gọi là Bờ đó là cái chi? Cái gì được gọi là Bờ.

Bậc Đạo Sư thấu hiểu: “*Đấy là Ma Vương*”, Ngài bèn phán dạy rằng:

- Nầy Ma Vương! Bờ hay không phải Bờ, có lợi ích gì cho người đâu (mà hỏi), bờ chỉ có đối với người đã tận diệt tham ái và đã đi đến.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“*Không bờ nầy bờ kia. Cả hai bờ không có. Lìa khổ không trói buộc. Ta gọi Bà-la-môn*”.



CHÚ GIẢI:

Bờ kia là sáu nội xứ. Bờ kia cũng ám chỉ cho sáu ngoại xứ. Tiếng Bờ ở đây chỉ cho 12 xứ.

Pāraṃ: (Bờ) là sáu nội xứ. Sáu ngoại xứ gọi là apāraṃ (phi-bờ). Cả hai xứ ấy được gọi là Pārāpāraṃ.

Na vijjati: nghĩa là bờ và không phải bờ, không có với người nào người không có sự chấp thủ TA hay là của TA, người ấy chấm dứt sâu, chấm dứt được phiền não, đã thoát ly khỏi phiền não. Người ấy được gọi là Bà la môn.

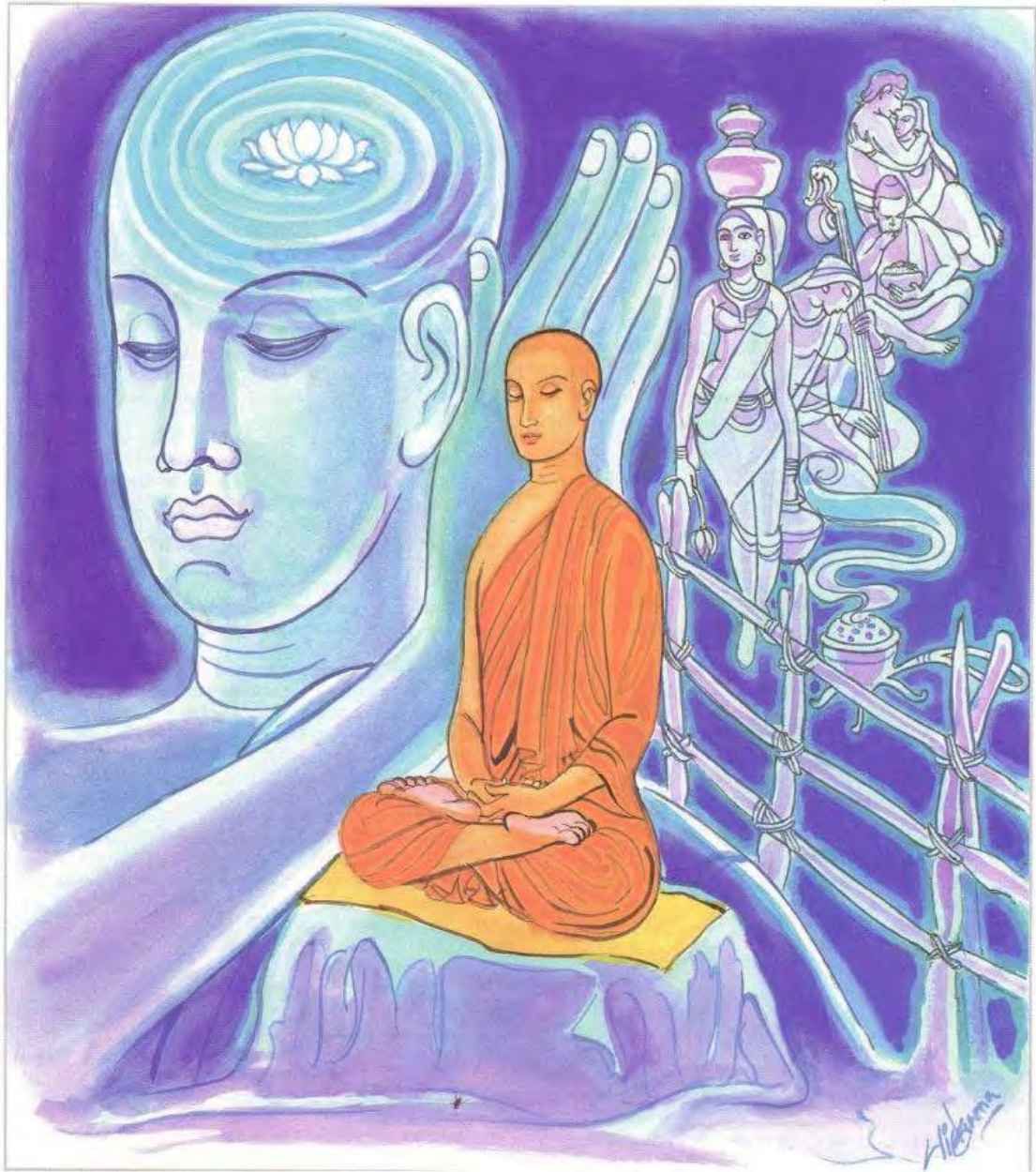


Dịch Giả Cẩn Đề

*Niết Bàn của Phật ở bờ kia,
Ngũ uẩn bên đây, phải đoạn lìa,
Vượt sông trùng dương qua biển khổ,
Thánh phàm hai mé hết phân chia,
Ma vương chỉ đứng mé bờ này,
Muốn biết bờ kia hỏi đức thầy,
Phật đáp: Hai bờ đều chẳng có,
Không gì trói buộc, đó là hay!*

DỨT TÍCH MA VƯƠNG





**385. Không bờ kia, bờ này. Không hai bờ đó đây(*). Không khổ
đau buộc trói. Ta gọi Bà la môn.**

(*) Sáu căn và sáu trần.

XXVI.4- MỘT VỊ BÀ LA MÔN

(*Aññatarabrāhmaṇa*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 386)

“*Jhāyim virajam,
Āsīnaṃ katakiccam anāsavaṃ,
Uttamatthaṃ anuppattaṃ,
Tamaḥaṃ brūmi brāhmaṇaṃ*”.

“*Tu thiền trú ly trần,
Phận sự xong vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn*”.

Đức Thế Tôn ngụ tại Đại Tự Jetavana, đề cập đến vị Bà la môn, thuyết lên kệ ngôn này.

Tương truyền rằng: Có một vị Bà la môn khởi lên sự suy nghĩ rằng:

“*Sa Môn Gotama gọi đệ tử mình là Bà la môn, còn ta cũng là vị Bà la môn theo chủng tộc và dòng giống. Ngài cũng nên gọi ta như vậy mới phải*”.

Bà la môn ấy liền đi đến Tịnh xá, yết kiến Đức Thế Tôn xong rồi bạch trình việc ấy. Đức Thế Tôn phán rằng:

- Nay Bà la môn, Như Lai không gọi người Bà la môn chỉ vì dòng chủng tộc, Như Lai chỉ gọi người chúng đạt lợi ích tối thượng là Bà la môn.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“*Tu thiền trú ly trần. Phận sự xong vô lậu. Đạt được đích tối thượng. Ta gọi Bà-la-môn*”.



CHÚ GIẢI:

Jhāyim...: nghĩa là ta gọi người nhiệt tâm tinh cần với hai loại thiền vô uế (tức là Dục), sống tịnh cư trong rừng, đã hoàn thành phận sự vì cả 16 loại phận sự mà mình đã hành xong với bốn Đạo gọi là không còn lậu hoặc do đã chúng đạt lợi ích tối thượng là A La Hán. Người ấy được gọi là Bà la môn.

Mười sáu phận sự đó là:

- KHỔ ĐỂ có 4:**
- 1- Pīlanattha: ý nghĩa là áp bức.
 - 2- Saṅkhatattha: ý nghĩa là cấu kết.
 - 3- Santāpanattha: ý nghĩa là nhiệt não.
 - 4- Vipariṇāmattha: ý nghĩa là thay đổi.

- TẬP ĐỀ có 4:**
- 1- Āyuhanattha: ý nghĩa là làm phát sanh khổ.
 - 2- Nidānattha: ý nghĩa là nhân sanh của khổ.
 - 3- Saṅyogattha: ý nghĩa là kết cấu của luân hồi.

4- Palibodhanattha: ý nghĩa là bị giam trong căn nhà tức là luân hồi.

- DIỆT ĐỂ có 4:**
- 1- Nissaraṇattha: ý nghĩa là thoát khỏi sanh y.
 - 2- Vivekattha: ý nghĩa là vắng lặng phiền não.
 - 3- Asaṅkhatattha: ý nghĩa là vô tạo tác.
 - 4- Amatattha: ý nghĩa là Bất Tử.

- ĐẠO ĐỂ có 4:**
- 1- Niyyānattha: ý nghĩa là thoát ra khỏi luân hồi.
 - 2- Hetuvattha: ý nghĩa là nhân của Níp Bàn.
 - 3- Dassanattha: ý nghĩa là liễu tri Níp Bàn.
 - 4- Adhipatayya: ý nghĩa là Trưởng trong sự Giác ngộ Níp Bàn.

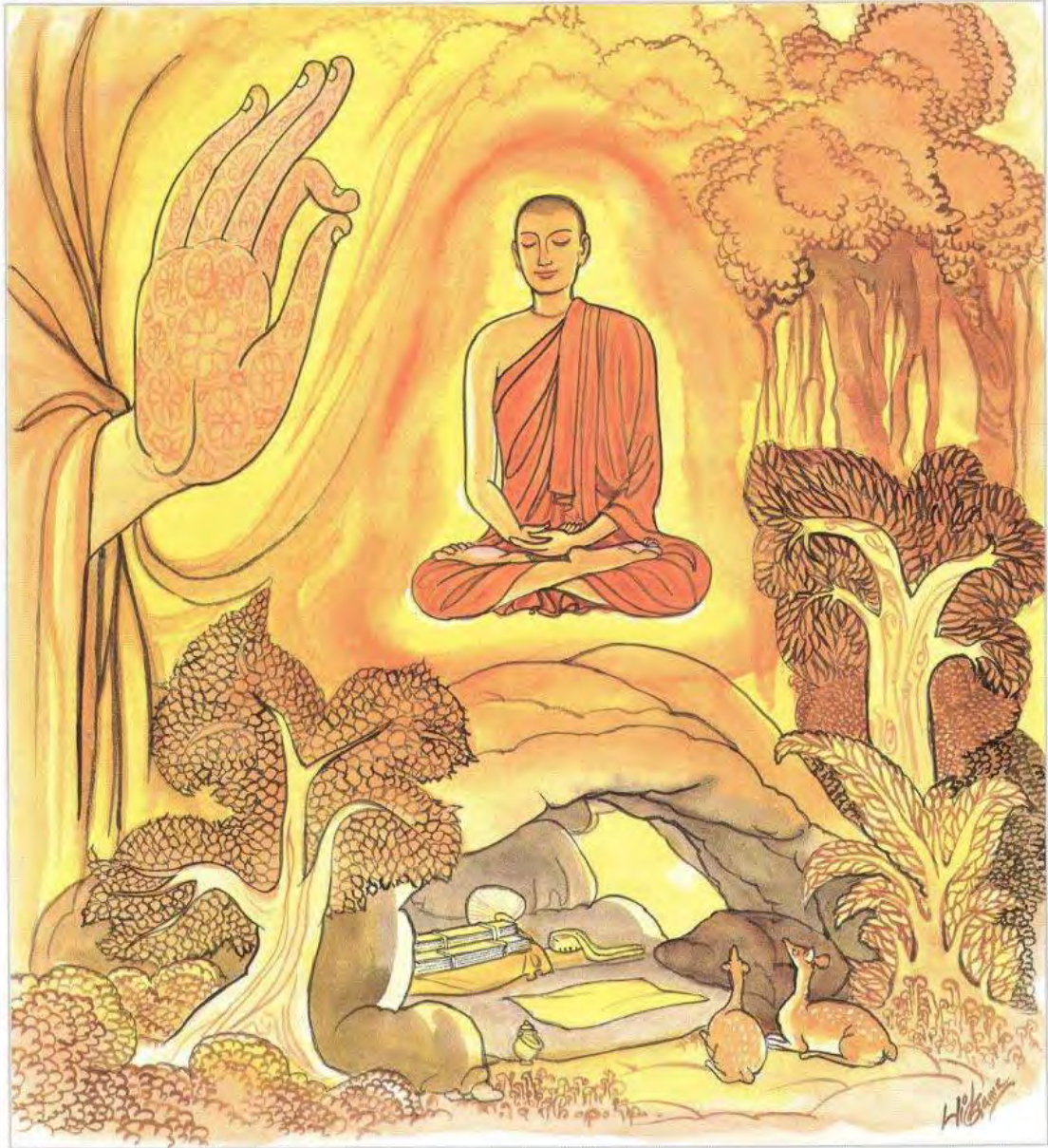


Dịch Giả Cẩn Đề

*Bà la môn giống của Như Lai,
Là bậc siêu nhân đủ thánh tài,
Chẳng phải con dòng cha mẹ đẻ,
Hữu danh vô thực, ở bên ngoài,
Bà la môn Phật chứng ở bên trong,
Thiền định, ly trần phận sự xong,
Vô Lậu, Niết Bàn là trú xứ,
Lặng yên tứ khổ với phàm phong.*

DỨT TÍCH MỘT VỊ BÀ LA MÔN





**386. Ăn cư, thiên, thanh tịnh. Vô lậu, tu viên thành. Đạt đến
đích tối thượng. Ta gọi Bà la môn.**

XXVI.5- TRƯỞNG LÃO ĀNANDA



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 387)

**“Divā tapati ādicco rattim
Ābbāti candimā
Sannaddho khattiyo tapati
Jhāyi tapati brāhṃṇo
Atha sabbam ahorattim
Buddho tapati tejasā”.**

***“Mặt trời sáng ban ngày
Mặt trăng sáng ban đêm.
Khí giới sáng ban đêm.
Khí giới sáng Sát ly
Thiên định sáng Phạm chí.
Còn hào quang đức Phật
Chói sáng cả ngày đêm”.***

Kệ Ngôn này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại ngôi nhà nóc nhọn của Đại Tín nữ Migāramātā, đề cập đến câu hỏi của Trưởng lão Ānanda.

Được nghe rằng: Trong ngày lễ Tự Tứ, Đức vua Pasenadikosala trang điểm thật lộng lẫy với đủ loại trang sức, mang các hương liệu cùng vật thơm khắp mình. Đức vua đi vào Tịnh xá cúng dường rồi ngồi xuống một bên nghe Pháp.

Cạnh đó không xa lắm, Trưởng lão Kāludāyi hành thiền, thân tướng của Trưởng lão có màu vàng sáng chói và mặt trời bắt đầu lặn, nhưng cho ánh trăng sắp hiện khởi.

Trưởng lão Ānanda nhìn thấy ánh sáng mặt trời đang lặn, ánh sáng mặt trăng sắp hiện ra, nhìn Long thể của Đức vua, nhìn ánh sáng phát sanh từ Thiên định của Ngài Kāludāyi và Phật tướng của Đức Thế Tôn. Trong năm loại ánh sáng đó, thì ánh Phật quang rực rỡ hơn cả. Trưởng lão Ānanda đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Hôm nay con nhìn thấy các ánh sáng này, con chỉ khả ý với Phật quang của Đức Thế Tôn thôi. Vì rằng: Kim thân của Ngài chói sáng hơn tất cả các ánh sáng khác.

- Này Ānanda! Lẽ thường mặt trời chiếu sáng ban ngày, mặt trăng rực rỡ ban đêm. Đức vua chói sáng bởi Vương phục. Bạc Vô Lậu từ bỏ hại chúng chói sáng trong lúc Thiên định. Riêng Đấng Như Lai chói sáng với Phật lực cả ngày lẫn đêm.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Mặt trời sáng ban ngày. Mặt trăng sáng ban đêm.. Khí giới sáng ban đêm. Khí giới sáng Sát ly. Thiên định sáng Phạm chí. Còn hào quang đức Phật chói sáng cả ngày đêm”.

CHÚ GIẢI:

Divā tapati: nghĩa là mặt trời chỉ chiếu sáng ban ngày, nhưng ban đêm không xuất hiện.

Candimā: nghĩa là mặt trăng ra khỏi vàng mây... chỉ chiếu sáng ban đêm, nhưng ban ngày không chiếu sáng.

Sannaddho: là Đức vua chỉ rực sáng với các trang phục là vàng và ngọc Maṇi, có bốn binh chủng vây quanh. Nếu Đức vua cải trang như thường dân thì không có gì gọi là chói sáng.

Jhāyī: là Bạc Vô Lậu từ bỏ hội chúng, chuyên cần với Thiền định gọi là chiếu sáng.

Tejasā: nghĩa là Bạc chánh Đăng Giác chinh phục ác giới bằng Giới lực, chinh phục ác hạnh bằng Thiện hạnh, chinh phục ác tuệ bằng Trí tuệ. Chinh phục sự vô phần bằng hữu phần. Chinh phục các bất thiện pháp là thiện pháp. Ngài thường hằng chói sáng như thế với năm oai lực như vậy.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt A La Hán cùng với các Thánh Quả.



Dịch Giả Cận Đề

*Đại Đức Ānanda thấy rằng:
Quốc Vương sáng chói thế trời trăng,
Người tu thiền định hào quang sáng,
Tùy lúc ngày đêm có giảm tăng,
Một mình ánh sáng của Như Lai,
Bất luận ngày đêm, cứ sáng hoài,
Giới, đức, tuệ và thêm phúc hạnh,
Là năm Phật lực sáng hơn ai.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO ĀNANDA





387. Mặt trời sáng ban ngày. Mặt trăng sáng ban đêm. Bình khí sáng vương tướng. Thiên sáng Bà la môn. Riêng hào quang đức Phật, rực sáng cả ngày đêm.

XXVI.6- CHUYỆN MỘT NGƯỜI XUẤT GIA

(*Aññatarapabbajita*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 388)

**“Bāhitapāpo ti brāhmaṇo
Samacariyā samaṇo’ti vuccati
Pabbajayam attano malaṃ
Tasmā pabbajito’ti vuccati”.**

***“Dứt ác gọi Phạm chí
Tịnh hạnh gọi Sa môn
Tự mình xuất cầu uest
Nên gọi bậc xuất gia”.***

Kệ ngôn này, Đức Thế Tôn thuyết ra khi ngự tại Jetavana, đề cập đến một người xuất gia.

Tương truyền rằng: Có một Bà la môn tu theo ngoại giáo, có sự suy nghĩ rằng:

“Sa Môn Gotama gọi đệ tử mình là bậc xuất gia, ta đây cũng là bậc xuất gia. Sa Môn Gotama nên gọi ta như vậy mới phải lẽ”.

Y đi đến yết kiến Đức Thế Tôn, bạch hỏi Đức Thế Tôn về việc này. Ngài phán rằng:

- Này Bà la môn! Ta không nói rằng: là bậc xuất gia chỉ là bấy nhiêu thôi. Người được gọi là bậc xuất gia vì đã đoạn trừ được mọi phiền não cầu uest.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Dứt ác gọi Phạm chí. Tịnh hạnh gọi Sa môn. Tự mình xuất cầu uest. Nên gọi bậc xuất gia”.

CHÚ GIẢI:

Samacariyā: tức là do đã ngăn trừ các pháp bất thiện.

Tasmā: nghĩa là người được Bậc Đạo Sư gọi là Bà la môn, do đã xa lìa các ác nghiệp; người được Bậc Đạo Sư gọi là Sa môn, do đã vắng lạng các pháp bất thiện. Vì vậy, người ấy được Bậc Đạo Sư gọi là bậc xuất gia, do đã tẩy sạch các cầu uest đó.

Dứt pháp thoại, ngoại đạo Bà la môn chúng đạt Thánh Quả Dự Lưu.

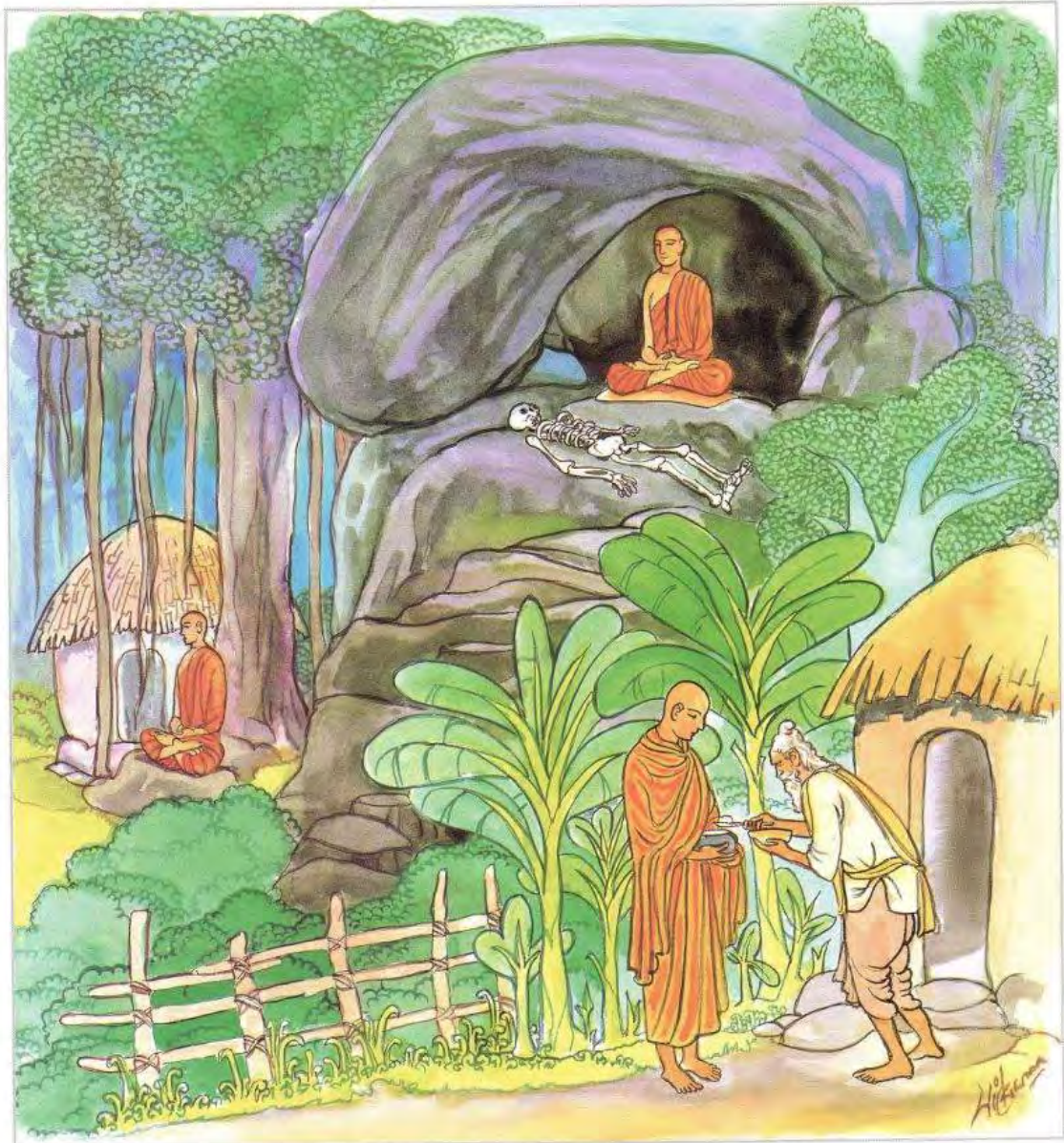


Dịch Giả Cẩn Đề

*Ngoại đạo nghĩ mình bậc xuất gia,
Bèn đem ý đó hỏi Phật Đà,
Phật rằng: Chẳng xứng danh từ ấy,
Nếu chỉ đi tu, bỏ cửa nhà,
Đúng theo tôn chỉ, Phật Thích Ca,
Ly cấu uế là bậc xuất gia,
An tịnh gọi là Sa môn vậy,
Bà la môn, ác dứt trừ ra.*

DỨT TÍCH CHUYỆN MỘT NGƯỜI XUẤT GIA





**388. Dứt ác gọi Phạm Chí. An tịnh gọi Sa môn. Trừ sạch mọi
cấu uế. Gọi ần sĩ tu hành(*).**

(*) Bậc xuất gia.

XXVI.7- TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA

(Sāriputtatthera)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 389-390)

389. “Na brāhmaṇassa pahareyya
Nāssa muñcetha brāhmaṇo
Dhi brāhmaṇassa hantāraṃ
Tato dhī yassa muñcati”.

*“Chớ có đập phạm chí!
Phạm chí chớ đập lại!
Xấu thay đập phạm chí
Đập trả lại xấu hơn!”.*

390. “Na brāhmaṇass’ etad akiñci seyyo
Yadā nisedho manaso piyehi
Yato yato hiṃsamano nivattati
Tato tato sammatimeva dukkhaṃ”.

*“Đối với bà-la-môn
Đây không lợi ích nhỏ.
Khi ấy không ái luyến
Tâm hại được chận đứng
Chỉ khi ấy khổ diệt”.*

Đức Thế Tôn khi trú tại Jetavana đề cập đến Trưởng lão Sāriputta, thuyết lên pháp thoại này.

Tương truyền rằng: Dân chúng thường tán dương Ngài rằng: “*Thật đáng khen ngợi Ngài của ta, Ngài có đầy đủ đức nhẫn nại. Khi có người lăng mạ, hoặc đánh đập, dù trong bất cứ trường hợp nào, Ngài cũng không giận*”.

Bấy giờ, một Bà la môn tà kiến hỏi rằng:

- Ai là người không giận chứ?
- Trưởng lão Sāriputta của chúng tôi.
- Không ai có thể làm cho Ngài nổi giận được hay sao?
- Điều khiến Ngài nổi giận đó, không bao giờ có đâu.
- Nếu như thế, ta sẽ làm cho Ngài nổi giận đấy.
- Nếu ông làm được thì hãy làm đi.

Gã Bà la môn tà kiến suy nghĩ rằng:

“*Được rồi, ta sẽ có cách*”. Khi Trưởng lão đang trì bình khát thực, y bèn theo sau lưng Ngài, đánh thật mạnh vào sau lưng Ngài. Trưởng lão suy nghĩ: “*Chuyện chi thế?*”. Và Ngài vẫn tiếp tục đi. Khi ấy toàn thân của Bà la môn nóng nảy vô cùng, y biết rằng:

- Ngài đây là bậc có đầy đủ ân đức cao quý.
- Y liền quỳ xuống chân Trưởng lão mà bạch rằng:
- Kính bạch Ngài! Xin Ngài hãy tha lỗi cho con.
 - Chuyện chi vậy?
 - Con đã đánh Ngài để xem sự nhẫn nại của Ngài đến đâu.

- Thôi được rồi! Ta tha lỗi cho ông đó.

- Bạch Ngài! Nếu Ngài tha lỗi cho con, xin Ngài hãy thọ lãnh vật thực nơi nhà con đi.

Rồi y thỉnh bát của Ngài. Trưởng lão trao bát cho y. Vị Bà la môn thỉnh Ngài về nhà cúng dường.

Dân chúng bất bình rằng: “*Ngài của chúng ta vô lỗi mà bị Bà la môn này đánh, y không thể thoát khỏi gậy gộc được, chúng ta sẽ giết y tại nơi đó*”.

Rồi cầm đá, gậy... núp ở cửa nhà Bà la môn. Trưởng lão đứng lên trao bát cho Bà la môn. Dân chúng thấy vị Bà la môn ấy đi với Trưởng lão mới bạch rằng:

- Xin Ngài hãy nhận bát lại, để Bà la môn ấy trở về.

- Này các cận sự, chuyện chi vậy?

- Vị Bà la môn này đã đánh Ngài, nên chúng con sẽ trị hấn.

- Thế các người bị đánh hay ta bị đánh?

- Thưa Ngài bị gã đánh.

- Bà la môn này đánh ta và đã sám hối với ta rồi. Vậy các người hãy về đi.

Khi Ngài bảo họ và Bà la môn về rồi, Ngài trở về Tịnh xá, chư Tỳ khuru tán thán rằng:

- Thế này là thế nào? Ngài Sāriputta đã bị Bà la môn ấy đánh mà còn nhận vật thực tại nhà của họ. Như vậy, kể từ nay chư Tỳ khuru sẽ tiếp tục bị Bà la môn đánh.

Bậc Đạo Sư ngự đến phán hỏi rằng:

- Này chư Tỳ khuru! Các người đang bàn luận về câu chuyện gì thế?

Chư Tỳ khuru trình lên Đức Thế Tôn câu chuyện ấy, Ngài phán rằng:

- Này các Tỳ khuru! Bà la môn không hãm hại Bà la môn. Nhưng Bà la môn tu sĩ sẽ bị Bà la môn cư sĩ hãm hại. Và Bậc A Na Hàm đạo đã sát tụyệt sân hận rồi.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Chớ có đập phạm chí!. Phạm chí chớ đập lại! Xấu thay đập phạm chí. Đập trả lại xấu hơn!”.

“Đối với bà-la-môn. Đây không lợi ích nhỏ. Khi ý không ái luyến. Tâm hại được chận đứng. Chỉ khi ấy khổ diệt.



CHÚ GIẢI:

Pahareyya: nghĩa là Bà la môn Vô Lậu biết rằng: “*Ta là (Vô lậu), không còn hãm hại Bà la môn Vô Lậu hay Bà la môn khác*”.

Nāssa muñcetha: nghĩa là vị Bà la môn Vô lậu dù bị họ đánh đập cũng không cột oan trái với họ, tức là cũng không sân hận với người đánh mình.

Dhi brāhmaṇassa: nghĩa là ta chỉ trích Bà la môn đánh đập Bà la môn Vô Lậu.

Tato dhi: nghĩa là người nào đánh lại người đánh mình gọi là cột oan trái với họ, ta chỉ trích người cột oan trái đó (người bị đánh) hơn là người đánh đập ấy.

Etad akiñci seyyo: nghĩa là đối với Bậc vô Lậu nào không lẳng mạ lại người lẳng mạ mình hay không hãm hại lại người hãm hại mình, sự không lẳng mạ lại và sự không hãm hại lại mà điều cao thượng vô cùng đối với vị Bà la môn Vô Lậu ấy.

Yadā nisedho manaco piyehi: nghĩa là sự phát khởi sân hận gọi là cảnh thương yêu của tâm⁽¹⁾ đối với người thường hay sân. Người hay sân thường tà hạnh với cha, mẹ và Đức Phật... cũng do ảnh hưởng cảnh yêu thương đó. Do vậy, sự chế ngự tâm ra khỏi cảnh yêu thương đó tức là áp chế tâm sân ra khỏi cảnh yêu thương, nghĩa là sự áp chế tâm sân của người đa sân là điều cao quý.

Tâm sân được gọi là Himsamano, tâm sân ấy được chấm dứt do Đạo A Na Hàm.

Tato tato: nghĩa là sự chấm dứt từ vật ấy, tức là chấm dứt khổ luân hồi.

Dứt kệ ngôn, nhiều người chứng đạt Thánh Quả.



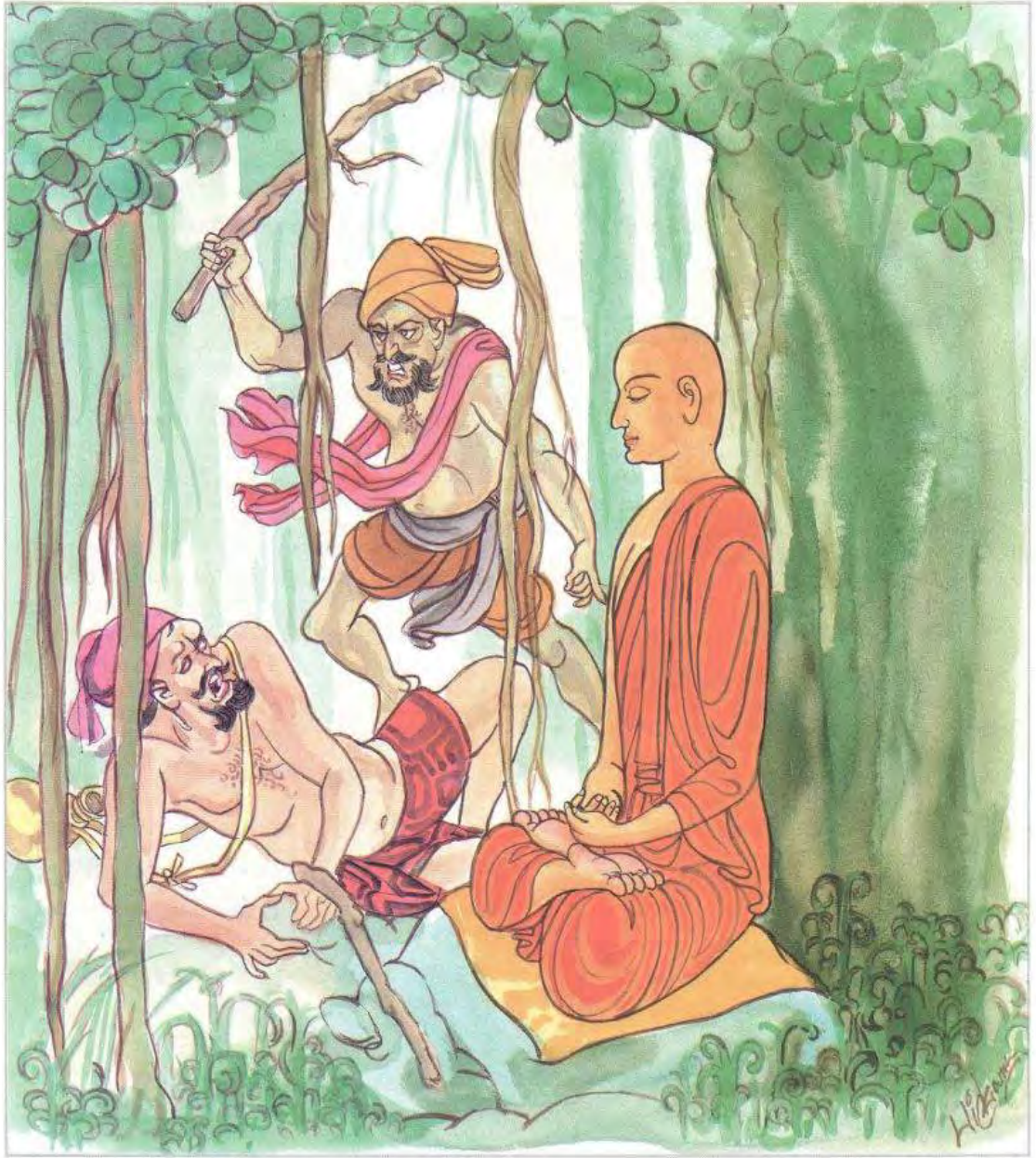
Dịch Giả Cảnh Đề

*Nghe danh Pháp Chủ nhẫn hơn đời,
Rắn mắt, Bà Môn muốn thử chơi,
Cố sức đâm lưng Ngài thật mạnh,
Ngài không quay lại, lẳng im hơi,
Bà Môn sám hối thỉnh Ngài về,
Ngài vẫn vui lòng, chẳng chấp nề,
Phật tử xem nhau vây cổng ngõ,
Ngài ra biện lý, xử cho huê,
Tặng chúng chê Ngài chẳng thẹn này,
Phật rằng: Sân hận bừng đi ngay,
Đánh người đáng hổ, sân càng hổ,
Người trí tâm từ, mát mẽ thay.*

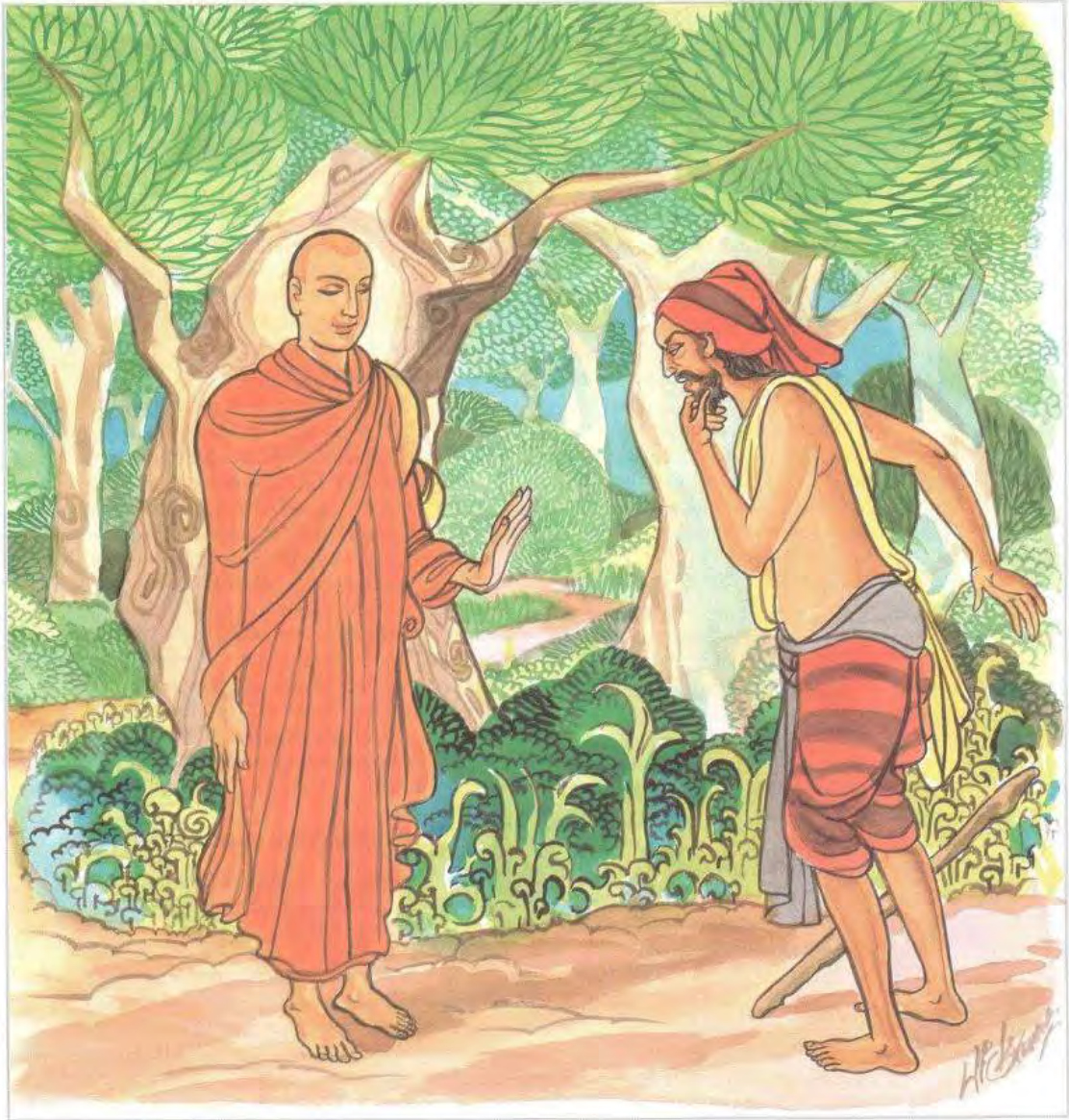
DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA



¹ Theo ý chúng tôi, kệ ngôn “Na brāhmaṇassatadakiñcī neyyo”: nghĩa là pháp sanh khởi trong tâm thuộc về sân hận, nghĩa là pháp thương yêu trong kệ ngôn. Vị Bà la môn thích cột oan trái là do pháp thương yêu động lực đó. Không chế ngự tâm ra khỏi Pháp thương yêu là không cao quý, là tiếp trợ oan trái đối với ngu nhân.



389. Chớ đánh đập Phạm Chí. Phạm chí chớ hận sân. Xấu thay đánh Phạm Chí. Sân hận càng xấu hơn.



390. Đối với Bà la môn. Điều này lợi không nhỏ. Tâm yêu thương từ bỏ. Ý độc hại dứt ngay. Điều phục được thế này. Khổ đau hẳn đoạn tuyệt.

XXVI.8- TRƯỞNG LÃO NI MAHĀ PAJĀPATIGOTAMĪ

(*Pajāpatigotamī*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 391)

**“Yassa kāyena vacaya
Manasā natthi dukkatam
Saṃvutam tīhi thānehi
Tamaham brūmi brāhmaṇam”.**

**“Với người thân miệng ý
Không làm các ác hạnh
Ba nghiệp được phòng hộ
Ta gọi Bà-la-môn”.**

Kệ ngôn này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến Trưởng Lão ni Mahā Pajāpatigotamī.

Tương truyền rằng: Trưởng lão ni Mahā Pajāpatigotamī cùng tùy tùng thọ trì 8 trọng pháp mà Đức Thế Tôn ban hành là:

- 1- Tỳ khuru ni đầu trăm tuổi hạ cũng phải đánh lễ vị Tỳ khuru mới xuất gia trong ngày.
- 2- Tỳ khuru ni phải nhập hạ nơi có Tỳ khuru Tăng.
- 3- Tỳ khuru ni phải hành Uposatha ở lưỡng phái Tăng.
- 4- Tỳ khuru ni phải hành Pavāranā ở lưỡng phái Tăng.
- 5- Tỳ khuru ni phạm trọng pháp phải hành phạt Pakkhamānatta ở lưỡng phái Tăng.
- 6- Học nữ (Sikkhāmānā) phải thọ trì 6 giới trong hai năm liên tục, mới được xuất gia thọ Cụ túc giới trước lưỡng phái Tăng.
- 7- Tỳ khuru ni không được khiển trách và lăng mạ Tỳ khuru Tăng.
- 8- Tỳ khuru ni không được giáo giới Tỳ khuru, chỉ có Tỳ khuru được phép giáo giới Tỳ khuru ni.

Bà Gotamī hân hoan thọ lãnh tám trọng pháp như người thích trang điểm nhận lãnh vòng hoa với sự yêu thích quý trọng. Khi thọ Cụ Túc rồi, bà không có Tể Độ Sư và Y chỉ Sư, chư Tỳ khuru ni sau này đã nói bà Gotamī như vậy. Thời gian sau này câu chuyện ấy đã được lan rộng, bàn tán xôn xao rằng:

- Bà Gotamī không có Tể Độ Sư cùng Y chỉ Sư, nên Bà không phải là Tỳ khuru ni, bà tự động đáp y.

Câu chuyện được bàn tán như thế, chư Tỳ khuru ni không chịu hành Uposatha và Pavāranā với bà. Chư Tỳ khuru ni bạch sự việc ấy lên Đức Như Lai, Ngài phán dạy rằng:

- Nay chư Tỳ khuru ni, tám trọng pháp mà Như Lai ban hành cho bà Mahā Pajāpatigotamī chính là Tể Độ Sư của bà. Các người chớ có hoài nghi đối với Bạc Vô Lậu, là người đã chấm dứt thân ác hạnh, khẩu ác hạnh và ý ác hạnh.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Với người thân miệng ý. Không làm các ác hạnh. Ba nghiệp được phòng hộ. Ta gọi Bà-la-môn”.



CHÚ GIẢI:

Ác nghiệp có quả là khổ, hằng đưa chúng sanh đến khổ cảnh, gọi là dukkataṃ.

Tīhi thānehi: nghĩa là ta gọi người đã phòng hộ các môn không cho ác hạnh như thân ác hạnh... vào theo ba cửa là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả như là Dự Lưu...

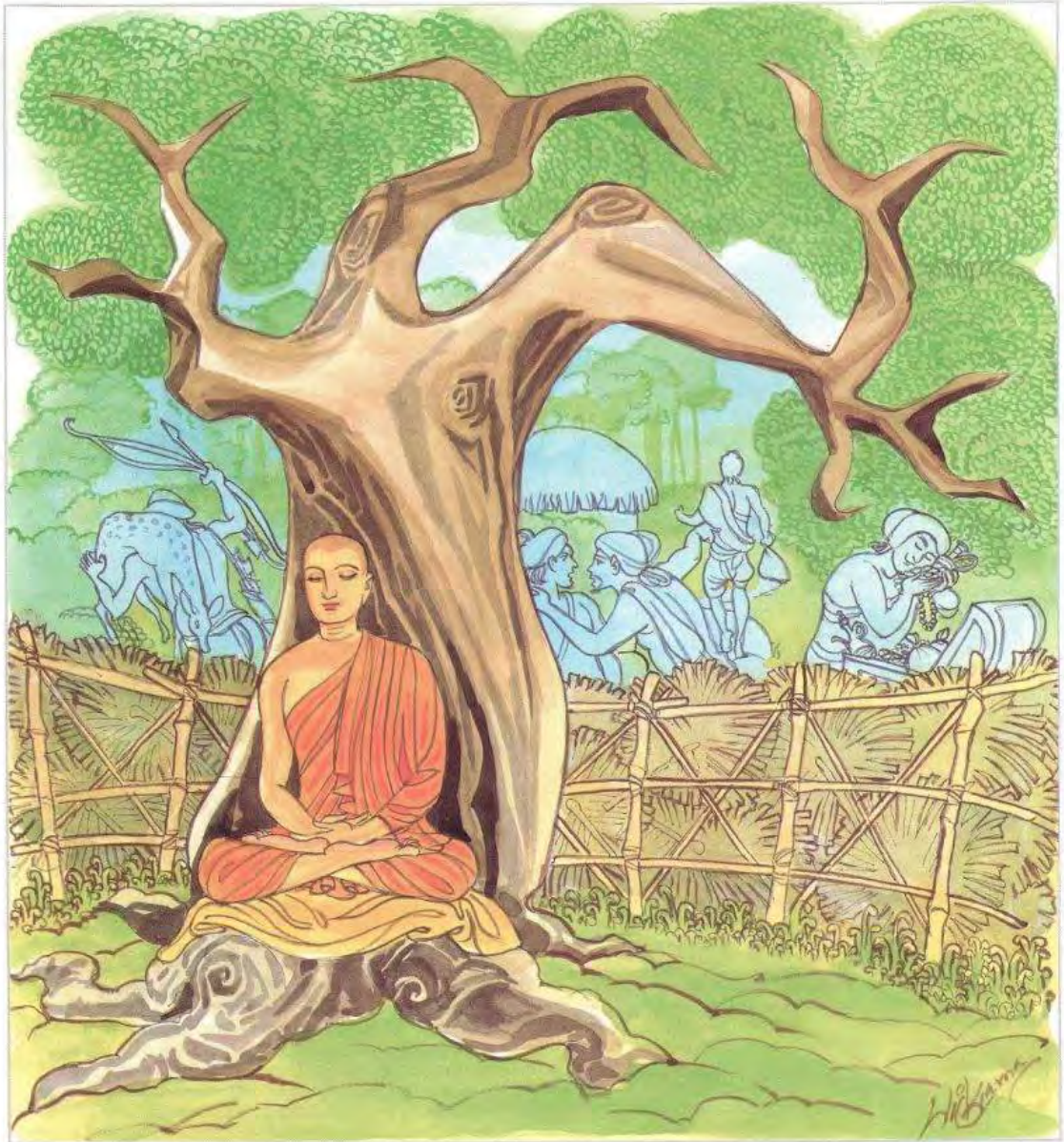


Dịch Giả Cẩn Đề

*Phái nữ chê bà Gotami,
Xuất gia không đúng Tỳ kheo ni,
Không thầy tế độ, thầy tiếp dẫn,
Mà dám làm ngang tự đắp y,
Họ không sám hối với sư bà,
Lại đốc xúi nhau hỏi Phật Đà,
Phật bảo: Chính ta, thầy tế độ,
Cả thầy tiếp dẫn cũng là Ta,
Tám trọng pháp cho nữ xuất gia,
Tỳ kheo ni đã thọ từ qua,
Với người tam nghiệp đều thanh tịnh,
Còn có chi đâu sợ ác tà?.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO NI MAHĀ PAJĀPATI GOTAMĪ





391. Người không tạo ác hạnh. Bằng chính thân khẩu ý. Ba nghiệp được chế chỉ. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.9- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 392)

**“Yamhā dhammaṃ vijāneyya
Sammāsambuddhadesitaṃ
Sakkaccaṃ taṃ namasseyya
Aggihutaṃ’va brāhmaṇo”.**

***“Từ ai biết chánh pháp
Bậc Chánh Giác thuyết giảng
Hãy kính lễ vị ấy
Như Phạm chí thờ lửa”.***

Đức Thế Tôn trú tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Sāriputta, thuyết lên kệ ngôn này.

Tương truyền rằng: Trưởng lão Sāriputta từ khi nghe được pháp của Trưởng lão Assaji, Ngài chứng đắc được Dự Lưu Quả khi vừa nghe dứt hai câu kệ đầu. Và từ đó, mỗi khi biết Trưởng lão ở nơi nào, Ngài Sāriputta thường hướng về Trưởng lão Assaji chấp tay đánh lễ và nằm quay đầu về hướng đó. Chư Tỳ khuru bàn luận cùng nhau trong Giảng đường rằng:

- Trưởng lão Sāriputta là người tà kiến, đến như giờ mà vẫn còn đánh lễ các hướng.

- Chư Tỳ khuru mang vấn đề này trình bạch lên Bậc Đạo Sư. Đức Thế Tôn cho gọi Trưởng Lão đến hỏi rằng:

- Này Sāriputta! Được nghe rằng người thường đánh lễ các hướng có thật vậy chăng?

- Bạch Thế Tôn! Chỉ có Ngài thấu hiểu sự đánh lễ của con ở các hướng, hay không đánh lễ ở các hướng.

Rồi Đức Thế Tôn phán dạy chư Tỳ khuru rằng:

- Này chư Tỳ khuru! Sāriputta không đánh lễ các hướng nhưng vì vị ấy được nghe Pháp từ Assaji, chứng đạt Quả Dự Lưu. Do vậy, vị Tỳ khuru nhờ ai được thông suốt Giáo Pháp của Như Lai đã thuyết giảng, vị Tỳ khuru ấy phải thành kính tôn thờ người ấy, như Bà la môn hằng tôn thờ thần lửa vậy.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Từ ai biết chánh pháp. Bậc Chánh Giác thuyết giảng. Hãy kính lễ vị ấy. Như Phạm chí thờ lửa”.



CHÚ GIẢI:

Aggihutaṃ’va: nghĩa là nhờ ai ta thông suốt Giáo pháp mà Bậc Toàn Giác đã thuyết giảng, ta phải thành kính tôn thờ vị ấy, giống như là Bà la môn tôn thờ thần lửa bằng cách tế lễ, cúng dường...

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Pháp chủ nhớ thầy lạy lẫm phương,
Chư Tăng đâu rõ lý thông thường,
Chê Ngài xa hướng theo tà đạo,
Mách Đức Tôn Sư được lã tường,
Phật dạy: Tăng nên kính lễ thầy,
Đầu tiên tiếp dẫn đến nơi đây,
Tai nghe Chánh Pháp môn làm lễ,
Như thế Bà môn cúng lữa cây.*

DỨT TÍCH CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA





392. Nhờ ai ta hiểu pháp. Bạc Chánh Giác thuyết minh. Vị ấy ta tôn vinh. Như Phạm chí thờ lửa.

XXVI.10- CHUYỆN BÀ LA MÔN JĀṬLA (Jaṭilobrāhmaṇa)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 393)

Na jaṭāhi na gottena
Na jaccā hoti brāhmaṇo
Yamhi saccam ca dhammo ca
So sucī so ca brāhmaṇo”.

“Được gọi Bà-la-môn
Không vì đầu bện tóc
Không chúng tộc thọ sanh
Ai thật chân chánh tịnh
Mới gọi Bà-la-môn”.

Đức Đạo Sư khi ngự tại Jetavana, đề cập đến Bà la môn Jātila, thuyết lên Pháp thoại này.

Được nghe rằng: Bà la môn Jātila suy nghĩ rằng:

- Ta thọ sanh vào dòng Bà la môn, thiện sanh cả phụ mẫu hệ. Nếu Sa môn Gotama gọi đệ tử mình là Bà la môn, Ngài cũng nên gọi ta như thế mới phải.

Thế là, Bà la môn ấy đi đến Tịnh xá yết kiến Đức Thế Tôn xong rồi, trình lên Đức Thế Tôn vấn đề này. Ngài phán rằng:

- Nay Bà la môn, ta không gọi Bà la môn do vị thắt bím tóc, hay giai cấp hoặc gia tộc, nhưng ta gọi người thông suốt Chơn đế là Bà la môn.

Rồi Ngài tuyên thuyết kệ ngôn rằng:

“Được gọi Bà-la-môn. Không vì đầu bện tóc. Không chúng tộc thọ sanh. Ai thật chân chánh tịnh. Mới gọi Bà-la-môn”.



CHÚ GIẢI:

Saccam...: nghĩa là người nào có Saccañāṇa thông suốt Tứ Đế với 16 chi và 9 Pháp Siêu Thế, người ấy là người trong sạch và là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả như Dự Lưu.

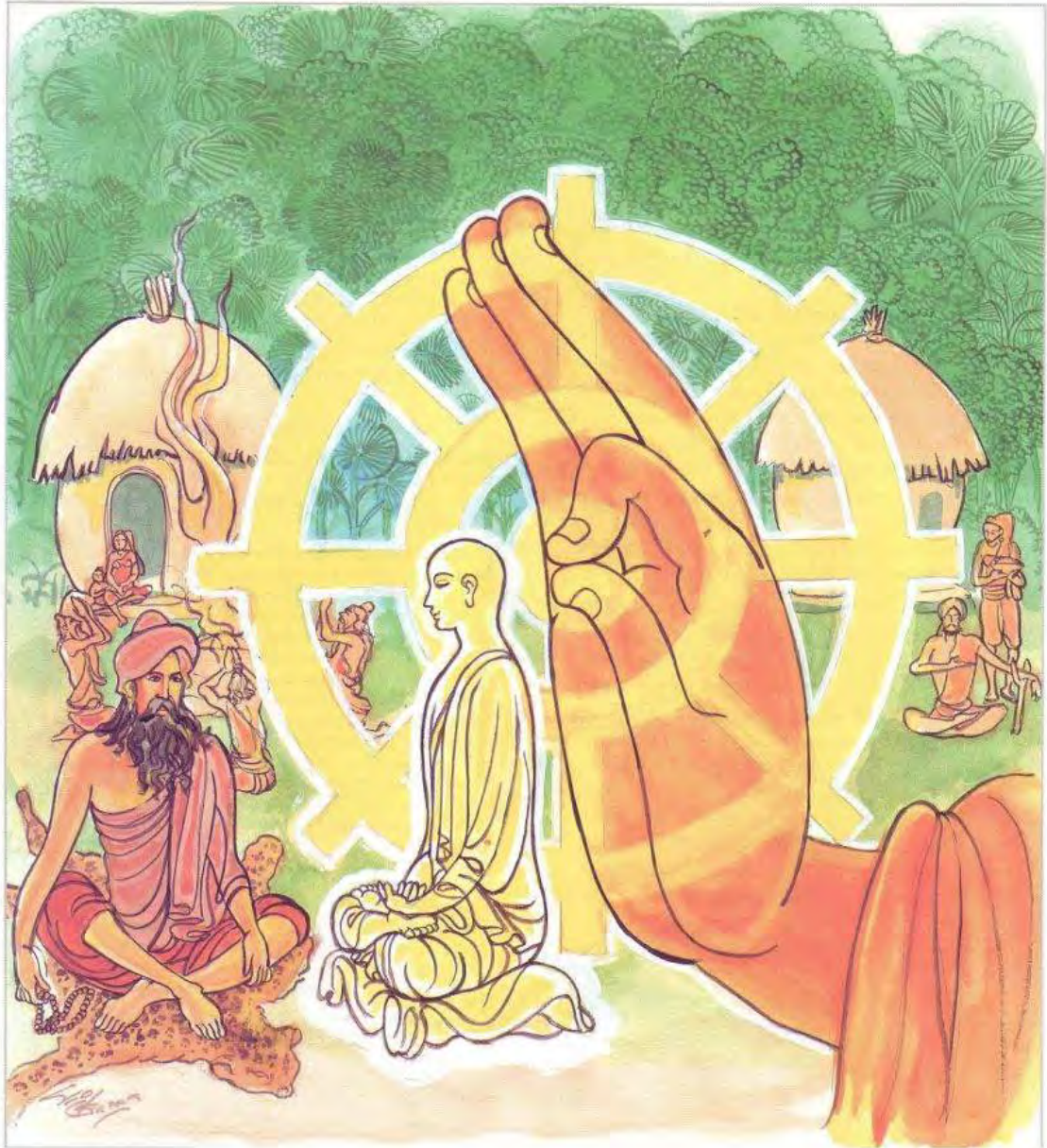


Dịch Giả Cẩn Đề

*Phật không, nhưng gọi Bà la môn,
Theo lẽ thông thường của ngoại tôn,
Bện tóc, thọ sanh chi cũng mặc,
Nếu chưa thấu đạt pháp ly ngôn,
Bà la môn Phật, bậc siêu nhân,
Bốn đế an tường, ngộ lý chân,
Tâm vẫn thường hằng trong cõi tịnh,
Không còn mê vọng với tham sân.*

DỨT TÍCH BÀ LA MÔN JĀṬLA





393. Được mệnh danh Phạm Chí. Đâu phải đầu bện tóc. Đâu phải vì gia tộc. Đâu phải gốc thọ sanh. Người chánh, tịnh, chân thành. Thật xứng danh Phạm chí.

XXVI.11- BÀ LA MÔN KUHAKA

(*Kuhakabrāhmaṇa*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 394)

“**Kim te jaṭāhi dummedha**
Kim te ajinasātiyā
Abbhantaraṃ te gahaṇaṃ
Bāhiraṃ parimajjasi”.

“*Kẻ ngu có ích gì*
Bện tóc với da dê
Nội tâm toàn phiền não
Ngoài mặt đánh bóng sưng”.

Kệ ngôn này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Kūṭagārasālā, Ngài đề cập đến Bà la môn Kuhaka, tuyên thuyết lên.

Tương truyền rằng: Bà la môn Kuhaka trèo lên một cái cây, gài kinh thành Vesālī trèo ngược đầu xuống, nói rằng:

- Các người hãy cho ta 100 con bò, hãy cho ta tiền và hãy cho nữ nhân hầu hạ ta. Nếu các người không tuân, ta sẽ rút xuống chết, khiến kinh thành các người sẽ tiêu hoại ngay.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khưu đi vào thành khát thực khi trở ra vẫn thấy Bà la môn ấy treo mình như thế, riêng về dân chúng suy nghĩ:

- Bà la môn này treo mình như thế từ sáng đến giờ, nếu y rút xuống (chết) thì kinh thành sẽ tan nát như lời nguyện của y.

Vì e sợ kinh thành bị tiêu hoại, nên dân chúng chấp nhận yêu cầu của Bà la môn Kuhaka. Kuhaka được những món y xin, mới chịu rời bỏ đi.

Chư Tỳ khưu thấy y đi giống như loài bò gài Tịnh xá, sực nhớ nên hỏi Bà la môn ấy rằng:

- Này Bà la môn, người có được những vật như ý muốn chăng?
- Vâng được rồi.

Chư Tỳ khưu bạch trình lên Đức Thế Tôn việc này, Ngài phán rằng:

- Này chư Tỳ khưu, chẳng phải bây giờ Bà la môn ấy là người dối trá đâu. Trong quá khứ y cũng đã từng dối trá như thế rồi. Bà la môn ấy chỉ lừa dối được kẻ ngu thôi, chứ trong quá khứ y không thể gạt được người trí.

Chư Tỳ khưu cung thỉnh Đức Thế Tôn thuyết giảng Bốn Sanh.

Thời quá khứ, có vị đạo sĩ dối trá, y sống nhờ một gia đình hộ độ trong làng Kāmika. Gia đình ấy xem đạo sĩ như là con ruột trong nhà, dâng vật thực đến y vào buổi sáng. Phần vật thực buổi chiều thì để dành dâng ngày hôm sau.

Một hôm, gia đình ấy bắt được con kỳ đà, nấu thành món canh thượng vị, để dành một phần canh ấy dâng cho y vào ngày hôm sau. Đạo sĩ dùng thịt kỳ đà, tâm bị đắm nhiễm vào món ăn ấy, y hỏi rằng: Thịt gì thế? Khi biết được đó là thịt kỳ đà, đạo sĩ liền đi khát thực, được bơ sữa cùng những món gia vị như muối... y đem cất riêng.

Bấy giờ, có con kỳ đà ở trong gò mối gần Tịnh thất, thường kỳ đà đi đến đánh lễ đạo sĩ trong những thời thích bọp. Ngày hôm ấy, đạo sĩ suy nghĩ rằng: “*Ta sẽ giết con kỳ đà này*”. Y giấu cây, ngồi lim dim như ngủ canh gò mối. Con kỳ đà từ gò mối chui ra, đi đến thấy y có những cử chỉ khả nghi bất thiện, nó suy nghĩ:

- Hôm nay ta không hoan hỷ với hành động của Đạo sĩ này.

Kỳ đà liền quay lại hang, thấy vậy gã đạo sĩ liền ném khúc cây để giết chết kỳ đà, nhưng khúc cây trượt đi, kỳ đà chạy vào hang, đưa đầu ra nói với đạo sĩ rằng: “*Ta làm tưởng ngươi là bậc có sự thu thúc như Sa môn. Nay người kia, ngươi chẳng phải là Sa môn, ngươi đã dùng khúc cây hại ta. Hỡi người kém trí, sự thất bính của ngươi có lợi ích chi? Bên trong ngươi đầy ô uế, nhưng bề ngoài ngươi lại điểm tô rất đẹp*”.

Thấy âm mưu của mình bị lộ, đạo sĩ dụ dỗ kỳ đà rằng:

- Nay hỡi kỳ đà, ngươi hãy chui ra ăn cơm Sāli, dầu, muối, tiêu của ta đầy đủ.

Kỳ đà đáp lại rằng:

- Bấy lâu nay ta ngỡ ngươi là Sa môn, giờ đây ngươi ném khúc cây toan giết ta. Ngươi không phải là Sa môn. Sự thất bính của người thiếu trí như ngươi có lợi ích chi? Sự vận mặc y bằng da nai Jina của ngươi có lợi ích chi? Vì bên trong ngươi đầy ô uế, bên ngoài ngươi lại khéo điểm trang.

Sau khi thuyết giảng Bốn Sanh, Đức Thế Tôn phán rằng:

- Nay chư Tỳ khưu! Đạo sĩ ấy nay chính là Bà la môn Kuhala. Kỳ đà có trí nay chính là Đấng Như Lai vậy.

Sau khi nhận diện bốn sanh rồi, Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“*Kẻ ngu có ích gì. Bên tóc với da dê. Nội tâm toàn phiền não. Ngoài mặt đánh bóng suông*”.

CHÚ GIẢI:

Kim te jaṭāhi: là hỡi người kém trí, sự thất bính tóc ích lợi chi cho ngươi mà ngươi bận, cùng với sự mặc y da dê của ngươi.

Abbhantaram: nghĩa là bên trong ngươi còn đầy ô uế như phiền não như ái... bên ngoài ngươi lại khéo tô điểm như phấn dê, phấn ngựa sơn phết bên ngoài.

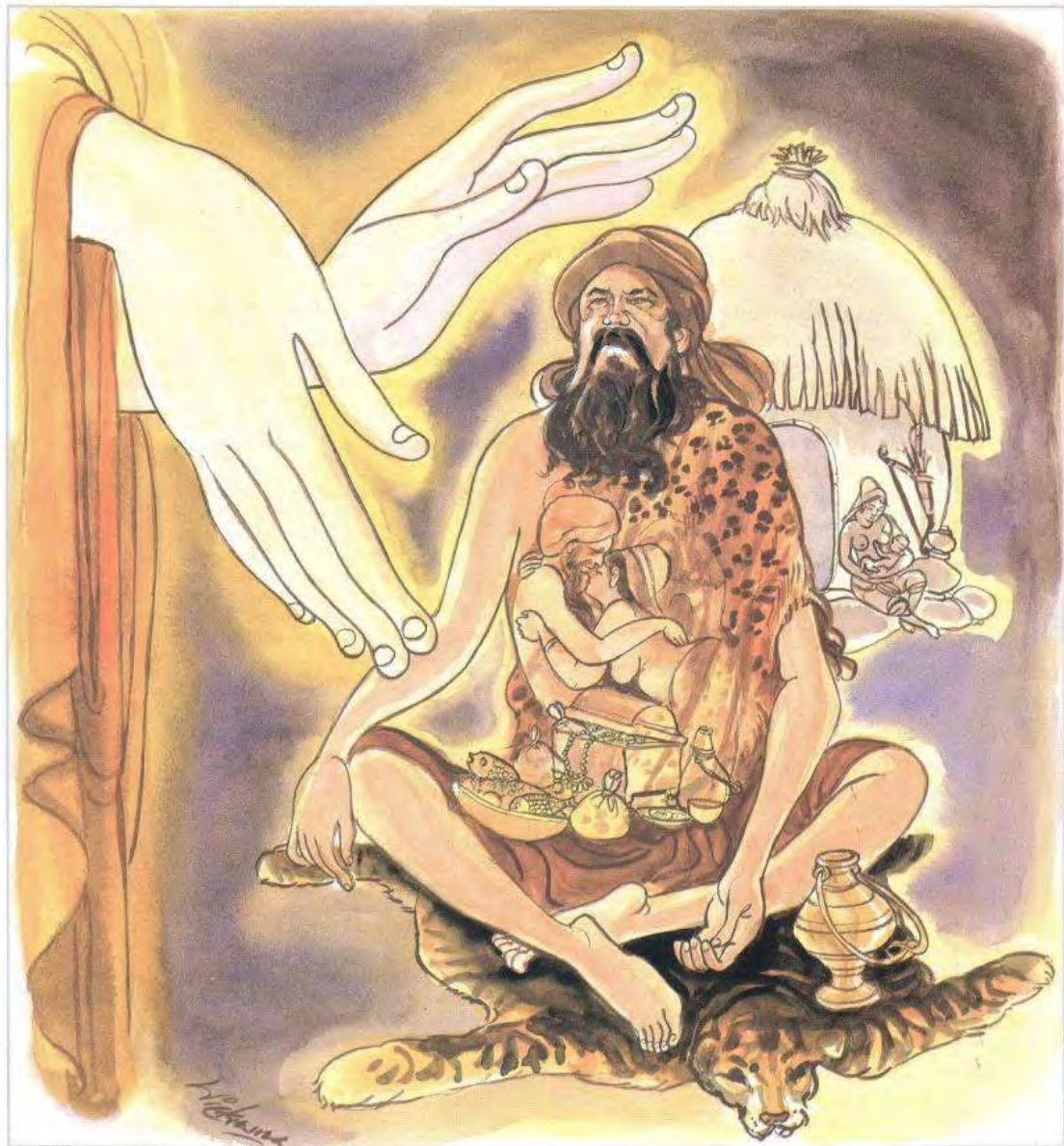


Dịch Giả Cẩn Đề

*Hăm sẽ buông mình chết tại đây,
Hồn oan phá nát cả thành này,
Dân ngu hoảng sợ, cho tài vật,
Mỗi bữa sơ sơ một đũa đầy,
Bà la môn giỏi thế bây giờ,
Kiếp trước từng quen thói phình phờ,
Tính giết kỳ đà xoi thật ngọt,
Bị cài một mẽ, thật không ngờ,
Ích gì bện tóc, mặc da dê,
Trang điểm bên ngoài gạt kẻ mê,
Phiền não nội tâm chưa dứt sạch,
Một phen lộ tẩy, chỉ trò hề.*

DỨT TÍCH BÀ LA MÔN KUHAKA





**394. Ở kia kẻ ngu si! Thắt tóc bím ích chi? Khoác da nai ích gì?
Trong chửa đây tham dục. Ngoài trang điểm dung nghi!**

XXVI.12- NÀNG KISĀGOTAMĪ

(*Kisāgotamī*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 395)

**“Pamsukūladharam jantum
Kisam dhamanisanthatam
Ekam vanasmim
Jhāyantam tamaham
Brūmi brāhmaṇam”.**

*“Người mặc áo đồng rác
Gây ốm lộ mạch gân
Độc thân thiền trong rừng
Ta gọi Bà-la-môn”.*

Kệ ngôn này được Đức Thế Tôn trú tại núi Gijjhakūṭa, đề cập đến nàng Kisāgotamī.

Tương truyền rằng: Một lần nọ, Thiên Vương Đế Thích Sakka cùng Thiên Tử tùy tùng đi đến núi Gijjhakūṭa đánh lễ Đức Thế Tôn vào canh đầu. Sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn, Thiên Vương cùng tùy tùng ngồi xuống một bên.

Khi ấy, vị Tỳ khưu ni Kisāgotamī suy nghĩ rằng: “*Ta nên đến đánh lễ Bạc Đạo Sư*”.

Nàng Kisāgotamī theo đường hư không đến nơi ngự của Đức Thế Tôn, trông thấy Thiên Vương Đế Thích nơi ấy, nàng quay trở về.

Trông thấy nàng Kisāgotamī, Thiên Vương đến đánh lễ nàng, rồi quay trở lại bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vị nữ ni ấy là ai thế? Vì sao vừa thấy Ngài, vị ấy lại ra về.

- Này Thiên Vương! Đó là Kisāgotamī, con gái của Như Lai. Nàng là người thù thắng nhất trong hàng Tỳ khưu ni về hạnh mặc y phần tảo.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Người mặc áo đồng rác. Gây ốm lộ mạch gân. Độc thân thiền trong rừng. Ta gọi Bà-la-môn”.



CHÚ GIẢI:

Kisam: nghĩa là người mặc y phần tảo, hành những điều thích hợp với mình, gây ốm, thân mình lộ gân xanh. Do vậy Đức Thế Tôn phán như thế.

Ekam vanasmim: nghĩa là ta gọi người hành thiền một mình trong nơi thanh vắng là Bà-la-môn.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả như là Dự Lưu.

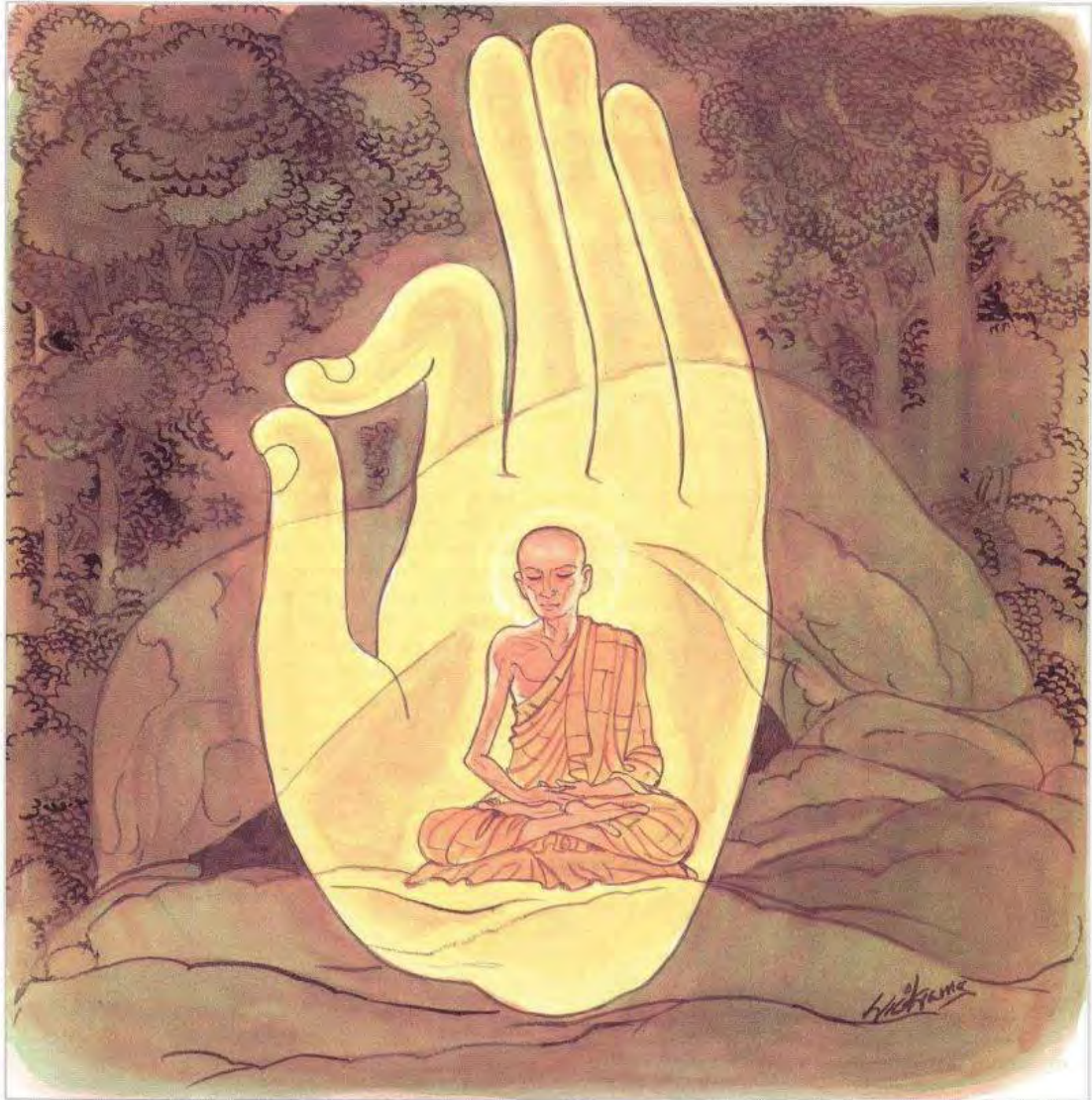


Dịch Giả Cẩn Đề

*Đâu hôm Trưởng lão Gotami,
Về lễ Phật rồi, lại biến đi,
Đế Thích chưa quen nên hỏi Phật,
Bà vừa mới đến, ấy tên chi?
Phật đáp: Đâu đà phán tảo y,
Tên Kiều Đàm óm, Tỳ kheo ni,
Rừng sâu, siêng sống tu thiền định,
Mình lộ gân xương, sá kể chi?*

DỨT TÍCH NÀNG KISĀGOTAMĪ





395. Người đắp y chấp vá. Gầy ốm gân lộ ra. Thiền định giữa rừng già. Bà la môn ta gọi.

XXVI.13- CHUYỆN VỊ BÀ LA MÔN

(*Aññatarabrāhmaṇa*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 396)

“Na cāhaṃ brāhmaṇaṃ brūmi,
Yonijaṃ mattisambhavaṃ,
Bhovādī nāma so hoti,
Sace hoti sakiñcano,
Akiñcanaṃ anādānaṃ,
Tamaḥaṃ brūmi brāhmaṇaṃ”.

“*Ta không gọi Phạm chí,
Vì chỗ sanh mẹ sanh,
Chỉ được gọi tên suông,
Nếu tâm còn phiền não,
Không phiền não chấp trước,
Ta gọi Bà-la-môn*”.

Khi Bạc Đạo Sư ngự tại Jetavana Ngài đề cập đến vị Bà la môn, thuyết lên kệ ngôn này.

Tương truyền rằng: Bà la môn ấy suy nghĩ rằng:

- Sa môn Gotama gọi đệ tử của Ngài là Bà la môn. Ta cũng sanh từ dòng Bà la môn, Ngài nên gọi ta như vậy mới phải.

Bà la môn ấy đi đến Tịnh xá Jetavana đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi trình lên Ngài việc đó.

- Này Bà la môn, Như Lai không gọi “*Bà la môn*” chỉ vì thọ sanh từ dòng Bà la môn, người nào đã chấm dứt không còn phiền não, không còn chấp thủ, ta gọi người ấy là Bà la môn.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“*Ta không gọi Phạm chí. Vì chỗ sanh mẹ sanh. Chỉ được gọi tên suông. Nếu tâm còn phiền não. Không phiền não chấp trước. Ta gọi Bà-la-môn*”.

CHÚ GIẢI:

Yonijaṃ: tức là thọ sanh.

Mattisambhavaṃ: nghĩa là người thọ sanh vào thai bào của mẹ là nữ Bà la môn.

Bhovādī: nghĩa là câu nói thường dùng cho người thân mến cách xưng hô như thế... gọi là Bhovādī. Vì rằng chính ý vẫn còn phiền não như ái... nhưng ta gọi người đã chấm dứt phiền não như ái... không còn chấp thủ, người ấy là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại, vị Bà la môn ấy chứng Quả Dự Lưu.



Dịch Giả Cẩn Đề

Thầy nghĩ: Ta đây có mẹ dòng,

Bà la môn nữ, vậy ta đồng,

Ngang hàng với bậc Thinh Văn Giác,

Hỏi Phật: Ý này có đúng không?

Phật bảo: Bà la môn tên suông.

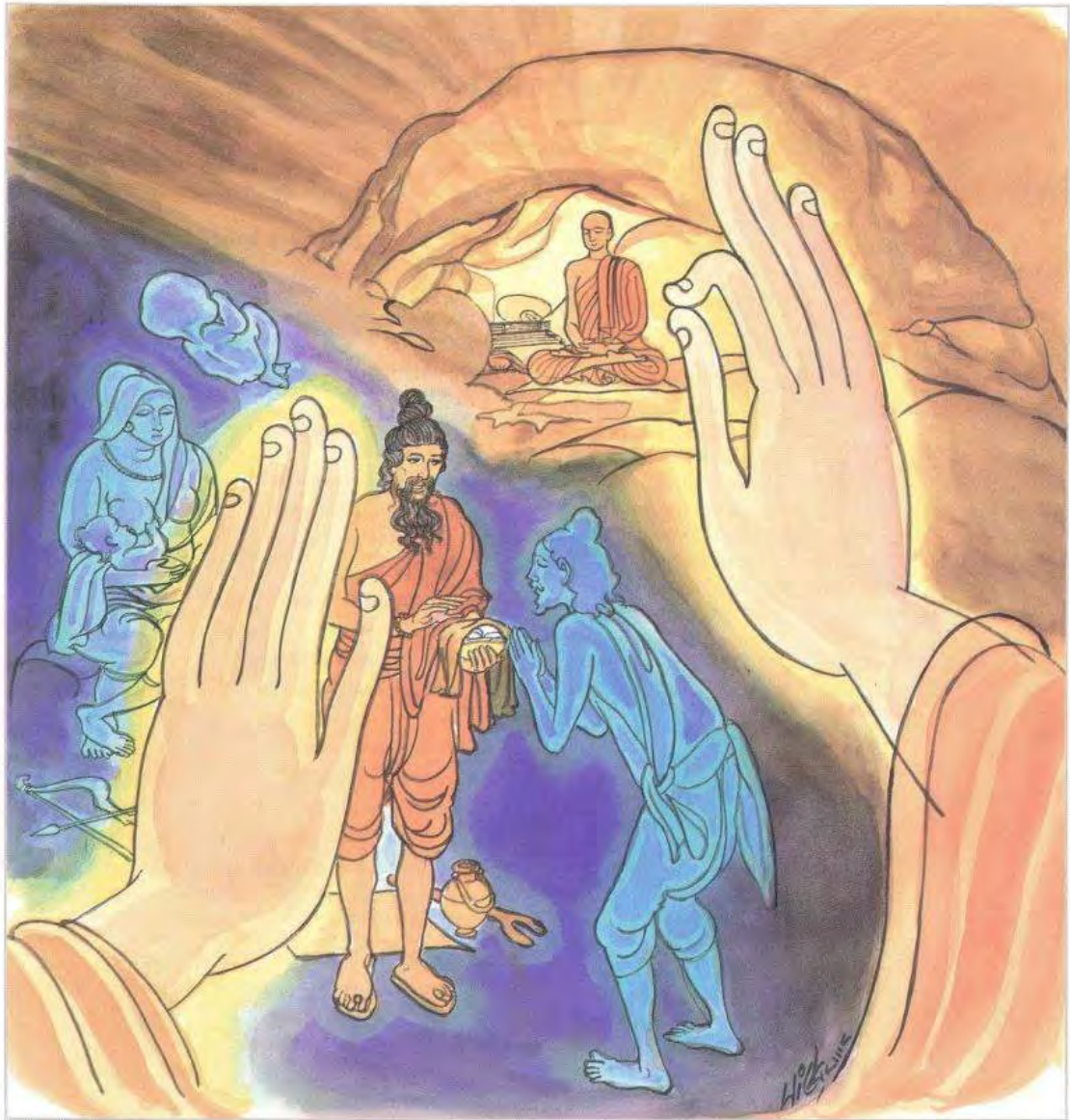
Nếu còn chấp trước, dục chưa buông,

Não phiền giữ sạch, người không chấp,

Mới thật Bà la môn mẫu khuôn.

DỨT TÍCH CHUYỆN VỊ BÀ LA MÔN





**396. Không gọi Bà la môn. Vì thai sanh, mẹ sanh. Chỉ gọi đúng
tánh danh. Nếu tâm còn điên đảo. Không chấp thủ, phiền não.
Ta gọi Bà la môn.**

XXVI.14- NGÀI UGGASENA

(Uggasena)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 397)

“Sabbasaṃyojanaṃ chetvā,
Yo ve na paritassati,
Saṅgātigamaṃ viśaṃyuttaṃ,
Tamaḥaṃ brūmi brāhmaṇaṃ”

“Đoạn kết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ,
Không đấm trước buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn”.

Đức Thế Tôn khi ngự tại Veluvana. Ngài đề cập đến con trai Trưởng giả Uggasena, tuyên thuyết lên pháp thoại này.

(Câu chuyện này được giảng rộng trong bài kệ Kuñca pūre muñca pacchato...(PC.348).

Bấy giờ chư Tỳ khuru ngồi lại Giảng đường, bàn luận với nhau về Ngài Uggasena, nói rằng:

- Này Hiền giả Uggasena, khi Hiền giả từ trên cao phóng xuống, Hiền giả có sự sợ hãi chăng?

- Này chư Hiền, tôi không có sợ hãi.

Chư Tỳ khuru đã trình lên Đức Thế Tôn về chuyện ấy:

- Bạch Thế Tôn! Hiền giả Uggasena hay nói rằng: “*Ta không có sợ hãi*”. Chắc vị ấy khoe pháp Thượng nhân với lời phi chân.

- Này Tỳ khuru! Con của Như Lai đã cắt đứt mọi triền phược, không còn sợ hãi nữa.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“*Đoạn kết các kiết sử. Không còn gì lo sợ. Không đấm trước buộc ràng. Ta gọi Bà-la-môn*”.



CHÚ GIẢI:

Sabbasaṃyojanaṃ: tức là thập triền (10 sợi dây trói buộc).

Na paritassati: là hằng không sợ hãi do ái.

Tamaḥaṃ: phân tích thành Tam + shaṃ nghĩa là ta gọi người đã vượt qua mọi ràng buộc, do đã vượt qua mọi buộc ràng như tham ái... đã thoát khỏi vì không còn Tứ Kết, người ấy là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại, nhiều người chứng Thánh Quả.

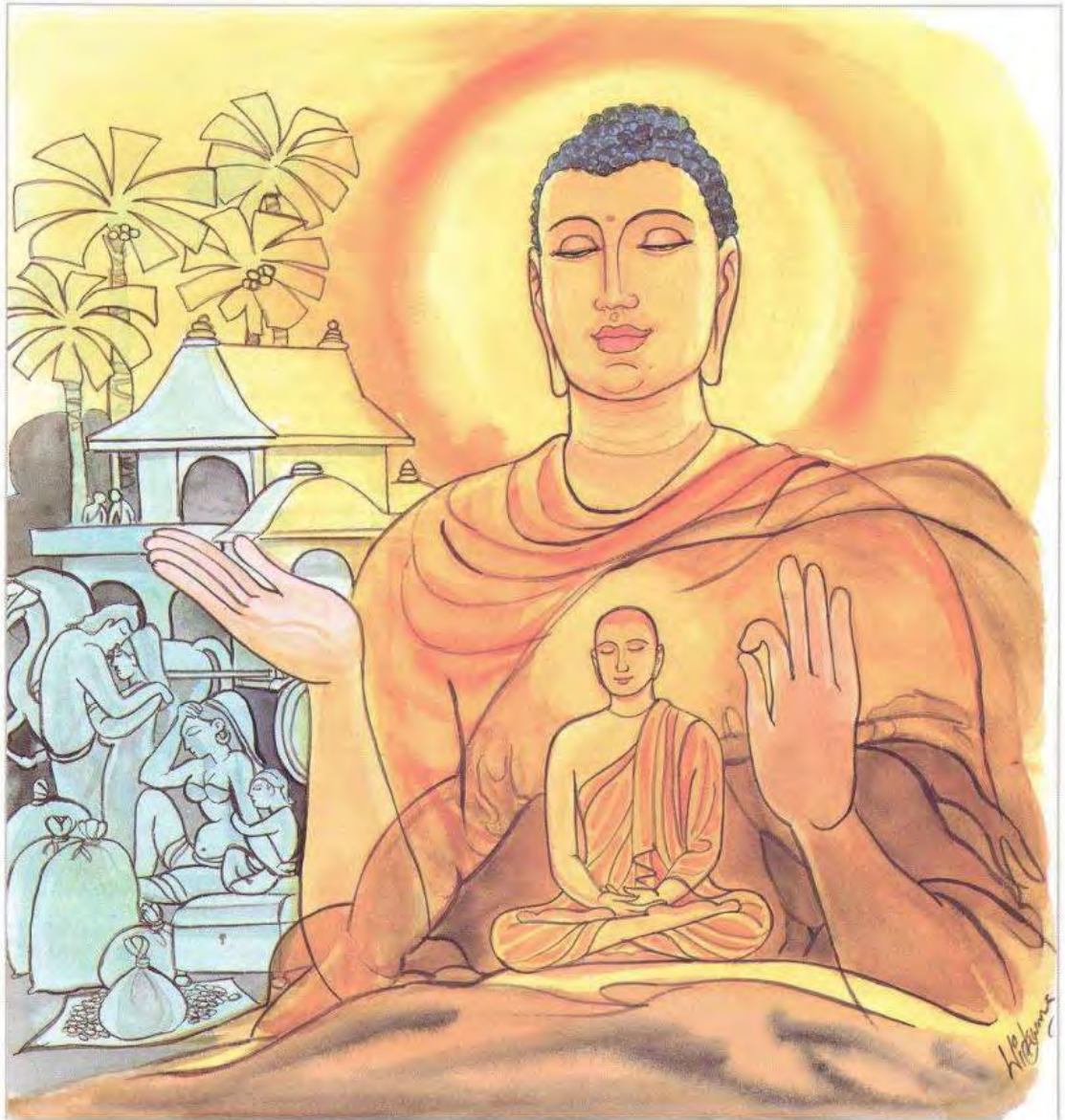


Dịch Giả Cẩn Đề

*Công tử nghỉ nghề hát, xuất gia,
Bổn nhiên y bát tự sanh ra,
Chư Tăng đón hỏi: Khi nào lộn,
Trên ngọn tre cao chẳng sợ ai,
Tỳ khuru mới đáp: Chẳng bao giờ,
Tôi thấy kinh hoảng, sợ vẫn vợ,
Nghe vậy chư Tăng vào mách Phật,
Đề Ngài khiển trách vị Sư khờ,
Phật dạy: Con ta đã tự mình,
Đoạn trừ kiết sử, đấng Vô sanh,
Không còn sợ hãi, không sầu muộn,
Đáng gọi Bà la môn chính danh.*

DÚT TÍCH NGÀI UGGASENA





397. Đoạn hết mọi kiết sử. Không khiếp sợ kinh hồn. Vượt xiềng xích đả trước. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.15- CHUYỆN HAI VỊ BÀ LA MÔN

(*Dvebrāhmaṇa*)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 398)

“*Chetvā naddhiṃ varattaṃ* “*Bỏ đai da (sân hận) bỏ cương (luyện ái)*
Ca sandānaṃ sahanukkamaṃ *Bỏ dây (ngủ ngầm) đồ sở thuộc (vô minh)*
Ukkhittapalighaṃ buddhaṃ *Bỏ then chốt (Phật) sáng suốt*
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ” *Ta gọi Bà-la-môn”.*

Kệ ngôn này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến hai vị Bà la môn.

Tương truyền rằng: Có hai vị Bà la môn, mỗi người có một con bò, tên là Mahārohita và Cūlarohita.

Một hôm, hai vị Bà la môn ấy gặp nhau, họ tranh cãi nhau:

- Bò ta mạnh hơn bò của người.

Sau một lúc tranh cãi, ai cũng cho bò của mình mạnh hơn. Cả hai đồng ý với nhau rằng:

“*Sự tranh cãi như vậy chẳng đưa đến kết quả chi cả. Vậy chúng ta hãy cho hai con bò thử sức với nhau thôi”.*

- Thế là, họ chất đầy xe cát ở bờ sông Aciravatī cho bò kéo đi. Bây giờ, chư Tỳ khuru cũng đến sông Aciravatī tắm, thấy hai con bò không thể kéo được xe đi, chỉ có đai da và cương bị đứt cả.

- Chư Tỳ khuru trở về Tịnh xá, bạch trình lên Đức Thế Tôn sự việc này. Ngài phán dạy rằng:

- Nay chư Tỳ khuru! Đai da và các loại dây ấy chỉ là bên ngoài, cũng có người chặt đứt được loại dây này. Nhưng còn vị Tỳ khuru cần phải chặt đứt đai da tức là sự sân hận và dây tức là ái luyện ở bên trong.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“*Bỏ đai da (sân hận) bỏ cương (luyện ái). Bỏ dây (ngủ ngầm) đồ sở thuộc (vô minh). Bỏ then chốt (Phật) sáng suốt. Ta gọi Bà-la-môn”.*



CHÚ GIẢI:

(1) Hận, 2 (ái), (3) tà kiến, (4) tùy miên, (5) vô minh.

Naddhiṃ: tức là sân hận là vật trói buộc.

Varattaṃ: tức là ái, là vật trói buộc

Sandānaṃ sahanukkamaṃ... nghĩa là người đã chặt đứt mỗi nỗi là 62 tà kiến cùng với những tùy miên, gọi là người đã nhổ bỏ được then chốt, tức là vô minh. Đã giác ngộ Tứ Diệu Đế, người ấy Như Lai gọi là Bà la môn.

Dứt thời Pháp cả 500 vị Tỳ khưu chứng đạt A La Hán. Pháp thoại mang lại lợi ích cho thính chúng.

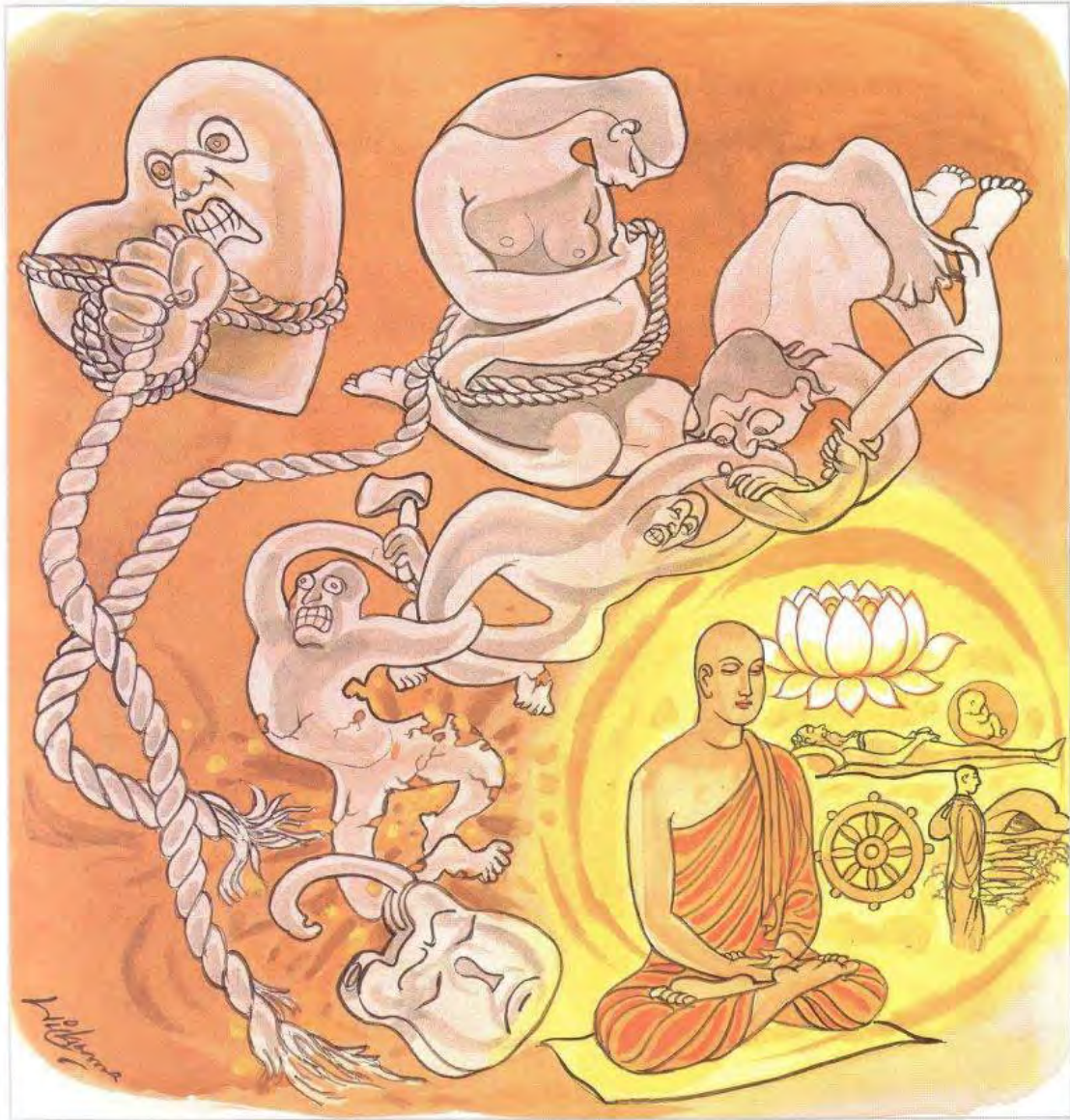


Dịch Giả Cẩn Đề

*Hai thầy thử sức của đôi bò,
Cho kéo cát đầy xe thật to,
Bò mạnh kéo xe không nhúc nhích,
Nhưng dây thừng đứt tợ dây nho
Theo dây, Phật nhắc các nhà Sư,
Phiền nào ngủ ngầm phải tự tư,
Ráng bức dây thừng sân, dục, ái,
Bà la môn xung với danh từ.*

DỨT TÍCH CHUYỆN HAI VỊ BÀ LA MÔN





**398. Cắt dây cương⁽¹⁾, đai da⁽²⁾. Đứt dây⁽³⁾, đồ phụ xa⁽⁴⁾. Bỏ trực
ngang⁽⁵⁾, giác ngộ. Ta gọi Bà la môn.**

(1) Ái dục; (2) Sân hận; (3) Tà kiến; (4) Tùy miên; (5) Vô minh.

XXVI.16- BÀ LA MÔN AKKOSAKA BHĀRADVĀJA

(*Akkosakabhāradvāja*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 399)

**“Akkosaṃ vadhabandhañca
Aduṭṭho yo titikkhati
Khantībalaṃ balāṇikaṃ
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.**

**“Không ác ý nhẫn chịu
Phỉ báng đánh phạt hình
Lấy nhẫn làm nhân lực
Ta gọi Bà-la-môn”.**

Đức Thế Tôn khi trú tại Veḷuvana, đề cập đến Bà la môn Akkosaka Bhāradvāja, đã thuyết lên kệ ngôn.

Tương truyền rằng: Bà là môn Akkosaka Bhāradvāja có một người anh, người này có người vợ là một Nữ Bà la môn đã đắc chứng Bạc Đạo Lưu, vợ Bà la môn Bhāradvāja có thói quen tụng niệm danh hiệu Đức Thế Tôn mỗi khi bà ho hoặc nhảy mũi. Khi ấy nàng thường niệm: Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa.

Một hôm, trong lúc mang vật thực lên cho Bà la môn ấy, bà bị vấp té, nên giận mình tụng niệm lời niệm ấy. Bà la môn Bhāradvāja tức giận mắng nhiếc bà:

- Con khốn này, lúc nào cũng tán dương Sa môn trọc đầu ấy. Giờ đây ta sẽ đến chất vấn ông Sa môn ấy, là Bạc Đạo Sư của ngươi đây.

- Này ông! Ông hãy đi đi, tôi chưa bao giờ thấy ai có thể chất vấn với Đức Đạo Sư được. Ông hãy đi chất vấn Đức Thế Tôn đi.

Bà la môn ấy đi đến Tịnh xá, đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, đứng một bên chất vấn ngài rằng:

- “Người diệt được chi gọi là sống an lạc? Diệt được vật chi mới không sầu muộn. Thưa Sa môn Gotama, Ngài thường tán tụng pháp chi nhất?”.

- “Này Bà la môn! Người diệt được sân hận sống an lạc. Diệt được sân hận sống không sầu muộn. Này Bà la môn, bậc Thánh hằng tán thán sự diệt được sân hận, sân hận có rễ là độc, có ngọn là vị ngọt. Người đã trừ được sân hận không còn sầu muộn”.

Nghe được Pháp âm của Đức Thế Tôn, Bà la môn ấy phát sanh tịnh tín và xin xuất gia với Bạc Đạo Sư. Chẳng bao lâu ông tinh cần hành pháp, chứng đắc được quả vị A La Hán.

Bấy giờ nghe tin anh mình đã xuất gia, Bà la môn Akkosaka (người em) cùng với người em kế bất bình đi đến Tịnh xá Jetavana lắng mạ Đức Thế Tôn bằng lời nói thô tục. Và y cùng với người em kế cũng được Đức Đạo Sư nhiếp phục và tế độ bằng ví dụ đem đãi khách. Y tịnh tín xin xuất gia với Bạc Đạo Sư và về sau tinh cần hành pháp cũng chứng đạt A La Hán Quả.

Ukkosaka còn có hai người em nữa là Sandarika và Bilanka cũng lẵng mạ Đức Thế Tôn như vậy, cả hai cũng được Ngài tế độ, rồi họ cũng được xuất gia trong Giáo Pháp của Ngài và chứng đạt A La Hán Quả.

Một hôm, chư Tỳ khuru ngồi lại Giảng đường bàn luận với nhau rằng:

- Này chư Hiền, ân đức Phật thật là thù diệu. Cả bốn anh em Bà la môn ấy lẵng mạ Ngài, Ngài vẫn an nhiên, trái lại Ngài còn tế độ, là nơi nương nhờ cho các vị Bà la môn ấy.

Đức Thế Tôn ngự đến phán hỏi rằng:

- Này các Tỳ khuru! Các người đang bàn luận về vấn đề gì?

Chư Tỳ khuru trình lên Đức Thế Tôn vấn đề đang bàn luận.

- Này chư Tỳ khuru! Như Lai không ác hại với người ác hại. Vì Như Lai có đủ sức mạnh là sự nhẫn nại, thường là nơi nương nhờ của đại chúng thật sự.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Không ác ý nhẫn chịu. Phỉ báng đánh phạt hình. Lấy nhẫn làm quân lực. Ta gọi Bà-la-môn”.



CHÚ GIẢI:

Aduṭṭho...: nghĩa là người nào tâm sân hận, chịu đựng lời lẵng mạ và lời đả kích với lo sợ đánh đập bằng tay...hoặc sự hình phạt bằng gông xiềng. Người lấy nhẫn nại làm sức mạnh, do có sự nhẫn nại là sức mạnh người ấy có được quân lực tối thắng, người ấy Như Lai gọi là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả...



Dịch Giải Căn Đề

*Bốn anh em nọ ở chung nhà,
Mắng Phật đã rồi, lại xuất gia,
Ấy thế mà sau La Hán cả,
Nhờ Ngài đem nhẫn nại độ tha,
Không giận, dầu ai phỉ báng mình,
Dầu ai đánh đập, hoặc gia hình,
Bà la môn chính danh như Phật,
Mát mẻ nhờ oai lực nhẫn binh.*

DỨT TÍCH BÀ LA MÔN AKKOSAKA BHĀRADVĀJA





**399. Ai chịu đựng không sân. Trước hũy báng, áp bức. Lấy
nhẫn làm quân lực. Ta gọi Bà la môn.**

XXVI.17- TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA

(*Sāriputtatthera*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 400)

“Akkodhanam vatavantam,
Silavantam anussutam,
Dantam antimasārīram,
Tam aham brūmi brāhmaṇam”.

“*Không hận, hết bốn phận,
Trì giới không tham ái,
Nhiếp phục thân cuối cùng,
Ta gọi Bà la môn*”.

(HT Thích Minh Châu)

Kệ ngôn này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Veluvana, đề cập đến Trưởng lão Sāriputta.

Tương truyền rằng: Khi Trưởng lão cùng với 500 Tỳ khưu tùy tùng, một hôm đến nhà của mình để khát thực ở làng Nālaka.

Thân mẫu của Trưởng lão Sāriputta đã cung thỉnh chư Tỳ khưu Tăng vào ngôi trong tư gia, trong lúc cúng dường vật thực đã trách mắng Trưởng lão rằng:

- Con chỉ được toàn những vật thực dư thừa, cơm nước dư thừa, loại vật thực dính nơi đáy nồi của người mà thôi. Con đã từ chối 80 Koti tài sản để đi xuất gia, cũng vì con mà ta bị phá sản, nầy con! Con hãy ăn đi.

Trong lúc bà dâng vật thực đến chư Tỳ khưu, đã trách mắng các Ngài rằng:

- Con của tôi bị các ông quyến rũ, nầy các ông hãy ăn đi.

Trưởng lão cùng với chư Tỳ khưu nhận vật thực xong rồi, yên lặng trở về Tịnh xá.

Và Ngài Rāhula dâng vật thực lên Đức Thế Tôn, Ngài phán hỏi rằng:

- Nầy Rāhula (hôm nay) ngươi đi khát thực nơi nào vậy?

- Bạch Thế Tôn, hôm nay chúng con đi khát thực nơi nhà thân mẫu Tể Độ Sư của con.

- Thế thì Thầy Tể Độ của con có bị nói chi chăng?

- Bạch Thế Tôn! Tể Độ Sư của con bị bà thân mẫu mắng.

- Thầy của con bị trách như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Bị trách mắng như thế này thế này.

- Thầy của ngươi đã nói như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Chẳng nói chi cả, Ngài chỉ im lặng mà thôi.

Thế rồi, chư Tỳ khưu đã bàn luận về sự kiện ấy nơi Giảng đường rằng:

- Nầy chư Hiền, ân đức của Trưởng lão Sāriputta thật kỳ diệu thay, dù thân mẫu Ngài có trách mắng như vậy. Ngài cũng chẳng mảy may bất bình.

Đức Thế Tôn đi đến phán hỏi rằng:

- Này chư Tỳ khuru! Các người đang bàn luận về vấn đề gì?

Chư Tỳ khuru trình lên Đức Thế Tôn vấn đề ấy. Ngài phán rằng:

- Này chư Tỳ khuru! Lẽ thường Bạc Vô Lậu không còn sân hận chi cả.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Không hận, hết bốn phận. Trì giới không tham ái. Nhiếp phục thân cuối cùng. Ta gọi Bà la môn”.

CHÚ GIẢI:

Vatavantam...: nghĩa là người làm tròn phận sự là hạnh đầu đà có Tứ thanh tịnh giới là giới hạnh. Gọi là đã chấm dứt ái dục, vì đã thoát ra khỏi ái. Gọi là người điều luyện bởi nhiếp phục được các căn. Gọi là người mang thân xác cuối cùng vì không còn sanh tử nữa, người ấy Như Lai gọi là Bà la môn.

Dứt kệ ngôn nhiều người chứng đạt Thánh Quả.



Dịch Giả Căn Đề

*Pháp chủ nghe bà mẹ mắng rằng,
Đồ ăn, cơm mót, kẻ hầu Tăng,
Mà tâm chẳng chút sanh buồn giận,
Miệng chẳng buông lời nói phải chướng,
Tăng khen Pháp chủ nhin nhường hay,
Phật dạy: Tỳ khuru lậu tận này,
Giới hạnh đủ đầy không hận ai,
Bà la môn thật xứng danh thay*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA





400. Giữ giới đức, ly ái. Tròn bổn phận không sân. Lần cuối tự điều thân. Bà la môn ta gọi.

XXVI.18- TRƯỜNG LÃO NI UPPALAVANNA
(*Uppalavaṇṇātherā*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 401)

**“Vāri pokkharapatte va,
Āraggeriva sāsapo,
Yo na limpati kāmesu,
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ”.**

***“Nước trên lá sen,
Nước hột cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn”.***

Kệ ngôn này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự nơi Jetavana, đề cập đến Bà Uppalavannā.

Chuyện này được giảng rộng trong kệ ngôn “*Madhuvā muññātibālo...*” (Pháp Cú 69).

Giảng thêm chi tiết rằng: Thời gian sau, chư Tỳ khuru ngồi tại Giảng đường, bàn luận cùng nhau rằng:

- Này chư Hiền, đến Bạc Vô Lậu mà còn thọ hưởng ngũ dục nữa, điều này có thật chăng? Sao lại không chứ, vì các Ngài không phải vô tri giác, không phải là cây cỏ, gò mồi, cây đá chi. Da thịt vẫn còn tươi tốt, do vậy các vị Vô Lậu vẫn còn thọ hưởng dục lạc.

Đức Đạo Sư ngự đến phán hỏi rằng:

- Này chư Tỳ khuru! Các người đang bàn luận về vấn đề chi thế?

Chư Tỳ khuru trình lên Ngài vấn đề đang bàn luận, Ngài dạy rằng:

- Này chư Tỳ khuru, Bạc Vô Lậu hằng không thích trong dục lạc, không thọ hưởng dục lạc, giống như giọt nước không thể dính trên lá sen được. Hoặc ví như hạt cải không thể dính trên đầu mũi kim được như thế nào, cả hai loại dục không thể dính mắc trong tâm của Bạc Vô Lậu như thế ấy.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Nước trên lá sen. Nước hột cải đầu kim. Người không nhiễm ái dục. Ta gọi Bà-la-môn”.



CHÚ GIẢI:

Yo na limpati...: nghĩa là người có tâm không dính mắc trong hai loại dục, tức là không luyến ái theo dục lạc như thế. Như Lai gọi người ấy là Bà-la-môn.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả.

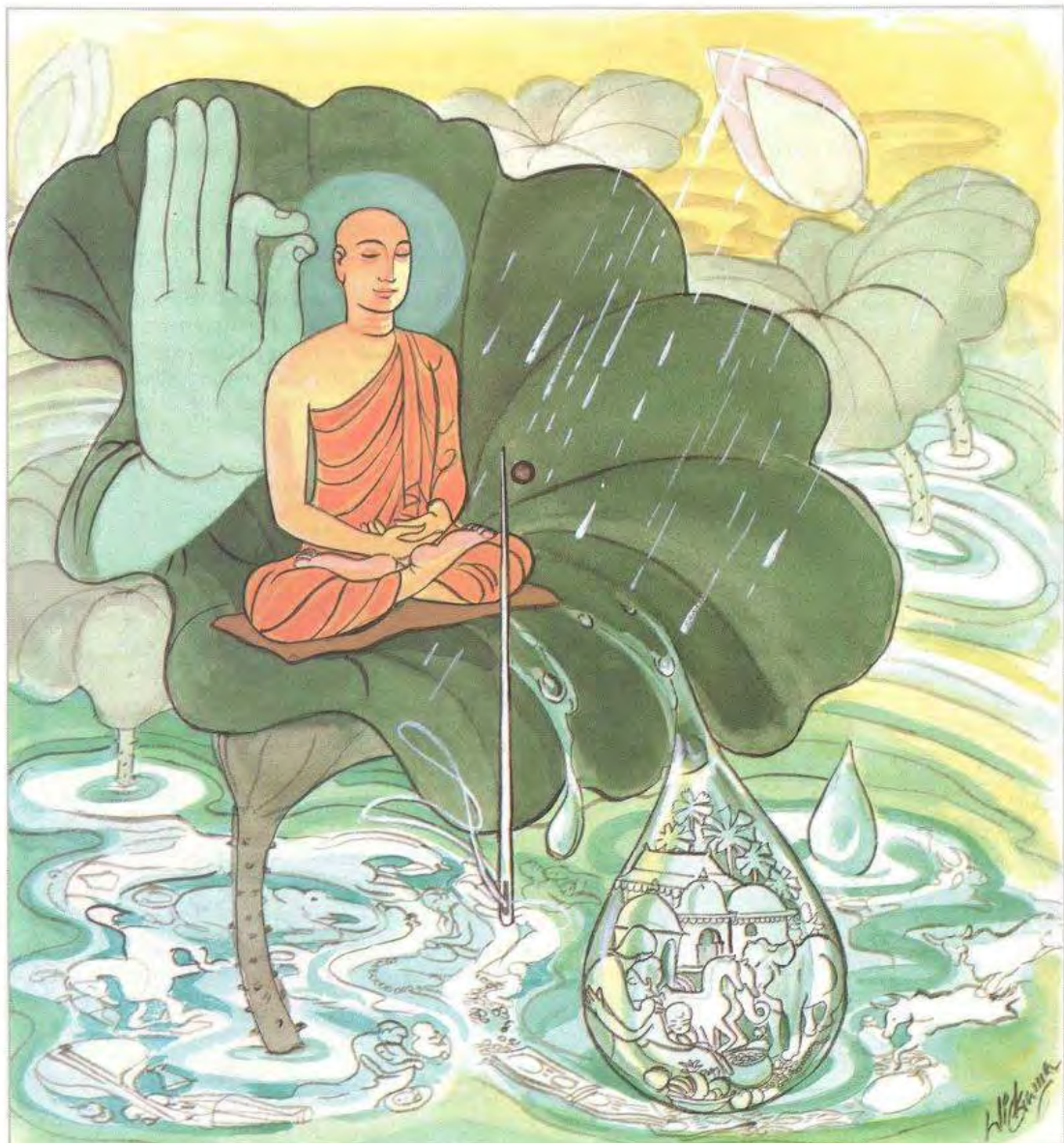


Dịch Giả Cẩn Đề

*Lậu tận Liên Hoa sắc mắt trình,
Là để Tăng chúng khỏi phê bình,
Thánh nhân chắc cũng còn dục lạc,
Chẳng lẽ như cây đá vô tình,
Phật dạy: Liên Hoa Sắc Thánh Nhân,
Không còn vui thích hưởng dục trần,
Lá sen không bắn vì giọt nước,
Ta gọi Bà la môn Chánh chân.*

DÚT TÍCH TRƯỞNG LÃO NI UPPALAVANNA





401. Như nước trên lá sen. Dầu kim hạt cải mèn. Dục lạc không vương mắc. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.19- CHUYỆN MỘT VỊ BÀ LA MÔN

(*Aññatara*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 402)

“Yo dukkhassa pajānāti,
Idheva khayam attano,
Pannabhāraṃ viṣaṃyuttaṃ,
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ”.

“*Ai tự trên đời này,
Giác khổ diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn*”.

Kệ Ngôn này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến vị Bà la môn.

Tương truyền rằng: Khi Đức Thế Tôn chưa ban hành Giới Luật chế định, có một người nô lệ của vị Bà la môn, y trốn chủ xin được xuất gia trong Giáo Pháp của Đấng Chánh Đẳng Giác và vị Trưởng lão ấy chứng đạt quả vị Vô Lậu. Vị Bà la môn ấy tìm kiếm người nô lệ của mình, nhưng không gặp.

Một hôm, Bà la môn ấy thấy được vị Trưởng lão đang đi khất thực với Đức Thế Tôn, y liền chạy đến nắm lấy y của Trưởng lão kéo lại. Đức Thế Tôn quay lại phán hỏi:

- Này Bà la môn, chuyện chi thế?
- Thưa Sa môn Gotama, vị Tỳ khưu này là nô lệ của tôi.
- Này Bà la môn! Vị Tỳ khưu ấy đã đặt gánh nặng xuống rồi.

Nghe Đức Thế Tôn bảo “đã đặt gánh nặng xuống rồi” Bà la môn ấy biết rằng: “Vị này là bậc A La Hán rồi”, ông bạch hỏi rằng:

- Thưa Sa môn Gotama! Có thật vậy chăng?
- Thật vậy, này Bà la môn, vị ấy đã thành đạt mục đích Phạm hạnh rồi.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“*Ai tự trên đời này. Giác khổ diệt trừ khổ. Bỏ gánh nặng giải thoát. Ta gọi Bà-la-môn*”.



CHÚ GIẢI:

Dukkhassa: là khổ uẩn.

Pannabhāraṃ....: nghĩa là người đã đặt gánh nặng xuống tức là (gánh nặng ngũ uẩn) và siêu thoát khỏi Tứ kết hay tất cả phiền não, người ấy ta gọi là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại, Bà la môn ấy chứng đạt Quả Dự Lưu.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Tớ trốn đi tu, khiến chủ nhà,
Theo tìm bắt gặp, muốn lôi ra,
Phật ngăn chủ lại, rằng: Ông đó,
Nay chẳng còn mang nợ thế gia,
La Hán không còn nợ một ai,
Gánh đời đã hết nặng oằn vai,
Người mà thoát khổ, khi còn sống,
Đáng gọi Bà la môn đức tài.*

DỨT TÍCH CHUYỆN MỘT VỊ BÀN MÔN





402. Ai tại thế gian này. Chúng đặc sự diệt khổ. Bỏ gánh nặng, siêu độ. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.20- TRƯỞNG LÃO NI KHEMĀ

(*Khemābhikkhunī*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 403)

“*Gambhīrapaññaṃ medhāvīṃ
Maggāmaggaṃ kovidāṃ
Uttamattham anuppattāṃ
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ*”.

“*Người trí tuệ sâu xa
Khéo biết đạo phi đạo
Chúng đạt đích vô thượng
Ta gọi Bà-la-môn*”.

Đức Thế Tôn ngự tại Gijjhakūṭā, đề cập đến Trưởng lão Ni Khemā thuyết lên Pháp thoại này.

Tương truyền rằng: Một lần nọ, Thiên Vương Đế Thích cùng chư thiên tùy tùng đi đến yết kiến Đức Thế Tôn vào cuối canh đầu. Sau khi đánh lễ Bạc Đạo Sư rồi, cùng Thiên chúng ngồi vào một bên.

Bấy giờ, Tỳ khưu ni Khemā suy nghĩ rằng:

- Ta sẽ đến yết kiến Bạc Đạo Sư.

Trưởng lão Ni đi đến đứng trên hư không, thấy Thiên chúng đang tụ hội quanh Thế Tôn, Trưởng lão Ni Khemā đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi quay về.

Đức Thiên Vương thấy Trưởng lão Ni Khemā bạch hỏi.

- Bạch Thế Tôn! Vị Nữ Ni ấy là ai thế? Đứng trên hư không đánh lễ Ngài rồi quay về ấy.

- Này Thiên Vương! Đó là Tỳ khưu ni Khemā, con gái của Như Lai có nhiều trí tuệ, thấu hiểu đạo và phi đạo.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

“*Người trí tuệ sâu xa. Khéo biết đạo phi đạo. Chúng đạt đích vô thượng. Ta gọi Bà-la-môn*”.

CHÚ GIẢI:

Gambhīrapaññaṃ...: là người có trí tuệ thâm sâu, biết rõ sự diễn tiến các Pháp như Uẩn, xứ... là người có trí tuệ sáng chói trong Pháp, gọi là người thấu hiểu Đạo và Phi đạo, tức là biết rõ đây là đường dẫn đến Níp Bàn. Đây là đạo, đây là phi đạo. Người đã thành đạt được lợi ích tối thượng tức là A La Hán, người ấy Như Lai gọi là Bà La môn.

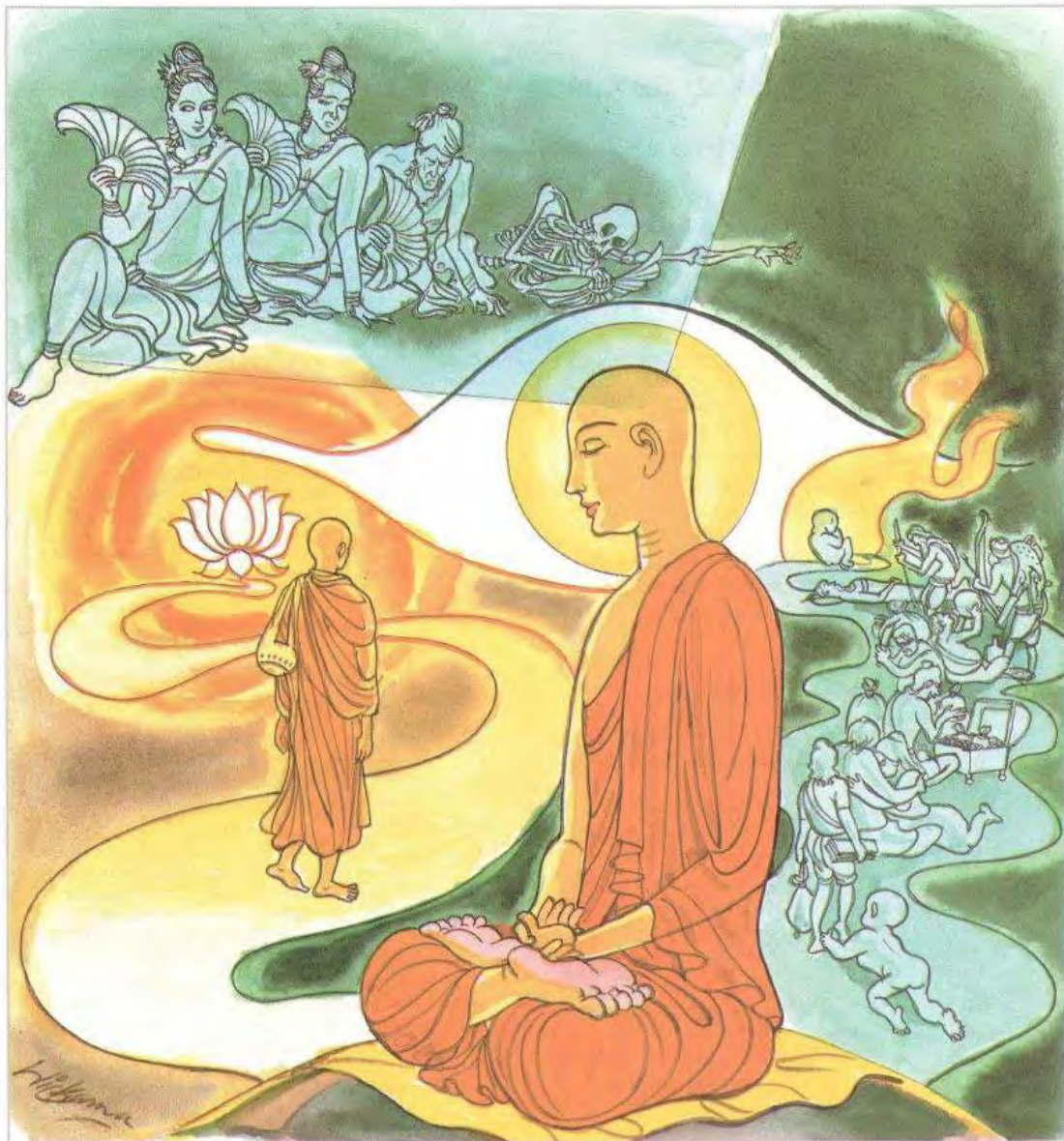


Dịch Giả Cẩn Đề

*Nữ Thánh Thỉnh Văn tên Khê Ma,
Đầu hôm, về đánh lễ Phật Đà,
Thiên Vương mới gặp, chưa quen mặt,
Bà ấy là ai? Thấy lạ xa,
Phật rằng: Lậu tận ấy con Ta,
Đã chứng đạo, phi đạo sâu xa,
Là bậc Bà la môn vô thượng,
Biết rành giải thoát với Mada.*

DỨT TÍCH TỶ KHUU NI KHEMĀ





**403. Người trí tuệ sâu xa. Quán triệt đường chánh, tà. Đạt đến
đích tối thượng. Ta gọi Bà la môn.**

XXVI.21- TRƯỞNG LÃO TISSA NGỰ TRONG NÚI
(Pabbhāravāsītissatthera)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 404)

**“Asaṃsaṭṭhaṃ gahaṭṭhehi
Anāgārehi cūbhayaṃ
Anokasāriṃ appicchaṃ
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ”.**

**“Không liên hệ cả hai
Xuất gia và thể tục
Sống độc thân ít dục
Ta gọi Bà-la-môn”**

Kệ Ngôn này được Đức Thế Tôn thuyết ra, khi Ngài ngụ tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Tissa.

Tương truyền rằng: Trưởng lão Tissa sau khi học thông thạo đề mục nghiệp xứ với Đức Thế Tôn rồi. Ngài đi sâu vào rừng núi, tìm nơi thích hợp để hành phạm hạnh. Ngài tìm được một hang núi thích hợp với mình, vì khi đến nơi ấy, tâm của Ngài đạt được sự thanh tịnh, Trưởng lão suy nghĩ:

- Ta sẽ ở đây hành Sa Môn Pháp của mình.

Nơi hang núi ấy có một vị thiên nhân trú ngụ, suy nghĩ:

- Vị Tỳ khưu này là người có Giới hạnh, nếu ta ngụ chung với Ngài thì bất tiện cho ta lắm. Vị Tỳ khưu này ngụ nơi đây có lẽ chỉ một đêm rồi đi.

Sáng hôm sau, Trưởng lão Tissa đi vào làng khát thực, một tín nữ trông thấy Trưởng lão, đã phát sanh niềm thương mến như con của mình, thỉnh Trưởng lão vào nhà cúng dường vật thực, rồi thỉnh cầu rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài hãy nhận vật thực nơi đây trọn ba tháng. Trưởng lão Tissa suy nghĩ rằng:

- Nhờ sự hộ độ của tín nữ này, ta sẽ an tâm thực hành để đạt đến Giải thoát pháp.

Và Trưởng lão nhận lời thỉnh cầu ấy.

Vị thiên nhân thấy Trưởng lão trở về hang núi, khởi lên sự suy nghĩ rằng:

- Hẳn là có ai đã thỉnh Ngài ở lại, có lẽ nay mai Ngài sẽ đi thôi. Đến khoảng nửa tháng sau, vị thiên nhân vẫn thấy Trưởng lão ấy, liền suy nghĩ:

- Có lẽ Trưởng lão này trú ngụ nơi đây cho hết mùa mưa chăng?

Nếu như thế sẽ bất tiện cho mẹ con ta, vì ta không thể ngụ sống chung với người có Giới hạnh được, mà ta cũng không thể xua đuổi vị ấy với lời lẽ rằng: “*Xin thỉnh Ngài đi nơi khác*”. Chẳng hay Giới của vị ấy có được thanh tịnh chăng?

Thiên nhân dùng Thiên Nhãn thấy được Giới hạnh của Ngài Tissa thanh tịnh, kể từ ngày thọ trì Cụ Túc Giới. Y suy nghĩ: “*Ta sẽ tìm cơ hội phá hoại Giới của vị này*”.

Thiên nhân ấy liền đi đến nơi nhà người tín nữ hộ độ cho Trưởng Lão, nhập vào đưa bé là con trai lớn của tín nữ ấy, làm cho hai mắt lòi ra, nước dãi chảy ra từ hai

khỏe miệng, đưa bé đau khổ vô cùng. Nàng tín nữ ấy hoảng hốt, sầu muộn than khóc rằng:

- Vì sao con tôi như thế này vậy?

Bấy giờ vị thiên nhân hiện ra nói với nàng rằng:

- Con của nàng bị ta bắt rồi. Nhưng nếu nàng muốn con nàng khỏi, phải nghe theo lời ta. Ta chẳng cần lễ vật gì nơi nàng cả, chỉ cần nàng xin Trưởng lão Tissa lấy nước cam thảo để chữa bệnh cho con mình. Dem cam thảo ấy về rang với dầu và cho nó nguội, nếu như thế ta mới tha mạng cho con nàng.

- Thưa cô, dầu có chết đi nữa, tôi cũng không thể xin vị ấy cam thảo được đâu.

- Nếu nàng không xin được cam thảo thì hãy xin vật A Quý để nhỏ vào mũi nó.

- Tôi cũng không thể xin được vật ấy nơi Trưởng lão.

- Nếu vậy hãy xin nước rửa chân của Trưởng lão rồi gọi lên đầu đứa bé.

- Nếu thế, tôi có thể làm được.

Khi Trưởng lão đi đến thọ thực, tín nữ ấy sau khi cúng dường vật thực, đã bạch rằng:

- Bạch Ngài, con sẽ lấy nước rửa chân của Ngài để gọi đầu cho đứa bé.

- Được Trưởng lão cho phép, nàng gọi đầu cho con mình, vị thiên nhân xuất ra khỏi đứa bé, nó trở nên mạnh khỏe như xưa. Thiên nhân trở về đứng trước cửa hang, Trưởng lão thọ thực xong, trở về hang. Trưởng lão hành trì tụng các thể trực, chuyên chú trong nghiệp xứ của mình. Vừa đến cửa hang, thiên nhân hiện ra nói với Trưởng lão rằng:

- Này thầy Lương y, Ngài chớ nên đi vào nơi đây nữa.

- Nàng là ai?

- Tôi là thiên nhân ngự tại nơi đây.

Trưởng lão Tissa suy nghĩ: “*Ta đâu làm thầy thuốc*”. Rồi Ngài quán xét Giới hạnh của mình kể từ ngày thọ Cụ Túc Giới tới nay, thấy hoàn toàn thanh tịnh, không bị lấm nhơ, nên trả lời với thiên nhân rằng:

- Này thiên nhân, ta không thấy chỗ nào ta đã làm thầy thuốc cả, duyên có chi người lại nói thế?

- Ngài không thấy điều này sao?

- Đúng vậy.

- Tôi sẽ cho Ngài biết điều này thôi.

- Người cứ nói lên đi.

- Tôi không nói điều xa xôi chi, hôm nay có phải Ngài đã cho nước rửa chân đến con trai người hộ độ Ngài bị phi nhân nhập vào để gọi đầu cho nó.

- Này thiên nhân, thật như vậy.

- Bạch Ngài! Đó (chính là) thầy thuốc còn gì nữa?

- Này thiên nhân, người cho rằng điều ấy là thầy thuốc sao?

Rồi Trưởng giả quán xét, suy nghĩ rằng:

- Ô! Ta đã thật khéo an trú, ta đã thực hành chân chánh với Giáo Pháp thật sự. Ngay cả thiên nhân này cũng không thấy được điểm lầm nhơ, chỉ thấy ta cho nước rửa chân để gội đầu cho đứa bé thôi.

Do quán xét đến Giới hạnh của mình như thế, Trưởng lão Tissa phát sanh phi lạc, khi đình chỉ phi lạc, Ngài chứng đạt quả vị A La Hán chính tại nơi đó. Khi chân chưa rời khỏi vị trí, Ngài thốt lên rằng:

- Này thiên nhân, người đã ác hại đến vị Sa Môn như ta, người chớ nên ở lại nơi này nữa, người hãy rời khỏi khu rừng già này đi.

Trưởng lão nói lên kệ ngôn rằng:

- Sự sống của ta thật trong sạch, người chớ ác hại ta, là người vô uế, người có giới hạnh, người trong sạch, người hãy ra khỏi khu rừng già này đi.

Trưởng lão đã trú ngụ nơi ấy trọn ba tháng, khi mãn mùa an cư, Ngài trở về yết kiến Đức Thế Tôn, chư Tỳ khuru hỏi Ngài rằng:

- Này Hiền giả, phận sự xuất gia Hiền giả đã hoàn thành chưa?

Trưởng lão Tissa thuật lại đầu đuôi câu chuyện từ khi sang hang núi ấy nhập hạ. Chư Tỳ khuru hỏi rằng:

- Này Hiền giả! Khi thiên nhân ấy nói như vậy, Hiền giả không giận sao.

- Này chư Hiền, tôi không giận.

Chư Tỳ khuru bạch lên Đức Thế Tôn câu chuyện này rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ khuru ấy nói không đúng sự thật. Sự thật không như lời vị ấy nói. Dù vị thiên nhân ấy nói như thế, vị ấy bảo rằng: “*Ta không có giận*”.

- Này chư Tỳ khuru! Thật vậy, con Như Lai không còn giận nữa, vì đã thoát ra khỏi sự dính mắc của hàng tại gia lẫn xuất gia. Con Như Lai không có sự dính mắc đâu, đã thiếu dục tri túc.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

“*Không liên hệ cả hai. Xuất gia và thế tục. Sống độc thân ít dục. Ta gọi Bà-la-môn.*”



CHÚ GIẢI:

Asaṃsaṭṭham: nghĩa là người không dính mắc với sự nhìn, sự nghe, sự bàn luận, sự thọ dụng và sự tự thân.

Ūbhayaṃ: là người vô dính mắc cả hai hạng: Tại gia và xuất gia.

Anokasāriṃ: là người du hành không luyến ái. Người ấy ta gọi là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả như là Dự Lưu.

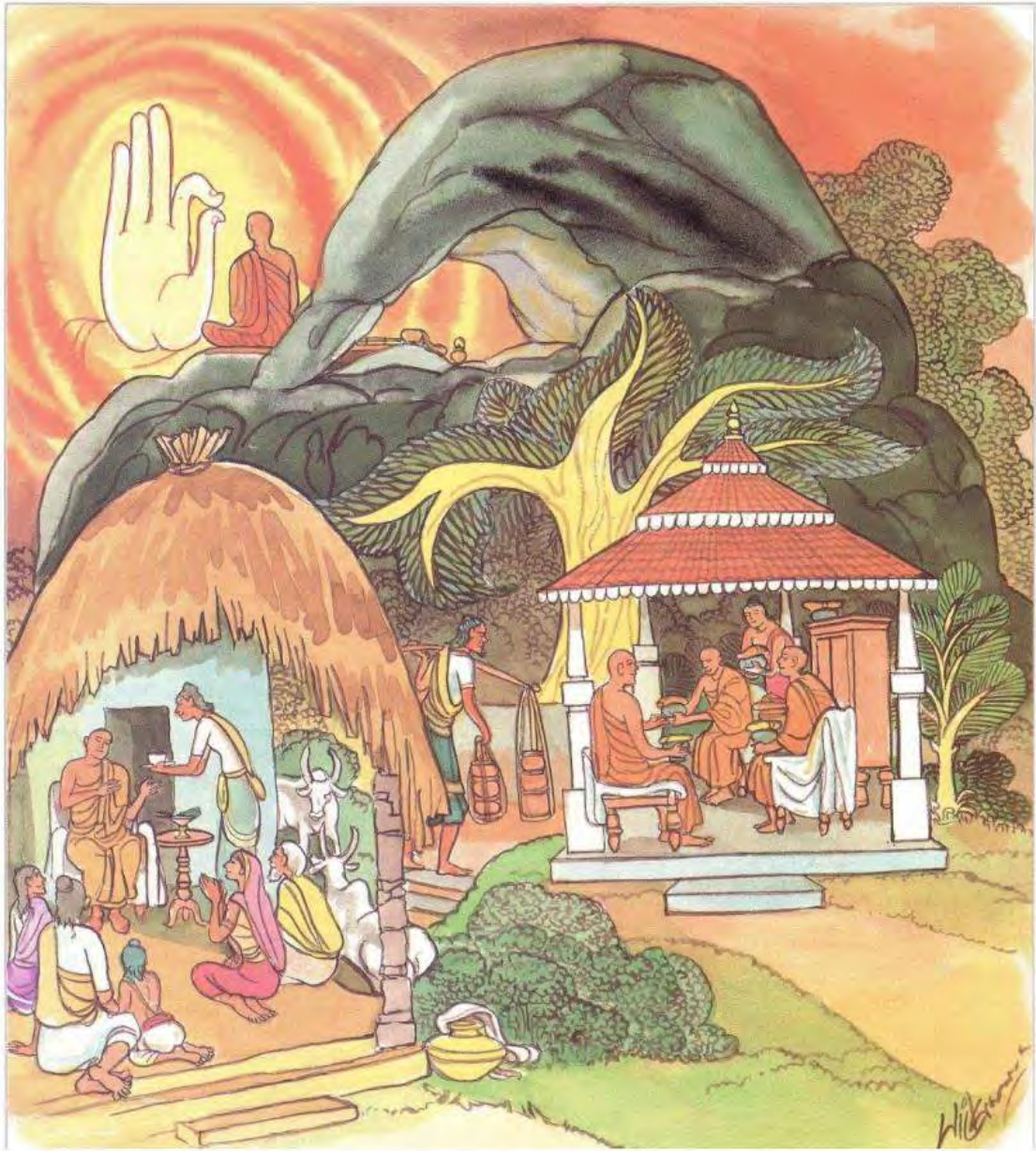


Dịch Giả Căn Đè

*Tissa vào hang đá độc cư,
Nhất tâm nguyện đạt cõi chân như,
Hằng ngày đi bát vào trong xóm,
Tín nữ chân thành tiếp hộ sư,
Sơn thần kiếm có đuổi sư ra,
Nhập xác con trai của chủ nhà,
Phao tội sư làm y sĩ gương,
Không tròn phạm hạnh bậc ly gia,
Nhờ vậy, sư quan sát giới mình,
Hy hoan tiến đạt quả vô sanh,
Bình an cư ngụ trong hang đá,
Mãn hạ về chùa viếng đệ huynh,
Chư Tăng ngờ vực chuyện sơn thần,
Vu cáo sư mà sư chẳng sân,
Phật dạy: Bà la môn thiếu dục,
Tục Tăng chẳng phạm, sống cô thân.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO TISSA NGỰ TRONG NÚI





404. Chẳng quan tâm thân thiện. Hàng thế tục, xuất gia. Sống vô dục, không nhà. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.22- CHUYỆN NHIỀU VỊ TỖ KHUU

(*Aññatarabhikkhu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 405)

“Nidhāya daṇḍaṃ bhūtesu
Tasesu thāvaresu ca
Yo na hanti na ghātetī tamahaṃ
Brūmi brāhmaṇaṃ”

“*Bỏ trượng đối chúng sanh
Yếu kém hay kiên cường
Không giết không bảo giết
Ta gọi Bà-la-môn*”.

Kệ ngôn này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến vị Tỳ khưu.

Tương truyền rằng: Có vị Tỳ khưu học đề mục Nghiệp xứ nơi Bạc Đạo Sư, chuyên cần hành trì Pháp môn cho đến khi chứng đắc được quả vị A La Hán. Ngài suy nghĩ:

- Ta sẽ trình lên Đức Thế Tôn Pháp mà ta đã chứng đắc, thành đạt.

Ngài rời khỏi khu rừng, du hành về Tịnh xá để yết kiến Đức Đạo Sư. Bấy giờ có nàng thiếu nữ trong làng có sự cãi vã với chồng, nhân lúc vắng chồng nàng trốn về với cha mẹ ruột. Trên đường đi về gia đình cha mẹ ruột, trông thấy Trưởng lão đi trên đường ấy, nàng suy nghĩ: “*Ta hãy đi theo sau vị này*”. Rồi nàng đi theo phía sau, nhưng Trưởng lão không hề hay biết. Người chồng trở về nhà thấy vắng vợ, biết rằng: “*Nàng đã trốn về với cha mẹ ruột*”. Y liền đi tìm vợ và suy nghĩ rằng: “*Nữ nhân như vợ ta không thể can đảm băng qua khu rừng này đâu, hẳn phải có người hướng đạo cho nàng*”. Y rượt theo kịp vợ, trông thấy vị Sa môn liền suy nghĩ:

- Vị Sa môn này đã hướng dẫn nàng ta đi trốn.

Y liền phẫn nộ với Trưởng lão, nàng ấy liền bảo chồng nàng:

- Này ông, vị Sa môn này chẳng quyền rũ chi tôi, Ngài cũng chẳng hay biết tôi đi theo Ngài, ông chớ nên xúc phạm đến Ngài.

Đang cơn phẫn nộ, chồng nàng bắt kẻ lờ nàng, nói rằng:

- Nếu người không chỉ ai là người quyền rũ người, dẫn người đi. Ta sẽ trừng trị gã Sa môn này.

Rồi tức giận với vợ, y đã đánh đập Trưởng lão ấy, rồi dẫn vợ trở về.

Toàn thân Trưởng lão sưng phù lên. Khi về đến Tịnh xá, chư Tỳ khưu đến bóp, xoa tay chân cho Ngài, thấy như vậy đã hỏi rằng:

- Bạch Ngài! Vì sao như thế này?

Trưởng lão thuật lại câu chuyện cho chư Tỳ khưu nghe. Chư Tỳ khưu hỏi rằng:

- Thừa tôn giả, khi người ta đánh đập tôn giả như thế, tôn giả đã nói như thế nào? Và có phiền hận chi chăng?

- Này chư Hiền! Tôi chẳng có sự phiền hận đâu.

Chư Tỳ khru cho rằng Trưởng lão khoe Pháp Bậc Thượng Nhân, nên trình bạch lên Đức Thế Tôn câu chuyện ấy rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con hỏi vị ấy rằng: “*Tôn giả không có phiền hận sao?*”. Vị ấy trả lời: “*Này chư Tỳ khru! Tôi không có phiền hận*”. Vị ấy đã nói không thật, không đúng với sự thật.

Bậc Đạo Sư phán dạy rằng:

- Này chư Tỳ khru! Thật thế, lẽ thường Bậc Vô Lậu đã từ bỏ gây gộc, không sân hận với người ác hại mình.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“*Bỏ trượng đối chúng sanh. Yếu kém hay kiên cường. Không giết không bảo giết. Ta gọi Bà-la-môn*”.



CHÚ GIẢI:

Nidhāya: tức là đã rời bỏ.

Tasesu thāvaresu ca: nghĩa là rúng động vì bị sức mạnh của ái lôi cuốn. Gọi là vững chắc vì đã thoát ly ái.

Yo na hanti...: là người nào đã rời bỏ gây gộc vì đã đoạn tận sự hiềm kỵ đối với tất cả chúng sanh như vậy, không tự giết cũng không bảo người khác giết bất luận một chúng sanh nào, ta gọi người ấy là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả.



Dịch Giả Căn Đề

*Vợ trốn chồng đi đến giữa rừng,
Thấy sư đi trước, bám sau lưng,
Chồng theo bắt kịp, nghi tâm bậy,
Đánh đập nhà sư, tội quá chùng,
Tỳ khru La Hán bị đòn ghen,
Không giận vì kham nhẫn đã quen,
Dao trượng bỏ rồi, không nã hại,
Bà la môn ấy, thật không hèn.*

DỨT TÍCH CHUYỆN VỊ TỖ KHƯU





**405. Không đánh đập chúng sanh. Mạnh khỏe hay yếu đuối.
Không sát hại tàn rụi. Ta gọi Bà la môn.**

XXVI.23- CÁC SADI

(*Sāmaṇera*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 406)

**“Aviruddham viruddhesu
Attadaṇḍesu nibbutaṃ
Sādānesu anādānaṃ
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ”.**

**“*Thiên thần giữa thù địch
Ôn hòa giữa hung hăng.
Không nhiễm giữa nhiễm trước
Ta gọi Bà-la-môn*”.**

Kệ ngôn này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến các vị Sadi.

Tương truyền rằng: Có một nữ Bà la môn được nghe pháp rồi phát tâm tịnh tín, thỉnh bốn vị Tỳ khưu đến thọ thực tại tư gia của mình. Khi sắp đặt vật thực rồi, bà bảo chồng rằng:

- Nay ông! Hãy đến Tịnh xá thỉnh bốn vị Tỳ khưu.

Ông Bà la môn đến Tịnh xá bạch thỉnh rằng:

- Xin Ngài hãy cho đến tôi bốn vị Tỳ khưu.

Và chư Tăng đã sắp xếp cho bốn vị Vô Lậu là Sadi Saṅkicca, Paṇḍita, Sopāka và Revata đi đến nhà của Bà la môn ấy.

Nói về Bà la môn sau khi sắp đặt vật thực xong rồi, sửa soạn nơi ngồi trang trọng, khi trông thấy bốn vị Sadi đi đến, bà buồn phiền than vãn, luôn lẩm bẩm với những lời đay nghiến chồng rằng:

- Ông đến Tịnh xá mà thỉnh bốn vị Sa môn trẻ tuổi như thế này à. Những vị này tuổi đáng cháu mình, ông thỉnh như vậy thật là bất xứng với chúng ta quá.

Bà không cung thỉnh các vị ấy vào nơi được soạn sẵn, chỉ trải một chỗ thấp hơn, nói rằng:

- Xin mời các vị hãy ngồi chỗ này.

Rồi bảo chồng rằng:

- Ông hãy đến Tịnh xá thỉnh cho được các vị Trưởng lão đi.

Ông Bà la môn đến Tịnh xá, tìm gặp được Trưởng lão Sāriputta bạch rằng: “*Xin thỉnh Ngài đến nhà của tôi đi*”.

Trưởng lão đi đến thấy bốn vị Sadi đang ngồi nơi ấy, hỏi rằng:

- Các vị được vật thực chưa?

- Bạch Ngài, sẽ được thôi.

Trưởng lão biết rằng vật thực ấy chỉ đủ dùng cho bốn vị, Ngài liền bảo rằng:

- Hãy trao bát cho tôi.

Rồi Ngài từ giã ra đi, bà vợ hỏi rằng: *‘Trưởng lão nói chi thế?’*.

- Có lẽ Ngài đợi các vị Sa môn này được vật thực rồi Ngài mới thọ lãnh, Ngài bảo đưa bát lại cho Ngài, và đã ra đi rồi.

- Trưởng lão thấy như vậy nên không muốn thọ vật thực nữa. Vậy ông hãy đi tìm vị Trưởng lão khác đi.

Ông Bà la môn đi tìm, gặp được Trưởng lão Moggallāna cũng cung thỉnh như thế và Ngài Moggallāna đến thấy các vị Sadi, Ngài cũng hỏi và nhận lại bát mình mà ra đi. Bà vợ lại bảo chồng rằng:

- Các vị Sa môn không nhận được vật thực chi từ sáng đến giờ rồi, vậy ông hãy đến đền thờ Bà la môn, thỉnh vị Bà la môn về đi.

Nói về các vị Sadi, tuy từ sáng sớm đến trưa chưa nhận được vật thực, bị cơn đói áp chế nhưng các Ngài vẫn kham nhẫn chịu đựng chẳng nói lên tiếng chi cả.

Bấy giờ, trên Thiên Cung Đạo Lợi, ngôi Bảo Tọa Paṇḍukambala nóng rực lên do oai lực của Bốn vị Thánh Vô Lậu. Đức Đế Thích dùng thiên Nhãn quán xét, biết được rằng:

- Các vị Sadi đang chịu đói từ sáng đến giờ này.

Ngài suy nghĩ: *“Ta nên đến đó làm tỏ rạng oai lực của các vị ấy”*. Thiên Vương Đế Thích liền hóa thân thành lão Bà la môn ngồi ở nơi trang trọng nhất trong đền thờ đó. Ông Bà la môn đi đến, trông thấy Đức Đế Thích khởi lên sự suy nghĩ rằng:

- Lần này thì vợ ta sẽ hài lòng mà thôi.

Rồi bạch rằng: *“Xin thỉnh Ngài đến thọ thực tại tư gia của tôi”*. Ông đưa Vua Trời Đế Thích đến nhà của mình.

Bà vợ trông thấy Đế Thích, khởi tâm hoan hỷ, trải hai tấm sa lên sàng tọa, nói rằng:

- Xin thỉnh Ngài hãy an ngự vào đây.

Nhưng Vua Trời Đế Thích đi vào đánh lễ bốn vị Sadi bằng tư thế ngũ thể đầu địa, rồi ngồi phía sau bốn vị Sadi ấy.

Thấy thế, bà vợ lại khiển trách chồng nữa rằng:

- Khổ thật! Ông lại thỉnh về đây một vị Bà la môn điên (nữ), vị Bà la môn này lại đánh lễ các vị Sadi tuổi đáng con cháu của chúng ta. Vậy có cần thiết chi lão Bà la môn ấy, hãy đuổi y ra khỏi nhà đi.

Thế là, vị Bà la môn ấy bị ông Bà la môn cùng vợ nắm cổ, lôi chân, lôi tay kéo ra khỏi nhà, nhưng vô hiệu vị. Vị Bà la môn vẫn yên lặng bất động, không làm sao lay chuyển được. Bà vợ nói với ông chồng rằng:

- Ông hãy nắm một tay, còn tôi nắm một tay.

Cả hai nắm hai bên tay, đâm vào lưng vị Bà la môn lôi ra khỏi nhà. Nhưng khi trở lại vào lại thấy vị Bà la môn ấy vẫn ngồi tại chỗ cũ, hai vợ chồng kinh hoảng bỏ chạy. Bấy giờ Vua Trời hiện thân, phán dạy cho họ biết mình là Vua Trời Đế Thích,

rồi tán thán oai đức của các vị Sadi cho ông bà Bà la môn biết. Cả hai hoan hỷ cúng dường đến bốn vị Sadi. Sau khi dùng vật thực xong, bốn vị Sadi thi triển năng lực thần thông: Một vị trở nóc nhà ra đi, một vị trở nóc phía trước, một vị trở nóc phía sau, vị thì lặn xuống đất, riêng Đức Đế Thích cũng trở nóc bay lên hư không. Cả năm người cùng ra khỏi nhà ông Bà la môn với năm chỗ khác nhau.

Kể từ ấy, nhà của ông Bà la môn có năm chỗ trống. Các vị Sadi về đến Tịnh xá, chư Tỳ khuru hỏi rằng:

- Này các chư Hiền! Có chuyện gì thế?

- Xin các Ngài đừng hỏi nữa! Nữ Bà la môn ấy thấy chúng tôi đến, khởi tâm bất hoan hỷ, phiền muộn, nói với chồng rằng: “*Ông hãy đi nhanh thỉnh vị Trưởng lão khác*”. Khi Thầy Tế Độ của chúng tôi đến, Ngài bảo rằng: “*Khi các vị ấy thọ lãnh vật thực rồi, tôi mới thọ lãnh*”, rồi Ngài nhận bát ra đi. Nữ Bà la môn lại bảo chồng đi tìm vị Trưởng lão khác, ông ta thỉnh Trưởng lão Moggallāna đến. Ngài thấy chúng tôi và cũng như thầy Tế Độ, Trưởng lão cũng nhận lại bát và ra đi. Bà vợ lại bảo chồng rằng: “*Các vị này không muốn thọ lãnh, ông hãy đến đền thờ Bà la môn thỉnh vị Trưởng lão Bà la môn về đây*”. Ông thỉnh được Vua Trời Đế Thích, Ngài hóa thân thành vị Bà la môn già. Khi Đức Đế Thích đến, Ngài làm cho ông bà Bà la môn ấy thấy được oai lực của mình. Khi ấy họ mới cúng dường vật thực đến chúng tôi.

- Khi ông bà Bà la môn ấy cư xử như thế, các vị có phiền giận chăng? Hay là không có phiền giận?

- Thưa vâng, chúng tôi không có phiền giận chi cả.

Nghe như thế, chư Tỳ khuru phàm cho rằng các vị Sadi khoe pháp Thượng nhân. Đã trình bạch lên Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các vị Sadi này nói không thật, rằng: “*Chúng tôi không phiền giận*”.

- Này chư Tỳ khuru! Lẽ thường bậc Lưu Tận hằng không thù nghịch với người thù nghịch.

Rồi Ngài phán dạy kệ ngôn rằng:

“Thiên thần giữa thù địch. Ôn hòa giữa hung hăng. Không nhiễm giữa nhiễm trước. Ta gọi Bà-la-môn”.



CHÚ GIẢI:

Aviruddham:... nghĩa là Như Lai gọi người ấy là người vô thù địch, vì không cột oan trái với tất cả chúng sanh, dù đó là người thù nghịch với sự hận thù.

Gọi là người dứt bỏ, là người đã bỏ hình phạt giữa đám người hung hăng.

Gọi là người hung hăng vì họ không từ bỏ sự hãm hại người khác dù người ấy trong tay có gươm dao hay không.

Gọi là người vô chấp thủ vì không còn chấp thủ giữa những người có sự chấp giữ.

Gọi là người chấp thủ vì còn chấp vào ngũ uẩn là Ta, là của Ta.
Người vô chấp như thế, Như Lai gọi là Bà la môn.
Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả.



Dịch Giả Cần Đề

*Vợ bảo chồng đi thỉnh bốn Tăng,
Bốn ông Trưởng lão, chẳng ai bằng,
Để mình sốt bát cho nhiều phước,
Chồng thỉnh Sa di tuổi trẻ măng,
Bốn sư La Hán bảy tuổi đầu,
Thí chủ mắt phàm có thấy đâu?
Tiếp đãi lơ là, rồi lại giục,
Rước ông ngoại đạo bạc đầu râu,
Để Thích mưu thân dạy chủ nhân,
Biết sư La Hán mới ân cần,
Cúng dường sốt bát Sadi trẻ,
Quý vị không buồn, cũng chẳng sân,
Phật dạy: Hễ là Lậu Tận Thông,
Thì ôn hòa giữa đám hung hăng,
Giữa nơi cừu địch, lòng thân hữu,
Mới thật Bà la môn trí năng.*

DỨT TÍCH CÁC VỊ SADI





406. Ôn hòa giữa bạo động. Thân thiện giữa địch thù. Buông xả giữa chấp thủ. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.24- TRƯỞNG LÃO MAHĀPAṆṬHAKA

(Mahāpaṇṭhaka)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 407)

“Yassa rāgo ca doso ca
Māno makkho ca pātito
Sāsaporiva āragga tamahaṃ
Brūmi brāhmaṇaṃ”.

“Người bỏ rơi tham sân
Không mạn không ganh tị
Như hạt cải đầu kim
Ta gọi Bà-la-môn”.

Kệ Ngôn này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự nơi Veḷuvana, đề cập đến Trưởng lão Mahāpaṇṭhaka.

Tương truyền rằng: Trưởng lão Cūlapaṇṭhaka vì không thuộc bốn câu kệ, đã bị anh mình đuổi ra khỏi Tịnh xá rằng:

- Này Cūlapaṇṭhaka! Đối với Giáo Pháp thì người thiếu duyên, đối với đời sẽ là người không có tài sản, thế thì còn lợi ích chi nữa đối với người sống trong Tịnh xá này, người hãy rời khỏi đây đi.

Rồi Trưởng lão Mahāpaṇṭhaka đóng cửa Tịnh xá lại. Chư Tỳ khuru bàn luận cùng nhau rằng:

- Này chư Hiền, Ngài Mahāpaṇṭhaka đóng cửa Tịnh xá lại. Chư Tỳ khuru bàn luận cùng nhau rằng:

- Này chư Hiền, Ngài Mahāpaṇṭhaka còn hành động như thế, hẳn bậc Vô Lậu còn sân hận.

Bậc Đạo Sư ngự đến phán hỏi rằng:

- Này chư Tỳ khuru! Giờ đây các người đang ngồi bàn luận về vấn đề gì?

Chư Tỳ khuru trình bạch lên vấn đề mình đang luận bàn, Ngài dạy:

- Này các Tỳ khuru! Các phiền não như tham, sân... hẳn không có đối với Bậc Lậu Tận, nhưng con Như Lai có hành động như thế vì hướng đến Pháp.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

“Người bỏ rơi tham sân. Không mạn không ganh tị. Như hạt cải đầu kim. Ta gọi Bà-la-môn”.



CHÚ GIẢI:

Āragga...: nghĩa là phiền não như tham, sân...

Makkho: là sự xem thường ân đức của người khác, những phiền não hậu mạn ấy, người nào đã bỏ rơi như hạt cải rơi khỏi đầu kim. Các phiền não ấy không còn trong tâm giống như hạt cải không dính trên đầu kim, ta gọi người ấy là Bà-la-môn.

Dứt Pháp thoại, nhiều người chứng đạt Quả Dự Lưu.

Dịch Giả Cẩn Đề

*Trách em học kệ mãi không vô,
Đại lộ làm ra vẻ đuối xô,
Tăng chúng tám phàm không thấu lý,
Chê Ngài Lậu tận cũng còn thô,
Phật dạy: Con ta hết cứ sân,
Cống cao, hư nguy, cũng không gần,
Đầu kim hột cải không hề dính,
Ta gọi Bà la môn chánh chân.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO MAHĀPAṆṬHAKA





407. Vất tham dục, sân hận. Bỏ kiêu mạn, tị hiềm. Như hạt cải đầu kim. Bà la môn ta gọi.

XXVI.25- TRƯỞNG LÃO PILIṄḌAVACCHA

(*Piṇḍavaccha*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 408)

**“Akakkasaṃ viññāpaniṃ
Giraṃ saccam udīraye
Yāya nābhisaje kañci
Tamaḥaṃ brūmi brāhmaṇaṃ”.**

**“Nói lên lời ôn hòa
Lợi ích và chân thật
Không mất lòng một ai
Ta gọi Bà-la-môn”.**

Kệ ngôn này được Đức Thế Tôn ngự tại Veluvana, đề cập đến Trưởng lão Piliṇḍavaccha, Ngài thường nói rằng:

- Người đê tiện hãy đến đây, người đê tiện hãy đi đi... Thường vị ấy vẫn gọi Bạc xuất gia hay tại gia bằng danh từ ấy.

Một hôm chư Tỳ khuru bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hiền giả Piliṇḍavaccha thường gọi chư Tỳ khuru bằng danh từ: “*Người đê tiện*”.

Đức Thế Tôn cho gọi Trưởng lão Piliṇḍavaccha đến phán hỏi rằng:

- Này Piliṇḍavaccha, được nghe rằng: Người gọi chư Tỳ khuru bằng danh từ đó, có thật chăng?

- Thưa vâng! Bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn quán xét về tiền hạnh của Trưởng lão Piliṇḍavaccha rồi, Ngài phán dạy rằng:

- Này các Tỳ khuru! Các người chớ nên buồn phiền Tỳ khuru Piliṇḍavaccha. Vị ấy không có ác ý khi gọi các người bằng danh từ đó đâu. Này chư Tỳ khuru, đó là tiền khiên tật của Tỳ khuru này. Vì trong quá khứ, Tỳ khuru Piliṇḍavaccha thọ sanh vào gia tộc Trưởng giả 500 kiếp liên tục, y thường gọi danh từ đó trong nhiều kiếp như thế, nên đã trở thành thói quen. Bạc Vô Lậu không còn nói lời thô bỉ chướng tai để xúc phạm đến người khác, do vậy lời nói ấy của con Như Lai là vị tiền khiên tật.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“*Nói lên lời ôn hòa. Lợi ích và chân thật. Không mất lòng một ai. Ta gọi Bà-la-môn*”.



CHÚ GIẢI:

Akakkasaṃ: là lời nói tao nhã.

Viññāpaniṃ: tức là hiểu được nhau.

Saccam: tức là chơn thật.

Nābhisaje: là lời nói nào không làm người khác buồn phiền và tức giận thì các bậc Vô Lậu thường dùng những lời ấy. Do vậy, ta gọi người như thế là Bà la môn.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Đại Đức thường kêu xách mé người,
Ê, đồ khốn nạn, lại đây chơi,
Chư Tăng bất mãn, thưa lên Phật,
Phật bảo: Tiền khiên tật đó thôi,
La hán không hề giận ghét ai,
Ôn hòa, lợi ích, chẳng đơn sai,
Không lời thô ác vì sân hận,
Ta gọi Bà la môn đức tài.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO PILIṄḌAVACCHA





408. Người nói lời chân thật. Ích lợi và từ hòa. Không xúc phạm ai cả. Ta gọi Bà la môn

XXVI.26- CHUYỆN MỘT VỊ TỖ KHUÙ

(*Aññatarabhikkhu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 409)

**“Yodha dīghaṃ va rassaṃ
Vā aṇuṃ thūlaṃ subhāsubhaṃ
Loke adinnaṃ nādiyati
Tamaḥaṃ brūmi brāhmaṇaṃ”.**

**“Ở đời vật dài ngắn
Nhỏ lớn đẹp hay xấu
Phàm không cho không lấy
Ta gọi Bà-la-môn”.**

Kệ ngôn này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến vị Tỳ khuru.

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvathī có vị Bàn môn là người tà kiến, y cõi choàng tắm, rồi để qua một bên vì e ngại mùi hôi thối bốc lên nên y ngoảnh mặt về hướng khác.

Bấy giờ, vị Vô Lậu Sa môn sau khi thọ thực xong, trên đường về Tịnh xá, thấy chiếc choàng tắm, Ngài nhìn chung quanh chẳng thấy ai, ngỡ là vật vô chủ. Suy nghĩ rằng: “Choàng tắm này là vật vô chủ”. Rồi Ngài chú nguyện làm Paṇsukūla.

Khi ấy, gã Bàn môn đi tìm choàng tắm, thấy Ngài cầm lấy chiếc choàng tắm đã lãng mạ rằng:

- Này ông Sa môn trọc đầu kia, ông có lấy choàng của tôi chăng?

- Này Bà la môn, choàng tắm này của người sao?

- Đúng vậy, này ông Sa môn.

- Vì tôi không thấy chủ, nên mới lượm choàng tắm ấy về, tôi cho rằng là vải Paṇsukūla, vậy xin ông hãy nhận lại.

Và Ngài đưa lại cho gã Bà la môn ấy cái choàng tắm rồi đi về Tịnh xá, thuật lại cùng chư Tỳ khuru.

Chư Tỳ khuru nghe vậy, nhạo báng rằng:

- Này Hiền giả, choàng tắm ấy dài hay ngắn, tốt hay xấu.

- Này chư Hiền, choàng tắm ấy dài hay ngắn, tốt hay xấu cũng vậy thôi. Vì tôi chẳng có tâm ái luyến choàng tắm ấy, tôi chỉ nghĩ đây là vải Paṇsukūla.

Chư Tỳ khuru nghe vậy, bạch lên Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ khuru ấy nói không thật, tuyên bố mình là bậc Thượng nhân, có thượng nhân Pháp.

- Này chư Tỳ khuru! Vị Tỳ khuru ấy đã nói lời chân thật. Vì lẽ thường Bậc Vô Lậu hằng không có tâm trộm cắp của người khác.



CHÚ GIẢI:

Trên hiểu ý nghĩa của kệ ngôn này như vậy:

Trên thế gian này, người không thấy vật gì, dài hay ngắn như là choàng tấm và vật trang điểm...nhỏ hay lớn như ngọc Mañi hay choàng tấm và vật trang điểm...nhỏ hay lớn như ngọc Mañi hay ngọc bích... tốt hay xấu tùy theo giá trị nhiều hay ít mà người khác gìn giữ, Như Lai gọi người ấy là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng quả thánh như là quả vị Dự Lưu.



Dịch Giả Cẩn Đề

Thấy vải trên đường văng lượm lên,

Không ngờ chủ vải ở ké bên,

Chạy ra đòi lại, sư liền trả,

Chẳng lấy của người lỡ bỏ quên,

Chư Tăng mai mỉa: Ngắn hay dài?

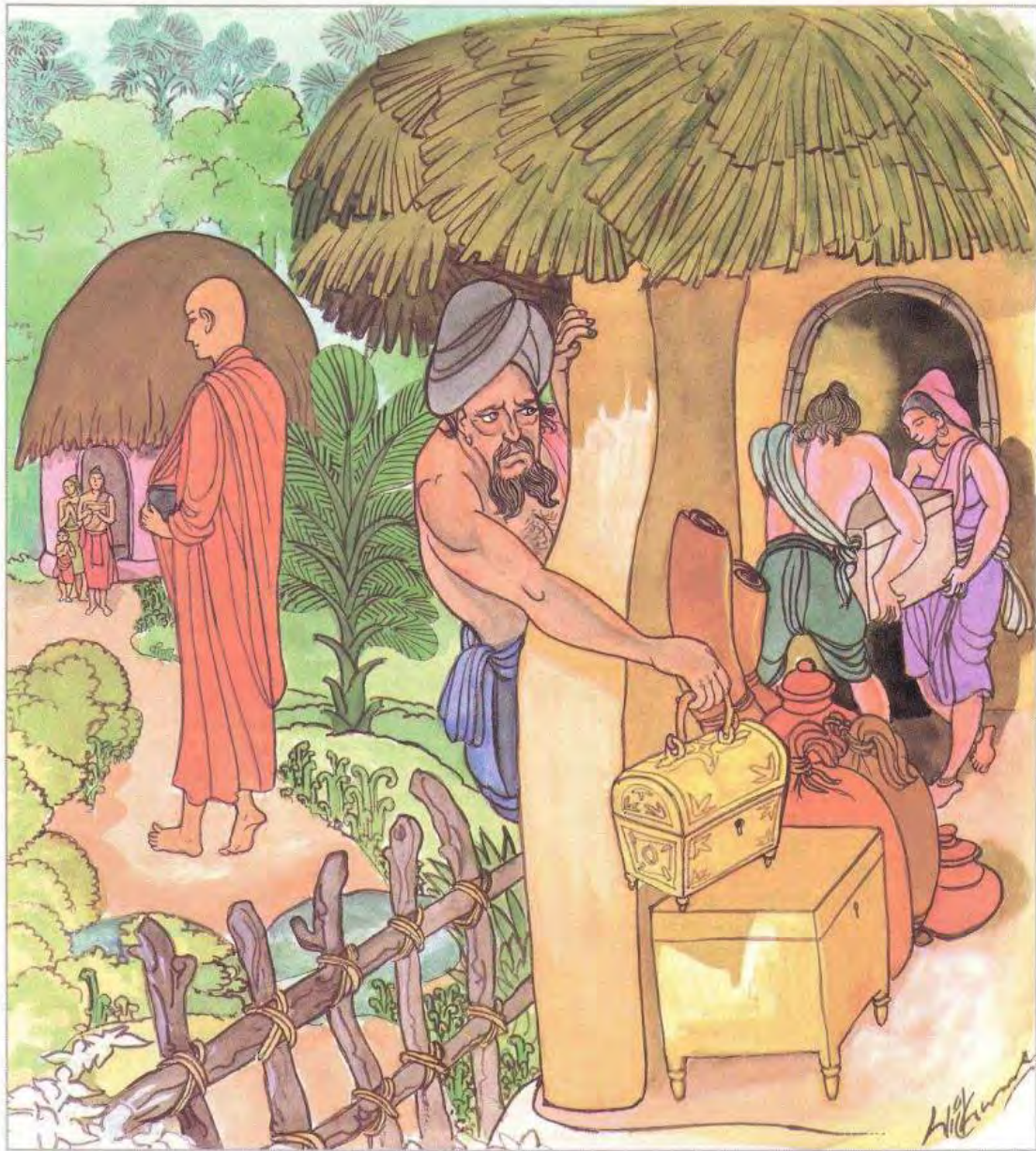
Lậu tận nào tham chiếm của ai?

Phật dạy: Của không cho chẳng lấy,

Bà la môn ấy, xứng danh thay.

DỨT TÍCH CHUYỆN MỘT VỊ TỶ KHU





409. Vật ngắn, dài, lớn, nhỏ. Đẹp, xấu có trên đời. Không cho, không động tới. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.27- TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA

(*Sāriputtatthera*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 410)

“*Āsā yassa na vijjanti
Asmiṃ loke paramhi ca
Nirāsayaṃ viṣaṃyuttaṃ
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ*”.

“*Người không có hỷ cầu
Đời này và đời sau
Không hỷ cầu giải thoát
Ta gọi Bà-la-môn*”.

Kệ ngôn này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Sāriputta.

Tương truyền rằng: Trưởng lão Sāriputta cùng với 500 vị Tỳ khưu tùy tùng đi đến ngôi Tịnh xá để an cư mùa mưa. Những cận sự trông thấy Trưởng lão đến, chuẩn bị nhiều y. Khi mãn mùa an cư chưa đến ngày lễ dâng y thì Ngài đã nhận lời yêu cầu. Và Ngài trở về để yết kiến Đức Thế Tôn, Ngài dặn bảo chư Tỳ khưu rằng:

- Khi các thiện gia dâng y, hãy để cho các Tỳ khưu cùng sadi trẻ. Các vị hãy nhận và phân phát đi. Khi xong việc rồi thì báo tin cho ta được biết.

Sau khi dặn bảo như thế rồi, Trưởng lão lên đường du hành về Jetavana để yết kiến Đức Đạo Sư. Chư Tỳ khưu bàn luận cùng nhau rằng:

- Cho đến hôm nay, chắc chắn Trưởng lão Sāriputta là người còn ái dục. Thật vậy, vì Trưởng lão đã dặn chư Tỳ khưu rằng: “*Khi thiện gia tử nhận y rồi, các vị hãy gửi y cho nhóm đệ tử mình, hoặc là cất đi và nhắn tin cho tôi hay.*”

Đức Đạo Sư ngự đến phán hỏi rằng:

- Nay chư Tỳ khưu, bây giờ các người đang bàn luận về vấn đề gì?

Chư Tỳ khưu bạch trình lên Đức Thế Tôn về vấn đề đang bàn luận, Ngài dạy rằng:

- Nay chư Tỳ khưu! Con Như Lai không còn ái dục nhưng vị ấy nói như thế vì nghĩ rằng: “*Không bị thiệt cho các thiện gia tử về phước báu do sự cúng dường ấy, đó cũng là lợi lộc phát sanh chân chánh đến chư Tỳ khưu và Sadi trẻ*”.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“*Người không có hỷ cầu. Đời này và đời sau. Không hỷ cầu giải thoát. Ta gọi Bà-la-môn*”.

CHÚ GIẢI:

Āsā: là tên của ái dục.

Nirāsayaṃ: tức là không còn tham ái.

Viṣaṃyuttaṃ: là ta gọi người đã thoát ly mọi phiền não là Bà la môn.

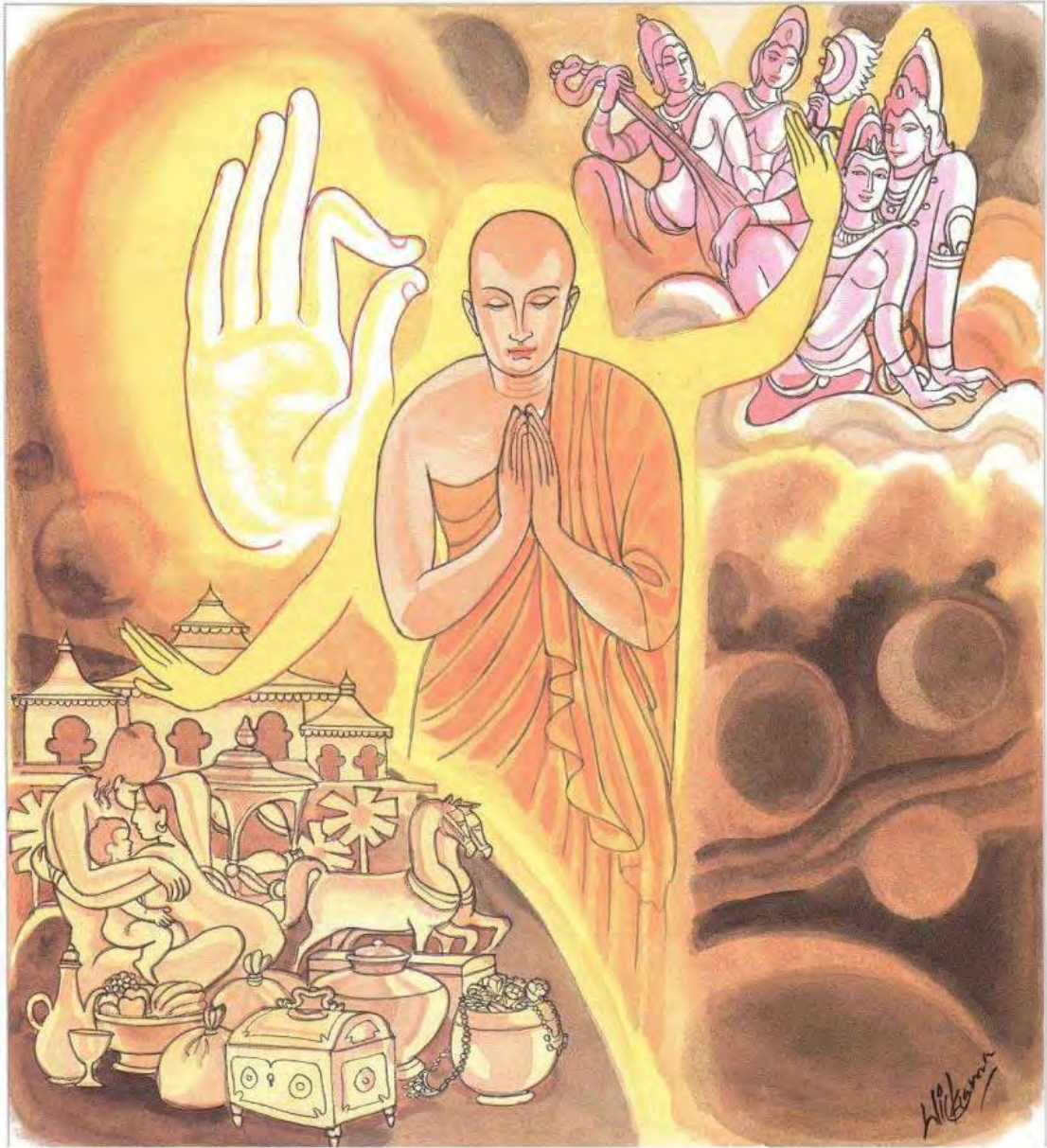
Dứt kệ ngôn nhiều người đạt thành Thánh Quả.

Dịch Giả Cẩn Đề

*Trong khi mẫn hạ được nhiều y,
Pháp chủ không chia lại gởi đi,
Cho các chùa xa, sư tuổi trẻ,
Còn dư, sau thí đến Sadi,
Tặng trách Ngài tham ái vị thiên
Phật rằng: Lậu tận chẳng tình riêng,
Đòi này, đòi khác đều vô dục,
Ta gọi Bà la môn trí hiền.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA





410. Cả đời nay, đời sau. Không vọng cầu thôi thúc. Giải thoát hết tham dục. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.28- TRƯỞNG LÃO MOGGALLĀNA

(*Moggallānatthera*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 411)

“Yassālayā na vijjanti
Aññaya akathamkathī
Amatogadham anuppattam
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇam”.

“Người không còn tham ái
Có trí không nghi hoặc
Thể nhập vào bất tử
Ta gọi Bà-la-môn”.

Kệ ngôn này Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Moggallāna.

Câu chuyện này tương tự như câu chuyện Ngài Sāriputta ở kệ ngôn trên, nhưng ở đây là Ngài Moggallāna.

Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Người không còn tham ái. Có trí không nghi hoặc. Thể nhập vào bất tử. Ta gọi Bà-la-môn".

CHÚ GIẢI:

Ālayā: là tên của ái dục.

Aññaya akathamkathī: là người thấu triệt về tám sự thật, không còn hoài nghi với tám điều.

Amatogadham anuppattam: nghĩa là đến thành đạt Níp Bàn gọi là Bất Tử, ta gọi người ấy là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả.

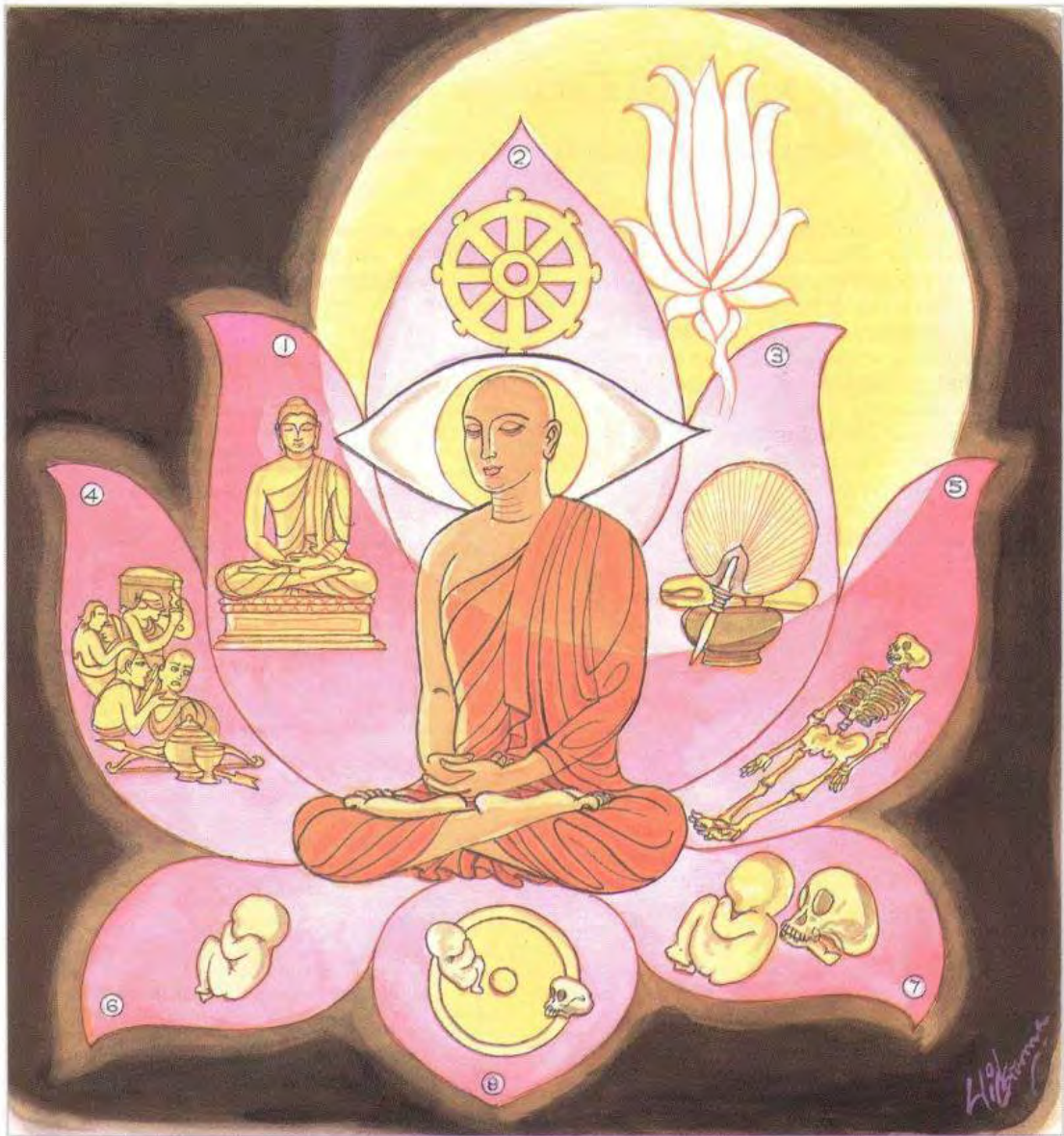


Dịch Giả Căn Đề

*Đại Đức Mục Liên cũng gợi ý,
Cho Tỳ khuru trẻ với Sadi,
Chư Tăng phiên trách Ngài thiên vị,
Phật dạy: Người khôn hết hoặc nghi,
Vì đạo, không vì một lẽ riêng,
Không còn tham ái, Mục Kiên Liên,
Vô sanh thắng cảnh đà đi tới
Ta gọi Bà la môn trí hiền.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO MOGGALLĀNA





411. Không mong cầu, nghi hoặc. Nhờ trí tuệ viên minh. Đạt bất tử vô sinh. Bà la môn ta gọi.

XXVI.29- TRƯỞNG LÃO REVATA



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 412)

**“Yodha puññaṃ ca pāpaṃ
Ca ubho saṅgam upaccagā
Asokaṃ virajaṃ suddhaṃ
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ”.**

**“Người sống ở đời này
Không nhiễm cả thiện ác
Không sàu sạch không bụi
Ta gọi Bà-la-môn”.**

Đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Revata, Ngài thuyết lên kệ ngôn này.

Câu chuyện này được giải rộng trong kệ ngôn:

- “*Gāme vā yadi varaññe...*” (PC.98). Thật vậy, câu chuyện ấy được chư Tỳ khuru bàn luận cùng nhau rằng:

- Thật kỳ diệu thay, một Sadi có nhiều lợi đặc như thế, một vị mà có thể kiến tạo 500 ngôi Tịnh thất cho cả 500 vị Tỳ khuru được.

Bậc Đạo Sư ngự đến phán hỏi rằng:

- Này chư Tỳ khuru, các người đang bàn luận về vấn đề gì thế?

- Bạch Thế Tôn với câu chuyện như thế...

- Này chư Tỳ khuru! Thiện hay ác con Như Lai chẳng còn nữa, cả hai thiện ác ấy, con Như Lai đã thoát ly.

Rồi Ngài tuyên thuyết rằng:

“*Người sống ở đời này. Không nhiễm cả thiện ác. Không sàu sạch không bụi. Ta gọi Bà-la-môn*”.



CHÚ GIẢI:

Ubho: nghĩa là thoát ly cả hai điều thiện ác.

Saṅgam: là các phiền não khác với ái...

Upaccagā: tức là đã vượt khỏi. Có lời giải rằng: Không còn sàu muộn là do không có luân hồi làm nhân. Gọi là không ô nhiễm là do không có tham ái bên trong, gọi là thanh tịnh là do không có phiền não tùy miên. Người ấy, Như Lai gọi là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đắc quả Thánh.

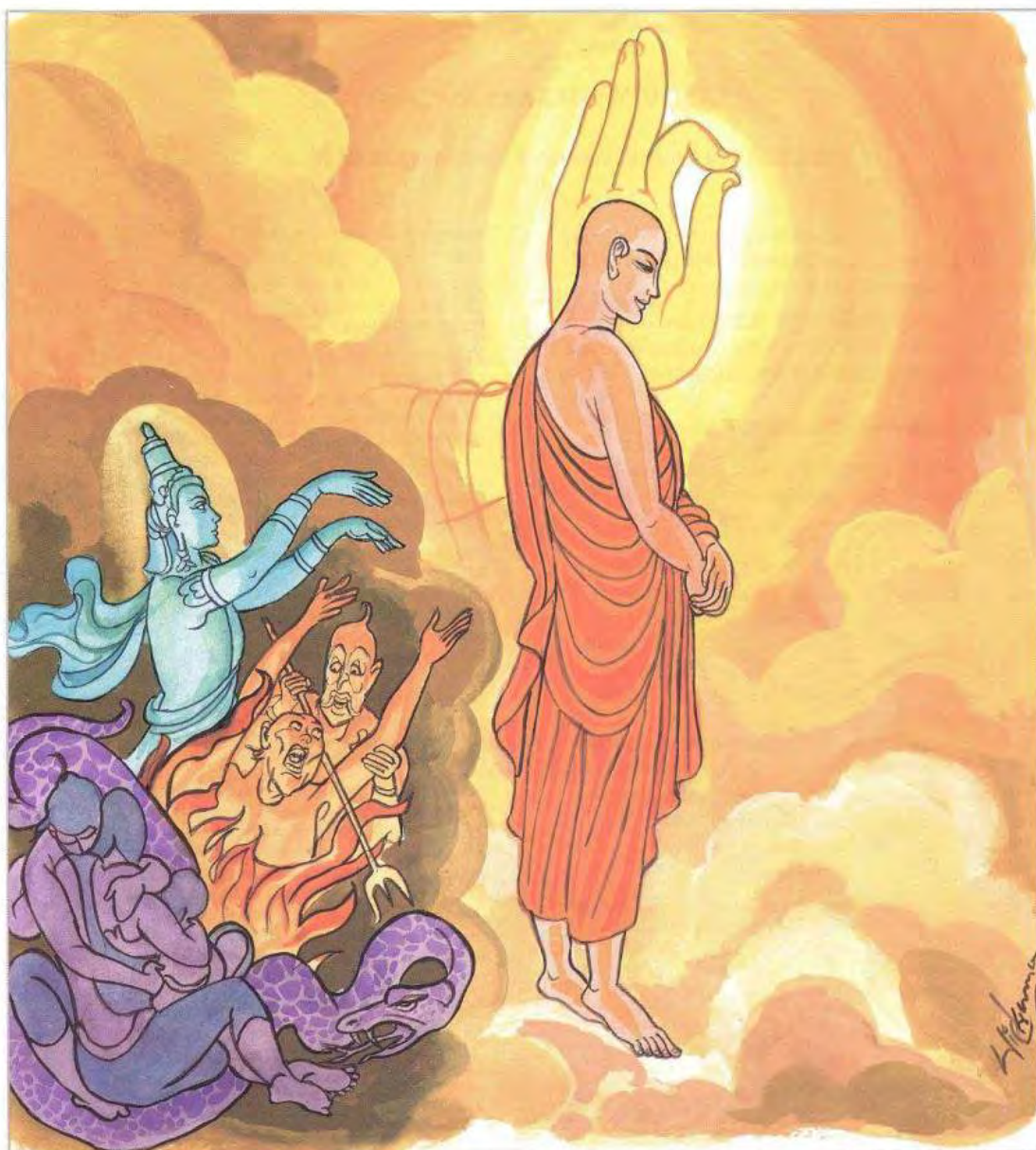


Dịch Giả Cẩn Đề

*Sadi lậu tận Ly Bà Đa,
Được sự tán dương của Tăng già,
Cát cốt giữa rừng keo hẻo lánh
Hộ năm trăm chúng với Phật Đà,
Phật dạy: Con người đã thoát ly,
Hai bên tội phước, chấp làm chi,
Sadi vô cầu, vô ưu tịnh,
Ta gọi Bà la môn vô ưu tịnh.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO REVATA





412. Người siêu việt thiện ác. Dứt phiền não buộc ràng. Thanh tịnh sống thênh thang. Bà la môn Ta gọi.

XXVI.30- TRƯỜNG LÃO CANDĀBHA



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 413)

**“Candaṃ va vimalaṃ suddhaṃ
Vippasannaṃ anāvilaṃ
Nandībhavaparikkhīṇaṃ
Tamaḥaṃ brūmi brāhmaṇaṃ”.**

*“Nhu trắng sạch không uế
Sáng trong và tịnh lặng
Hữu ái được đoạn tận
Ta gọi Bà-la-môn”.*

Đức Thế Tôn khi ngự trú tại Jetavana, đề cập đến Trường lão Candābha, Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn này.

Tương truyền rằng: Thời quá khứ có người thương buôn ở thành Bārāṇasī suy nghĩ rằng:

- Ta sẽ đến biên địa để đem trầm hương về.

Rồi y mang nhiều vải lụa, và đồ trang sức... đi đến biên địa. Thương buôn cho 500 cỗ xe bò dừng nghỉ gần cổng làng, hỏi nhóm mục đồng rằng:

- Trong làng này có người nào làm việc tại chân núi ấy chẳng?

- Có chứ.

- Người đó là ai vậy? Tên là gì?

Mục đồng chỉ rõ người và tên họ cho thương buôn biết, rồi y hỏi.

- Người này có vợ con chi chẳng?

- Có vợ chứ.

Thương nhân hỏi nhà người đón gổ ấy, đi đến nhà anh ta theo sự chỉ dẫn của nhóm mục đồng. Khi anh tìm đến nhà người tiểu phu, hỏi thăm đúng tên họ, vợ người thợ rừng suy nghĩ rằng:

- Người này hẳn là thân quyến của ta vậy.

- Nàng trái chỗ ngồi, tiếp rước thương nhân ấy. Người thương buôn sau khi đã an vị rồi, y hỏi thăm rằng:

- Nàng này, bạn của tôi đâu rồi?

- Thưa ông, đã đi vào rừng rồi.

Thế rồi, người thương buôn theo lời của mục đồng hỏi tên các đứa con của người thợ rừng rằng:

- Con tôi tên ấy, con gái tôi tên này... chúng đã đi đâu rồi?

Rồi y bảo với vợ người thợ rừng rằng:

- Cô hãy đưa vải cùng với những trang sức này cho các con của tôi đi. Khi bạn của tôi từ rừng về, cô hãy trao cho anh ấy những phần quà của bạn tôi.

Y cho quà tặng đến từng người, vợ người thợ rừng cũng được tặng phẩm có nhiều giá trị. Vợ người thợ rừng tỏ vẻ cung kính thương nhân lắm. Khi thợ rừng về, nàng nói với chồng rằng:

- Này anh thân, người này khi đến đây đã biết rõ tên từng người trong nhà ta, lại biếu tặng vật cho từng người nữa.

Thế là, người thợ rừng phát sanh sự kính trọng y. Vào buổi chiều, người thương nhân trở lại, hỏi y rằng:

- Này bạn thân mến, bạn làm việc tại chân núi ấy, bạn thấy cái chi nhiều nhất?
- Tôi chẳng thấy chi nhiều cả, chỉ có loại cây màu đỏ là nhiều nhất mà thôi.
- Loại ấy có thơm lắm không?
- Thơm lắm.
- Thế thì bạn hãy chỉ cho tôi xem loại ấy đi.
- Này bạn, được thôi.

Thương nhân cùng người thợ rừng đi đến rừng trầm hương để đón trầm hương chất đầy cả 50 cỗ xe bò, khi trở về kinh thành, y nói với người thợ rừng rằng:

- Này bạn ơi! Tôi ở kinh thành Bārānasī, nếu bạn có đến đó hãy tìm đến thăm tôi. Bạn chỉ cần mang những loại cây như vậy cho tôi là đủ, khỏi cần phải quà cáp chi cho sang trọng.

- Vâng, thưa bạn.

Thế là, mỗi dịp người thợ rừng đi đến thành Bārānasī, y mang biếu người thương nhân trầm hương đỏ và thương nhân cũng tặng lại y vải vóc, tiền bạc cùng những trang sức...

Thời gian sau, khi Đấng Thập Lực Kassapa Níp Bàn, ngôi Bảo Tháp Vàng của Ngài đang được kiến tạo, chàng thợ rừng mang trầm hương đến thăm bạn nơi kinh thành Bārānasī. Người thương buôn cho tán thuyễn trầm hương chất đầy mâm và nói rằng:

- Này bạn thân! Chúng ta hãy đến ngôi Bảo Tháp, khi cơm chín, chúng ta sẽ trở về dùng.

Người thợ rừng đi đến ngôi Bảo Tháp, dùng trầm hương tạo thành một vòng tròn cúng dường Bảo Tháp như vàng trắng tròn. Đây là tiền nghiệp của Candābha.

Người thợ rừng sau khi mệnh chung, thọ sanh về Thiên giới, hưởng thiên sản trọn một kiếp Phật, đến thời Đức Thế Tôn hiện tại, từ nơi Thiên cung y hạ sanh vào gia tộc Bà la môn đại hào phú (mahāsāla) trong thành Rājagaha. Do quả phước của y, từ nơi rún của đồng tử ấy phát ra ánh sáng như vàng trắng tròn. Do nhân ấy, thân quyết đặt tên y là Candābha.

Các vị Bàn môn thân tộc của Candābha suy nghĩ:

- Chúng ta có thể dùng đồng tử Candābha để sinh sống.

Các Bà môn ấy cho đồng tử Candābha ngồi trên một cỗ xe nhỏ, kéo đi khắp làng mạc, thị trấn, châu quận, thông báo rằng:

- Người nào sờ vào thân đồng tử Candābha sẽ được giàu sang, hạnh phúc. Vì đồng tử Candābha là bậc đại phước.

Rồi thì, dân chúng đã cho 100 đồng cũng có, ngàn đồng cũng có, trăm ngàn đồng cũng có... để được sờ tay vào người của Candābha.

Đoàn Bà la môn ấy trải qua các kinh thành, châu quận, thị trấn, tuần tự đi đến kinh thành Sāvattthī, dừng chân nghỉ tại khoảng giữa kinh thành và Tịnh xá Jetavana.

Vào khi ấy, trong thành Sāvattthī có khoảng 5 Koṭi Thánh đệ tử, vào buổi sáng các vị cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khưu, vào buổi chiều tay cầm hương hoa, vật thoa, vật thơm, thuốc trị bệnh đến Tịnh xá để cúng dường và nghe Pháp. Các Bà la môn trông thấy chư Thánh đệ tử mang hương hoa cùng thuốc trị bệnh đến Tịnh xá, đã hỏi rằng:

- Các vị đi đâu thế?

- Chúng tôi đi đến Đức Thế Tôn nghe Pháp.

- Các người đến nơi ấy có lợi ích chi, không ai có thân phước báu như đồng tử Candābha của chúng tôi. Vì khi các người sờ vào thân của Candābha sẽ được giàu sang, do vậy các người hãy đến với Candābha Bà la môn đi.

- Thần lực của Bà la môn Candābha của các ông ra sao. Chỉ có Đức Thế Tôn của chúng tôi mới có Đại thần lực mà thôi.

Thế là, nhóm Bà la môn cùng chư Thánh đệ tử chẳng ai thuyết phục được ai cả, đồng ý cùng nhau rằng:

- Chúng ta hãy đi đến Tịnh xá, khi ấy sẽ biết rõ thần lực của bà la môn Candābha và Bậc Đạo Sư, ai sẽ thắng ai?

Và đại chúng cùng đưa Candābha đến Tịnh xá yết kiến Đức Thế Tôn. Khi vừa đến trú xứ của Đức Thế Tôn, hào quang của Candābha liền tan biến mất, Bà la môn Candābha so với Đức Thế Tôn (về oai lực hào quang) ví như con quạ đen so với lò lửa rực sáng.

Nhóm Bà la môn đưa Candābha ra ngoài Tịnh xá, hào quang của y lại chiếu rực như thường, khi đưa y trở lại vào Tịnh xá thì hào quang của y biến mất. Cả ba lần như thế, Candābha suy nghĩ rằng:

- Có lẽ vị Sa môn này biết được chú thuật làm mất hào quang.

Y liền bạch hỏi Đức Thế Tôn:

- Thưa Sa môn, chắc Ngài biết chú thuật làm mất hào quang, phải chăng?

- Đúng vậy, này đồng tử.

- Nếu thế, xin Ngài hãy dạy con đi.

- Này đồng tử, ta không thể ban cho người chưa xuất gia được.

Candābha liền nói với nhóm Bà la môn rằng:

- Khi tôi được chú thuật này rồi, tôi sẽ là người tối thắng trong cõi Diêm Phù này. Các vị hãy chờ tôi vài ngày, tôi sẽ xuất gia để học chú thuật.

Và Candābha xin xuất gia với Bạc Đạo Sư. Đức Thế Tôn dạy cho vị ấy quán tưởng đề mục 32 thể trước. Candābha hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Đây là chi thể?

- Đây là khởi sự của môn chú thuật ấy, người nên hành trì đi.

Vài ngày sau, nhóm Bà la môn đi đến hỏi rằng:

- Ông đã học xong môn chú thuật chưa?

- Thưa các ông! Tôi còn đang học.

Và chỉ trong hai ba ngày sau, Candābha đã chứng đắc Vô Lộ Quả, khi nhóm Bà la môn đến hỏi rằng:

- Ông đã thông thuộc thần chú chưa?

- Này các ông, các ông hãy trở về đi, giờ đây tôi có được Pháp không du hành rồi (tức là không còn đi lại, ám chỉ không còn sanh tử luân hồi).

Chư Tỳ khuru nghe được câu chuyện, trình bạch lên Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vị ấy nói không thật, tuyên bố mình có Pháp Thượng Nhân.

- Này chư Tỳ khuru! Bây giờ con của Như Lai là Candābha đã đoạn tận các lậu hoặc rồi, chỉ nói lời chân thật thôi.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

“Nhu trắng sạch không uế. Sáng trong và tịnh lặng. Hữu ái được đoạn tận. Ta gọi Bà-la-môn”.



CHÚ GIẢI:

Vimalaṃ: tức là giải thoát khỏi cấu uế, ví như mây che.

Suddhaṃ: là không còn phiền não ngủ ngầm.

Vippasannaṃ: là tâm trong sạch.

Anāvilāṃ: là đoạn trừ cấu uế như phiền não.

Nandībhavaparikkhāṇaṃ: nghĩa là ta gọi người đã đoạn tận ái trong ba cõi là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt quả Thánh.

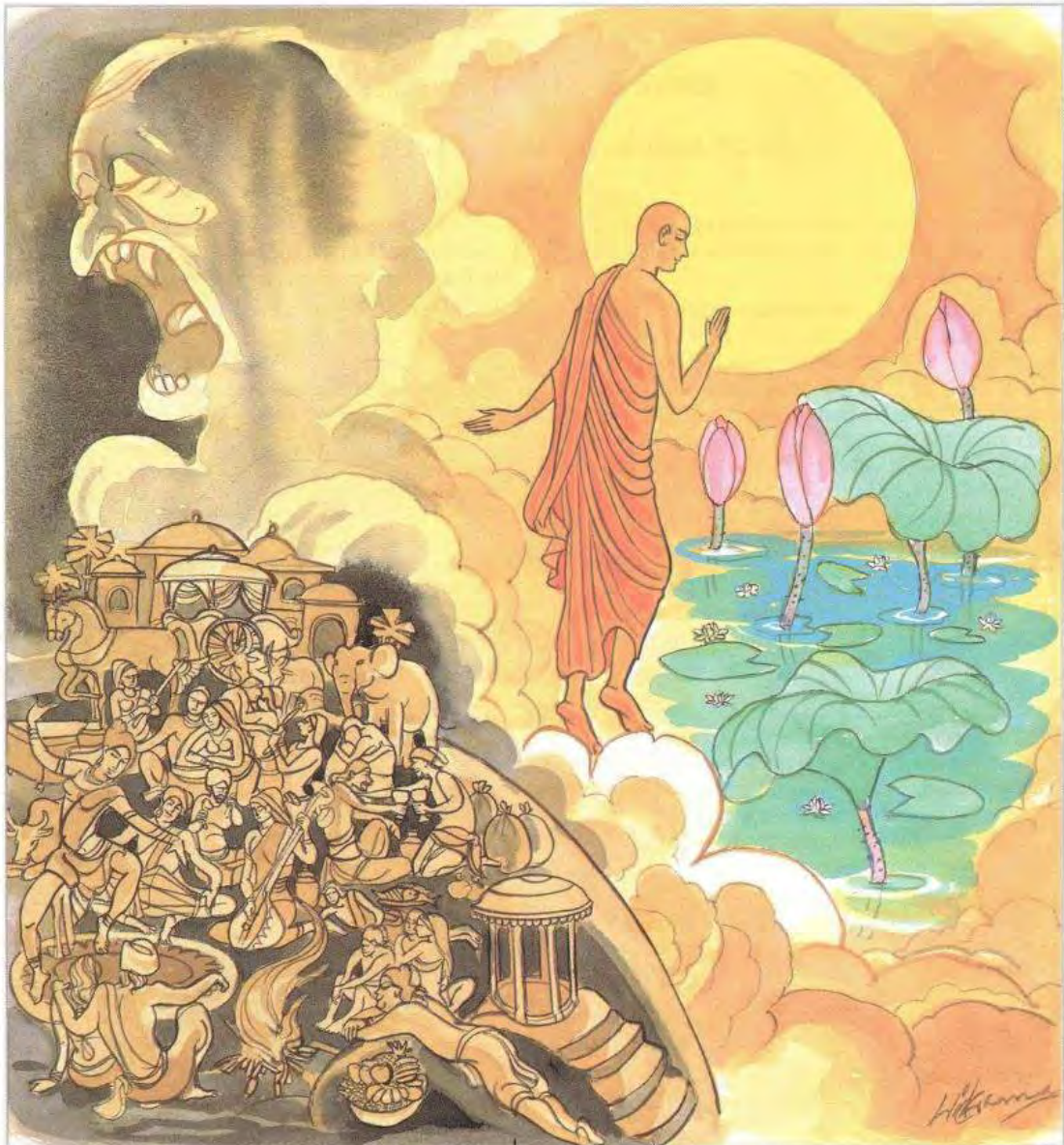


Dịch Giả Cẩn Đề

*Bụng nổi hào quang sáng tợ trăng,
Muốn so sánh với bực toàn năng,
Nguyệt quang tự thấy không bì thật,
Chịu phép vào tu, đấng Thánh Tăng,
Phật dạy: Thấy nên pháp bất lai,
Như trăng tròn chẳng nhuộm trần ai,
Sáng, trong, tịnh lặng, vô hữu ái,
Đáng gọi Bà la môn đức tài.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO CANDĀBHA





**413. Như mặt trăng lòng lộng. Không dao động, sáng, trong.
Người diệt ái hữu xong. Bà la môn ta gọi.**

XXVI.31. TRƯỞNG LÃO SĪVALI



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 414)

**“Yo imaṃ paḷipathaṃ duggaṃ saṃsāraṃ
Moham accagā tiṇṇo pāragato
Jhāyī anejo akathaṃkathī anupādāya
Nibbuto tamaḥaṃ brūmi brāhmaṇaṃ”.**

*“Vượt đường nguy hiểm này.
Nhiếp phục luân hồi si
Không dục ái không nghi
Không chấp trước tịch tịnh
Ta gọi Bà-la-môn”.*

Đức Thế Tôn trú tại Kuṇḍikoliya, ngự tại rừng Kuṇḍadhāna, đề cập đến Trưởng lão Sīvali, Ngài tuyên thuyết pháp thoại này.

Tương truyền rằng: Nàng Suppavāsā là con gái dòng Sát Đế Ly Koliya, nàng mang thai nhi đến 7 năm, 7 tháng và 7 ngày, lúc gần sanh nở nàng chịu thống khổ vô cùng. Nàng Suppavāsā nhẫn nại với sự thống khổ do suy niệm ba điều là:

1- Đức Thế Tôn thuyết pháp để đoạn trừ khổ của sắc này, Ngài là bậc tự giác viên mãn.

2- Tăng chúng là người thực hành để đoạn trừ khổ của sắc này, các vị ấy đã thực hành rồi.

3- Khổ như thế này chẳng có trong Níp Bàn, Níp Bàn là nơi an lạc tuyệt đối.

Nàng bảo chồng rằng:

- Hãy đến đánh lễ Bạc Đạo Sư, đánh lễ Ngài rồi nhân danh em rằng: “Bạch Thế Tôn, nàng Suppavāsā đánh lễ Đức Thế Tôn, nàng đang thọ khổ, mong an lạc sẽ đến với nàng”.

Chồng nàng Suppavāsā làm theo lời dặn của vợ, Bạc Đạo Sư phán dạy rằng:

- Xin cho nàng Suppavāsā, con gái dòng Koliya được sự an lạc vô bệnh, hạ sanh hài nhi được an toàn.

Do nhờ oai lực của Phật Bảo, nàng Suppavāsā hạ sanh hài nhi an toàn, mọi thống khổ tiêu tan. Vô cùng hoan hỷ, nàng Suppavāsā cung thỉnh Đức Phật và Chư Tăng thọ thực nơi tư dinh của nàng trọn 7 ngày.

Công tử Sīvali cũng dùng ống lọc nước, lọc lấy nước dâng cúng đến chư Tăng. Chán nản với thế tục quá nhiều khổ não, khi Công tử Sīvali nhớ lại nơi thai bào mà mình chịu khổ, Công tử xin cha mẹ cho mình được xuất gia. Và Ngài chứng A La Hán khi vừa cạo tóc xong. Một hôm, chư Tỳ khuru ngồi lại bàn luận với nhau trong giảng đường rằng:

- Nay chư Hiền, các vị hãy xem, vị Tỳ khuru đầy đủ duyên lành A La Hán như thế, mà phải chịu khổ trong bụng mẹ suốt 7 năm 7 tháng 7 ngày thì còn nói chi đến người khác. Giờ đây khổ ấy vị Tỳ khuru đã đoạn tận rồi.

Bạc Đạo Sư ngự đến phán hỏi rằng:

- Này chư Tỳ khuru, các người đang bàn luận về vấn đề gì thế?

Chư Tỳ khuru bạch lên Thế Tôn câu chuyện bàn luận.

- Này chư Tỳ khuru, đúng thật vậy, con Như Lai đã thoát khỏi mọi đau khổ ấy, bây giờ đã Níp Bàn rồi.

Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Vượt đường nguy hiểm này. Nhiếp phục luân hồi si. Đến bờ kia thiên định. Không dục ái không nghi. Không chấp trước tịch tịnh. Ta gọi Bà-la-môn”.

CHÚ GIẢI:

Nên hiểu ý nghĩa của kệ ngôn như vậy:

Vị Tỳ khuru đã vượt qua đường vòng tức là ái dục, vượt qua hầm là phiền não, vượt qua luân hồi là si, đã chứng đạt Tứ Đế. Là người vượt khỏi Tứ bộc, đi đến bờ kia an tịnh theo tuần tự, tịch tịnh với hai loại thiên định.

Gọi là vô phiền não rúng động vì không còn ái dục.

Gọi là không còn hoài nghi để nói lên vì không còn gì phải nói nữa.

Gọi là vô thủ vì không còn chấp. Gọi là dập tắt vì đã đoạn tận phiền não, Như Lai gọi là Bà la môn.

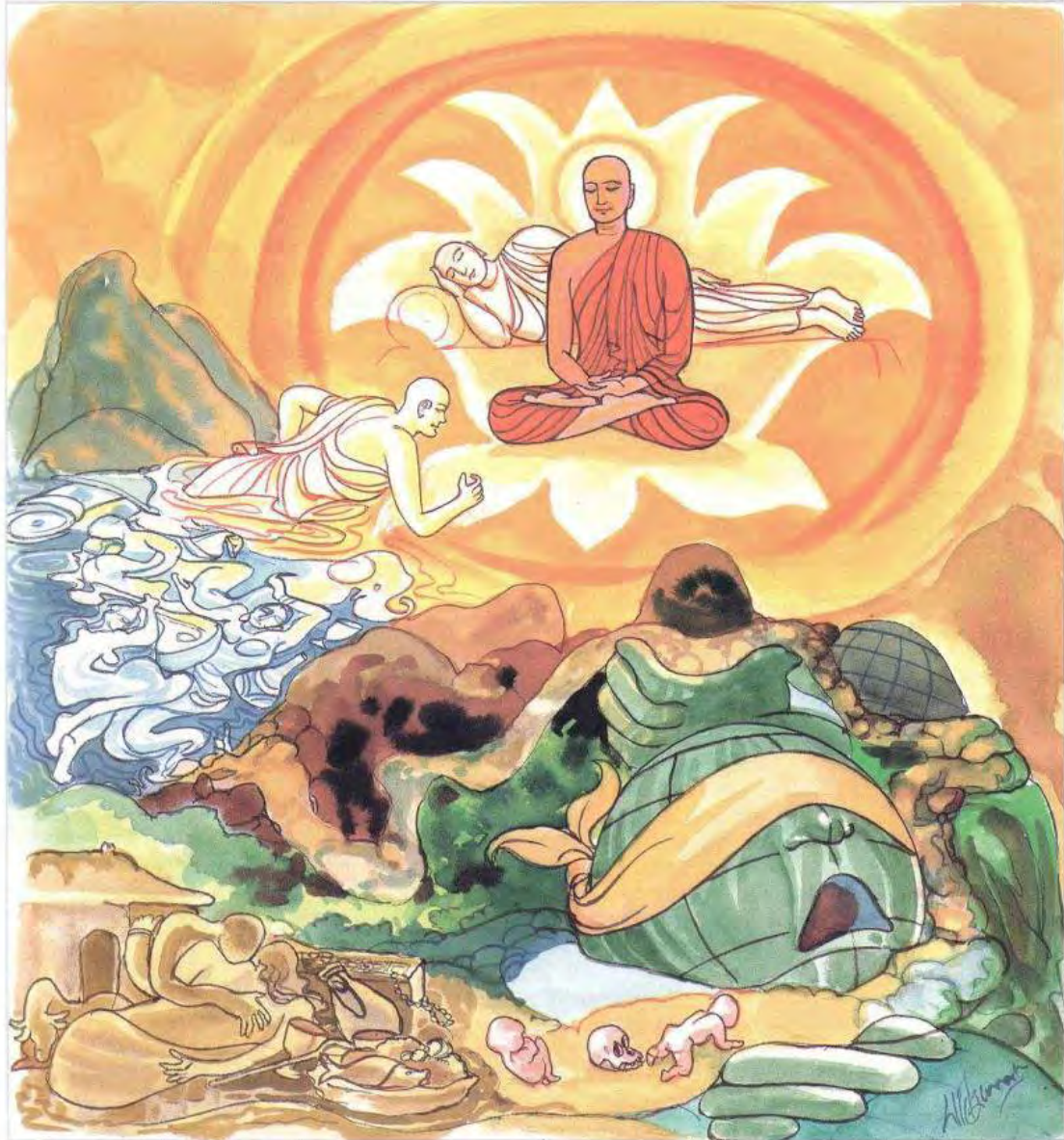


Dịch Giải Căn Đề

*Nằm trong bụng mẹ bảy năm hơn,
Minh sát khổ sâu, thấu lý chơn,
Tuổi trẻ xuất gia nên thánh quả,
Khỏi vòng sanh tử của phàm nhơn,
Đã đến bờ kia, chứng Niết Bàn,
Không còn nghi, vọng, chủ tâm an,
Trú trong thiên định, không tham ái,
Phật gọi Bà la môn vẹn toàn.*

DÚT TÍCH TRƯỞNG LÃO SĪVALĪ





414. Vượt sinh lây đường hiểm. Thoát sinh tử, si mê. Thiên định, sang bờ kia. Đoạn nghi, diệt trừ ái. Chứng Niết Bàn, vô ngại. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.32- TRƯỞNG LÃO SUDARASAMUDDA



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 415)

**“Yodha kāme pahatvāna
Anāgāro paribbaje
Kāmabhavaparikkhīṇaṃ
Tamaḥaṃ brūmi brāhmaṇaṃ”.**

***“Ai ở đời đoạn dục
Bỏ nhà sống xuất gia
Dục hữu được đoạn tận
Ta gọi Bà la môn”.***

Đức Thế Tôn Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Sundarasamudda, thuyết lên kệ ngôn này.

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvattḥī có một thiện gia tử là Sundarasamudda, là con Trưởng giả có đại tài sản là 40 koti.

Một hôm công tử Sundarasamudda trông thấy chư Thánh đệ tử tay mang vật thơm, được phẩm... đi đến Tịnh xá nghe Pháp, công tử hỏi rằng:

- Này các vị, các vị đi đâu thế?
- Chúng tôi đi đến Tịnh xá nghe Pháp từ Bạc Đạo Sư.
- Thế tôi cũng sẽ đi nghe Pháp nữa.

Bạc Đạo Sư thấy được duyên lành xuất gia của công tử, nên thuyết lên tuần tự Pháp. Công tử nghe pháp xong suy nghĩ:

- Theo lời Bạc Đạo Sư, người sống tại gia khó có thể thực hành Phạm hạnh viên mãn được, ví như vỏ ốc đánh bóng mà thôi. Vậy ta hãy xuất gia đi.

Công tử đợi đại chúng ra về hết, đi đến bạch xin Đức Thế Tôn cho mình được xuất gia. Theo thông lệ, chư Phật sẽ không cho người xuất gia nếu chưa có lệnh cha mẹ.

Thế là, công tử Sundarasamudda trở về xin cha mẹ cho mình được xuất gia và công tử cũng thực hiện biện pháp tuyệt thực như công tử Ratthapāla... Khi thành đạt ước nguyện xuất gia rồi, Tỳ khuru Sundarasamudda suy nghĩ:

- Ta ở đây chẳng lợi ích chi, ta hãy rời khỏi nơi đây vậy.

Tỳ khuru Sundarasamudda rời kinh thành Sāvattḥī đi đến kinh thành Rājagaha, Ngài trì hạnh khát thực.

Vào ngày lễ hội, tại kinh thành Sāvattḥī, ông bà Trưởng giả trông thấy bạn bè của con mình vui vẻ trong lễ hội với y phục sang trọng, lộng lẫy, chợt nhớ đến con, ông bà ngồi than thở rằng:

- Trò chơi vui như thế này mà con ta chẳng còn có cơ hội hưởng thụ được nữa.

Bấy giờ, có nàng kỹ nữ đi ngang dinh của ông bà Trưởng giả, thấy mẹ Ngài Sundarasamudda đang nhớ con than khóc như vậy, nàng ngạc nhiên hỏi rằng:

- Thưa bà! Vì sao ông bà lại than khóc như thế?

- Này cô, vì ta nhớ con của ta.
- Thế công tử đi đâu rồi?
- Nó đã đi xuất gia rồi, nó xuất gia với Sa môn Gotama.
- Vậy thì, ông bà hãy bảo công tử hoàn tục đi.
- Này cô, con chúng ta không chịu điều này đâu, nó đã lìa bỏ Sāvathī đến trú tại Rājagaha rồi.

- Nếu tôi quyết rũ được công tử hoàn tục, bà sẽ đối xử với tôi như thế nào?
- Nếu được như thế, tôi sẽ giao cô cai quản hết gia sản này.
- Vậy bà hãy cho tôi trước một món tiền để làm lộ phí đi.

Nàng kỹ nữ nhận lấy món tiền lớn cùng với tùy tùng đến kinh thành Rājagaha. Biết rõ con đường Trưởng lão Sundarasamudda hằng đi khát thực, nàng cho kiến tạo ngôi biệt thự 7 tầng ở trên con đường đó, rồi nàng cho chuẩn bị những loại vật thực thượng vị để cúng dường Trưởng lão từ mờ sáng. Khi Trưởng lão ngự đi khát thực, nàng cung kính đặt bát Ngài, được đôi ba ngày thì nàng bạch:

- Thưa Ngài! Xin thỉnh Ngài hãy ngồi nơi hành lang của tòa lâu đài này thọ thực đi.

Nàng kỹ nữ cúng dường đến Trưởng lão những loại vật thực thượng vị, bạch với Trưởng lão rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài hãy thường xuyên đến đây thọ thực đi, việc khát thực ở nơi đây thật là bất tiện lắm.

Trưởng lão nhận lời, qua đôi ba ngày, nàng kỹ nữ cho các đứa trẻ tiền, và dặn rằng: *“Này các em! Khi Trưởng lão ngự đến đây, các em hãy nô đùa, làm cho cát bụi tung lên. Nếu ta có la thì các em vẫn nô đùa hăng lên nữa”*.

Sáng hôm sau, khi Trưởng lão đang dùng vật thực, bọn trẻ đùa giỡn làm tung cát bụi lên, nàng kỹ nữ giả vờ la hét thì chúng càng nô đùa thêm lên nữa. Hôm sau, nàng bạch với Trưởng lão rằng:

- Bạch Ngài! Những đứa bé này làm tung bụi cát, dù tôi có la rầy chúng vẫn ngang bướng không nghe. Vậy xin Ngài hãy ngự bên trong nhà đi.

Trưởng lão nghe lời nàng thỉnh nên vào ngôi thọ thực bên trong nhà. Trải qua vài ngày, nàng lại bảo bọn trẻ rằng: *“Khi Trưởng lão đang thọ thực, dù chị có la rầy, các em hãy làm nhộn lên nhé”*. Và đám trẻ đã làm theo lời dặn của nàng kỹ nữ. Hôm sau, nàng bạch với Trưởng lão rằng:

- Bạch Ngài! cho dù tôi có la rầy, nhưng bọn trẻ vẫn cứ làm nhộn lên. Vậy thỉnh Ngài hãy lên lầu đi.

Khi Trưởng lão lên tầng một rồi, nàng kỹ nữ đóng các cửa sổ lại, đóng các cửa lớn rồi lên sau.

Trưởng lão là người trì hạnh khát thực để sống, nhưng vì tham đắm vào vị ngon của vật thực, đã lần lượt rơi vào mưu kế nàng kỹ nữ, đi đến tầng lầu thứ bảy.

Khi Trưởng lão ngồi vào nơi đã được soạn sẵn nơi lầu bảy, bây giờ nàng kỹ nữ đã khiêu gợi dục tình nơi Trưởng lão, biểu lộ những cách gợi dục của nữ nhân rằng:

- Hỡi chàng có khuôn mặt đẹp như trăng rằm...

Được biết rằng: Nữ nhân hằng quyến rũ nam nhân bằng 40 cách (có giải rõ trong Bản sanh Kuṇā jāta) là:

- | | |
|---|-------------------|
| 1- Nũng nịu | 2- Cúi xuống |
| 3- Ẽo lả người | 4- Giả e thẹn |
| 5- Khảy móng tay | 6- Đạp chân nhau |
| 7- Dùng cây vẽ trên đất | 8- Bồng trẻ thơ |
| 9- Thả trẻ xuống đũa | 10- Tự đũa cột |
| 11- Cho trẻ đũa | 12- Tự hôn mình |
| 13- Cho trẻ hôn | 14- Ăn uống |
| 15- Cho trẻ ăn | 16- Cho đồ trẻ em |
| 17- Xin lại nhà | 18- Giả ngây thơ |
| 19- Nói lớn tiếng | 20- Nói êm dịu |
| 21- Nói ngắn gọn | 22- Nói mấp mớ |
| 23- Múa hát, hòa tấu, than khóc và trang điểm | |
| 24- Cười khúc khích | 25- Nhìn thẳng |
| 26- Lắc đầu | 27- Lắc hông |
| 28- Dang chân | 29- Khép đùi |
| 30- Hở ngực | 31- Hở nách |
| 32- Hở bụng | 33- Chớp mắt |
| 34- Nhíu mày | 35- Cắn môi |
| 36- Le lưỡi | 37- Cời áo ra |
| 38- Mặc áo vào | 39- Xõa tóc |
| 40- Cột tóc lại | |

Nàng kỹ nữ trở hết bốn mươi cách khêu gợi, nàng có đôi chân nhuộm hồng, mang dép xinh đẹp đứng trước mặt Trưởng lão Sundarasamudda nói rằng:

- Chàng là nam tử xinh đẹp của em, em là nữ xinh đẹp của chàng. Cả hai chúng ta sẽ xuất gia khi tuổi đã xế chiều.

Nghe như vậy, Trưởng lão Sundarasamudda khởi dục tâm rằng:

- Ôi! Sự nguy hại đã sanh lên với ta rồi, do vì ta không quán xét kỹ.

Bây giờ, cách nơi ấy 25 do tuần, Bạc Đạo Sư đang trú tại Jetavana, Ngài mỉm cười. Thấy thế, Trưởng lão Ānanda bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Do nhân chi, duyên chi mà Thế Tôn lại mỉm cười?
 - Này Ānanda! Tỳ khuru Sundarasamudda cùng nàng kỹ nữ đang có trận thư hùng quyết liệt với nhau, trận chiến đang diễn ra trên lầu bảy, ở thành Rājagaha.
 - Bạch Thế Tôn! Trong cuộc thư hùng ấy, ai sẽ thắng? Ai sẽ bại?
 - Này Ānanda! Tỳ khuru Sundarasamudda là kẻ thắng trận, nàng kỹ nữ thua trận.
 - Đức Thế Tôn sau khi tuyên bố như thế rồi, từ nơi Hương thất Ngài phóng hào quang đến trước mặt Trưởng lão Sundarasamudda, phán dạy rằng:
 - Này Tỳ khuru! Hãy cắt đứt ái luyến, hãy thoát ly cả hai loại dục đi.
- Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Ai ở đời đoạn dục. Bỏ nhà sống xuất gia. Dục hữu được đoạn tận. Ta gọi Bà-la-môn”.



Trên thế gian này, người đã dứt bỏ được hai loại dục, đã từ bỏ đời sống tại gia trở thành người không nhà. Người đã tuyệt trừ dục lạc và hữu, người ấy Như Lai gọi là Bà la môn.

Dứt kệ ngôn, Trưởng lão chúng đạt A La Hán, Ngài dùng thân thông trở nóc nhà bay lên hư không, tán dương oai lực Đức Phật, từ hư không đi xuống đánh lễ dưới chân Bạc Đạo Sư.

Chiều đến, chư Tỳ khuru ngồi lại Giảng đường bàn luận cùng nhau rằng:

- Này chư Hiền! Tỳ khuru Sundarasamudda do tham đắm vị, suýt nữa làm mất đời sống Phạm hạnh. Nhưng có Bạc Đạo Sư là nơi nương nhờ cho vị ấy.

Bạc Đạo Sư ngự đến phán dạy rằng:

- Này chư Tỳ khuru! Ta là nơi nương nhờ cho Tỳ khuru ấy chẳng phải là bây giờ đâu, mà trong quá khứ ta cũng thường là nơi nương nhờ cho vị ấy rồi.

Chư Tỳ khuru thỉnh cầu Thế Tôn thuyết giảng Bốn Sanh, Ngài nhân đó thuyết lên Bốn Sanh Vātamiga chi tiết rằng:

- *“Được nghe rằng: Không có điều đê tiện hơn các vị, người giữ vườn tên là Sañjaya đã bắt được con nai rừng, cũng do các vị ấy”.*

Rồi Ngài nhận diện Bốn sanh rằng:

- Trong thời ấy, Tỳ khuru Sundarasamudda là con nai, Quan đại thần nói lên bài kệ để người giữ vườn thả nai chính là Như Lai vậy.

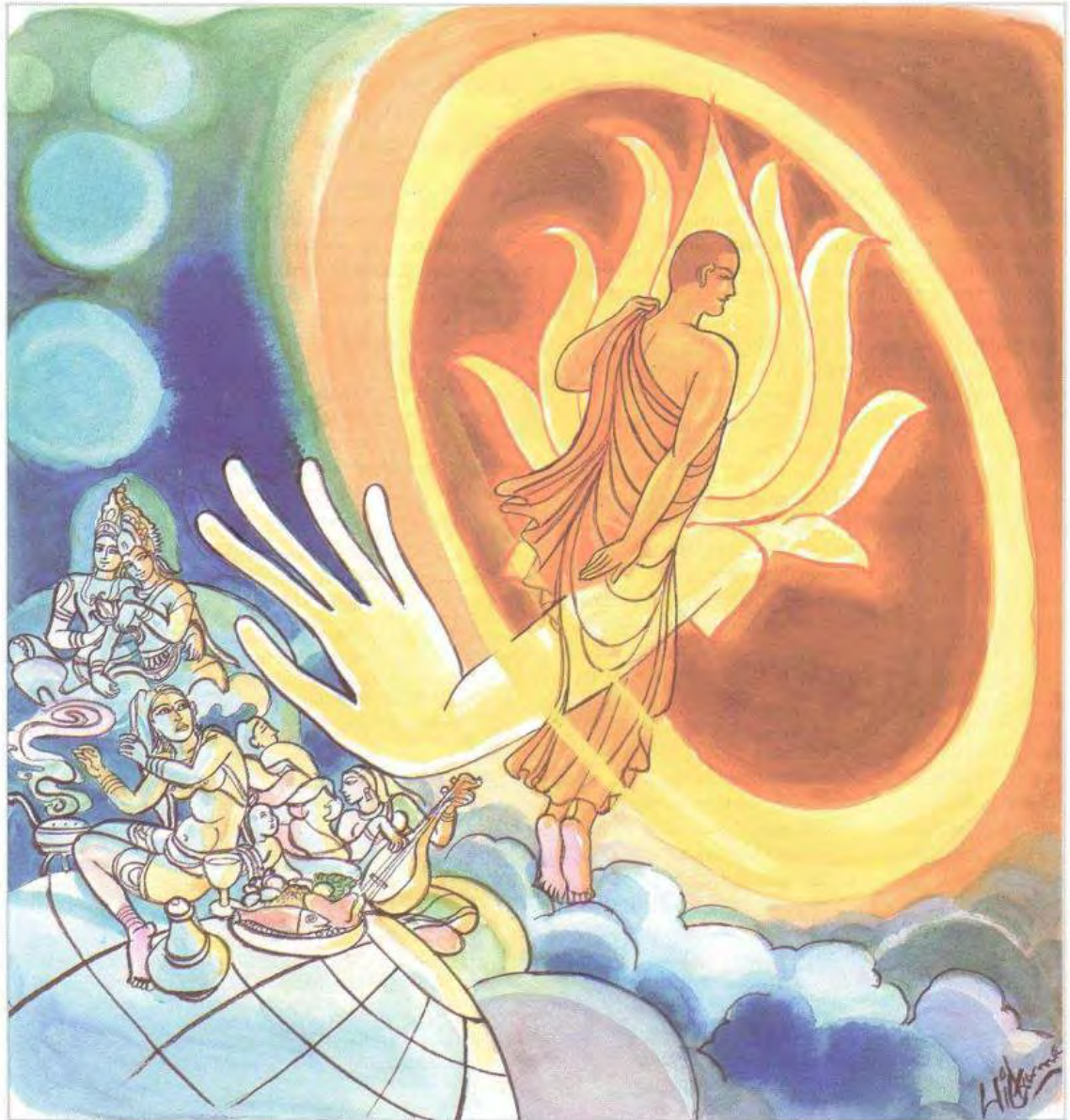


Dịch Giả Cẩn Đề

*Mỹ Hải một lòng quyết xuất gia,
Tu xong, hành đạo chỗ xa nhà,
Bị cô kỹ nữ đem trần vị,
Dụ đến lâu riêng, giờ nguyệt hoa,
Đại Đức cảm kinh dạ rối bời,
Kỳ Viên, Đức Phật tự nhiên cười,
Phóng quang tiếp độ kêu: Mỹ Hải!
Hãy lắng nghe ta dạy mấy lời,
Ai ở đời này, bỏ dục đi,
Bỏ nhà, chuyên sống hạnh xả ly,
Đoạn trừ hữu ái, thành vô lậu,
Ta gọi Bà la môn chánh quy.*

DÚT TÍCH TRƯỞNG LÃO SUNDARASAMUDDA





415. Từ bỏ mọi dục lạc. Xuất gia làm sa môn. Đoạn diệt sạch dục, hữu. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.33- TRƯỜNG LÃO JOTIKA



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 416)

**“Yodha taṇhaṃ pahatvāna
Anāgaro paribbaje
Taṇhābhavaparikkhīṇaṃ
Tamaṇhaṃ brūmi brāhmaṇaṃ”.**

*Ai ở đời đoạn ái
Bỏ nhà sống xuất gia
Ái hữu được đoạn tận
Ta gọi Bà-la-môn”.*

Kệ Ngôn này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Veluvana, đề cập đến Trường lão Jotika, tuyên thuyết lên kệ ngôn này.

Vào thời quá khứ, có hai anh em một Tộc Trưởng ở thành Bārāṇasī. Hai anh em cùng nhau làm ruộng mía. Một hôm người em đi thăm ruộng mía, với ý niệm rằng:

- Ta hãy lấy về một cây cho ta, một cây cho anh ta.

Sau khi thăm ruộng mía xong, anh chặt lấy hai cây mía mang về.

Vào thời ấy, loại mía ấy chỉ cần chặt đứt hai đầu thì nước mía từ trong thân mía chảy ra như nước chứa từ trong chiếc ống rỗng.

Vào lúc ấy có vị Độc Giác Phật vừa xả Thiên Diệt. Ngài quán xét rằng: “*Hôm nay ta sẽ tế độ cho ai nhỉ? Ai là người hữu duyên?*”. Ngài thấy hình ảnh của y hiện lộ trong võng trí của mình. Thế là, từ nơi núi Gandhamādana Ngài đắp y mang bát, xuất hiện trước mặt của y.

Trên đường từ rẫy mía về, vừa thấy Đức Độc Giác Phật, chàng phát tâm hoan hỷ tịnh tín, lấy chiếc khăn choàng trải chỗ ngồi cho Ngài ngồi ở một nơi cao ráo, thỉnh Đức Phật ngự tại nơi đó, bạch rằng:

- Bạch Ngài, xin thỉnh Ngài hãy trao bát cho con.

Rồi y cởi dây cột mía ra, lấy nước mía dâng lên Đức Phật Độc Giác, Ngài thọ dụng nước ấy. Tâm Tộc Trưởng ấy lại phát sanh niềm hỷ lạc vô biên, y suy nghĩ: “*Thật hoan hỷ thay, Ngài đã thọ dụng nước mía của ta. Giờ đây còn lại cây mía của anh ta, ta sẽ dâng lên Ngài, nếu anh ta đòi tiền ta sẽ trả tiền, nếu anh ta cần phước thì ta sẽ chia phước cho anh ấy*”. Anh bạch rằng:

- Bạch Ngài, xin hãy cho con Bát

Và y cúng dường nước mía đến Đức Phật Độc Giác. Việc làm này của y không mang tính chất gian xảo, hay có ý nghĩ rằng: “*Ta sẽ lấy cho anh ta cây mía khác*”. Riêng về Đức Độc Giác Phật muốn cho y hoan hỷ cùng tăng thêm niềm tịnh tín, và chia vị ngọt của mía đến cho các vị Độc Giác khác, vì Ngài đã dùng một cây mía rồi. Ngài ngồi im lặng đưa mắt nhìn Tộc Trưởng, biết được ý của Đức Độc Giác, Tộc Trưởng đánh lễ Đức Phật Độc Giác với tư thế ngũ thể đầu địa, phát nguyện rằng:

- Bạch Ngài! Do sự cúng dường vị mía này, xin cho con đạt được nhân sản, Thiên sản và Thánh sản, là Pháp mà Ngài đã chứng đắc.

Đức Độc Giác phúc chúc cho y rằng:

- Xin cho sự ước nguyện của gia chủ được như ý.

Rồi Ngài tùy hỷ bằng kệ ngôn: “*Ichchitam patthitam tumham...*”.

Ngài chú nguyện cho y thấy Ngài theo đường hư không về đến núi Gandhamādana, đem nước mía ấy chia cho 500 vị Độc Giác Phật dùng, nước mía vẫn còn như cũ. Thấy được thần thông lực ấy, Tộc Trưởng phát sanh phỉ lạc sung mãn. Y trở về nhà, người anh hỏi y rằng: “*Em đi đâu thế?*”.

- Em đi thăm ruộng mía.

- Em thật là đoảng, đến ruộng mía mà trở về với tay không. Lẽ ra em nên mang về một hai cây mía chứ?

- Em có mang về hai cây mía, nhưng giữa đường gặp Đức Phật Độc Giác, em đã cúng dường phần mía của mình đến Ngài. Sau đó, lại dâng luôn phần mía của anh với ý niệm rằng: “*Nếu anh cần tiền sẽ trả lại bằng tiền, nếu anh cần phước sẽ trả lại anh bằng phước*”.

- Này em! Nếu như thế, vị Độc Giác Phật hành động ra sao?

- Ngài dùng phần mía của em, riêng phần mía của anh, Ngài mang về núi Gandhamādana chia cho 500 vị Độc Giác Phật dùng.

Và y thuật lại những gì mình mục kích được, trông thấy được, toàn thân người anh đều phát sanh phỉ lạc, càng lúc càng sung mãn, đã phát nguyện rằng:

- *Phước báu này, hãy cho tôi đắc được Pháp mà Đức Phật Độc giác ấy chứng đắc.*

Như thế, người em ước nguyện ba loại tài sản, riêng người anh chỉ hướng tâm đến Đạo Quả A La Hán mà thôi.

Sau khi mệnh chung, anh em Tộc Trưởng ấy thọ sanh về Thiên giới, thọ hưởng Thiên sản hết một đời vị Phật, người anh vẫn là vị Thiên Tử anh, người em là vị Thiên Tử em. Sau khi dứt kiếp chư thiên, hai vị thọ sanh về nhân giới cũng theo thứ tự, người anh vẫn là anh, em vẫn là em. Cả hai anh em sanh vào một gia tộc Trưởng giả Đại gia tộc. Ở thành Bandhumatī. Người anh có tên là Sena, người em tên là Aparājita. Bấy giờ, thế gian này đang rực sáng với Phật quang của Đấng Đại Giác Kassapa. Giáo Pháp Ngài rực rỡ trong thế gian.

Hai công tử khi đến tuổi trưởng thành thì song thân qua đời, người anh kế tục tài sản gia tộc. Một hôm, người anh được tin rằng: “*Phật Bảo đã hiện khởi trong thế gian, Pháp Bảo hiện khởi trong thế gian và Tăng Bảo hiện khởi trong thế gian*”.

Một thiện gia tử đã truyền rao trong thành Bandhumatī rằng:

“*Tam Bảo đã hiện khởi, chiếu sáng thế gian. Các vị hãy nên bỏ thí, hãy nên làm phước. Hôm nay là ngày Uposatha, hãy thọ trì Bát giới, hãy đến nghe Pháp nơi Đức Thế Tôn*”.

Công tử Sena thấy đại chúng cúng dường vật thực đến Tăng chúng vào buổi sáng xong rồi, vào buổi chiều tay mang hương hoa cùng đượ phẩm trị bệnh vào Tịnh xá nghe Pháp, chàng nói rằng:

- Tôi cũng sẽ đi nghe Pháp nữa.

Và công tử Sena nhập đoàn với đại chúng, đến Tịnh xá ngồi chung với thánh chúng ở nơi cuối cùng.

Đức Thế Tôn thấy được duyên lành của y, Ngài thuyết lên tuần tự Pháp. Được nghe Pháp thoạt từ nơi Đức Phật, tâm Trưởng giả Sena bỗng phát sanh sự chán nản đời sống thế tục, hướng về sự yếm ly, xuất gia. Trưởng giả Sena bạch lên Đức Đạo Sư xin Ngài cho phép được xuất gia, Đức Thế Tôn phán hỏi rằng:

- Người còn thân quyến chi chăng?

- Bạch Thế Tôn! Con còn có đứa em trai.

- Vậy người hãy từ giã em người đi.

- Thưa vâng! Bạch Thế Tôn.

Công tử Sena trở về bảo với em rằng:

- Này em! Kể từ nay tài sản của gia tộc này là của em.

- Thế còn anh thì sao?

- Anh sẽ xuất gia sống đời sống Phạm hạnh trong Giáo Pháp của Đức Thế Tôn.

- Thưa Anh! Anh nói chi lạ thế? Khi song thân qua đời, em xem anh như là cha mẹ. Trong gia tộc này có đại tài sản, anh hãy sống đời tại gia mà làm phước thiện như bố thí... Anh chớ nên xuất gia.

- Anh đã nghe Pháp của Đức Đạo Sư rồi, đời sống tại gia không thể hành Phạm hạnh được viên mãn. Anh quyết chí xuất gia, em hãy trở về chăm nom tài sản của gia tộc đi.

Thế rồi, Trưởng giả Sena từ giã em, đến Tịnh xá xuất gia với Đức Thế Tôn. Chẳng bao lâu, Ngài tinh cần hành pháp chứng đạt được quả vị A La Hán.

Công tử Aparājita suy nghĩ: *“Ta sẽ cúng dường đến Đức Thế Tôn như anh ta vậy”*.

Chàng cúng dường đại thí đến chư Tăng có Đức Phật là Thượng Thủ trọn bảy ngày. Rồi đến đánh lễ Trưởng lão Sena, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Ngài đã thực hành Pháp để đoạn hữu rồi. Còn tôi bị năm dục cuốn lôi, ràng buộc nhiều, không thể xuất gia sống đời Phạm hạnh như Ngài được. Vậy xin Ngài hãy chỉ dạy phương thức hành thiện Pháp đến tôi đi.

- Lành thay! Này Tộc Trưởng, là người có trí người hãy kiến tạo Hương thất cúng dường đến Đức Thế Tôn đi.

- Lành thay! Lành thay.

Tộc Trưởng cho người mang các loại vật liệu như cật, cây... đến, các cây cột được chạm trổ đỉnh bằng ngọc 7 báu, 1 cây nạm vàng, 1 cây nạm bạc, 1 cây nạm ngọc Mani, 1 cây nạm thủy tinh, 1 cây nạm pha lê, 1 cây nạm lưu ly, 1 cây nạm mã não. Tộc Trưởng cho kiến tạo Hương thất bằng bảy loại ngọc quý như thế, mái Hương thất cũng được lợp bằng 7 loại ngọc như thế.

Trong khi đang kiến tạo Hương thất, người cháu trai trùng tên với Tộc Trưởng là Apurājita, đi đến nói với Tộc Trưởng rằng:

- Cháu cũng muốn kiến tạo Hương thất, xin cậu hãy cho cháu hùn phước với.

- Nay cháu không được đâu. Khi ta kiến tạo Hương Thất này, ta chẳng cho ai hùn phước cả.

Người cháu khẩn khoản nhiều lần, nhưng Tộc Trưởng Aparājita kiên quyết bác bỏ, y suy nghĩ rằng:

“Cậu ta không chịu cho ta hùn phước, vậy ta hãy kiến tạo một giảng đường hình con voi để đổi lại với Hương thất ấy”.

Thế là, y cho kiến tạo một Giảng đường hình con voi lớn bằng những loại ngọc quý để cúng dường đến Tăng chúng, có Đức Phật là tọa chủ. Y chính là Trưởng giả Menḍaka sau này trong thời Đức Phật hiện tại.

Tộc Trưởng Aparājita kiến tạo Hương thất, có ba cửa sổ, mỗi cửa sổ làm bằng bảy loại ngọc báu, từ trong Hương thất nhìn ra cửa sổ sẽ thấy hồ sen lớn xây bằng vôi trắng, trong hồ chứa nước thơm gồm bốn loại nước, trong hồ trồng 5 loại hoa ngũ sắc quý, tỏa ngát hương thơm. Xung quanh Hương thất, Tộc Trưởng cho nghiền 7 loại ngọc báu làm bằng cát, cao ngập đến đầu gối.

Khi Hương thất hoàn tất, Tộc Trưởng Aparājita đi đến Trưởng lão Sena bạch rằng:

- Bạch Ngài, Hương Thất đã hoàn tất, mong rằng Hương thất sẽ được sử dụng, tôi được nghe rằng: Sẽ có nhiều phước báu khi Hương Thất được sử dụng.

Trưởng lão Sena đi đến yết kiến Đức Đạo Sư bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Tộc Trưởng Aparājita kiến tạo Hương thất cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng, giờ đây y mong Ngài sử dụng Hương Thất ấy.

- Đấng Thập Lực Kassapa từ nơi chỗ ngồi đứng dậy cùng Tăng chúng đi đến Hương thất, Ngài thấy bảy loại ngọc báu trải chung quanh Hương thất, Ngài đứng lặng yên trước cổng Hương thất. Hiểu ý, Tộc Trưởng bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Việc canh giữ Hương thất ấy là trách nhiệm của con, xin Ngài hãy ngự vào.

Bậc Đạo Sư ngự vào Hương thất ấy, Tộc Trưởng cho người canh giữ chung quanh với lời rằng:

- Các người hãy ngăn cấm những ai lấy (báu vật) với khăn, rỏ hay bao... nhưng đừng ngăn cấm những ai dùng tay nắm lấy chút ít. Hãy loan báo khắp kinh thành rằng: *“Tộc Trưởng Aparājita cho rải ngọc báu 7 loại chung quanh Hương thất,*

những kẻ nghèo đến nghe Pháp từ Đức Thế Tôn được phép lấy ngọc với hai nắm tay, người khá giả chỉ nên nhận ngọc bằng một bàn tay thôi”.

Được biết rằng: Y có sự suy nghĩ rằng: *“Những người có đức tin muốn nghe Pháp sẽ đi. Riêng những ai chưa có đức tin cũng sẽ đến nghe Pháp vì nhân lợi lộc. Khi nghe được Pháp bảo rồi cũng sẽ thoát khỏi khổ được”.* Do đó, Tộc Trưởng đã thông báo như thế để tế độ những người nghèo khổ.

Đại chúng đến nghe Pháp nơi Đức Thế Tôn và ra về với bàn tay nắm ngọc ấy, số ngọc rải đã hết, Tộc Trưởng lại tiếp tục rải lần nhì cũng ngập đến gối, rồi lần thứ ba cũng thế. Ngoài ra, Tộc Trưởng còn cúng dường viên ngọc Maṇi lớn bằng quả dưa hấu, có màu đỏ rất xinh đẹp, y đặt viên ngọc dưới chân Đức Thế Tôn, vì y suy nghĩ rằng: *“Đại chúng mong nhìn viên Bảo ngọc, chắc chắn sẽ có cơ hội chiêm ngưỡng dung quang của Đức Phật không biết chán”.* Và đại chúng nhờ đó mà chiêm ngưỡng Phật Thân rồi phát sinh tịnh tín nơi Ngài cũng có rất nhiều.

Một hôm, có gã Bà la Môn nghèo, y có tâm tà vạy rằng: *“Được nghe có Bảo ngọc đỏ Maṇi vô giá của Tộc Trưởng đã cúng dường Đức Phật, đặt dưới chân Ngài. Ta hãy đến đó đánh cắp Bảo ngọc”.*

Gã Bà la Môn đi đến Tịnh xá, trà trộn vào với đại chúng, và đánh lễ Đức Đạo Sư. Thấy được dáng điệu khả nghi của gã Bà la Môn ấy, Tộc Trưởng Aparājita biết rằng: *“Gã Bà la môn này sẽ đánh cắp Bảo châu thôi! Thật là bất xứng với hành động của y vậy”.*

Gã Bà la Môn đi đến đánh lễ Đức Phật, để tay giống như người đánh lễ, rồi hạ mình xuống, nhân cơ hội ấy, y cuộn viên Bảo ngọc vào trong tay áo, rồi trốn ra khỏi đại chúng. Tộc Trưởng không hài lòng với hành động xấu xa của gã Bà la Môn ấy, khi dứt Pháp thoại, Aparājita đi đến đánh lễ Đức Phật bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con cho rải ngọc 7 báu ba lần ngập đến gối ở chung quanh Hương thất này để cúng dường đến Ngài và Tăng chúng. Khi Đại chúng đến nghe Pháp và nhặt lấy những bảo ngọc ấy, con không hề phiền muộn. Nhưng hôm nay con không hoan hỷ với hành động của gã Bà la Môn khi gã ấy đánh cắp viên Bảo châu Maṇi đỏ.

Nghe Tộc Trưởng trình bày như thế, Đức Thế Tôn phán rằng:

- Nay thiện gia tử, người không thể tự gìn giữ bảo vật của mình, để khỏi bị người khác đánh cắp hay sao?

Ngài gợi ý cho Tộc Trưởng như thế, Tộc Trưởng Aparājita hiểu ý liền phát nguyện rằng:

- Bạch Thế Tôn! Từ nay trở đi dù cho cả trăm cả ngàn hay trăm ngàn người như Đức vua hay bọn cướp đi nữa, cũng không thể nào uy hiếp cướp đoạt của con được dù chỉ là sợi chỉ trong tay áo hay của chiếc khăn choàng, nếu như không có sự đồng ý của con. Ngay cả lửa cũng không đốt được tài sản ấy, nước cũng không thể cuốn trôi được tài sản ấy.

Đức Thế Tôn tùy hỷ rằng: “*Sự ước nguyện của người được thành tựu như vậy đi*”.

Vào ngày khánh thành Hương thất, Tộc Trưởng đã cúng dường đại thí đến 680 ngàn vị Tỳ khưu trọn 9 tháng, cuối cùng vào ngày sau chót, y đã dâng Tam y đến mỗi vị Tỳ khưu, y ấy bằng vải Saṭṭaka có giá trị là 1.000 đồng vàng.

Tộc Trưởng Aparājita tạo thiện hạnh như thế cho đến khi mệnh chung, thọ sanh về thiên giới, luân chuyển trong hai cõi nhân thiên suốt thời gian một vị Phật.

Vào thời hiện tại, từ Thiên cung vị Thiên tử ấy hạ sanh vào thai bào của một Đại Gia Tộc (Mahāsāla) Trưởng giả trong thành Rājagaha, vị ấy ở trong thai bào chín tháng rưỡi. Vào ngày hạ sanh đồng tử ấy, tất cả kinh thành đều rực sáng, những vật trang sức chiếu ngời như đang hiển lộ hào quang, toàn kinh thành đã chói rực đồng loạt như vậy. Từ ban sáng Trưởng giả là thân phụ của Đồng tử ra đi vào hoàng cung để yết kiến Đức vua Bimbisāra. Thấy hiện tượng kỳ lạ xảy ra trong kinh thành, Đức vua phán hỏi các đại thần rằng:

- Này chư khanh, vì sao hôm nay tất cả vũ khí, luôn cả những vật trang điểm, ngay cả kinh thành cũng sáng rực lên như thế? Các khanh có biết là do nhân chi chướng?

Trưởng giả tâu rằng:

- Tâu Đại Vương! Thần biết.

- Này Trưởng giả! Chẳng hay do nhân chi thế?

- Tâu Bệ Hạ! Đó là do nô lệ của Ngài vừa chào đời. Sự rực sáng ấy là do năng lực phước báu của hài tử là con của hạ thần.

- Này khanh! Nó sẽ trở thành giặc cướp hay sao?

- Tâu Đại vương! Không phải như thế đâu, đó là hiện tượng của bậc đại phước nên đã khiến xảy ra điều hào quang rực rỡ như thế.

Nghe vậy, Đức vua Bimbisāra vô cùng hoan hỷ, ban cho đồng tử ấy mỗi ngày một ngàn đồng và phán rằng:

- Nếu như thế, này khanh! Khanh hãy nuôi dưỡng hài tử ấy cho chu đáo. Đây là tiền sữa của nó đấy.

Vào ngày lễ đặt tên, đại chúng đã đặt cho hài tử tên là Jotika (Quang Minh) vì đã khiến cho kinh thành rực sáng đồng loạt.

Công tử Jotika khi trưởng thành, được 16 tuổi, chàng muốn kiến tạo cho mình tòa lâu đài, khi chọn được khoảng đất vừa ý, công tử Jotika gọi thợ đến kiến tạo cho mình tòa lâu đài.

Khi ấy, nơi Đạo Lợi Thiên Cung, chiếc ngai vàng Paṇḍukambala của Đức Thiên Vương Đế Thích chột nóng rang. Thiên chúa quán sát rằng: “*Đây là do nhân chi thế?*”. Ngài biết rằng: Công tử Jotika đang muốn xây dựng lâu đài cho mình. Ngài suy nghĩ: “*Công Tử Jotika là bậc đại phước, không thể ở trong lâu đài do người kiến tạo được. Vậy ta phải giúp đỡ cho chàng*”. Ngài sai vị Thiên Thần kiến trúc giúp cho

Jotika, đích thân Ngài đi xuống nhân giới, hóa thân thành người thợ mộc kỳ tài, đi đến nơi toan xây dựng lâu đài, hỏi đại chúng rằng:

- Các người đang làm chi đó?
- Chúng tôi đang dọn đất cho bằng phẳng để kiến tạo lâu đài cho công tử Jotika.
- Các người hãy tránh ra đi, công tử Jotika không thể nào ngụ được trong tòa lâu đài do các người kiến tạo đâu.

Rồi Thiên Vương đưa mắt nhìn khoảng đất rộng 16 mẫu, lập tức nơi ấy trở nên bằng phẳng như vòng Kasina. Thiên Vương lại chú nguyện rằng: “*Lâu đài bảy tầng bằng 7 loại bảo ngọc hãy hiện khởi nơi này*”, ngay lập tức, tòa thiên lâu bảy tầng liền xuất hiện. Rồi Ngài chú nguyện tiếp: “*7 Vòng rào bằng bảy loại báu vật hãy hiện khởi quanh lâu đài*” và bảy hàng rào đã xuất hiện. Ngài lại nguyện tiếp: “*Bốn Như ý thợ hãy mọc lên ở bốn góc lâu đài đi. Hãy xuất hiện bốn hàm báu vật*” và lập tức bốn hàm báu vật cùng với bốn Như ý thợ hiện ra.

Trong bốn hàm báu vật ấy, một hàm rộng 1 do tuần, một hàm rộng 3 gāvuta, một hàm rộng nửa do tuần và một hàm rộng 1 gāvuta. Nơi bảy cánh cửa của 7 vòng rào có 7 vị chúa Dạ Xoa canh giữ lâu đài. Cửa thứ nhất là chúa Dạ Xoa Yamamolī, cửa thứ hai là Chúa Dạ Xoa Uppala, cửa thứ ba là Dạ Xoa chúa Vajira, cửa thứ tư là Dạ Xoa chúa Vajirabaha, cửa thứ năm là Dạ Xoa chúa Sakata, cửa thứ sáu là Dạ Xoa chúa Sakatattha, cửa thứ bảy là Dạ Xoa chúa Disāmukka. Cửa thứ nhất có 1000 dạ xoa tùy tùng, cửa thứ hai là 2000 dạ xoa tùy tùng, cửa thứ ba là 3000, cửa thứ tư là 4000, cửa thứ năm là 5000, cửa thứ sáu là 6000 và cửa thứ bảy là bảy ngàn dạ xoa tùy tùng. Bên trong lẫn bên ngoài đều có sự canh phòng, giữ gìn nghiêm mật như thế.

Đức vua Bimbisāra được tin rằng: “*Lâu đài bằng 7 loại ngọc báu, cao 7 tầng xuất hiện cho công tử Jotika, cùng với bốn hàm châu báu và bốn Như ý Thợ*”. Ngài vô cùng hoan hỷ, ban chức vị Trưởng giả cho công tử Jotika. Và chư thiên phải mang một người nữ tuyệt sắc hữu phước từ xứ Bắc Câu Lưu Châu đến tòa lâu đài ấy để kết duyên cùng với Trưởng giả Jotika. Nữ nhân xinh đẹp ấy khi về nhà chồng có mang theo ba bảo vật là ba tảng đá lửa, khi cần nấu vật thực thì lửa tự nhiên phát ra, khi vật thực chín thì tự nhiên lửa tắt đi, ngay cả nấu những loại vật thực khác cũng như thế. Còn về đậu gạo thì cả hai người chỉ dùng loại gạo từ đâu ấy và gạo ấy không bao giờ voi, dù rằng sống trọn kiếp trái đất cũng không hề hấn chi cả.

Được nghe lại rằng: Khi những người ấy muốn có gạo khoảng 1000 xe bò, lập tức gạo từ đâu ấy tuôn ra, đầy tràn cả ngàn cỗ xe bò, nhưng gạo trong đâu ấy chẳng hề voi đi một hạt. Lại nữa, người trong tòa lâu đài ấy không sống với ánh sáng của lửa mà chỉ sống bằng ánh sáng phát ra từ bảo châu Maṇi.

Khi tài sản thù diệu tối thắng của Trưởng giả lan truyền khắp cõi Diêm Phù như thế, đại chúng từ muôn phương kéo về kinh thành Rājagaha để chiêm ngưỡng kỳ quan đặc biệt ấy. Bấy giờ, Trưởng giả Jotika lấy gạo từ đâu ấy lên cho đại chúng dùng, và bảo rằng: “*Quý vị hãy nhận vãi cùng với vật trang sức từ nơi cây Như Ý đi*”.

Sau đó, Trưởng giả lại khai mở một hàm châu báu nhỏ nhất là 1 gāvuta, nói rằng:

- Các vị hãy nhận lấy tài sản đi, muốn lấy bao nhiêu thì lấy. Khi toàn dân trong cõi Diêm Phù nhận lấy tài sản từ lâu đài của Jotika, ở nơi hầm châu báu ấy. Sự vui đi tài sản châu báu từ hầm ấy, dù chỉ là một lóng tay cũng không hề có. Đây là quả phước của việc rải ngọc 7 báu quanh Hương thất.

Đại chúng lấy vải, trang sức cùng với những loại châu báu tài sản theo ý thích rời ra đi. Tiếng tán thán về tài sản của Jotika lan đến tai Đức vua Bimbisāra, Ngài muốn ngự lãm đến lâu đài của Jotika, nhưng không thể đến được vì đại chúng quá đông. Về sau, khi đại chúng thưa dần rồi, Đức vua Bimbisāra phán với thân phụ của Trưởng giả Jotika rằng:

- Này khanh! Trẫm muốn ngự đến lâu đài bảy báu của Jotika.

- Tâu Đại vương! Lành thay.

Trưởng giả về báo với con rằng:

- Này con! Đức vua muốn ngự đến lâu đài của con đấy.

- Thưa vâng! Thưa cha, cha hãy thỉnh Đức vua ngự đến đi.

Đức vua cùng với đoàn tùy tùng ngự đến tòa lâu đài, khi ấy nàng tỳ nữ quét rác trước cổng lâu đài, nơi cánh cửa thứ nhất, nàng cung kính chào Đức vua khi thấy Ngài ngự đến, đưa tay cho Đức vua nắm lấy. Đức vua e ngại, vì ngỡ rằng là Trưởng giả phu nhân. Ngài không dám nắm tay nàng tỳ nữ ấy. Trưởng giả đi đến tiếp kiến Đức vua, tâu rằng:

- Tâu Đại Vương! Xin thỉnh Ngài hãy ngự đi.

Nền lâu đài bằng ngọc Mani trắng trong, Đức vua không thể phân biệt được, nhìn thấy như có những hố sâu khoảng trăm người chông lên cũng chưa chạm đáy. Đức vua khởi lên ý nghĩ rằng: “*Chẳng lẽ Jotika đào hố để ám hại ta?*” nên Ngài không dám ngự đi vào, hiểu ý vua, Trưởng giả Jotika tâu rằng:

- Tâu Bệ hạ! Đây không phải là hố sâu đâu, xin Bệ hạ hãy theo chân hạ thần.

Đức vua theo chân Trưởng giả Jotika, quan sát từ lầu một cho đến lầu bảy. Trong khi ngắm nhìn tòa lâu đài, Hoàng tử Ajātasattu đã khởi lên tư tưởng rằng: “*Phụ vương ta thật là ngu xuẩn, gia chủ này sống trong tòa lâu đài bằng ngọc bảy báu. Phụ vương ta là vua mà lại sống trong hoàng cung bằng gỗ. Khi ta làm Hoàng đế ta sẽ chiếm đoạt tòa lâu đài này ngay... ta sẽ không cho gia chủ này sống trong nơi này nữa*”.

Khi Đức vua cùng với tùy tùng lên đến lầu bảy thì đến giờ thọ thực buổi sáng, Đức vua phán bảo với Trưởng giả Jotika rằng:

- Này khanh! Chúng ta sẽ thọ thực tại nơi này.

- Tâu Đại vương! Thần đã cho chuẩn bị sẵn sàng rồi.

Trưởng giả Jotika thỉnh Đức vua tắm rửa trước khi độ vật thực. Đức vua tắm bằng nước hoa đựng trong 16 chậu vàng, khi tắm xong Ngài ngự trên sàng tọa được trang hoàng lộng lẫy, bên trên được che bằng chiếc lọng trắng chia tầng bằng ngọc Mani trắng của Trưởng giả Jotika.

Gia nhân mang nước rửa tay đến dâng Đức vua, rồi dâng com đề hồ đựng trong mâm vàng có giá trị là trăm ngàn đồng vàng, mâm com đầy vật thực thượng vị đặt trước mặt Đức vua. Khi Đức vua toan dùng com ấy thì Trưởng giả ngăn lại rằng:

- Tâu Đại Vương! Hãy đợi, vì đây chỉ là loại com đề hồ thôi.

Rồi gia nhân lại dâng những loại vật thực phụ tùng dùng chung với com đề hồ lên. Đức vua dùng vật thực rất nhiều, nhưng không hề thấy thỏa mãn. Thấy như thế, Trưởng giả Jotika thưa rằng:

- Tâu Bệ hạ! Thôi vừa đủ rồi, Ngài chớ nên dùng quá hạn lượng như thế.

- Này Jotika! Khanh lo ngại mình sẽ vơi hết vật thực sao?

- Tâu Đại vương! Chẳng phải như thế đâu. Lượng vật thực như thế này vẫn đủ dùng cho tất cả quan quân trong triều cả thág, thần chỉ e ngại mình mang tai tiếng mà thôi.

- Vì sao khanh lại mang tai tiếng?

- Tâu Bệ hạ, nếu như Bệ hạ không kèm chế, thì Bệ hạ sẽ bội thực. Và thần sợ tiếng đồn rằng: *“Hôm qua Đức vua ngự đến lâu đài của Trưởng giả Jotika, chẳng biết Jotika đã dùng loại vật thực gì để tiếp đãi nhà vua, khiến cho nhà vua phải lâm bệnh như thế ấy”*.

- Nếu thế thì, khanh hãy mang vật thực này đi đi. Và đoàn tùy tùng của Đức vua đã dùng loại vật thực như thế vẫn không thể nào làm cho hết được vật thực ấy.

Sau khi thọ thực xong, Đức vua Bimbisāra ngồi bàn bạc về sự an lạc với Trưởng giả Jotika, Ngài hỏi rằng:

- Này Jotika khanh! Chẳng hay phu nhân của khanh ở đâu? Nàng không có ở trong lâu đài này sao?

- Tâu Bệ hạ, có ạ.

- Vậy nàng ở đâu?

- Nàng luôn ở trong phòng khánh tiết, nên không hay Bệ hạ ngự đến nơi này.

Thật vậy, nàng kiều nữ của Bắc Câu Lư Châu ấy, tuy Đức vua ngự đến tòa lâu đài từ sáng đến trưa như vậy, nhưng nàng ta chẳng hề hay biết chi cả. Biết rằng: Đức vua muốn biết mặt vợ mình, Trưởng giả Jotika đi vào phòng loan nói với nàng ấy rằng:

- Này em thân yêu! Đức vua ngự đến lâu đài của chúng ta, chẳng lẽ em không ra diện kiến với Ngài hay sao?

- Này anh thân yêu, Đức vua ấy là thế nào?

- Này em, đó là vị lãnh tụ quân của xứ Magadha này, là chúa của chúng ta đấy.

Nghe vậy, nàng cau mày lại, lộ vẻ phiến muộn rằng:

- Than ôi! Chúng ta còn có người làm chủ, thế thì việc phước của chúng ta làm khi trước không đủ đức tin trong sạch, nên tài sản này phát sanh lên lại có người lớn

hơn ta nữa. Chắc chắn sự thí của chúng ta đã thiếu đức tin, nên quả thí mới như thế. Này anh, bây giờ đây em phải làm thế nào?

- Em hãy cầm quạt ra hầu Đức vua đi.

Và vợ Trưởng giả đến quạt hầu Đức vua, trong lúc quạt, màu sắc rực rỡ của chiếc khăn quàng cùng với mùi mồ hôi của Đức vua xông lên mắt và mũi nàng, khiến nàng chảy nước mắt. Thấy vậy, Đức vua Bimbisāra phán với Trưởng giả Jotika rằng:

- Này Trưởng giả! Thường nữ nhân là người kém hiểu biết, có lẽ nàng khóc vì sợ rằng: Đức vua sẽ chiếm đoạt tài sản của chồng mình chẳng? Khanh hãy làm cho nàng yên lòng đi, Trẫm không chiếm đoạt tài sản của khanh đâu.

- Tâu Đại vương! Chẳng phải nàng khóc đâu.

- Nếu thế thì vì sao vậy?

- Nàng tuôn nước mắt vì màu sắc rực rỡ của chiếc khăn vấn đầu của Đại Vương, cùng với mùi hơi từ ánh sáng của lửa. Vì rằng: Tâu Đại vương, vợ của thần từ trước đến giờ chưa bao giờ quen với loại ánh sáng từ lửa, nàng quen sống với ánh sáng của ngọc Maṇi. Còn Bệ hạ thì quen với ánh sáng từ nơi lửa.

- Thật như vậy ư, này Trưởng giả.

- Tâu Đại vương! Từ nay trở đi Ngài hãy sống với ánh sáng của bảo Ngọc Maṇi đi.

Trưởng giả Jotika dâng Đức vua Bimbisāra viên bảo châu lớn bằng quả dưa hấu.

Đức vua ngự lãm tài sản của Jotika xong rồi, Ngài phán rằng:

- Tài sản của Jotika quả thật vĩ đại.

Rồi Ngài cùng với đoàn tùy tùng trở về hoàng cung.



Vào thời ấy, Hoàng tử Ajātasattu giao du với Tỳ khuru Devadatta, sát hại cha mình là Đức vua Bimbisāra, để ngự trị trên chiếc ngai vàng, là vị lãnh tụ quân của xứ Magadha. Khi ấy vua Ajātasattu suy nghĩ rằng:

- Ta sẽ chiếm lấy lâu đài của Trưởng giả Jotika.

Đức vua kéo đại binh hùng mạnh, đầy dũng tướng đến tòa lâu đài của Jotika, toan chiếm đoạt lấy tòa Bảo ngọc báu bảy tầng ấy, nhưng khi đến nơi, nhìn thấy bóng dáng binh lính (của chính mình) thấp thoáng qua tường ngọc bích, pha lê. Vua Ajātasattu ngỡ rằng:

“Trưởng giả Jotika đã chuẩn bị quân lính để giao tranh cùng với ta”.

Đức vua chột chùn quân, không dám ngang nhiên kéo đại binh xông vào tòa lâu đài. Hôm ấy lại nhằm ngày Uposatha, nên Trưởng giả đi đến Tịnh xá Veluvana để hầu Phật và nghe Pháp tại nơi ấy.

Dạ xoa Yamamolī canh giữ cổng thứ nhất thấy Đức vua kéo đến, liền hiện ra hỏi rằng:

- Ngài đi đâu thế?

Rồi Dạ xoa dùng thần lực của mình xua đuổi Đức vua cùng quân binh tùy tùng chạy tán loạn khắp nơi. Đức vua thua trận, cảm tức nghĩ thầm rằng:

- Ta sẽ đến Tịnh xá tìm cho được thầy của Jotika.

Đức vua Ajātasattu tìm đến Tịnh xá, gặp phải Trưởng giả Jotika đang ngồi nghe Pháp, thấy Đức vua, Trưởng giả hỏi rằng:

- Tâu Đại vương! Có chuyện chi thế?

- Này gia chủ! Có phải khanh cho người chống lại ta, còn riêng khanh thì đến đây giả vờ ngồi nghe pháp chẳng?

- Có phải Bệ hạ toan xua quân tiến chiếm lâu đài của tôi chẳng?

- Này khanh, sự thật là như vậy.

- Tâu Đại vương! Nếu thần chưa đồng ý cho thì dù cho cả trăm, cả ngàn, cả trăm ngàn vị vua như Đại vương cũng không thể nào chiếm được tòa lâu đài ấy đâu. Tài sản của hạ thần chẳng bao giờ bị ai chiếm đoạt được cho dù đó chỉ là một sợi chỉ nhỏ của khăn choàng.

Đức vua Ajātasattu nổi giận rằng:

- Khanh có phải là Đức vua chẳng? Tại sao khanh dám nói như thế.

- Hạ thần không phải là vua, nhưng khi thần chưa đồng ý thì chẳng một ai có thể chiếm được tài sản của thần.

- Này khanh! Làm thế nào chứng minh được lời khanh nói là sự thật chứ?

- Tâu Đại vương! Đây là 10 chiếc nhẫn trên tay hạ thần, ở chân cũng có 10 chiếc, tổng cộng là hai mươi chiếc. Thần không dâng cho Đại vương, Đại vương làm thế nào lấy được đi.

Đức vua Ajātasattu là người có nhiều sức mạnh, khi ngồi thì nhảy cao được 10 hắc tay, khi đứng có thể nhảy xa được 80 hắc tay. Nhưng dù Đức vua có dùng đủ mọi cách cũng không thể nào tháo chiếc nhẫn ra khỏi tay Trưởng giả Jotika được. Trưởng giả Jotika cười với Đức vua rằng:

- Tâu Đại vương! Xin Ngài hãy trải vải Sāṭaka ra đi.

Rồi Trưởng giả duỗi thẳng các ngón tay ra, cả 20 chiếc nhẫn rơi trên tấm vải Sāṭaka dễ dàng. Trưởng giả cười rằng:

- Tâu Đại vương! Chẳng có một ai có thể chiếm đoạt được tài sản của thần, nếu như thần không đồng ý.

Rồi Trưởng giả suy xét hành động của vua Ajātasattu, Ngài chợt động tâm, do thấy Đức Vua tạo ác nghiệp cũng chỉ vì tài sản mà ra, nên cười với Đức vua rằng:

- Tâu Đại vương! Xin Ngài cho phép thần được xuất gia đi.

Đức vua Ajātasattu nghĩ thầm rằng:

- Khi Trưởng giả xuất gia rồi, ta sẽ có được cơ hội chiếm tòn lâu đài ấy.

Nên Đức vua phán rằng:

- Này khanh Jotika! Khanh hãy xuất gia đi.

Được phép của Đức vua, Trưởng giả Jotika xuất gia với Đức Thế Tôn, chẳng bao lâu Ngài chứng đạt A La Hán Quả, và được gọi là Trưởng lão Jotika.

Khi Ngài thành bậc Vô Lậu rồi, ngay khi ấy mọi tài sản của Ngài biến mất, chư thiên thỉnh nàng kiều nữ trở về Bắc Cưu Lư Châu, nàng có tên là Satulakāya.

Một hôm, chư Tỳ khuru cùng nhau bàn luận nơi Giảng đường, hỏi:

- Này hiền giả Jotika! Hiền giả có còn quyến luyến lâu đài hay người nữ báu vợ mình chẳng?

- Thưa chư Hiền! Tôi không còn lưu luyến chi những vật ấy.

Chư Tỳ khuru cho rằng Trưởng lão nói lời không thật, khoe Pháp Thượng nhân, nên đem câu chuyện ấy trình lên Đức Thế Tôn, Ngài dạy rằng:

- Này chư Tỳ khuru! Con Như Lai không còn luyến ái tòa lâu đài hay người vợ mình nữa.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Ai ở đời đoạn ái. Bỏ nhà sống xuất gia. Ai hữu được đoạn tận. Ta gọi Bà-la-môn”.

Dứt thời Pháp, nhiều chúng sanh chứng đạt Thánh Quả như là Dự Lưu...

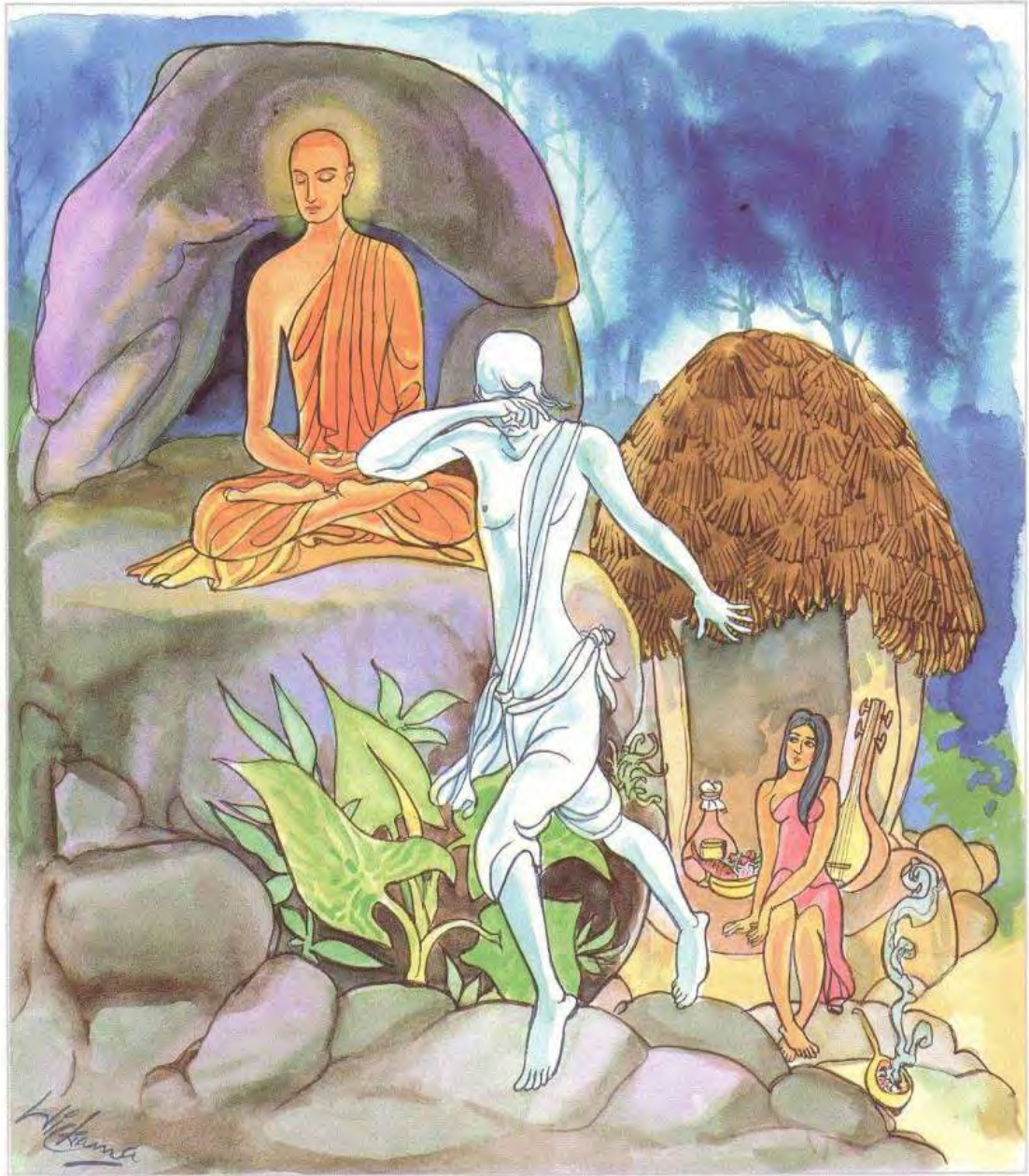


Dịch Giả Căn Đè

*Hương đầy phước báu của nhân thiên,
Kiếp chót, phát quang đủ thiện duyên,
Theo Phật thành Tỳ khuru lậu tận,
Bỏ nhà bầy báu, mặc vua chuyên,
Tặng nghi sư vẫn tiếc vợ nhà,
Phật dạy: Người trì ái xuất gia,
Diệt hữu, không luân hồi cõi thế,
Đó Phật Bà la môn của ta.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO JOTIKA





416. Từ bỏ mọi tham ái. Xuất gia làm sa môn. Đoạn diệt sạch ái, hữu. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.34- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO JĀṬILA



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 417)

**“Yodha taṇhaṃ pahatvāna
Anāgāro paribbaje
Taṇhābhavaparikkhīṇaṃ
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ”.**

**“Ai ở đời đoạn ái
Bỏ nhà sống xuất gia
Ái hữu được đoạn tận
Ta gọi Bà-la-môn”.**

Cùng trong thời ấy, trong thành Bārāṇasī có nàng tiểu thư là con gái một Đại Trưởng giả, nàng có một nhan sắc tuyệt đẹp. Cha mẹ nàng cho một nữ tỳ hầu hạ nàng và an trú nàng ở lầu bảy của một tòa lâu đài bảy tầng. Một hôm, có một chàng chú thuật gia, dùng chú thuật bay trên hư không, chợt trông thấy nàng tiểu thư đang đứng dựa cửa sổ ngắm nhìn ra bên ngoài, tiểu thư trông thấy chú thuật gia nàng mỉm cười, chàng bỗng phát sanh ái luyến với nàng, đi đến bên cửa sổ trò chuyện cùng tiểu thư. Và cả hai đã tư thông với nhau. Thời gian sau, nàng tiểu thư có thai, nữ tỳ thấy được sự khác lạ từ thân của tiểu thư, gạn hỏi rằng:

- Thưa Tiểu Thư! Vì sao có chuyện như vậy.

Tiểu Thư lo sợ, tỏ thật với nữ tỳ và yêu cầu nữ tỳ giữ kín chuyện ấy rằng:

- Người đừng cho ai biết việc này nhé.

Thời gian sau, nàng hạ sanh ra một bé trai, bảo nữ tỳ lấy chiếc thau, bỏ hài nhi vào trong đó, chụp lên trên một vòng hoa, rồi bảo nữ tỳ rằng:

- Em hãy mang đứa bé này ra khỏi tòa lâu đài, thả nó trôi sông đi. Nếu có người hỏi thì nói rằng: “*Là vật té lể của cô tôi*”.

Nàng nữ tỳ làm theo lời dặn, nó bỏ đứa bé trong thau thả trôi trên sông Gaṅgā.

Cái mâm trôi xuôi theo dòng nước về miền hạ lưu, đến lãnh thổ xứ Avantī, có hai nữ tỳ đang tắm sông, chợt trông thấy mâm trôi theo dòng nước, một cô nói rằng: “*Chiếc mâm là của tôi*”.

Còn cô kia thì nói rằng: “*Nếu vậy thì vật trong mâm của tôi*”. Hai nàng nữ tỳ vớt mâm thau ấy, thấy có đứa bé trong đó, cả hai phát sanh sự thương mến, giành rằng: “*Đây là vật của tôi*”.

- Này chị, đứa bé là vật của tôi. Còn mâm thau là vật của chị kia mà.

Cả hai giành nhau đứa bé, cuối cùng phải mang sự việc trình lên quan Đại thần xử kiện. Vị Đại thần không thể giải quyết được, nên trình lên Đức vua. Nghe xong câu chuyện, Đức vua phán giải rằng: “*Người ước mâm thau thì nhận lấy mâm thau, người ước vật đựng trong mâm thì nhận lấy đứa bé*”.

Người nữ tỳ nhận được đứa bé là người hộ độ cho Trưởng lão Mahākaccāyana, nên nàng có ý nghĩ rằng: “*Ta sẽ cho con ta xuất gia với Trưởng lão Mahākaccāyana*”.

Tóc đứa bé bện lại thành từng lọn vì dính lấy chất nhau mà tiểu thư tắm rửa cho con không sạch. Do vậy đứa bé có tên gọi là Jāṭila (tóc bện giả) vào ngày lễ đặt tên cho nó.

Khi Jāṭila vừa biết đi, nàng nữ tỳ cung thỉnh Trưởng lão Mahākaccāyana đến thọ thực tại tư gia của nàng. Sau khi cúng dường vật thực xong rồi, nàng đánh lễ Trưởng lão và bạch rằng:

- Bạch Ngài! Con xin dâng hài tử này đến Ngài.

Thấy Jāṭila, Trưởng lão hỏi rằng:

- Này tín nữ! Cô có được đứa bé này sao?

- Thưa vâng! Bạch Ngài, đây là con nuôi của con, con nuôi đứa bé này với sự ước nguyện rằng: sẽ cho nó xuất gia với Ngài. Vậy xin Ngài hãy tế độ cho nó đi.

- Được thôi! Này tín nữ.

Nàng tín nữ giao đứa bé cho Trưởng lão, Ngài quán xét rằng:

“Đứa bé này có phước hưởng tục sản chăng?”. Ngài thấy rằng có.

“Đứa bé này là bậc Đại phước, sẽ thọ dụng đại tài sản, giờ đây nó còn quá bé, trí tuệ chưa viên mãn”.

Trưởng lão Mahākaccāyana đưa Jāṭila đến nhà người hộ độ của mình trong thành Takkaṣilā. Người hộ độ chăm nom săn sóc Jāṭila rất cẩn thận, vì rằng: Khi gặp Ngài Mahākaccāyana, người hộ độ ấy đánh lễ Ngài, rồi đứng sang một bên, chợt trông thấy Jāṭila, ông đã bạch hỏi rằng:

- Ngài có được đứa bé này rồi sao?

- Đúng thế, này thiện nam, nó sẽ xuất gia sau này, nhưng giờ đây nó còn quá bé. Vậy hãy để nó ở lại đây với ông nhé.

- Thưa vâng, bạch Ngài.

Người hộ độ nhận lời nuôi dưỡng đứa bé, xem Jāṭila như là con mình. Người hộ độ ấy có nhiều tài sản đã ứ đọng cả 12 năm rồi, ông phải tồn trữ trong nhà suốt thời gian 12 năm như thế. Một hôm vào ngày hội chợ, ông mang những tài sản ấy ra bán, dặn bảo Jāṭila rằng:

- Con hãy bán món này với giá tiền như vậy, món này có giá như thế này...

Rồi y trở về nhà, hôm ấy vị thiên nhân trấn giữ thành Takkaṣilā đã khiến mọi người đi đến gian hàng của Jāṭila mua hết tất cả những món tài sản ấy, dù chỉ là trái ớt hay cọng rau, họ cũng tìm đến cửa hàng ấy mà mua. Đồng tử Jāṭila đã bán sạch những hàng hóa được tồn trữ cả 12 năm chỉ nội trong một ngày.

Vị Tộc trưởng trở ra chợ, thấy hàng hóa đã hết, nên hỏi rằng:

- Này Jāṭila con! Những hàng hóa đã mất hết rồi phải chăng?

- Chẳng có mất đâu cha! Con đã bán hết số hàng hóa ấy theo lời cha bảo rồi. Đây là tiền bán được.

Tộc trưởng vô cùng hài lòng trước kết quả tốt đẹp ấy, suy nghĩ rằng: “*Người đại phước như thế này, dù cho có sống ở bất cứ nơi nào cũng tốt cả. Vậy ta hãy gả con gái ta cho y*”.

Thế là, Trưởng giả gả con cho Jāṭila, rồi ông bảo gia nhân rằng:

- Các người hãy kiến tạo tòa lâu đài cho hai đứa con của ta đi.

Khi ngôi nhà được hoàn tất rồi, ông bảo rằng:

- Hai đứa con hãy ở trong nhà ấy đi.

Chàng Jāṭila vừa đặt chân vào tòa nhà, lập tức một núi vàng cao 80 hắc tay (40 mét) từ dưới đất chui lên, ở phía sau nhà của Jāṭila. Đức vua nghe tin rằng:

- Núi vàng nổi lên gần nhà của Jāṭila.

Đức vua liền ban lọng Trưởng giả đến Jāṭila, đặt chàng vào địa vị đệ nhất Trưởng giả nơi thành Takkaṣilā. Trưởng giả Jāṭika có được ba người con trai, khi các công tử đã trưởng thành, được tin Đức Phật đã xuất hiện trên thế gian, tâm của Jāṭila mong muốn xuất gia, ông suy nghĩ rằng:

- Nếu giờ ta đi xuất gia, chắc chắn các con ta không cho ta đi đâu. Nếu có vị Trưởng giả nào có đại tài sản như ta hay hơn ta thì các con ta mới chịu cho ta xuất gia. Chẳng lẽ trên cõi Diêm Phù này không có người giàu có bằng hoặc hơn ta sao?

Trưởng giả Jāṭila cho thợ đúc những thỏi vàng ra thành những viên gạch bằng vàng, cho đúc cán dù bằng vàng, và đôi dép cũng bằng vàng, rồi bảo những vị Bàn Môn gia tộc rằng:

- Các vị hãy mang những vật này, đi chu du khắp cõi Diêm Phù giả như đang đi tìm một vật chi đó. Xem có ai giàu bằng hay hơn ta chẳng?

Nhóm Bàn môn ấy đi đến kinh thành Bhaddiya, trong thành Bhaddiya có Trưởng giả Meṇḍaka, trông thấy nhóm gia nhân ấy, hỏi rằng:

- Các người đang đi tìm cái chi thế?

- Chúng tôi đi tìm một món đồ.

Trưởng giả trông thấy họ mang những viên gạch vàng, cán dù vàng và đôi dép vàng như thế, thì biết rằng: “*Những người này chẳng phải đi tìm vật chi khác lạ, họ đang tìm xem kẻ nào giàu hơn người đại phú gia này đây?*”.

Nghĩ như thế rồi, Trưởng giả Meṇḍaka nói rằng:

- Nay các ông, các ông hãy quan sát phía sau nhà của tôi đi.

Phía sau nhà Trưởng giả Meṇḍaka, một khoảng đất trống rộng nơi đó nổi lên những con dê bằng vàng lớn như con voi, con bò mộng Usabha hay con ngựa, những con này đứng nối đuôi con kia chật cả 8 mẫu. Quan sát được tài sản của Trưởng giả Meṇḍaka rồi, nhóm Bàn Môn biết được rằng: Đây là người mà chúng ta muốn tìm, họ liền trở lại thành Takkaṣilā, trình lại với Trưởng giả Jāṭila rằng: “*Thưa ông! chúng tôi đã trở về*”.

- Các người có thấy ai giàu bằng hoặc hơn ta chẳng?

- Thưa ông! Ông mà thắm vào đâu so với đại tài sản của Trưởng giả Menḍaka. Trong thành Baddiya có Trưởng giả tên là Menḍaka có tài sản còn nhiều hơn ông nữa kìa.

Rồi nhóm Bàn môn ấy thuật lại cho Trưởng giả Jāṭila nghe. Nghe được tin này, Trưởng giả Jāṭila phát sanh hoan hỷ rằng:

- Ta đã gặp được một gia đình đại phú rồi. Giờ đây, còn gia tộc nào giàu có hơn nữa chẳng?

Trưởng giả Jāṭila giao cho nhóm Bàn Môn tám vải Kambala trị giá trăm ngàn đồng vàng, bảo rằng:

- Các vị hãy đi tìm xem có gia tộc nào là bậc đại phú gia nữa chẳng?

Nhóm Bàn môn lại ra đi, sau nhiều nơi du hành, nhóm Bàn môn đi đến kinh thành Rājagaha, họ đi lần đến gần lâu đài của Trưởng giả Jotika. Họ giả vờ đi tìm củi, nhóm lên bếp lửa, thị dân trông thấy họ, nên hỏi rằng:

- Các ông đang làm chi thế?

- Chúng tôi có tám vải trị giá trăm ngàn đồng vàng, chúng tôi muốn bán nhưng chẳng có ai mua nổi. Nay chúng tôi phải lên đường, con đường này có nhiều bọn cướp trú. Chúng tôi sợ cướp nên đành phải đốt bỏ tám vải ấy để khỏi có sự tai hại đến mình.

- Nếu thế, các ông hãy mang đến bán cho Trưởng giả Jotika đi. Nhóm Bàn Môn ấy tìm đến lâu đài của Trưởng giả Jotika, Trưởng giả Jotika hỏi rằng:

- Các ông đến có việc chi chẳng?

Nhóm gia nhân bạch trình lại sự việc ấy, Trưởng giả hỏi rằng:

- Vải Kambala này trị giá là bao nhiêu?

- Thưa chủ, trăm ngàn đồng vàng.

Trưởng giả sai người giao cho họ trăm ngàn đồng vàng rồi nhờ họ rằng:

- Các người hãy mang tám vải này đến cho người nữ tỳ quét rác trước cổng lâu đài hộ tôi đi.

Nàng nữ tỳ nhận lãnh chiếc vải Kambala ấy, nàng khóc lên đi tìm Trưởng giả Jotika mà than khóc rằng:

- Thưa gia chủ, tôi có phạm lỗi chi, chủ hãy đánh nặng tôi đi, vì sao chủ lại cho tôi tám vải thô xấu như vậy. Làm thế nào tôi có thể mặc hoặc đắp loại vải thô xấu như vậy được.

- Chẳng phải ta cho người dùng để mặc hay đắp, ta cho người để người đặt gần giường, khi ngủ người sẽ lau chân bằng vải đó vậy.

- Thưa chủ, nếu dùng để lau chân thì tôi có thể sử dụng được.

Nhóm Bàn Môn chứng kiến được sự kiện ấy, vô cùng kinh hoàng trước đại gia sản của Trưởng giả Jotika, nên trở về Takkaṣilā báo lại cho Trưởng giả Jāṭila biết. Trưởng giả Jāṭila hỏi:

- Các người có gặp người nào có đạt tài sản hơn nữa chăng?

- Thừa gia chủ! Gia sản của ông chẳng thấm vào đâu so với gia sản của Trưởng giả Jotika ở thành Rājagaha cả.

Rồi họ thuật lại câu chuyện được chứng kiến đến gia chủ Jāṭila. Nghe xong, tâm của Jāṭila vô cùng phấn khởi rằng:

- Bây giờ thì ta dễ dàng xuất gia rồi. Ta hãy đi xuất gia thôi.

Trưởng giả Jāṭila đi đến hoàng cung, tâu lên Đức vua nguyện vọng của mình rằng:

- Tâu Đại Vương! Thần muốn được xuất gia.

- Lành thay! Lành thay! Nay Trưởng giả, hãy làm theo những gì ông cho là hợp thời.

Trưởng giả Jāṭila cho gọi ba người con đến, trao cho người con cả cái cuốc bằng vàng, nói rằng:

- Con hãy cuốc một ít vàng ở núi vàng cho cha đi.

Người con cả cầm cuốc vàng đi đến núi vàng để cuốc vàng, nhưng vàng trở nên cứng rắn như đá tảng, không thể cuốc được.

Trưởng giả Jāṭila lại giao cuốc đến cậu công tử thứ hai, cậu này cũng như vậy, không cuốc được vàng ở núi vàng đó. Tiếp đến, Trưởng giả Jāṭila giao cuốc đến cậu công tử thứ ba. Công tử cuốc vàng như ta cuốc vào trong đất vậy. Trưởng giả nói với công tử út rằng:

- Thôi được rồi! Nay con, bao nhiêu đó được rồi.

Ông cho gọi ba người con lại bảo rằng:

- Núi vàng này không phải phát sanh cho hai con, mà là phát sanh cho cha và em út của hai con. Vậy hai con phải sống an vui với em của các con đi.

Hỏi rằng: Vì sao núi vàng chỉ phát sanh đến Jāṭila và người con út vậy? Tại sao Trưởng giả Jāṭila bị cuốn trôi sông?

Đáp rằng: Do tiền nghiệp của hai vị ấy. Được biết rằng: Vào thời quá khứ, khi đại chúng đang kiến tạo ngôi Bảo Tháp vàng của Đấng Thập Lực Kassapa, có một vị Thánh Vô Lậu đi đến, sau khi xem xét Bảo Tháp, hỏi:

- Nay quý vị, tại sao không xây mặt tiền hướng Bắc của ngôi Bảo Tháp?

- Bạch Ngài! Vì không đủ vàng.

- Nếu thế, tôi sẽ đi vào làng mạc để kêu gọi, các người hãy tùy hỷ phước thiện ấy đi.

Vị Thánh Vô Lậu đi vào thôn xóm, kêu gọi đại chúng rằng:

- Nay quý vị thiện gia tử, mặt tiền hướng Bắc của ngôi Bảo Tháp Đấng Thập Lực còn đang thiếu vàng. Vậy quý vị hãy cùng nhau tạo phước đi.

Tuần tự, Ngài đi đến ngôi nhà của người thợ bạc, ông ta vừa mới cãi cọ với vợ xong, sự phẫn nộ còn đang tiềm ẩn trong tâm. Khi ấy vị Thánh Lôu Tận đi đến kêu gọi người thợ bạc rằng:

- Này gia chủ, vàng dùng kiến tạo Bảo Tháp của Đấng Thập Lực còn thiếu. Vậy ông hãy hùn phước đi.

Con giận còn đang ẩn nấu trong tâm của y, nên y thốt lên rằng:

- Ngài hãy quăng bỏ Đức Đạo Sư của Ngài xuống sông đi.

Nghe ác trọng nghiệp khẩu như thế, vợ ông kinh hoàng nói:

- Này ông! Ông đã tạo một ác trọng nghiệp quá nặng rồi. Ông có sân hận mà đánh đập hay chửi mắng tôi thì ác nghiệp ấy vẫn còn nhẹ. Vì sao ông lại quăng Đức Đạo Sư xuống sông chứ? Tại sao ông lại xúc phạm đến chư Phật ba đời như thế?

Người thợ bạc nghe vợ nhắc nhở như thế, y kinh hoàng nói rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài cho con được sám hối đi.

Y đánh lễ dưới chân bậc Thánh Vô Lôu ấy. Ngài nói:

- Này thiện nam! Ông chẳng có lỗi làm gì với ta cả, ông chỉ nên sám hối với Đức Đạo Sư mà thôi.

- Bạch Ngài! Con phải làm như thế nào để sám hối Đức Đạo Sư?

- Ông hãy làm ba bình bông để tôn trí xá Lợi Phật, rồi mặc đồ ướt đầm, tóc gội ướt đi đến sám hối với Ngài trước xá Lợi Phật ấy.

- Thưa vâng! Bạch Ngài.

Người thợ bạc có ba người con, ông cho gọi các con đến, tỏ bày sự kiện ấy xong rồi, nói rằng:

- Này các con! Cha đã nói xúc phạm đến Đấng Thập Lực, nay cha phải làm ba bình hoa vàng để tôn trí xá Lợi Đức Thế Tôn, và sẽ sám hối với Ngài. Vậy các con hãy giúp cha làm bình hoa vàng cho mau chóng đi.

Hai người con lớn của ông, nói rằng:

- Thưa cha! Chúng con không có bảo cha nói như thế. Ác nghiệp này của cha tạo ra, vậy cha hãy làm bình hoa vàng để chuộc lỗi cho được tốt đẹp hơn.

Riêng người con út suy nghĩ rằng:

- Lễ thường phận sự của cha cũng là trách nhiệm của con vậy.

Y hoan hỷ cùng cha làm thành ba bình hoa vàng khoảng một gang tay để tôn trí xá Lợi Đức Thế Tôn nơi ấy. Rồi ông thợ bạc mặc đồ đầm ướt, tóc đầm ướt nước, đến trước xá Lợi Phật mà sám hối. Nhưng quả còn dư sót lại, khiến cho nàng tiểu thư sanh con ra, gọi nữ tỳ đem quăng hài tử xuống sông như vậy.

Hai người con lớn vì không có tâm hoan hỷ làm bình hoa vàng nên núi vàng không phát sanh đến cho hai người con lớn ấy. Mà núi vàng chỉ phát sanh đến Jāṭila cùng người con út, do vì cậu hoan hỷ cùng với cha làm ba bình hoa vàng như vậy.

Trưởng giả Jāṭila sau khi giáo giới con xong rồi, ông tìm đến Tịnh xá Jetavana xin được xuất gia với Đức Thế Tôn. Sau khi xuất gia, Ngài tinh cần hành Sa môn pháp nên chẳng bao lâu chứng đạt A La Hán Quả.

Thời gian sau, Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳ khuru du hành đến xứ Takkaṣilā, Ngài cùng với 500 vị Tỳ khuru ngự đến tư thất của ba người con Trưởng Lão Jāṭila để nhận lấy vật thực. Các vị công tử cúng dường vật thực đến chư Tăng có Đức Phật là vị tọa chủ suốt cả nửa tháng.

Một hôm, chư Tỳ khuru bàn luận trong giảng đường rằng:

- Này Hiền giả Jāṭila! Giờ đây Hiền giả còn luyện ái núi vàng cao 80 hắc tay ấy chăng?

- Thưa chư Hiền! Tôi không còn ái luyện cùng với sự ngã mạn đối với núi vàng ấy nữa.

Chư Tỳ khuru cho rằng: *“Tỳ khuru Jāṭila khoe pháp thượng nhân, nói lời không thật, tự cho mình là bậc A La Hán”*.

Chư Tỳ khuru trình bạch lên Đức Thế Tôn vấn đề này, Ngài dạy rằng:

- *“Này các Tỳ khuru! Vì ái và mạn đối với núi vàng hay các con mình, con Như Lai đã đoạn tận cả rồi”*.

Rồi Đức Thế Tôn dạy lên kệ ngôn rằng:

“Ai ở đời đoạn ái. Bỏ nhà sống xuất gia. Ái hữu được đoạn tận. Ta gọi Bà-la-môn”.

CHÚ GIẢI:

Nên hiểu kệ ngôn này như vậy:

Người đã đoạn tận ái và kiến diễn tiến theo năng lực 6 môn, là bậc sống vô gia cư, tức là đã khước từ đời sống tại gia. Ta gọi người đã trừ tuyệt ái và hữu như thế là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại, nhiều người chứng đạt Thánh Quả như Dự Lưu...



DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO LĀṬILA





417. Bỏ trời buộc nhân gian. Dứt buộc ràng thiên thượng. Vượt thoát mọi lụy vươngng. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.35- CHUYỆN VỊ TỖ KHUỒ KHIỀU VỮ (THỨ NHẤT)

(*Dutiyaṇaṭapubbaka*)



KỂ NGÔN: (Pháp Cú câu 418)

**“Hitvā mānusakaṃ yogaṃ
Dibbaṃ yogaṃ upaccagā
Sabbayogavisamṃyuttaṃ
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ”.**

***“Bỏ trói buộc loài người
Vượt trói buộc cõi trời.
Giải thoát mọi buộc ràng
Ta gọi Bà-la-môn”.***

Đức Thế Tôn trú tại Veḷuvana, nhân đề cập đến vị Tỳ khưu đã từng khiêu vũ, thuyết lên kệ ngôn này.

Tương truyền rằng: Có một thiện gia tử từng sinh sống bằng nghề khiêu vũ, một hôm y theo đại chúng đến Tịnh xá nghe pháp của Đức Thế Tôn, nhằm chán đời sống thế tục, y xuất gia, tinh cần hành đạo chẳng bao lâu chứng đạt quả vị Vô Lậu.

Một hôm, vị ấy cùng với đại chúng Tỳ khưu có Đức Phật là vị Thượng thủ đi vào làng khát thực, chư Tỳ khưu thấy con một người khiêu vũ khác đang biểu diễn nghệ thuật nhảy múa, nên hỏi rằng:

- Này Hiền giả! Con của người khiêu vũ đang biểu diễn những trò mà Hiền giả từng biểu diễn. Vậy Hiền giả có còn thỏa thích với nghệ thuật đó nữa chăng?

- Thừa chư Hiền! Tôi không còn thỏa thích nữa.

Chư Tỳ khưu nói với nhau rằng:

- Này chư Hiền, vị Tỳ khưu này nói không thật, tự cho mình là vị A La Hán.

Đức Thế Tôn nghe được những lời bàn tán ấy, Ngài phán dạy rằng:

- Này chư Tỳ khưu! Con Như Lai đã vượt khỏi mọi phiền não rồi.

Sau đó, Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Bỏ trói buộc loài người. Vượt trói buộc cõi trời. Giải thoát mọi buộc ràng. Ta gọi Bà-la-môn”.



CHÚ GIẢI:

Mānusakaṃ yogaṃ: là tuổi thọ mà năm dục tăng trưởng của loài người. Cả sự trói buộc cảnh trời cũng vậy.

Upaccagā: là người nào đã vượt khỏi trói buộc của loài người và trói buộc của cảnh trời, đã thoát ly cả bốn điều trói buộc, người ấy Như Lai gọi là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại, nhiều người chứng đạt đạo quả như Dự Lưu...

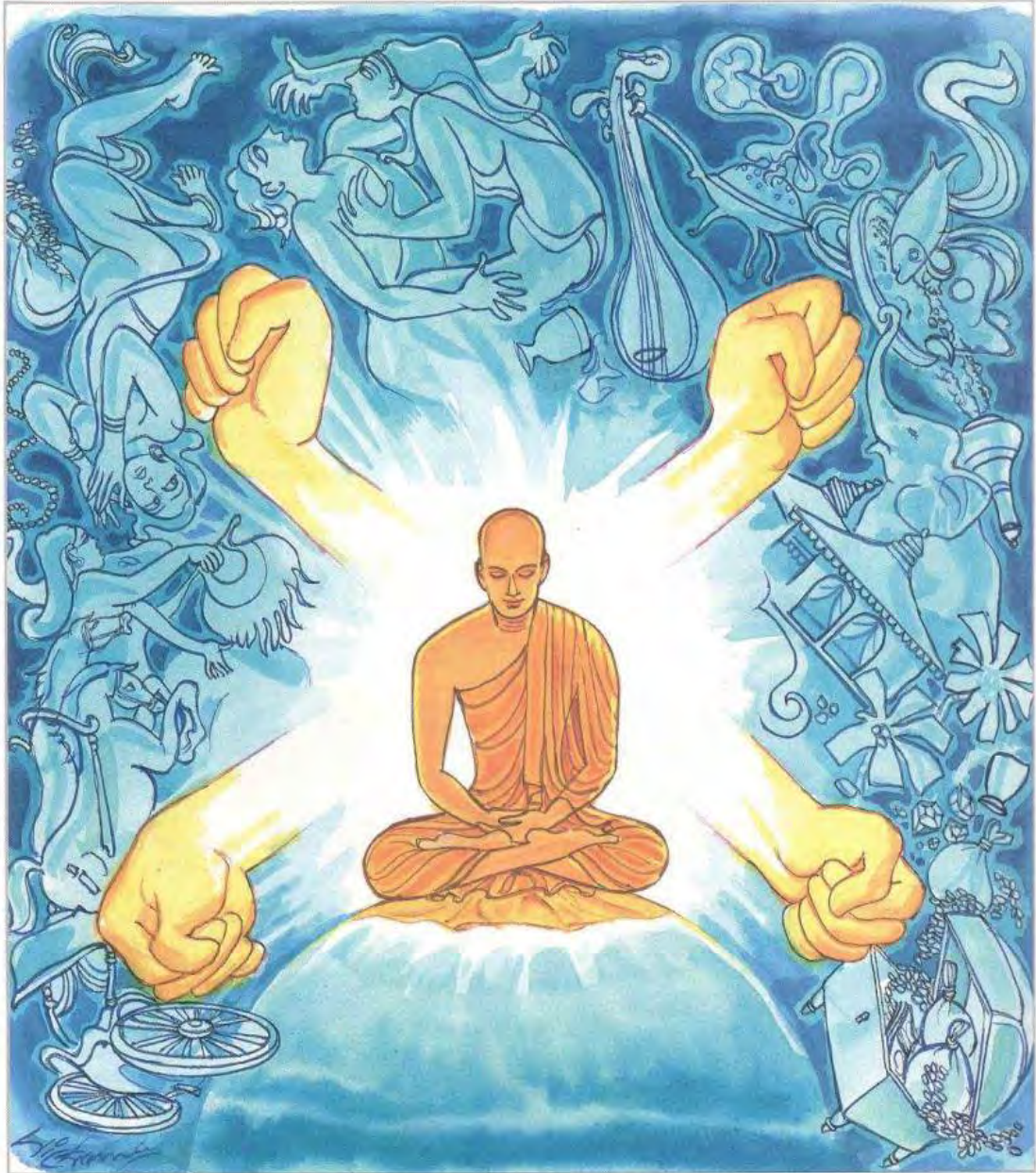


Dịch Giả Cẩn Đề

*Xưa dẫu làm nghề nhảy múa chơi,
Nay thành La Hán hết theo đời,
Thấy người khiêu vũ, tâm không thích,
Nói thật mà Tăng chẳng nhận lời,
Phật rằng: Bỏ ghét cảnh độc cư,
Dục lạc không ưa, ô nhiễm trì,
Ta gọi Bà la môn chính thống,
Anh hùng cái thế, thắng vô dư.*

DỨT TÍCH VỊ TỖ KHUỒ KHIÊU VŨ





**418. Từ bỏ niệm ưa ghét. Thanh lương, không nhiễm ô.
Quyết nhiếp nhục thế giới. Ta gọi Bà la môn.**

XXVI.36- CHUYỆN VỊ TỖ KHUỒ KHIỀU VỮ (THỨ HAI)

(*Vaṅṅsaṭṭhara*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 419)

“*Hitvā ratim ca aratim
Ca sītibhūtaṃ nirūpadhiṃ
Sabbalokābhibhuṃ viram
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ*”.

“*Bỏ điều ưa điều ghét
Mát lạnh diệt sanh y
Bậc anh hùng chiến thắng
Nhiếp nhục mọi thế giới
Ta gọi Bà-la-môn*”.

Kệ ngôn này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài trú tại Veluvana, đề cập đến vị Tỳ khưu từng khiêu vũ.

Câu chuyện này cũng tương tự như câu chuyện trước, nhưng ở đây Đức Thế Tôn phán dạy rằng:

- Này chư Tỳ khưu! Con Như Lai đã từ bỏ thương và ghét, đã thể nhập bất tử.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“*Bỏ điều ưa điều ghét. Mát lạnh diệt sanh y. Bậc anh hùng chiến thắng. Nhiếp phục mọi thế giới. Ta gọi Bà-la-môn*”.

CHÚ GIẢI:

Ratim: là thương yêu, là thỏa thích trong dục.

Aratim: là không ưa đời sống trong rừng, đời sống tịch mặc ẩn cư.

Sītibhūtaṃ: tức là đã dập tắt.

Sirūpadhiṃ: là không còn phiền não.

Viram: là người đã chinh phục mọi thế giới, uẩn và đã thể nhập. Bậc anh hùng, chiến thắng ở đời, người ấy Như Lai gọi là Bà la môn.



DỨT TÍCH TỖ KHUỒ KHIỀU VỮ





419. Lẽ tử của chúng sanh. Hiểu rõ, không chấp trước. Tự giác ngộ, siêu vượt. Ta gọi Bà La môn.

XXVI.37- TRƯỞNG LÃO VAṄĪSA



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 420)

419. “Cutim̐ yo vedi sattānaṃ
Upapattim̐ ca sabbaso
Asattam̐ sugatam̐ buddham̐
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇam̐”.

*“Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh
Không nhiễm khéo vượt qua
Sáng suốt chân giác ngộ
Ta gọi Bà-la-môn”.*

420. “Yassa gatim̐ na jānanti
Devā gandhabbamānusa
Khīṇāsavaṃ arahantaṃ
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇam̐”.

*“Với ai loài trời người
Cùng với Càn thất bà
Không biết chỗ thọ sanh
Lậu tận bậc La Hán.
Ta gọi Bà-la-môn”.*

Kệ ngôn này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Vaṅḡisa.

Tương truyền rằng: Có một vị Bà la môn tên là Vaṅḡisa ở thành Rājagaha, vị ấy có môn chú thuật là khi gã sờ vào sọ người chết, thì biết được rằng: “*Người này sanh vào địa ngục, sanh vào loài bàng sanh, sanh vào ngạ quỷ giới, sanh làm người hay chư thiên*”.

Nhóm Bàn môn suy nghĩ rằng:

- Chúng ta hãy nương nhờ vào vị Bàn môn này mà sinh sống, có thể sống được sung mãn.

Nhóm Bàn môn ấy cho Vaṅḡisa ngồi lên trên cỗ xe, mặc chiếc áo đỏ, đưa vị ấy đi khắp thôn trang, làng mạc, châu quận thị tứ rao giảng với chúng dân rằng:

- Bà la môn Vaṅḡisa này gõ vào sọ người chết, có thể biết được sanh thú của người ấy. Các người hãy đến để biết nơi thọ sanh của thân tộc mình đi.

Tùy theo sức mình, đại chúng đã cho nhóm ấy 10 đồng, 20 đồng, 50 đồng, 100 đồng hay ngàn đồng... và hỏi thăm sanh thú của thân tộc.

Nhóm Bàn môn ấy trải qua khắp châu quận rồi đi lần đến kinh thành Sāvattḡī, dừng lại nghỉ ở giữa khoảng đường kinh thành và Tịnh xá Jetavana. Nhóm Bàn môn thấy đại chúng trong thành Sāvattḡī vào buổi chiều tay cầm hương hoa cùng thuốc trị bệnh đi đến Tịnh xá cúng dường và nghe Pháp, đã hỏi thăm rằng:

- Các vị đi đâu thế?

- Chúng tôi đến Tịnh xá nghe Pháp nơi Đức Thế Tôn.

- Các người đến đó có lợi ích chi, chẳng có ai bằng vị Bà la môn của chúng tôi cả. Đó là Vaṅḡisa, vị ấy gõ vào sọ người chết có thể biết được sanh thú của người đó. Các người hãy tìm biết sanh thú của thân tộc mình đi.

- Vị Bà la môn Vaṅgīsa của các ông làm thế nào có thể so sánh với Đức Thế Tôn chứ.

- Này các người, không ai bằng vị Bàn môn Vaṅgīsa của chúng tôi đâu.

Hai nhóm tranh luận cùng nhau, sau cùng đồng ý với nhau rằng:

- Chúng ta hãy đến Tịnh xá thử xem Đức Thế Tôn và Vaṅgīsa, ai tối thắng hơn.

Từ nơi Tịnh xá, với Phật Trí Đức Thế Tôn biết được duyên lành của Vaṅgīsa. Ngài cho người mang vào Tịnh xá 5 cái sọ người, trong đó gồm bốn sọ còn tái sinh và một sọ của vị Thánh Lộ Tận.

Ngài cho sắp thứ tự sanh thú từ địa ngục, bàng sanh, nhân loại, chư thiên và dứt luân hồi. Khi Vaṅgīsa đến, Ngài phán hỏi rằng:

- Này Vaṅgīsa, được biết rằng người gõ nhẹ vào sọ người chết thì biết được sanh thú của người ấy phải chăng?

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

- Vậy người này tái sinh về đâu?

- Vào địa ngục, bạch Thế Tôn.

Tiếp theo Bà la môn Vaṅgīsa đều đáp được sọ của người đang tái sinh vào bàng sanh, vào nhân giới, vào thiên giới. Nhưng khi chạm vào sọ của Bạc Thánh Vô Lộ thì y không tìm thấy sanh y của vị ấy. Bây giờ, Đức Thế Tôn phán hỏi rằng:

- Này Vaṅgīsa! Người có biết sanh y của người này chăng?

- Bạch Thế Tôn! Con không biết. Ngài có biết chăng?

- Này Vaṅgīsa ta biết.

- Ngài biết bằng cách nào?

- Ta biết bằng bí thuật.

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy dạy bí thuật ấy cho con.

- Ta không thể dạy cho người chưa xuất gia được.

Vaṅgīsa nghĩ thầm rằng: *“Khi ta học được chú thuật này rồi, ta sẽ làm người tối thắng trên cõi Diêm Phù này”*. Y liền nói với nhóm Bàn môn rằng:

- Các vị hãy đợi tôi đôi ba ngày, khi tôi học thành môn chú thuật này rồi, chúng ta sẽ ra đi thôi.

Vaṅgīsa xuất gia với Đức Thế Tôn, Bạc Đạo Sư dạy về 32 thể trước quán tưởng, Ngài quán rằng:

- Người hãy trì tụng chú thuật này đi.

Trong khi Vaṅgīsa đang trì tụng, quán tưởng thì nhóm Bàn môn đi đến hỏi rằng:

- Ông đã học bí thuật xong chưa?

- Các người hãy chờ đợi thêm đôi ba ngày nữa, tôi đang học đây.

Chỉ vài ngày sau, Tỳ khuru Vaṅgīsa chứng đắc quả vị Lộ Tận, trở thành Thánh A La Hán. Khi nhóm Bàn môn ấy đến hỏi thì Ngài trả lời rằng:

- Này các chiến hữu! Giờ đây tôi chẳng còn việc gì mà phải đi nữa.

Chư Tỳ khuru nghe được lời này, trình lên Đức Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Tỳ khuru Vaṅgīsa nói không thật, tuyên bố mình là vị Thánh A La Hán.

- Này các Tỳ khuru! Các người chớ nên nói như thế, con Như Lai đã thấu triệt sự sanh diệt rồi.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Ai hiểu rõ hoàn toàn. Sanh tử các chúng sanh. Không nhiễm khéo vượt qua. Sáng suốt chân giác ngộ. Ta gọi Bà-la-môn”.

“Với ai loài trời người. Cùng với Càn thất bà. Không biết chỗ thọ sanh. Lộ tận bậc La hán. Ta gọi Bà-la-môn”.



CHÚ GIẢI:

Yo vedi...: là người biết rõ sự sanh diệt của chúng sanh thông suốt.

Câu nói: “không nhiễm” nghĩa là không dính mắc.

“Khéo vượt qua” là khéo thực hành.

“Người sáng suốt” là biết rõ Tứ Diệu Đế, người ấy Như lai gọi là Bà la môn.

Yassa...: là người nào mà chư thiên... không biết chỗ thọ sanh. “Đã đoạn tận lậu hoặc” nghĩa là đã chấm dứt lậu hoặc.

“Đã thoát ly phiền não” nghĩa là đã tách rời khỏi các phiền não. Người ấy Như Lai gọi là Bà la môn.

Dứt kệ ngôn nhiều chúng sanh chứng đạt Thánh Quả...

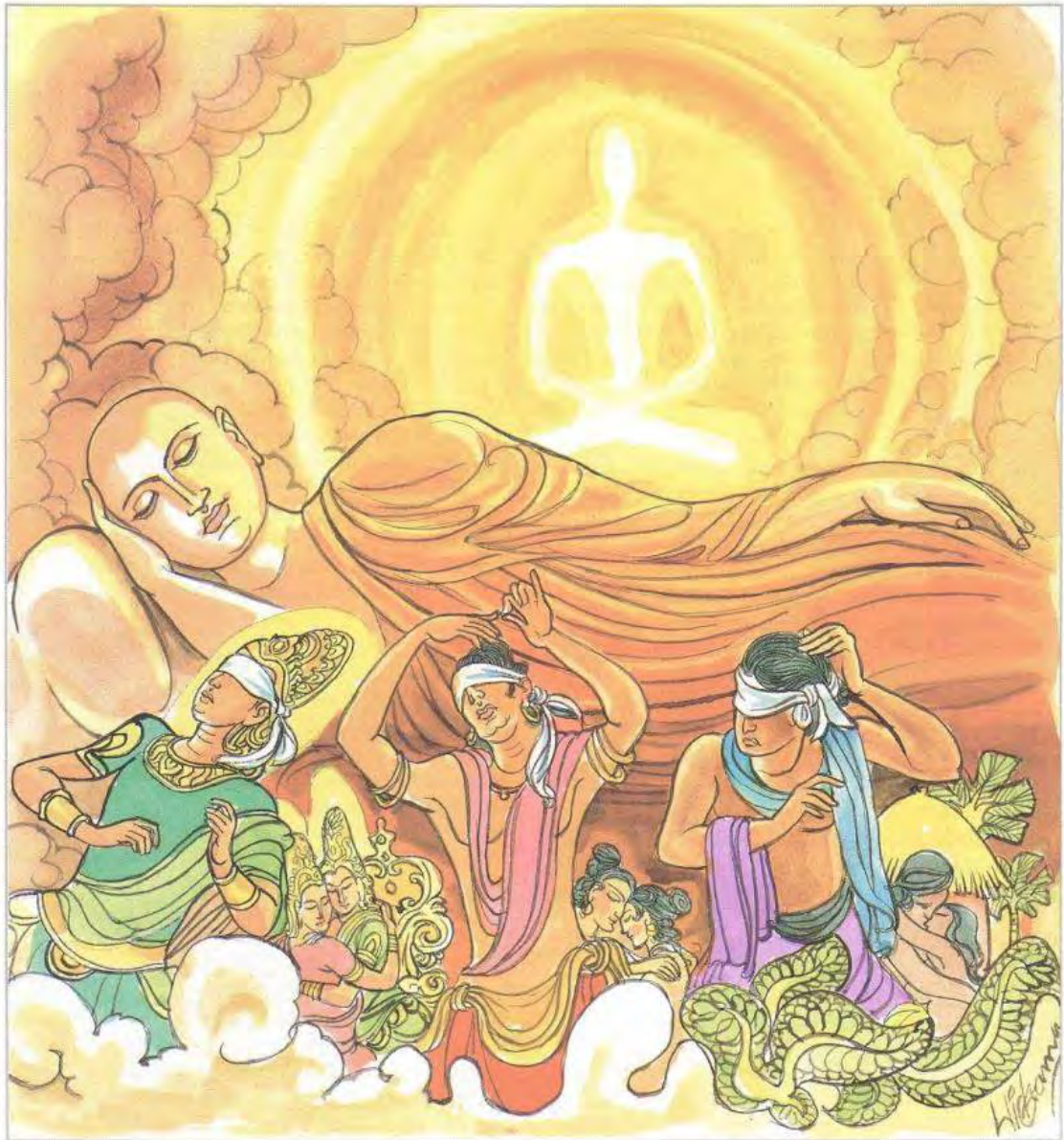


Dịch Giả Cần Đề

*Rờ đầu người chết, biết thật rằng,
Địa ngục, nhân thiên giới, súc sanh,
Tưởng chẳng ai bằng Oăng Ghi Xá,
Thông về tử lộ của nhân sanh,
Vào so tài với Đức Bốn Sư,
Chẳng thấu đường về cõi vô dư,
Chịu phép xuất gia tìm mật chú,
Đắc La Hán Quả, rõ chân như.
Phật dạy: Hiểu nguồn gốc tử sanh,
An tường Tứ đế, chứng vô sanh,
Không còn luyến ái nơi trần tục,
Đó chính Bà la môn xứng danh,
Hoặc người mà cảnh giới tái sanh,
Chư thiên, nhân loại chẳng ai rành,
Người không phiền não, thành vô lậu,
Đó cũng Bà la môn xứng danh.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO VAṄĪSA





420. Trời người, Càn thát bà. Không nhận ra số kiếp. Bạc La hán lậu diệt. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.38- TRƯỞNG LÃO NI DHAMMADINNĀ



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 421)

**“Yassa pure ca pacchā ca
Majjhe ca natthi kiñcanam
Akiñcanam anādānam
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇam”.**

**“Ai quá hiện vị lai
Không một sở hữu gì
Không sở hữu không nắm
Ta gọi Bà-la-môn”.**

Đức Thế Tôn trú tại Veḷuvana, đề cập đến Trưởng lão ni Dhammadinnā, Ngài thuyết lên Pháp thoại này.

Tương truyền rằng: Một ngày nọ, nàng Dhammadinnā còn tại gia cư sĩ, chồng nàng là cận sự nam Visākha. Vị ấy nghe được Pháp từ Đức Thế Tôn, chứng đạt quả A Na Hàm, có sự suy nghĩ rằng:

“Giờ đây, ta nên giao tài sản này đến cho Dhammadinnā mới phải”.

Trước đây, khi Visākha đi đâu về, nhìn thấy nàng Dhammadinnā nơi cửa sổ thường mỉm cười với nàng, nhưng hôm ấy Visākha không màng nhìn nàng Dhammadinnā như lệ thường, mà đi thẳng vào phòng để nghỉ. Nàng Dhammadinnā suy nghĩ rằng: *“Chắc có chuyện gì đây? Ta hãy tạm gác qua, rồi sẽ hỏi chàng sau, khi đến giờ chàng thọ thực”.*

Nàng Dhammadinnā chuẩn bị vật thực thượng vị cho chồng. Những ngày trước, cận sự nam Visākha thường bảo rằng:

- *“Hãy đến đây, chúng ta hãy cùng nhau dùng cơm”.* Nhưng hôm nay, Visākha vẫn yên lặng dùng vật thực một mình. Nàng Dhammadinnā suy nghĩ rằng: *“Chắc chồng ta đã giận ta do một lý do nào đây?”.* Rồi khi thọ thực xong, Visākha gọi nàng đến nói rằng:

- *Này Dhammadinnā, tất cả gia sản trong nhà này, nàng hãy giữ lấy tất cả đi.*

Nàng Dhammadinnā suy nghĩ rằng:

- *Lẽ thường, người giận hờn người khác thì không thể giao tài sản cho người ấy đâu. Vậy chẳng hay do nhân duyên gì thế?*

Nàng bèn hỏi chồng rằng: *“Còn anh thì sao?”.*

- *Riêng ta giờ đây không còn mong muốn chi nữa.*

Cận sự nam Visākha cho vợ biết rằng: Vì mình được nghe Pháp của Đức Thế Tôn, nhận chân được pháp Bất Tử rồi, không còn tha thiết chi với chuyện gia đình nữa, không còn mong mỏi dục lạc nữa.

- *Vậy thì ai sẽ là người nhận lãnh bãi nước bọt mà anh đã nhổ ra chứ? Nếu anh cho phép, em xin được xuất gia trong Giáo Pháp của Đức Thế Tôn.*

- *Lành thay! Lành thay, này nàng.*

Cận sự nam Visākha đưa Dhammadinnā đến trú xứ Tỳ khuru ni, tổ chức đại thí cúng dường đến chư Tỳ khuru rồi ông tổ chức lễ xuất gia cho nàng Dhammadinnā thật trọng thể. Khi nàng Thọ Cụ Túc giới, có tên là Trưởng lão Ni Dhammadinnā.

Muốn được thanh tịnh nơi thanh vắng để hành Sa môn Pháp, nàng Dhammadinnā cùng với chư Tỳ khuru ni đi đến thôn trang để trú. Nàng tinh cần hành đạo, chẳng bao lâu chứng đắc được A La Hán Quả cùng với Tuệ phân tích. Nàng trở về kinh thành Rājagaha với ý niệm rằng:

- Giờ đây thân tộc sẽ nương vào ta mà tạo phước thiện tốt đẹp cho mình.

Cận sự nam Visākha biết nàng Dhammadinnā trở về, ông có sự suy nghĩ rằng: “*Vì có nào Trưởng lão ni nay trở về nhi?*”.

Visākha đi đến trú xứ của chư Tỳ khuru ni, sau khi đánh lễ chư Tỳ khuru ni rồi, đánh lễ Dhammadinnā xong, cận sự nam Visākha suy nghĩ: “*Nếu ta hỏi: Thưa Tôn Ni! Tôn ni có còn ái luyến chi chăng? Thì thật không phải lẽ. Vậy ta sẽ đặt những câu hỏi để hỏi vị ấy và thăm dò sự tu tập của vị ấy*”.

Thế là, cận sự nam Visākha hỏi những câu hỏi liên quan đến Dự Lưu Quả. Nàng Dhammadinnā trả lời thông suốt, tiếp đến cận sự nam Visākha đặt những câu hỏi cao hơn. Và Trưởng lão ni Dhammadinnā đã trả lời thông suốt những câu hỏi ấy. Cuối cùng cận sự nam Visākha đã đặt một câu hỏi ngoài đề. Bấy giờ Trưởng lão ni Dhammadinnā dạy rằng:

- Này cận sự nam! Câu hỏi đã đi quá xa. Nếu muốn, Hiền giả hãy đến bạch trình lên Đức Thế Tôn về vấn đề này.

Cận sự nam Visākha đánh lễ Trưởng lão ni Dhammadinnā, từ giã ra về, ông đi đến bạch trình lên Đức Thế Tôn cuộc đối đáp Đạo Pháp giữa mình và nàng Dhammadinnā ở Veluvana. Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này Visākha! Dhammadinnā, con gái Như Lai đã giải đáp đúng theo chân Pháp tất cả. Nếu người hỏi Như Lai, Như Lai cũng chỉ trả lời như con gái của Như Lai mà thôi.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“*Ai quá hiện vị lai. Không một sở hữu gì. Không sở hữu không nắm. Ta gọi Bà-la-môn*”.



CHÚ GIẢI:

Pure: là các uẩn thuộc về quá khứ.

Pacchā: là các uẩn thuộc về vị lai.

Majjhe: là các uẩn thuộc về hiện tại.

Natthi kiñcanam...: nghĩa là người không còn sáu muộn, tức là sự chấp thủ trong ba loại ái.

“KHÔNG CHẤP THỦ” nghĩa là không nắm giữ cái chi cả. Người như thế, Như Lai gọi là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại, nhiều người chứng đạt Thánh Sản...

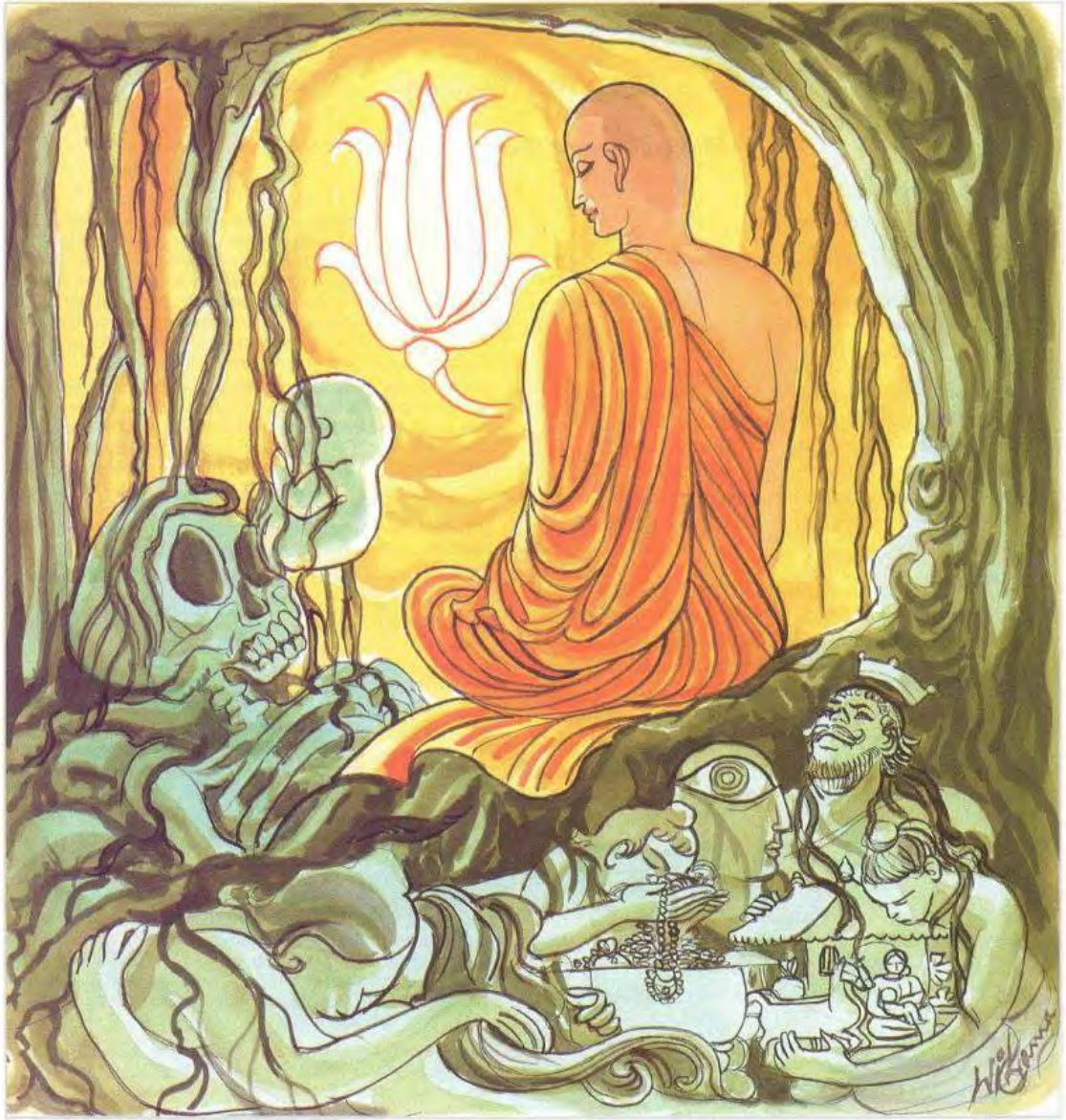


Dịch Giả Cận Đề

*Chồng muốn xuất gia, chưa kịp đi,
Vợ đã sang ý, tự phân ly,
Tu thành La Hán, về quê cũ,
Để độ thân bằng có giới quy,
Ông Visākha đến thăm bà,
Bốn đạo Niết Bàn thử hỏi qua,
Bà giải, nhưng chưa phân tối hậu,
Khuyên ông nên hỏi Đức Phật Đà,
Phật khen: Pháp Thí có tài hay,
Ngũ trần ba đời chẳng đắm say,
Người chẳng chút gì mê chấp ấy,
Quả thật Bà la môn đức tài.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO NI DHAMMADINNĀ





421. Ai quá-hiện-vị lai. Ngũ uẩn không bám trụ. Không cưu mang, chấp thủ. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.39- TRƯỞNG LÃO ANGULIMĀLA



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 422)

“Usabham pavaram viram
Mahesim vijitavinam
Anejam nhatakam buddham
Tamaham brumi brahmanam”.

“*Bậc trâu chúa thù thắng
Bậc anh hùng đại sĩ
Bậc chiến thắng không nhiễm
Bậc tẩy sạch giác ngộ
Ta gọi Bà-la-môn*”.

Kệ ngôn này Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Angulimāla.

Chuyện này được giảng rộng trong kệ ngôn “*Na ve kadariyā...*” (PC. 177). Bây giờ, chư Tỳ khuru ngồi lại giảng đường, bàn luận với nhau rằng:

- Này Hiền giả Angulimāla! Hiền giả thấy con tượng hung hăng cầm lọng đứng che sau lưng mình. Hiền giả có sợ chăng?

- Thưa chư Hiền, tôi không có sợ con tượng hung dữ ấy.

Chư Tỳ khuru cho rằng Trưởng Lão Angulimāla khoe Pháp Thượng nhân, nói lên lời không thật. Nên đem câu chuyện ấy bạch trình lên Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Hiền giả Angulimāla nói lời không đúng sự thật, tự cho mình có pháp Thượng nhân.

- Này các Tỳ khuru! Angulimāla, con của Như Lai hăng không còn sợ hãi nữa, vì rằng: Chư Tỳ khuru Vô Lậu dũng mãnh như thế nào, con Như Lai là một trong những người dũng mãnh ấy. Angulimāla đã dứt khỏi sự sợ hãi rồi.

Đức Thế Tôn nhân đó thuyết lên kệ ngôn rằng:

“*Bậc trâu chúa thù thắng. Bậc anh hùng đại sĩ. Bậc chiến thắng không nhiễm.
Bậc tẩy sạch giác ngộ. Ta gọi Bà-la-môn.*”



CHÚ GIẢI:

Nên hiểu ý nghĩa của kệ ngôn này như sau:

Người hùng dũng ví như Ngưu Vương không bao giờ biết sợ, không bao giờ run sợ.

THÙ THẮNG nghĩa là cao thượng.

CƯỜNG MẠNH nghĩa là can đảm.

NGƯỜI TÂM CẦU ĐẠI ÂN ĐỨC nghĩa là mưu cầu, mong tìm ân đức lớn như Giới uẩn, Định uẩn, Tuệ uẩn...

NGƯỜI CHIẾN THẮNG HOÀN TOÀN là tự mình đã chiến thắng tất cả loại ra (phiền não ma, pháp hành ma và ngũ uẩn ma).

NGƯỜI ĐÃ TẮY SẠCH là đã rửa sạch phiền não.

NGƯỜI ĐÃ GIÁC NGỘ là đã thấu triệt cả TỨ ĐẾ. Người ấy Như Lai gọi là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại, nhiều người chứng đắc quả Thánh như Dự Lưu.

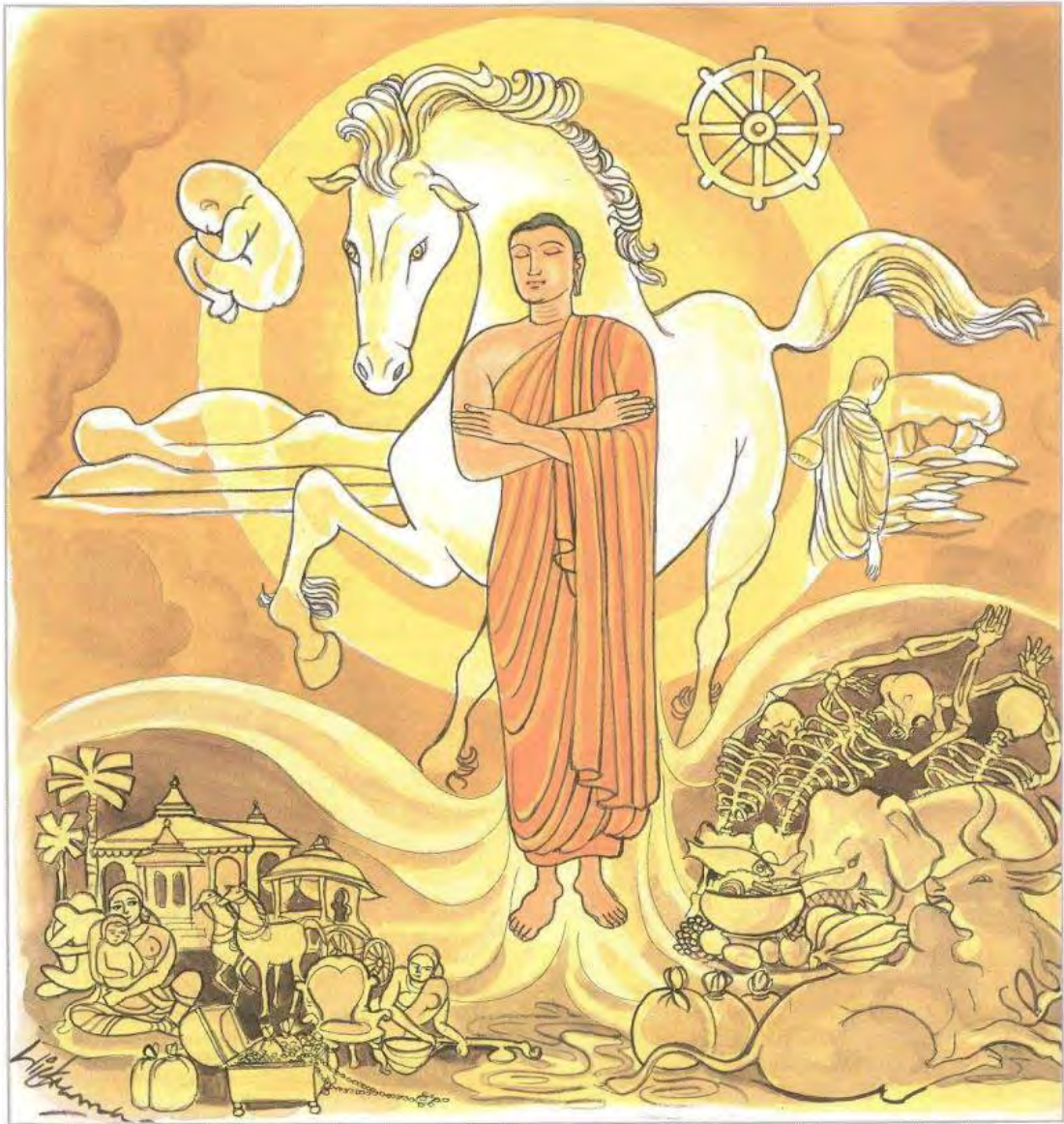


Dịch Giả Cẩn Đề

*Tướng cướp lừng danh khi đã tu,
Sợ chi voi dữ đứng cầm dù?
Lời Sư Vô Nãi tuy chân thật,
Tặng chúng còn phàm chẳng tiếp thu,
Phật dạy: Là trâu chúa anh hùng,
Sang như đại sĩ ở thiên cung,
Luôn luôn giác tỉnh, không phiền não,
Ta gọi Bà la môn chính tông.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO ANGULIMĀLA





422. Bạc cao thượng, vô úy. Bạc anh hùng, đại sĩ. Bạc điều phục, vô tham. Bạc thanh tủy, giác trí. Tất cả các bậc ấy. Ta gọi Bà la môn.

XXVI.40- BÀ LA MÔN DEVAHITA



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 423)

“Pubbenivāsaṃ yo vedī
Saggāpāyañ ca passati
Atho jātikkhayaṃ patto
Abhiññā vosito muni
Sabbavositavosaṇaṃ
Tam ahaṃ brūmi Brāhmaṇaṃ”.

“Ai biết được đời trước
Thấy thiên giới đạo xứ
Đạt được sanh đoạn diệt
Thắng trí tự viên thành
Bậc Mâu Ni Đại Sĩ
Viên mãn mọi thành tựu
Ta gọi Bà La Môn”.

Kệ ngôn này Đức Đạo Sư thuyết ra khi ngự tại Jetavana, đề cập đến câu hỏi của Bà la môn Devahita.

Tương truyền rằng: Có lần Đức Thế Tôn bị chứng bệnh cảm gió, Ngài phán dạy Trưởng lão Upavāna đến nhà Bà la môn Devahita xin nước nóng cho Ngài. Vị Trưởng lão đến nhà Bà la môn Devahita trình bày bệnh chứng của Đức Đạo Sư, rồi xin nước nóng mang về.

Bà la môn Devahita nghe vậy, khởi tâm hoan hỷ rằng:

- Đáng Chánh Đẳng Giác bảo Trưởng lão Upavāna đến nhà của ta để xin nước nóng. Thật là lợi đắc cho ta thay.

Y bảo gia nhân gánh nước nóng cùng với mía dâng lên Trưởng lão Upavāna.

Trưởng lão bảo nhóm gia nhân mang những thứ ấy về Tịnh xá Jetavana, thỉnh Đức Thế Tôn tắm, xong rồi Ngài pha nước mía với nước nóng dâng lên Đức Thế Tôn.

Khi dùng xong nước mía ấy, bệnh của Đức Thế Tôn dứt khỏi, Bà la môn Devahita suy nghĩ rằng:

- Giờ đây, ta nên cúng dường đến ai? Cúng dường đến vị nào có quả phước nhiều? Ta nên bạch hỏi Đức Đạo sư.

Bà la môn Devahita đi đến Tịnh xá, đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, bạch hỏi rằng:

- Người nên cúng dường đến ai? Vật cúng dường đến người nào có quả phước nhiều? Sự cúng dường như thế nào sẽ được kết quả tốt đẹp?

- Nay Bà la môn! Vật cúng dường mà người cúng dường đến Bà la môn như thế này mới có nhiều quả phước cao thượng.

Rồi Ngài thuyết giảng về tư cách thành tựu Bà la môn đến Bà la môn Devahita.

Tiếp theo Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Ai biết được đời trước. Thấy thiên giới đạo xứ. Đạt được sanh đoạn diệt. Thắng trí tự viên thành. Bậc Mâu Ni Đại Sĩ. Viên mãn mọi thành tựu. Ta gọi Bà La Môn”.



CHÚ GIẢI:

Nên hiểu ý nghĩa của kệ ngôn này như sau:

Người biết rõ các uẩn đời trước, thấy được 26 cõi Trời và bốn cõi đạo xứ bằng Thiên Nhân và chứng đạt Vô Lậu quả, tức là đạt được sanh diệt tận. Thắng trí được viên thành tức là bằng cách thông suốt những pháp cần thông suốt, đoạn trừ những pháp cần đoạn trừ, chứng ngộ những pháp cần chứng ngộ tức là đắc chứng được Níp Bàn, tu chứng những pháp cần tu chứng.

Câu nói: “*Bậc Đại Sĩ Mâu Ni*” là người đã chứng đạt trạng thái của người giác ngộ bằng trí tuệ là nhân chấm dứt tất cả phiền não tức là A La Hán đạo tuệ.

Câu nói: “*Viên mãn mọi thành tựu*” nghĩa là đã hoàn thành Phạm hạnh, chấm dứt mọi phiền não do nhờ A La Hán đạo tuệ. Người ấy Như Lai gọi là Bà la môn.

Dứt Pháp thoại, nhiều người thành đạt Thánh Quả. Bà la môn Devahita phát tâm tịnh tín, quy y Tam Bảo, tự tuyên bố mình là người cận sự nam trọn đời.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Phật xin nước nóng của Bà la môn,
Tiện dịp thấy quen, hỏi Thế Tôn,
Dâng cúng hàng nào nhiều phước lớn?
Hạng nào đáng được kính sùng hơn?
Phật dạy: Ai thông kiếp trước mình,
Thiên đường, địa ngục, thấy phân minh,
Tục sinh đã diệt, tâm toàn thiện,
Ta gọi Bà la môn chính danh!...*

DỨT TÍCH BÀ LA MÔN DEVAHITA



DỨT PHẨM BÀ LA MÔN – TAÑHĀ VAGGA

DỨT PHẨM 26



**423. Ai biết được đời trước. Thấy thiên giới đạo xứ. Đạt được
sinh đoạn diệt. Thắng trí tuệ viên thành. Bạc Mâu Ni Đại Sĩ.
Viên mãn mọi thành tựu. Ta gọi Bà La Môn**